

ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

PATṬHĀNA - PHÁT THỨ

BHĀGA I – QUYỂN I

(QUYỂN THỨ 85/ 91)

PHIÊN BẢN CAO ĐẲNG CHUYÊN KHOA HỌC HIỆU HOÀNG GIA
ĐẠI VƯƠNG MIỆN (MAHĀMONGKUT)



DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO



PATTHĀNA – PHÁT THÚ
BHĀGA I – Quyển I

Edited into Vietnamese in second edition
by Bhikkhu PASĀDO

Copyright © 2021 by Bhikkhu PASĀDO

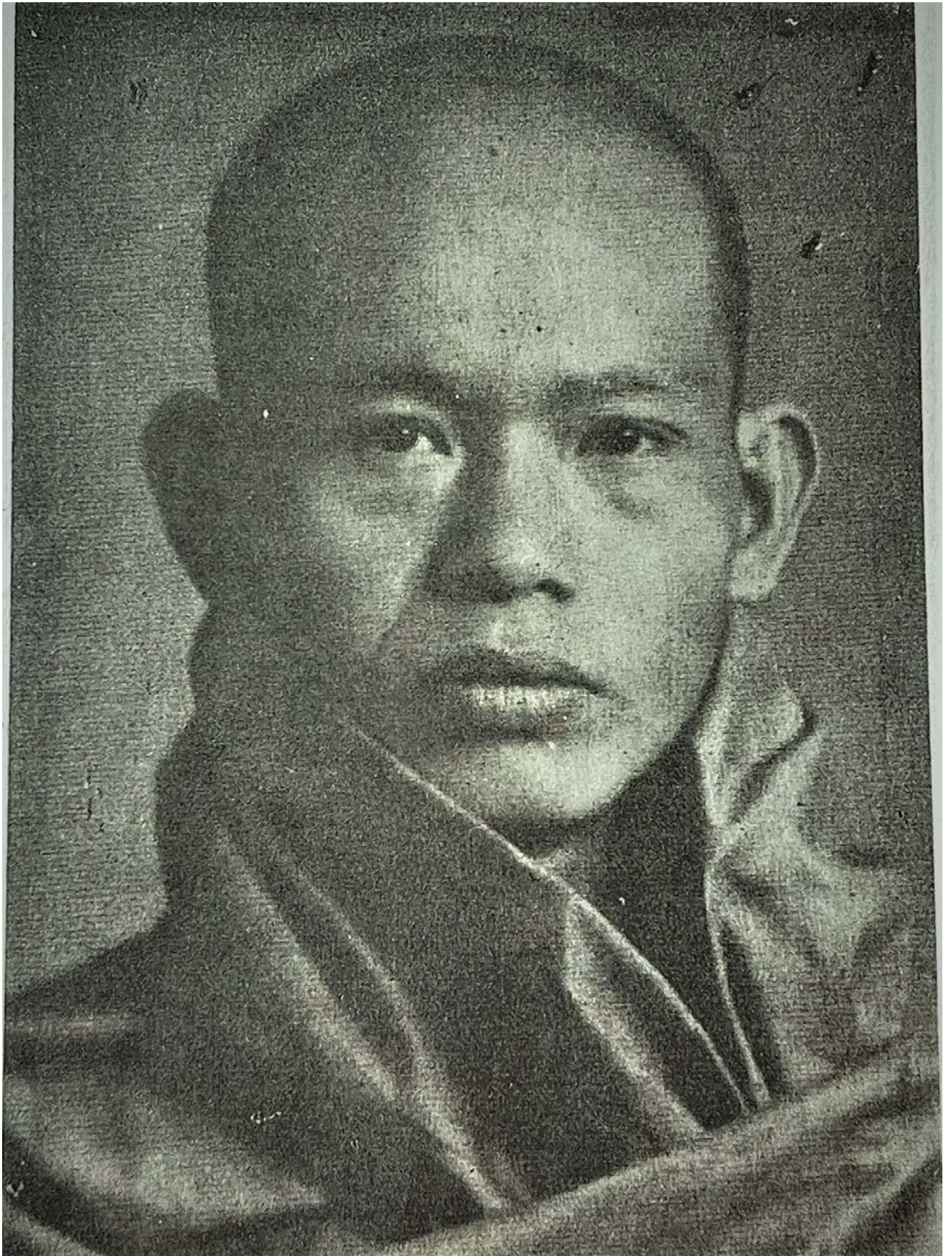
All right reserved.

ISBN 978-163877727-4

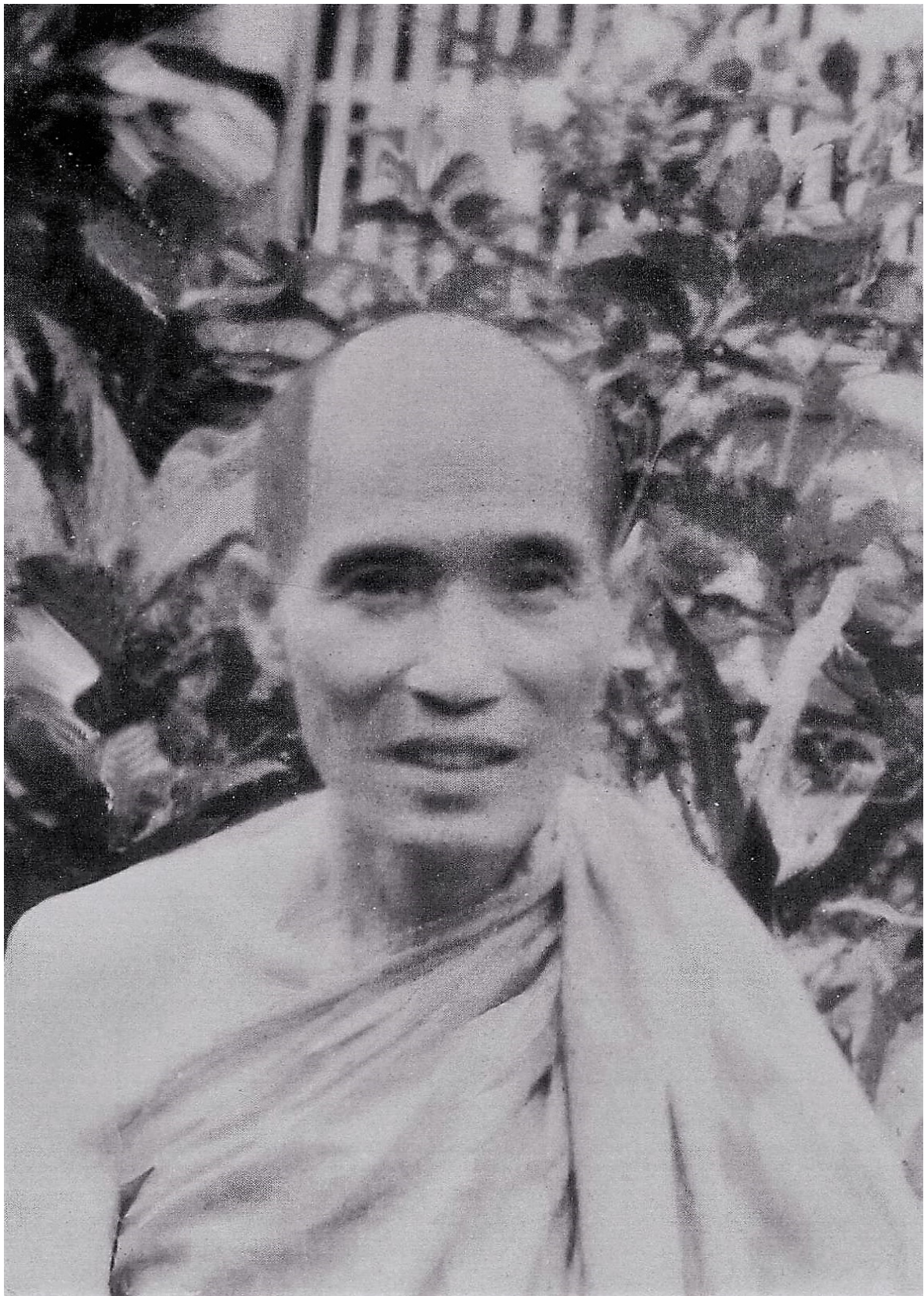
June 2021

Published by Library of CATUDDISA SANGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Gorham Printing
3718 Mahoney Drive
Centralia, WA 98531 – USA.



Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
(1912 - 1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA

Đại Trưởng Lão Tịnh Sự

(1913 – 1984)



LỜI MỞ ĐẦU

Nhân cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981), Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã được sắp đặt việc ấn loát phiên bản dịch thuật Tam Tạng cùng với Chú Giải thành Thái ngữ với việc định danh thể theo phương thức danh xưng của từng mỗi Tạng, đó là: “Bản Phiên Dịch Luật Tạng và Chú Giải”, “Bản Phiên Dịch Kinh Tạng và Chú Giải”, “Bản Phiên Dịch Vô Tỷ Pháp Tạng và Chú Giải”. Sự kiện xảy ra việc sắp đặt ấn loát kỳ đó có trường hợp đặc biệt hiển lộ phong công vĩ tích của Hoàng Gia và đã có sắp đặt lời khai đoan để bắt đầu cho việc ấn loát.

Khi Phật Lịch 2546, Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaḍḍhana Mahā Thera**, Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) tiến hóa cấp biệt cử thập niên linh (90 tuổi thọ), được xem như là một cơ duyên tuyệt hảo kiết tường (**Vorakāsa**) hết sức trọng đại mà đoàn thể chính phủ trong cương vị đại biểu của toàn thể Phật Giáo Đồ Thái Lan ở cả phía tu hành giả và phía người tại gia đã liên tác Khánh Chúc trong khoảng thời gian bảy ngày vào Tháng Mười Phật Lịch 2546 tại Chùa **Pavôn Nivét**, đại kinh đô **Bangkok**. Tất cả sự việc này, Đức Quốc Vương hoàng ân hậu trách ái hảo trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã mang lại sự vui mừng phấn khởi đối với toàn thể Phật Giáo Đồ và ai ai cũng cung kính ý thức trong việc hoàng ân hậu trách lần này một cách đặc biệt phi thường.

Nhân cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) một cách trọng đại này, Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã được bố trí thực hiện kế hoạch việc tu chính Phiên Bản Dịch Thuật “Tam Tạng và Chú Giải”- Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) và được sắp đặt việc ấn loát lần đầu tiên nhân cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981), ngõ hầu có được sự tề toàn hoàn thiện, và sắp đặt việc tân ấn loát để kính hiến đến Đức Thiện Hảo Cung Hạ Thiên Uy, trình hiến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaḍḍhana Mahā Thera**, Ngài là Tăng Trưởng Giáo Phái Chính Thống (**Dhamma yuttikanikāya** – một trong hai Giáo Phái của Vương Quốc Thái Lan do Đức Vua **Nang Klao Rama III** (1824 – 1851) đặt tên và đến đời Đức Vua **Mongkut Rama IV** (1851-1868) đã được thành lập; Giáo Phái còn lại là **Mahānikāya** – Giáo Phái Đại Chúng Bộ) và Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương.

Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) tiến hành kế hoạch tu chính “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” trong lần này được bắt đầu kể từ ngày 23 Tháng Năm Phật Lịch 2544 (Dương Lịch 2000). Số lượng

ủy viên hội phối hợp với người có trình độ chuyên môn ở cả phía tu hành giả và người tại gia tiến hành trong một ủy ban lên đến 14 vị, và ủy ban làm việc với số lượng 15 vị, có Ngài **Brahmamunī (Cunda Brahmagutto)** ở Chùa **Pavôn Nivét**, đại kinh đô **Bangkok** làm Chủ Nhiệm Ủy Ban Chỉ Đạo Kế Hoạch.

Việc kiểm duyệt tu chính lần này được tiến hành công việc trong các phần chủ yếu là:

1. Rà soát từ ngữ phiên dịch Thái ngữ Tam Tạng **Pāli** và Chú Giải cho hoàn chỉnh đúng theo bản thảo gốc **Pāli** ngữ qua việc sử dụng Phiên Bản Tam Tạng **Pāli** Xứ Xiêm La làm nền tảng.

2. Ý nghĩa trong bất luận phần nào phải làm cho hiện bày rõ ràng rằng bất phù hợp ý nghĩa từ ngữ **Pāli** hoặc đã bỏ sót; sửa chữa và bổ sung cho chuẩn xác và hoàn chỉnh, cùng phối hợp với việc thực hiện giải thích thuyết minh sắp xếp để tại chỗ đã được đánh dấu.

3. Trong phần Chú Giải, phiên bản đầu tiên đã đưa lời phiên dịch **Pāli** từ ngôn ngữ **Magadha** sang **Pāli** ngữ - Thái ngữ làm thành câu cú mà không có lời hướng dẫn việc phiên dịch thành Thái ngữ. Trong sự ấn loát lần này đã có sửa chữa và đã có đưa lời phiên dịch Thái ngữ làm thành câu cú và đặt lời từ ngữ **Pāli** hướng dẫn ở trong dấu ngoặc đơn. Tất cả sự việc này nhằm để cho ứng hợp với phiên bản dịch thuật thành Thái ngữ, và để làm thành việc hỗ trợ hữu ích đối với độc giả mà không có sự hiểu biết ở trong phần từ ngữ **Pāli** sẽ đọc được và phát sinh thuận lợi trong việc liễu giải ý nghĩa. Còn từ ngữ **Pāli** mà không có ý nghĩa ở trong lời chú thích Giáo Pháp cũng vẫn có thể rút lấy từ ngữ **Pāli** đặt thành câu cú như trước đây.

4. Tăng bổ tu chính lời phiên dịch Thái ngữ cho đọc thấu hiểu dễ dàng đối với độc giả nói chung là không có sự hiểu biết ở trong phần Thái ngữ.

5. Sắp xếp làm bảng mục lục tra cứu từ ngữ và tra cứu điều mục từng mỗi quyển kinh sách một cách tinh tế nhằm để tạo thuận lợi cho việc tu học.

Trong việc kiểm duyệt tu chính lần này, ủy ban kiểm duyệt tu chính có sự nhận thức nhu yếu rằng nên chuyển đổi danh xưng từ ban đầu gọi là “Bản Phiên Dịch Luật Tạng và Chú Giải”, “Bản Phiên Dịch Kinh Tạng và Chú Giải”, “Bản Phiên Dịch Vô Tỷ Pháp Tạng và Chú Giải” chuyển đổi thành “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải – Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**)” để cho trùng hợp với phiên bản **Pāli** ngữ đã được quy định gọi với nhau là “Phiên Bản Tam Tạng Xứ Xiêm La” cho trở thành quen thuộc một cách phổ cập. Còn số lượng quyển sách mà phiên bản ban đầu có số lượng là 91 quyển, nhận thấy khả thi ứng đương y theo phiên bản ban đầu, vì có khả năng để làm cho các độc giả liễu tri một cách phổ cập.

Khi việc kiểm duyệt tu chính hoàn tất y theo kế hoạch, Tăng Đoàn Giáo Phái Chính Thống (**Dhammayuttikanikāya**) và Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, nhận thấy hình thành cơ duyên thiện hảo để sẽ báo đáp ân uy của Đức Ngài Tăng Vương Cung Hạ Thiên Uy, trình hiến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṇvara Suvaddhana Mahā Thera**, Ngài là Tăng Trưởng Giáo Phái Chính Thống (**Dhammayuttika nikāya** – một trong hai Giáo Phái của Vương Quốc Thái Lan do Đức Vua **Nang Klao Rama III** (1824 – 1851) đặt tên và đến đời Đức Vua **Mongkut Rama IV** (1851 - 1868) đã được thành

lập; Giáo Phái còn lại là **Mahānikāya** – Đại Chúng Bộ Giáo Phái) và Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, mới được sắp đặt việc ấn loát “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải – Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**)” và được đón nhận việc kiểm duyệt tu chính trong lần này với số lượng 1,000 bộ, thông qua việc cộng hưởng hiến cúng của Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) và toàn thể Phật Giáo Đồ cung kính cúng dường thiện công đức và cúng dường đến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaddhana Mahā Thera**, nhằm chủ yếu để khâm tứ phát hành từng thuận theo các Tu Viện và các Học Viện Giáo Dục, vì lợi ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo, và tiếp tục sự nghiệp truyền bá Phật Giáo. Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) tư khảo nhận thấy rằng “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” đã được kiểm duyệt tu chính và sắp đặt việc tân ấn loát trong cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) như đã đề cập, là điều hữu ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo một cách thù thắng; sẽ thích hợp cho việc sắp đặt ấn loát truyền bá một cách tốt cùng quảng khoáng, vì thế mới sắp đặt việc ấn loát thêm một phần nữa đối với việc truyền bá đến khắp cả dân chúng với người có lòng quan tâm.

Phiên bản “Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” này, trong số lượng sắp đặt ấn loát cung kính cúng dường đến Đức Ngài Tăng Vương có số lượng 1,000 bộ, và trong phần Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) sắp đặt ấn loát đối với việc truyền bá đến khắp cả dân chúng có phần khác biệt nhau một đôi chút; đề cập là khi quyển kinh nào được sắp đặt ấn loát trong kỳ Lễ Khánh Chúc cử thập niên linh (90 tuổi thọ) thì có điều thất ngộ trong việc ấn loát, chẳng hạn như bỏ sót ý nghĩa, số trang đã bị hoán vị lẫn nhau v.v. Trong việc sắp đặt ấn loát nhằm để truyền bá thì lần này mới được sửa chữa cho chuẩn xác và sắp đặt việc tân ấn loát quyển kinh sách này đền đáp quyển kinh sách kỳ trước đã bị thất ngộ ấy.

Lại thêm một phần nữa ở việc sắp xếp thực hiện bổ sung trong sự sắp đặt ấn loát để truyền bá lần này là bổ túc đầu đề đối với vài đề mục của phiên bản ban đầu không có được thực hiện, hoặc đầu đề của phiên bản ban đầu sử dụng phiên âm từ ngữ **Pāli** thì cũng được bổ túc bằng lời phiên dịch Thái ngữ.

Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) hết sức kỳ vọng rằng “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” với phiên bản kiểm duyệt tu chính mới này sẽ tạo điều kiện hữu ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo, và việc truyền thừa thọ mạng Phật Giáo cho được trường tồn lâu dài.

**Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia
Đại Vương Miện (Mahāmongkut) Trong Sự Bảo Trợ To Lớn Của Đại Vương**

KỶ NIỆM PHONG CÔNG VĨ TÍCH CỦA HOÀNG GIA
(RĀJAGUṆŪPAKĀRĀNUSARAṆA)
(Trong Việc Ấn Loát Lần Đầu Tiên)

Suốt thời gian lâu dài trong dung mạo lịch sử Phật Giáo (**Buddhasāsanā**) từng tân khai thủy kể từ Phật Giáo phát sinh ở trong thế gian, Phật Giáo sẽ phát triển hoặc quang hoạt là thường luôn có phần liên kết với Quốc Vương Học Viện. Thời kỳ nào Đức Quốc Vương có lòng tôn sùng kính trọng Phật Giáo, có lòng bảo trợ (**Upathambhaka**) Phật Giáo và bảo trợ Tín Đồ Phật Giáo (**Buddhamāma**), thời kỳ ấy sẽ là thời kỳ vàng son của Phật Giáo. Thế nhưng bất luận thời kỳ nào Đức Quốc Vương không có tấm lòng quan tâm trong Phật Giáo hoặc có lòng đối lập với Phật Giáo, thời kỳ ấy Phật Giáo sẽ một cách thuận tự suy thoái và táng thất đi, dần dần đi đến mất hẳn ở quốc độ ấy, thậm chí đó là quốc thổ của Phật Địa Giới (**Buddhabhūmi**). Đối với quốc độ Thái Lan coi như là quốc độ kính ngưỡng Phật Giáo có hảo vận khí cực điểm trong những quốc độ kính ngưỡng Phật Giáo ở trong thế gian này, bởi vì suốt thời gian lâu dài của lịch sử dân tộc Thái Lan ấy, Quốc Vương Học Viện với Phật Giáo nhất quán thống nhất với nhau, đến nỗi có đôi khi Đức Quốc Vương tự hồ như Ngài đích thực là Bạc Khôi Thủ Phật Giáo, có lòng tán trợ bảo hộ Phật Giáo ở mọi phương diện, ở cả phương diện Giáo Dục Phật Pháp (**Sāsanadhamma**), Giáo Dục Nhân Tính (**Sāsanapuggala**), Giáo Dục Sở Tại (**Sāsanasathāna**), Giáo Dục Lễ Nghi (**Sāsanavidhī**). Thời kỳ Phật Giáo gặp phải điều nguy hại từ ở bên trong lẫn cả ở bên ngoài thì đích thị cũng chính là cơ sở Quốc Vương Học Viện tác pháp khu trừ hóa giải điều nguy hại cho Phật Giáo. Công việc trị lý Phật Giáo, Đức Quốc Vương cũng coi như đó là Vương Nghiệp mà sẽ lập ý phụ trách với việc công bố một số sắc lệnh, một số điều lệ để cho công việc trị lý Phật Giáo được tiến hành một cách tốt đẹp. Khi nào có vấn đề lực bất thắng nhiệm mà Giáo Hội Tăng Đoàn đã xử lý, Quốc Vương sẽ lập ý tác pháp khu trừ hóa giải những vấn đề ấy.

Sau khi cô đô Vương Quốc Thái **Ayuddhaya** bị táng thất bởi địch nhân, Phật Giáo đã được đón nhận tấm lòng quan tâm của Quốc Vương một cách hết sức cao quý. Ngay đến việc cứu quốc của Đức Quốc Vương **Taksin** (1767 – 1782) [Ngài là con của một người nhập cư gốc Hoa và một phụ nữ Thái Lan. Ngài đã phục vụ trong triều đình của Đức Vua **Borommakot** (1733 – 1758) như một trang sử trong thời thơ ấu của mình. Trong cuộc vây hãm **Ayuddhaya**, Ngài đã được gọi từ tỉnh trấn **Tak**, nơi mà Ngài giữ chức vụ Thống Sứ, tham gia trong việc bảo vệ thủ đô. Ở nơi đó, Ngài đã nản lòng vì sự kém hiệu quả của vị chỉ huy đồn trú. Vì thế Ngài đã quyết định phá vỡ vòng vây của địch nhân với một số ít người tùy tùng và đã ẩn náu tại các tỉnh miền đông, nơi mà Ngài đã chiêu mộ binh lính và đã xây dựng một hạm đội. Vài tháng sau vào Tháng Mười Một năm 1767, Ngài đã thành công trong việc tái chiếm **Ayuddhaya** bằng cách phát động một cuộc phản công bất ngờ bằng đường thủy. Sau khi đã đánh đuổi địch nhân, Ngài đã dời đô về phía vùng hạ lưu đến **Thon Buri**, ở nơi đó Ngài đã đăng quang].

Ngài cũng đã trình bày tấm lòng của mình một mực tín thành đối với Phật Giáo cho hiện bày để trong một đoạn văn như sau:

“Phụ Vương ta danh xưng Yātaka chịu đựng gian nan khôn khổ trong công cuộc cứu quốc và Phật Giáo, cúng dường lục địa cho thành cúng dường Đức Phật (Buddha pūjā), trình thượng hiến cấp Đức Phật Sa Môn Gotama cho duy trì được bền vững tròn đủ năm ngàn năm. Sa Môn và Bà La Môn chỉ có thích hợp việc thực hành An Chỉ (Samatha) và Minh Sát Tuệ (Vipassanā), Phụ Vương hỷ ái cúng dường, và chấp tay quý lạy (mô bái) Túc Ân Phật Giáo”.

Đây là việc trình bày cho thấy rằng chí đến công cuộc cứu quốc cũng lập ý thực hiện để cho thành cúng dường Đức Phật (**Buddhapūjā**), lập ý kỳ vọng sẽ cho Thái Quốc thành quốc thổ của Phật Giáo vĩnh viễn.

Đức Vua **Rama I** [(1782 – 1809), còn gọi là **Đại Vương Túc Ân Phật - Buddha Yod Fa Chulalok**. Ngài sáng lập ra Vương Triều **Chakri** hiện thời, là một người bạn thân thời thơ ấu và sau này là một vị tướng lãnh đáng tin cậy của Đức Vua **Taksin**. Ngài lên ngôi sau khi đã dẹp loạn ở **Thon Buri**, và sau đó đã dời đô qua sông đến **Bangkok**. Tân triều đại cho đến ngày nay đã trải qua sáu thế hệ trong hơn 220 năm mà không có một cuộc đảo chánh nào ở nội cung điện, trái ngược hẳn với thời kỳ **Ayuddhaya** vốn đầy rẫy những cuộc đấu tranh giữa các thành viên ở trong Hoàng Tộc] đã trình bày cho thấy được tấm lòng của Ngài hằng luôn có với Phật Giáo, qua việc lập ý chú trọng trách nhiệm của Đại Vương luôn có với Phật Giáo là điều trọng đại cực điểm, theo như phần quyết tâm của Đại Vương rằng: “**Quyết tâm sẽ bảo trợ, xúi bồng Phật Giáo. Phòng vệ biên giới, bảo hộ dân chúng và các ủy viên hội đồng cố vấn**”. Với sự quyết tâm của Đại Vương đây, mỗi vị Quốc Vương ở trong Vương Triều **Chakri**, triều đại cai trị đã được Vua **Rama I** Xứ Thái Lan thành lập năm 1782 đều chú trọng đến Phật Giáo. Với hàng Phật Giáo Đồ mà nghiêm túc trong Giáo Dục Phật Pháp (**Sāsana dhamma**), Ngài lập ý thành bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo (**Ekaaggasāsanūpathambhaka**) thực hiện trong mọi phương diện nhằm để cho Phật Giáo được tồn tại một cách ổn định, cho đạt đến hợp nhất cơ sở Học Viện Quốc Gia và Phật Giáo, Quốc Vương đã cho thành một khối thống nhất với nhau. Với biểu tượng là cờ tam sắc (Thái Quốc Kỳ có ba màu sắc: đỏ, trắng và xanh dương), đã khiến cho quốc độ Thái Lan thành một quốc độ duy nhất trong thế gian kính ngưỡng Phật Giáo, và đã tiến hành sử dụng Phật Lịch trong triều đại của Đức Vua **Mongkut, Rama IV** (1851 – 1868).

Trong lãnh vực Giáo Dục Phật Pháp (**Sāsana dhamma**), đó là Tam Tạng (**Tipitaka**), Chú Giải (**Atthakathā**), Phụ Chú Giải (**Ṭīkā**), Tiểu Phụ Chú Giải (**Anuṭṭikā**) và kể cả các kinh sách đặc biệt khác nữa, đã được tiếp nối bảo trì từ trong quá khứ cho đến hiện tại. Tất cả đều được đón nhận sự bảo trợ một cách đặc biệt từ nơi Quốc Vương Thái Lan trong quá khứ cho đến hiện tại. Đối với Tam Tạng ở phần kinh điển cơ bản ấy, đã có sự thu tập, tu chính, phiên dịch và sắp xếp việc ấn loát, hoàn toàn dưới sự bảo trợ to lớn của Đại Vương. Công việc chủ yếu hữu quan với Tam Tạng trong đất nước Thái Lan từ quá khứ cho đến hiện tại, được chia ra thành năm thời kỳ chủ yếu, đó là:

1/. Vào khoảng Phật Lịch 2020 (Dương Lịch 1,476) có việc tu chính và khắc chữ Tam Tạng ở trong lá bối (bối điệp kinh), được thực hiện tại thành phố lớn **Chiang Mai** ở phía Bắc

Thái Lan, vào triều đại của Đức Vua **Boromtrailokanat** (1448 – 1488), [thuộc Vương Triều **Uthong Suphannaphum** (1350 – 1569)].

2/. Phật Lịch 2331 (Dương Lịch 1787), tu chính và khắc chữ vào trong lá bói (*bói diệp kinh*) ở tại đại kinh đô **Bangkok**, được thực hiện ở trong triều đại của Đức Vua **Rama I** (1782 – 1809, còn gọi là **Đại Vương Túc Ân Phật - Buddha Yod Fa Chulalok**) mà là thành quả công việc tiếp nối từ việc thu tập Tam Tạng ở trong triều đại Đức Quốc Vương **Taksin** (1767 – 1782) bị tuyệt chủng trong thời kỳ kinh đô **Ayuddhaya** đã bị phá liệt.

3/. Phật Lịch 2431 – 2436 (Dương Lịch 1887 – 1892) có việc tu chính và ấn loát Tam Tạng ra thành hình thể quyển sách, được thực hiện ở tại đại kinh đô **Bangkok**, dưới sự bảo trợ to lớn của Đức Vua **Chulalongkorn Rama V** (1868 – 1910). Trong thời kỳ ấy đã ấn loát lên đến 39 quyển kinh sách.

4/. Phật Lịch 2468 – 2473 (Dương Lịch 1924 – 1929) là vào triều đại Đức Vua **Prajadhipok Rama VII** (1925 – 1935) đã lập ý gia ân sủng tứ cho ấn loát Tam Tạng một cách hoàn hảo lên thành 45 quyển kinh sách, có số lượng 1,500 bộ. Ngài đã khâm tứ ở trong Vương Quốc 200 bộ, khâm tứ cho các quốc gia thân hữu 450 bộ, còn 850 bộ thì Ngài đã khâm tứ cho vị quyền góp ngân tiền xin được đón nhận kinh sách Tam Tạng, làm cho Tam Tạng kinh điển được phổ biến ra một cách hết sức quảng khoáng lên đến cực điểm.

5/. Khi đến triều đại Đức Vua **Bhumibol Adulyadej Mahitāladhibet Rāmādhī Chakrīnarubodindara Sayāmindarādhirāja Boromanatbophit Rama IX** (1946 – 2016), Đức Quốc Vương chấp chính toàn lãnh thổ, triều đại thứ chín của Vương Triều **Chakri** thì công việc hữu quan với kinh điển ở mọi trình độ Phật Giáo đã được đón nhận sự gia ân sủng tứ, bảo trợ to lớn trong lãnh vực của việc tu chính, việc phiên dịch ra Thái ngữ, và việc ấn loát ra thành hình thể quyển sách thể theo Học Viện hữu quan với Phật Giáo trong các hình thức khác nhau một cách hết sức hoàn hảo kể từ khi Phật Giáo đã được triển khai du nhập vào đến lãnh thổ mà ngày nay là đất nước Thái Lan hơn hai ngàn năm.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương đã chấp hành nhiệm vụ truyền bá Phật Giáo trong lãnh vực việc ấn loát kinh điển và giáo khoa thư đường lối Phật Giáo, đã tuần tự ấn loát Tam Tạng, bộ kinh sách Chú Giải và các kinh điển khác.

Nhân cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm, đã sắp đặt “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” thành Thái ngữ, và đã ấn loát hội tập trong số lượng đồng nhất 91 quyển kinh sách.

Với sự ý thức trong hoành ân hậu trách, cả ở phần Đức Quốc Vương và cả ở phần Học Viện Quốc Vương có sự liên kết Phật Giáo, Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, với sự hợp tác của Viện Xổ Số Chính Phủ đã được sắp đặt kiến tạo “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” có số lượng 500 bộ, với Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương kiến tạo 400 bộ, Viện Xổ Số Chính Phủ kiến tạo 100 bộ, cung thân kính dâng nhằm để khâm tứ đến Viện Giáo Dục, Tu Viện, và

Quốc Gia thân hữu kính ngưỡng Phật Giáo theo nguyện vọng mãn ý của Quốc Vương. Với sự trung thành, báo đáp ân đức (**Kataññukatavedī**) trong Ân Uy Đức Ngài Tăng Vương và lòng tràn đầy hân hoan duyệt ý (**Pītisomanassa**) nơi Quốc Vương khoan ân hậu đức một cách bảo quý, tiến hóa Vương Thọ hết sức thịnh đạt tròn ngũ giáp chu niên trong ngày Thứ Năm Tháng Mười Hai Phật Lịch 2530 (Dương Lịch 1986) thành cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) đại kiết tường một cách chân chính cho cả ba Học Viện chủ yếu, đó là Học Viện Quốc Gia, Học Viện Tôn Giáo Quốc Vương và cho tấm lòng thiện cảm của tất cả mỗi lê dân mà không có ngoại lệ.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, và Viện Xổ Số Chính Phủ mong rằng “Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải” mà cùng nhau kiến tạo cung thân kính dâng trong lần này, sẽ là một sự việc hỗ huệ hỗ lợi lâu dài trong lãnh vực việc truyền thừa tiếp nối thọ mạng Phật Giáo có khả năng kiến tạo lợi ích và bang trợ sự an lạc cho người dân ở trên thế gian. Người học giả và thực hành theo mục tiêu trong việc dẫn sinh của Đức Thế Tôn và trong việc thành lập Phật Giáo của Đức Phật, tất cả sẽ là việc bổ túc Pháp Toàn Thiện Xả Thí (**Dānapāramī – Xả Thí Ba La Mật**) với cả phần Tài Thí (**Āmisadāna**) và cả phần Pháp Thí (**Dhammadāna**) của Đức Quốc Vương, Bậc Ân Đức Cao Thượng.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương và Viện Xổ Số Chính Phủ xin cung thân kính dâng hảo vận khí kiết tường (**Jayamaṅgala**), xin khâm tứ cung thỉnh Uy Lực Tối Thượng Đức Phật (**Buddhānubhāva**), Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo (**Dhammānubhāva**), Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo (**Saṅghānubhāva**) xin bảo hộ người an trú ở trong Pháp Bảo cho được Khang Lạc, cho được tiến hóa ở trong Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã giáo truyền.

Đức Ngài an ngự thuần tịnh bền vững lâu dài trong đại bảo tháp chín tầng trắng của Đại Hoàng Cung **Chakri**, cho được tác thành nền tảng chung điểm khởi sinh sự Khang Lạc, nhĩ hảo có sự hoan hỷ của Đức Vương Hậu. Hoàng Hậu Nhiếp Chính và Hoàng Phái của nước Chư Hầu ở Bắc Thái Lan an cư lạc nghiệp, kiến thiết phồn vinh phú cường phì nhiêu, đồng câu hành với Pháp Chánh Kiến của Chánh Quyền, viên chức nhà nước, cảnh sát, nhân viên dân sự và hết cả thầy dân chúng.

**Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia
Đại Vương Miện (Mahāmongkut)
Trong Sự Bảo Trợ To Lớn Của Đại Vương -
Viện Xổ Số Chính Phủ**

-----00000-----

LỜI NÓI ĐẦU

(Trong lần ấn loát đầu tiên)

Phật Ngôn (**Buddhavacana**) là Tam Tạng (**Tipiṭaka**), tập hợp việc Giáo Dục Phật Pháp (**Sāsanadhamma**) huấn từ của Đức Phật lại, sắp thành chín phần, đó là:

1. **Kinh Tập (Suttanipāta)**: tức là Nhất Đối Phân Tích (**Ubhatovibhaṅga**), Xiển Minh (**Niddesa**), Đoạn Văn (**Khandhaka**), Tập Yếu (**Parivāra**), và các bài kinh khác gồm có Kinh Kiết Tường (**Maṅgalasutta**) v.v.

2. **Thi Tập (Geyya)**: là Kinh Tập kết hợp với tất cả thi thư (**Gāthā**).

3. **Giải Thuyết (Veyyākaraṇa)**: là toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp (**Abhidhammapiṭaka**), bài kinh mà không có thi thư và Phật Ngôn, và lại không có sắp vào trong tám phần (còn lại), tất cả được gọi là Giải Thuyết.

4. **Thi Thư (Gāthā)**: là Kinh Pháp Cú (**Dhammapada**), Trưởng Lão Tăng Kệ (**Thera gāthā**), Trưởng Lão Ni Kệ (**Therīgāthā**) và toàn bộ các thi thư mà không được gọi là thi thư ở trong phần Kinh Tập (**Suttanipāta**).

5. **Tự Thuyết Kinh (Udāna)**: là 82 bài kinh mà Đức Phật đã thốt lên với Hoan Hỷ Trí (**Somanassaṇāṇa**).

6. **Như Thị Ngũ Kinh (Itivuttaka)**: là 110 bài kinh đã được đưa lên với lời nói rằng “điều này đúng như thật với lời mà Đức Thế Tôn đã khai thuyết”.

7. **Bổn Sinh (Jātaka)**: là việc trình bày tích truyện trong kiếp sống quá khứ của Đức Phật, có Bổn Sinh Pháp Tối Thượng (**Apaṇṇakajātaka # 1**, Kinh Bổn Sinh) v.v. Có tất cả 550 tích truyện.

8. **Vị Tăng Hữu Pháp (Abbhūtaḍḍhamma)**: là bài kinh được kết hợp (**Paṭisamyutta**) với các Pháp Vị Tăng Hữu Thần Kỳ (**Acchariya Abbhūtaḍḍhamma**).

9. **Phương Quảng (Vedalla)**: là quy tắc lời của người vấn hỏi đã có được sự lý giải thấu triệt và có sự hoan hỷ rồi lại tiếp tục khởi sinh lên sự vấn hỏi, như bài Kinh Đại Phương Quảng (**Mahāvedallasutta # 43**, Trung Bộ Kinh), Kinh Tiểu Phương Quảng (**Cūḷavedalla sutta # 44**, Trung Bộ Kinh), Kinh Chính Kiến (**Sammādiṭṭhisutta # 9**, Trung Bộ Kinh) và Đế Thích Sở Vấn Kinh (**Sakkapañhasutta # 21**, Trường Bộ Kinh), v.v.

Những thể loại Phật Ngôn này, thể theo thực tính của Giáo Pháp là Pháp Chân Đế (**Saccadhamma**) đã được khai thuyết; là Pháp thâm khắc, nan tri, cực nan kiến, an tịnh, tinh mỹ, bất khả tư nghị, vi tế; là Pháp duy chỉ có Bạc Hiền Trí (**Paṇḍita**) sẽ liễu tri. Vì thực tính của Pháp có trạng thái như đã đề cập, mới cần phải giải thích cho phát sinh sự hiểu biết, cả về nội dung (**Attha**) và hình thái (**Byañjana**), nhằm để cho có khả năng thấy rõ được các Pháp theo thực tính trong từng mỗi sự kiện.

Bởi vì căn gốc tập khí của con người khác biệt nhau trong từng mỗi phương diện, được ví tựa như bốn loại hoa sen, Đức Phật mới có ba phương pháp trong việc khai thuyết Giáo Pháp, theo từng mỗi tình huống giảng dạy Giáo Pháp của Ngài, đó là:

1/. Lập ý giảng dạy cho người nghe càng chân tri chước kiến trong sự việc ung đương khả tri khả kiến.

2/. Lập ý khái thuyết Giáo Pháp có nguyên nhân nhằm để cho người nghe có thể khảo lự theo đó kiến tri được sự thật.

3/. Lập ý khái thuyết Giáo Pháp thần kỳ, tức là người thực hành theo đó sẽ được đón nhận sự lợi ích thích hợp với khả năng của việc thực hành.

Vì lẽ ấy, Đức Phật lập ý kết hợp với thần thông lực, thông tuệ ở trong những ngôn từ. Vì là Bạc Khôi Thủ Giáo Pháp, trước khi sẽ khái thuyết Giáo Pháp cho bất luận một ai, với trí tuệ Ngài đã lập ý kiểm nghiệm bối cảnh xuất thân từng mọi phương diện của những hạng người ấy. Kết quả từ việc lắng nghe ở trong trú xứ Đức Phật (Phật Địa Giới) mới không có vấn đề là người nghe sẽ không có sự hiểu biết. Và kết quả từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào thời kỳ Đức Phật mới có sự vi diệu thần kỳ.

Sau khi Đức Phật đã Viên Tịch Níp Bàn, thiết lập Pháp Luật (**Dhammavinaya**) trở thành Bạc Đạo Sư để thay thế Ngài. Giáo Pháp đã được khái thuyết vẫn như thuở ban đầu, thế nhưng trình độ Tài Trí (**Sati Paññā**), Ba La Mật (**Pāramī**), sự quan chú ở trong Giáo Pháp của con người đã cải biến đi, và làm cho việc giải thích hàm nghĩa về Pháp Luật (**Dhammavinaya**) theo sự hiểu biết của tự bản thân khởi sinh, mới làm cho tồn thất sự tương đẳng trong lãnh vực Giới Luật (**Sīla**) và Tri Kiến (**Diṭṭhi**) hết lần này đến lần nọ. Có vài thời kỳ phát sinh sự phân liệt ra thành nhiều tông phái (**Nikāya**), và có lúc đã lên đến 18 tông phái.

Bạc Chú Giải Sư liễu tri Đức Phật thuyết giáo, cả về nội dung (**Attha**) và hình thái (**Byañjana**) của Phật Ngôn. Vì lẽ, việc tu học đòi hỏi cần phải liên tục nối tiếp nhau không ngừng nghỉ, phải có tín tâm và cần có sự nỗ lực tối đa, đặng thủ đắc lời giải thích phần Phật ngôn khó liễu giải ở trong Tam Tạng. Để cho phát sinh sự liễu giải một cách dễ dàng đối với hàng Học Giả và Hành Giả, tiêu chí ở trong kinh điển Phật Giáo mới lần lượt có sự giảm xuống dần, đó là:

1. Kinh Tạng (Sutta): Là Phật Ngôn mà gọi là Tam Tạng, cả Luật Tạng, Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng.

2. Kinh Tạng Phụ Thuộc (Suttānuloma): Là kinh điển mà Bạc Chú Giải Sư đã lựa lọc và ghi chép mà trứ tác ra, giải thích nội dung khó hiểu ở trong Tam Tạng.

3. Giáo Thọ Kiến Giải (Ācariyavāda): Kiến giải của các Bạc Giáo Thọ Sư, kể từ giai đoạn Phụ Chú Giải (**Ṭīkā**), Tiểu Phụ Chú Giải (**Anuṭīkā**) và các Bạc Giáo Thọ Trưởng Lão trong thời hậu đại.

4. Cá Nhân Kiến Giải (Attanomaṭi – Tư Kiến): Sự kiến giải của vị diễn giảng giả, bậc diễn thuyết Giáo Pháp trong Phật Giáo.

Trong thời hậu lai, có việc thuyết minh Giáo Pháp thuộc diện “Giáo Thọ Kiến Giải”, tức là thủ chấp theo vị Giáo Thọ của mình đã giảng dạy với “Cá Nhân Kiến Giải” (Tư Kiến), rồi đa phần lại đi theo ý kiến của mình đã phát sinh. Sẽ có thể xảy ra các sự việc này, là vì kinh điển Phật Giáo thuộc nền tảng trọng yếu, đó là Tam Tạng và Chú Giải đã không có được phổ biến; Chú Giải đa phần có lẽ vẫn còn ở phần từ ngữ **Pāli**, và có ít người tín tâm ở trong **Pāli** ngữ. Số lượng từ ngữ **Pāli** đã phiên dịch ra khó được liên tục, làm cho tri thức của người

không có được việc tu học trước tiên, và lại thiếu hảo bằng hữu thuộc Bạc Hiền Trí ở trong Phật Giáo v.v.

Việc thuyết minh Giáo Pháp là thành quả từ sự giác ngộ của Bạc Vô Sinh Chánh Đẳng Giác rất là nguy hiểm, vì lẽ sẽ dễ dàng có được cơ hội ngộ giải, nói năng sai trái, và thực hành sai trật. Tam Tạng tự hồ Hiền Pháp, quy luật phổ biến sẽ không được mâu thuẫn với Hiền Pháp như thế nào, thì việc thuyết minh Giáo Pháp mâu thuẫn với Tam Tạng, hàng Hảo Phật Giáo Đồ thường coi như không thể nào làm được, cũng dường như thế ấy.

Với mục đích để cho Phật Ngôn đã hiện bày ở trong Tam Tạng được phổ biến trong hình dạng Thái ngữ và để cho phát sinh việc tri tình đạt lý Phật Giáo đúng theo nền tảng đã hiện bày ở trong Tam Tạng và trong sự giải thích của Bạc Chú Giải Sư, nhằm để được phát sinh Kiến Giải Bình Hằng (**Diṭṭhisāmaññatā**), sự bình hằng trong phương diện kiến giải, và Giới Luật Bình Hằng (**Sīlasāmaññatā**), sự bình hằng trong phương diện giới luật hàng Tín Đồ Phật Giáo ở cả phía tu hành giả và phía người tại gia, Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương mới sắp đặt việc phiên dịch Tam Tạng và Chú Giải tuân thủ theo các nguyên tắc làm việc như tiếp theo đây:

1/. Dẫn lấy bài kinh và chú giải từng mỗi bài kinh đem đi ấn loát nối tiếp với nhau trong cùng một quyển kinh, nhằm giúp cho vị học giả mà không hiểu biết nội dung ở trong bài kinh, có khả năng tìm kiếm câu trả lời từ nơi Chú Giải.

2/. Vì Tạng Luật đặc biệt chỉ chuyên ở trong lãnh vực Chư Tỳ Khuru và Sa Di nên Chú Giải về Tạng Luật đã được phiên dịch ra rất nhiều. Tạng Vô Tỷ Pháp cũng đã được phiên dịch một cách phổ biến cùng với cả phần Chú Giải. Chỉ có việc cùng nhau tu học vẫn còn ở trong vòng hạn chế, việc làm trong lúc khởi phát ban đầu mới sắp xếp Tạng Kinh trước tiên, và sắp xếp theo thuận tự bộ kinh (**Nikāya**).

3/. Trong việc phiên dịch, chỉ định cho tối đa ở phần ý nghĩa Thái ngữ, đồng thời cũng phải trông coi ở phần từ ngữ **Pāli**, nhằm giúp cho người không có học **Pāli** ngữ đọc thấu hiểu được, và Bạc Học Giả **Pāli** ngữ có cơ sở trong việc thẩm tra đối chiếu tỷ giáo.

4/. Ngài Ủy Viên trong Ban Chấp Hành làm việc tuyển chọn vị có sự thông thạo trong phần Thái ngữ, có sự yêu thích công việc, có sự sẵn sàng hy sinh để sẽ hoàn thành công việc cúng dường Đức Phật.

5/. Lập thành tích để sẽ được ấn loát theo thuận tự, hãy nỗ lực tìm kiếm người có tâm địa thiện lương trợ lý, sẵn sàng hy sinh với đông đạo nhân trong việc ấn loát từng mỗi quyển kinh. Khi việc ấn loát đã viên mãn, sắp xếp việc phát hành với giá cả chỉ hơn giá vốn một chút ít, nhằm giúp ích cho người có sự quan chú nói chung có khả năng tìm mua và đọc.

Những công việc này sẽ tiến hành một cách tuần tự theo thực lực tài chính và năng lực đức tin của vị kiến thị hoạch đắc thành hiệu từ nơi công việc này sẽ ban phát cho việc bang trợ.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) hy vọng rằng công việc phiên dịch Tam Tạng (**Tipiṭaka**), Chú Giải (**Atthakathā**) và Chú Giải Cải Biên (**Parivarata Atthakathā**) trong từng mỗi quyển kinh, có khả năng hỗ huệ hỗ lợi đối với Phật Giáo, Chư Tỳ Khuru và Sa Di, hàng Phật Giáo Đồ có sự quan chú trong nền tảng Giáo Pháp và có khả năng cho sự nghiệp hỗ huệ hỗ lợi được trường cửu vĩnh hằng.

Công việc trong lúc ban đầu cũng có thể sẽ có sự sai trật khiếm khuyết, hy vọng rằng có thể được đón nhận sự từ bi chỉ điểm từ các bậc tri thức, nhằm để tu chính cải thiện cho có được sự hoàn hảo tốt đẹp trong những cơ hội sau này.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (**Mahāmongkut**) cần phải cho ấn loát quyển kinh sách này để truy niệm nhân cơ duyên tuyệt hảo (**Vorakāsa**) Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981) Vương Triều **Chakri**.

Xin Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo (**Tiratanānubhāva**) ban phước lành cho bậc hỗ trợ trong việc phiên dịch, chuyển hoán cho công quỹ in ấn và phát hành bộ kinh sách phiên dịch này, và các quyển kinh sách khác, xin cho thành đạt được sự tiến hóa trong Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã khai thuyết thiện hảo phổ truyền.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (Mahāmongkut)
Phật Lịch 2527 / Dương Lịch 1984

-----00000-----



LỜI GIẢI THÍCH

Kinh sách Chú Giải là bộ kinh sách thu tập lời giải thích hữu quan với Tam Tạng mà Bạc Cổ Đức đã giải thích xiển minh với việc nêu lấy các bài kinh, những đoạn ngữ, các câu văn ở trong Tam Tạng mà nhận thấy rằng thích hợp cho việc bổ sung thuyết minh, hoặc nội dung vẫn chưa có được rõ ràng, đem đặt thành đề mục hoặc thiên mục rồi giải thích làm cho sáng tỏ thêm, dựa theo sự nhận thấy rằng thích hợp cho việc xiển minh; hoặc cho việc bổ sung thuyết minh tình tiết câu chuyện hữu quan với bài kinh, đoạn ngữ hoặc câu văn ấy cho khởi sinh lên sự minh hiển; nhằm để cho bậc tu học Tam Tạng trong phần ấy sẽ được thấu hiểu; hoặc sẽ được hiểu biết tình tiết câu chuyện phụ trợ tinh tế quảng khoáng, nhằm để cho thành hữu ích đối với việc thấu hiểu Giáo Pháp, tình tiết câu chuyện, và sự kiện đã xảy ra hoặc hữu quan với Điều Pháp ấy ở trong Tam Tạng cho được sáng tỏ rõ ràng.

Vì thế, bộ kinh sách Chú Giải, hoặc gọi một cách ngắn gọn là Bộ Chú Giải mới có lợi ích rất nhiều đối với việc đọc, hoặc việc tu học Tam Tạng, bởi vì giúp ích giải khai ý nghĩa trong phần vấn đề, và giúp bổ sung thuyết minh tình tiết câu chuyện với một số ý chính, một số tình tiết sự kiện mà có thể sẽ không được ghi chép đề ở trong Tam Tạng, nhằm để cho được hoàn hảo.

Tuy nhiên, đồng thời bộ kinh sách Chú Giải không chỉ có đơn thuần lời giải thích ở các bài kinh, những đoạn ngữ, hoặc các câu văn ở trong Tam Tạng, mà các Bạc Chú Giải Sư vẫn còn trình bày một số ít nhiều quan điểm của mình thể theo đường lối Giáo Pháp và v.v. để ở trong các quyển kinh sách ấy.

Vì thế, bộ kinh sách Chú Giải mới thành cơ sở tri thức chủ yếu của đạo lộ Phật Giáo, ở cấp hạng thấp hơn của Tam Tạng, và được dùng làm nền tảng chứng cứ tham khảo một cách phổ biến trong việc tu học Phật Giáo.

Hình thức việc giải thích Tam Tạng hiện bày trong bộ kinh sách Chú Giải ấy đã không được tiến hành lấy mọi bài kinh hoặc mọi tình tiết câu chuyện ở trong Tam Tạng đem ra giải thích, mà chỉ tiến hành lấy một vài lời bài kinh, một số đoạn ngữ hoặc một vài câu văn ở trong bài kinh ấy hoặc tình tiết câu chuyện ấy đem ra giải thích, dựa theo Bạc Chú Giải Sư nhận thấy rằng thích hợp cho việc xiển minh. Vì thế, một số bài kinh hoặc một vài tình tiết câu chuyện ở trong Tam Tạng mới không có lời giải thích trong bộ kinh sách Chú Giải hoặc gọi một cách vắn tắt là “không có Chú Giải”, bởi vì Bạc Chú Giải Sư nhận thấy rằng nội dung hoặc ngôn từ vắn ý ở trong bài kinh ấy hoặc tình tiết câu chuyện ấy “phù thiện”(nông cạn) tức là dễ dàng, hay là hiểu biết dễ dàng.

Bộ kinh sách Chú Giải là toàn bộ lời giải thích Tam Tạng có như thế này:

I. Luật Tạng (**Vinayapiṭaka**) có 8 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Samantapāsādikā**. (1)

II. Kinh Tạng (**Suttantapiṭaka**) có 25 quyển, và kinh sách Chú Giải như thế này:

1/. Trường Bộ Kinh (**Dīghanikāya**) có 3 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Sumaṅgalavilāsinī**. (2)

2/. Trung Bộ Kinh (**Majjhimanikāya**) có 3 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Papañcasūdanī**. (3)

3/. Tương Ứng Bộ Kinh (**Saṅyuttanikāya**) có 5 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Sāratthapakāsinī**. (4)

4/. Tăng Chi Bộ Kinh (**Aṅguttaranikāya**) có 5 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Manorathapūraṇī** (Hoàn Thành Điều Ý Nguyên). (5)

5/. Tiểu Bộ Kinh (**Khuddakanikāya**) có 9 quyển, và kinh sách Chú Giải như thế này:

- Tiểu Tụng Kinh (**Khuddakapāṭha**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha jotikā** (Siêu Lý Quang Minh). (6)

– Pháp Cú (**Dhammapada**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Dhammapadaṭṭha kathā** (Chú Giải Pháp Cú Kinh). (7)

– Tự Thuyết Kinh (**Udāna**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (8)

– Như Thị Ngữ Kinh (**Itivuttaka**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (9)

– Kinh Tập (**Suttanipāta**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthajotikā** (Siêu Lý Quang Minh). (9)

– Thiên Cung Sự Kinh (**Vimānavatthu**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (10)

– Ngạ Quỷ Sự Kinh (**Petavatthu**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (11)

– Trưởng Lão Tăng Kệ (**Theragāthā**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (12)

– Trưởng Lão Ni Kệ (**Therīgāthā**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (13)

– Bốn Sinh (**Jātaka**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Jātakatṭhakathā** (Chú Giải Bốn Sinh Kinh). (14)

– Đại Xiển Minh (**Mahāniddeśa**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapaj jotikā** (Chánh Pháp Quang Minh). (15)

– Tiểu Xiển Minh (**Cūlaniddeśa**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapaj jotikā** (Chánh Pháp Quang Minh). (16)

– Vô Ngại Giải Đạo (**Paṭisambhidāmagga**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapakāsinī**. (17)

– Thí Dụ Kinh (**Apadāna**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Visuddhajanavilāsinī**. (18)

– Chủng Tộc Chư Phật (**Buddhavaṃsa**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Madhu ratthavilāsinī**. (19)

– Tiểu Nghĩa Kinh (**Cariyāpiṭaka**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Chánh Pháp Minh Giải). (20)

III. Vô Tỷ Pháp Tạng (**Abhidhammapiṭaka**) có 12 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi như thế này:

- Pháp Tụ (**Dhammasaṅgaṇī**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Aṭṭhasālinī**. (21)
- Phân Tích (**Vibhaṅga**) có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Sammohavinodanī**. (22)
- Năm quyển kinh sách còn lại, đó là Nguyên Chất Ngũ (**Dhātukathā**), Nhân Chế Định (**Puggalapaññatti**), Ngũ Tông (**Kathāvatthu**), Song Đối (**Yamaka**) và Phát Thú (**Paṭṭhāna**) có kinh sách Chú Giải kết tập lại với nhau gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải); một vài nơi gọi là **Pañcapakaraṇaṭṭhakathā** (Chú Giải Ngũ Bộ Kinh). (23)

Cả 45 quyển kinh Tam Tạng có 23 quyển kinh sách Chú Giải, hoặc kết tập lại với nhau có được 23 quyển kinh sách Chú Giải, và có nhiều quyển kinh sách cũng có tên gọi trùng lặp với nhau.

Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải được sắp đặt ấn loát mới trong lần này, ngoài điều giải thích bổ sung thuyết minh ra như đã có đề cập ở trong Lời Mở Đầu, nhằm để có thêm sự hiểu biết trong việc sử dụng thì lại có thêm một vài điều nữa như thế này:

1/. Trong phần Chú Giải đã được sắp đặt ấn loát nối tiếp ở phần cuối từng mỗi bài kinh hoặc ở từng mỗi Phẩm (**Vagga**) ấy, **ngôn từ hoặc nội dung Tam Tạng mà đem đặt thành câu sẽ được ấn loát với mẫu tự to đậm, nhằm để cho độc giả thấu hiểu rằng các đoạn Chú Giải ấy đang giải thích ngôn từ nào đó thuộc từ ngữ Pāli hoặc nội dung nào đó ở trong Tam Tạng.**

2/. Khi muốn được thấu hiểu rằng tình tiết các câu chuyện ấy, hoặc các ngôn từ ấy có ở trong các quyển kinh sách ấy hay không thì phương thức tìm kiếm - ở giai đoạn đầu hãy cho kiểm tra xem xét ở phần mục lục trong các quyển kinh sách ấy, bởi vì bảng mục lục (table of content) sẽ báo một cách ngắn gọn là bài kinh nào đó rằng với tình tiết câu chuyện như thế này; và giả như cần phải tìm kiếm ngôn từ hoặc tình tiết câu chuyện mà không phát hiện ở trong bảng mục lục thì hãy cho kiểm tra xem xét ở phần “sách dẫn phụ hậu” (index - bảng hướng dẫn tra cứu ở phía sau) sẽ có danh sách các ngôn từ chính yếu và danh sách các tình tiết câu chuyện chính yếu, được sắp xếp theo thứ tự mẫu tự.

3/. Trong trường hợp cần phải tìm kiếm các tình tiết câu chuyện, bởi do đã thấu hiểu ở trong quyển nào, điều nào của Tam Tạng **Pāli** ngữ trước đó rồi, hãy tìm kiếm ở trong Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải quyển kinh có tên gọi giống như nhau, rồi xem theo số mục sẽ tương tự như nhau.

4/. Tên gọi quyển kinh và số mục ở trong quyển kinh theo như đã đề cập ở đây, ngụ ý đến tên gọi quyển kinh và số mục ở trong Phiên Bản Tam Tạng **Pāli** ngữ Xứ Xiêm La. Tất cả cũng chỉ vì Phiên Bản Tam Tạng **Pāli** khác có thể có việc sắp xếp số mục sai biệt đi.

5/. Con số ở trong dấu ngoặc đơn, chẳng hạn như 1] thường đặt để ở phía trước nội dung đoạn văn mới. Trong phần Chú Giải thì báo cho biết rằng là nội dung lý giải tình tiết câu chuyện ở trong điều [1] Tam Tạng. Thế nhưng bỏ dấu ngoặc đơn vào nội dung ở chỗ này là phần Chú Giải đang giải thích tình tiết câu chuyện ở trong điều [1] Tam Tạng. Nếu như bỏ con số 2 vào, dạ e rằng độc giả sẽ ngộ giải rằng là nội dung ở trong Tam Tạng.

Con số ở trong dấu ngoặc đơn đây, có thể không có tuần tự nối tiếp với nhau, chẳng hạn như 1] rồi có thể vượt qua 4], 8] có thể là như thế này, trình bày rằng “nội dung ở trong Tam Tạng không có hiện bày các điều ấy, và Chú Giải không có thể đem ra giải thích được”.

6/. Việc tra cứu từ ngữ, một số từ ngữ có thể sử dụng ở nhiều thể loại Ngữ Pháp, chẳng hạn như từ ngữ “Nghiệp Xứ” (có thể là **Kammaṭṭhāna** hoặc **Kammaṭhāna**), “Kiến” (có thể là **Diṭṭhi** hoặc **Diṭhi**), “Tâm Giới Hành” (có thể là **Cittasikkhā** hoặc **Citasikkhā**), v.v. Khi tra cứu, không gặp được từ ngữ này, nên tra cứu xem xét một từ ngữ khác.

7/. Từ ngữ lân cận, chẳng hạn như Nghiệp Lực (**Kamma**), Nghiệp Lực tốt, Nghiệp Lực xấu, Tâm (**Citta**), Tâm ác xúc, Tâm tinh khiết, Phước (**Puñña**), Phước Báo Nghiệp Lực (**Puñña kamma**). Khi tra cứu một từ ngữ mà không gặp, nên tra cứu xem xét từ ngữ khác ở lân cận.

-----00000-----





MỤC LỤC

Lời Mở Đầu	1
GIAI ĐOẠN TOÁT YẾU MÃU ĐỀ	27
(MĀTIKĀNIKKHEPAVĀRA)	27
24 Duyên (Paccaya)	27
Chú Giải Ngũ Bộ Kinh (Atthakathā Pañcapakaraṇa)	29
Chú Giải Kinh Đại Phát Thú (Atthakathā Mahāpaṭṭhānapakaraṇa)	29
• Lời Khai Đoan (Ārambhakathā)	29
• Giải Thích Giai Đoạn Xiển Thuật (Adhipāyauddesavāra)	29
• Kết Luận Giai Đoạn Xiển Thuật	41
Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ (Paccayavibhaṅgavāra)	44
• Nhân Duyên (Hetupaccaya)	44
• Giải Thích Xiển Minh Nhân Duyên	44
• Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)	49
• Giải Thích Xiển Minh Cảnh Duyên	50
• Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya)	52
• Giải Thích Xiển Minh Trưởng Duyên	53
• Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya)	55
• Giải Thích Xiển Minh Vô Gián Duyên	56
• Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccaya)	58
• Giải Thích Xiển Minh Đẳng Vô Gián Duyên	59
• Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)	60
• Giải Thích Xiển Minh Câu Sinh Duyên	60
• Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)	62
• Giải Thích Xiển Minh Hỗ Tương Duyên	62
• Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)	63
• Giải Thích Xiển Minh Y Chỉ Duyên	64
• Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)	65
• Giải Thích Xiển Minh Cận Y Duyên	66
• Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya)	68
• Giải Thích Xiển Minh Tiền Sinh Duyên	69
• Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya)	70
• Giải Thích Xiển Minh Hậu Sinh Duyên	70
• Trùng Dục Duyên (Āsevanapaccaya)	71

• Giải Thích Xiển Minh Trùng Dục Duyên -----	71
• Nghiệp Lực Duyên (Kammappaccaya) -----	73
• Giải Thích Xiển Minh Nghiệp Lực Duyên -----	73
• Dị Thực Quả Duyên (Vipākappaccaya) -----	75
• Giải Thích Xiển Minh Dị Thực Quả Duyên -----	75
• Vật Thực Duyên (Āhārapaccaya) -----	76
• Giải Thích Xiển Minh Vật Thực Duyên -----	76
• Quyền Lực Duyên (Indriyappaccaya) -----	77
• Giải Thích Xiển Minh Quyền Lực Duyên -----	78
• Thiền Na Duyên (Jhānapaccaya) -----	80
• Giải Thích Xiển Minh Thiền Na Duyên -----	80
• Đồ Đạo Duyên (Maggappaccaya) -----	81
• Giải Thích Xiển Minh Đồ Đạo Duyên -----	81
• Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya) -----	82
• Giải Thích Xiển Minh Tương Ứng Duyên -----	82
• Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya) -----	82
• Giải Thích Xiển Minh Bất Tương Ứng Duyên -----	83
• Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya) -----	85
• Giải Thích Xiển Minh Hiện Hữu Duyên -----	86
• Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya) -----	88
• Giải Thích Xiển Minh Vô Hữu Duyên -----	88
• Ly Khứ Duyên (Vigatappaccaya) -----	89
• Giải Thích Xiển Minh Ly Khứ Duyên -----	89
• Bất Ly Duyên (Avigatappaccaya) -----	90
• Giải Thích Xiển Minh Bất Ly Duyên -----	91
• Giải Thích Xiển Minh Giai Đoạn Duyên Hệ -----	91

PHÁP THUẬN TÙNG TAM ĐỀ PHÁT THÚ -----	100
(DHAMMĀNULOMATIKAPATṬHĀNA) -----	100

I. TAM ĐỀ THIỆN (KUSALATIKA) -----	100

Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) -----	100
Phần Nhất Căn Nguyên (Ekamūlakanaya) -----	100
1. Câu Thiện (Kusalapada) -----	100
2. Câu Bất Thiện (Akusalapada) -----	100
3. Câu Vô Ký (Abyākatapada) -----	101
4. Câu Thiện – Vô Ký (Kusalābyākatapada) -----	101

5. Câu Bất Thiện – Vô Ký (Akusalābyākatapada)	102
6. Câu Thiện – Bất Thiện (Kusalākusalapada)	102
7. Câu Thiện – Bất Thiện – Vô Ký (Kusalāsalābyakatapada)	102
Phần Nhị Căn Nguyên (Dumūlakanaya)	104
Phần Tam Căn Nguyên (Timūlakanaya)	104
Phần Tứ Căn Nguyên (Catumūlakanaya)	104
Phần Nhân Căn Nguyên (Hetumūlakanaya)	104
Phần Đối Nghịch Duyên (Paccanīyanaya)	105
Phần Thuận - Nghịch Duyên (Anulomapaccanīyanaya)	106
Phần Nghịch - Thuận Duyên (Paccanīyānulomanaya)	107
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Định Danh (Paṇṇattivāra)	108
Xiển Minh Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāraniddesa)	124
Phần Thuận Tòng (Anulomanaya)	124
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nhân Căn Nguyên	132
Giải Thích Xiển Minh Nội Dung Giai Đoạn Liên Quan	134
Giải Thích Phần Thuận Tòng Duyên	140
Phần Đối Nghịch Duyên	144
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên	149
Giải Thích Phần Đối Nghịch Duyên	155
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận - Nghịch Duyên	157
Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên	167
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch - Thuận Duyên	168
Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên	177
Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra)	180
Phần Thuận Tòng Duyên	180
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Duyên	181
Phần Đối Nghịch Duyên	181
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch Duyên	182
Phần Thuận – Nghịch Duyên	182
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên	182
Phần Nghịch – Thuận Duyên	182
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên	182
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Câu Sinh	183
Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)	184
Phần Thuận Tòng Duyên	184
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch - Thuận Duyên	192

Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Duyên Sinh	194
Giải Thích Phần Thuận Tùng Duyên	194
Phần Đối Nghịch Duyên	197
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên	200
Giải Thích Phần Đối Nghịch Duyên	204
Phần Thuận – Nghịch Duyên	206
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên	206
Phần Nghịch – Thuận Duyên	212
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên	212
Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên	219
 Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra)	 219
Phần Thuận Tùng Duyên	219
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Tùng Duyên	221
Phần Đối Nghịch Duyên	221
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên	222
Phần Thuận – Nghịch Duyên	222
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên	222
Phần Nghịch – Thuận Duyên	222
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên	222
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Y Chỉ	223
 Giai Đoạn Hổn Hòa (Saṃsaṭṭhavāra)	 224
Phần Thuận Tùng Duyên	224
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Duyên	225
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Hổn Hòa	226
Giải Thích Phần Thuận Tùng Duyên	226
Phần Đối Nghịch Duyên	227
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên	228
Giải Thích Phần Đối Nghịch Duyên	231
Phần Thuận – Nghịch Duyên	232
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên	232
Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên	236
Phần Nghịch – Thuận Duyên	236
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên	236
Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên	240
 Giai Đoạn Tương Ứng (Sampayuttavāra)	 241
Phần Thuận Tùng Duyên	241

Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Tùng Duyên -----	241
Phần Đối Nghịch Duyên -----	241
Phần Thuận – Nghịch Duyên -----	242
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên -----	242
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Tương Ứng -----	243
 Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) -----	 243
Phần Thuận Tùng Duyên -----	243
1. Nhân Duyên (Hetupaccaya) -----	243
Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Phân Tích Vấn Đề -----	244
Giải Thích Nhân Duyên -----	245
2. Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya) -----	245
Giải Thích Cảnh Duyên -----	248
3. Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya) -----	251
Giải Thích Trưởng Duyên -----	253
4. Vô Gian Duyên (Anantarapaccaya) -----	253
Giải Thích Vô Gian Duyên -----	254
5. Đẳng Vô Gian Duyên (Samanantarapaccaya) -----	260
6. Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya) -----	261
7. Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya) -----	263
8. Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya) -----	263
9. Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya) -----	265
Giải Thích Cận Y Duyên -----	275
10. Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya) -----	283
Giải Thích Tiền Sinh Duyên -----	284
11. Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya) -----	284
Giải Thích Hậu Sinh Duyên -----	284
12. Trùng Dục Duyên (Āsevanapaccaya) -----	285
Giải Thích Trùng Dục Duyên -----	285
13. Nghiệp Lực Duyên (Kammaṇapaccaya) -----	285
Giải Thích Nghiệp Lực Duyên -----	286
11. Dị Thục Quả Duyên (Vipākapaccaya) -----	286
Giải Thích Dị Thục Quả Duyên -----	287
12. Vật Thục Duyên (Āhārapaccaya) -----	287
Giải Thích Vật Thục Duyên -----	287
13. Quyền Lực Duyên (Indriyapaccaya) -----	288
14. Thiên Na Duyên (Jhānapaccaya) -----	289
15. Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya) -----	289
16. Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya) -----	290

17. Bất Tương Ứng Duyên (Vipayuttapaccaya)	290
18. Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)	291
19. Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)	294
20. Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)	295
21. Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)	295
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Tùng Duyên	295
1. Phần Nhân Căn Nguyên (Hetumūlakanaya)	295
24 Nhân Hiệp Lực (Hetughaṭanā 24)	296
2. Phần Cảnh Căn Nguyên (Ārammaṇamūlakanaya)	298
3. Phần Trưởng Căn Nguyên (Adhipatimūlakanaya)	298
30 Trưởng Hiệp Lực (Adhipatighaṭanā 30)	298
24 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 24)	299
4. Phần Vô Gián Căn Nguyên (Anantaramūlakanaya)	301
5. Phần Đẳng Vô Gián Căn Nguyên (Samanantaramūlakanaya)	301
6. Phần Câu Sinh Căn Nguyên (Sahajātamūlakanaya)	302
10 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 10)	302
7. Phần Hỗ Tương Căn Nguyên (Aññamaññamūlakanaya)	303
6 Hỗ Tương Câu Sinh Hiệp Lực (Aññamaññasahajātaghaṭanā 6)	303
8. Phần Y Chỉ Căn Nguyên (Nissayamūlakanaya)	303
20 Y Chỉ Hiệp Lực (Nissayaghaṭanā 20)	304
9. Phần Cận Y Căn Nguyên (Upanissayamūlakanaya)	305
Cận Y Hiệp Lực (Upanissayaghaṭanā)	305
10. Phần Tiền Sinh Căn Nguyên (Purejātamūlakanaya)	306
Tiền Sinh Hiệp Lực (Purejātaghaṭanā)	306
11. Phần Hậu Sinh Căn Nguyên (Pacchājātamūlakanaya)	306
Hậu Sinh Hiệp Lực (Pacchājātaghaṭanā)	307
12. Phần Trùng Dục Căn Nguyên (Āsevanamūlakanaya)	307
Trùng Dục Hiệp Lực (Āsevanaghaṭanā)	307
13. Phần Nghiệp Lực Căn Nguyên (Kammamūlakanaya)	307
11 Nghiệp Lực Hiệp Lực (Kammaghaṭanā 11)	307
14. Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên (Vipākamūlakanaya)	308
Dị Thục Quả Hiệp Lực (Vipākaghaṭanā)	309
15. Phần Vật Thục Căn Nguyên (Āhāramūlakanaya)	309
34 Vật Thục Hiệp Lực (Āhāraghaṭanā 34)	309
33 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 33)	309
16. Phần Quyền Lực Căn Nguyên (Indriyamūlakanaya)	312
76 Quyền Lực Hiệp Lực (Indriyaghaṭanā 76)	312
72 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 72)	313
17. Phần Thiên Na Căn Nguyên (Jhānamūlakanaya)	318

36 Thiên Na Hiệp Lực (Jhānaghaṭanā 36)	318
18. Phần Đồ Đạo Căn Nguyên (Maggamūlakanaya)	321
57 Đồ Đạo Hiệp Lực (Maggaghaṭanā 57)	321
19. Phần Tương Ứng Căn Nguyên (Sampayuttamūlakanaya)	325
20. Phần Bất Tương Ứng Căn Nguyên (Vipayuttamūlakanaya)	326
13 Bất Tương Ứng Hiệp Lực (Vipayuttaghaṭanā 13)	326
4 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 4)	327
21. Phần Hiện Hữu Căn Nguyên (Atthimūlakanaya)	327
29 Hiện Hữu Hiệp Lực (Atthighaṭanā 29)	327
10 Câu Sinh Hiệp Lực (Sahajātaghaṭanā 10)	328
22. Phần Vô Hữu Căn Nguyên (Natthimūlakanaya)	329
3 Vô Hữu Linh Tinh Hiệp Lực (Natthipakiṇṇakaghaṭanā 3)	329
23. Phần Ly Khứ Căn Nguyên (Vigatamūlakanaya)	329
24. Phần Bất Ly Căn Nguyên (Avigatamūlakanaya)	330
29 Bất Ly Hiệp Lực (Avigataghaṭanā 29)	330

Giải Thích Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Hiệp Lực Phần Thuận Tùng Duyên Giai Đoạn Vấn Đề

Phân Nhân Căn Nguyên	332
Phân Cảnh Căn Nguyên	338
Phân Trưởng Căn Nguyên	339
Phân Vô Gian – Đẳng Vô Gian Căn Nguyên	341
Phân Câu Sinh Căn Nguyên	341
Phân Hỗ Tương Căn Nguyên	342
Phân Y Chỉ Căn Nguyên	342
Phân Cận Y Căn Nguyên	343
Phân Tiền Sinh Căn Nguyên	344
Phân Hậu Sinh Căn Nguyên	344
Phân Nghiệp Lực Căn Nguyên	344
Phân Dị Thục Quả Căn Nguyên	345
Phân Vật Thục Căn Nguyên	345
Phân Quyền Lực Căn Nguyên	345
Phân Thiên Na Căn Nguyên	346
Phân Đồ Đạo Căn Nguyên	346
Phân Tương Ứng Căn Nguyên	347
Phân Bất Tương Ứng Căn Nguyên	347
Phân Hiện Hữu Căn Nguyên	348
Phân Vô Hữu Ly Khứ Căn Nguyên	348
Phân Bất Ly Căn Nguyên	349

Tuyển Bạt Phần Đối Nghịch Duyên (Paccanīyuddhāraṇa) Giai Đoạn Vấn Đề	350
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên	351
Phần Phi Nhân Căn Nguyên	351
Phần Phi Cảnh Căn Nguyên	355
Phần Phi Câu Sinh Căn Nguyên	355
Phần Phi Hỗ Tương Căn Nguyên	356
Phần Y Chỉ Căn Nguyên	357
Phần Phi Cận Y Căn Nguyên	358
Phần Phi Tiền Sinh Căn Nguyên	359
Phần Phi Hậu Sinh Căn Nguyên	360
Phần Phi Nghiệp Lực Căn Nguyên	362
Phần Phi Vật Thực Căn Nguyên	363
Phần Phi Quyền Lực Căn Nguyên	364
Phần Phi Bất Tương Ứng Căn Nguyên	365
Phần Phi Hiện Hữu Căn Nguyên	367
Giải Thích Việc Tuyển Bạt Phần Đối Nghịch Duyên	
(Việc Thu Tập Duyên Vào Thành Nhóm)	368
Giải Thích Nội Dung Tam Đề Thiện Phát Thú	375
Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên	382
Phần Nhân Căn Nguyên	382
24 Nhân Hiệp Lực	382
Phần Cảnh Căn Nguyên	388
5 Cảnh Hiệp Lực	389
Phần Trưởng Căn Nguyên	390
30 Trưởng Hiệp Lực	391
Phần Vô Gian Căn Nguyên	399
3 Vô Gian Hiệp Lực	399
Phần Đẳng Vô Gian Căn Nguyên	400
3 Đẳng Vô Gian Hiệp Lực	400
Phần Câu Sinh Căn Nguyên	401
10 Câu Sinh Hiệp Lực	402
Phần Hỗ Tương Căn Nguyên	404
6 Hỗ Tương Hiệp Lực	405
Phần Y Chỉ Căn Nguyên	406
20 Y Chỉ Hiệp Lực	407
Phần Cận Y Căn Nguyên	412
7 Cận Y Hiệp Lực	413

Phần Tiền Sinh Căn Nguyên -----	415
7 Tiền Sinh Hiệp Lực -----	415
Phần Hậu Sinh Căn Nguyên -----	417
1 Hậu Sinh Hiệp Lực -----	417
Phần Trùng Dụng Căn Nguyên -----	418
1 Trùng Dụng Hiệp Lực -----	418
Phần Nghiệp Lực Căn Nguyên -----	418
11 Nghiệp Lực Hiệp Lực -----	419
Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên -----	422
5 Dị Thục Quả Hiệp Lực -----	422
Phần Vật Thục Căn Nguyên -----	424
34 Vật Thục Hiệp Lực -----	424
Phần Quyền Lực Căn Nguyên -----	433
76 Quyền Lực Hiệp Lực -----	433
Phần Thiên Na Căn Nguyên -----	444
37 Thiên Na Hiệp Lực -----	444
Phần Đồ Đạo Căn Nguyên -----	447
57 Đồ Đạo Hiệp Lực -----	448
Phần Tương Ứng Căn Nguyên -----	452
2 Tương Ứng Hiệp Lực -----	453
Phần Bất Tương Ứng Căn Nguyên -----	453
13 Bất Tương Ứng Hiệp Lực -----	453
Phần Hiện Hữu Căn Nguyên -----	457
29 Hiện Hữu Hiệp Lực -----	457
Phần Vô Hữu Căn Nguyên - Phần Ly Khứ Căn Nguyên - Phần Bất Ly Căn Nguyên -----	465
Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên -----	466
 Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên -----	 468
Phần Phi Nhân Căn Nguyên -----	468
Phần Phi Cảnh Căn Nguyên -----	470
Phần Phi Trường Căn Nguyên -----	471
Phần Phi Vô Gián Căn Nguyên -----	471
Phần Phi Đẳng Vô Gián Căn Nguyên -----	471
Phần Phi Câu Sinh Căn Nguyên -----	472
Phần Phi Hỗ Tương Căn Nguyên -----	472
Phần Phi Y Chỉ Căn Nguyên -----	473
Phần Phi Cận Y Căn Nguyên -----	474
Phần Phi Tiền Sinh Căn Nguyên -----	474
Phần Phi Hậu Sinh Căn Nguyên -----	475

Phần Phi Trùng Dụng Căn Nguyên -----	476
Phần Phi Nghiệp Lực Căn Nguyên Phần Phi Dị Thục Quả Căn Nguyên -----	476
Phần Phi Vật Thục Căn Nguyên -----	477
Phần Phi Quyền Lực Căn Nguyên -----	478
Phần Phi Thiền Na Căn Nguyên -----	478
Phần Phi Đồ Đạo Căn Nguyên -----	478
Phần Phi Tương Ứng Căn Nguyên -----	478
Phần Phi Bất Tương Ứng Căn Nguyên -----	479
Phần Phi Hiện Hữu Căn Nguyên -----	481
Phần Phi Vô Hữu Căn Nguyên -----	482
Phần Phi Ly Khứ Căn Nguyên -----	482
Phần Phi Bất Ly Căn Nguyên -----	482
Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên -----	482

-----00000-----



**ABHIDHAMMAPITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

**PAṬṬHĀNA – PHÁT THỨ
BHĀGA I – PHẦN I - QUYỂN I
(QUYỂN 85 / 91)**

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỦNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GIÁC**

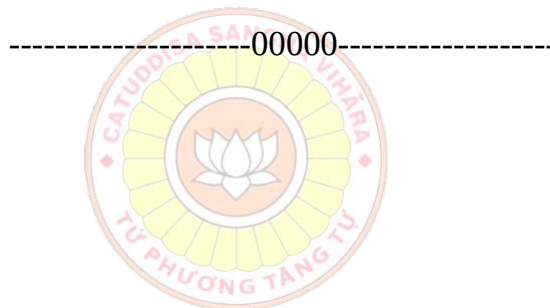
**GIAI ĐOẠN TOÁT YẾU MÃU ĐỀ (1)
(MĀTIKĀNIKKHEPAVĀRA)**

[1] 24 Duyên (**Paccaya**)

1. Nhân Duyên (**Hetupaccaya**)
2. Cảnh Duyên (**Ārammaṇapaccaya**)
3. Trưởng Duyên (**Adhipatipaccaya**)
4. Vô Gian Duyên (**Anantarapaccaya**)
5. Đẳng Vô Gian Duyên (**Samanantarapaccaya**)
6. Câu Sinh Duyên (**Sahajātapaccaya**)
7. Hỗ Tương Duyên (**Aññamaññapaccaya**)
8. Y Chỉ Duyên (**Nissayapaccaya**)
9. Cận Y Duyên (**Upanissayapaccaya**)
10. Tiền Sinh Duyên (**Purejātapaccaya**)
11. Hậu Sinh Duyên (**Pacchājātapaccaya**)
12. Trùng Dục Duyên (**Āsevanapaccaya**)
13. Nghiệp Lực Duyên (**Kammaṇapaccaya**)
14. Dị Thục Quả Duyên (**Vipākaṇapaccaya**)
15. Vật Thục Duyên (**Āhārapaccaya**)

16. Quyền Lực Duyên (**Indriyapaccaya**)
17. Thiền Na Duyên (**Jhānapaccaya**)
18. Đồ Đạo Duyên (**Maggapaccaya**)
19. Tương Ứng Duyên (**Sampayuttapaccaya**)
20. Bất Tương Ứng Duyên (**Vippayuttapaccaya**)
21. Hiện Hữu Duyên (**Atthipaccaya**)
22. Vô Hữu Duyên (**Natthipaccaya**)
23. Ly Khứ Duyên (**Vigatapaccaya**)
24. Bất Ly Duyên (**Avigatapaccaya**)

[(1) Theo Chánh Tạng **Pāli** (tức là Tam Tạng) thì gọi như thế này, thế nhưng Bộ Chú Giải thì gọi là “Giai Đoạn Xiển Thuật” (**Uddesavāra**) bởi vì từng mỗi quyển kinh sách gọi theo tên gọi từng mỗi chủ đề tình tiết câu chuyện sai biệt nhau, chẳng hạn như Chánh Tạng **Pāli** gọi là “Phát Thú” (**Paṭṭhāna**), bộ Chú Giải thì gọi tên là “Đại Kinh Điền Phát Thú” (**Mahā paṭṭhānapakaraṇa**). Như thế trong quyển kinh sách này mới xin dùng tên gọi theo chủ đề các quyển kinh sách ấy].



PARAMATTHADĪPANĪ

SIÊU LÝ MINH GIẢI

ATTHAKATHĀPAÑCAPAKARAṆA

CHÚ GIẢI NGŨ BỘ KINH ĐIỀN

ATTHAKATHĀMAHĀPAṬṬHĀNAPAKARAṆA (*)

CHÚ GIẢI ĐẠI KINH ĐIỀN PHÁT THỨ

ĀRAMBHAKATHĀ

LỜI KHAI ĐOAN

Bậc Chánh Đẳng Giác Ngài là bậc Thiên Chủ thù thắng hơn tất cả Chúng Thiên, Ngài là Bậc mà Chúng Thiên và Chúng Atula Thiên (**Asūra**) đã phụng hiến cúng dường, Ngài có sự cảnh giới triệt để can tịnh, Ngài có sự cần miến to lớn, Ngài là Bậc Ân Tu Giả ở hàng thứ bảy (#), Ngài đã diệt tắt Danh và Sắc một cách nghiêm mật, và sau khi đã thị hiện Song Đối Thần Túc Thông (**Yamakapātihāriya**) mới thuận tự lập ý khái thuyết bộ kinh thứ bảy có nội dung thâm khắc, cả ở phần Nghĩa Lý và phần Giáo Pháp, được gọi là Phát Thứ (**Paṭṭhāna**) mà Ngài đã bài trí thuyết giáo với phần nội dung vô cùng thâm khắc.

Bây giờ là đến việc thuận tự miêu thuật bộ kinh Phát Thứ ấy, vì thế Bần Đạo (Giáo Thọ Sư Phật Âm - **Buddhaghosācāriya**) sẽ miêu thuật bộ kinh Phát Thứ ấy, xin các bậc đạo đức cao thượng hãy chuyên tâm lắng nghe việc miêu thuật.

[(*)]: Chánh Tạng **Pāli** ngữ gọi là Phát Thứ (**Paṭṭhāna**)

(#): Đức Phật Ngài được gọi là vị Phật thứ bảy, là tính đếm kể từ Đức Phật **Vipassī** v.v. trở đi (Đức Phật **Vipassī**, Đức Phật **Sikhī**, Đức Phật **Vessabhū**, Đức Phật **Kakusandha**, Đức Phật **Konāgamana**, Đức Phật **Kassapa**, Đức Phật **Gotama**). Bộ kinh Chú Giải dùng từ ngữ là **Isisattamo** (Đệ Thất Ân Tu Giả).]

GIẢI THÍCH GIAI ĐOẠN XIỂN THUẬT (*)

[(*)] Được phiên dịch từ nơi từ ngữ “**Uddesavāraṇṇanā**” (Giải Thích Giai Đoạn Xiển Thuật), Phiên Bản Miến Điện là “**Paccayuddesavaṇṇanā**” (Giải Thích Xiển Thuật Duyên Hệ), đó chính là lời giải thích từ ngữ Mẫu Đề (**Mātikā**)]

Tiến hành sự việc, rằng ở trong Phần Thuận Tòng Phát Thú (**Anulomapattihāna**), Bạc Chánh Đăng Giác y cứ vào 22 Tam Đề (**Tika**) và đã lập ý khái thuyết tên gọi Tam Đề Phát Thú (**Tikapattihāna**). Y cứ vào 100 Nhị Đề (**Duka**) và đã lập ý khái thuyết tên gọi Nhị Đề Phát Thú (**Dukapattihāna**). Từ nơi đó, kết hợp 22 Tam Đề vào trong 100 Nhị Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết tên gọi Nhị Đề Tam Đề Phát Thú (**Dukatikapattihāna**). Từ nơi đó, lại kết hợp 100 Nhị Đề vào trong 22 Tam Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết tên gọi Tam Đề Nhị Đề Phát Thú (**Tikadukapattihāna**). Hơn nữa, hợp chung Tam Đề vào trong Tam Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết tên gọi Tam Đề Tam Đề Phát Thú (**Tikatikapattihāna**). Và hợp chung Nhị Đề vào trong Nhị Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết tên gọi Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú (**Dukadukapattihāna**). Như thế **trong Phần Thuận Tòng Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú** như thế này. Tuy nhiên trong Phần Đối Nghịch Phát Thú (**Paccanīyapattihāna**), Ngài cũng đã lập ý khái thuyết Phát Thú với cả sáu Phần. Tuy nhiên trong thể loại Phần Đối Nghịch này, y cứ vào 22 Tam Đề, đã khái thuyết tên gọi **Tam Đề Phát Thú**; y cứ vào 100 Nhị Đề, đã khái thuyết tên gọi **Nhị Đề Phát Thú**; kết hợp 22 Tam Đề vào trong 100 Nhị Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết **Nhị Đề Tam Đề Phát Thú**; kết hợp 100 Nhị Đề vào trong 22 Tam Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết **Tam Đề Nhị Đề Phát Thú**; hợp chung Tam Đề vào trong Tam Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết **Tam Đề Tam Đề Phát Thú**; hợp chung Nhị Đề vào trong Nhị Đề, rồi Ngài đã lập ý khái thuyết **Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú**. Bởi nhân như thế mới có lời nói rằng **trong Phần Đối Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú** như thế này. Tuy nhiên trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú (**Anulomapaccanīyapattihāna**) nối tiếp từ nơi đó trở đi, Ngài đã lập ý khái thuyết cả sáu Phần với lời giải thích cũng tương tự như vậy. Ứng hợp như lời đã nói, tức là **trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú** như thế này. Nói tiếp theo đó, trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú (**Paccanīyanulomapattihāna**), Ngài đã lập ý khái thuyết cả sáu Phần với lời giải thích cũng tương tự như vậy. Ứng hợp như lời đã nói, tức là **trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú** như thế này. Quả thực, Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết giáo thể này, là trong Phần Thuận Tòng có sáu Phát Thú, trong Phần Đối Nghịch có sáu Phát Thú, trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú có sáu Phát Thú, trong Phần Nghịch – Thuận có sáu Phát Thú như đã đề cập đến, và gọi tên là Bộ Đại Kinh Điền Phát Thú, “là định sở hội tập 24 Hoàn Bảo Phát Thú (**Samantapattihāna**)”. Trong Phát Thú, Đức Thế Tôn đã thuyết rằng bộ kinh điền hội tập 24 Hoàn Bảo Phát Thú (**Samantapattihāna**) đây, gọi là Bộ Đại Kinh Điền Phát Thú với mãnh lực

từ định sở hội tập bất luận Phát Thú nào của 24 Hoàn Bảo Phát Thú (**Samantapaṭṭhāna**). Như vậy, trước hết bậc tu học nên hiểu biết ý nghĩa từ nơi tên gọi những thể loại Phát Thú ấy và quyền kinh này.

+ Vấn hỏi rằng: “Gọi tên là Phát Thú do bởi ý nghĩa chi ” ?

Trả lời là: “Do bởi ý nghĩa: “có những thể loại sai biệt tác thành Duyên Hệ”. Quả thực, mẫu tự “**P**” thể hiện ý nghĩa là “nhiều thể loại”. Từ ngữ **Ṭhāna (Xứ)** thể hiện ý nghĩa là “tác thành Duyên Hệ”. Quả thực, Duyên Hệ (**Paccaya**) mà Ngài gọi là **Ṭhāna (Xứ)** trong tất cả từ ngữ có lời khai đoan rằng “việc thành bậc thông tuệ ở trong Xứ và Phi Xứ”, vì thế trong những 24 thể loại Phát Thú đây, từng mỗi điều là một thể loại Phát Thú, bởi vì Đức Thế Tôn đã khai thuyết với mãnh lực Duyên Hệ có rất nhiều trường hợp sai biệt, và tất cả bộ kinh này bậc tu học nên hiểu biết rằng “Phát Thú” bởi vì “là định sở hội tập những thể loại Phát Thú ấy”.

+ Hơn nữa, vấn hỏi rằng: “Gọi tên là Phát Thú do bởi ý nghĩa chi ” ?

Trả lời là: “Do bởi ý nghĩa “Phân Tích”. Quả thực, Phát Thú hiện bày bởi theo ý nghĩa là phân tích, trong khởi nguyên là “việc quy chương, việc nhậm mệnh, việc công khai, việc phân tích, việc thực hiện cho minh hiển” (*). Như thế, trong 24 thể loại Phát Thú này, từng mỗi điều là một thể loại Phát Thú, bởi vì Đức Thế Tôn đã lập ý phân tích tất cả Pháp, có Pháp Thiện (**Kusaladhamma**) v.v. với mãnh lực Duyên Hệ, có Nhân Duyên (**Hetupaccaya**) v.v., và tất cả bộ kinh này bậc tu học nên hiểu biết rằng gọi tên là “Phát Thú” bởi vì “là định sở hội tập những thể loại Phát Thú này”.

[(*) : Trung Bộ Kinh Ngũ Thập Thượng Phần, bài 14/ điều 698 / trang 449)]

+ Hơn nữa, vấn hỏi rằng: “Gọi tên là Phát Thú do bởi ý nghĩa chi ” ?

Trả lời là: “Do bởi ý nghĩa “Ra Đi” được giải thích với ý nghĩa là “Tiến Hành”. Quả thực, trong vị trí (là lời dẫn chứng) chỗ nói rằng “(chúng ta đã từng trườn bò) ở trong chuồng bò (nhà tù) ra đây thôi mà”, như vậy từ ngữ “**bò ra đi**” (**Paṭṭhitagāvo**) Ngài dùng từ ngữ Phát Thú (**Paṭṭhāna**) nào thì nghĩa từ Phát Thú (**Paṭṭhāna**) ấy, theo Chú Giải đó là “việc tiến hành”. Như thế 24 thể loại Phát Thú này, từng mỗi điều là một thể loại Phát Thú, vì có việc tiến hành được tiến triển với mãnh lực hữu quan với nhau, vì lẽ đã thụ đắc sự tường tận trong tất cả Pháp, có Pháp Thiện (**Kusaladhamma**) v.v. và được phân tích thành các thể loại Duyên Hệ có Nhân Duyên (**Hetupaccaya**) v.v. của Bậc Toàn Giác Trí (**Sabbañña Nāṇa**). Việc tiến hành bất chương ngại ở trong tất cả bộ kinh có Bộ Pháp Tụ (**Dhammasaṅgaṇī**) v.v. có phần không được tường tận lắm, và trọn bộ kinh này thì nên hiểu biết rằng gọi tên là Phát Thú (**Paṭṭhāna**) bởi vì “là định sở hội tập những thể loại Phát Thú này”.

Tất cả sáu thể loại Phát Thú ấy, đối với Phát Thú thứ nhất trong Phần Thuận Tùng Phát Thú, gọi tên là Tam Đề Phát Thú (**Tikapattṭhāna**) vì Đức Thế Tôn đã lập ý khai thuyết với mãnh lực Mẫu Đề Tam (**Tikamātikā**). Nên hiểu biết rằng việc khu phân (phân tích) từ ngữ Phát Thú (**Paṭṭhāna**) ấy (phân tích) như vậy. Phát Thú của tất cả Tam Đề (**Tika**) hiện hữu ở trong bộ kinh điển đây, vì lẽ ấy bộ kinh điển này gọi tên là Tam Đề Phát Thú (**Tikapattṭhāna**) (định sở hội tập Tam Đề). Giải thích rằng có rất nhiều hình thái Duyên Hệ sai biệt của tất cả Tam Đề (**Tika**) hiện hữu ở trong phần Thuyết Giáo (**Desanā**) này. Trong chỉ định (lộ tuyến) thứ hai, có nghĩa là Phát Thú của chính tất cả Tam Đề ấy gọi tên là Tam Đề Phát Thú

(Tikapaṭṭhāna). Giải thích rằng việc phân tích tất cả Tam Đề với mãnh lực của Duyên Hệ có Nhân **(Hetu)** v.v. Trong chỉ định (lộ tuyến) thứ ba, có nghĩa là Phát Thú **(Paṭṭhāna)** tức là tất cả Tam Đề đã có được sự tường tận bởi vì phân tích theo thể loại Nhân Duyên **(Hetupaccaya)** v.v. Gọi tên **Tam Đề Phát Thú** tức là Định Sở Địa Giới **(Bhūmi)** tiến hành một cách bất chướng ngại của Bậc Toàn Giác Trí **(Sabbaññuta Ñāṇa)**. Tuy nhiên ở trong Nhị Đề Phát Thú **(Dukapaṭṭhāna)** v.v. cũng có phần này tương tự. Bậc tu học khi đã hiểu biết cả sáu thể loại Phát Thú trong Phần Thuận Tùng này rồi, thì nên hiểu biết ngay ở trong Phần Đối Nghịch v.v. theo phương sách như vậy.

Cũng bởi vì những thể loại Phát Thú này ở mỗi Phần có đủ trọn cả sáu, tức là trong Phần Thuận Tùng Phát Thú, trong Phần Đối Nghịch Phát Thú, trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú, trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú, mới hội tập thành 24, và vì lẽ ấy mới gọi là “24 Hoàn Bào Phát Thú” **(Samantapaṭṭhāna)**. Kinh điển hội tập “24 Hoàn Bào Phát Thú” mới gọi tên là “Đại Kinh Điển Phát Thú” **(Mahāpaṭṭhānapakaraṇa)** với mãnh lực “định sở hội tập Hoàn Bào Phát Thú **(Samantapaṭṭhāna)**”, tức là đề cập đến 24 thể loại Phát Thú linh tinh này với trường hợp như vậy.

Cũng tại nơi Phát Thú đây, Đức Thế Tôn đã thuyết giáo chỗ gọi là Tam Đề Phát Thú, Nhị Đề Phát Thú, v.v., Tam Đề Tam Đề Phát Thú, Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú, vì Ngài đã lập ý khai thuyết do y cứ vào bất luận các thể loại nào của Tam Đề. Ngài lập ý phân tích những thể loại Tam Đề mà bất hữu quan với những thể loại Tam Đề khác, nhằm để khai thuyết Duyên tác thành Tác Nhân, do vậy mới thuyết giáo định đặt giai đoạn có tên gọi là “Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề” **(Mātikānikkhepavāra)** của Phát Thú vào ở phần đầu tiên.

Nghĩa từ “Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ” **(Paccayavibhaṅgavāra)** đó chính là tên gọi Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề. Có hai Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ, đó là: “bởi theo Xiển Thuật” **(Uddesa)** và “bởi theo Xiển Minh” **(Niddesa)**. Giai Đoạn đây, Nhân Duyên **(Hetupaccayo)**, v.v. Bất Ly Duyên **(Avigatapaccayo)**, là Phần Xiển Thuật **(Uddesa)** Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ.

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong những Duyên Hệ ấy.

“Với Tác Nhân ấy, và lại làm Duyên, do vậy mới gọi là Nhân Duyên **(Hetupaccaya)**”. Giải thích rằng “làm Duyên vì là Tác Nhân **(Hetu)**”, tức là làm Duyên bởi theo ý nghĩa tác thành Tác Nhân. Trong Cảnh Duyên **(Ārammaṇapaccaya)** cũng có Phần này tương tự. Tất cả những thể loại Duyên ấy, từ ngữ Tác Nhân **(Hetu)** ở đây, là tên gọi của Chế Tác **(Karaṇa)** và Căn Nguyên **(Mūla)**, đó là từ ngữ bổ nghĩa. Quả thực, từ ngữ bổ nghĩa trong tất cả nghĩa từ có tỷ dụ như “thệ nguyện làm tác nhân, dân gian gọi với nhau là Tác Nhân **(Hetu)**, còn trong đường lối Thuyết Giáo **(Desanā)** thì Chế Tác **(Karaṇa)** gọi là Tác Nhân **(Hetu)**”. Trong tất cả nghĩa từ nói rằng “các Pháp có Tác Nhân làm xuất sinh địa” v.v. Căn Nguyên **(Mūlarāka)** gọi là Tác Nhân **(Hetu)** trong từ ngữ chẳng hạn như là “có ba Nhân Thiện **(Kusalahetu)**, có ba Nhân Bất Thiện **(Akusalahetu)** ở trong Nhân Duyên **(Hetupaccaya)**”; từ ngữ Tác Nhân **(Hetu)** ấy có ý nghĩa đến Căn Nguyên **(Mūlarāka)**.

Cũng trong nghĩa từ Duyên **(Paccayo)** đây, hàm ý nghĩa từ ngữ như vậy “Hệ Quả thường nương nhờ sự hiện hành từ nơi Pháp này, vì lẽ ấy Pháp này mới gọi là Duyên **(Paccayo)**”. Giải

thích rằng “hiện hành một cách bất phóng khí”. Quả thực, Pháp nào duy trì hiện hữu hoặc khởi sinh bởi do không có phóng khí bất luận Pháp nào, Pháp ấy Ngài nói rằng “làm Duyên đối với Pháp ấy”. Tuy nhiên theo trạng thái, Pháp giúp đỡ phù trợ gọi là Duyên (**Paccayo**). Quả thực, Pháp nào giúp đỡ phù trợ đối với việc tồn tại hoặc việc khởi sinh bất luận Pháp nào, Pháp đó Ngài gọi là “làm Duyên đối với Pháp ấy”. Có từ ngữ tỷ dụ chẳng hạn như “**Paccaya hetu kāraṇa nidāna sambhava pabhava**” rằng khi theo nội dung chủ yếu thì thống nhất với nhau, chỉ có sai biệt về hình thái (**Byañjana**). Rằng khi theo giản yếu (**Saṅkhepa**), chỗ gọi là Tác Nhân (**Hetu**) vì có nghĩa là Căn Nguyên (**Mūlarāka**). Gọi là Duyên vì có nghĩa là giúp đỡ phù trợ; vì lẽ ấy Pháp giúp đỡ phù trợ mới gọi là Nhân Duyên (**Hetupaccaya**) vì có nghĩa tác thành Căn Nguyên. Quả thực, các Bậc Chú Giải Sư giải thích rằng Tác Nhân đó cũng là Pháp tác hành Thiện v.v. cho hoàn thành được Thiện Sự v.v. giống như hạt giống gạo **Sālī** v.v. cho hoàn thành gạo **Sālī** v.v. và màu sắc Ngọc **Maṇī** cho hoàn thành ánh sắc Ngọc **Maṇī** v.v. chẳng hạn như thế. Giải thích rằng “tuy nhiên khi đã là như thế, sự việc tác thành Nhân Duyên (**Hetupaccaya**) thường không được hoàn thành ở trong Sắc Pháp (**Rūpa**) có Tác Nhân (**Hetu**) ấy làm Xuất Sinh Xứ (**Samuṭṭhāna**), vì lẽ rằng Tác Nhân (**Hetu**) đó không cho các Sắc Pháp ấy hoàn thành được Thiện Sự. Thế nhưng sẽ không gọi là làm Duyên thì cũng chẳng phải”. Đức Thế Tôn đã thuyết giáo rằng “Tác Nhân (**Hetu**) làm duyên đối với Pháp tương ưng với Tác Nhân (**Hetu**) ấy, và đối với Sắc Pháp (**Rūpa**) có Pháp tương ưng với Tác Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ bởi theo phương thức Nhân Duyên”. Lại nữa, loại trừ Tác Nhân ấy ra, Tâm Vô Nhân (**Ahetukacitta**) đã hoàn thành được Pháp Vô Ký (**Abyākatadhamma**). Lại nữa, cho dù là Tâm Hữu Nhân (**Sahetukacitta**) đã hoàn thành được Thiện Sự do bởi Tác Ý Khôn Khéo (**Yonisomanasikāra – Như Lý Tác Ý**) v.v. cũng bất hữu quan với Tác Nhân tương ưng. Giá như các Tác Nhân tương ưng có thể là Thiện v.v. theo chính bản thể thực tính thì các Pháp tương ưng với Tác Nhân ấy đặc biệt chỉ phải hữu quan với Tác Nhân, và Vô Tham (**Alobha**) có thể là Thiện hay là Vô Ký cũng được. Thế nhưng vì đã thành tựu cả hai trường hợp, do đó Vô Tham mới là Thiện hay là Vô Ký ở trong các Pháp đã phối hợp. Với trường hợp như đã đề cập đến đây, mới phải tìm kiếm Thiện Sự v.v. ngay ở trong các Tác Nhân khác, cũng có khi không nắm bắt lấy nội dung; tức là Căn Nguyên (**Mūlarāka**) từng mỗi một Tác Nhân với việc cho các Pháp hoàn thành Thiện Sự v.v., chủ tâm với mãnh lực việc cho Pháp tương ưng hoàn thành sự kiên định một cách tốt đẹp, thường không có chi sai trật. Quả thực, các Pháp đã là Nhân Duyên thì thường kiên định một cách tốt đẹp, tự hồ cây đã mọc rễ. Còn Pháp không có Tác Nhân thì thường bất kiên định, tự hồ hải tảo là thực vật sống ở trong nước v.v. Pháp phù trợ bởi theo ý nghĩa là Căn Nguyên (**Mūlarāka**), tức là Pháp có sự phù trợ cho hoàn thành sự kiên định một cách tốt đẹp. Bậc tu học nên hiểu biết rằng “là Nhân Duyên” (**Hetupaccaya**) với trường hợp như vậy. Nối tiếp theo đó, nên hiểu biết sự giải thích trong các Duyên khác. Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành Cảnh, gọi là Cảnh Duyên (**Ārammaṇapaccaya**). Có sáu thể loại Cảnh với mãnh lực Cảnh Sắc (**Rūpārammaṇa**). Không có bất luận một Pháp nào không tác thành Cảnh, bởi vì Đức Phật đã khai đoan rằng “**Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới**” v.v. rồi lần lượt xuống đến lời nói rằng “bất luận các Pháp nào là Tâm (**Citta**) và Tâm Sở (**Cetasika**) khảo lự bất luận các Pháp nào và khởi sinh, chính các Pháp ấy làm duyên

đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở theo phương thức Cảnh Duyên”. Tỷ như một nam nhân sức lực yếu kém nắm giữ lấy cây gậy, hoặc là sợi dây mới đứng dậy được như thế nào, thì các Pháp Tâm và Tâm Sở cũng dường như thế ấy, cần phải khảo lự Cảnh Sắc v.v. mới khởi sinh lên và tồn tại được; vì lẽ ấy các Pháp tác thành Cảnh của chính ngay các Tâm và Tâm Sở, nên hiểu biết đó là Cảnh Duyên (**Ārammaṇa paccaya**).

Pháp giúp đỡ phù trợ bởi theo ý nghĩa tác thành trưởng trội, gọi là Trưởng Duyên (**Adhipatipaccaya**). Trưởng Duyên có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Trưởng Duyên (**Sahajāta dhipatipaccaya**) và Cảnh Trưởng Duyên (**Ārammaṇādhīpatipaccaya**). Trong hai thể loại ấy, với bốn nhóm Pháp, đó là: Dục (**Chanda**), Cần (**Viriya**), Tâm (**Citta**) và Thảm (**Vimamsa**), bậc tu học nên hiểu biết rằng tác thành Câu Sinh Trưởng Duyên (**Sahajātādhīpatipaccaya**) vì Chánh Tạng **Pāli** ngữ có nói rằng: “Trưởng là Dục (**Chandādhīpati – Dục Trưởng**) làm duyên đối với các Pháp hữu tương ưng với Dục, và đối với các Sắc mà có Dục, và đối với Pháp hữu tương ưng với Dục ấy làm Xuất Sinh Xứ (**Samuṭṭhāna**) theo phương thức Trưởng Duyên”. Và cũng chính Trưởng Duyên ấy thường không có sinh chung một lượt với nhau. Quả thực, trong bất luận thời gian nào, Tâm cho tác thành Dục Sự Vụ (**Dhura**), tức là cho làm chủ vị, hiện hành trong thời gian ấy thì Dục làm Trưởng (**Adhipati**). Còn Cần, Tâm, Thảm ngoài ra đây, không có làm Trưởng. Ngay cả trong các Trưởng còn lại cũng có Phần này tương tự.

Còn các Vô Sắc Pháp (**Arūpadhamma**) (tức là Tâm và Tâm Sở) tác hành bất luận Pháp nào cho hiện hành một cách nghiêm trọng, Pháp ấy gọi là “tác thành Cảnh Trưởng Duyên” (**Ārammaṇādhīpatipaccaya**) đối với những thể loại Vô Sắc Pháp ấy (tức là Tâm và Tâm Sở); vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng “bất luận các Pháp nào là Tâm và Tâm Sở tác hành bất luận Pháp nào cho thành Cảnh một cách nghiêm trọng và khởi sinh lên, thì Pháp đó làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy theo phương thức Trưởng Duyên (**Adhipatipaccaya**)”.

Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách không có khoảng cách xen kẽ, gọi là Vô Gian Duyên (**Anantarapaccaya**). Pháp giúp đỡ phù trợ bởi không có khoảng cách xen kẽ một cách tốt đẹp, gọi là Đẳng Vô Gian Duyên (**Samanantarapaccaya**). Cả hai Duyên này theo rất nhiều Bậc Chú Giải Sư đã giải thích quá dài dòng đi. Còn nội dung (**Sāra**) ở trong cả hai Duyên thì chỉ có như thế vậy. Quả thực, việc quyết định bất luận Tâm nào là Ý Giới (**Manodhātu**) có ở trong thuận tự Nhân Thức (**Cakkhaviññāṇa**), Ý Thức Giới (**Manoviññāṇadhātu**) có ở trong thuận tự của Ý Giới (**Manodhātu**) như thế này v.v. thì việc quyết định Tâm ấy thường chỉ được thành tựu với mãnh lực Tâm thường khởi sinh trước đó và không có trường hợp nào khác; vì lẽ ấy, Pháp có khả năng làm cho Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) thích hợp đối với mình và khởi sinh ở trong thuận tự của mình, gọi là Vô Gian Duyên (**Anantarapaccaya**). Vì lý do ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng “Chỗ gọi là Vô Gian Duyên (**Anantarapaccaya**) tức là Nhân Thức Giới (**Cakkhaviññāṇadhātu**) và Pháp tương ưng với Nhân Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới (**Manodhātu**) và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Vô Gian Duyên” như thế này v.v.

Pháp nào vừa là Vô Gian Duyên thì đích thị chính Pháp ấy cũng vừa là Đẳng Vô Gian Duyên. Quả thực, trong hai thể loại Duyên này chỉ có sai biệt với nhau về hình thái (**Byañjana**).

Tương tự ở từ ngữ nói rằng “Tích Trữ” (**Upacaya**) với “Thừa Kế” (**Santati**), và cũng tương tự ở đôi từ ngữ là “Từ Ngữ” (**Adhivacana** – Lời gọi danh từ) với “Ngôn Ngữ” (**Nirutti** – Ngôn ngữ lời nói) như thế ấy. Tuy nhiên khi nói theo nội dung thì không có điều chi sai biệt với nhau cả. Ngay đến ý kiến của các Bậc Chú Giải Sư chỗ gọi là Vô Gian Duyên (**Anantarapaccaya**) là vì không có khoảng cách xen kẽ thời gian lâu dài; chỗ gọi là Đẳng Vô Gian Duyên (**Samanantarapaccaya**) là vì không có khoảng cách xen kẽ thời gian (thông thường), ý kiến ấy thường có sự sai trật từ ở nơi Chánh Tạng **Pāli** chẳng hạn như là “Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ làm duyên theo phương thức Đẳng Vô Gian Duyên đối với việc Nhập Thiền Quả (**Phalasamāpatti**) của Bậc vừa xuất khỏi Thiền Diệt (**Nirodhajhāna**)”. Ngay cả lời nói nào của các Bậc Chú Giải Sư đã đề cập ở trong cả hai thể loại Duyên ấy rằng “Sự hữu năng ở trong những Pháp vẫn chưa cho khởi sinh vẫn chưa hoại diệt, tuy nhiên các Pháp vẫn chưa khởi sinh ở trong thuận tự một cách tốt đẹp, vì bị năng lực Tu Tập (**Bhāvanā**) cấm chỉ”. Chính ngay lời nói ấy đã chỉ xuất đến sự việc không có khoảng cách xen kẽ thời gian rồi vậy. Quả thực, Bản Đạo chỉ nói rằng “sự việc không có khoảng cách xen kẽ thời gian ở trong cả hai Duyên ấy thì thường là không có do bởi năng lực Tu Tập, do bởi không có khoảng cách xen kẽ thời gian, vì thế mới không thích hợp tác thành Đẳng Vô Gian Duyên”. Quả thực, có học thuyết (luận chứng) nói rằng “những thể loại Pháp ấy là Đẳng Vô Gian Duyên bởi vì không có khoảng cách xen kẽ”, do đó bậc tu học chớ bám giữ chặt lấy, mà nên thấy rằng trong cả hai Duyên ấy chỉ có sai biệt với nhau về hình thái (**Byañjana**), còn về nội dung thì không có điều chi sai biệt. Là như thế nào ? Là như thế này, không có khoảng cách xen kẽ những thể loại Pháp ấy, vì lẽ ấy những thể loại Pháp ấy mới gọi là Vô Gian Đoạn (**Anantara** – không có khoảng cách xen kẽ). Sự việc không có khoảng cách xen kẽ một cách tốt đẹp bởi vì không có sự tồn tại những thể loại Pháp ấy, vì lẽ ấy những thể loại Pháp ấy mới gọi là Đẳng Vô Gian Đoạn (**Samanantara** – không có khoảng cách xen kẽ một cách tốt đẹp bởi vì không có sự tồn tại).

Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách khi khởi sinh còn làm cho các Pháp khác đồng câu sinh với nhau, ví tựa như ngọn đèn phù trợ ánh sáng, gọi là Câu Sinh Duyên (**Sahajātapaccaya**). Câu Sinh Duyên có sáu thể loại với mãnh lực Vô Sắc Uẩn (**Arūpakhandha**) v.v. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên. Tứ Sắc Đại Hiện (**Mahābhūtarūpa**) làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục (**Paṭisandhikhaṇa**), Danh và Sắc làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Các Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với các Sắc Pháp có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh (**Upādārūpa**) theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Có đôi khi các Sắc Pháp tác thành Duyên đối với các Vô Sắc Pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên. Có đôi khi các Sắc Pháp bất tác thành Duyên đối với các Vô Sắc Pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên”. Lời nói này Ngài đặc biệt chỉ đề cập đến Sắc Tâm Cơ (**Hadayavatthu rūpa**). Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách bang trợ lẫn nhau cho khởi sinh và phù thực lẫn nhau, ví tựa như cây kiềng ba chân giúp đỡ lẫn nhau, gọi là Hỗ Tương Duyên (**Aññamaññapaccaya**). Hỗ Tương Duyên có ba thể loại với mãnh lực Vô Sắc Uẩn v.v. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Tứ Sắc

Đại Hiền làm duyên theo phương thức Hổ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên theo phương thức Hổ Tương Duyên (**Aññamaññapaccaya**)”.

Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành vị trí nương tựa, ví tựa như mặt đất và mặt vãi v.v. tác thành vị trí hỗ trợ và y chỉ cây cối và hội họa v.v., gọi là Y Chỉ Duyên (**Nissaya paccaya**). Y Chỉ Duyên nên hiểu biết nghĩa lý theo phần đã đề cập ở trong Câu Sinh Duyên, rằng như thế này “Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Y Chỉ Duyên”. Tuy nhiên trong Y Chỉ Duyên đây, ở phần thứ 6 Ngài đã phân tích như sau “Nhân Xứ (**Cakkhāyatana**) làm duyên đối với Nhân Thức Giới (**Cakkhaviññādhātu**), Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới, v.v. và đối với Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới v.v. theo phương thức Y Chỉ Duyên. Ý Giới và Ý Thức Giới y chỉ bất luận Sắc nào hiện hành, Sắc ấy làm duyên đối với Ý Giới, Ý Thức Giới và Pháp tương ưng với Ý Giới và Ý Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên”.

Về phần nghĩa từ Cận Y Duyên (**Upanissayapaccaya**) đây, có ý nghĩa từ ngữ như tiếp theo đây.

Chỗ gọi là Y Chỉ (**Nissaya**) vì có nghĩa là thành quả của mình cứ y chỉ vào, tức là bất phủ nhận hệ quả của mình, vì Hệ Quả có việc nương tựa vào Tác Nhân hiện hành. Vị trí nương tựa có rất nhiều năng lực, gọi là Cận Y (**Upanissaya**), ví tựa như sự khổ tâm một cách nghiêm trọng gọi là Nãi Hại (**Upāyāsa**) như thế ấy. Từ ngữ này là tên gọi Tác Nhân hữu năng lực. Vì lẽ ấy, bậc tu học nên hiểu biết rằng “Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách làm Tác Nhân hữu năng lực, gọi là Cận Y Duyên (**Upanissayapaccaya**). Cận Y Duyên có ba thể loại, đó là Cảnh Cận Y Duyên (**Ārammaṇanissayapaccaya**), Vô Gian Cận Y Duyên (**Anantarūpanissaya paccaya**) và Thường Cận Y Duyên (**Pakatūpanissayapaccaya**).

Cả ba thể loại Cận Y ấy, Cảnh Cận Y được phân tích bất sai biệt với Cảnh Trường, thể theo phần dẫn chứng có như vậy “Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thường tư khảo lại Nghiệp Lực ấy một cách kiên định, thường tư khảo lại Nghiệp Lực đã từng kiến tạo chân chính một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi thường tư khảo lại Thiền Định ấy một cách kiên định. Bậc Hữu Học (**Sekkha**) thường tư khảo lại Tâm Chuyển Tộc (**Gotrabhū**) một cách kiên định, thường tư khảo lại Tâm Dữ Tịnh (**Vodanā**) một cách kiên định. Bậc Hữu Học xuất khỏi Tâm Đạo (**Magga**) thường tư khảo lại Tâm Đạo một cách kiên định. Các Pháp Thiện có việc xả thí v.v., các Pháp Tâm và Tâm Sở tác thành bất luận Cảnh nào cho được kiên định và khởi sinh lên, Cảnh ấy được sắp thành Cảnh hữu năng lực trong những Cảnh đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy với việc quy định tất nhiên”. Vì thế bậc tu học nên hiểu biết sự sai biệt của Cảnh Trường Duyên với Cảnh Cận Y Duyên rằng như thế này “Gọi là **Cảnh Trường Duyên** vì có ý nghĩa chỉ thích đáng làm cho các Pháp Tâm và Tâm Sở được kiên định; còn gọi là **Cảnh Cận Y Duyên** vì có ý nghĩa làm Tác Nhân cho các Tâm và Tâm Sở hữu năng lực”.

Ngay cả **Vô Gian Cận Y Duyên** cũng được phân tích bất sai biệt với Vô Gian Duyên, thể theo phần dẫn chứng có như vậy “Các Uẩn Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên”. Tuy nhiên trong phần Toát Yếu Mẫu Đề có việc định đặt cả hai Duyên ấy sai biệt với nhau bởi vì Vô Gian Duyên ấy,

thể theo phần như vậy “Nhân Thức Giới và Pháp tương ưng với Nhân Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới và đối với Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Vô Giác Duyên và Cận Y Duyên; rồi đi đến phần như sau “Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên”. Ngay Phần Toát Yếu Mẫu Đề, khi nói theo nội dung chủ yếu thì cũng đã đồng nhất với nhau. Cho dù như thế ấy đi nữa, bậc tu học nên hiểu biết rằng “Gọi là **Vô Giác Duyên** vì có khả năng làm cho Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) thích hợp đối với mình và khởi sinh ở trong thuận tự của mình; và gọi là **Vô Giác Cận Y Duyên** vì Tâm sinh trước có năng lực làm cho cái Tâm sau khởi sinh”. Ví tựa như điều nói rằng “Trong Nhân Duyên v.v. cho dù một số Pháp đã diệt đi, Tâm cũng thường khởi sinh lên như thế nào, thì Tâm nối tiếp nhau của mình diệt đi thường không có việc Tâm sẽ khởi sinh cũng dường như thế ấy. Vì thế, mới gọi là “tác thành Duyên hữu năng lực”. Nên hiểu biết sự sai biệt cả hai thể loại Vô Giác Duyên với Vô Giác Cận Y Duyên rằng như thế này “Gọi là Vô Giác Duyên với mãnh lực sự việc vẫn làm cho Tâm tương hợp với mình được sinh khởi trong thuận tự của mình; gọi là Vô Giác Cận Y Duyên với mãnh lực làm Tác Nhân hữu năng lực, với trường hợp như vậy”.

Còn **Thường Cận Y Duyên** có lời giải thích như tiếp theo đây. Tính cách (**Upanissaya**) ở người đã thực hiện trước đó, gọi là Thường Cận Y. Chỗ gọi là “Thường” (**Pakata**) (sự việc đã từng thực hiện) tức là các Pháp có Tín (**Saddhā**) và Giới (**Sīla**) v.v. ở người đã hoàn thành trong bản tính của mình, hoặc Quý Tiết (**Utu**) và Âm Thực (**Bhojana**) v.v. ở người cứ cảm thọ lấy. Hơn nữa, đích thị chính là tính cách thường nhiên, gọi là Thường Cận Y. Giải thích rằng “làm duyên bất hỗn hợp với Cảnh Duyên và Vô Giác Duyên”. Quả thực, bậc tu học nên hiểu biết phạm trù có phạm vi chẳng phải ít ỏi của Thường Cận Y ấy, thể theo phần dẫn chứng có như vậy “Chỗ gọi là Thường Cận Y, tức là người đã nương vào Tín (**Saddhā**) mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định, Minh Sát, Đạo, Thắng Trí, Nhập Định cho khởi sinh lên. Đã nương vào Giới (**Sīla**), Văn (**Suta**), Thí (**Cāga**), Tuệ (**Paññā**) mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định, Minh Sát, Đạo, Thắng Trí, Nhập Định cho khởi sinh lên. Tín, Giới, Văn, Thí (và) Tuệ làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí (và) Tuệ. Pháp có những thể loại như Tín đây mà người đã có thực hiện trước rồi, gọi là “tác thành Cận Y” bởi vì có nghĩa là “làm Tác Nhân hữu năng lực”; và vì lẽ ấy mới gọi là Thường Cận Y, với trường hợp như vậy.

Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự việc khởi sinh lên trước và vẫn đang còn hiện hành, gọi là Tiền Sinh Duyên (**Purejātapaccaya**). Tiền Sinh Duyên có 11 thể loại với mãnh lực Vật và Cảnh (**Vatthu - Ārammaṇa**) và Sắc Tâm Cơ (**Hadayavatthu**) trong Ngũ Môn (**Pañcadvāra**). Ví tựa như Đức Thế Tôn đã thuyết giáo rằng “Nhân Xứ (**Cakkhāyatana**) làm duyên đối với Nhân Thức Giới (**Cakkhuvīññādhātu**), và đối với các Pháp tương ưng với Nhân Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên; Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ (làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới, v.v.) Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên (đối với Nhân Thức Giới v.v.) đối với Thân Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng (với Nhĩ Thức Giới v.v.) với Thân Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên (*). Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ bất luận Sắc nào

hiện hành, Sắc ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên, làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Có đôi khi làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên và có đôi khi bắt tác thành duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên (**Purejātapaccaya**)”.

[(*) Nội dung tại chỗ này dịch theo phần **Pāli** ngữ ở trong Bộ Chú Giải mà Ngài rút nội dung cho ngắn lại. Sự quảng khoáng nên xem trong phần **Pāli** ngữ điều 11 ở giai đoạn đầu. Trong việc dịch thuật đã bỏ túc nội dung để vào trong dấu ngoặc và dùng điểm chấm nhỏ để hiểu ngầm ý nghĩa, nhằm để cho độc giả nắm bắt được nội dung].

Vô Sắc Pháp tác thành Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo ý nghĩa “phù thực đối với Sắc Pháp đã khởi sinh trước”, ví tựa như tư tác ý kỳ vọng vật thực giúp đỡ phù thực chim kên kên con, gọi là Hậu Sinh Duyên (**Pacchājātapaccaya**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Pháp Tâm và Tâm Sở về sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên (**Pacchājātapaccaya**)”.

Pháp giúp đỡ phù trợ để cho các Pháp sinh nối tiếp nhau một cách linh hoạt và có năng lực thể theo ý nghĩa “hưởng thụ trùng lặp”. Tự hồ việc phối hợp sự cần miễn, thoát đầu trong sự nghiên cứu học hỏi v.v. gọi là Trùng Dụng Duyên (**Āsevanapaccaya**). Trùng Dụng Duyên có ba thể loại với mãnh lực Đồng Lực Thiện (**Kusalajavana**), Đồng Lực Bất Thiện (**Akusala javana**) và Đồng Lực Duy Tác (**Kiriyājavana**). Ví tựa như Đức Thế Tôn đã thuyết giáo rằng “Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Các Pháp Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên”.

Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự tác hành, tức là sự cần miễn (**Payoga**) của Tâm, gọi là Nghiệp Lực Duyên (**Kammappaccaya**). Nghiệp Lực Duyên có hai thể loại, đó là Tư Tâm Sở Thiện (**Kusalacetanā**) và Tư Tâm Sở Bất Thiện (**Akusalacetanā**) khởi sinh trong sát na sai biệt và các Tư Tâm Sở đồng cấu sinh. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Thiện Nghiệp Lực (**Kusalakamma**) và Bất Thiện Nghiệp Lực (**Akusalakamma**) làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả (**Vipākakhandhā**), và Sắc Tái Tục (**Kaṭattārūpa**) theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Pháp Thực Tính (**Sabhāvadhamma**) tức là các Tư Tâm Sở làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Tư Tâm Sở, và đối với các Sắc mà có Pháp Tư Tâm Sở ấy làm Xuất Sinh Xứ (**Samuṭṭhāna**) theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (**Kammappaccaya**)”.

Pháp Dị Thục Quả giúp đỡ phù trợ thể theo “sự bất cần miễn”, bởi do sự bất cần miễn nên gọi là Dị Thục Quả Duyên (**Vipākappaccaya**). Dị Thục Quả Duyên thường làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Thời Kỳ Chuyển Khởi (**Pavattikāla**), đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục (**Paṭisandhikāla**), và đối với Pháp tương ưng với Tâm Dị Thục Quả ấy trong tất cả mọi thời kỳ. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn, và đối với Sắc Pháp mà có

Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, v.v., một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả trong sát na Tái Tục làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, v.v., ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, v.v., hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, và đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Vật (**Vatthurūpa**) theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (**Vipākappaccaya**). (*)

[(*) Bộ Phát Thú – Tạng Vô Tỷ Pháp, quyền 40 / trang 525 / điều 166].

Tứ Vật Thục (**Āhāra**) giúp đỡ phù trợ thể theo ý nghĩa là “giúp đỡ phù thực đối với Sắc Pháp và Danh Pháp”, gọi là Vật Thục Duyên (**Āhārapaccaya**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Đoàn Thục (**Kavalīṅkārahāra**) làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thục Duyên. Vật Thục ở phần Vô Sắc làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Danh Vật Thục (**NāmaĀhāra**), và đối với các Sắc Pháp mà có Danh Vật Thục ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thục Duyên”. Còn trong Giai Đoạn Ván Đề (**Pañhāvāra**) Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Vật Thục ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, và đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục theo phương thức Vật Thục Duyên (**Āhārapaccaya**)”.

20 Quyền Lực (**Indrīya**) - trừ ra Nữ Quyền Lực (**Itthindrīya**) và Nam Quyền Lực (**Purisindrīya**) – giúp đỡ phù trợ thể theo ý nghĩa “tác thành cực kỳ chủ yếu”, gọi là Quyền Lực Duyên (**Indrīyapaccaya**). Tất cả những thể loại Quyền Lực ấy, Ngũ Quyền Lực có Nhân Quyền Lực (**Cakkhundrīya**) v.v. đặc biệt chỉ làm duyên đối với Vô Sắc Pháp, chỗ còn lại thì làm duyên đối với cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Nhân Quyền Lực làm duyên đối với Nhân Thức Giới v.v., Nhĩ Quyền Lực, Tỷ Quyền Lực, Thiệt Quyền Lực, Thân Quyền Lực làm duyên đối với (Nhĩ Thức Giới, v.v.) Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới v.v. theo phương thức Quyền Lực Duyên (*) v.v. Sắc Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. Danh Quyền Lực làm duyên đối với các Pháp tương ưng, và đối với các Sắc Pháp mà có Pháp tương ưng ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.”

[(*) Dịch theo từ ngữ **Pāli** trong Bộ Chú Giải. Nên xem sự quảng khoáng ở trong phần Xiển Minh (**Niddesa**) điều [17] trang 76].

Tuy nhiên trong Giai Đoạn Ván Đề (**Pañhāvāra**), Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Quyền Lực ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên trong sát na Tái Tục”.

Cả Thất Chi Thiên Na (**Aṅgajhāna**) theo phần Thiện v.v. – trừ ra Lạc Thọ (**Sukha vedanā**) và Khổ Thọ (**Dukkhavedanā**) hiện hành Lộ Thân Môn - ở trong Ngũ Song Thức giúp đỡ phù trợ thể theo ý nghĩa là “cứ chú mục thâm thị vào Cảnh”, gọi là Thiên Na Duyên (**Jhānapaccaya**).

Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Chi Thiên làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Thiên Na, và đối với Sắc tương ưng với Thiên Na ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiên Na Duyên”. Còn trong Giai Đoạn Ván Đề (**Pañhāvāra**), Đức Thế

Tôn đã có thuyết giáo rằng “Chi Thiên ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, và đối với Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục theo phương thức Thiên Na Duyên”.

Mười hai Chi Đồ Đạo (**Āṅgamagga**) theo phần Thiện v.v. giúp đỡ phù trợ theo ý nghĩa là làm Tác Nhân dẫn đạo trong bất luận một đạo lộ nào, gọi là Đồ Đạo Duyên (**Magga paccaya**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Chi Đồ Đạo làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Đồ Đạo, và đối với các Sắc mà có Đồ Đạo và đối với các Sắc mà có Pháp tương ưng với Đồ Đạo ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Còn trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**), Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Chi Đồ Đạo ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, và đối với Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục theo phương thức Đồ Đạo Duyên”. Tuy nhiên cả hai Thiên Na Duyên và Đồ Đạo Duyên đây, nên hiểu biết rằng “thường không có ở trong Ngũ Song Thức và Tâm Vô Nhân”, theo chỗ đã đề cập (có ý nghĩa đến Ngũ Song Thức bất tác thành Thiên Na Duyên, Tâm Vô Nhân bất tác thành Đồ Đạo Duyên). Vô Sắc Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự tác thành thực tính “cùng phối hợp với nhau”, tức là có cùng một trú căn (**Ekavatthuka – Đồng Trú Căn**), có cùng một Cảnh (**Ekārammaṇa – Đồng Cảnh**), khởi sinh trong cùng một sát na (**Ekuppāda – Đồng Sinh**) và cùng diệt tắt (**Ekanirodha – Đồng Diệt**), gọi là Tương Ứng Duyên (**Sampayuttapaccaya**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Tương Ứng Duyên”. Sắc Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách bất hợp thực tính có cùng một trú căn v.v. tác thành Bất Tương Ứng Duyên (**Vippayuttapaccaya**) đối với Vô Sắc Pháp. Ngay cả Vô Sắc Pháp cũng tác thành Bất Tương Ứng Duyên đối với Sắc Pháp. Bất Tương Ứng Duyên có ba thể loại, đó là Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (**Sahajātavippayuttapaccaya**), Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (**Pacchājāta vippayuttapaccaya**) và Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (**Purejātavippayuttapaccaya**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Uẩn Thiện câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Các Uẩn Thiện sinh sau sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên”. Còn trong Phần Phân Tích Câu Sinh (**Sahajātavibhaṅga**) của Câu Vô Ký (**Abyākatapada**), Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Trong sát na Tái Tục, các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Vật (**Vatthurūpa**) theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Uẩn làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên”. Còn Tiền Sinh, nên hiểu biết theo Vật (**Vatthu**) có Nhân Quyền Lực v.v. Tự hồ Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Nhân Xứ sinh trước làm duyên đối với Nhân Thức theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên v.v., Thân Xứ sinh trước làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Vật làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác. Vật làm duyên đối với các Uẩn Thiện, Vật làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên” như thế này. Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo ý nghĩa là giúp đỡ phù trợ đối với Pháp cùng một chủng loại thể theo thực tính “vẫn đang còn hiện hữu”, và “có việc sinh khởi hiện hữu trước mắt” làm trạng thái, gọi là Hiện Hữu Duyên (**Atthipaccaya**). Đối với Hiện Hữu Duyên, Đức Thế Tôn đã lập ý định đặt bảy thể loại Mẫu

Đề (**Mātikā**), đó là: 1/. Các Vô Sắc Uẩn (**Arūpakhandhā**), 2/. Sắc Đại Hiện (**Mahābhūtarūpa**), 3/. Danh Sắc (**Nāmarūpa**), 4/. Tâm Tâm Sở (**CittaCetasika**), 5/. Sắc Đại Hiện (**Mahābhūtarūpa**), 6/. Xứ (**Āyatana**), và 7/. Vật (**Vatthu**). Ứng hợp với Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Danh Sắc làm duyên hỗ tương nhau, các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ; Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh; Nhãn Xứ v.v., Thân Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới, v.v., Thân Thức Giới và Pháp tương ưng ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ v.v., Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới và Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ Sắc nào hiện hành, Sắc Pháp ấy làm duyên đối với Ý Giới, đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới và Ý Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên”.

Còn trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**), Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “**Sahajātaṃ Purejātaṃ Pacchājātaṃ Āhāraṃ Indriyaṃ**” (Câu Sinh Duyên - Tiền Sinh Duyên – Hậu Sinh Duyên – Vật Thực Duyên – Quyền Lực Duyên) rồi lập ý giải thích trong Câu Sinh Duyên trước, thể theo Phần có như vậy “một Uẩn làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên”. Trong Tiền Sinh Duyên, lập ý giải thích với mãnh lực Nhãn Thanh Triệt (**Cakkhupasāda**) v.v. sinh trước. Trong Hậu Sinh Duyên, lập ý giải thích với mãnh lực các Tâm và Tâm Sở sinh về sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước. Còn trong Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, lập ý giải thích như thế này “Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên”.

Vô Sắc Pháp đã diệt mất một cách không có khoảng cách xen kẽ, tác thành phù trợ với việc tạo cho cơ hội đối với Sắc Pháp sẽ sinh trong thuận tự của mình hiện hành, gọi là Vô Hữu Duyên (**Natthipaccaya**). Tự hồ Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Tâm và Tâm Sở đã diệt mất rồi theo thuận tự một cách tốt đẹp làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở khởi sinh lên hiện hữu theo phương thức Vô Hữu Duyên”.

Đích thị Pháp làm Vô Hữu Duyên được gọi là Ly Khứ Duyên (**Vigatapaccaya**) vì giúp đỡ phù trợ thể theo thực tính “đã lìa khỏi rồi”. Tự hồ Đức Thế Tôn đã có thuyết giáo rằng “Các Pháp Tâm và Tâm Sở đã lìa khỏi rồi theo thuận tự một cách tốt đẹp làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở khởi sinh lên hiện hữu theo phương thức Ly Khứ Duyên”.

Đích thị Pháp làm Hiện Hữu Duyên, bậc tu học nên hiểu biết được gọi là Bất Ly Duyên (**Avigatapaccaya**) vì giúp đỡ phù trợ theo thực tính “vẫn chưa có xa lìa”. Tuy nhiên Đức Thế Tôn thuyết giáo đôi Duyên này, là với mãnh lực Hữu Tình Khả Huấn Luyện (**Veneyyasatta**) chắc hẳn là sẽ được giới thiệu thể loại ấy theo phương thức Thuyết Giáo Hoàn Hảo (**Desanāvilāsa**) (việc thuyết giáo một cách quảng bác), tự hồ đã thuyết giáo “Nhị Đề Hữu Nhân” (**Sahetukaduka**) và rồi cũng vẫn thuyết giáo “Nhị Đề Hữu Nhân Tương Ưng” (**Sahetukasampayuttaduka**) v.v. một lần nữa.

KẾT LUẬN GIAI ĐOẠN XIÊN THUẬT

Để không có sự mê muội trong 24 thể loại Duyên này, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định (Vinicchaya) theo Pháp (Dhamma), theo Thời Gian (Kāla), theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt và theo Sở Duyên (Paccayuppanna) (*)

[(*): Bởi theo Sở Duyên (chẳng phải Parattayuppanna – Hiện Tại) phiên dịch từ ngữ Paccayuppannato là từ ngữ mà Ngài đặc biệt chỉ dùng ở trong Bộ Chú Giải này, ý nghĩa từ ngữ Ngài đã giải thích trong trang 30 của quyển kinh điển này và xin dùng chữ phụ âm Paccayuppanna suốt cả quyển kinh này].

Tất cả những nghĩa từ ấy, lời nói rằng “Theo Pháp” (Dhamma) là tất cả 24 Duyên này, thuận tự Nhân Duyên (Hetupaccaya) đó là một phần Danh Pháp (Nāmadhamma) trong các Danh Pháp và Sắc Pháp.

Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya) đó là hết cả thấy Danh Pháp và Sắc Pháp, cùng với Chế Định và không có Chế Định.

Trong Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya), Câu Sinh Trưởng Duyên (Sahajātādhipati paccaya) đó là một phần Danh Pháp.

Nghiệp Lực Duyên (Kammapaccaya), Thiên Na Duyên (Jhānapaccaya) và Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya) cũng tương tự.

Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇādhipatipaccaya) đó là các Pháp tác thành Cảnh thích đáng làm cho nghiêm trọng với các Pháp Tâm và Tâm Sở.

Vô Gian Duyên (Anantarapaccaya), Đẳng Vô Gian Duyên (Samanantarapaccaya), Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccaya), Trùng Dục Duyên (Āsevanapaccaya), Dị Thực Quả Duyên (Vipākapaccaya), Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya), Vô Hữu Duyên (Natthi paccaya), Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya) đặc biệt chỉ có là Danh Pháp. Tuy nhiên sẽ nói rằng “là một phần Danh Pháp” cũng được, vì không có được liệt kê Níp Bàn (Nibbāna) vào.

Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya) là một phần Sắc Pháp.

Sở Duyên còn lại sẽ không có được cả Danh Pháp và Sắc Pháp với mãnh lực Pháp.

Bậc tu học nên thẩm định (Vinicchaya) “Theo Pháp” (Dhamma) trong cứ liệu này như đã miêu thuật chỉ có ngần này.

Lời nói rằng “Theo Thời Gian” (Kāla) có nghĩa là:

Tất cả những thể loại Duyên này:

Có 15 Duyên là ở Thời Kỳ Hiện Tại.

Có 5 Duyên là ở Thời Kỳ Quá Khứ.

Có 1 Duyên nương cả hai Thời Kỳ.

Có 3 Duyên vừa hiện hành trong cả ba Thời Kỳ và vừa thoát ly thời gian.

Quả thực, tất cả những thể loại Duyên này, có 15 Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiên Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, chỉ có duy nhất Pháp Hiện Tại.

Có năm thể loại Duyên này, đó là: Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên, chỉ có duy nhất Pháp Quá Khứ.

Còn một Duyên, đó là Nghiệp Lực Duyên nương cả hai Thời Kỳ, là Hiện Tại và Quá Khứ.

Ba thể loại Duyên còn lại đây, đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên hiện hành trong cả ba Thời Kỳ cũng được, và cả Ngoại Thời (**Kālavimutti**) (ở ngoài thời gian) cũng được, bởi vì liệt kê Níp Bàn với Chế Định vào.

Bậc tu học nên hiểu biết thâm định (**Vinicchaya**) “**Theo Thời Gian**” trong những thể loại Duyên này, như đã có được miêu thuật.

Còn lời nói rằng “**Theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt và theo Sở Duyên**” (**Paccayuppanna**) sẽ có nội dung minh hiển ở trong Giai Đoạn Xiển Minh (**Niddesa vāra**).

Kết Thúc Giai Đoạn Xiển Thuật

-----00000-----

GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ (PACCAYAVIBHAṄGAVĀRA)

I. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[2] Nhân Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách làm thành Tác Nhân), tức là Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân, và đối với Sắc Pháp mà có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên”.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH NHÂN DUYÊN (ADHIPPĀYAHETUPACCAYANIDDESA) (*)

[(*) Chánh Tạng Pāli gọi là “Paccayavibhaṅgavāra” (Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ), Bộ Chú Giải gọi là “Paccayaniddesa” (Xiển Minh Duyên Hệ), có tên gọi Duyên Hệ (Paccaya) ở phía trước trong quyển kinh này, gọi tên chủ đề theo Bộ Chú Giải].

Bây giờ để sẽ trình bày xiển minh toàn bộ những thể loại Duyên ấy, theo thuận tự Duyên Hệ đã liệt cử, Đức Thế Tôn mới khai thuyết có lời chẳng hạn như là “Nhân Duyên” (Hetupaccaya) tức là “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân, và đối với Sắc Pháp mà có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên”. Tất cả 24 thể loại Duyên ấy, Đức Thế Tôn đã liệt cử Nhân Duyên này lên trình bày trước hết tất cả Duyên, rồi cũng lập ý phân tích theo thuận tự đã được định vị. Tuy nhiên trong các Duyên còn lại, bậc tu học nên hiểu biết rằng Đức Thế Tôn đã lập ý liệt cử Câu Lọc đáng phân tích lên trước và lập ý thực hiện việc giải đáp (Vissajjanā – Đáp Vấn) theo phần này tương tự. Còn việc lập lại lời nói ở trong cứ liệu này có như thế này: “Duyên nào mà Đức Thế Tôn đã lập ý liệt kê ở trong phần Xiển Thuật (Uddesa) Duyên Hệ là Nhân Duyên (Hetupaccaya) thì Duyên ấy bậc tu học nên hiểu biết theo phần Xiển Minh (Niddesa) như sau đây: “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân, và đối với Sắc Pháp mà có Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên”. Bậc tu học nên hiểu biết việc lập lại lời nói với việc giải đáp ở lời nói thích đáng phân tích với các Duyên thể theo phương sách này.

Bây giờ có lời vấn hỏi rằng “trong lời nói “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân” (Hetū hetusampayuttakāṇaṃ) đây, Đức Thế Tôn không có thuyết giáo rằng “Pháp tương ưng với Nhân” (Hetusampayuttakāṇaṃ) mà thuyết giáo là: “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân” (Hetū hetusampayuttakāṇaṃ) như thế này, vì lý do nào?” Trả lời là: “vì việc quy định Năng Duyên (Paccaya) và Sở Duyên (Paccayuppanna) (Duyên khởi sinh trước mắt)”. Quả thực, khi Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “tương ưng với Nhân”

(**Hetusampayuttakānam**) việc quy định Năng Duyên là “Pháp có tên gọi ấy” (là Nhân) làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Nhân theo phương thức Nhân Duyên như thế này thì ai ai cũng không hiểu biết được. Hơn nữa, vì không chủ tâm với nội dung nói rằng “các Pháp tương ưng với Nhân, gọi là **Pháp tương ưng với Nhân (Hetu sampayuttakānam)** nội dung chính lẽ ra nên có là “Nhân làm duyên đối với bất luận một thể loại Pháp nào cùng tương ưng với nhau theo phương thức Nhân Duyên”. Khi đã là như thế, cho dù Tâm Nhân Thức v.v. không phối hợp với Nhân, cũng gọi là “**cùng phối hợp với nhau (Sampayuttakā)**”, tự hồ Pháp Thiện v.v. phối hợp với Nhân cũng gọi là “**Sampayuttakā**” (cùng tương ưng với nhau). Tất cả những thể loại Sở Duyên ấy, khi Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “Nhân này làm duyên đối với Pháp có tên gọi ấy cùng tương ưng với nhau” việc quy định Pháp tác thành Sở Duyên, ai ai cũng không hiểu biết được. Vì lẽ ấy, khi Đức Thế Tôn sẽ lập ý quy định cả Năng Duyên và Sở Duyên, mới thuyết giáo là “**Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân (Hetu hetusampayuttakānam)**”.

Điều ấy có lời giải thích rằng “Nhân tương ưng làm duyên đối với các Pháp có Thiện v.v. tương ưng với Nhân, với mãnh lực Nhân Duyên”. Tuy nhiên trong lời nói ấy, Đức Thế Tôn cũng không thuyết giáo rằng: “duy nhất một thể loại **Duyên (Paccayo)**” mới thuyết giáo là “**Nhân Duyên (Hetupaccayena)**” nhằm để phủ nhận sự việc Nhân làm Duyên theo một trường hợp khác. Quả thực, Nhân này vừa làm duyên với Nhân Duyên cũng được, vừa với mãnh lực Câu Sinh Duyên v.v. cũng được. Đức Thế Tôn thuyết giáo lời nói rằng “**Nhân Duyên (Hetupaccayena)**” để trong cứ liệu này, cũng nhằm để phủ nhận sự việc Nhân này làm Duyên theo một trường hợp khác, với mãnh lực Duyên, như có Câu Sinh Duyên v.v. Vấn hỏi rằng: “Khi đã là như thế, vì lý do nào Đức Thế Tôn mới không thuyết giáo rằng “**đối với Pháp tương ưng ấy (Tamsampayuttakānam)**” mà lại thuyết giáo là “**đối với Pháp tương ưng với Nhân (Hetusampayuttakānam)**” ?” Trả lời là: “Bởi vì Duyên sẽ được giải thích vẫn chưa có hiện bày”.

Quả thực, khi Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “**Pháp tương ưng với Nhân ấy (Tamsampayuttakānam)**”, tất cả những thể loại Pháp ấy sẽ gọi là: “**Pháp tương ưng với Nhân ấy (Tamsampayuttakā)**” với Pháp tác thành bất luận Nhân nào, Pháp tác thành Nhân ấy mà Đức Thế Tôn đáng ra phải lập ý thuyết minh rằng Pháp có tên gọi như thế này, vẫn chưa có hiện bày. Bởi do điều nói về Pháp ấy vẫn chưa có hiện bày, Bậc Hiền Trí (**Paṇḍita**) sẽ gọi Pháp tương ưng với bất luận Nhân nào ấy là: “**Pháp tương ưng với Nhân ấy (Tamsampayuttakā)**” như thế này. Khi sẽ trình bày một cách ngắn gọn cái Nhân ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là “**Pháp tương ưng với Nhân (Hetusampayuttakānam)**”.

Còn trong lời nói rằng “**có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ (Tamsamuṭṭhānānam)**” đây, Đức Thế Tôn lập ý sử dụng từ ngữ “**ấy (Tam)**” bởi vì Duyên cần được giải thích đã hiện bày rồi”. Quả thực, trong cứ liệu này có nội dung như thế này “với những thể loại Nhân ấy và với Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ những thể loại Sắc Pháp ấy”, vì lẽ ấy những thể loại Sắc Pháp ấy mới gọi là “**có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ**”. Đối với những thể loại Sắc Pháp ấy có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ giải thích rằng “**đối với Sắc Pháp được khởi sinh từ ở nơi Nhân**”.

và Pháp tương ưng với Nhân”. Lập ý chú tâm đến Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ với lời nói này. Vấn hỏi rằng: “cũng chính Sắc Pháp ấy thường khởi sinh cho dù với Pháp khác ngoài ra từ nơi Tâm có được hay không ?” Trả lời rằng: “Khởi sinh lên được”. Quả thực, cho dù hết cả thấy các Tâm và Tâm Sở câu sinh với nhau thường làm cho Sắc khởi sinh lên được, tuy nhiên Đức Thế Tôn thuyết giáo Pháp Hiệp Thế (**Lokīyadhammadesanā**) nói rằng: “thể loại Sắc Pháp ấy có Tâm làm Xuất Sinh Xứ vì có ý nghĩa Tâm làm trưởng trội”. Chính vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là: “Các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)**”.

Vấn hỏi rằng: “Nếu là như thế, Đức Thế Tôn thuyết giáo để trong cứ liệu này nói rằng: **“có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ” (Taṃsamutṭhānāṇaṃ)** không thuyết giáo như thế này **“có Tâm làm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamutṭhānāṇaṃ)** là vì lý do nào ?” Trả lời là: “Bởi vì liệt kê Sắc Pháp mà không có Tâm làm Xuất Sinh Xứ vào với nhau”. Quả thực, trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) Chánh Tạng **Pāli** có dẫn chứng nói rằng “Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng với Nhân, và đối với Sắc Tái Tục ở trong sát na Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên”. Đức Thế Tôn không thuyết giáo nói rằng: **“có Tâm làm Xuất Sinh Xứ (Cittasamutṭhānāṇaṃ)** mà thuyết giáo là: **“có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ” (Taṃsamutṭhānāṇaṃ)** để ở trong cứ liệu này cũng ngõ hầu sẽ liệt kê Sắc Tái Tục ấy vào.

Có lời giải thích rằng “Những thể loại Nhân ấy và Pháp tương ưng với Nhân, cho dù sẽ không làm cho Sắc Tâm (**Cittajarūpa**) khởi sinh lên được, mà cũng được sắp làm Xuất Sinh Xứ những thể loại Sắc Pháp ấy với mãnh lực **Câu Sinh Duyên (Sahajāta paccaya)** v.v. vì lẽ ấy, những thể loại Sắc Pháp ấy mới gọi là **“có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ”**. (Nhân làm duyên) đối với những thể loại Sắc Nghiệp (**Kammajarūpa**) mà có Tâm và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ. Nhân làm duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi (**Pavattikāla**), và đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. Cho dù ở nơi khác trong Chánh Tạng **Pāli** có lời nói rằng **“có Nhân và Pháp tương ưng với Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ” (Taṃsamutṭhānāṇaṃ)**, bậc tu học cũng nên hiểu biết theo phương sách giải thích này.

Vấn hỏi rằng: “Và vì lý do nào, Nhân này mới làm Nhân Duyên đối với Sắc Tái Tục chỉ duy nhất ở trong Thời Kỳ Tái Tục, mà không làm Nhân Duyên ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ?” Trả lời là: “Vì Sắc Nghiệp có sự hiện hành hữu quan với Tâm ở trong Thời Kỳ Tái Tục”. Quả thực ở trong Thời Kỳ Tái Tục, Sắc Nghiệp có sự hiện hành hữu quan với Tâm, tức là thường được khởi sinh lên và tồn tại với Tâm. Bởi vì ở trong sát na ấy, Tâm không có khả năng sẽ làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được. Tuy nhiên, loại trừ Tâm ra thì những thể loại Sắc Pháp ấy thường không có khả năng sẽ khởi sinh lên được. Tương hợp Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng: “Danh Pháp và Sắc Pháp thường sinh bởi do Thức làm duyên. Khi Thức ấy vẫn còn đang tồn tại, Danh Pháp và Sắc Pháp mới khởi sinh lên được”.(*)

[(*): **Sampayutta Nikāya – Nidānavagga** - Tương Ưng Kinh: 16 / 148 / 80]

Tuy nhiên ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, những thể loại Sắc Nghiệp ấy – dù cho là Tâm sẽ vẫn còn hiện hữu – cũng chỉ có sự hiện hành hữu quan với Nghiệp Lực thôi, và bất hữu quan

với Tâm. Lại nữa, đối với Bậc Nhập Thiền Diệt, cho dù là không có Tâm khởi sinh, Sắc Nghiệp cũng vẫn khởi sinh lên được.

Vấn hỏi rằng: “Vì lý do nào ở trong Thời Kỳ Tái Tục, Tâm mới không có khả năng làm cho Sắc Tâm khởi sinh lên được ?” Trả lời là: “Vì vừa có năng lực yếu kém, lại vừa bị năng lực Nghiệp Lực xung kích, và vẫn chưa có nơi nương tựa kiên cố”. Quả thực ở trong Thời Kỳ Tái Tục, Tâm ấy bị năng lực Nghiệp Lực xung kích, và gọi là “vẫn chưa có nơi nương tựa kiên cố” vì vẫn chưa có Sắc Vật (**Vatthurūpa**) tác thành **Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccaya)**; vì lẽ ấy, mới gọi là “có năng lực yếu kém”.

Vì lẽ ấy, Tâm Tái Tục mới không có khả năng cho Sắc khởi sinh lên được, tự hồ người vừa rơi xuống vực thẳm thì không có khả năng sẽ trình bày bất luận nghệ thuật nào cả. Chỉ có Sắc Nghiệp tồn tại ở trong trú xứ của Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ tương phối người ấy. Và Tâm ấy cũng tồn tại ở trong trú xứ chỉ tác thành chủng tử (**Bija**) của Sắc Nghiệp. Còn Nghiệp Lực (**Kamma**) tỷ như đồng ruộng và Phiền Não (**Kilesa**) tỷ như nước đối với Sắc Nghiệp ấy; vì lẽ ấy trong sát na Tái Tục, sắc thân thường được sinh khởi với quyền lực của Tâm, tỷ như khi có đồng ruộng và nước thì cây cối thường được sinh khởi với quyền lực của hạt giống thực vật trong lúc khởi sinh lần đầu tiên. Cho dù loại trừ Tâm ra, Sắc Nghiệp cũng vẫn thường hiện hành bởi do Nghiệp Lực tỷ như cây cối dù cho hạt giống thực vật đã diệt mất đi, cây cối cũng vẫn phát triển to lớn, đích thị chính là với quyền lực của mặt đất và nước. Phù hợp với sự thực Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “Nghiệp Lực tỷ như đồng ruộng, Thức tỷ như chủng tử, và Ái Dục tỷ như cây cao su”. (*)

[(*) : **Aṅguttara Nikāya – Tikanipāṭa** – Tăng Chi Bộ Kinh Phẩm Ba Chi Pháp: 20 / 516 / 287].

Và cũng với nội dung này, bậc tu học chỉ nên chú tâm về mãnh lực Môn Hộ (**Bhūmi – Địa Giới**) thôi. Quả thực, Môn Hộ (**Okāsa**) có ba thể loại, đó là: Môn Hộ Danh Pháp (**Nāma**), Môn Hộ Sắc Pháp (**Rūpa**), và Môn Hộ Danh Pháp và Sắc Pháp.

Hết cả thấy ba Môn Hộ ấy, Vô Sắc Địa Giới (**Arūpabhava**) gọi là Môn Hộ Danh Pháp. Bởi do gọi là ở trong Vô Sắc Địa Giới thì chỉ có Vô Sắc Pháp thường khởi sinh lên thôi, do đã loại trừ Sắc Pháp tác thành duyên, và duy nhất chỉ có Sắc Tâm Cơ (**Hadaya vatthurūpa**). Vô Tướng Địa Giới (**Asaññabhava**) gọi là Môn Hộ Sắc Pháp, là vì ở trong Vô Tướng Địa Giới, Sắc Pháp thường khởi sinh lên do đã loại trừ Danh Pháp tác thành duyên, và duy nhất chỉ có Tâm Tái Tục. Cõi Ngũ Uẩn (**Pañcavokārabhava**) gọi là Môn Hộ Danh Pháp và Sắc Pháp, là vì ở trong Cõi Ngũ Uẩn ấy và trong Thời Kỳ Tái Tục chỉ có duy nhất loại trừ Sắc Vật thì Vô Sắc Pháp thường không khởi sinh lên được, và tương tự khi loại trừ Tâm Tái Tục thì Sắc Pháp sinh từ ở nơi Nghiệp Lực thường không khởi sinh lên được. Cả đôi Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp thường khởi sinh lên với nhau. Ví tựa như trong nhà nước có nhà chức trách, có người gác cổng, khi loại trừ mệnh lệnh của nhà vua thì không có ai sẽ đi vào trước được; tuy nhiên khi được đón nhận sự phê chuẩn (**Anuññāta**), từ đó trở về sau cho dù sẽ loại bỏ mệnh lệnh đi thì cũng vẫn cứ được đi vào với quyền lực của mệnh lệnh lúc trước như thế nào, trong Cõi Ngũ Uẩn, khi loại trừ Thức Tái Tục mà có Câu Sinh Duyên v.v. làm duyên thì sẽ không có Sắc Pháp khởi sinh lên lần đầu tiên với mãnh lực Tái Tục, tuy nhiên trở về sau Thời Kỳ Tái Tục, cho dù

sẽ loại trừ Thức Tái Tục mà có quyền lực của Câu Sinh Duyên v.v. làm duyên, Sắc Pháp sẽ khởi sinh lên với quyền lực Nghiệp Lực trong thời kỳ trước, thường được hiện hành chính do bởi Nghiệp Lực ấy, cũng dường như thế đó. Còn Vô Tướng Địa Giới thường bắt tác thành Môn Hộ Vô Sắc Pháp, bởi do đó ở trong Vô Tướng Địa Giới ấy, loại bỏ Vô Sắc Pháp tác thành duyên đi, Sắc Pháp cũng vẫn thường được hiện hành, bởi do tác thành Môn Hộ (**Bhūmi – Địa Giới**) của Chúng Hữu Tình Vô Tướng, cũng tỷ như ở trong nhà trống không có chủ nhân, hoặc ở trong nhà của mình, người ta thường cứ đi vào như thế ấy. Cho dù Vô Sắc Địa Giới thường bắt tác thành Môn Hộ Sắc Pháp, bởi do đó ở trong Vô Sắc Địa Giới ấy, loại trừ Sắc Pháp tác thành duyên, Vô Sắc Pháp cũng vẫn thường được hiện hành, bởi do tác thành Môn Hộ (**Bhūmi – Địa Giới**) của Chúng Hữu Tình Hữu Tướng. Và Cõi Ngũ Uẩn (**Pañcavokārabhava**) tác thành Môn Hộ Sắc Pháp và Danh Pháp, vì lẽ ấy trong Thời Kỳ Tái Tục ở trong Cõi Ngũ Uẩn này, loại trừ Danh Pháp tác thành duyên thì thường là Sắc Pháp sẽ không khởi sinh lên được. Vì thế, với lý do này mới tác thành duyên đối với Sắc Tái Tục chỉ ở trong Thời Kỳ Tái Tục thôi, và không có ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi. Vấn hỏi rằng: “Và khi Đức Thế Tôn đã thuyết giáo là: “Nhân làm duyên đối với Pháp câu sinh với Nhân theo phương thức Nhân Duyên” chẳng phải coi như đã tóm lấy hết cả thảy nội dung này sao; khi đã là như thế, vì lý do nào Đức Phật Ngài lại tiếp thêm nữa với lời nói như thế này “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân, và đối với Sắc Pháp mà có Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ”? Trả lời là: “Vì lập ý phủ nhận sự làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi”. Quả thực khi là như thế ấy, Sắc Tái Tục và bất luận Sắc nào có Quý Tiết và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh trong cùng một sát na với Nhân trong Thời Kỳ Chuyển Khởi thì Nhân phải làm Nhân Duyên đối với những thể loại Sắc ấy, thế nhưng Nhân không làm được Nhân Duyên đối với những thể loại Sắc Pháp ấy được; vì lẽ ấy, bậc tu học nên hiểu biết rằng Đức Thế Tôn lập ý tiếp lấy lời nói ấy cũng nhằm để phủ nhận sự việc Nhân làm duyên đối với Sắc Tái Tục ấy v.v. (trong Thời Kỳ Chuyển Khởi).

Bây giờ, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định (**Vinicchaya**) trong Nhân Duyên này với mãnh lực những thể loại lời nói này, đó là **“theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt và (tiếp theo) theo Sở Duyên (Paccayuppanna)”**. Lời nói rằng **“theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt”** có lời giải thích “gọi là Nhân đây bởi theo Giống (**Jāti**) thì có bốn thể loại, đó là: Giống Thiện (**Kusalajāti**), Giống Bất Thiện (**Akusalajāti**), Giống Dị Thực Quả (**Vipākajāti**) và Giống Duy Tác (**Kiriyājāti**). Cả bốn thể loại Giống ấy, Nhân Thiện (**Kusalahetu**) rằng khi theo thuận tự của Địa Giới thì có bốn, được phân cấp ở Dục Địa Giới (**Kāmāvacarabhūmi**) v.v. Nhân Bất Thiện (**Akusalahetu**) chỉ có duy nhất ở Dục Địa Giới. Nhân Dị Thực Quả (**Vipākahetu**) có bốn thể loại được phân chia ở Dục Địa Giới, v.v. Nhân Duy Tác (**Kiriyāhetu**) có ba thể loại, đó là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới. Tất cả những thể loại Nhân ấy, rằng khi theo danh xưng thì Nhân Thiện Dục Địa Giới (**Kāmāvacarakusalahetu**) có ba, với mãnh lực Nhân Vô Tham (**Alobhahetu**) v.v. Ngay cả trong Nhân Thiện Sắc Địa Giới v.v. cũng có phần này tương tự. Nhân Bất Thiện có ba với mãnh lực Nhân Tham (**Lobhahetu**) v.v. Còn Nhân Dị Thực Quả, Nhân Duy Tác, ở từng mỗi thể loại thì có ba với mãnh lực Nhân Vô Tham, v.v. Còn việc phân tích các Nhân ấy theo các

trường hợp sai biệt đích thị chính là thường có với mãnh lực việc phối hợp với các Tâm ấy. Bậc tu học trước hết nên hiểu biết thẩm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt chỉ có ngần này. Lời nói rằng **“theo Sở Duyên” (Paccayuppanna)** có nội dung là “bậc tu học nên hiểu biết thẩm định như vậy “những thể loại này khởi sinh lên do bởi Duyên này, Duyên này mới gọi là làm duyên đối với những thể loại Danh Pháp này”. Tất cả những thể loại Duyên ấy nên hiểu biết thẩm định trong Nhân Duyên này trước hết. Nhân Thiện Dục Địa Giới làm duyên đối với Pháp tương ưng chỉ có ngần ấy, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong các Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới. Làm duyên đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới chỉ có ngần ấy.

Nhân Thiện Sắc Địa Giới làm Nhân Duyên đối với Pháp tương ưng, và Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới chỉ có ngần ấy.

Nhân Thiện Vô Sắc Địa Giới đích thị tương tự với Nhân Thiện Dục Địa Giới.

Nhân Thiện Siêu Thế (**Lokuttarakusalahetu**) (**Apariyāpannakusalahetu** - **Nhân Thiện Siêu Xuất Tam Giới**) (*) và Nhân Bất Thiện cũng tương tự.

[(*** Apariyāpanna**: Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới, tức là Tứ Thánh Đạo, Tứ Thánh Quả và Vô Vi Giới (**Asaṅkhatadhātu: Nibbāna**)].

Còn Nhân Dị Thực Quả Dục Địa Giới (**Kāmāvacaravipākahetu**) làm Nhân Duyên đối với Pháp tương ưng với bản thân đặc biệt chỉ ở trong Dục Địa Giới thôi, làm Nhân Duyên đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục, và làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.

Nhân Dị Thực Quả Sắc Địa Giới (**Rūpāvacaravipākahetu**) làm Nhân Duyên đối với Pháp có trường hợp như đã đề cập đến ở trong Sắc Địa Giới chỉ có ngần ấy. Nhân Dị Thực Quả Vô Sắc Địa Giới (**Arūpāvacaravipākahetu**) làm Nhân Duyên đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới chỉ có ngần ấy. Nhân Dị Thực Quả Siêu Thế (**Lokuttaravipākahetu**) làm Nhân Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới. Làm Nhân Duyên đối với Vô Sắc Pháp ở trong Vô Sắc Địa Giới chỉ có ngần ấy. Còn trong Nhân Duy Tác có phần của việc làm duyên tương tự với Nhân Thiện ở trong cả ba Địa Giới (**Bhūmi**). Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định ngay cả theo Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Nhân Duyên này, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Nhân Duyên

II. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[3] Cảnh Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành Cảnh), tức là:

1. Sắc Xứ (**Rūpāyatana**) làm duyên đối với Nhãn Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Cảnh Duyên.

2. Thính Xứ (**Saddāyatana**) làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy, theo phương thức Cảnh Duyên.

3. Khí Xứ (Gandhāyatana) làm duyên đối với Tỷ Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy, theo phương thức Cảnh Duyên.

4. Vị Xứ (Rasāyatana) làm duyên đối với Thiệt Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy, theo phương thức Cảnh Duyên.

5. Xúc Xứ (Phoṭṭhabbāyatana) làm duyên đối với Thân Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy, theo phương thức Cảnh Duyên.

6. Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Cảnh Duyên.

7. Các Pháp làm duyên đối với Ý Thức Giới và đối với Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy theo phương thức Cảnh Duyên.

Bất luận các Pháp Tâm và Tâm Sở nào khảo lự bất luận các Pháp nào và khởi sinh lên, các Pháp ấy làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy theo phương thức Cảnh Duyên.

GIẢI THÍCH XIÊN MINH CẢNH DUYÊN (ADHIPPIYĀĀRAMMAṆAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiên minh trong Cảnh Duyên.

Lời nói rằng “**Sắc Xứ**” (**Rūpāyatanaṃ**) tức là “Xứ (**Āyatana**) được đề cập đến là Sắc”. Ngay cả trong lời nói còn lại đích thị cũng có phần này. Lời nói rằng “**đối với Nhân Thức Giới**” (**Cakkhuvīññāṇadhātuyā**) tức là “đối với Giới (**Dhātu**) là Nhân Thức”. Ngay cả trong lời nói còn lại cũng có phần này tương tự. Lời nói rằng “**đối với các Pháp tương ưng với Nhân thức Giới ấy**” (**Tamsampayuttakāṇaṃ**) tức là “đối với ba Giới tương ưng với Nhân Thức Giới ấy”. Giải thích rằng “Nhân Xứ làm duyên đối với Tứ Uẩn nương nhờ Nhân Thanh Triệt (**Cakkhupasāda**), ngay cả hết cả thấy, theo phương thức Cảnh Duyên”. Trong lời nói từ nơi đây trở đi cũng có phần này tương tự. Lời nói rằng “**đối với Ý Giới**” (**Manodhātuyā**) có nghĩa là “Ngũ Xứ có Sắc Xứ v.v. làm duyên đối với cả ba Ý Giới cùng với Pháp tương ưng theo phương thức Cảnh Duyên, thế nhưng không được hiện hành trong cùng một sát na”. Lời nói rằng “**các Pháp** (**Sabbe dhammā**) có nghĩa là “Ngũ Xứ với những thể loại có Sắc Xứ đây v.v., với những Chánh Giáo Nghĩa Pháp (**Ñeyyadhamma**) còn lại, làm duyên đối với Ý Thức Giới cùng với Pháp tương ưng còn lại, trừ ra sáu thể loại Giới này (**Dhātu**), theo phương thức Cảnh Duyên”.

Lời nói rằng “**khảo lự bất luận Pháp nào**” (**Yaṃ yaṃ dhammaṃ ārabbhā**) v.v. đây, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết rằng “Những Pháp nào gọi là thành Cảnh của bảy thể loại Thức Giới đây, các Pháp đó làm Cảnh Duyên đối với những thể loại Giới ấy trong sát na cho tác thành Cảnh khởi sinh lên”. Và lập ý khái thuyết rằng: “Dù cho là những Pháp ấy có thực sẽ là như thế, tuy nhiên cũng không được tác thành Cảnh Duyên trong cùng một thời điểm, bởi vì bất luận các Pháp nào khảo lự bất luận các Pháp nào khởi sinh lên, một cách đặc biệt các Pháp đó chỉ làm Cảnh Duyên đối với các Pháp ấy thôi. Lời nói rằng “**khởi sinh lên**” (**Uppajjati**), bậc tu học nên hiểu biết là Đức Thế Tôn thuyết giáo ví tựa như lời nói rằng “nước thường thấm

ri chảy ra, núi thường trú định vững vàng”, Đức Phật Ngài thuyết giáo với mãnh lực nghĩa từ bao hàm đến toàn bộ thời gian. Với nghĩa từ ấy thường thành tựu nội dung chủ yếu là “bất luận các Pháp nào khảo lự bất luận các Pháp nào đã khởi sinh lên rồi, bất luận các Pháp nào khảo lự bất luận các Pháp nào sẽ khởi sinh lên, hết cả thấy các Pháp đã khởi sinh lên và sẽ khởi sinh lên chỉ có theo phương thức Cảnh Duyên thôi”. Lời nói rằng “**Các Pháp Tâm và Tâm Sở**” (**Cittacetāsikā dhammā**) đây, là việc giải thích một cách ngắn gọn về các Pháp mà Đức Phật Ngài đã thuyết giáo “**bất luận các Pháp nào ...**” (**Ye ye dhammā**). Lời nói rằng “**Các Pháp ấy** (**Te te dhammā**) là các Pháp ấy tác thành Cảnh. Lời nói rằng “**đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy**” (**Tesaṃ tesaṃ**) tức là “**Các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy**”. Tại đây, là việc giải thích trước tiên về các từ ngữ **Pāli**.

Và gọi là Cảnh đây, rằng khi theo các phần thì có sáu thể loại, đó là: Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc và Cảnh Pháp. Các thể loại Cảnh ấy, Cảnh còn lại loại trừ Chế Định (**Paññatti**), rằng khi theo Địa Giới (**Bhūmi**) thì có bốn, đó là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới, Vô Sắc Địa Giới và Siêu Thế Địa Giới (**Lokuttarabhūmi**). Đếm các Cảnh hữu quan ở trong các Địa Giới ấy, thì Cảnh ở Dục Địa Giới có năm thể loại thể theo sự phân chia ra thành Thiện (**Thiện**), Bất Thiện (**Akusala**), Dị Thục Quả (**Vipāka**), Duy Tác (**Kiriya**) và Sắc Pháp (**Rūpa**). Cảnh ở Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới, từng mỗi Địa Giới có ba thể loại thể theo Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Cảnh thuộc Siêu Thế Địa Giới có ba thể loại với mãnh lực tác thành Thiện (**Kusala**), Dị Thục Quả (**Vipāka**) và Níp Bàn (**Nibbāna**).

Hơn nữa, hết cả thấy Cảnh này có bảy thể loại thể theo sự phân chia ra thành Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả, Duy Tác, Sắc Pháp, Níp Bàn và Chế Định. Tất cả bảy thể loại Cảnh ấy, rằng khi theo Địa Giới (**Bhūmi**) thì Cảnh ở phần Thiện có bốn; Cảnh ở phần Bất Thiện chỉ có duy nhất ở Dục Địa Giới; Cảnh ở phần Dị Thục Quả hiện hành ở trong bốn Địa Giới; Cảnh ở phần Duy Tác hiện hành ở trong ba Địa Giới; Sắc Pháp hiện hành trong một Địa Giới duy nhất, chỉ đặc biệt ở Dục Địa Giới thôi. Ngay cả Níp Bàn cũng chỉ đặc biệt hiện hành trong một Địa Giới duy nhất, đó là Siêu Thế thôi. Và Chế Định ngoài ra Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Cảnh Duyên này, như đã được miêu thuật như vậy.

Và ở trong Cảnh này sai biệt với nhau như sau: Cảnh ở phần Thiện Dục Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới. Cảnh ở phần Thiện Sắc Giới chỉ có làm Cảnh Duyên đối với năm nhóm Pháp, là loại trừ Dị Thục Quả Dục Địa Giới. Cảnh ở phần Thiện Vô Sắc Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với tám nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Thiện Vô Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới.

Cảnh ở phần Thiện Siêu Thế làm Cảnh Duyên đặc biệt chỉ đối với Thiện và Duy Tác thôi, thể theo Thiện và Duy Tác ở Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới. Cảnh ở phần Bất Thiện làm duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Cảnh ở phần Dị Thục Quả Dục Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới,

Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới. Cảnh ở phần Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với năm nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Ngay cả Cảnh ở phần Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới cũng làm Cảnh Duyên đối với năm nhóm Pháp này tương tự. Cảnh ở phần Dị Thục Quả Siêu Thế làm Cảnh Duyên đặc biệt chỉ đối với Thiện và Duy Tác thôi, thể theo Thiện và Duy Tác ở Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới. Cảnh ở phần Duy Tác Dục Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Tất cả sáu nhóm Pháp này, Cảnh ở phần Duy Tác Sắc Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với năm nhóm Pháp, là loại trừ Dị Thục Quả Dục Địa Giới. Cảnh ở phần Duy Tác Vô Sắc Địa Giới làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là năm nhóm Pháp ấy và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới. Cảnh là Sắc Pháp, đề cập đến Sắc Uẩn (**Rūpakhandha**) có Tứ Xuất Sinh Xứ làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Cảnh là Níp Bàn làm Cảnh Duyên đối với sáu nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Sắc Địa Giới, Thiện Siêu thế, Dị Thục Quả Siêu Thế, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới.

Một vài nhóm Giáo Thọ Sư không lấy Thiện Sắc Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Nghĩa từ ấy bậc tu học nên thẩm sát một cách phù hợp và thích đáng. Còn Cảnh ở phần Chế Định có nhiều trường hợp sai biệt làm Cảnh Duyên đối với chín nhóm Pháp, đó là: Thiện hiện hành ở trong cả ba Địa Giới; Bất Thiện, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Duy Tác hiện hành ở trong cả ba Địa Giới. Các thể loại Cảnh ấy, bất luận các Cảnh nào làm duyên đối với bất luận các Pháp nào thì các Pháp ấy gọi là làm duyên đối với các Cảnh ấy. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Cảnh Duyên này, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Cảnh Duyên

III. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[4] Trưởng Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành trưởng trội), tức là:

1. Trưởng là Dục làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Dục, và đối với các Sắc Pháp mà có Dục và đối với Pháp tương ưng với Dục ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

2. Trưởng là Cần làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Cần, và đối với các Sắc Pháp mà có Cần và đối với Pháp tương ưng với Cần ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

3. Trưởng là Tâm làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Tâm, và đối với các Sắc Pháp mà có Tâm và đối với Pháp tương ưng với Tâm ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

4. Trưởng là Thâm làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Thâm, và đối với các Sắc Pháp mà có Thâm và đối với Pháp tương ưng với Thâm ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

5. Bất luận các Pháp Tâm và Tâm Sở nào tác hành bất luận các Pháp nào cho thành Cảnh một cách nghiêm trọng và khởi sinh, các Pháp đó làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy theo phương thức Trưởng Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPPIYĀADHIPATIPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Trưởng Duyên.

Lời nói rằng “**Trưởng là Dục**” (**Chandādhīpati – Dục Trưởng**) tức là Dục được đề cập thành trưởng trội. Lời nói rằng “**Dục Trưởng**” là tên gọi “**Tướng Tác Dục**” (**Kattu kamyatāchanda**) (Dục là sự việc mà người có nguyện ý để sẽ làm) khởi sinh lên trong lúc Tâm Tướng Tác Dục dẫn đến nghiêm trọng, cho thành trưởng trội. Ngay cả trong nghĩa từ còn lại cũng có phần này tương tự.

Vấn hỏi rằng: “**Vì lý do nào trong phần Giải Thích Xiển Minh Duyên Hệ đây, Đức Thế Tôn lại không thuyết giáo là “Trưởng làm duyên đối với Pháp tương ưng với Trưởng” tương tự như trong phần xiển minh Nhân Duyên đã thuyết giáo là “Nhân làm duyên đối với Pháp tương ưng với Nhân” (thế mà) lập ý Thuyết Pháp theo phần như sau “Trưởng là Dục làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Dục ?”** Trả lời là: “**Vì Trưởng không có trong cùng một lúc**”. Quả thực, trong phần trước, hai hoặc ba Nhân (**Hetu**) làm Nhân Duyên trong cùng một sát na với nhau được, vì không chỉ có mỗi thực tính phù trợ, và bởi theo ý nghĩa là Căn Nguyên (**Mūlarāka**). Thế nhưng Trưởng làm phù trợ thể theo ý nghĩa là trưởng trội và Pháp tác thành cự đại, và gọi là “**tác thành trưởng trội**” sẽ không có trong cùng một sát na được, vì lẽ ấy những thể loại Pháp ấy cho dù có khởi sinh lên cùng một lúc, sẽ không thể nào làm Trưởng Duyên trong cùng một sát na được, vì thực tính Trưởng Duyên không có trong cùng một sát na. Trong phần giải thích xiển minh duyên hệ đây, Đức Thế Tôn mới lập ý Thuyết Pháp như đã được đề cập đến.

Khi Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết Câu Sinh Trưởng (**Sahajātādhīpati**) như vậy rồi, bây giờ để sẽ lập ý khái thuyết Cảnh Trưởng (**Ārammañādhīpati**) mới bắt đầu với lời nói rằng “**tác hành bất luận các Pháp nào cho thành Cảnh một cách nghiêm trọng**” (**Yaṃ yaṃ dhammaṃ garuṃ katvā**) v.v. Tất cả nghĩa từ ấy, lời nói rằng “**bất luận các Pháp nào**” (**Yaṃ yaṃ dhammaṃ**) tức là “**bất luận các Pháp nào tác thành Cảnh**”. Lời nói rằng “**tác hành ... một cách nghiêm trọng**” (**Garuṃ katvā**) tức là “**làm cho kiên định**”, “**làm cho nghiêm trọng**”, “**cho tác thành Pháp chủng (Dhammajāti) khả thích đáng, không thể ruồng bỏ được, không thể coi thường được, với mãnh lực sự tôn kính và quý trọng, hoặc với mãnh lực sự mãn ý**”. Lời

nói rằng “**các Pháp ấy**” (**Te te dhammā**) là “các Pháp thích đáng làm cho nghiêm trọng”. Lời nói rằng “**đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy**” (**Tesaṃ tesaṃ**) là “các Pháp ấy làm cho nghiêm trọng”. Lời nói rằng “**theo phương thức Trưởng Duyên**” (**Adhipatipacca ya**) tức là “làm duyên với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên”. Tại đây, là việc giải thích trước tiên về các từ ngữ **Pāli**.

Và gọi là Trưởng Duyên đây, có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Trưởng Duyên (**Sahajātādhipati**) và Cảnh Trưởng Duyên (**Ārammaṇādhipati**). Trong hai thể loại ấy, Câu Sinh Trưởng có bốn Pháp, có Dục Trưởng v.v. Trong từng mỗi Pháp của bốn Pháp ấy, rằng khi theo Địa Giới (**Bhūmi**) thì có bốn, đó là: Dục Địa Giới, v.v. Các Pháp Trưởng ở phần Địa Dục Giới có ba thể loại, đó là: Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Duy Tác; nhưng khi đến Pháp Bất Thiện thì không có Thảm Trưởng. Pháp Trưởng ở phần Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới, từng mỗi thể loại có hai, đó là: Pháp Thiện và Pháp Dị Thục Quả. Tuy nhiên, rằng khi theo Giống (**Jāti**) thì Cảnh Trưởng Duyên có sáu Pháp, đó là: Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Dị Thục Quả, Pháp Duy Tác, Sắc Pháp và Níp Bàn. Bậc tu học nên hiểu biết thắm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong quan niệm này, như đã được miêu thuật như vậy.

Và trong Câu Sinh Trưởng Duyên đây sai biệt với nhau, như đã có miêu thuật rồi, đối với Trưởng được nói đến là Thiện Dục Địa Giới và Duy Tác Dục Địa Giới làm Trưởng Duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong thời gian Pháp Câu Sinh (**Sahajātadhamma**) lại làm Trưởng nữa, có Dục v.v. cho thành trưởng trội sinh khởi lên trong cái Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) phối hợp với hai Nhân và ba Nhân. Ngay cả ở trong Trưởng được nói đến là Thiện Sắc Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới cũng có phần này tương tự. Và trong quan niệm này, đặc biệt chỉ có Trưởng là Thiện Sắc Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới thôi, bởi vì những thể loại Pháp ấy thường sinh khởi bất phân ly Câu Sinh Trưởng Duyên. Còn Trưởng được nói đến là Thiện Vô Sắc Địa Giới và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới tương tự với Trưởng ở phần Sắc Địa Giới (**Rūpāvacara**) thuộc Cõi Ngũ Uẩn (**Pañcavokārabhava**). Tuy nhiên, trong Cõi Tứ Uẩn (**Catuvokārabhūmi**) thường làm Trưởng Duyên đối với Pháp tương ưng chỉ có ngàn ấy. Các Trưởng ở phần Dục Địa Giới sinh khởi lên ở trong Cõi Tứ Uẩn (**Catuvokārabhūmi**) ấy cũng tương tự. Trưởng ở phần Siêu Thế cả bên Thiện và Dị Thục Quả, thường làm Trưởng Duyên đối với Pháp tương ưng, và Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ một cách duy nhất ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Trong Cõi Tứ Uẩn, đặc biệt chỉ có làm duyên đối với Vô Sắc Pháp thôi. Pháp Bất Thiện làm Trưởng Duyên đối với Pháp tương ưng một cách nhất định ở trong Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên (**Micchattaniyatacitta**), và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Dục Địa Giới.

Pháp Bất Thiện ở phần Bất Định Pháp (**Aniyatadhamma**) [cho hệ quả bất định trong thuận tự Tâm Tử (**Cuticitta**)] chỉ có làm Trưởng Duyên đối với Pháp tương ưng, và chỉ đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ thôi, trong thời gian bản thân làm Trưởng và ở trong Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới. Ở trong Vô Sắc Địa Giới thì đặc biệt chỉ có làm Trưởng Duyên đối với Vô Sắc Pháp thôi. Tại đây, là việc giải thích trước tiên ở trong Câu Sinh Trưởng Duyên.

Tiếp theo đây, là việc giải thích ở trong Cảnh Trưởng Duyên như sau:

Cảnh Trường ở phần Thiện Dục Địa Giới làm Cảnh Trường Duyên đối với hai nhóm Pháp, đó là: Thiện Dục Địa Giới và Bất Thiện câu hành (**Sahagata**) với Tham (**Lobha**). Trong Cảnh Trường Duyên ở phần Thiện, ngay cả ở trong Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới, cũng có Phần này tương tự.

Còn Cảnh Trường ở phần Thiện Siêu Thế làm Cảnh Trường Duyên đối với Thiện Tương Ứng Trí (**Ñāṇasampayutta**) và Duy Tác Tương Ứng Trí ở Dục Địa Giới. Và gọi là Cảnh Trường ở phần Bất Thiện, Đức Thế Tôn thuyết giáo chỗ gọi là “cái Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) câu hành (**Sahagata**) với Tham (**Lobha**), cái Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) ấy làm Cảnh Trường Duyên đặc biệt chỉ đối với Bất Thiện câu hành với Tham thôi. Còn Cảnh Trường ở phía Dị Thục Quả làm Cảnh Trường Duyên ở trong Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới đặc biệt chỉ đối với Bất Thiện câu hành với Tham thôi. Cảnh Trường ở phần Dị Thục Quả Siêu Thế làm Cảnh Trường Duyên chỉ đối với Thiện Tương Ứng Trí và Duy Tác Tương Ứng Trí ở phía Dục Địa Giới thôi.

Rằng khi theo phân loại ở phần Dục Địa Giới v.v., cả ba Cảnh Trường ở phần Duy Tác chỉ có làm Cảnh Trường Duyên đối với Bất Thiện câu hành với Tham thôi. Cảnh Trường ở phần Sắc Uẩn, đề cập đến Sắc sinh khởi từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ thì chỉ có làm Cảnh Trường Duyên đối với Bất Thiện câu hành với Tham thôi. Níp Bàn làm Cảnh Trường Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Thiện Tương Ứng Trí, Duy Tác Tương Ứng Trí ở phần Dục Địa Giới, Thiện Siêu Thế và Dị Thục Quả Siêu Thế. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định Pháp tác thành Sở Duyên (**Paccayuppanna**) ở trong Cảnh Trường Duyên như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Trường Duyên

IV. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[5] Vô Gián Duyên (Pháp Thực Tính giúp đỡ phù trợ bằng cách tiếp nối nhau không có khoảng cách xen kẽ), tức là:

1. Nhãn Thức Giới và các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Vô Gián Duyên.

3. Nhĩ Thức Giới và các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Vô Gián Duyên.

4. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Vô Gián Duyên.

5. Tỷ Thức Giới và các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Vô Gián Duyên.

6. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Vô Gian Duyên.

7. Thiệt Thức Giới và các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Vô Gian Duyên.

8. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Vô Gian Duyên.

9. Thân Thức Giới và các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Vô Gian Duyên.

10. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Vô Gian Duyên.

11. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

12. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

13. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

14. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

15. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

16. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

17. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Vô Gian Duyên.

18. Các Pháp Tâm và Tâm Sở khởi sinh theo thuận tự bất luận Pháp nào, tất cả những thể loại Pháp ấy làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy theo phương thức Vô Gian Duyên.

GIẢI THÍCH XIÊN MINH VÔ GIÁN DUYÊN (ADHIPPĀYAANANTARAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định xiên minh trong Vô Gian Duyên.

Lời nói rằng “**đối với Ý Giới**” (**Manodhātuyā**), tức là “**đối với Ý Giới Dị Thục Quả**” (**Vipākadhātu**). Lời nói rằng “**đối với Ý Thức Giới**” (**Manoviññāṇadhātuyā**), tức là “**đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân**” (**Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu**) thực hiện chức năng Thăm Tán Sự Vụ (**Santīraṇakicca**) (thăm sát Cảnh). Và từ nơi đó nối tiếp đi, Đức Thế Tôn đáng lẽ sẽ thuyết giáo đến Ý Thức Giới thực hiện chức năng Đoán Định (**Votṭhabbana**), Đồng Lực (**Javana**), Na Cảnh (**Tadārammaṇa**) và Hữu Phần (**Bhavaṅga**) thế nhưng đã không

thuyết giáo đến. Đức Phật mới lập ý thuyết giáo giản lược bằng cách trình bày đề ở trong phần “bậc tu học nên hiểu biết nghĩa lý theo Phần này”. Tuy nhiên những thể loại Giới (**Dhātu**) ấy, Đức Thế Tôn lập ý giản lược vào trong phần thứ 6 có lời chẳng hạn như **“các Pháp Thiện sinh trước trước” (Purimā purimā kusalā dhammā)** bậc tu học nên hiểu biết là Đức Phật không thuyết giáo trong quan niệm này nữa. Tất cả những nghĩa từ ấy, lời nói rằng **“sinh trước trước” (Purimā purimā)** bậc tu học nên hiểu biết đó là Pháp Đồng Lực Thiện (**Kusalajavana dhamma**) diệt nối tiếp nhau trong cả Lục Môn. Lời nói rằng **“sinh sau sau” (Pacchimānam pacchimānam)** đích thị chính là Pháp Đồng Lực Thiện sinh khởi nối tiếp nhau. Lời nói rằng **“đối với các Pháp Thiện” (Kusalānam)** tức là “một Giống Thiện duy nhất”. Còn lời nói rằng **“đối với các Pháp Vô Ký” (Abyākatānam)** đây, Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Na Cảnh, Hữu Phần và Nhập Thiền Quả (**Phalasamāpatti**) khởi sinh lên nối tiếp từ nơi Thiện. Lời nói rằng **“đối với các Pháp Vô Ký”** trong Căn Nguyên Bất Thiện (**Akusalamūlaka**) tức là Vô Ký chỉ ở phần Na Cảnh và Hữu Phần thôi. Lời nói rằng **“đối với các Pháp Vô Ký”** trong Căn Nguyên Vô Ký (**Abyākatamūlaka**) tức là Vô Ký ở phần Duy Tác và Dị Thục Quả hiện hành với mãnh lực Khai Môn (**Āvajjana**) và Đồng Lực (**Javana**), hoặc với mãnh lực Hữu Phần. Đích thực phần này thường được thích dụng ngay trong Tâm Lộ Trình (**Vithīcitta**) hiện hành kể từ Ý Giới Duy Tác (**Kiriyāmanodhātu**) thực hiện chức năng Đoán Định (**Voṭṭhabbana**) cho đến Ý Thức Giới (**Manoviññānadhātu**). Lời nói rằng **“đối với các Pháp Thiện” (Kusalānam)** tức là Tâm Đồng Lực thứ nhất sinh nối tiếp từ Tâm Đoán Định (**Voṭṭhabbanacitta**) trong Lộ Ngũ Môn (**Pañcadvāra**) và sinh nối tiếp từ Tâm Khai Môn (**Āvajjanacitta**) trong Lộ Ý Môn (**Manodvāra**). Ngay trong lời nói **“đối với các Pháp Bất Thiện” (Akusalānam)** cũng có phần này tương tự. Lời nói rằng **“của bất luận Pháp nào” (Yesam yesam)** đây, là cơ chuẩn một cách giản lược các Pháp làm Vô Gian Duyên. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**. Và gọi là Vô Gian Duyên đây, bậc tu học nên hiểu biết đó là nhóm Vô Sắc Pháp hiện hành trong Tứ Địa Giới (**Bhūmi**), loại trừ Níp Bàn. Vô Gian Duyên phân tích với mãnh lực Giống (**Jāti**) thì có được bốn Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Trong bốn Giống ấy, Vô Gian Duyên ở phần Thiện thì có bốn thể loại, phân loại theo Dục Địa Giới, v.v. Bất Thiện chỉ có duy nhất một thể loại là Dục Địa Giới. Dị Thục Quả hiện hành trong cả Tứ Địa Giới. Còn Vô Gian Duyên ở phần Duy Tác hiện hành trong ba Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Vô Gian Duyên này, như đã được miêu thuật như vậy.

Và trong Vô Gian Duyên mà được phân tích như đã trình bày đây, Thiện Dục Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với Thiện Dục Địa Giới thì tự thân tương tự với nhau. Còn Thiện Dục Địa Giới ở phần Tương Ứng Trí làm Vô Gian Duyên đối với ba nhóm Pháp, đó là: Thiện Sắc Địa Giới, Thiện Vô Sắc Địa Giới và Thiện Siêu Thế.

Thiện Dục Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Dị Thục Quả Siêu Thế đặc biệt chỉ ở phần Tương Ứng Trí.

Thiện Sắc Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với ba nhóm Pháp này, đó là: Thiện Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Dục Địa Giới ở phần Tương Ứng Trí và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới.

Thiện Vô Sắc Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với bốn nhóm Pháp này một cách bất sai biệt với nhau, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới. Cả hai thể loại ấy, Thiện của tự thân và Dị Thục Quả của tự thân. Cũng trong quan niệm này, rằng khi theo phần đặc thù, Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ làm Vô Giác Duyên đối với Dị Thục Quả Siêu Thế, đề cập đến Quả Bất Lai (**Anāgāmi-phala**).

Thiện Siêu Thế làm Vô Giác Duyên đặc biệt chỉ đối với Dị Thục Quả Siêu Thế thôi. Bất Thiện làm Vô Giác Duyên đối với Bất Thiện, và đối với Dị Thục Quả Thiện và Dị Thục Quả Bất Thiện một cách bất sai biệt với nhau. Và khi nói một cách sai biệt với nhau trong quan niệm này, thì Bất Thiện tương ưng với Lạc Thọ (**Sukhavedanā**) và Xả Thọ (**Upekkhāvedanā**) làm Vô Giác Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Thiện, Dị Thục Quả Bất Thiện và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới.

Dị Thục Quả Dục Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới, Dị Thục Quả Tương Ứng Trí hoặc Bất Tương Ứng Trí làm Vô Giác Duyên đối với Tâm Khai Môn Duy Tác Dục Địa Giới (**Kāṃāvacarakiriyāvañjanacitta**). Lại nữa trong Vô Giác Duyên này, Dị Thục Quả Tương Ứng Trí làm Vô Giác Duyên vừa cùng đối với Dị Thục Quả Dục Địa Giới, và vừa cùng đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới sinh khởi lên với mãnh lực Tái Tục (**Paṭisandhi**). Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Tâm Khai Môn Duy Tác Dục Địa Giới. Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với ba nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân (**Tīhetukakāṃāvacaravipāka**), Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Tâm Khai Môn Duy Tác Dục Địa Giới. Dị Thục Quả Siêu Thế làm Vô Giác Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Dị Thục Quả Siêu Thế.

Duy Tác Dục Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với chín nhóm Pháp này, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Bất Thiện, Tâm Dị Thục Quả cả Tứ Địa Giới và Tâm Duy Tác cả ba Địa Giới. Duy Tác Sắc Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với ba nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới. Duy Tác Vô Sắc Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với năm nhóm Pháp này, đó là: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân, Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Siêu Thế và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Vô Giác Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Vô Giác Duyên

V. ĐĂNG VÔ GIÁC DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[6] Đăng Vô Giác Duyên (Pháp Thực Tính giúp đỡ phù trợ bằng cách tiếp nối nhau không có khoảng cách xen kẽ một cách tốt đẹp), tức là:

1. Nhãn Thức Giới và các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

2. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

3. Nhĩ Thức Giới và các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

4. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

5. Tỷ Thức Giới và các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

6. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

7. Thiết Thức Giới và các Pháp tương ưng với Thiết Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

8. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

9. Thân Thức Giới và các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

10. Ý Giới và các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy làm duyên đối với Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy, theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

11. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

12. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

13. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

14. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

15. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

16. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

17. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Đẳng Vô Giác Duyên.

18. Các Pháp Tâm và Tâm Sở khởi sinh theo thuận tự bất luận Pháp nào, tất cả những thể loại Pháp ấy làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở ấy theo phương thức Đăng Vô Gián Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH ĐĂNG VÔ GIÁN DUYÊN (ADHIPPIYASAMANANTARAPACCAYANIDDESA)

Đích thực ngay trong Phần Xiển Minh Đăng Vô Gián Duyên thì cũng tương tự với Phần Xiển Minh Vô Gián Duyên. Tuy nhiên cả hai Duyên này rất quảng khoáng, vì lẽ ấy nên quy định việc nắm lấy sự quảng nghĩa cả hai Duyên ấy với việc sinh khởi các Tâm.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Đăng Vô Gián Duyên

VI. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[7] Câu Sinh Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách đồng câu sinh với nhau) tức là:

1. Tứ Vô Sắc Pháp làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên.
2. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên.
3. Trong sát na Tái Tục, Danh Pháp và Sắc Pháp làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên.
4. Các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với các Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.
5. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.
6. Có đôi khi các Sắc Pháp tác thành duyên đối với các Vô Sắc Pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên.
7. Có đôi khi các Sắc Pháp bất tác thành duyên đối với các Vô Sắc Pháp theo phương thức Câu Sinh Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH CÂU SINH DUYÊN (ADHIPPIYASAHAJĀTAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Câu Sinh Duyên.

Lời nói rằng “**hỗ tương**” (**Aññamaññaṃ**) dịch nghĩa là “hỗ tương nhau”. Với nghĩa từ này, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết rằng “Những thể loại Pháp ấy tác thành Năng Duyên và Sở Duyên trong cùng một sát na”. Lời nói rằng “**Trong sát na Tái Tục**” (**Paṭisandhikhaṇa**) hoặc (**Okkantikkhaṇe**) là “trong sát na Tái Tục ở trong Cõi Ngũ Uẩn (**Pañcavokārabhava**)”. Quả thực, trong sát na ấy Danh Pháp và Sắc Pháp sinh khởi tự hồ bước xuống, là tự hồ chạy

đi, tức là tự hò ra khỏi thế giới khác rồi đi đến vào thế giới này, bởi do đó sát na ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo gọi là “Sát Na Tái Tục” (**Okkantikkhaṇa**) (sát na bước xuống, là sát na Tái Tục). Cũng trong quan niệm này, lời nói rằng “**Sắc Pháp**” (**Rūpa**) Đức Thế Tôn lập ý chú tâm chỉ lấy Sắc Tâm Cơ (**Hadayavatthu**). Quả thực, Sắc Tâm Cơ ấy thường hỗ huệ hỗ lợi nhằm để tác thành Câu Sinh Duyên (**Sahajātapaccaya**) hỗ tương nhau đối với Danh Pháp, và Danh Pháp hỗ huệ hỗ lợi nhằm để tác thành Câu Sinh Duyên hỗ tương nhau đối với Sắc Tâm Cơ ấy. Lời nói rằng “**các Tâm và Tâm Sở**” (**Citta Cetasikā**) là Tứ Uẩn trong Thời Kỳ Chuyển Khởi. Trong lời nói rằng “**theo phương thức Câu Sinh Duyên**” (**Sahajātapaccayena**) đây, Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ thường bắt hỗ huệ hỗ lợi nhằm để tác thành Duyên đối với các Tâm và Tâm Sở, vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới không thuyết giáo nói rằng “**hỗ tương nhau**” (**Aññamaññaṃ**). Sắc Y Sinh cũng bắt hỗ huệ hỗ lợi nhằm để tác thành Duyên đối với Sắc Đại Hiện tương tự. Lời nói rằng “**các Sắc Pháp làm duyên đối với các Vô Sắc Pháp**” (**Rūpino dhammā arūpinaṃ dhammānaṃ**) là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ Uẩn. Lời nói rằng “**Có đôi khi**” (**Kiñcikāle**) là “trong đôi lúc / thỉnh thoảng”. Lời nói rằng “**theo phương thức Câu Sinh Duyên**” (**Sahajātapaccayena**) đa phần thuyết giáo đến Thời Kỳ Tái Tục (**Paṭisandhikāla**). Lời nói rằng “**bất tác thành duyên ...theo phương thức Câu Sinh Duyên**” (**Na Sahajātapaccayena**) đa phần thuyết giáo đến Thời Kỳ Chuyển Khởi (**Pavattikāla**).

Và Câu Sinh Duyên đây định đặt với sáu phần như thế này, là Tứ Vô Sắc Uẩn (là Tứ Danh Uẩn) làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Trong sáu phần ấy, ba phần thuyết giáo với mãnh lực việc tác thành Câu Sinh Duyên hỗ tương nhau, còn ba phần kia không được thuyết giáo với mãnh lực việc tác thành Câu Sinh Duyên hỗ tương nhau. Tất cả sáu phần Câu Sinh Duyên ấy, trong phần thứ nhất chỉ có Vô Sắc Pháp vừa làm cả Năng Duyên vừa làm cả Sở Duyên. Trong phần thứ hai, đặc biệt chỉ có duy nhất Sắc Pháp vừa làm cả Năng Duyên vừa làm cả Sở Duyên. Trong phần thứ ba, Danh Pháp và Sắc Pháp làm Năng Duyên và Sở Duyên. Trong phần thứ tư, Vô Sắc Pháp làm Năng Duyên và Sắc Pháp làm Sở Duyên. Trong phần thứ năm, chỉ có Sắc Pháp làm cả Năng Duyên và cả Sở Duyên thôi. Trong phần thứ sáu, Sắc Pháp làm Năng Duyên và Vô Sắc Pháp làm Sở Duyên. Tại đây, là nghĩa từ giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và Câu Sinh Duyên này phân tích theo Giống (**Jāti**) thì có được năm Giống, đó là: Giống Thiện (**Kusalajāti**), Giống Bất Thiện (**Akusalajāti**), Giống Dị Thục Quả (**Vipākajāti**), Giống Duy Tác (**Kiriyājāti**) và Giống Sắc Pháp (**Rūpajāti**). Trong cả năm Giống ấy, Thiện sắp xếp theo Địa Giới (**Bhūmi**) thì có được Tứ Địa Giới. Bất Thiện thì duy nhất chỉ có một Địa Giới. Dị Thục Quả có được Tứ Địa Giới. Duy Tác có được ba Địa Giới. Sắc Pháp chỉ có duy nhất Dục Địa Giới (**Kāmāvacarabhūmi**). Vì thế, nên hiểu biết thẩm định trước tiên trong Câu Sinh Duyên đây thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt chỉ có ngần này.

Và trong khi Câu Sinh Duyên đã phân tích thì có như thế này: cho dù là Pháp Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới thì chỉ có làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp tương ưng với mình thôi, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Pháp Bất Thiện cũng tương tự như nhau. Cũng trong Câu Sinh Duyên này, bất luận Tâm nào sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới thì chỉ có Tâm ấy làm Câu Sinh Duyên đối với Vô Sắc Pháp thôi.

Dị Thực Quả Dục Địa Giới, Dị Thực Quả Sắc Địa Giới làm Câu Sinh Duyên vừa đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, và vừa đối với Pháp tương ưng. Cũng trong Câu Sinh Duyên này, bất luận Tâm nào không làm cho Sắc Pháp sinh khởi lên được thì chỉ có Tâm ấy làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp tương ưng thôi. Bất luận Tâm nào sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Tục thì chỉ có Tâm ấy làm Câu Sinh Duyên đối với Sắc Tái Tục (**Kammajarūpa – Sắc Nghiệp**) thôi. Chỉ có Dị Thực Quả Vô Sắc Địa Giới làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp tương ưng thôi. Dị Thực Quả Siêu Thế làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Cõi Ngũ Uẩn. Chỉ có làm duyên đối với Vô Sắc Pháp ở trong Cõi Tứ Uẩn thôi. Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Trong Cõi Tứ Uẩn đặc biệt chỉ có làm duyên đối với Vô Sắc Pháp thôi. Duy Tác Sắc Địa Giới làm Câu Sinh Duyên chỉ có một phần, đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp có Tâm làm Xuất Sinh Xứ.

Đối với Sắc Pháp khởi sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ, trong Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ thì một Sắc Đại Hiện làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên đối với ba Sắc Đại Hiện, ba Sắc Đại Hiện làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên đối với một Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên đối với hai Sắc Đại Hiện. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới, Sắc Vật làm duyên đối với Uẩn Dị Thực Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên. Còn trong các Sắc Pháp có Quý Tiết, Tâm và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau, và đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định ngay cả Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Câu Sinh Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Câu Sinh Duyên

VII. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[8] Hổ Tương Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách nương nhờ hỗ tương nhau) tức là:

- 1. Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên theo phương thức Hổ Tương Duyên.**
- 2. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên theo phương thức Hổ Tương Duyên.**
- 3. Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên theo phương thức Hổ Tương Duyên.**

GIẢI THÍCH XIỂN MINH HỖ TƯƠNG DUYÊN (ADHIPPĀYAAÑÑAMAÑÑAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Hổ Tương Duyên.

Việc miêu thuật từ ngữ **Pāli** với mãnh lực ba phần đầu tiên của “Xiển Minh Câu Sinh Duyên” tương tự với việc đã đề cập ngay ở trong “Xiển Minh Câu Sinh Duyên” ấy, vì lẽ ấy, Bản Đạo mới không đề cập đến nữa.

Và Hồ Tương Duyên này, rằng theo mãnh lực Giống (**Jāti**) phân tích ra được năm Giống, đó là: Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Dị Thục Quả, Pháp Duy Tác và Sắc Pháp. Trong năm Giống ấy, rằng khi theo Địa Giới thì Pháp Thiện có bốn thể loại. Giải thích hết cả thấy đều tương tự với Duyên trước. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Xiển Minh Hồ Tương Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy. Và trong Hồ Tương Duyên đây, đã được phân tích như sau: Pháp Thiện hiện hành trong cả Tứ Địa Giới làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình theo phương thức Hồ Tương Duyên. Pháp Bất Thiện cũng tương tự. Còn trong Dị Thục Quả, Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Hồ Tương Duyên đối với Sắc Vật trong Thời Kỳ Tái Tục, làm Hồ Tương Duyên đối với Pháp tương ưng trong Thời Kỳ Chuyển Khởi. Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Dị Thục Quả Siêu Thế làm duyên chỉ đối với Pháp tương ưng với mình theo phương thức Hồ Tương Duyên thôi. Ngay cả thấy Tâm Duy Tác cũng chỉ làm duyên một cách đặc biệt đối với Pháp tương ưng với mình theo phương thức Hồ Tương Duyên thôi. Đối với Sắc sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ, trong Sắc mà sinh từ Nghiệp Lực thì một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện theo phương thức Hồ Tương Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện theo phương thức Hồ Tương Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện theo phương thức Hồ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới, Sắc Vật làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hồ Tương Duyên. Trong các Sắc Pháp có Quý Tiết, Tâm, và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ đặc biệt chỉ có Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Đại Hiện theo phương thức Hồ Tương Duyên thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định ngay cả Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Hồ Tương Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Hồ Tương Duyên

VIII. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[9] Y Chỉ Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành vị trí nương tựa), tức là:

- 1. Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Y Chỉ Duyên.**
- 2. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Y Chỉ Duyên.**
- 3. Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Y Chỉ Duyên.**
- 4. Các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với các Sắc Pháp có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.**
- 5. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên.**

6. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

7. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

8. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

9. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

10. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

11. Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ Sắc nào hiện hành, Sắc ấy làm duyên đối với Ý Giới, đối với Ý Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới và Ý Thức Giới ấy theo phương thức Y Chỉ Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH Y CHỈ DUYÊN (ADHIPPIYANISSAYAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Y Chỉ Duyên.

Khi Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết về phần Câu Sinh Y Duyên (**Sahajātanissaya paccaya**) thì với mãnh lực phần thứ năm đầu tiên của “Xiển Minh Câu Sinh Duyên”, khi sẽ lập ý khái thuyết về phần Tiền Sinh Y Duyên (**Purejātanissayapaccaya**) thì lại với phần thứ 6 nữa, mới lập ý bắt đầu lời nói rằng “**Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới (Cakkhāyatanaṃ Cakkhuvīññāṇadhātuyā)** v.v. Tất cả những nghĩa từ ấy, lời nói rằng “**nương nhờ bất luận Sắc Pháp nào**” (**Yaṃ rūpaṃ nissāya**), Đức Thế Tôn thuyết giáo ngụ ý đến Sắc Vật. Quả thực, 75 cái Tâm ấy, đó là: 3 Ý Giới, 72 Ý Thức Giới (loại trừ Dị Thục Quả Vô Sắc), nương tựa Sắc Tâm Cơ hiện hành. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāḷi**.

Rằng với mãnh lực Giống thì Y Chỉ Duyên phân tích ra thành năm Giống (**Jāti**) thể theo Thiện v.v. Trong năm thể loại ấy, rằng theo Địa Giới thì Thiện có Tứ Địa Giới. Bất Thiện chỉ có duy nhất một Địa Giới thôi. Dị Thục Quả có Tứ Địa Giới, Duy Tác có ba Địa Giới, Sắc Pháp chỉ có một Địa Giới thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Y Chỉ Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Trong khi Y Chỉ Duyên đã phân tích như thế này rồi, thì Pháp Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới làm duyên đối với Uẩn tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên. Pháp Bất Thiện cũng tương tự. Trong Y Chỉ Duyên này, bất luận Tâm nào khởi sinh trong Vô Sắc Địa Giới thì chỉ có Tâm ấy làm Y Chỉ Duyên đối với Vô Sắc Pháp thôi. Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Y Chỉ Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, làm Y Chỉ Duyên đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới chỉ làm Y Chỉ Duyên đối với Pháp tương ưng thôi. Dị Thục Quả

Siêu Thế làm Y Chỉ Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Cõi Ngũ Uẩn. Chỉ làm Y Chỉ Duyên đối với Vô Sắc Pháp trong Cõi Tứ Uẩn thôi. Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Sắc Địa Giới làm Y Chỉ Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Cõi Ngũ Uẩn. Chỉ làm duyên đối với Vô Sắc Pháp trong Cõi Tứ Uẩn thôi. Duy Tác Sắc Địa Giới làm Y Chỉ Duyên chỉ có một phần đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ trong Cõi Ngũ Uẩn. Đối với Sắc sinh từ cả Tứ Xuất Sinh Xứ, trong Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ, một Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Duyên đối với ba Sắc Đại Hiện, ba Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Duyên đối với một Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Duyên đối với hai Sắc Đại Hiện. Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Duyên đối với Sắc Y Sinh trong Cõi Ngũ Uẩn. Sắc Vật làm Y Chỉ Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: đối với Thiện trong cả Tứ Địa Giới, đối với Bất Thiện, đối với Dị Thục Quả trong ba Địa Giới còn lại (loại trừ Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới), và Tâm Ngũ Song Thức và đối với Duy Tác trong ba Địa Giới. Ngũ Xứ có Nhân Xứ v.v. làm Y Chỉ Duyên đối với Ngũ Thức có Nhân Thức Giới v.v. cùng với Pháp tương ưng. Còn trong các Sắc Pháp mà có Quý Tiết, Tâm và Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ, Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Đại Hiện, và làm duyên đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định ngay cả Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Y Chỉ Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Y Chỉ Duyên

IX. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[10] Cận Y Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành vị trí nương tựa có rất nhiều năng lực), tức là:

- 1. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.**
- 2. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo một số ít phương thức Cận Y Duyên.**
- 3. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.**
- 4. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.**
- 5. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo một số ít phương thức Cận Y Duyên.**
- 6. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.**
- 7. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.**

8. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.

9. Các Pháp Vô Ký khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Cận Y Duyên.

10. Ngay cả Quý Tiết và Âm Thực cũng làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

11. Ngay cả Người cũng làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

12. Ngay cả Trú Xứ cũng làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH CẬN Y DUYÊN (ADHIPPIYĀUPANISSAYAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Cận Y Duyên.

Lời nói rằng **“khởi sinh lên trước trước” (Purimā purimā)** có nghĩa là “thường có được Pháp đã diệt theo thuận tự một cách tốt đẹp trong Vô Gian Cận Y Duyên”. Nhiều Pháp khởi sinh lên trước trước hơn thì thường có được với mãnh lực Lộ Trình sai biệt trong Cảnh Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. Cả ba nhóm ấy (là tất cả Cận Y) thường có được trong Câu Thiện với Câu Thiện. Còn Pháp diệt mất trong thuận tự một cách tốt đẹp thì thường không có được trong Câu Bất Thiện với Câu Thiện. Bởi lý do ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng “Pháp Thiện làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện theo một số ít phương thức Cận Y Duyên”. Quả thực, lời nói này Đức Thế Tôn thuyết giáo ngụ ý đến phần này là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện theo phương thức Cận Y Duyên”, đó là: Cảnh Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. Tác thành Cảnh Cận Y Duyên, đó là “người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới thì thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di một cách mãnh liệt; khi đã hỷ duyệt, tâm khoáng thân di một cách mãnh liệt rồi, thì sự tham ái thường sinh khởi lên, tà kiến thường sinh khởi lên; thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về sự việc đã từng thực hiện trước đó một cách mãnh liệt; khi đã hỷ duyệt, tâm khoáng thân di một cách mãnh liệt thì sự tham ái thường sinh khởi lên, tà kiến thường sinh khởi lên”. Tác thành Thường Cận Y Duyên, đó là “người cứ nương tựa vào Tín, dẫn đến Ngã Mạn khởi sinh lên, chấp thủ Tà Kiến; nương tựa vào Giới, Văn, Thí, Tuệ dẫn đến Ngã Mạn khởi sinh lên, chấp thủ Tà Kiến. Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ làm duyên đối với Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên”. Ba nhóm Pháp thường có được trong Câu Vô Ký với Câu Thiện, trong Câu Bất Thiện với Câu Bất Thiện cũng tương tự.

Tuy nhiên Pháp đã diệt đi không có khoảng cách xen kẽ một cách tốt đẹp thì thường không có được trong Câu Thiện với Câu Bất Thiện. Chính vì lý do ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng “Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện theo một số ít phương thức Cận Y Duyên”. Quả thực, nghĩa từ này Đức Thế Tôn thuyết giáo đặc biệt chỉ có ngụ ý đến Thường Cận Y Duyên thôi. Đi đến Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) theo phần như vậy “Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện theo phương thức Cận Y Duyên” ở phần Thường Cận Y Duyên tức là “người đã nương vào tham ái rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, dẫn đến Thiền Định, thực hành Minh Sát Tuệ, Đạo, Thắng Trí, cho việc Nhập Định khởi

sinh. Đã nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng rồi thường cho xả thí, v.v., thường cho việc Nhập Định khởi sinh. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng làm duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Người đã sát mạng hữu tình rồi xả thí để kỳ vọng sẽ thanh trừ nghiệp lực ấy. Tuy nhiên Bất Thiện thường bắt tác thành Cảnh Cận Y Duyên đối với Pháp Thiện. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào ?” Trả lời là “Vì Thiện Sự đó sẽ làm cho Bất Thiện ấy có năng lực mãnh liệt” và rồi thường không cho được hiện hành (Pháp Thiện sẽ không thực hiện Pháp Bất Thiện cho thành Cảnh Trường được). Trong quan niệm này bậc tu học nên hiểu biết là “thường bắt thành Vô Giá Cận Y Duyên” tương tự Cảnh Cận Y Duyên trong bất luận điều nào. Trong Câu Vô Ký với Câu Bất Thiện thường không được đặc biệt chỉ có Cảnh Cận Y Duyên thôi. Bởi vì Pháp Vô Ký thường không làm cho Bất Thiện tác thành Cảnh một cách kiên định. Cũng bởi vì thường bắt tác thành Vô Giá Duyên, do đó trong quan niệm này, Đức Thế Tôn mới không thuyết giáo là **“một số ít” (Kesañci)**. Tuy nhiên cả ba Cận Y Duyên thường có được trong ba phần, đó là: “trong Câu Vô Ký với Câu Vô Ký, Câu Thiện với Câu Vô Ký, và Câu Bất Thiện với Câu Vô Ký”. Nghĩa từ này là **“ngay cả người, ngay cả trú xứ” (Puggalopi Senāsanampi)** Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Thường Cận Y Duyên. Quả thực, cả hai “người và trú xứ” đây làm duyên hữu năng lực đối với sự hiện hành Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện. Và lại, sự việc người và trú xứ làm duyên trong quan niệm này, bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực việc tác thành duyên một cách gián tiếp. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và gọi là **Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)** tức là Pháp hiện hành trong tất cả Tứ Địa Giới cùng với một số ít Chế Định. Tuy nhiên rằng khi theo phân tích thì có ba thể loại với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên v.v. Tất cả ba thể loại Cận Y Duyên ấy, Cảnh Cận Y Duyên bắt sai biệt với Cảnh Trường Duyên, vì lẽ ấy bậc tu học nên chú tâm đến việc phân tích thành các trường hợp sai biệt theo phần Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước. Vô Giá Cận Y Duyên bắt phân biệt với Vô Giá Duyên. Ngay cả Vô Giá Cận Y Duyên ấy, bậc tu học nên chú tâm đến việc phân tích thành các trường hợp sai biệt mà Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước một cách tương tự. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định ngay cả Pháp tác thành Sở Duyên của hai Duyên ấy theo phần Bản Đạo đã đề cập để ở trong Trường Duyên và Vô Giá Duyên. Rằng khi theo mãnh lực Giống (**Jāti**) thì Thường Cận Y Duyên có năm thể loại được phân chia thành Thiện, Bất Thiện, Dị Thực Quả, Duy Tác và Sắc Pháp. Và lại Thường Cận Y Duyên khi phân tích theo mãnh lực Giống có Thiện v.v. rằng khi theo phân loại Pháp sinh trong các Địa Giới (**Bhūmi**) thì có rất nhiều. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Cận Y Duyên đây, như thế này trước.

Cũng trong Thường Cận Y Duyên này, khi đã được phân tích như Bản Đạo đã đề cập “Thiện hiện hành trong ba Địa Giới tác thành Thường Cận Y Duyên đối với bốn nhóm Pháp này, đó là: đối với Thiện ở trong Tứ Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thực Quả và Duy Tác. Pháp Siêu Thế bắt tác thành Thường Cận Y Duyên duy nhất đối với Pháp Bất Thiện. Tuy nhiên làm duyên đối với Pháp Bất Thiện của tha nhân được, thể theo phần chẳng hạn như “Pháp Siêu Thế mà Chú Giải Sư của Bản Đạo cho khởi sinh lên”, hoặc bởi theo như là “Pháp Siêu Thế sẽ khởi sinh lên đối với bất luận người nào vì thúc đẩy sự đổ kỵ cho sinh khởi lên trong việc giải thoát

(**Vimokkha**) một cách trác việt của người ấy”, Pháp Bất Thiện làm Thường Cận Y Duyên đối với các Uẩn hiện hành trong tất cả Tứ Địa Giới. Lại nữa, Dị Thực Quả hiện hành trong ba Địa Giới cũng làm Thường Cận Y Duyên tương tự đối với các Uẩn hiện hành trong Tứ Địa Giới. Trong Dị Thực Quả Siêu Thế, ba Quả bậc thấp bất tác thành Thường Cận Y Duyên chỉ có đối với Pháp Bất Thiện thôi. Ngay cả Quả bậc cao (là Quả Vô Sinh) cũng bất tác thành Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Thiện. Và đích thị thể theo phần trước, Pháp Siêu Thế khởi sinh đối với bất luận một người nào thì các Dị Thực Quả Siêu Thế trong bản tính của người ấy tác thành Thường Cận Y Duyên đối với các Vô Sắc Uẩn có Thiện v.v. Thường Cận Y đề cập đến phần Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn có Bất Thiện v.v. hiện hành trong Tứ Địa Giới. Thường Cận Y là Sắc Pháp cũng tương tự. Tuy nhiên chính tự Sắc Pháp thường bất tác thành Cận Y Duyên theo phần đã đề cập đến trong bộ Đại Kinh Điển gọi là Phát Thú (**Paṭṭhāna**) này. Sẽ nói rằng “bởi theo hàm nghĩa trong Tạng Kinh cũng thích hợp”. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Cận Y Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Cận Y Duyên

X. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[11] Tiền Sinh Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự việc khởi sinh lên trước), tức là:

1. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
2. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
3. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
4. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
5. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
6. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
7. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
8. Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.
9. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

10. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

11. Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

12. Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ bất luận Sắc Pháp nào hiện hành, Sắc Pháp ấy làm duyên đối với Ý Giới và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có đôi khi tác thành duyên đối với Ý Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Ý Thức Giới ấy theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có đôi khi bất tác thành duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH TIỀN SINH DUYÊN (ADHIPPĀYAPUREJĀTAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Tiền Sinh Duyên.

Gọi tên là **Tiền Sinh (sinh trước)** trong lời nói rằng “**Tiền Sinh Duyên**” (**Purejāta paccayo**) đây, làm duyên đối với bất luận Pháp nào thì cần phải sinh trước hơn Pháp ấy, là vượt qua sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**). Lời nói rằng “**Nhãn Xứ**” (**Cakkhāvāyatanam**) v.v. Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Vật Tiền Sinh Duyên (**Vatthupurejātapaccaya**). Lời nói rằng “**Sắc Xứ**” (**Rūpāyatanam**) v.v. Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Cảnh Tiền Sinh Duyên (**Ārammaṇapurejātapaccaya**). Lời nói rằng “**có đôi khi làm duyên... theo phương thức Tiền Sinh Duyên**” (**Kiñci Kālam Purejāta paccayena**), Đức Phật ngụ ý đến Thời Kỳ Chuyển Khởi. Lời nói rằng “**có đôi khi bất tác thành Duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên**” (**Kiñci kālam na Purejāta paccayena**) thuyết giáo ngụ ý lấy Thời Kỳ Tái Tục. Như thế Tạng **Pāli** đã đến đây với mãnh lực toàn bộ Vật (**Vatthu**) và Cảnh (**Ārammaṇa**) trong Lộ Ngũ Môn, chẳng phải với mãnh lực Vật (**Vatthu**) trong Lộ Ý Môn. Tuy nhiên trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**), có được Cảnh Tiền Sinh Duyên trong Lộ Ý Môn, vì Tạng **Pāli** đã có trình bày là “Bậc Hữu Học hoặc Phạm Phu tư khảo kiến giải minh lượng về Nhân tác thành Cảnh khởi sinh lên trước thể theo sự việc là Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã”. Còn trong chỗ này, lập ý trình bày việc thuyết giáo với mãnh lực Pháp ở phần còn lại. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và Tiền Sinh Duyên này, chỉ có toàn là Sắc Pháp. Và lại Sắc Pháp ấy, tức là chỉ có 18 Sắc Sắc (*) thôi (Sắc bị hủy diệt do bởi Đối Nghịch Duyên (**Virodhipaccaya**) có lạnh nóng, v.v.) vượt qua sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**).

[(*) Sắc Sắc (**Rūpa Rūpa**) ngụ ý đến 18 Sắc Thành Sở Tác (**Nipphannarūpa**)]

Các Sắc Pháp có hai thể loại, đó là: Tiền Sinh Duyên và Cảnh Tiền Sinh Duyên. Trong hai thể loại ấy, Sắc Pháp đây, là Nhãn Xứ, v.v., Thân Xứ và Sắc Vật, gọi là Vật Tiền Sinh (**Vatthupurejāta**). Mười hai Sắc Pháp còn lại, kể cả đã có và chưa có trong Phần **Pāli** ngữ, đó là: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Tứ Giới, Tam Quyền [là Nhị Sắc Bản Tính (**Bhāvarūpa**) và Nhất Sắc Mạng Quyền Lực (**Jīvitarūpa**)] Nhất Sắc Vật Thực (**Kabalīṃkārahāra**) gọi là Cảnh Tiền Sinh

Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Tiền Sinh Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Và trong Tiền Sinh Duyên được phân tích như Bàn Đạo đã trình bày đến đây, Nhân Xứ làm duyên đối với hai cái Tâm Nhân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên, bốn Xứ ngoài ra đây cũng tương tự, tức là làm Tiền Sinh Duyên đối với hai cái Tâm Nhĩ Thức v.v. Sắc Vật làm Tiền Sinh Duyên đối với Tâm và Tâm Sở, cả ở phần Thiện, Bất Thiện và Vô Ký, và hiện hành trong cả Tứ Địa Giới còn lại, loại trừ Tâm Ngũ Song Thức và bốn Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới. Và Ngũ Cảnh có Sắc v.v. làm Tiền Sinh Duyên chỉ có một phần vừa đối với Tâm Ngũ Song Thức, và vừa đối với ba Ý Giới. Và cả 18 thể loại Sắc Sắc ấy làm Tiền Sinh Duyên đối với sáu nhóm Pháp này, đó là: Thiện Dục Địa Giới, Thiện Thắng Trí mà sinh từ Sắc Địa Giới, Bất Thiện, Dị Thục Quả Dục Địa Giới sinh khởi tác thành Na Cảnh, Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Thắng Trí sinh từ Sắc Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định ngay cả Pháp tác thành Sở Duyên ở trong Tiền Sinh Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Tiền Sinh Duyên

XI. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[12] Hậu Sinh Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự việc khởi sinh về sau), tức là: Pháp Tâm và Tâm Sở khởi sinh về sau làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH HẬU SINH DUYÊN (ADHIPPIYAPACCHĀJĀTAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Hậu Sinh Duyên.

Lời nói rằng **“khởi sinh về sau” (Pacchājātā)** có nghĩa là “Pháp sinh về sau sẽ làm duyên đối với bất luận sắc thân nào sẽ cần phải khởi sinh lên trong khi sắc thân ấy đã sinh khởi rồi hiện hữu”. Lời nói rằng **“khởi sinh trước” (Purejātassa)** là làm duyên đối với Pháp sinh trước hơn, sát na Sinh các Pháp Năng Duyên ấy, vượt qua sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Thitikhana**). Lời nói rằng **“đối với sắc thân này” (Imassa Kāyassa)** là làm duyên đối với sắc thân này, đề cập là Sắc Đại Hiện và Sắc Y Sinh sinh từ Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ. Cũng trong điều này, lời nói rằng **“sắc thân sinh từ Tam Xuất Sinh Xứ”** bậc tu học nên hiểu biết sắc thân “Bộc Tòng Phạm Thiên” (**Brahmapārisajjā – Phạm Chúng Thiên**) v.v. vì không có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Tại đây, là việc giải thích từ ngữ **Pāli** trong quan niệm này. Và gọi là Hậu Sinh Duyên đây, rằng khi theo gián yếu (**Saṅkhepa**) tức là Vô Sắc Uẩn còn lại trong Tứ Địa Giới, loại trừ Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới. Hậu Sinh Duyên ấy, rằng khi theo mãnh lực Giống (**Jāti**) thì có bốn Giống, được chia là Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt trong Hậu

Sinh Duyên đây, như đã được trình bày. Và trong Hậu Sinh Duyên được phân tích như Bàn Đạo đã trình bày đến đây, Pháp Thiện sinh khởi trong Tứ Địa Giới và Pháp Bất Thiện trong Cõi Ngũ Uẩn làm Hậu Sinh Duyên đối với sắc thân có Tứ Xuất Sinh Xứ và Tam Xuất Sinh Xứ, vượt qua sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**). Ngay cả trong phía Dị Thục Quả còn lại, Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới (loại trừ Dị Thục Quả thực hiện chức năng Tái Tục) đích thị chính là làm Hậu Sinh Duyên chỉ có một phần, đối với Sắc mà có Tứ Xuất Sinh Xứ và Tam Xuất Sinh Xứ ấy. Tương tự ngay cả trong Dị Thục Quả Siêu Thế sinh khởi lên trong Cõi Ngũ Uẩn cũng làm Hậu Sinh Duyên đối với sắc thân ấy. Tâm Duy Tác hiện hành trong Tam Địa Giới đặc biệt chỉ có sinh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn làm Hậu Sinh Duyên đối với sắc thân có trường hợp như đã đề cập. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Hậu Sinh Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Hậu Sinh Duyên

XII. TRỪNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[13] Trùng Dụng Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự việc hưởng thụ trùng lập), tức là:

1. Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.
2. Các Pháp Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Bất Thiện khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.
3. Các Pháp Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Pháp Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH TRỪNG DỤNG DUYÊN (ADHIPPĀYAPACCHĀJĀTAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Trùng Dụng Duyên. Trong tất cả phần nói rằng **“khởi sinh lên trước trước” (Purimā purimā)** bậc tu học nên hiểu biết “tức là Pháp đã diệt theo thuận tự một cách tốt đẹp”.

Vấn hỏi rằng “Và vì lý do nào - ở trong quan niệm này - Đức Thế Tôn mới không có lập ý thực hiện việc xiển minh cùng với Pháp mà có Giống (**Jāti**) sai biệt với nhau, chẳng hạn theo phần như là “Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với Pháp Vô Ký khởi sinh sau sau, tương tự như ở trong Vô Gian Duyên?” Trả lời là “Bởi vì các Pháp không có khả năng cho những Pháp khác tiếp thu lấy nghĩ suy của mình được”. Quả thực, Pháp mà có Giống (**Jāti**) sai biệt với nhau, khi sẽ cho Pháp chủng sai biệt với nhau, thành tựu sự tác thành linh hoạt, và có năng lực với ân đức là “Trùng Dụng” (**Āsevana**) thường không có khả năng cho

những Pháp ấy tiếp thu lấy nghĩ suy của mình, là đề cập đến “sự tác thành Thiện v.v. được”. Vì lẽ ấy, bậc tu học nên hiểu biết là Đức Thế Tôn không có lập ý thực hiện việc xiển minh với Pháp có Giống (**Jāti**) sai biệt với nhau, mà chỉ lập ý thực hiện việc xiển minh với Pháp có Giống (**Jāti**) tương tự với Pháp mà có khả năng cho Pháp khác tiếp thu lấy nghĩ suy của mình, đề cập là “sự tác thành Thiện v.v.” đặc biệt loại bỏ đi thực tính có “năng lực nhiều quá”, “linh hoạt quá”, bởi vì “Trùng Dục” (**Āsevana**) đề cập đến “việc tích lũy thu tập”.

Vấn hỏi rằng “Khi là như thế, vì lý do nào mới không lập ý chủ tâm về Dị Thục Quả Vô Ký ?” Trả lời là “Vì không có “Trùng Dục” (**Āsevana**)”. Quả thực, Dị Thục Quả là thực tính thành thực với mãnh lực Nghiệp Lực, là thực tính bị Nghiệp Lực làm cho biến hóa bất định, thường hiện hành một cách bất cần miễn (trong việc trở sinh quả) và lại không có năng lực, Dị Thục Quả ấy mới không có khả năng cho Dị Thục Quả khác tiếp thu lấy, tức là đón nhận thực tính của mình, thế rồi sinh khởi lên với ân đức là “Trùng Dục” được. Cả Dị Thục Quả (mới) cũng không tiếp thu lấy quyền lực (**Ānubhāva**) Dị Thục Quả cũ mà khởi sinh lên được. Tuy nhiên Dị Thục Quả bị năng lực Nghiệp Lực xung kích, thường sinh khởi lên tự hồ như là rụng xuống; vì lẽ ấy, trong các Dị Thục Quả mới không có “trùng dục”. Vì vấn đề Dị Thục Quả không có “trùng dục” như đã đề cập đến, Đức Thế Tôn mới không có lập ý thu dụng (trong quan niệm Trùng Dục Duyên này). Và Dị Thục Quả đây, cho dù sẽ trong thuận tự của Thiện, Bất Thiện và Duy Tác cũng thường không được đón nhận ân đức là “trùng dục”, bởi vì có sự hiện hành hữu quan với Nghiệp Lực; vì lẽ ấy, Pháp có Thiện v.v. mới không làm Trùng Dục Duyên đối với Dị Thục Quả. Hơn nữa, những thể loại Thiện này v.v. không làm Trùng Dục Duyên đối với Dị Thục Quả bởi vì cũng có Giống (**Jāti**) sai biệt. Và rằng khi theo Địa Giới (**Bhūmi**) hoặc Cảnh (**Ārammaṇa**) các Pháp gọi là có Giống sai biệt thì thường không có. Vì lẽ ấy, Thiện và Duy Tác Dục Địa Giới mới làm Trùng Dục Duyên đối với Thiện Đáo Đại (**Mahaggatakusala**) và Duy Tác Đáo Đại (**Mahaggatakiriya**) và Thiện Thuận Tòng (**Anulomakusala**) mà có Hành (**Saṅkhāradhamma – Pháp Hữu Vi**) làm Cảnh, và đối với Thiện Chuyển Tộc (**Gotrabhūkusala**) có được Níp Bàn làm Cảnh.

Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**. Và Trùng Dục Duyên này, chỉ có ba Giống, đó là: Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký Duy Tác. Trong ba Giống ấy, rằng khi theo Địa Giới thì Pháp Thiện có ba Địa Giới, đó là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới. Pháp Bất Thiện chỉ có Dục Địa Giới thôi. Pháp Vô Ký Duy Tác có ba Địa Giới, đó là: Dục Địa Giới, Sắc Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới. Gọi là Trùng Dục Duyên ở phần Siêu Thế thì thường không có. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Trùng Dục Duyên đây, như đã được đề cập. Và trong Trùng Dục Duyên được phân tích như đã trình bày đến đây, Thiện Dục Địa Giới làm Trùng Dục Duyên đối với Thiện Dục Địa Giới sinh trong thuận tự của mình. Trong Trùng Dục Duyên, Thiện Dục Địa Giới ở phần Tương Ứng Trí làm Trùng Dục Duyên đối với những nhóm Pháp này, đó là: Pháp Thiện Sắc Địa Giới, Pháp Thiện Vô Sắc Địa Giới, Pháp Thiện Siêu Thế mà có Thọ (**Vedanā**) tương tự với mình. Còn Pháp Thiện Sắc Địa Giới làm Trùng Dục Duyên đặc biệt chỉ đối với Pháp Thiện Sắc Địa Giới thôi. Pháp Thiện Vô Sắc Địa Giới làm Trùng Dục Duyên chỉ đối với Thiện Vô Sắc Địa Giới thôi. Tương tự Pháp Bất Thiện làm Trùng Dục

Duyên chỉ đối với Pháp Bất Thiện thôi. Pháp Pháp Duy Tác, nói đến là Duy Tác Dục Địa Giới làm Trùng Dục Duyên đối với Duy Tác Dục Địa Giới trước tiên. Pháp nói đến là bất luận Duy Tác Dục Địa Giới nào là Pháp Tương Ứng Trí làm Trùng Dục Duyên đối với những nhóm Pháp này, đó là: Duy Tác Sắc Địa Giới, Duy Tác Vô Sắc Địa Giới mà có Thọ tương tự với mình. Duy Tác Sắc Địa Giới làm Trùng Dục Duyên chỉ đối với Duy Tác Sắc Địa Giới thôi. Duy Tác Vô Sắc Địa Giới làm Trùng Dục Duyên chỉ đối với Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thôi. Còn Dị Thực Quả sẽ làm Trùng Dục Duyên đối với một Pháp duy nhất, hoặc Pháp chi sẽ làm Trùng Dục Duyên đối với Dị Thực Quả thì thường không có. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Trùng Dục Duyên đây, như đã được đề cập như thể này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Trùng Dục Duyên

XIII. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[14] Nghiệp Lực Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ thể theo sự việc tạo tác nhằm để cho các sự việc thành tựu), tức là:

1. Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với các Uẩn Dị Thực Quả, và đối với các Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.
2. Pháp Thực Tính là các Tư Tâm Sở làm duyên đối với các Pháp tương ứng với Tư Tâm Sở, và đối với các Sắc Pháp mà có các Pháp tương ứng với Tư Tâm Sở ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH NGHIỆP LỰC DUYÊN (ADHIPPĀYAKAMMAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Nghiệp Lực Duyên. Lời nói rằng “**Nghiệp Lực**” (**Kammaṃ**) tức là “**Tư Tâm Sở Nghiệp Lực**” (**Cetanā kamma**). Lời nói rằng “**đối với các Sắc Tái Tục**” (**Kaṭattā ca rūpāṇaṃ**) tức là Sắc Pháp sinh khởi lên vì bị Nghiệp Lực tạo tác (Nghiệp Lực kiến tạo). Lời nói rằng “**theo phương thức Nghiệp Lực Duyên**” (**Kammapaccayena**) có nghĩa là “**với Dị Thời Nghiệp Lực có khả năng cho trở sinh quả báo của mình đến cực điểm của mười triệu Kiếp (**Koṭīkappa**) chẳng phải là ít ỏi**”. Quả thực, Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực thường không cho quả báo trong sát na mình hiện hành, nếu sẽ phải cho quả báo (trong sát na ấy) thì người tạo tác Thiện Nghiệp Lực thành Tác Nhân cho tương hợp bất luận một Cõi Thiên Giới nào, và nhất định sẽ biến hóa thành vị Thiên Tử ngay trong sát na đó với uy lực tối thượng (**Ānubhāva**) của Nghiệp Lực ấy. Và Nghiệp Lực mà người đã có tạo tác ở trong bất luận sát na nào, cho dù sẽ không có hiện hữu ở trong sát na khác, thì thường vẫn cho trở sinh quả báo tất phải tương hợp với người trong thời hiện tại, hoặc tiếp nối theo sau một khi có việc kết hợp cùng với Duyên còn lại, bởi do

thực tính mà Nghiệp Lực tạo tác đã được thành tựu; tỷ như việc luyện tập nghệ thuật ở lần đầu tiên, cho dù đã kết thúc thì cũng vẫn cho khởi sinh việc thực hiện nghệ thuật trong những lần về sau vào thời gian khác; vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo gọi là “Dị Thời Nghiệp Lực Duyên”.

Lời nói rằng **“đối với các Pháp tương ưng với Tư Tâm Sở” (Cetanāsampayutta kāṇaṃ dhammāṇaṃ)** có nghĩa là “bất luận một Tư Tâm Sở nào làm duyên đối với Pháp tương ưng”. Với lời nói rằng **“có các Pháp tương ưng với Tư Tâm Sở ấy làm Xuất Sinh Xứ” (Tamsamuṭṭhānāṇaṃ)** đây, Đức Thế Tôn lập ý chú tâm đến Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục. Lời nói rằng **“theo phương thức Nghiệp Lực Duyên” (Kammaṇaccayena)** đây, thuyết giáo ngụ ý đến Tư Tâm Sở câu sinh với nhau. Quả thực, các Pháp có Pháp Thiện v.v. bất luận một Tư Tâm Sở nào giúp đỡ phù trợ đối với Pháp còn lại bằng cách tác thành Duy Tác (**Kiriya**), nói đến là sự cần miễn của tâm, vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo gọi là “Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên”. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và Nghiệp Lực Duyên này, theo Chú Giải tức là Tư Tâm Sở hiện hành trong Tứ Địa Giới. Tư Tâm Sở ấy, rằng khi theo phân loại Giống thì Tư Tâm Sở chia ra thành bốn Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Trong bốn Giống ấy, rằng theo Địa Giới thì Thiện có Tứ Địa Giới với mãnh lực Dục Địa Giới v.v. Bất Thiện chỉ có một Địa Giới thôi. Dị Thục Quả có bốn Địa Giới, Duy Tác có ba Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Nghiệp Lực Duyên đây, như đã được đề cập đến.

Và trong Nghiệp Lực Duyên được phân tích như đã đề cập đến đây, Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới câu sinh với nhau làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn, làm duyên một cách duy nhất chỉ có đối với các Uẩn tương ưng với mình ở trong Cõi Tứ Uẩn theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thôi.

Còn Tư Tâm Sở sinh khởi lên rồi diệt mất làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả của mình và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Và lại Tư Tâm Sở ấy đặc biệt chỉ có làm duyên ở trong Cõi Ngũ Uẩn, không có ở trong Địa Giới nào khác.

Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới câu sinh với nhau làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên chỉ có một phần. Tuy nhiên Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới sinh khởi lên rồi diệt mất làm duyên đối với Dị Thục Quả của mình, và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

Tư Tâm Sở Thiện Vô Sắc Địa Giới và Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế câu sinh với nhau làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn, làm duyên một cách duy nhất chỉ có đối với các Uẩn tương ưng với mình ở trong Cõi Tứ Uẩn theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thôi. Và cả ba Tư Tâm Sở ấy sinh khởi lên rồi diệt mất làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả của mình theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở Bất Thiện câu sinh với nhau làm duyên đối với Uẩn tương ưng với mình, và Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn,

đặc biệt chỉ có tác thành Duyên đối với Vô Sắc Uẩn ở trong Cõi Tứ Uẩn thôi, tác thành Duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

Tư Tâm Sở Dị Thục Quả phía Dục Địa Giới và Sắc Địa Giới làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và làm duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi và Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới làm duyên một cách duy nhất đối với Pháp tương ưng với mình theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở Dị Thục Quả Siêu Thế làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn, chỉ có làm duyên đối với Vô Sắc Pháp ở trong Cõi Tứ Uẩn theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thôi. Tư Tâm Sở Duy Tác sinh ở trong cả Tứ Địa Giới làm duyên đối với Pháp tương ưng và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên. Và Tư Tâm Sở Duy Tác sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới đây đặc biệt chỉ có làm duyên đối với Vô Sắc Pháp theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Nghiệp Lực Duyên đây, như đã được đề cập đến.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Nghiệp Lực Duyên

XIV. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[15] Dị Thục Quả Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành dị thục quả, là đến sự thành thục và không còn năng lực), tức là Tứ Vô Sắc Uẩn ở phần Dị Thục Quả làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (ADHIPPĀYAVIPĀKAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiển minh trong Dị Thục Quả Duyên. Bởi vì Sắc Pháp cho dù sẽ sinh từ nơi Nghiệp Lực cũng không gọi là Dị Thục Quả, vì thế Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là “ở phần Dị Thục Quả” (Vipākā) rồi thuyết giáo “Tứ Vô Sắc Uẩn” (Cattāro Khandhā) ở trong Tạng Pāli là “Tứ Vô Sắc Uẩn ở phần Dị Thục Quả” (Vipākā Cattāro Khandhā). Ở Tạng Pāli với trường hợp như thế này là chỉ có với mãnh lực Dị Thục Quả Duyên ở phần Vô Sắc Pháp thôi. Thế nhưng trong Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhā vāra) thường được đối với cả Dị Thục Quả Duyên, và đối với cả Sắc Tâm, Sắc Nghiệp, bởi vì Tạng Pāli đã có nói rằng “một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên”. Tuy nhiên trong quan niệm này, Đức Thế Tôn lập ý thực hiện việc thuyết giáo với Pháp còn lại. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ Pāli. Và

Dị Thực Quả Duyên này, bởi vì là Pháp Dị Thực Quả, rằng khi theo Giống thì chỉ một Giống duy nhất (là Giống Dị Thực Quả). Rằng phân loại Địa Giới thì chia ra được bốn Địa Giới, với mãnh lực Dục Địa Giới v.v. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Dị Thực Quả Duyên này, như đã được đề cập đến đây. Và trong Dị Thực Quả Duyên được phân tích như đã đề cập đến đây, Dị Thực Quả Dục Địa Giới và Dị Thực Quả Sắc Địa Giới làm Dị Thực Quả Duyên đối với Uẩn tương ưng với mình, và làm Dị Thực Quả Duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, làm Dị Thực Quả Duyên đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Dị Thực Quả Vô Sắc Địa Giới làm Dị Thực Quả Duyên đặc biệt chỉ có đối với Pháp tương ưng thô. Dị Thực Quả Siêu Thế làm duyên đối với Pháp tương ưng và Sắc Tâm ở trong Cõi Ngũ Uẩn, làm Dị Thực Quả Duyên đặc biệt chỉ có đối với Pháp tương ưng ở trong Cõi Tứ Uẩn thô. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Dị Thực Quả Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Dị Thực Quả Duyên

XV. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[16] Vật Thực Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành bậc lãnh đạo), tức là:

1. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.
2. Vật Thực ở phần Vô Sắc (ở phần Danh Pháp) làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Danh Vật Thực, và đối với các Sắc Pháp mà có Danh Vật Thực ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH VẬT THỰC DUYÊN (ADHIPPIYĀĀHĀRAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiển minh trong Vật Thực Duyên.

Bổ Phẩm (Ojā) trong Sắc Pháp sinh khởi ở trong Tứ “Thừa Kế” (Santati) (*) gọi là Vật Thực (Āhāra).

[(*) Sắc sinh từ Tứ Xuất Sinh Xứ, đó là: Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực].

Trong lời nói rằng “Đoàn Thực” (Kabalīṅkārahāra) (một miếng ăn vật thực) (Kabalīṅkāro Āhāro - Đoàn Thực Vật Thực). Cũng vì vật thực ấy người ta tác thành một miếng ăn rồi bỏ nuốt vào mới thực hiện được chức năng của vật thực, và vật thực không thực hiện được chức năng từ ở bên ngoài, vì thế Đức Thế Tôn mới không thuyết giáo là “vật thực” (Āhāro) mà thuyết giáo rằng “một miếng ăn vật thực” (Kabalīṅkāro Āhāro). Hơn nữa, lời nói rằng “một miếng ăn” (Kabalīṅkāro – Đoàn Thực) đây, chỉ là tên gọi của vật thực, vì là vật chất mà người ta cần phải thực hiện cho thành từng miếng ăn rồi bỏ nuốt vào. Vật thực là Xúc (Phassa), Tư Tâm Sở (Cetanā) và Thức (Viññāṇa) gọi là “vật thực ở phần Vô Sắc Pháp”

(**Arūpino Āhārā**). Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ, Đức Thế Tôn lập ý chú tâm rồi để ở trong nghĩa từ này “**mà có Danh Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ**” (**Tam samuṭṭhānānam**). Phù hợp với sự thực như đã thuyết giáo đề ở trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) là “trong sát na Tái Tục, Vật Thực ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Vật Thực Duyên. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và Vật Thực Duyên này, một cách giản lược chỉ có bốn thể loại Pháp, đó là: “Đoàn Thực, Xúc Thực, Tư Thực và Thức Thực”. Trong bốn thể loại Vật Thực ấy, ba Danh Vật Thực (loại trừ Đoàn Thực) rằng khi theo mãnh lực Giống chia ra được bốn Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Lại nữa với phân loại Địa Giới thì những Danh Vật Thực này được rất nhiều thể loại như thế này, đó là: Thiện được chia ra bốn Địa Giới, Bất Thiện một Địa Giới, Dị Thục Quả bốn Địa Giới, Duy Tác ba Địa Giới. Còn Đoàn Thực rằng theo Giống là Vô Ký, rằng theo Địa Giới thì duy nhất chỉ có Dục Địa Giới. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Vật Thực Duyên này, như đã được đề cập đến đây. Và trong Vật Thực Duyên được phân tích như đã đề cập đến đây, cả bốn Địa Giới Vật Thực ở phần Thiện làm duyên đối với Pháp tương ưng với mình, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Vật Thực Duyên. Vật Thực còn lại (loại trừ Thức Sắc Địa Giới) làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Vật Thực Duyên thôi. Ngay cả trong Vật Thực ở phần Bất Thiện cũng có phần này tương tự. Cả bốn Địa Giới Vật Thực ở phần Dị Thục Quả làm Vật Thực Duyên đối với Pháp tương ưng ở trong tất cả mọi nơi. Và trong quan niệm này, Dị Thục Quả Địa Dục Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn làm Vật Thực Duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Vật Thực ở phần Dị Thục Quả Siêu Thế làm Vật Thực Duyên duy nhất chỉ có đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Vật Thực sinh trong Vô Sắc Địa Giới thường không làm duyên đối với Sắc Pháp. Cả ba Địa Giới Vật Thực ở phần Duy Tác làm Vật Thực Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Vật Thực ở phần Dục Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới làm Vật Thực Duyên chỉ có đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Vật Thực Duyên thôi. Đoàn Thực sinh khởi ở trong Tứ “Thừa Kế” (**Santati**) Đức Thế Tôn thuyết giáo một cách bất sai biệt là “làm duyên đối với sắc thân này” dù cho có quả thực đi nữa, tuy nhiên, rằng khi theo đặc tính sai biệt trong quan niệm này thì Đoàn Thực đây vừa là người làm cho Sắc Pháp mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ sinh khởi và vừa thuận tùng theo Sắc Pháp mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ bảo hộ theo phương thức Vật Thực Duyên. Giải thích rằng “làm duyên đối với Sắc Thừa Kế mà có ba Xuất Sinh Xứ còn lại bởi do Sắc Pháp phù thực theo phương thức Vật Thực Duyên”. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Vật Thực Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Vật Thực Duyên

XVI. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[17] Quyền Lực Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành chủ yếu), tức là:

1. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy, theo phương thức Quyền Lực Duyên.

2. Nhĩ Quyền Lực làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Quyền Lực Duyên.

3. Tỷ Quyền Lực làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Quyền Lực Duyên.

4. Thiệt Quyền Lực làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Quyền Lực Duyên.

5. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Quyền Lực Duyên.

6. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên.

7. Vô Sắc Quyền Lực (Danh Quyền Lực) làm duyên đối với các Pháp tương ưng, và đối với các Sắc mà có các Pháp tương ưng ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

GIẢI THÍCH XIÊN MINH QUYỀN LỰC DUYÊN (ADHIPPĀYAINDRİYAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiên minh trong Quyền Lực Duyên.

Lời nói rằng “**Nhãn Quyền Lực**” (**Cakkhundriyam**) tức là “Nhãn tác hành Quyền Lực”. Lời nói rằng “**theo phương thức Quyền Lực Duyên**” (**Indriyapaccayena**) có nghĩa là “Nhãn Quyền Lực ấy v.v. tự khởi sinh lên trước rồi làm duyên đối với Vô Sắc Pháp, kể từ khởi sinh cho đến diệt mất, theo phương thức Quyền Lực Duyên. Ngay cả trong Nhĩ Quyền Lực v.v. cũng có phần này tương tự. Ngay cả Vô Sắc Quyền Lực, Đức Thế Tôn cũng lập ý liệt kê trong lời nói như vậy “**Vô Sắc Quyền Lực**”. Trong lời nói rằng “**có các Pháp tương ưng ấy làm Xuất Sinh Xứ**” (**Tamsamuṭṭhānānam**) đây, lập ý liệt kê ngay cả Sắc Tái Tục vào trong phần đã có đề cập đến trong thời gian trước. Phù hợp với sự thực Đức Phật thuyết giáo trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) như vậy “Quyền Lực ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên”. Tại đây, nên hiểu biết lời giải thích trước tiên ở phần **Pāli** chỉ có bấy nhiêu đây.

Và Quyền Lực Duyên này, tức là 20 Quyền Lực chắn, loại trừ Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực. Quả thực, Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực là hạn định Nữ Tính Biệt và Nam Tính Biệt, dù cho có xác thực đi nữa, thế nhưng trong thời gian còn là Sắc Chủng Tử (**Kalalarūpa**) v.v. ngay cả những thể loại Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực ấy sẽ có hiện

hữu, những cũng vẫn không thành tựu sự tác thành Quyền Lực Duyên đối với Nữ Tính Biệt và Nam Tính Biệt; bởi vì Nữ Tính Biệt và Nam Tính Biệt vẫn chưa có, và luôn cả bất tác thành Quyền Lực Duyên đối với các nhóm Pháp khác được. Quả thực, Pháp tác thành Quyền Lực Duyên, sẽ gọi là “không thành tựu sự tác thành Quyền Lực Duyên đối với Pháp bất phân liệt” trong sát na mà bản thân thường không có hiện hữu, vì lẽ ấy, những thể loại Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực ấy mới bất tác thành Quyền Lực Duyên.

Và Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực này, theo sự giải thích ở trong Tạng Kinh, là Chủng Tử (**Bija**) Nữ Tính Biệt và Nam Tính Biệt; Nữ Quyền Lực và Nam Quyền Lực ấy được coi như tác thành Thường Cận Y Duyên đối với Nữ Tính Biệt và Nam Tính Biệt. Như thế Quyền Lực Duyên, bậc tu học nên hiểu biết đó là 20 Quyền Lực chẵn. Rằng khi theo Giống thì Quyền Lực Duyên được chia ra thành năm Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thực Quả, Duy Tác và Sắc Pháp. Trong năm Giống ấy vẫn còn được chia ra nhiều thể loại nữa, tức là: ở phần Thiện chia theo Địa Giới thì có được bốn Địa Giới. Bất Thiện chỉ có duy nhất Dục Địa Giới. Dị Thực Quả có bốn Địa Giới. Duy Tác có ba Địa Giới. Sắc Pháp chỉ có Dục Địa Giới thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Quyền Lực Duyên đây, như thế này trước tiên.

Và trong Quyền Lực Duyên được phân tích như thế này, Duyên là Quyền Lực ở bốn Địa Giới Thiện làm duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Quyền Lực Duyên. Quyền Lực ở phần Bất Thiện cũng tương tự. Thiện và Bất Thiện còn lại (loại trừ Thiện Sắc Địa Giới) đặc biệt chỉ có làm duyên đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Quyền Lực Duyên. Quyền Lực ở cả bốn Địa Giới Dị Thực Quả làm Quyền Lực Duyên đối với Pháp tương ưng chỉ có một phần. Và tất cả những thể loại Quyền Lực ở phần Dị Thực Quả đây, Quyền Lực ở phần Dị Thực Quả Dục Địa Giới và Dị Thực Quả Sắc Địa Giới, một khi sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và làm duyên đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. Quyền Lực ở phần Dị Thực Quả Siêu Thế chỉ có làm duyên duy nhất đối với Sắc Tâm. Dị Thực Quả ở phần Dị Thực Quả Siêu Thế mà sinh khởi ở trong Vô Sắc Địa Giới thì thương không có làm duyên đối với đối với Sắc Pháp.

Quyền Lực ở cả ba Địa Giới Duy Tác tác thành Quyền Lực Duyên đối với Pháp tương ưng và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Còn Quyền Lực ở phần Duy Tác Dục Địa Giới và Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thường thành tựu sự tác thành Quyền Lực Duyên đặc biệt chỉ có đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới thôi.

Trong cả sáu Sắc Quyền Lực có Nhân Quyền Lực v.v., Nhân Quyền Lực làm duyên đối với hai Tâm Nhân Thức luôn cả Pháp tương ưng ở trong phía Dị Thực Quả Thiện và Dị Thực Quả Bất Thiện. Nhĩ Quyền Lực v.v. cũng tương tự làm Quyền Lực Duyên đối với Nhĩ Thức v.v. như thế ấy. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Pháp câu sinh với mình trong sát na Trụ (**Thitikhana**) theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sự tác thành Câu Sinh Duyên thường không có đối với Sắc Mạng Quyền Lực ấy.

Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Quyền Lực Duyên đây, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Quyền Lực Duyên

XVII. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

[18] Thiền Na Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ theo sự việc làm thành người thẩm thị Cảnh), tức là các Chi Thiền Na làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Thiền Na, và đối với các Sắc Pháp mà có Thiền Na và Pháp tương ưng với Thiền Na ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH THIỀN NA DUYÊN (ADHIPPĀYAJHĀNAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiển minh trong Thiền Na Duyên.

Lời nói rằng “các Chi Thiền Na” (Jhānaṅgāni) tức là Thất Chi Thiền Na, được nói đến là Tầm (Vitakka), Tứ (Vicāra), Hỷ (Pīti), Hỷ Thọ (Somanassa), Ưu Thọ (Domanassa), Xả Thọ (Upekkhā) và Nhất Tâm (Cittaekaggatā) mà sinh khởi ở trong Tâm còn lại, loại trừ mười Tâm Ngũ Song Thức. Cũng bởi vì nhóm Ngũ Thức chỉ có việc thoái bộ (của Tâm ở trong Cảnh). Xả (Upekkhā), Lạc (Sukha) và Khổ (Dukkha) cho dù sẽ hiện hữu ở trong các Tâm ấy, Đức Thế Tôn cũng không lập ý đưa lên khái thuyết là Chi Thiền Na, vì bất hợp thẩm thị Cảnh. Và các Chi Thiền Na ấy, ngay cả ở trong những Tâm Vô Nhân (Ahetukacitta) còn lại, Đức Thế Tôn cũng không lập ý đưa lên khái thuyết (là Chi Thiền Na) tương tự, vì đã bị cắt đứt đi rồi, tuy nhiên trong việc hội tập Pháp trong quan niệm này, mới lập ý đưa lên khái thuyết.

Ngay cả trong lời nói rằng “có Thiền Na và Pháp tương ưng với Thiền Na ấy làm Xuất Sinh Xứ” (Tamsamuṭṭhānānam) đây, bậc tu học nên hiểu biết là Đức Thế Tôn lập ý liệt kê vào Sắc Tái Tục. Phù hợp với sự thực Đức Phật thuyết giáo trong Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) rằng “Trong sát na Tái Tục, Chi Thiền Na ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Thiền Na Duyên” (điều 953). Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ Pāli.

Và Thiền Na Duyên này, là Thất Chi Thiền Na phân tích theo thể loại Giống thì có bốn Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác. Lại nữa với mãnh lực Địa Giới thì phân tích được mười hai Địa Giới, đó là: bốn Thiện, một Bất Thiện, bốn Dị Thục Quả và ba Duy Tác. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Thiền Na Duyên này, như đã được đề cập đến đây.

Trong Thiền Na Duyên phân tích ra như thế này, cả bốn Địa Giới Chi Thiền Na ở phần Thiện làm duyên đối với Pháp tương ưng và Sắc Tâm ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Thiền Na Duyên. Chi Thiền Na còn lại, loại trừ ở phần Sắc Địa Giới, chỉ có làm duyên đối với

Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Thiền Na Duyên thôi. Ngay cả ở trong Bất Thiện v.v. cũng có phần này tương tự. Chi Thiền Na ở phần Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Thiền Na Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi. Làm Thiền Na Duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Chi Thiền Na ở phần Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới đặc biệt chỉ có làm Thiền Na Duyên đối với Pháp tương ưng thôi (ở trong Vô Sắc Địa Giới) và Dị Thục Quả Siêu Thế sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới cũng tương tự. Tuy nhiên ở trong Cõi Ngũ Uẩn, Chi Thiền Na ở phần Dị Thục Quả Siêu Thế ấy làm duyên đối với đối với Sắc Tâm theo phương thức Thiền Na Duyên. Cả ba Địa Giới Chi Thiền Na ở phần Duy Tác làm Thiền Na Duyên đối với Pháp tương ưng và Sắc Tâm trong Cõi Ngũ Uẩn. Chi Thiền Na sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới đặc biệt chỉ có làm duyên đối với Pháp tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Thiền Na Duyên này, như đã được đề cập đến đây.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Thiền Na Duyên

XVIII. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

[19] Đồ Đạo Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành đạo lộ), tức là các Chi Đồ Đạo làm duyên đối với các Pháp tương ưng với Đồ Đạo, và đối với các Sắc Pháp mà có Đồ Đạo và Pháp tương ưng với Đồ Đạo ấy làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH ĐỒ ĐẠO DUYÊN (ADHIPPĀYAMAGGAAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Đồ Đạo Duyên.

Lời nói rằng “các Chi Đồ Đạo” (**Maggaṅgāni**) tức là Thập Nhị Chi Đồ Đạo, đó là: Tuệ (**Paññā**), Tầm (**Vitakka**), Chánh Ngữ (**Sammāvācā**), Chánh Nghiệp (**Sammākam manta**), Chánh Mạng (**SammāĀjīva**), Tấn (**Viriya**), Niệm (**Sati**), Định (**Samādhi**), Tà Kiến (**Micchādiṭṭhi**), Tà Tư Duy (**Micchāsāṅkappa**), Tà Mạng (**Micchāvāyāma**), Tà Định (**Micchāsamādhi**) sinh khởi trong Tâm còn lại, loại trừ Tâm khởi sinh Vô Nhân (**Ahetuka cittuppāda**). Đức Thế Tôn không lập ý đưa Chi Đồ Đạo trong Tâm Vô Nhân (làm Đồ Đạo Duyên) bởi vì việc tác thành Đồ Đạo là Pháp khởi sinh về sau của Tác Nhân (**Hetu**). Lập ý liệt kê Sắc Nghiệp vào trong lời nói “có Đồ Đạo và Pháp tương ưng với Đồ Đạo ấy làm Xuất Sinh Xứ” (**Tamsamuṭṭhānānaṃ**) này. Phù hợp với sự thực Đức Phật thuyết giáo trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) rằng “Trong sát na Tái Tục, Chi Đồ Đạo ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Đồ Đạo Duyên”. (Điều 600) Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và Đồ Đạo Duyên này, tức là Thập Nhị Chi Đồ Đạo chia theo phân loại Giống thì có bốn Giống, đó là: Giống Thiện v.v. Chia theo Địa Giới thì có mười hai Địa Giới, có Dục Địa Giới v.v. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Vật Thực Duyên này, như đã được đề cập đến đây. Và trong Đồ Đạo Duyên khi đã được phân tích như thế này, cả bốn Địa Giới Chi Đồ Đạo ở phần Thiện làm duyên đối với Pháp tương ưng, và đối với Sắc Tâm ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Chi Đồ Đạo còn lại, loại trừ ở phần Sắc Địa Giới, làm duyên đối với Pháp tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Tất cả lời giải thích Ngài đã cho quảng khoáng tương tự trong Thiền Na Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Đồ Đạo Duyên này, như đã được đề cập đến đây.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Đồ Đạo Duyên

XIX. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[20] Tương Ưng Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành điều phối giả) tức là Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Tương Ưng Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH TƯƠNG ƯNG DUYÊN (ADHIPPIYASAMPAYUTTAPACCAYANIDDESA)

Phần **Pāli** xiển minh trong Tương Ưng Duyên đã có nội dung minh hiển. Và gọi là Tương Ưng Duyên đây, rằng một cách giản lược tức là các Uẩn Vô Sắc. Thế nhưng khi phân loại ra thì được rất nhiều thể loại, đó là: rằng theo Giống thì có Giống Thiện v.v., rằng theo Địa Giới thì có Dục Địa Giới v.v. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Tương Ưng Duyên này, như đã được đề cập đến đây.

Và trong Tương Ưng Duyên khi đã được phân tích như thế này, rằng cả bốn Địa Giới Uẩn Thiện có một Uẩn làm duyên đối với ba Uẩn (theo phương thức Tương Ưng Duyên), ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Các Uẩn Thiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Tương Ưng Duyên với trường hợp như thế này. Ngay cả trong Uẩn Bất Thiện, Uẩn Dị Thực Quả và Uẩn Duy Tác cũng có phần này tương tự. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Tương Ưng Duyên này, như đã được đề cập đến đây.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Tương Ưng Duyên

-----00000-----

XX. BÁT TƯƠNG ƯNG DUYÊN

(VIPPAYUTTAPACCAYA)

[21] **Bất Tương Ứng Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành bất điều phối giả) tức là:**

1. **Các Sắc Pháp làm duyên đối với Vô Sắc Pháp (Danh Pháp) theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên.**

2. **Các Vô Sắc Pháp làm duyên đối với các Sắc Pháp theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên.**

GIẢI THÍCH XIÊN MINH BẤT TƯƠNG ỨNG DUYÊN (ADHIPPĀYAVIPPAYUTTAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiên minh trong Bất Tương Ứng Duyên.

Lời nói này là “**các Sắc Pháp làm duyên đối với các Vô Sắc Pháp (Rūpino dhammā arūpinam)** nên hiểu biết với mãnh lực Sắc Tâm Cơ (**Hadayavatthurūpa**) và Nhân Quyền Lực v.v. trước tiên. Quả thực, đích thị trong sáu thể loại Sắc Pháp này làm Bất Tương Ứng Duyên đối với Vô Sắc Uẩn. Mặc dù Pháp ở phần Cảnh có Sắc Xứ v.v. làm bất tương ứng với nhau (với Nhân Xứ v.v.) cũng là xác thực, thế nhưng cũng không sắp thành Bất Tương Ứng Duyên. Vấn hỏi rằng “vì lý do nào ?” Trả lời là “vì không có mối quan hệ trong sự kiện phối hợp (**Sampayoga**)”. Các Vô Sắc Uẩn sinh khởi từ như xuất hiện ra từ ở bên trong Sắc Pháp tác thành vị trí nương tựa, có Nhân Thanh Triệt (**Cakkhupasāda**) v.v. Mối quan hệ trong những thể loại Nhân Thanh Triệt v.v. này mới hiện hữu bất thành Vô Sắc Uẩn bất luận sẽ tương ứng hoặc bất tương ứng với những thể loại Nhân Thanh Triệt v.v. ấy hay không. Còn Pháp ở phần Cảnh thường chỉ có tác thành Cảnh của Tâm mà sinh khởi bởi do nương tựa Sắc Vật thô; vì lý do ấy, mối quan hệ sự kiện phối hợp trong những thể loại Nhân Thanh Triệt v.v. mới không có. Những thể loại Sắc Xứ v.v. không sắp thành Bất Tương Ứng Duyên vì không có mối quan hệ trong sự kiện phối hợp với trường hợp như vậy. Bậc tu học nên hiểu biết sự tác thành Bất Tương Ứng Duyên này ở trong Sắc Tâm Cơ v.v. Phù hợp với sự thực Đức Phật thuyết giáo trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) rằng “Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Thiện và đối với Vô Sắc Uẩn theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên (điều 608). Nhân Xứ v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Nhân Thức v.v. Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên (điều 606). Sắc Vật làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên”. Lời nói này là “**các Vô Sắc Pháp làm duyên đối với các Sắc Pháp**” (**Arūpino dhammā arūpinam**) bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực Tứ Uẩn. Quả thực trong các Vô Sắc Pháp, Tứ Uẩn làm Bất Tương Ứng Duyên đối với Sắc Pháp ở phần Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Còn Níp Bàn dù sẽ là Vô Sắc Pháp cũng không làm duyên đối với Sắc Pháp theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Quả thực, Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “phối hợp với Tứ Uẩn, bất phối hợp với Tứ Uẩn (là Tương Ứng hoặc Bất Tương Ứng thích dụng với Danh Uẩn)”. (*)

Bậc tu học nên hiểu biết là “đặc biệt chỉ có Tứ Vô Sắc Uẩn tác thành Bất Tương Ứng Duyên với trường hợp như thế này”. Phù hợp với sự thực Đức Phật thuyết giáo trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) rằng “ở phần Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Ở phần Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Thiện làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên (điều 604). Trong sát na Tái Tục, các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ứng Duyên” (điều 606). Tại đây, bậc tu học nên hiểu biết việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**.

Và gọi là Bất Tương Ứng Duyên đây, một cách giản yếu tức là Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp đang hiện hành ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Tất cả những thể loại Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp ấy, Sắc Pháp được phân tích ra sáu thể loại với mãnh lực Sắc Tâm Cơ và Nhãn Thanh Triệt v.v. Vô Sắc Pháp sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn (theo Giống) được phân tích ra bốn thể loại, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả, Duy Tác. Vô Sắc Pháp ấy phân tích theo Địa Giới có được mười một Địa Giới, đó là: bốn Thiện, một Bất Thiện, ba Dị Thục Quả, ba Duy Tác với mãnh lực Dục Địa Giới v.v. Thế nhưng Dị Thục Quả Vô Sắc bất tác thành Bất Tương Ứng Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Bất Tương Ứng Duyên này, như đã được miêu thuật như vậy. Và trong Bất Tương Ứng Duyên khi đã được phân tích như thế này, cả bốn Địa Giới Thiện và Bất Thiện mà sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm sinh khởi câu sinh với mình theo phương thức Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ sinh trước, vượt qua sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**) theo phương thức Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Và lời nói rằng “sắc thân có Tam Xuất Sinh Xứ” trong chỗ này bậc tu học nên hiểu biết tức là sắc thân “Bộc Tòng Phạm Thiên” (**Brahmapārisajjā – Phạm Chúng Thiên**) v.v. vì không có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ. Tuy nhiên Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm duyên đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Dị Thục Quả Siêu Thế đặc biệt chỉ có làm duyên duy nhất đối với Sắc Tâm. Và cả Dị Thục Quả Địa Giới này (Dục Giới + Sắc Giới + Siêu Thế) làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Cả ba Duy Tác Địa Giới làm duyên đối với Sắc Tâm theo phương thức Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên.

Còn trong sáu thể loại Sắc Trụ (**Ṭhitarūpa – Sắc Tồn Tại**) ấy, trong sát na Tái Tục Sắc Vật làm duyên đối với Dị Thục Quả Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới theo phương thức Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Làm duyên đối với Thiện cả Tứ Địa Giới, Bất Thiện Nhất Địa Giới, Dị Thục Quả cả Tam Địa Giới, loại trừ 10 Tâm Thức, và đối với Tâm Duy Tác cả Tam Địa Giới sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi theo phương thức Tiền Sinh Bất Tương

Ứng Duyên. Nhãn Xứ v.v. làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. với Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Bất Tương Ứng Duyên đây, như đã được miêu thuật như vậy.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Bất Tương Ứng Duyên

XXI. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[22] Hiện Hữu Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành người vẫn còn hiện hữu) tức là:

- 1. Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 2. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 3. Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 4. Các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với các Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 5. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 6. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 7. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 8. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 9. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 10. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 11. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 12. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 13. Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 14. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**
- 15. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.**

16. Sắc Xứ, Thịnh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

17. Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ bất luận Sắc nào hiện hành, Sắc ấy làm duyên đối với Ý Giới và Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới và Ý Thức Giới ấy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

GIẢI THÍCH XIÊN MINH HIỆN HỮU DUYÊN (ADHIPPĀYAATTHIPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định xiên minh trong Hiện Hữu Duyên.

Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Hiện Hữu Duyên với mãnh lực Câu Sinh Duyên với lời nói rằng “**Tứ Vô Sắc Uẩn**” (**Cattāro khandhā**) v.v. Lập ý trình bày Hiện Hữu Duyên với mãnh lực Tiền Sinh Duyên với lời nói rằng “**Nhãn Xứ**” (**Cakkhvāyatanam**) v.v. Trong lời nói rằng “**nương nhờ bất luận Sắc nào**” (**Yaṃ rūpaṃ nissāya**) đây, lập ý khái thuyết Hiện Hữu Duyên với mãnh lực Pháp ở cả phần Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Tạng **Pāli** đến đây với mãnh lực Hiện Hữu Duyên một cách duy nhất cả Pháp ở phần Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên với trường hợp như vậy. Thế nhưng trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) hoạch đắc Hiện Hữu Duyên với mãnh lực Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên cùng với phần Hậu Sinh Duyên, bởi vì Tạng **Pāli** đến đây với mãnh lực những nhóm Pháp này, đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. Tuy nhiên trong chỗ này Đức Thế Tôn lập ý thuyết giáo với mãnh lực Pháp ở phần còn lại. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**. Và gọi là Hiện Hữu Duyên đây, có hai thể loại đó là: theo phần Hỗ Tương Duyên và chẳng phải Hỗ Tương Duyên. Trong hai thể loại ấy, Hiện Hữu Duyên ở phần Hỗ Tương Duyên có ba thể loại, đó là: Vô Sắc Pháp với Vô Sắc Pháp, Sắc Pháp với Sắc Pháp, Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp với Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Quả thực, trong lời nói này là “**Tứ Uẩn làm Hiện Hữu Duyên đối với Vô Sắc Pháp**” Đức Thế Tôn thuyết giáo đến Vô Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Uẩn với mãnh lực việc sinh khởi các Tâm. Trong nghĩa từ này là “**Tứ Sắc Đại Hiện**” (**Cattāro Mahābhūtā**) thuyết giáo đến Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Pháp với mãnh lực việc truyền thừa các Sắc Pháp. Trong nghĩa từ này là “**trong sát na Tái Tục, Danh Sắc**” (**Okkantikkhaṇe nāmarūpaṃ**) thuyết giáo đến Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp với Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp làm duyên lẫn nhau với mãnh lực các Uẩn thực hiện chức năng Tái Tục và Sắc Vật. Hiện Hữu Duyên ở phần chẳng phải Hỗ Tương Duyên có ba thể loại, đó là: Vô Sắc Pháp làm Hiện Hữu Duyên đối với Sắc Pháp, Sắc Pháp làm Hiện Hữu Duyên đối với Sắc Pháp, Sắc Pháp làm Hiện Hữu Duyên đối với Vô Sắc Pháp. Quả thực, trong nghĩa từ này là “**các Pháp Tâm và Tâm Sở**” (**Cittacetasikādharmā**) Đức Thế Tôn thuyết giáo đến Vô Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Pháp với mãnh lực Cõi Ngũ Uẩn. Trong nghĩa từ này là “**Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh**” (**Mahābhūtā Upādārūpanam**) thuyết giáo đến Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Pháp với mãnh lực việc truyền thừa các Sắc Pháp. Trong lời chẳng hạn như “**Nhãn Xứ...đối với Nhãn Thức Giới**” (**Cakkhvāyatanam**

Cakkhuvīññādhātu) Đức Thế Tôn thuyết giáo là “Sắc Pháp làm duyên đối Vô Sắc Pháp theo phương thức Hiện Hữu Duyên với mãnh lực Vật và Cảnh”.

Hơn nữa, gọi là Hiện Hữu Duyên đây, một cách giản yếu sẽ đề cập đến đó là Ngũ Uẩn đang là Sắc Pháp, tức là Danh Pháp và Sắc Pháp đi đến cả ba sát na cũng được. Rằng theo phân loại Giống thì Hiện Hữu Duyên ấy chia ra thành năm Giống, đó là: Thiện, Bất Thiện, Dị Thục Quả, Duy Tác và Sắc Pháp. Trong năm Giống ấy, Hiện Hữu Duyên ở phần Thiện có hai, đó là làm Câu Sinh Duyên với Hậu Sinh Duyên; Bất Thiện, Dị Thục Quả và Duy Tác cũng tương tự. Các Hiện Hữu Duyên ở phần Thiện v.v. ấy, Thiện chia ra thành năm Địa Giới với mãnh lực Dục Địa Giới v.v. Bất Thiện duy nhất chỉ có một Dục Địa Giới. Dị Thục Quả được cả Tứ Địa Giới. Duy Tác hiện hành trong ba Địa Giới. Hiện Hữu Duyên là Sắc Pháp thì duy nhất chỉ có một Dục Địa Giới. Và Hiện Hữu Duyên là Sắc Pháp ấy thì có hai thể loại với mãnh lực Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Trong hai thể loại ấy, năm Vật và năm Cảnh làm Tiền Sinh Duyên một cách duy nhất. Sắc Tâm Cơ làm Câu Sinh Duyên cũng được, làm Tiền Sinh Duyên cũng được. Còn Vật Thục Duyên và Quyền Lực Duyên đi đến ở trong Giai Đoạn Vấn Đề (**Pañhāvāra**) thường không có việc phân tích theo phần Câu Sinh Duyên v.v. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo việc phân tích thành các trường hợp sai biệt ở trong Hiện Hữu Duyên này với quan niệm này, như đã được miêu thuật như vậy.

Và trong Hiện Hữu Duyên khi đã được phân tích như thế này, Thiện ngay cả Tứ Địa Giới câu sinh với nhau làm Hiện Hữu Duyên. Trong Cõi Ngũ Uẩn làm duyên hỗ tương nhau đối với các Uẩn thể theo phần như vậy: “một Uẩn làm duyên đối với ba Uẩn, và làm duyên đối với Sắc Tâm (theo phương thức Hiện Hữu Duyên)”. Đối với Câu Sinh Thiện còn lại, loại trừ Thiện Sắc Địa Giới, đặc biệt chỉ có làm duyên đối với các Uẩn tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới theo phương thức Hiện Hữu Duyên thôi. Đối với Thiện ở phần Hậu Sinh Duyên cả Tứ Địa Giới làm duyên đối với sắc thân có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Ngay cả trong Bất Thiện v.v. cũng có phần này tương tự. Tuy vậy, quả thực là Bất Thiện ở phần Câu Sinh Duyên làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Tục ở trong Cõi Ngũ Uẩn, và làm Hậu Sinh Duyên đặc biệt chỉ có đối với các Uẩn tương ưng ở trong Cõi Tứ Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên thôi. Bất Thiện ở phần Hậu Sinh Duyên làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Và theo sự tác thành Dị Thục Quả thì Hiện Hữu Duyên ở phần Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm duyên một cách nhất định đối với các Uẩn và đối với Sắc Tái Tục trong sát na Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Tuy nhiên làm duyên đối với đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm trong Thời Kỳ Chuyển Khởi theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ mà đã đi đến sát na Trụ (**Tītikhaṇa**) theo phương thức Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.

Thế nhưng Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và Dị Thục Quả Siêu Thế sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Pháp tương ưng với mình theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên thôi. Dị Thục Quả Siêu Thế ở trong Cõi Ngũ Uẩn làm duyên đối với các Uẩn tương ưng với mình, và đối với Sắc Tâm theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên.

Làm duyên đối với sắc thân mà có Tâm và Tứ Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.

Theo sự tác thành Duy Tác, Hiện Hữu Duyên ở phần Duy Tác Sắc Địa Giới làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên. Thế nhưng Duy Tác Dục Địa Giới và Vô Sắc Địa Giới làm duyên đặc biệt chỉ có đối với các Uẩn tương ưng ở trong Vô Sắc Địa Giới thôi, và ngay cả làm duyên đối với đối với Sắc Tâm ở trong Cõi Ngũ Uẩn theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Làm duyên đối với sắc thân mà có Tam và Tứ Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.

Và Pháp là Sắc làm Hiện Hữu Duyên có được bốn Duyên, đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. Trong bốn Duyên ấy, Hiện Hữu Duyên là Sắc Pháp ở phần Câu Sinh Duyên có bốn thể loại với mãnh lực Xuất Sinh Xứ. Trong Tứ Xuất Sinh Xứ ấy, Sắc có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ và làm Câu Sinh Hiện Hữu Duyên như thế này, đó là: một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện, Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Sắc Vật trong sát na Tái Tục làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Dục Địa Giới và các Uẩn Dị Thục Quả Sắc Địa Giới theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên. Sắc mà có Tam Xuất Sinh Xứ còn lại làm duyên theo phương thức Câu Sinh Hiện Hữu Duyên như thế này, đó là: một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện, Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh. Còn Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây có hai thể loại, đó là: Vật Tiền Sinh Duyên và Cảnh Tiền Sinh Duyên. Cả hai thể loại ấy bậc tu học nên đón lấy lại theo phần Bản Đạo đã đề cập ở trong Tiền Sinh Duyên trong thời gian trước. Ngay cả Vật Thực Hiện Hữu Duyên cũng nên phối hợp theo phần đã phối hợp trong Đoàn Thực Duyên trong thời gian trước. Và Vật Thực Hiện Hữu Duyên này, Đức Thế Tôn thuyết giáo gọi là Hiện Hữu Duyên trong quan niệm này với việc tác thành duyên trong sát na mà mình vẫn chưa diệt mất. Ngay cả Sắc Mạng Quyền Lực cũng nên đón lấy theo phần mà Bản Đạo đã đề cập trong việc giải thích Sắc Mạng Quyền Lực trong Quyền Lực Duyên ở phần đầu tiên. Và trong chỗ này, Sắc Mạng Quyền Lực ấy, Đức Thế Tôn thuyết giáo gọi là Hiện Hữu Duyên với việc tác thành duyên trong sát na mà mình vẫn chưa diệt mất. Và như thế, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định thể theo Pháp tác thành Sở Duyên trong Hiện Hữu Duyên với quan niệm này.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Hiện Hữu Duyên

XXII. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)

[23] Vô Hữu Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành người không có hiện hữu) tức là các Pháp Tâm và Tâm Sở đã diệt mất theo thuận tự một cách tốt đẹp làm

duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở sinh khởi trước mắt theo phương thức Vô Hữu Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH VÔ HỮU DUYÊN (ADHIPPIYANATTHIPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Vô Hữu Duyên.

Lời nói rằng **“đã diệt mất theo thuận tự một cách tốt đẹp” (Samanantaraniruddhā)** là tác thành Pháp không có khoảng cách xen kẽ với Tâm khởi sinh (**Cittuppāda**) khác, diệt mất theo thuận tự một cách tốt đẹp. Lời nói rằng **“sinh khởi trước mắt” (Paṭuppannānam)** tức là sinh khởi trực diện. Với nghĩa từ này, Đức Thế Tôn thường dẫn tới hệ quả sự việc Vô Hữu Duyên, là Vô Hữu Duyên bởi do có ý nghĩa “tạo cơ hội đối với Pháp sẽ sinh về sau được hiện hành”. Quả thực, khi Pháp sinh trước không cho cơ hội đối với Pháp sinh về sau được hiện hành với mãnh lực tự bản thân diệt đi, và sự việc Pháp sinh về sau sẽ sinh khởi trước mắt mới không hiện hữu được. Tại đây, là việc giải thích trước tiên trong phần từ ngữ **Pāli**. Tất cả nghĩa từ còn lại, bậc tu học nên hiểu biết theo phần mà Bản Đạo đã có đề cập ở trong Vô Gian Duyên. Quả thực, chỉ có trạng thái Duyên thôi, là sự sai biệt với nhau giữa Vô Gian Duyên với Vô Hữu Duyên này. Thế nhưng, không có sự sai biệt với nhau Năng Duyên và Sở Duyên. Lại nữa trong cả hai Duyên ấy, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Năng Duyên và Sở Duyên một cách khái quát có phần như vậy “Nhân Thức Giới và Pháp tương ưng với Nhân Thức Giới ấy làm duyên đối với Ý Giới”. Trong chỗ này lập ý khái thuyết các thể loại Pháp ấy một cách chung chung với mãnh lực việc diệt mất và sinh khởi lên, đó là Pháp Tâm và Tâm Sở diệt mất theo thuận tự một cách tốt đẹp làm duyên đối với Pháp Tâm và Tâm Sở sinh khởi trước mắt.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Vô Hữu Duyên

-----00000-----

XXIII. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

[24] Ly Khứ Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành một hữu giả) tức là các Pháp Tâm và Tâm Sở đã xa lìa theo thuận tự một cách tốt đẹp làm duyên đối với các Pháp Tâm và Tâm Sở sinh khởi trước mắt theo phương thức Ly Khứ Duyên.

GIẢI THÍCH XIỂN MINH LY KHỨ DUYÊN (ADHIPPIYAVIGATAPACCAYANIDDESA)

Tiếp theo đây, bậc tu học nên hiểu biết thâm định xiển minh trong Ly Khứ Duyên. Lời nói rằng **“đã xa lìa theo thuận tự một cách tốt đẹp” (Samanantaravigatā)** là “xa lìa theo

thuận tự một cách tốt đẹp”. Với nghĩa từ này Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết rằng “Ly Khứ Duyên làm duyên theo thực tính tự xa lìa”. Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên đây, chỉ có sai biệt về hình thái (**Byañjana**) thôi, còn nội dung bất sai biệt.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Ly Khứ Duyên

XXIV. BÁT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

[25] Bát Ly Duyên (Pháp giúp đỡ phù trợ bằng cách tác thành người vẫn chưa xa lìa) tức là:

- 1. Tứ Vô Sắc Uẩn làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 2. Tứ Sắc Đại Hiện làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 3. Trong sát na Tái Tục, Danh Sắc làm duyên hỗ tương nhau theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 4. Các Pháp Tâm và Tâm Sở làm duyên đối với các Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 5. Sắc Đại Hiện làm duyên đối với các Sắc Y Sinh theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 6. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 7. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 8. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 9. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 10. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 11. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 12. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 13. Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 14. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 15. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Giới và đối với các Pháp tương ưng với Thân Thức Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**
- 16. Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ làm duyên đối với Ý Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới ấy theo phương thức Bát Ly Duyên.**

17. Ý Giới và Ý Thức Giới nương nhờ bất luận Sắc nào hiện hành, Sắc ấy làm duyên đối với Ý Giới và Ý Thức Giới, và đối với các Pháp tương ưng với Ý Giới và Ý Thức Giới ấy theo phương thức Bất Ly Duyên.

**Kết Thúc Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ
(Paccayavibhaṅgavāra)**

**GIẢI THÍCH XIỂN MINH BẤT LY DUYÊN
(ADHIPĀYAAVIGATAPACCAYANIDDESA)**

Nghĩa từ như là “**Tứ Vô Sắc Uẩn**” (**Cattāro khandhā**) trong Bất Ly Duyên, bậc tu học nên hiểu biết nội dung y theo tất cả trạng thái ở phần mà Bần Đạo đã có đề cập trong Hiện Hữu Duyên. Quả thực, Duyên này với Hiện Hữu Duyên chỉ có sai biệt về hình thái (**Byañjana**) thôi, còn nội dung bất sai biệt.

Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Bất Ly Duyên

**GIẢI THÍCH XIỂN MINH GIAI ĐOẠN DUYÊN HỆ
(ADHIPĀYAPACCAYANIDDESAVĀRA) (*)**

[(*)]: Nghĩa từ này với Phiên Bản Miến Điện sử dụng là “**Paccayaniddesapakiṇṇaka vinicchaya-kathā**” (**Kinh Điển Thăm Định Diễn Nghĩa Xiển Minh Duyên Hệ**) tức là “lời bổ túc thuyết minh của Bậc Chú Giải Sư điểm xuyết bổ trí ngoài ra lời giải thích theo Tạng **Pāli** hiện hữu”. Trong chỗ này, xin sử dụng chủ đề theo phần sử dụng ở trong Phiên Bản Chú Giải Thái ngữ.]

Nhằm để sự minh hiển việc tức tường thành thực Trí Tuệ (**Ñāṇa**) trong 24 Duyên này, Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết thể theo cả phần Xiển Thuật (**Uddesa**) và Xiển Minh (**Niddesa**) như đã được miêu thuật. Bây giờ, bậc tu học nên hiểu biết việc “Thăm Định Linh Tinh” (**Pakiṇṇakavinicchaya**) với mãnh lực mười câu này, đó là:

1. Theo thực tính rất nhiều thể loại Pháp tác thành độc nhất chung Duyên.
2. Theo thực tính độc nhất chung Pháp tác thành được rất nhiều thể loại Duyên.
3. Theo thực tính độc nhất chung Duyên tác thành được rất nhiều thể loại Duyên.
4. Theo đồng dạng Duyên với nhau (**Sabhāga – Tấu Hợp**).
5. Theo bất đồng dạng Duyên với nhau (**Visabhāga – Bất Tấu Hợp**).
6. Theo thành đối Duyên với nhau.
7. Theo phần Xuất Sinh Duyên (**Janakapaccaya**) và Bất Xuất Sinh Duyên (**Ajanakapaccaya**).
8. Theo Duyên cùng vào với Pháp được hết tất cả và không được tất cả.
9. Theo việc quy định với lời mở đầu (**Ādi**) rằng “Sắc làm duyên đối với Sắc” v.v.
10. Theo việc phân tích với Địa Giới (**Bhava – Hữu**).

Trong mười thể loại ấy:

1. Lời nói rằng “**theo thực tính rất nhiều thể loại Pháp tác thành độc nhất chủng Duyên**” có nghĩa là “rất nhiều thể loại Pháp làm duyên một cách thống nhất với nhau” trong 23 Duyên còn lại đây, loại trừ Nghiệp Lực Duyên. Còn duy nhất Nghiệp Lực Duyên thì chỉ tác thành Pháp Tư Tâm Sở (**Cetanādhamma**) thôi. Bậc tu học nên hiểu biết thâm định theo thực tính rất nhiều thể loại Pháp làm độc nhất chủng Duyên trong quan niệm như thế này trước tiên.

2. Lời nói rằng “**theo thực tính độc nhất chủng Pháp làm được rất nhiều thể loại Duyên**” có nghĩa là “trong Nhân Duyên trước tiên, duy nhất một Pháp đó là Vô Si (**Amoha**) không chỉ có làm Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Thiền Na Duyên thôi (mà còn) làm duyên với mãnh lực 20 Duyên còn lại.

Vô Tham (**Alobha**) và Vô Sân (**Adosa**) cho dù không làm Quyền Lực Duyên và Đồ Đạo Duyên (thể nhưng) làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên còn lại. Tham (**Lobha**), Si (**Moha**) cho dù không làm Dị Thực Quả Duyên (thể nhưng cũng) làm duyên với mãnh lực mười bảy Duyên còn lại. Cho dù không làm Trưởng Duyên (thể nhưng) cũng làm duyên với mãnh lực mười sáu Duyên còn lại”.

Trong Cảnh Duyên, Sắc Xứ làm duyên bốn thể loại, đó là: Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên làm duyên đối với Ý Giới và Ý Thức Giới Vô Nhân (**Ahetukamanoviññādhātu**). Lại nữa, vẫn còn làm duyên luôn cả với Cảnh Trưởng Duyên và Cảnh Cận Y Duyên đối với Ý Thức Giới Hữu Nhân (**Sahetukamanoviññādhātu**). Bậc tu học nên hiểu biết sự việc các Pháp Cảnh Duyên làm duyên rất nhiều thể loại bởi theo phần này.

Trong Trưởng Duyên, bậc tu học nên hiểu biết sự việc Cảnh Trưởng làm duyên rất nhiều thể loại theo như đã đề cập ở trong Cảnh Duyên. Trong Pháp ở phần Câu Sinh Trưởng, Thẩm Trưởng (**Vimamsādhīpati**) làm 20 thể loại Duyên tương tự với Nhân Vô Si (**Amohahetu**). Dục (**Chanda**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thể nhưng làm duyên với mãnh lực mười bảy Duyên còn lại. Tâm (**Citta**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thể nhưng làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên còn lại. Cần (**Viriya**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Thiền Na Duyên, thể nhưng làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên còn lại.

Trong Vô Gian Duyên, tất cả Tứ Uẩn mà Đức Thế Tôn thuyết giáo theo phần chẳng hạn như vậy “**Nhân Thức Giới**” (**Cakkhuvīññādhātu**).

Thọ Uẩn (**Vedanākhandha**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Đồ Đạo Duyên, thể nhưng làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên còn lại. Tưởng Uẩn (**Saññākhandha**) không làm Quyền Lực Duyên và Thiền Na Duyên, thể nhưng làm duyên với mãnh lực mười bảy Duyên còn lại. Trong Hành Uẩn (**Saṅkhārakhandha**), Nhân làm duyên theo phần đã đề cập ở trong Nhân Duyên. Dục (**Chanda**) và Cần (**Viriya**) làm duyên theo phần đã đề cập ở trong Trưởng Duyên.

Xúc (**Phassa**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên còn lại. Tư (**Cetanā**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên còn lại. Tâm (**Vitakka**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên còn lại. Tứ (**Vicāra**) không làm Đồ Đạo Duyên, làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên còn lại. Hỷ (**Pīti**) làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên tương tự. Nhất Tâm (**Cittekaggatā**) không làm duyên Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Vật Thực Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực 20 Duyên còn lại.

Tín (**Saddhā**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên còn lại. Niệm (**Sati**) làm duyên với mãnh lực mười chín Duyên, đó là: mười tám Duyên ấy và Đồ Đạo Duyên. Mạng Quyền (**Jivitindriya**) làm duyên với mãnh lực mười tám Duyên như đã đề cập ở trong Tín. Tàm (**Hiri**) và Quý (**Ottappa**) làm duyên với mãnh lực mười bảy Duyên còn lại, bởi do cắt bỏ Quyền Lực Duyên ra.

Các đôi Tâm Sở với nhau có Thân Bình Tĩnh (**Kāyapassaddhi**) v.v. và các “Lánh Ngoại Tâm Sở” (**Yevāpanakacetasikā** – Các Tâm Sở Ngoại Ra) đó là: Thắng Giải (**Adhimokkha**), Tác Ý (**Manasikāra**), Trung Gian (**Tatramajjhataṭṭā**), Bi Mẫn (**Karuṇā**) và Tùy Hỷ (**Muditā**) cũng tương tự, tức là làm duyên với mãnh lực mười bảy Duyên. Còn Tâm Sở Ngăn Trừ Phần (**Viraticetasikā**) làm duyên với mười tám thể loại, tức là mười bảy Duyên ấy và Đồ Đạo Duyên.

Tà Kiến (**Micchādiṭṭhi**) làm duyên với mười bảy thể loại Duyên ấy, bởi do cắt bỏ Di Thực Quả Duyên ra. Tà Ngữ (**Micchāvācā**), Tà Nghiệp (**Micchākammanta**) và Tà Mạng (**MicchāĀjīva**) làm duyên với mười chín thể loại, đó là: mười bảy Duyên ấy và Nghiệp Lực Duyên với Vật Thực Duyên. Các Pháp Tâm Sở này, đó là: vô tầm (**Ahrika**), vô quý (**Anottappa**), ngã mạn (**Māna**), hôn trầm (**Thīna**), thuy miên (**Middha**), trạo cử (**Uddhacca**) không làm Nhân Duyên, Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Di Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thế nhưng làm duyên với mãnh lực mười sáu Duyên còn lại. Hoài nghi (**Vicikicchā**), tật đố (**Issā**), lận sác (**Macchariya**) và hối hận (**Kukkucca**) làm duyên với mười lăm thể loại Duyên ấy, bởi do cắt bỏ Trưởng Duyên ra.

Nên hiểu biết sự việc Thức Uẩn (**Viññāṇakhandha**) làm nhiều rất nhiều thể loại theo phần đã đề cập ở trong Trưởng Duyên. Ngay cả trong Đẳng Vô Giác Duyên cũng có phần này tương tự. Trong Câu Sinh Duyên, tất cả Tứ Uẩn trước tiên nên hiểu biết sự việc từng mỗi Pháp làm duyên rất nhiều thể loại, đích thị theo phần đã đề cập. Tứ Sắc Đại Hiện làm chín thể loại Duyên, đó là: Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Sắc Tâm Cơ làm mười thể loại Duyên, đó là chín Duyên ấy và Bất Tương Ứng Duyên.

Trong Hổ Tương Duyên không có Pháp không từng có trước (tức là không có Pháp mới thêm vào).

Trong Y Chỉ Duyên, Nhãn Xứ v.v. làm duyên chín thể loại, đó là: Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Trong Cận Y Duyên không có Pháp không từng đề cập trước.

Trong Tiền Sinh Duyên, Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ và Vị Xứ làm duyên sáu thể loại, đó là: Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Nghĩa từ vẫn không được giải thích chỉ có ngân này.

Trong Hậu Sinh Duyên v.v. không có Pháp vẫn chưa từng có trước.

Trong Vật Thực Duyên, Đoàn Thực làm duyên sáu thể loại, đó là: Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Trong Quyền Lực Duyên v.v. không có Pháp vẫn chưa từng có. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định ngay cả “theo thực tính độc nhất một thể loại Pháp làm duyên được rất nhiều thể loại” trong quan niệm này, như đã được miêu thuật như vậy.

3. Lời nói rằng **“theo thực tính độc nhất chủng Duyên tác thành được rất nhiều thể loại Duyên”** có nghĩa là “bất luận Pháp nào làm Năng Duyên của Sở Duyên, bất luận một chủng loại nào trong các Nhân Duyên v.v. bởi bất luận trạng thái nào, bởi bất luận ý nghĩa nào, Pháp đó không hề từ bỏ trạng thái ấy, ý nghĩa ấy chút nào cả, lại còn đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên khác nữa đối với Pháp đó chính ngay trong sát na ấy bởi bất luận trạng thái nào, bởi bất luận ý nghĩa nào”, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định Pháp đó theo thực tính tác thành được rất nhiều thể loại Duyên bởi do trạng thái ấy, bởi do ý nghĩa ấy, tức là: Vô Si (**Amoha**) làm Nhân Duyên, Vô Si ấy không hề từ bỏ sự việc tác thành Nhân Duyên chút nào cả, lại còn đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười một trạng thái khác nữa, đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Vô Tham (**Alobha**) và Vô Sân (**Adosa**) đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mãnh lực còn lại từ nơi mười một Duyên ấy, bởi do cắt bỏ ba Duyên, đó là: Trưởng Duyên, Quyền Lực Duyên và Đồ Đạo Duyên ra. Cả hai Vô Tham và Vô Si này thường có được vừa ở trong Nhân Duyên và vừa ở trong Dị Thực Quả Duyên. Còn trong Thiện và Duy Tác, cắt bỏ Dị Thực Quả Duyên đi. Tham, Sân và Si thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mãnh lực Duyên còn lại, loại trừ bốn Duyên đó là: ba thể loại Duyên ấy và Dị Thực Quả Duyên.

Cảnh Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Cảnh Duyên ấy (*) chút nào cả, thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với bảy trạng thái khác nữa, đó là: Cảnh Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Tại đây là việc quy định một cách tột đỉnh trong Cảnh Duyên.

[(*): Ngay chỗ này và trong những nghĩa từ về sau, khi có lời nói rằng **“không hề từ bỏ sự việc tác thành...”** phiên dịch theo Phiên Bản Miến Điện là **“Ārammaṇapaccayat tam”** v.v. Phiên Bản Thái Lan là **“Ārammaṇapaccayattham”** v.v.]

Và khi Vô Sắc Pháp hoặc Sắc Pháp ở phần Quá Khứ và Vị Lai tác thành Cảnh Duyên hiện hữu, thường chỉ có được thêm Duyên với Cảnh Trưởng Duyên và Cảnh Cận Y Duyên

thôi. Thâm (**Vimamsā**) trong Trưởng Duyên tương tự với Vô Si. Dục (**Chanda**) không hề từ bỏ sự việc tác thành Trưởng Duyên chút nào cả, thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều nhóm Duyên với mãnh lực tám trạng thái Duyên khác nữa, đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Cần (**Viriya**) đi đến sự việc tác thành rất nhiều nhóm Duyên với mãnh lực mười trạng thái Duyên khác nữa, đó là tám Duyên ấy và Quyền Lực Duyên với Đồ Đạo Duyên. Tâm (**Citta**) đi đến sự việc tác thành rất nhiều nhóm Duyên với mười trạng thái ngoài ra từ nơi Trưởng Duyên, với mãnh lực việc cắt bỏ Đồ Đạo Duyên ra khỏi nơi ấy, rồi thêm Vật Thục Duyên vào. Còn Cảnh Trưởng Duyên, bậc tu học nên hiểu biết là tác thành rất nhiều thể loại Duyên theo phần đã đề cập ở trong Cảnh Duyên trong thời gian trước. Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với năm trạng thái khác nữa, đó là: Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Tư Tâm Sở (**Cetanā**) chỉ có trong Thánh Đạo thôi, thường được tác thành Nghiệp Lực Duyên trong Vô Giác Duyên này, và Pháp còn lại thì không có được. Câu Sinh Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Câu Sinh Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười bốn trạng thái khác nữa, đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiên Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Tại đây là việc quy định một cách tốt đỉnh, thể nhưng với mãnh lực Vật Câu Sinh Duyên (Vật cùng đồng sinh với nhau) v.v. nên hiểu biết là không có Nhân Duyên v.v. trong Vật Câu Sinh Duyên này. Ngay cả trong Hổ Tương Duyên cũng có phần này tương tự. Y Chỉ Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Y Chỉ Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên ngay cả với mười bảy trạng thái khác nữa, đó là cắt bỏ sự việc tác thành Y Chỉ Duyên của mình ra và cắt bỏ sáu Duyên khác nữa, đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên từ ở 24 Duyên. Ngay chỗ này cũng là việc quy định một cách tốt đỉnh, và một khi với mãnh lực Vật và Pháp nương nhờ v.v. nên hiểu biết là không có Nhân Duyên v.v. trong Y Chỉ Duyên này. Trong Cận Y Duyên, Cảnh Cận Y Duyên tương tự với Cảnh Trưởng Duyên. Vô Giác Cận Y Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Vô Giác Cận Y Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với sáu trạng thái khác nữa, đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Chỉ có Tư Tâm Sở Thánh Đạo ấy thường được sự việc tác thành Nghiệp Lực Duyên trong Vô Giác Cận Y Duyên này, và Pháp còn lại thì không có được. Thường Cận Y đích thị cũng chính là Thường Cận Y Duyên. Tiền Sinh Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Tiền Sinh Duyên của mình chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với tám trạng thái khác nữa, đó là: Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Tại đây là việc trình bày Duyên Hệ đến mức tối đa. Tuy nhiên trong Cảnh Tiền Sinh Duyên thường không được Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên và Bất Tương

Ứng Duyên. Và lại nên hiểu biết Duyên có được hoặc không được hơn cả này nữa, theo như thế này.

Hậu Sinh Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Hậu Sinh Duyên của mình, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với ba trạng thái khác nữa, đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Trùng Dục Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Trùng Dục Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với năm trạng thái khác nữa, đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

Nghiệp Lực Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Nghiệp Lực Duyên chút nào cả, tác thành Nghiệp Lực Duyên trong cùng một sát na (**Ekakhaṇikakammapaccaya – Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên** là Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên) trước tiên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với chín trạng thái khác nữa, đó là: Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Tác thành Dị Thời Nghiệp Lực Duyên lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với năm trạng thái khác nữa, đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

Dị Thực Quả Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Dị Thực Quả Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười bốn trạng thái khác nữa, đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Trong Vật Thực Duyên, Đoàn Thực không hề từ bỏ sự việc tác thành Vật Thực Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với hai trạng thái khác nữa, đó là: Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Ba Vật Thực còn lại không hề từ bỏ sự việc tác thành Vật Thực Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười một trạng thái khác nữa, đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách thích hợp.

Trong Quyền Lực Duyên, Ngũ Sắc Quyền Lực không hề từ bỏ sự việc tác thành Quyền Lực Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với năm trạng thái khác nữa, đó là: Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Tương tự ngay cả Sắc Mạng Quyền Lực cũng không hề từ bỏ sự việc tác thành Quyền Lực Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với hai trạng thái khác nữa, đó là: Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Vô Sắc Quyền Lực không hề từ bỏ sự việc tác thành Quyền Lực Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười ba trạng thái khác nữa, đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách thích hợp.

Thiền Na Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Thiền Na Duyên, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười trạng thái khác nữa, đó là: Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách thích hợp.

Đồ Đạo Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Đồ Đạo Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười hai trạng thái khác nữa, đó là mười Duyên đã vừa đề cập trong Thiền Na Duyên, và Nhân Duyên với Trưởng Duyên, một cách thích hợp.

Tương Ứng Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Tương Ứng Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên với mười ba trạng thái khác nữa, đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Di Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách thích hợp.

Bất Tương Ứng Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Bất Tương Ứng Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều thể loại Duyên một cách thích hợp với mười bảy trạng thái khác nữa, đó là các Duyên còn lại, bởi do cắt bỏ sáu Duyên ra, đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Trùng Dục Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Nên hiểu biết sự phân biệt Duyên thuộc Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp trong Bất Tương Ứng Duyên ấy.

Hiện Hữu Duyên không hề từ bỏ sự việc tác thành Hiện Hữu Duyên chút nào cả, lại thường đi đến sự việc tác thành rất nhiều nhóm Duyên với mười tám trạng thái khác nữa một cách thích hợp với mãnh lực các Duyên còn lại, bởi do cắt bỏ năm Duyên ra, đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Giác Duyên. Bất Ly Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết thẩm định “theo thực tính độc nhất chủng Duyên tác thành được rất nhiều thể loại Duyên trong quan niệm này, như đã được miêu thuật như vậy.

4. Lời nói rằng **“theo đồng dạng Duyên với nhau” (Sabhāga – Tấu Hợp)** có nghĩa là “Quả thực trong 24 Duyên này thì Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên là đồng dạng với nhau. Và lại, Cảnh Duyên, Cảnh Trưởng Duyên và Cảnh Cận Y Duyên cũng là đồng dạng với nhau”. Nên hiểu biết thẩm định ngay cả với Duyên ở phần đồng dạng với nhau trong quan niệm này, với phương sách này.

5. Lời nói rằng **“theo bất đồng dạng Duyên với nhau” (Visabhāga – Bất Tấu Hợp)** có nghĩa là “Và các nhóm Duyên này, Tiền Sinh Duyên là bất đồng dạng với Hậu Sinh Duyên, Tương Ứng Duyên là bất đồng dạng với Bất Tương Ứng Duyên”. Nên hiểu biết thẩm định ngay cả với Duyên ở phần bất đồng dạng với nhau trong quan niệm này, và với phương sách này.

6. Trong lời nói rằng **“theo thành đôi Duyên với nhau”**, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định theo Duyên thành một đôi với nhau trong các nhóm Duyên này, với những nguyên nhân như vậy, đó là: theo sự việc có nội dung tương tự (**Atthayuga – Đồng Nghĩa Lý**), có từ vựng tương tự (**Saddayuga – Đồng Âm Thanh**), có thời gian sai biệt với nhau (**Kālapati**

pakkhayuga – Bất Đồng Thời), là tác nhân và là hệ quả với nhau (**Hetuphala – Nhân Quả Liên Quan**), và là đối nghịch lẫn nhau (**Aññoññaṭṭipakkhayuga – Bất Đồng Dạng**).

Quả thực, Vô Giác Duyên với Đẳng Vô Giác Duyên sắp thành một đôi với nhau, vì có nội dung tương tự.

Y Chỉ Duyên với Cận Y Duyên sắp thành một đôi với nhau, vì có từ vựng tương tự.

Tiền Sinh Duyên với Hậu Sinh Duyên sắp thành một đôi với nhau, vì có thời gian đối nghịch nhau.

Nghiệp Lực Duyên với Dị Thục Quả Duyên sắp thành một đôi với nhau, vì là tác nhân và là hệ quả với nhau.

Hiện Hữu Duyên với Vô Hữu Duyên sắp thành một đôi với nhau. Ly Khứ Duyên với Bất Ly Duyên cũng tương tự.

Bậc tu học nên hiểu biết thâm định ngay cả với mãnh lực Duyên thành một đôi với nhau trong quan niệm này, như đã vừa đề cập đây.

7. Lời nói rằng **“theo phần Xuất Sinh Duyên (Janakapaccaya) và Bất Xuất Sinh Duyên (Ajanakapaccaya)”** có nghĩa là “Và các nhóm Duyên này là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Cận Y Duyên, Thường Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên sắp thành “độc nhất chủng Xuất Sinh Duyên” và không là “Bất Xuất Sinh Duyên”. Hậu Sinh Duyên chỉ có bảo hộ (**Upathamhaka**) thôi, không là Xuất Sinh Duyên. Các Duyên còn lại là Xuất Sinh Duyên, Bất Xuất Sinh Duyên và Bảo Hộ Duyên. Nên hiểu biết thâm định ngay cả Duyên thể theo phần Xuất Sinh Duyên và Bất Xuất Sinh Duyên trong quan niệm này, như đã được miêu thuật như vậy.

8. Lời nói rằng **“theo Duyên cùng vào với Pháp được tất cả và không được tất cả”** có nghĩa là “Trong các nhóm Duyên này, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên gọi là **“cùng vào với Pháp được hết cả thấy”** giải thích là “làm chỗ nương nhờ, làm tác nhân Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp, làm chỗ kiến tạo tất cả”. Giải thích là “cho dù chỉ có độc nhất chủng Pháp mà một khi sinh khởi lên thì thường không có thể loại trừ các nhóm Duyên này được”.

Cảnh Duyên, Cảnh Trường Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Cận Y Duyên, Thường Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên, Tương Ứng, Vô Hữu và Ly Khứ Duyên gọi là **“Duyên vào với Pháp không được hết tất cả”** tức là “không làm chỗ nương nhờ các Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp”. Giải thích là “chỉ có làm chỗ nương nhờ, làm tác nhân các Vô Sắc Uẩn thôi”. Quả thực, chỉ có Vô Sắc Pháp thường khởi sinh do với các nhóm Duyên này, và Sắc Pháp không có khởi sinh. Ngay cả Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên, gọi là **“Duyên vào với Pháp không được tất cả”** bởi vì tác thành Duyên theo thuận tự đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Uẩn và Sắc Uẩn thôi. Ngay cả Duyên còn lại từ chỗ đã đề cập cũng gọi là phối hợp không được mọi nơi mọi chốn, vì một số thể loại làm tác nhân cho việc sinh khởi Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Nên hiểu biết thâm định ngay cả với Duyên vào được mọi nơi mọi chốn và không vào được mọi nơi mọi chốn trong quan niệm này như đã được miêu thuật như vậy.

9. Lời nói rằng **“theo việc quy định với lời chẳng hạn như “Sắc làm duyên đối với Sắc v.v.”** có nghĩa là “Cũng trong 24 Duyên này, cho dù một thể loại Duyên ở phần độc nhất chung Sắc Pháp sẽ gọi là làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Sắc Pháp thôi chắc chắn thường là không có. Tuy nhiên ở phần độc nhất chung Sắc Pháp mà làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp thì chắc là có vậy”. Vấn hỏi rằng “Và thể loại Duyên ấy là Duyên nào ?” Trả lời là “Tiền Sinh Duyên”. Quả thực, Tiền Sinh Duyên một cách nhất định là Sắc Pháp (thể nhưng) làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp thôi. Không có Duyên ở phần độc nhất chung Sắc Pháp gọi là làm duyên đối với Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp, thể nhưng có Duyên ở phần độc nhất chung Sắc Pháp làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp thôi. Vấn hỏi rằng “Tức là Duyên nào vậy ?” Trả lời là “Tức là sáu Duyên, đó là: Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Trùng Dung Duyên, Tương Ứng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Duyên”. Quả thực, cả sáu Duyên ấy là độc nhất chung Vô Sắc Pháp làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp thôi.

Có Duyên ở phần độc nhất chung Vô Sắc Pháp làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Sắc Pháp thôi. Vấn hỏi rằng “Tức là Duyên nào vậy ?” Trả lời là “Tức là Hậu Sinh Duyên”. Quả thực, Hậu Sinh Duyên là độc nhất chung Vô Sắc Pháp làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Sắc Pháp thôi. Còn có Duyên ở phần độc nhất chung Vô Sắc Pháp làm duyên vừa cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Vấn hỏi rằng “Tức là Duyên nào vậy ?” Trả lời là “Tức là năm Duyên, đó là: Nhân Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên”. Quả thực, tất cả năm Duyên ấy là độc nhất chung Vô Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Pháp cũng được Vô Sắc Pháp cũng được. Thể nhưng Duyên ở cả phần Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp một cách nhất định gọi là làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Sắc Pháp thôi thì thường là không có; tuy nhiên làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp hẳn là có vậy. Vấn hỏi rằng “Tức là Duyên nào ?” Trả lời là “Tức là Cảnh Duyên và Cạn Y Duyên”. Quả thực một cách nhất định cả hai Duyên này là ở cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp (thể nhưng) làm duyên đặc biệt chỉ có đối với Vô Sắc Pháp thôi. Lại nữa, một cách nhất định có Duyên ở cả phần Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp làm duyên đối với cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Vấn hỏi rằng “Tức là Duyên nào vậy ?” Trả lời là “Tức là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên”. Quả thực, các Duyên ấy là ở cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp (và) làm duyên đối với cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Nên hiểu biết thẩm định ngay cả với việc quy định có lời chẳng hạn như “Sắc Pháp làm duyên đối với Sắc Pháp v.v.” trong quan niệm này, như đã vừa đề cập đây.

10. Lời nói rằng **“theo việc phân tích với Địa Giới”** có nghĩa là “Và tất cả những 24 Duyên này, trước tiên trong Cõi Ngũ Uẩn thường không có những Duyên chi mà gọi là có không được. Còn trong Cõi Tứ Uẩn thường có được 21 Duyên còn lại, do bởi cắt bỏ ba Duyên, đó là Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Bất Tương Ứng Duyên ra. Trong Cõi Nhất Uẩn thường có được bảy Duyên, đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Còn trong Sắc Pháp mà bất hữu quan với Quyền Lực ở bên ngoài sắc thân thì thường chỉ có được năm Duyên thôi, đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Nên hiểu biết thâm định ngay cả theo việc phân tích với Địa Giới trong quan niệm này, như đã vừa đề cập đây.

KẾT THÚC GIẢI THÍCH XIỂN MINH GIAI ĐOẠN DUYÊN HỆ

PHÁP THUẬN TAM ĐỀ PHÁT THỨ (DHAMMĀNULOMATIKAPATTHĀNA) (*)

[(*)]: Việc gọi tên đầu đề thì Tạng Pāli (tức là Tam Tạng) với Bộ Chú Giải gọi không giống nhau, chẳng hạn như từ ngữ “Paṭiccavārauddesa” (Xiển Thuật Giai Đoạn Liên Quan) (viết theo dạng thức Pāli là “Paṭiccavārauddesa”) đây, Tạng Pāli dùng là “Paṭiccavāro” (không có từ ngữ “Uddesa”) khi Phần mở đầu với đầu đề Ngài dùng là “Paṇṇattivāro” (Giai Đoạn Định Danh), như thế đầu đề ở chỗ này sẽ gọi là (Paṭicca – Liên Quan) “Uddesa vāra” (Giai Đoạn Xiển Thuật) cũng được, “Paṇṇattivāro” (Giai Đoạn Định Danh) cũng được, “Pucchāvāra” (Giai Đoạn Thăm Vấn) cũng được. (Bộ Chú Giải này, trang 121) trong quyển kinh sách này dùng nghĩa từ thuận theo trong từng mỗi quyển kinh.]

I. TAM ĐỀ THIỆN (KUSALATIKA)

GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA) PHẦN NHẤT CĂN NGUYÊN (EKAMŪLAKANAYA)

CÂU THIỆN (KUSALAPADA)

[26] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện sinh khởi lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA)

[27] 1. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATAPADA)

[28] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU THIỆN – VÔ KÝ (KUSALĀBYĀKATAPADA)

[29] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU BẤT THIỆN – VÔ KÝ (AKUSALĀBYĀKATAPADA)

[30] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU THIỆN – BẤT THIỆN (KUSALĀKUSALAPADA)

[31] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

CÂU THIỆN – BẤT THIỆN – VÔ KÝ (KUSALĀKUSALĀBYĀKATAPADA)

[32] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

4. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

5. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

6. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

7. Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

[33] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên được như thế nào ? Nhân Duyên Ngài đã phân tích một cách quảng nghĩa như thế nào thì ngay cả Cảnh Duyên nên phân tích cho quảng nghĩa như thế ấy theo đường lối việc giáo đạo.

[34] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên được như thế nào v.v. (*) do bởi Vô Giác Duyên v.v. do bởi Đăng Vô Giác Duyên v.v. do bởi Câu Sinh Duyên v.v. do bởi Hổ Tương Duyên v.v. do bởi Y Chỉ Duyên v.v. do bởi Cận Y Duyên v.v. do bởi Tiền Sinh Duyên v.v. do bởi Hậu Sinh Duyên v.v. do bởi Trùng Dục Duyên v.v. do bởi Nghiệp Lực Duyên v.v. do bởi Dị Thực Quả Duyên v.v. do bởi Vật Thực Duyên v.v. do bởi Quyền Lực Duyên v.v. do bởi Thiền Na Duyên v.v. do bởi Đồ Đạo Duyên v.v. do bởi Tương Ứng Duyên v.v. do bởi Bất Tương Ứng Duyên v.v. do bởi Hiện Hữu Duyên v.v. do bởi Vô Hữu Duyên v.v. do bởi Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

[(*) : Từng mỗi nghĩa từ được đề là “Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên .. được như thế nào ? như thế này ở mọi nơi mọi chốn.]

[35] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

Nương nhờ Pháp Bất Thiện. Nương nhờ Pháp Vô Ký. Nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký. Nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký. Nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện. Nương nhờ Pháp Thiện – Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký. Pháp Thiện khởi sinh lên. Pháp Bất Thiện khởi sinh lên. Pháp Vô Ký khởi sinh lên. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên. Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện khởi sinh lên. Pháp

Thiện – Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ? Nhân Duyên - Ngài đã phân tích một cách quảng nghĩa như thế nào thì ngay cả Bất Ly Duyên cũng nên phân tích cho quảng nghĩa như thế ấy theo đường lối việc giáo đạo.

Kết Thúc Phần Nhất Căn Nguyên

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUMŪLAKANAYA)

[36] 1. Pháp Thiện cần phải nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên được như thế nào ? v.v. Pháp Thiện - Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện – Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, bởi do Cảnh Duyên được như thế nào ?

[37] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Trường Duyên được như thế nào ? v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Vô Giác Duyên. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

Kết Thúc Phần Nhị Căn Nguyên

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIMŪLAKANAYA)

[38] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trường Duyên được như thế nào ? Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

Kết Thúc Phần Tam Căn Nguyên

PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN (CATUMŪLAKANAYA)

[39] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trường Duyên, do bởi Vô Giác Duyên được như thế nào ? v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trường Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

Kết Thúc Phần Tứ Căn Nguyên

PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

[40] Giai đoạn có năm Duyên làm căn nguyên v.v. Ngài giản lược lấy đặt đề Nhất Căn Nguyên, Phần Nhị Căn Nguyên, Phần Tam Căn Nguyên, Phần Tứ Căn Nguyên, Phần Ngũ Căn Nguyên, Phần Tổng Căn Nguyên (**Sabbamūlakam**). Bậc hữu trí nên phân tích cho quảng nghĩa.

Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

[41] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên được như thế nào ? Do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Cảnh Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ? Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, bởi do Hỗ Tương Duyên được như thế nào ? Bởi do Bất Ly Duyên, bởi do Nhân Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

[42] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên được như thế nào ? Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

[43] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên được như thế nào ? Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Vô Giác Duyên ... bởi do Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

[44] Phần Nhất Căn Nguyên, Phần Nhị Căn Nguyên, Phần Tam Căn Nguyên, Phần Tứ Căn Nguyên, Phần Ngũ Căn Nguyên, Phần Tổng Căn Nguyên (**Sabbamūlakam**) từng mỗi Câu, bậc hữu trí nên phân tích cho quảng nghĩa.

Trong Phần Thuận Tùng Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

[45] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên được như thế nào ?

Nhân Duyên – Ngài đã phân tích cho quảng nghĩa ở trong Phần Thuận Tùng như thế nào thì Phi Nhân Duyên ngay cả trong Phần Đối Nghịch cũng nên phân tích cho quảng nghĩa như thế ấy.

[46] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên được như thế nào ? Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Câu Sinh Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Y Chỉ Duyên, do

bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thục Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiên Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Hiện Hữu Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

[47] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên được như thế nào ?

Trong Phần Thuận Tù, ở Phần Nhất Căn Nguyên, Nhị Căn Nguyên, Tam Căn Nguyên, Tứ Căn Nguyên cho đến Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên (**Tevīsati-mūlakanaya**) từng mỗi Câu, Ngài đã phân tích cho quảng nghĩa như thế nào, thì ngay cả ở trong Phần Đối Nghịch cũng nên phân tích cho quảng nghĩa như thế ấy.

Trong Phần Đối Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.

PHẦN THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

[48] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên được như thế nào ?

Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên được như thế nào ?

Trong Phần Thuận Tù, Nhân Duyên Ngài đã phân tích cho quảng nghĩa như thế nào, ngay cả trong Phần Thuận – Nghịch cũng nên phân tích cho quảng nghĩa như thế ấy.

[49] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên được như thế nào ? Do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

[50] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên được như thế nào ?

Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên.

Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên.

Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Giác Duyên v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên.

Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ

Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Hậu Sinh Duyên, do bởi Trùng Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thực Duyên, do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

[51] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên v.v. do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên được như thế nào ? v.v. do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên v.v. do bởi Phi Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

Trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.

PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

[52] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên được như thế nào ?

Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

[53] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Bất Ly Duyên. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên... do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên v.v. do bởi Phi Hiện Hữu Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên được như thế nào ?

[54] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?

[55] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Bất Ly Duyên v.v.

Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên. Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên.

Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên.

Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. do bởi Phi Hiện Hữu Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên được như thế nào ?

Trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt, Nhị Đề Phát Thú tối thượng, Nhị Đề Tam Đề Phát Thú, Tam Đề Nhị Đề Phát Thú, Tam Đề Tam Đề Phát Thú và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.

Kết Thúc Giai Đoạn Định Danh (Paṇṇattivāra)(*)

[(*)]: Là “Paṭiccavārauddesa” (Xiển Thuật Giai Đoạn Liên Quan)]

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN ĐỊNH DANH (#)

(Là Với Việc Định Danh)

[(#) Là giải thích Tạng Pāli điều 26 – 55 mà Tam Tạng gọi là “Paṭiccavāra” (Giai Đoạn Liên Quan) (hoặc “Paṇṇattivāra” (Giai Đoạn Định Danh). Chỗ này Bộ Chú Giải dùng nghĩa từ là “Paṇṇattivāravaṇṇanā” (Giải Thích Giai Đoạn Định Danh)]

Lời nói rằng “**Tam Đề Phát Thú**” (Tikapapaṭṭhāna), “**Nhị Đề Phát Thú**” (Dukapaṭṭhāna) v.v. “**Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú**” (Dukadukapaṭṭhāna) đây, Đức Thế Tôn lập ý để ở trong Bộ Đại Kinh Điển Phát Thú “là định sở hội tập của 24 Hoàn Bảo Phát Thú (Samanta paṭṭhāna)” với mãnh lực Tam Đề Phát Thú v.v. trong tất cả những Phát Thú có Phần Thuận Tùng Phát Thú v.v. như đã có đề cập đến; do bởi lập ý dựa vào bất luận những Tam Đề Phát Thú nào để mà giải thích những thể loại Tam Đề Phát Thú v.v.; và lập ý phân tích những thể loại Phát Thú ấy có Tam Đề Phát Thú v.v. với mãnh lực bất luận Duyên nào, một khi lập ý trình bày đặc biệt chỉ riêng những thể loại Duyên ấy, thì không liên quan gì đến Tam Đề Phát Thú v.v. cả phần Xiển Thuật (Uddesa) và Xiển Minh (Niddesa) với Giai Đoạn, đề cập là việc phân tích Duyên Hệ bởi theo việc định đặt chủ đề này trước tiên rồi Đức Thế Tôn lập ý dựa vào bất luận những thể loại Tam Đề Phát Thú nào v.v. mới thuyết giáo lời nói rằng “Tam Đề Phát Thú”, “Nhị Đề Phát Thú” v.v. “Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú”. Bấy giờ nhằm để sẽ lập ý trình bày những thể loại Tam Đề Phát Thú v.v. cho quảng nghĩa với mãnh lực những nhóm Duyên này, mới lập ý dựa vào từng mỗi một Tam Đề, Nhị Đề trình bày thuyết giáo với bảy Giai Đoạn (Vāra) lớn. Tên gọi những bảy Giai Đoạn lớn ấy, đó là: Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra), Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra), Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra), Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra), Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṃsaṭṭhavāra), Giai Đoạn Tương Ứng (Sampayuttavāra) (và) Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra). Tất cả những bảy Giai Đoạn ấy, Giai Đoạn mà Đức Thế Tôn thuyết giáo với lời truyền thụ là “**nương nhờ**” (Paṭicca – Liên Quan) như thể này “**Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện**” (Kusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo) gọi là **Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** (điều 26 v.v.). Thuyết giáo với mãnh lực Ngài truyền thụ rằng “**cùng sinh với nhau**” (Sahajāto – Câu Sinh) như thể này “**Pháp**

Thiện câu sinh với Pháp Thiện” (Kusalam dhammam sahajāto kusalo dhammo) gọi là Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra). (điều 236 v.v.) Giai Đoạn Câu Sinh ấy, rằng khi theo nội dung thì bất sai biệt với Giai Đoạn Liên Quan đã đề cập trước đó. Tuy nhiên Giai Đoạn thứ nhất thuyết giáo với mãnh lực Hữu Tình Khả Huẩn Luyện (**Veneyyasatta**) sẽ giác ngộ với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“nương nhờ” (Paṭicca – Liên Quan).** Giai Đoạn thứ hai thuyết giáo với mãnh lực Hữu Tình Khả Huẩn Luyện (**Veneyyasatta**) sẽ giác ngộ với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“cùng sinh với nhau” (Sahajāto – Câu Sinh).** Và trong cả hai Giai Đoạn này, bậc tu học nên hiểu biết các Năng Duyên một cách đặc biệt và Pháp Sở Duyên với mãnh lực Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Với lại các Pháp Năng Duyên và Sở Duyên ấy đặc biệt câu sinh với nhau, không có việc sinh trước hoặc sinh về sau. Giai Đoạn được thuyết giáo với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“nương nhờ” (Paccaya – Duyên Sinh)** như thể này **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện (khởi sinh lên) (Kusalam dhammam paccayā kusalo dhammo)** gọi là **Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** (điều 246 v.v.). Ngay cả Giai Đoạn Duyên Sinh ấy, bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp tương tự hai Giai Đoạn trước. Lại nữa, ngay cả Tiền Sinh Duyên cũng thường có được trong quan niệm này. Đây là sự sai biệt với nhau Giai Đoạn Duyên Sinh với hai Giai Đoạn (Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn Câu Sinh) trước. Giai Đoạn nối tiếp theo đó, Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“nương nhờ” (Nissāya - Y Chỉ)** như thể này **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện (khởi sinh lên) (Kusalam dhammam nissāya kusalo dhammo)** gọi là **Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra)** (điều 380 v.v.). Giai Đoạn Y Chỉ ấy theo nội dung chủ yếu thì bất sai biệt với Giai Đoạn Duyên Sinh đã đề cập trước, tuy nhiên Giai Đoạn thứ nhất thuyết giáo với mãnh lực bậc hữu tình sẽ giác ngộ, với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“nương nhờ” (Paccaya – Duyên Sinh)** Giai Đoạn thứ hai thuyết giáo với mãnh lực bậc hữu tình sẽ giác ngộ, với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“nương nhờ” (Nissaya – Y Chỉ).** Nối tiếp theo đó, thuyết giáo với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“hỗn hòa” (Saṃsaṭṭha – Hỗn Hòa)** như thể này **“Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện (Kusalam dhammam saṃsaṭṭha kusalo dhammo)** gọi là **Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṃsaṭṭhavāra)** (điều 390 v.v.)

Giai Đoạn được thuyết giáo với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“phối hợp với” (Sampayutto – Tương Ứng)** như thể này **“Pháp Thiện phối hợp với Pháp Thiện” (Kusalam dhammam sampayutto kusalo dhammo)** gọi là **Giai Đoạn Tương Ứng (Sampa yuttavāra)** (điều 475 v.v.). Giai Đoạn Tương Ứng ấy theo nội dung chủ yếu thì bất sai biệt với Giai Đoạn Hỗn Hòa. (Thế nhưng) Giai Đoạn thứ nhất thuyết giáo với mãnh lực bậc hữu tình sẽ giác ngộ, với mãnh lực Ngài truyền thụ là **“hỗn hòa” (Saṃsaṭṭha – Hỗn Hòa)** Giai Đoạn thứ hai thuyết giáo với Ngài truyền thụ là **“phối hợp với” (Sampayutto – Tương Ứng).** Và trong cả hai Giai Đoạn này, bậc tu học nên hiểu biết Năng Duyên và Sở Duyên với mãnh lực Vô Sắc Pháp thôi.

Còn trong Giai Đoạn thứ bảy, Đức Thế Tôn lập ý đưa Vấn Đề lên theo phần chẳng hạn như là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện theo phương thức Nhân Duyên”** (điều 484 v.v.) rồi lập ý phân tích tất cả những thể loại Vấn Đề ấy không cho phức tạp không cho mờ hồ nữa theo phần chẳng hạn như là **“các Nhân tương ưng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên”** (điều 484) vì thế Giai Đoạn này mới gọi là **Giai Đoạn**

Vấn Đề (Pañhāvāra) vì đã lập ý phân tích tất cả Vấn Đề một cách tốt đẹp. Và trong quan niệm này, nên hiểu biết Năng Duyên và Sở Duyên với mãnh lực Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp.

Tất cả những Giai Đoạn ấy, Giai Đoạn thứ nhất trước tất cả mọi Giai Đoạn mà gọi là Giai Đoạn Liên Quan, Giai Đoạn ấy cũng có hai thể loại, đó là theo Xiển Thuật và Xiển Minh. Trong hai thể loại ấy, Giai Đoạn Xiển Thuật thứ nhất gọi là **Giai Đoạn Thâm Vấn (Pucchāvāra)** cũng được.

Ngay cả lời nói rằng **“Giai Đoạn Định Danh”** đích thị cũng chính là tên gọi Giai Đoạn Xiển Thuật. Quả thực, Giai Đoạn ấy gọi là **“Giai Đoạn Xiển Thuật” (Uddesavāra)** vì Đức Thế Tôn lập ý dựa vào Thiện v.v. rồi rút lấy Thiện ấy v.v. lên khái thuyết với mãnh lực Nhân Duyên v.v. Gọi là **“Giai Đoạn Thâm Vấn”** vì lập ý dựa vào Thiện v.v. thuyết giáo thâm vấn đến việc sinh khởi của Thiện v.v. với mãnh lực Nhân Duyên v.v. Ngay cả Giai Đoạn ấy sẽ gọi là **Giai Đoạn Định Danh cũng được** vì Đức Thế Tôn lập ý dựa vào Thiện v.v. rồi cho thấu hiểu đến việc sinh khởi của Thiện v.v. với mãnh lực Nhân Duyên v.v.

Trong điều ấy có **“Quyết Tâm Thâm Vấn” (Parikappapucchā)** (dạng thức thâm vấn cho tuyển trạch câu trả lời, là có lời nói rằng “giả như, nếu như”) rằng **“Pháp Thiện cần phải nương nhờ Pháp Thiện mới sinh khởi lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?” (Siyā kusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo upajjeyya Hetupaccayā).**

Và trong Quyết Tâm Thâm Vấn đây, có nội dung chủ yếu như vậy “Pháp Thiện nào cần phải sinh khởi lên do bởi Nhân Duyên, Pháp Thiện ấy phải nương nhờ Pháp Thiện hay không ?” Hơn nữa, trong câu thâm vấn này có nội dung chủ yếu như vậy “Pháp Thiện nào phải nương nhờ Pháp Thiện mới sinh khởi lên, Pháp Thiện ấy cần nên có do bởi Nhân Duyên ư ?” Nghĩa từ **“Paṭi”** trong từ ngữ **“Paṭicca”** ấy hiện hành trong ý nghĩa là **“giống nhau”** chẳng hạn “người giống nhau” gọi là **“Đôi Đồng Nhân” (Paṭipuggala)**, còn “bằng nhau” gọi là **“Đôi Ứng” (Paṭibhāga)**. Nghĩa từ **“Icca”** ấy nói đến sự tầm cầu trong việc ra đi. Khi bảo kết hợp cả hai từ ngữ vào nhau mới có lý giải lời nói rằng **“nương nhờ” (Paṭicca – Liên Quan)** có nghĩa là “hiện hành tịnh giá tề khu”, tức là “tiến hành với sự tác pháp đồng đẳng với nhau”, đề cập đến là “cùng sinh khởi với nhau”, lý giải là “hợp với thực tính câu sinh với Duyên ấy”. Lời nói rằng **“Pháp Thiện” (Kusalo dhammo)** Đức Thế Tôn thuyết giáo thâm vấn rằng “Pháp Thiện phải nương nhờ Pháp Thiện mới sinh khởi lên do bởi Nhân Duyên theo thực tính là việc câu sinh, như thế ấy ư ?” Hơn nữa, nghĩa từ **“nương nhờ” (Paṭicca – Liên Quan)** có nghĩa là “tác thành Duyên Hệ”. Và việc tác thành Duyên Hệ ấy, thường được có trong Tiền Sinh Duyên và cả Câu Sinh Duyên. Trong chỗ này, ý định lấy Câu Sinh Duyên. Ngay cả trong lời nói rằng **“Pháp Bất Thiện cần phải nương nhờ Pháp Thiện” (Siyā kusalam dhammam paṭicca akusalo dhammo)** v.v. cũng có phần này tương tự. Trong lời nói rằng **“Pháp Bất Thiện cần phải nương nhờ Pháp Thiện” (Siyā kusalam dhammam paṭicca akusalo dhammo)** v.v. ấy, và xác thực là Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện sinh khởi với mãnh lực Câu Sinh Duyên không có, thế nhưng bất luận Duyên nào mà Đức Phật thường có được hoặc không có được lời giải đáp theo nội dung chủ yếu ở trong Giai Đoạn Thâm Vấn này, thì các Duyên ấy Đức Phật lập ý nêu lên với mãnh lực sự thâm vấn. Còn trong việc giải đáp ở phía trước, bất luận Duyên nào không có được lời giải đáp thì lập ý từ bỏ Duyên ấy đi, bất luận Duyên nào có lời giải đáp

thì lập ý giải đáp đặc biệt chỉ đối với Duyên ấy thôi. Khi bậc tu học thấu hiểu nghĩa lý sự thâm vấn và đường lối sự thâm vấn trong quan niệm này như đã vừa đề cập đến, bây giờ nên hiểu biết việc quy định thâm vấn với mãnh lực việc pháp số tiếp theo đây.

Và trong lời nói rằng **“nương nhờ Pháp Thiện” (Kusalam dhammam paṭicca)** đây, thâm vấn có ba điều, đó là: có Câu Thiện là câu đầu tiên (lời khởi phát đầu tiên) có Thiện, Bất Thiện và Vô Ký là Câu Hoàn Kết (**Avasānapada**) (lời kết thúc). Thâm vấn lại có ba điều nữa, đó là: đích thị có Câu Thiện là Câu đầu tiên, có việc phân tích theo Nhị Đề với khả năng Thiện và Vô Ký v.v. là Câu Hoàn Kết. Thâm vấn lại có một, đó là: đích thị chính là có Câu Thiện là Câu đầu tiên, có Tam Đề là Câu Hoàn Kết. Vì thế, thâm vấn có Câu Thiện là câu đầu tiên trong lời nói rằng **“Kusalam dhammam paṭicca”** này mới có ba điều thâm vấn. Thâm vấn có Câu Bất Thiện là câu đầu tiên, có Câu Vô Ký là Câu đầu tiên, có Câu Thiện – Vô Ký là Câu đầu tiên, có Câu Bất Thiện – Vô Ký là Câu đầu tiên, có Câu Thiện – Bất Thiện là câu đầu tiên, có Câu Thiện – Bất Thiện – Vô Ký là Câu đầu tiên, cũng tương tự (tức là mỗi nhóm có bảy điều thâm vấn). Như thế, nương nhờ (đặc biệt) Tam Đề Thiện mới có tất cả 49 điều thâm vấn trong Nhân Duyên, tức là từng mỗi nhóm của bảy nhóm có bảy điều.

Trong quan niệm này, nên biết bổ sung những thể loại thâm vấn ấy với mãnh lực Căn Nguyên (**Mūla**) và Câu Hoàn Kết (**Avasāna**) (tức là lời khai đầu và lời cuối cùng) tức là:

1. Thâm vấn ở phần Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết (**EkamūlaEkaavasāna**) (một câu đầu tiên một câu cuối cùng) có chín điều.
2. Thâm vấn ở phần Nhất Căn Nguyên Nhị Hoàn Kết (**EkamūlaDukaavasāna**) (một câu đầu tiên hai câu cuối cùng) có chín điều.
3. Thâm vấn ở phần Nhất Căn Nguyên Tam Hoàn Kết (**EkamūlaTikaavasāna**) (một câu đầu tiên ba câu cuối cùng) có ba điều.
4. Thâm vấn ở phần Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết (**DukamūlaEkaavasāna**) (hai câu đầu tiên một câu cuối cùng) có chín điều.
5. Thâm vấn ở phần Nhị Căn Nguyên Nhị Hoàn Kết (**DukamūlaDukaavasāna**) (hai câu đầu tiên hai câu cuối cùng) có chín điều.
6. Thâm vấn ở phần Nhị Căn Nguyên Tam Hoàn Kết (**DukamūlaTikaavasāna**) (hai câu đầu tiên ba câu cuối cùng) có ba điều.
7. Thâm vấn ở phần Tam Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết (**TikamūlaEkaavasāna**) (ba câu đầu tiên một câu cuối cùng) có ba điều.
8. Thâm vấn ở phần Tam Căn Nguyên Nhị Hoàn Kết (**TikamūlaDukaavasāna**) (ba câu đầu tiên hai câu cuối cùng) có ba điều.
9. Thâm vấn ở phần Tam Căn Nguyên Tam Hoàn Kết (**TikamūlaTikaavasāna**) (ba câu đầu tiên ba câu cuối cùng) có một điều.

Đích thị trong Cảnh Duyên v.v. cũng có 49 điều tương tự trong Nhân Duyên. (Vì thế) trong tất cả 24 bốn Duyên mới có các điều thâm vấn hoán vị lẫn nhau, và khi hội tập thì được 1,176 điều trong phần Nhất Căn Nguyên (**Ekamūlakanaya**).

36 – 37] Nói tiếp theo đó, Đức Thế Tôn lập ý bắt đầu Phần Nhị Căn Nguyên (**Dukamūlakanaya**) (Phần có hai Căn Nguyên) là (Pháp Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi

sinh lên) do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên (Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā) v.v. Trong Phần có hai Căn Nguyên ấy, có 23 Nhị Đề (**Duka**) có Nhân Duyên hiện hữu, đó là “Nhị Đề Nhân – Cảnh” (**Hetārammaṇaduka**) v.v. “Nhị Đề Nhân – Bất Ly” (**Hetāvigataduka**). Ngay cả trong “Nhị Đề Nhân – Cảnh” cũng có 49 điều tương tự Nhân Duyên. Tất cả những điều thẩm vấn ấy lập ý trình bày để trong Tạng **Pāli** chỉ có hai điều thôi. Ngay cả trong “Nhị Đề Nhân – Trướng” (**Hetādhīpatiduka**) v.v. cũng có 49 điều tương tự trong “Nhị Đề Nhân – Cảnh”. Tất cả những Nhị Đề ấy, khi Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết ba Nhị Đề theo thuận tự, đó là: “Nhị Đề Nhân - Trướng” (**Hetādhīpatiduka**), “Nhị Đề Nhân – Vô Gian” (**Hetānantaraduka**), “Nhị Đề Nhân – Đẳng Vô Gian” (**Hetusamanantaraduka**) với mãnh lực điều thẩm vấn thứ nhất, rồi lập ý khái thuyết “Nhị Đề Nhân – Bất Ly” (**Hetāvigataduka**) là nơi cuối cùng, nghĩa từ còn lại lập ý giản lược. Và bậc tu học nên biết tính đếm số lượng điều thẩm vấn trong quan niệm này, và như thế này, đó là **“trong Phần Nhị Căn Nguyên, và trong số lượng 23 Nhị Đề thì có số lượng 1,127 điều thẩm vấn”**. Nói tiếp theo đó, Đức Thế Tôn lập ý bắt đầu Phần Tam Căn Nguyên (**Tikamūlakanaya**) là (**Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên**) do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trướng Duyên (**Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā Adhipatipaccayā**) v.v. (ở điều 38). Trong Phần Tam Căn Nguyên ấy, có 22 Tam Đề (**Tika**) với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong 22 Duyên có Trướng Duyên v.v. vào với Nhị Đề Nhân – Cảnh. Tất cả những Tam Đề ấy, khi Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Tam Đề thứ nhất và Tam Đề thứ hai với mãnh lực điều thẩm vấn thứ nhất rồi mới lập ý khái thuyết Tam Đề cuối cùng. Nghĩa từ còn lại lập ý giản lược để trong Nhị Đề như thế nào thì ngay cả trong Tam Đề cũng như thế ấy, lập ý sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Tam Đề.

Trong Phần Tam Căn Nguyên, và trong số lượng 22 Tam Đề có số lượng 1,078 điều thẩm vấn.

Nói tiếp theo đó, lập ý bắt đầu Phần Tứ Căn Nguyên (**Catumūlakanaya**) là (**Pháp Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên**) do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trướng Duyên, do bởi Vô Gian Duyên (**Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā Adhipatipaccayā Anantarapaccayā**) v.v. (điều 39). Trong Phần Tứ Căn Nguyên ấy, có 21 Bộ Tứ (**Catukka**) với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong 21 Duyên có Vô Gian Duyên v.v. vào với Tam Đề thứ nhất. Tất cả những Bộ Tứ (**Catukka**) ấy, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết hai Bộ Tứ (**Catukka**) rồi lập ý giản lược các Bộ Tứ (**Catukka**) còn lại. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Tứ (**Catukka**) ngay cả trong quan niệm này. **Trong Phần Tứ Căn Nguyên, và trong số lượng 21 Bộ Tứ (Catukka) mới có số lượng 1,029 điều thẩm vấn nữa.** Nói tiếp theo đó, Đức Thế Tôn lập ý thuyết giáo bắt đầu từ Phần Ngũ Căn Nguyên (**Pañcamūlakanaya**) v.v. cho đến Phần Tổng Căn Nguyên (**Sabbamūlakam**). Ở Phần giản lược đã được thuyết giáo trong thời gian trước rồi, và sẽ cần phải thuyết giáo tiếp tục trong thời gian vị lai hết cả thảy điều ấy, lập ý thực hiện cho tác thành cùng một dạng thức như nhau rồi trình bày để trong Tạng **Pāli** là **“Phần Nhất Căn Nguyên, Phần Nhị Căn Nguyên, Phần Tam Căn Nguyên, Phần Tứ Căn Nguyên, Phần Ngũ Căn Nguyên, Phần Tổng Căn Nguyên. Bậc Hữu Trí nên phân tích cho quảng nghĩa”**. Trong Phần Nhất Căn Nguyên ấy,

nghĩa từ đáng phải đề cập thì Bản Đạo đã đề cập hết cả rồi. Còn trong Phần Ngũ Căn Nguyên, mỗi nhóm Duyên có năm và kết hợp lại thành 20 Bộ Ngũ chẵn (**Pañcaka**) với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong 20 Duyên chẵn, có Đẳng Vô Giáns Duyên v.v. vào với Bộ Tứ (**Catukka**) thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Ngũ trong tất cả những Bộ Ngũ ấy.

Trong Phần Ngũ Căn Nguyên mới có 980 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Lục Căn Nguyên (**Chamūlakanaya**), mỗi nhóm Duyên có sáu và kết hợp lại thành 19 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 19 Duyên có Câu Sinh Duyên vào với Bộ Ngũ thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Lục trong tất cả những Bộ Lục ấy.

Trong Phần Lục Căn Nguyên mới có 931 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Thất Căn Nguyên (**Sattamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có bảy và kết hợp lại thành 18 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 18 Duyên có Hồ Tương Duyên v.v. vào với Bộ Lục thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thất trong tất cả những Bộ Thất ấy.

Trong Phần Thất Căn Nguyên mới có 882 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Bát Căn Nguyên (**Aṭṭhamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có tám và kết hợp lại thành 17 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 17 Duyên có Y Chỉ Duyên v.v. vào với Bộ Thất thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Bát trong tất cả những Bộ Bát ấy.

Trong Phần Bát Căn Nguyên mới có 833 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Cửu Căn Nguyên (**Navamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có chín và kết hợp lại thành 16 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 16 Duyên có Cận Y Duyên v.v. vào với Bộ Bát thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Cửu trong tất cả những Bộ Cửu ấy.

Trong Phần Cửu Căn Nguyên mới có 784 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Thập Căn Nguyên (**Dasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 10 và kết hợp lại thành 15 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 15 Duyên có Tiền Sinh Duyên v.v. vào với Bộ Cửu thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập trong tất cả những Bộ Thập ấy.

Trong Phần Thập Căn Nguyên mới có 735 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Thập Nhất Căn Nguyên (**Ekādasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 11 và kết hợp lại thành 14 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 14 Duyên có Hậu Sinh Duyên v.v. vào với Bộ Thập thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Nhất trong tất cả những Bộ Thập Nhất ấy.

Trong Phần Thập Nhất Căn Nguyên mới có số lượng 686 điều thâm vấn nữa.

Trong Phần Thập Nhị Căn Nguyên (**Dvādasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 12 và kết hợp lại thành 13 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 13 Duyên có Trùng Dục Duyên v.v. vào với Bộ Thập Nhất thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thâm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Nhị trong tất cả những Bộ Thập Nhị ấy.

Trong Phần Thập Nhị Căn Nguyên mới có số lượng 637 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Tam Căn Nguyên (**Terasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 13 và kết hợp lại thành 12 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 12 Duyên có Nghiệp Lực Duyên v.v. vào với Bộ Thập Nhị thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Tam trong tất cả những Bộ Thập Tam ấy.

Trong Phần Thập Tam Căn Nguyên mới có số lượng 588 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Tứ Căn Nguyên (**Cuddasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 14 và kết hợp lại thành 11 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 11 Duyên có Dị Thục Quả Duyên v.v. vào với Bộ Thập Tam thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Tứ trong tất cả những Bộ Thập Tứ ấy.

Trong Phần Thập Tứ Căn Nguyên mới có số lượng 539 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Ngũ Căn Nguyên (**Paññarasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 15 và kết hợp lại thành 10 nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả 10 Duyên có Vật Thục Duyên v.v. vào với Bộ Thập Tứ thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Ngũ trong tất cả những Bộ Thập Ngũ ấy.

Trong Phần Thập Ngũ Căn Nguyên mới có số lượng 490 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Lục Căn Nguyên (**Soḷasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 16 và kết hợp lại thành chín nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả chín Duyên có Quyền Lực Duyên v.v. vào với Bộ Thập Ngũ thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Lục trong tất cả những Bộ Thập Lục ấy.

Trong Phần Thập Lục Căn Nguyên mới có số lượng 441 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Thất Căn Nguyên (**Sattarasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 17 và kết hợp lại thành tám nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả tám Duyên có Thiền Na Duyên v.v. vào với Bộ Thập Lục thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Thất trong tất cả những Bộ Thập Thất ấy.

Trong Phần Thập Thất Căn Nguyên mới có số lượng 392 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Bát Căn Nguyên (**Aṭṭhasamūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 18 và kết hợp lại thành bảy nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả bảy Duyên có Đồ Đạo Duyên v.v. vào với Bộ Thập Thất thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Bát trong tất cả những Bộ Thập Bát ấy.

Trong Phần Thập Bát Căn Nguyên mới có số lượng 343 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Thập Cửu Căn Nguyên (**Ekūnavīsatiṃmūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 19 và kết hợp lại thành sáu nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả sáu Duyên có Tương Ứng Duyên v.v. vào với Bộ Thập Bát thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Thập Cửu trong tất cả những Bộ Thập Cửu ấy.

Trong Phần Thập Cửu Căn Nguyên mới có số lượng 294 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Nhị Thập Căn Nguyên (**Viśatiṃmūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 20 và kết hợp lại thành năm nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả năm Duyên có Bất Tương Ứng Duyên v.v. vào với Bộ Thập Cửu thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Nhị Thập trong tất cả những Bộ Nhị Thập ấy.

Trong Phần Nhị Thập Căn Nguyên mới có số lượng 245 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên (**Ekavīsati-mūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 21 và kết hợp lại thành bốn nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả bốn Duyên có Hiện Hữu Duyên v.v. vào với Bộ Nhị Thập thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Nhị Thập Nhất trong tất cả những Bộ Nhị Thập Nhất ấy.

Trong Phần Nhị Thập Nhứt Căn Nguyên, bậc liễu đắc thực tướng mới tính đếm được 196 điều thẩm vấn.

Trong Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên (**Dvāvīsati-mūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 22 và kết hợp lại thành ba nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong tất cả ba Duyên có Vô Hữu Duyên v.v. vào với Bộ Nhị Thập Nhứt thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Nhị Thập Nhị trong tất cả những Bộ Nhị Thập Nhị ấy.

Trong Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên mới có 147 điều thẩm vấn nữa.

Trong Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên (**Tevīsati-mūlakanaya**) mỗi nhóm Duyên có 23 nhóm và kết hợp lại thành hai nhóm với mãnh lực việc bổ sung từng mỗi một Duyên trong cả hai Ly Khứ Duyên và Bất Ly Duyên vào với Bộ Nhị Thập Nhị thứ nhất. Vì sắp xếp 49 điều thẩm vấn vào trong từng mỗi một Bộ Nhị Thập Tam trong tất cả những Bộ Nhị Thập Tam ấy.

Trong Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên là lần thứ 23 đây mới có số lượng đếm được 98 điều thẩm vấn.

Còn Phần Nhị Thập Tứ Căn Nguyên (**Catuvīsati-mūlakanaya**) (là Phần có 24 căn nguyên), bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực việc hội tập các Duyên, chính vì lý do ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là “Phần Tổng Căn Nguyên” (**Sabbamūlakam**) (có các Duyên làm căn nguyên). Trong Phần có 24 Duyên ấy, chỉ có 49 điều thẩm vấn thôi, như thế này: tất cả điều thẩm vấn ấy Đức Phật lập ý đặc biệt chỉ có chú tâm đến lời nói rằng “**Nhân Duyên**” chỉ có ngần ấy phân tích một cách quảng nghĩa cùng tột trong Hội Chúng Thiên với mãnh lực của Phần có một Căn Nguyên v.v. kết thúc với Phần có các Duyên làm căn nguyên. Trong quan niệm này lập ý trình bày việc thẩm vấn một cách giản lược.

Tuy nhiên hội tập pháp số tất cả những điều thẩm vấn ấy lại thì có như thế này. Quả thực, trong Phần Nhất Căn Nguyên (Phần có một căn nguyên) có 1,176 điều thẩm vấn. Tất cả những điều thẩm vấn trong Phần Nhân Duyên, bậc tu học nên bố trí 49 điều thẩm vấn cùng với ngay chính cái Duyên làm căn nguyên rồi mới lưu ý đến chỗ có Nhân Duyên này làm căn nguyên. Bậc tu học nên bỏ điều thẩm vấn còn lại trong Phần có Duyên còn lại làm căn nguyên. Trong Phần hai căn nguyên có 1,127 điều thẩm vấn. Phần ba căn nguyên có 1,078 điều thẩm vấn. Phần bốn căn nguyên có 1,029 điều thẩm vấn. Phần năm căn nguyên có 980 điều thẩm vấn. Phần sáu căn nguyên có 931 điều thẩm vấn. Phần bảy căn nguyên có 882 điều thẩm vấn. Phần tám căn nguyên có 833 điều thẩm vấn. Phần chín căn nguyên có 784 điều thẩm vấn. Phần 10 căn nguyên có 735 điều thẩm vấn. Phần 11 căn nguyên có 686 điều thẩm vấn. Phần 12 căn nguyên có 637 điều thẩm vấn. Phần 13 căn nguyên có 588 điều thẩm vấn. Phần 14 căn nguyên có 539 điều thẩm vấn. Phần 15 căn nguyên có 490 điều thẩm vấn. Phần 16 căn nguyên có 441 điều thẩm vấn. Phần 17 căn nguyên có 392 điều thẩm vấn. Phần 18 căn nguyên có 343 điều thẩm vấn. Phần 19 căn nguyên có 294 điều thẩm vấn. Phần 20 căn nguyên có 245 điều thẩm

vấn. Phần 21 căn nguyên có 196 điều thẩm vấn. Phần 22 căn nguyên có 147 điều thẩm vấn. Phần 23 căn nguyên có 98 điều thẩm vấn. Phần có các Duyên làm căn nguyên có 49 điều thẩm vấn. Trong Phần một căn nguyên v.v. phân tích ra bằng cách nêu Câu Nhân lên đầu tiên như đã có đề cập đến rồi.

Đặc biệt chỉ có mỗi một Câu Nhân thôi – rằng khi theo phân loại một căn nguyên v.v. mới 14,700 điều thẩm vấn. Khi Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết phân loại việc thẩm vấn kể từ Phần có một căn nguyên cho đến Phần có các Duyên làm căn nguyên bằng cách nêu Nhân Duyên lên đầu tiên như đã vừa đề cập đến.

Bây giờ nhằm để sẽ nêu Cảnh Duyên lên khái thuyết v.v. mới thuyết giáo lời nói rằng **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?”** (Siyā kusalaṃ dhammaṃ paṭicca kusalo dhammo uppajjeyya Ārammaṇapaccayā Hetupaccayā) v.v. (điều 41). Tất cả những nghĩa từ ấy, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Phần có một căn nguyên có Cảnh Duyên v.v. có Nhân Duyên là chỗ cuối cùng (kết thúc) với nghĩa từ có tiêu chuẩn như vậy **“do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên”** (Ārammaṇapaccayā Hetupaccayā). Nối tiếp theo đó, lập ý bắt đầu Phần có hai căn nguyên là **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên”** (Ārammaṇapaccayā Adhipatipaccayā).

Trong Phần hai căn nguyên ấy, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Nhị Đề thứ nhất này, và rồi Nhị Đề Cảnh Bất Ly (Ārammaṇāvigataduka), lập ý giản lược nghĩa từ còn lại. Nhị Đề cuối cùng đây, là **“do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên”** (Ārammaṇapaccayā Hetupaccayā) như thế này thì không lập ý khái thuyết. Và giả như Nhị Đề cuối cùng ấy hiện bày trong đoạn nào, bậc tu học nên nắm bắt lấy đoạn ấy vậy. Nối tiếp theo đó, để sẽ không khái thuyết Phần Tam Căn Nguyên v.v. với mãnh lực Cảnh Duyên, rồi khái thuyết từng mỗi Duyên v.v. bằng cách nêu Trưởng Duyên lên đầu tiên, mới thuyết giáo nghĩa từ có tiêu chuẩn như vậy **“do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hỗ Tương Duyên** (Adhipatipaccayā Anantarapaccayā Samanantara paccayā Sahajātapaccayā Āññamannapaccayā). Nghĩa từ ấy bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực ở Phần có một căn nguyên hoặc có các Duyên làm căn nguyên. Nối tiếp theo đó, để sẽ lập ý chỉ có khái thuyết đặc biệt Phần Nhị Căn Nguyên thôi, bằng cách nêu Bất Ly Duyên lên đầu tiên, mới bắt đầu lời nói rằng **“do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên”** (Avigatapaccayā Hetupaccayā) v.v. (ở điều 42). Trong Phần Nhị Căn Nguyên ấy, khi thuyết giáo ba Nhị Đề theo thuận tự, đó là “Nhị Đề Bất Ly – Nhân” (Avigata Hetuduka), “Nhị Đề Bất Ly – Cảnh” (Avigatārammaṇaduka), “Nhị Đề Bất Ly – Trưởng” (Avigatādhipatiduka), rồi mới lập ý khái thuyết một Nhị Đề, đó là “Nhị Đề Bất Ly – Ly Khứ” (Avigatavigataduka) trong chỗ cuối cùng (là kết thúc). Theo thuận tự ấy, để sẽ lập ý khái thuyết Phần có Tam Căn Nguyên với mãnh lực Bất Ly Duyên, khi thuyết giáo ba Tam Đề theo thuận tự như thế này, là **“do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Vô Giác Duyên”** (Avigatapaccayā Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā. Avigatapaccayā Hetupaccayā Adhipatipaccayā. Avigata paccayā Hetupaccayā Anantarapaccayā) (ở điều

42) rồi mới thuyết giáo Tam Đề cuối cùng là **“do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên” (Avigatapaccayā Hetupaccayā Vigatapaccayā)**. Theo thuận tự ấy, để sẽ lập ý khái thuyết Phần có Tứ Căn Nguyên với mãnh lực đích thị Bất Ly Duyên, khi thuyết giáo bốn nhóm thành hai nhóm, đó là **“do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Vô Giác Duyên” (Avigatapaccayā Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā Adhipatipaccayā. Avigata paccayā Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā Anantarapaccayā)** rồi lập ý nêu nghĩa từ **“do bởi Ly Khứ Duyên” (Vigatapaccayā)** đặt đề lên. Các nghĩa từ còn lại thì lập ý giản lược. Nhằm để sẽ lập ý khái thuyết với tất cả nghĩa từ một cách giản lược, mới thuyết giáo rằng **“Phần Nhất Căn Nguyên, Phần Nhị Căn Nguyên, Phần Tam Căn Nguyên, Phần Tứ Căn Nguyên, Phần Tổng Căn Nguyên từng mỗi một Câu”,** bậc hữu trí nên phân tích cho quảng nghĩa (ở điều 44). Vì lẽ ấy, trong Phần Nhất Căn Nguyên có 1,176 điều thẩm vấn v.v. trong Phần Tổng Căn Nguyên có 49 điều thẩm vấn với mãnh lực nghĩa từ **“Nhân” (Hetu)** v.v. bằng cách nêu Nhân Duyên lên đầu tiên như thế nào thì trong Phần Nhất Căn Nguyên từng mỗi một Câu cũng có 1,176 điều thẩm vấn v.v. trong Phần Tổng Căn Nguyên có 49 điều thẩm vấn với mãnh lực nghĩa từ **“Cảnh” (Ārammaṇa)** v.v. bằng cách nêu từng mỗi một Duyên có Cảnh Duyên v.v. lên đầu tiên như thế ấy. Trong việc phân tích từng mỗi Phần, trong Phần Nhất Căn Nguyên v.v. từng mỗi một Câu mới có 14,700 điều thẩm vấn như đã vừa đề cập đến. Pháp số số lượng những thể loại thẩm vấn ấy trong tất cả 24 Duyên có được như thế này, đó là: **“Trong Phần Thuận Tùng, lập ý phân tích điều thẩm vấn Tam Đề Thiện có được 352,800 điều”**. Tam Đề Thiện như thế nào thì Tam Đề Thọ v.v. cũng như thế ấy. Trong tất cả 22 Tam Đề là **“Theo việc phân tích thể loại Tam Đề thì có được 7,761,600 điều”**. (Còn) đường lối việc giáo đạo (*) thì Đức Thế Tôn lập ý giản lược.

[(*)]: Nghĩa từ này phiên dịch từ nơi từ ngữ **“Vācanāmagga”** (Bối Tụng Đạo Lộ) theo phần phiên dịch để trong Tạng Pāli điều 33, 35 và sẽ dùng từ ngữ này suốt. Ý nghĩa sát cận có lẽ hàm ý đến việc chỉnh lý từ ngữ mới theo đường lối ý nghĩa đã đề cập đến.]

Trong tất cả Nhị Đề, Tạng Pāli nói rằng **“Pháp tác thành Tác Nhân cần phải nương nhờ Pháp tác thành Tác Nhân mới khởi sinh lên ư ?” (Siyā hetum dhammaṃ paṭicca hetudhammo uppajjeyya Hetupaccayā)** như thế này, thường được chín điều thẩm vấn trong từng mỗi một Duyên có Nhân Duyên v.v. Trong từng mỗi Nhị Đề thế này, đó là: “Nhân nương nhờ Nhân”. “Phi Nhân nương nhờ Nhân”, “Nhân và Phi Nhân nương nhờ Nhân”, “Phi Nhân nương nhờ Phi Nhân”, “Nhân nương nhờ Phi Nhân – Nhân và Phi Nhân nương nhờ Phi Nhân”, “Nhân nương nhờ Nhân và Phi Nhân”, “Phi Nhân nương nhờ Nhân và Phi Nhân”, “Nhân và Phi Nhân nương nhờ Nhân và Phi Nhân”.

Tất cả những thể loại thẩm vấn ấy, trong Phần Nhất Căn Nguyên nêu Nhân Duyên lên đầu tiên có 216 điều thẩm vấn. Tất cả những 216 điều thẩm vấn ấy duy nhất chỉ có đối với Nhân Duyên, bậc tu học nên chú ý đến chín điều thẩm vấn không lẫn lộn với Duyên khác. Còn lại Ngài chủ ý đến Giai Đoạn (Vāra) lý giải những thể loại thẩm vấn ấy.

Có pháp số số lượng trong 23 Giai Đoạn, bắt đầu từ Phần Nhị Căn Nguyên cho đến Phần Tổng Căn Nguyên, bằng cách cắt bỏ Bộ Cừu (Navaka) ra mỗi lần một như thế này. Đối với

trong **Phản Nhị Căn Nguyên** tất cả 216 điều thẩm vấn đã trình bày để ở trong Phản Nhất Căn Nguyên, lấy chín điều thẩm vấn ra, mới có 207 điều thẩm vấn. Nói tiếp theo đó, trong Phản Tam Căn Nguyên, lấy ra chín điều nữa, còn lại 198 điều thẩm vấn. Lấy điều thẩm vấn ra khỏi Căn Nguyên ở phía trước mỗi lần chín điều như đã đề cập rồi, thì trong Phản Tứ căn Nguyên mới có 189 điều thẩm vấn. Trong Phản Ngũ Căn Nguyên có 180 điều thẩm vấn. Trong Phản Lục Căn Nguyên có 171 điều thẩm vấn. Trong Phản Thất Căn Nguyên có 162 điều thẩm vấn. Trong Phản Bát Căn Nguyên có 153 điều thẩm vấn. Trong Phản Cửu Căn Nguyên có 144 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Căn Nguyên có 135 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Nhất Căn Nguyên có 126 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Nhị Căn Nguyên có 117 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Tam Căn Nguyên có 108 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Tứ Căn Nguyên có 99 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Ngũ Căn Nguyên có 90 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Lục Căn Nguyên có 81 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Thất Căn Nguyên có 72 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Bát Căn Nguyên có 63 điều thẩm vấn. Trong Phản Thập Cửu Căn Nguyên có 54 điều thẩm vấn. Trong Phản Nhị Thập Căn Nguyên có 45 điều thẩm vấn. Trong Phản Nhị Thập Nhất Căn Nguyên có 36 điều thẩm vấn. Trong Phản Nhị Thập Nhị Căn Nguyên có 27 điều thẩm vấn. Trong Phản Nhị Thập Tam Căn Nguyên có 18 điều thẩm vấn. Và trong Phản Tổng Căn Nguyên có chín điều thẩm vấn. Rằng tương tự với thể loại trong Phản Nhất Căn Nguyên có 216 điều thẩm vấn v.v. trong Phản Tổng Căn Nguyên có chín điều thẩm vấn đây, với mãnh lực Nhân Duyên như thể nào, thì rằng với mãnh lực Câu có Cảnh v.v. việc thực hiện từng mỗi một Duyên có Cảnh Duyên v.v. lên đầu tiên trong Phản Nhất Căn Nguyên từng mỗi một Câu cũng có 216 điều thẩm vấn v.v. trong Phản Tổng Căn Nguyên có chín điều cũng tương tự như thế ấy. Vì lẽ ấy, trong việc phân tích từng mỗi một Câu theo Phản Nhất Căn Nguyên v.v. mới có 2,700 điều thẩm vấn. Có pháp số số lượng những điều thẩm vấn ấy trong tất cả 24 Duyên như thế này. **Trong Phản Thuận Nhị Đề Nhân (Hetuduka) có 64,800 điều thẩm vấn.** Ngay cả trong Nhị Đề Hữu Nhân (Sahetuduka) v.v. cũng tương tự với Nhị Đề Nhân. **Ngay cả trong tất cả 100 Nhị Đề, Bậc Tri Thức Ngài đã đề cập trong 100 Nhị Đề có đến 6,480,000 điều thẩm vấn.**

Tại đây đều là pháp số số lượng điều thẩm vấn ở trong Tam Đề Phát Thú (**Tika paṭṭhāna**) và Nhị Đề Phát Thú (**Dukapaṭṭhāna**) trước tiên. Còn bất luận chỗ nào gọi là “**Nhị Đề Tam Đề Phát Thú**” (**Dukatika paṭṭhāna**) Đức Thế Tôn lập ý nắm lấy 22 Tam Đề sát nhập vào trong 100 Nhị Đề, rồi khai thuyết nối tiếp theo đó ngay cả ở trong Nhị Đề Tam Đề Phát Thú ấy. Bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số số lượng điều thẩm vấn cần phải được trình bày phối hợp từng mỗi một Tam Đề trong tất cả 22 Tam Đề vào với 100 Nhị Đề, với mãnh lực tất cả các Phần có một căn nguyên v.v. theo Phần mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo trong thời gian trước với thể loại như thế này “Pháp Thiện tác thành Tác Nhân nương nhờ Pháp Thiện tác thành Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào?” Nói tiếp theo đó, Đức Thế Tôn lập ý nắm lấy 100 Nhị Đề sát nhập vào trong 22 Tam Đề rồi khai thuyết bất luận Phát Thú nào tên gọi là “**Tam Đề Nhị Đề Phát Thú**” ngay cả trong Tam Đề Nhị Đề Phát Thú ấy, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số số lượng điều thẩm vấn cần phải được trình bày phối hợp từng mỗi một Nhị Đề trong 100 Nhị Đề vào với 22 Tam Đề với mãnh lực tất cả

các Phần có một căn nguyên v.v. theo Phần mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo trong thời gian trước với thể loại như thế này “Pháp ở phần Nhân Thiện cần phải nương nhờ Pháp ở phần Nhân Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?” Nói tiếp theo đó, lập ý sát nhập tất cả Tam Đề vào trong chính Tam Đề ấy, rồi khái thuyết bất luận Phát Thú nào tên gọi là **“Tam Đề Tam Đề Phát Thú”** ngay cả trong Tam Đề Tam Đề Phát Thú ấy, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số số lượng điều thâm vấn cần phải được trình bày phối hợp từng mỗi một Tam Đề trong tất cả 22 Tam Đề vào với 21 Tam Đề còn lại, với mãnh lực tất cả các Phần có một căn nguyên v.v. theo Phần mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo trong thời gian trước với thể loại như thế này “Pháp Thiện tương ưng với Lạc Thọ cần phải nương nhờ Pháp Thiện tương ưng với Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?” Nói tiếp theo đó, lập ý sát nhập Nhị Đề vào trong chính Nhị Đề ấy rồi khái thuyết bất luận Phát Thú nào tên gọi là **“Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú”** ngay cả trong Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú ấy, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số số lượng điều thâm vấn cần phải được trình bày phối hợp từng mỗi một Nhị Đề trong 100 Nhị Đề với 99 Nhị Đề còn lại, với mãnh lực tất cả các Phần có một Căn Nguyên v.v. theo Phần mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo trong thời gian trước với thể loại như thế này “Pháp tác thành Tác Nhân (và) là Tác Nhân cần phải nương nhờ Pháp Hữu Tác Nhân (và) là Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên được như thế nào ?”

Quả thực, khi Đức Như Lai lập ý khái thuyết phân loại hết cả thầy, mới lập ý khái thuyết Pháp trong Hội Chúng Thiên. Tuy nhiên Đức Pháp Vương (**Dhammasenāpati**) hội tập lại giản lược rằng “Các Pháp này, Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết trong ngày hôm nay” rồi đề cập đến việc giảng đạo bằng cách chỉ trình bày Phần ấy thôi. Bậc Trưởng Lão (**Thera**) trình bày đường lối việc giáo đạo bằng cách rút ngắn lại. Đường lối việc giáo đạo ấy, Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng (**Dhammasaṅgāhakācāriya**) đã nêu lên tại Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng (**Saṅgāyanā**) trong Thời Kỳ Kiết Tập (**Saṅgītikāla**) theo Phần mà đích thị Bậc Trưởng Lão đã trình bày. Và để sẽ trình bày Phần giản yếu (**Saṅkhepanaya**) đường lối việc giáo đạo ấy, Bàn Đạo mới đặt câu kệ này rằng “trong Phần Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc, đó là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt” (**Tikañca Paṭṭhānavaram**) v.v. Câu Kệ ấy có nội dung chủ yếu là “lời nói rằng **“Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt”** nghĩa từ “trác tuyệt” là “trác việt”. Lời nói rằng **“tối thượng”** (**Dukuttamam** - **Nhị Đề tối thượng**) tức là “Nhị Đề Phát Thú tối thượng”, là “trác tuyệt cực độ”. Lời nói rằng **“Dukattikañceva”** là “Nhị Đề Tam Đề Phát Thú”. Lời nói rằng **“Tikadukañca”** là “Tam Đề Nhị Đề Phát Thú”. Lời nói rằng **“Tikatikañceva”** là “Tam Đề Tam Đề Phát Thú”. Lời nói rằng **“Dukaddukañca”** là “Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú”. Lời nói rằng **“trong Phần Thuận Tòng có sáu Phần vô cùng thâm khắc”** (**Cha anulomamhi nayā sugambhīrā**) có nghĩa là “bậc tu học nên hiểu biết sáu Phần vô cùng thâm khắc có Tam Đề Phát Thú v.v. những thể loại này trong Phần Thuận Tòng”.

Tất cả những Phần ấy, Phần Thuận Tòng có hai, đó là: “Pháp Thuận Tòng” (**Dhammānuloma**) và “Duyên Thuận Tòng” (**Paccayānuloma**). Trong Phần Thuận Tòng có hai đây, Phát Thú hiện hành với mãnh lực việc giáo đạo ở Phần Thuận Tòng đối với Pháp mà Ngài đã hội tập, với các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp (**Abhidhammamātikā**) như thể này **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện”** gọi là “Pháp Thuận Tòng” (**Dhammānuloma**). Phát Thú hiện

hành với mãnh lực việc giáo đạo ở Phần Thuận Tòng đối với 24 Duyên như thế này **“do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên” (Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā)** gọi là **“Duyên Thuận Tòng” (Paccayānuloma)**. Tất cả nghĩa từ ở những Câu Kệ (Gāthā) ấy, rằng với Câu Kệ đây **“Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt v.v. trong Phần Thuận Tòng Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc” (Tikañca paṭṭhānavaram v.v. cha anulomamhi nayā sugambhīrā)** Ngài tiếp tục đề cập đề ở trong Bộ Chú Giải là ngụ ý đến **“Pháp Thuận Tòng”**. Thế nhưng trong quan niệm đây thì Câu Kệ này Ngài ngụ ý đề cập đến **“Duyên Thuận Tòng”** ở trong **“Pháp Thuận Tòng”** ấy. Bởi do đó, lời nói rằng **“trong Phần Thuận Tòng Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc” (cha anulomamhi nayā sugambhīrā)** bậc tu học nên hiểu biết nội dung Câu Kệ trong Bộ Chú Giải thể loại như sau **“sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. trong Pháp Thuận Tòng vô cùng thâm khắc”**. Tuy nhiên trong cơ hội này, bậc tu học nên hiểu biết nội dung thể loại như vậy **“sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. đặc biệt trong Pháp Thuận Tòng ở trong Duyên Thuận Tòng hiện hành như thế này “do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên” (Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā) vô cùng thâm khắc”**. Tất cả sáu Phần ấy theo phân loại việc thẩm vấn, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết giản lược trong Giai Đoạn Định Danh (Paṇṇattivāra) của Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) là chỉ có đối với mãnh lực Tam Đề Thiện (Kusalatika) ở trong Tam Đề Phát Thú ở Phần Thuận Tòng thôi. Còn trong Tam Đề và Nhị Đề còn lại và trong Phát Thú còn lại, không hề lập ý khái thuyết việc thẩm vấn ngay cả chỉ có mỗi một điều.

Và trong Giai Đoạn Câu Sinh v.v. nối tiếp theo đó, Đức Thế Tôn không lập ý nêu lên việc thẩm vấn với mãnh lực Tam Đề Thiện, mà lập ý khái thuyết đặc biệt chỉ có lời giải đáp (Vissajjanā) với mãnh lực Giai Đoạn hiện hữu thôi. Cũng do lời nói rằng **“trong Phần Thuận Tòng có sáu Phần thâm khắc” (cha anulomamhi nayā sugambhīrā)** bậc tu học nên hiểu biết việc nêu lên cả sáu Phần Phát Thú này trình bày ở trong Duyên Thuận Tòng đây, với mãnh lực của tất cả điều thẩm vấn vì lẽ, đó là trách nhiệm của Bậc Chú Giải Sư giải thích Phát Thú. Bây giờ, để sẽ trình bày Phần Đối Nghịch Phát Thú (Paccanīyapaṭṭhāna) Đức Thế Tôn mới lập ý bắt đầu lời nói rằng **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên được như thế nào ?” (Siyā kusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo uppejjeyya NaHetupaccayā)** (ở trong điều 45). Trong Phần Đối Nghịch Phát Thú ấy, có pháp số số lượng điều thẩm vấn bằng với điều thẩm vấn ở Phần Thuận. Vì lý do ấy, trong Phần Đối Nghịch Phát Thú đây, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là **“bậc tu học nên giải thích Phi Nhân Duyên ngay cả ở trong Phần Đối Nghịch Phát Thú tương tự với sự giải thích Nhân Duyên ở trong Phần Thuận Tòng Phát Thú, rồi lại thuyết giáo ở trong chỗ cuối cùng rằng “nên giải thích Nhất Căn Nguyên, Nhị Căn Nguyên, Tam Căn Nguyên, Tứ Căn Nguyên, cho đến Nhị Thập Tam Căn Nguyên từng mỗi một Câu trong Phần Đối Nghịch Phát Thú tương tự ở trong Phần Thuận Tòng Phát Thú. Rằng cũng lời nói này “Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên” (23 Căn Nguyên) ở trong quan niệm này chỉ là ngụ ý thuyết giáo đến “Phần Nhị Căn Nguyên Phát Thú” thôi, còn Phần Tổng Căn Nguyên trong chỗ cuối cùng, đích thị chính là “Phần Nhị Thập Tứ Căn Nguyên” (Catuvīsati-mūlakanaya) (là Phần có 24 Căn Nguyên). Và tất cả các Phần ấy lập ý giản lược đi.**

Rằng ở Tạng Pāli thì **“Tam Đề Phát Thú vô cùng trắc tuyệt v.v. trong Phần Đối Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc v.v.”** (Tikañca paṭṭhānavaram v.v. cha paccanīyamhi nayā sugambhīrā) (phần cuối điều 47) tức là hai thể loại Phần Đối Nghịch, đó là **“Pháp Đối Nghịch” (Dhammapaccanīya)** và **“Duyên Đối Nghịch” (Paccayanīya)**. Trong hai thể loại ấy, Phần Đối Nghịch cho hiện hành với mãnh lực việc trình bày Pháp được liệt kê với các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp (Abhidhammamātikā) thể loại như thế này **“Các Pháp Thiện” (Kusalā dhammā)**, rằng theo việc trình bày Pháp Đối Nghịch là **“Pháp chẳng phải Thiện nương nhờ Pháp chẳng phải Thiện” (Nakusalam dhammam paṭicca nakusalo dhammo)** gọi là **“Pháp Đối Nghịch”**. Duyên cho hiện hành với mãnh lực việc trình bày 24 Duyên với mãnh lực tác thành Duyên thể loại như thế này **“do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên” (NaHetupaccayā Nārammaṇapaccayā)** gọi là **“Duyên Đối Nghịch”**. Trong hai thể loại ấy, rằng với Câu Kệ này **“trong Phần Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc” v.v.** tiếp đến trong Bộ Chú Giải, Ngài ngụ ý đề cập đến “Pháp Nghịch”, thể nhưng trong quan niệm đây thì Câu Kệ này Ngài ngụ ý chỉ có đề cập đến “Duyên Nghịch” ở trong “Pháp Thuận” thôi. Vì lẽ ấy, trong Câu Kệ Bộ Chú Giải nói rằng **“trong Phần Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc”** bậc tu học nên hiểu biết nội dung chủ yếu thể loại như thế này “sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. trong Pháp Nghịch vô cùng thâm khắc”. Tuy nhiên trong Phần Nghịch đã hiện hành thể loại như thế này **“do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên” (NaHetupaccayā Nārammaṇapaccayā)**. Trong cơ hội này, bậc tu học nên hiểu biết nội dung thể loại như vậy “sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. đặc biệt chỉ trong Pháp Thuận vô cùng thâm khắc thôi”.

Tất cả sáu Phần ấy một khi phân loại việc thẩm vấn đây, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết giản lược trong Giai Đoạn Định Danh Giai Đoạn Liên Quan với mãnh lực Pháp chỉ có Tam Đề Thiện trong Phần Thuận Từng Tam Đề Phát Thú thôi. Ngay cả trong Tam Đề và Nhị Đề còn lại và trong Phát Thú còn lại cũng không hề lập ý khái thuyết việc thẩm vấn ngay cả chỉ có mỗi một điều. Và trong Giai Đoạn Câu Sinh v.v. nối tiếp theo đó, Đức Thế Tôn không lập ý nêu lên việc thẩm vấn với mãnh lực Tam Đề Thiện, mà lập ý khái thuyết đặc biệt chỉ có lời giải đáp (Vissajjanā) với mãnh lực Giai Đoạn hiện hữu thôi. Cũng do lời nói rằng **“trong Phần Đối Nghịch có sáu Phần thâm khắc”** nên nêu lên cả sáu Phần Phát Thú này trình bày ở trong Duyên Nghịch đây, với mãnh lực của tất cả điều thẩm vấn vì lẽ, đó là trách nhiệm ở Bạc Chú Giải Sư giải thích Phát Thú.

Bây giờ, để sẽ trình bày Phần Thuận - Nghịch Phát Thú (Anulomapaccanīyapaṭṭhāna) Đức Thế Tôn lập ý khai đầu với lời nói rằng **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên được như thế nào ?” (Siyā kusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo uppejjeyya Hetupaccayā Nārammaṇapaccayā)** (điều 48). Trong Phần Thuận - Nghịch Phát Thú ấy, trong Phần có một Căn Nguyên bắt đầu với Câu Nhân (Hetupada) có 23 Phần Thuận – Nghịch Phát Thú với mãnh lực việc bổ sung Câu Nhân (Hetupada) vào từng mỗi một Duyên trong tất cả 23 Duyên còn lại như vậy **“do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, v.v. Do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên” (Hetupaccayā Nārammaṇapaccayā v.v. Hetupaccayā NaAvigatapaccayā)**. Trong Phần

Thuận – Nghịch Phát Thú ấy có 1,127 điều thẩm vấn, bởi vì từng mỗi Câu chia ra được 49 điều. Còn trong Phần Nhị Căn Nguyên, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số số lượng điều thẩm vấn với mãnh lực của Câu còn lại bằng cách giảm bớt từng mỗi một Câu trong Phần Nhất Căn Nguyên v.v. xuống hết cả thấy như đã đề cập trong Phần Thuận thể loại như vậy “có 22 Phần Thuận – Nghịch Phát Thú với mãnh lực việc bổ sung Câu Nhân – Cảnh (**Hetārammaṇapada**) vào từng mỗi một Duyên trong tất cả 22 Duyên còn lại. Lại nữa, trong Phần Nhất Căn Nguyên v.v. trong quan niệm này điều thẩm vấn nào đã nói và điều nào đã không nói ở trong Tạng **Pāli** thì tất cả điều thẩm vấn ấy, bậc tu học nên hiểu biết theo đường lối ở Phần mà Bản Đạo đã đề cập trước đó rồi.

Và trong lời nói này “**trong Phần Thuận – Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc v.v.**” (**Tikañca paṭṭhānavaram v.v. cha anulomapaccanīyamhi nayā sugam bhīrā**) (ở phần cuối điều 51). Phần Thuận – Nghịch Phát Thú có hai thể loại, đó là: “Pháp Thuận – Nghịch” (**Dhammānulomapaccanīya**) và “Duyên Thuận – Nghịch” (**Paccayānuloma paccanīya**) theo Phần đã đề cập trước rồi. Trong hai thể loại ấy, Phát Thú hiện hành với mãnh lực việc trình bày Pháp được liệt kê với các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp (**Abhidhamma mātikā**) thể loại như thế này “**Pháp Thiện**” (**Kusalo dhammo**), rằng theo Pháp Thuận - Nghịch là “**Pháp chẳng phải Thiện nương nhờ Pháp Thiện**” (**Kusalam dhammam paṭicca nakusalo dhammo**) gọi là “**Pháp Thuận - Nghịch Phát Thú**”. Phát Thú hiện hành với mãnh lực việc trình bày Câu trong 24 Duyên thể loại như thế này “**do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên**” (**Hetupaccayā Nārammaṇapaccayā**) theo Phần Thuận – Nghịch gọi là “**Duyên Thuận - Nghịch Phát Thú**”. Trong hai thể loại ấy, rằng với Câu Kệ này “**trong Phần Thuận - Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc**” v.v. tiếp đến trong Bộ Chú Giải, Ngài chỉ ngụ ý đề cập đến trong quan niệm này. Tuy nhiên Câu Kệ này Ngài ngụ ý chỉ có đề cập đến “Duyên Thuận - Nghịch Phát Thú” đích thị ở trong “Pháp Thuận Tụng” thôi. Vì lẽ ấy, trong Câu Kệ Bộ Chú Giải nói rằng “**trong Phần Thuận - Nghịch Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc**” bậc tu học nên hiểu biết nội dung chủ yếu thể loại như thế này “sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. trong Pháp Thuận - Nghịch vô cùng thâm khắc”. Còn trong Duyên Thuận - Nghịch Phát Thú hiện hành thể loại như thế này “**do bởi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên**” (**Hetupaccayā Nārammaṇapaccayā**). Trong cơ hội này, bậc tu học nên hiểu biết nội dung thể loại như vậy “sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. đặc biệt chỉ trong Pháp Thuận Tụng vô cùng thâm khắc thôi”.

Tất cả sáu Phần ấy khi phân loại của việc thẩm vấn đây, Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết giản lược trong Giai Đoạn Định Danh Giai Đoạn Liên Quan với mãnh lực Pháp chỉ có Tam Đề Thiện trong Phần Thuận Tụng Tam Đề Phát Thú thôi. Còn trong Tam Đề và Nhị Đề còn lại và trong Phát Thú còn lại, không hề lập ý khái thuyết việc thẩm vấn ngay cả chỉ có mỗi một điều. Và trong Giai Đoạn Câu Sinh v.v. nối tiếp theo đó, không lập ý nêu lên việc thẩm vấn với mãnh lực Tam Đề Thiện, lập ý khái thuyết đặc biệt chỉ có lời giải đáp (**Vissajjanā**) với mãnh lực của Giai Đoạn hiện hữu thôi. Cũng do lời nói rằng “**trong Phần Thuận - Nghịch có sáu Phần thâm khắc**” nên nêu lên cả sáu Phần Phát Thú này trình bày với mãnh lực của việc thẩm vấn

trong Duyên Thuận – Nghịch Phát Thú đây vì lẽ, đó là trách nhiệm của Bạc Chú Giải Sư giải thích Phát Thú.

Bấy giờ, để sẽ trình bày Phần Nghịch – Thuận Phát Thú, Đức Thế Tôn mới lập ý khởi phát lời chẳng hạn như **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên được như thế nào ?”** (điều 52). Trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú ấy, có quy định điều thẩm vấn có số lượng bằng với điều thẩm vấn ở Phần Thuận – Nghịch. Và trong Phần có một Căn Nguyên v.v. trong quan niệm này, điều thẩm vấn nào đã nói và điều nào đã không nói ở trong Tạng Pāli thì tất cả điều thẩm vấn ấy, bậc tu học nên hiểu biết theo đường lối ở Phần mà Bản Đạo đã đề cập trước đó rồi.

Ngay cả trong lời nói này **“trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc v.v. là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt v.v. và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú”** (Tikañca paṭṭhānavaram v.v. cha paccanīyānulomamhi nayā sugambhīrā) (ở phần cuối điều 55). Bậc tu học nên hiểu biết Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có hai thể loại, đó là: **“Pháp Nghịch – Thuận” (Dhammapaccanīyānuloma)** và **“Duyên Nghịch – Thuận” (Paccayapaccanīyānuloma)** theo Phần mà Bản Đạo đã đề cập trước rồi. Trong hai thể loại ấy, Phát Thú hiện hành với mãnh lực việc trình bày Pháp được liệt kê với các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp (Abhidhammamātikā) thể loại như thể này **“Pháp Thiện” (Kusalo dhammo)**, rằng với Phần Nghịch – Thuận là **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp chẳng phải Thiện” (Nakusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo)** gọi là **“Pháp Nghịch – Thuận Phát Thú”**. Phát Thú hiện hành với mãnh lực việc trình bày Câu trong 24 Duyên thể loại như thể này **“do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên” (NaHetupaccayā Ārammaṇapaccayā)** với Duyên Nghịch – Thuận gọi là **“Duyên Nghịch – Thuận Phát Thú”**. Trong hai thể loại ấy, rằng với Câu Kệ này **“trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc v.v. là Tam Đề Phát Thú vô cùng trác tuyệt v.v. và Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú”** trong Bộ Chú Giải ở thời gian trước, Ngài ngụ ý đề cập đến Pháp Nghịch – Thuận Phát Thú. Tuy nhiên trong quan niệm này, ở Câu Kệ này Ngài ngụ ý đề cập đến **“Duyên Nghịch – Thuận Phát Thú”** đặc biệt chỉ ở trong **“Pháp Thuận Tòng”** thôi. Vì lẽ ấy, trong Câu Kệ Bộ Chú Giải nói rằng **“trong Phần Nghịch – Thuận Phát Thú có sáu Phần vô cùng thâm khắc”** (Câu Kệ cần phải được dẫn chứng). Bậc tu học nên hiểu biết nội dung chủ yếu thể loại như thể này **“sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. trong Pháp Nghịch – Thuận vô cùng thâm khắc”**. Còn trong Duyên Nghịch – Thuận Phát Thú hiện hành thể loại như thể này **“do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên” (NaHetupaccayā Ārammaṇapaccayā)**. Trong cơ hội này, bậc tu học nên hiểu biết nội dung thể loại như vậy **“sáu Phần có Tam Đề Phát Thú v.v. đặc biệt chỉ trong Pháp Thuận Tòng vô cùng thâm khắc thôi”**. Tất cả sáu Phần ấy khi phân loại việc thẩm vấn đây, Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết giản lược trong Giai Đoạn Định Danh Giai Đoạn Liên Quan với mãnh lực Pháp chỉ có Tam Đề Thiện trong Phần Thuận Tòng Tam Đề Phát Thú thôi. Tuy nhiên trong Tam Đề và Nhị Đề còn lại và trong Phát Thú còn lại, không hề lập ý khái thuyết việc thẩm vấn ngay cả chỉ có mỗi một điều. Và trong Giai Đoạn Câu Sinh v.v. nối tiếp theo đó, không lập ý nêu lên việc thẩm vấn với mãnh lực Tam Đề Thiện, lập ý khái thuyết đặc biệt chỉ có lời giải đáp (Vissajjanā) với mãnh lực Giai Đoạn hiện hữu thôi. Cũng do Tạng Pāli nói rằng **“trong**

Phần Nghịch – Thuận có sáu Phần thâm khắc v.v.” bậc tu học nên nêu lên cả sáu Phần Phát Thù này trình bày với mãnh lực của việc thâm vấn trong Duyên Nghịch – Thuận Phát Thù đây vì lẽ, đó là trách nhiệm Bậc Chú Giải Sư giải thích Phát Thù.

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Định Danh

-----00000-----

XIÊN MINH GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRANIDDESA) PHẦN THUẬN TÙNG (ANULOMANAYA)

[56] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện và Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[57] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[58] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi

sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[59] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vô Gian Duyên, do bởi Đẳng Vô Gian Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên (trình bày được ba thời kỳ) tương tự với Cảnh Duyên.

[60] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh

lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện Ngoại Phần khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[61] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Hồ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Hồ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Hồ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Di Thực Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Di Thực Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[62] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên, tức là nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Y Chỉ Duyên (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Câu Sinh Duyên.

[63] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cận Y Duyên, tức là nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Cận Y Duyên (trình bày được ba thời kỳ) tương tự với Cảnh Duyên.

[64] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

[65] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[66] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện có ba thời kỳ (*) nương nhờ Pháp Bất Thiện có ba thời kỳ.

[(*): đó là: 1/ Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện, 2/ Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, 3/ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện. Ngay cả ở chỗ nương nhờ Pháp Bất Thiện cũng có Phần tương tự với chỗ nương nhờ Pháp Thiện. Nên hiểu biết việc trình bày thời kỳ một cách giản lược ở trong chỗ khác cũng theo đường lối này.]

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Đôi với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[67] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[68] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ (*).

Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ.

[(*): đó là: 1/ Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện, 2/ Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, 3/ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện, kết hợp lại thành ba thời kỳ nương nhờ Pháp Thiện. Ngay cả chỗ nương nhờ Pháp Bất Thiện cũng có Phần tương tự với chỗ nương nhờ Pháp Thiện. Nên hiểu biết việc trình bày theo thời kỳ một cách giản lược trong chỗ khác theo đường lối này.]

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên, tức là Pháp Vô Ký nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện mà có Vật Thục làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[69] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Quyền Lực Duyên, tức là nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ (kết hợp cả điều 1).

Nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ.

Nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên v.v.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Quyền Lực Duyên (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Nghiệp Lực Duyên.

[70] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Thiên Na Duyên v.v. do bởi Đồ Đạo Duyên.

Là Thiên Na Duyên hay Đồ Đạo Duyên đi nữa (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Nhân Duyên.

[71] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Tương Ứng Duyên, tức là nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Tương Ứng Duyên (trình bày được ba thời kỳ) tương tự với Cảnh Duyên.

[72] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Di Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Di Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện nương nhờ khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

[73] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên (giản lược). Hiện Hữu Duyên (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Câu Sinh Duyên.

[74] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vô Hữu Duyên...do bởi Ly Khứ Duyên. Là Vô Hữu Duyên hay Ly Khứ Duyên đi nữa (trình bày được ba thời kỳ) tương tự với Cảnh Duyên.

[75] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Ly Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

Bất Ly Duyên (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Câu Sinh Duyên.

Cả 23 Duyên này, học giả trần thuật nên phân tích cho quảng nghĩa.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN

[76] Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có

ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[77] Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[78] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Trường Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[79] Do bởi Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trường Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[80] Do bởi Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v., Trùng Dục Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[81] Do bởi Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v., Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ... Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[82] Do bởi Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v., Tiền Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Việc Pháp Số Trong Phần Nhân Căn Nguyên

(Trong các Duyên với Duyên chủ vị ở trong Cảnh Duyên làm Căn Nguyên chỉ có ba thời kỳ thôi.)

[83] Do bởi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ... trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ, v.v., trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ, v.v., trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Câu Sinh Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ v.v. Do bởi Hổ Tương Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Do bởi Y Chỉ Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ v.v. Do bởi Cận Y Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.

[84] Do bởi Trùng Dục Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Trong Phần Trùng Dục Căn Nguyên không có Dị Thục Quả Duyên.

Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ.

[85] Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền

Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên không có Trùng Dục Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Quyền Lực Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Thiền Na Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Bất Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Hiện Hữu Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Vô Hữu Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Ly Khứ Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ.

[86] Do bởi Bất Ly Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ...Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Nên thực hiện từng mỗi một Duyên cho làm căn nguyên, và rồi tính đếm theo phương thức đã được trần thuật như vậy.

Kết Thúc Phần Thuận Tùng

GIẢI THÍCH XIỂN MINH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (*)

[(*)]: Dích thị là từ ngữ phiên dịch dạng thức tuân thủ của từ ngữ “Chú Giải Giai Đoạn Liên Quan” (Aṭṭhakathapaṭiccavāra)]

Bây giờ, nhằm để sẽ loại bỏ các vấn đề không có được lời giải đáp với thể loại như vậy “Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên” (không được) bởi vì Pháp Thiện với Pháp Bất Thiện v.v. câu sinh với nhau không được, và đặc biệt chỉ giải đáp các vấn đề có được lời giải đáp ở trong tất cả mọi vấn đề, Đức Thế Tôn mới lập ý dựa vào Tam Đề Thiện trong Giai Đoạn Định Danh, khi lập ý chỉ có trình bày Phần đã lập ý khái thuyết không ước lượng được điều thẩm vấn, bắt đầu kể từ “vấn đề 49 điều” với mãnh lực Nhân Duyên v.v. mới lập ý bắt đầu Phần Xiển Thuật Giai Đoạn Liên Quan chẳng hạn có lời nói như vậy **“Pháp Thiện nương vào Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên (Kusalam dhammam paṭicca kusalo dhammo uppajjati Hetupaccayā)** (ở phần đầu điều 56). Trong điều ấy, đáng lẽ phải có lời vấn hỏi rằng “nếu “vấn đề 49 điều” mà bắt đầu từ điểm **“do bởi Nhân Duyên” (Hetupaccayā)** đây, nhất thiết không có được lời giải đáp, thể Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết để làm chi ? Chẳng phải Đức Phật Ngài chỉ nên đặc biệt khái thuyết các vấn đề có được lời giải đáp thôi ư ? Trả lời là “Phải, đáng lẽ nên khái thuyết như thế đấy, nhưng khi khái thuyết như thế đấy cũng cần phải khái thuyết không cho gián đoạn trong từng mỗi một Tam Đề, Nhị Đề, Tam Đề Nhị Đề, Nhị Đề Tam Đề, và Nhị Đề Nhị Đề trong tất cả Phát Thú có Tam Đề Nhị Đề Phát Thú v.v. Vì lý do nào ? Vì vấn đề mà có ở trong “Tam Đề Thiện” (**Kusalatika**), lại không hề có trong “Tam Đề Thọ” (**Vedanātika**). Lại nữa, Phần giải đáp “Tam

Đề Hữu Tầm” (**Savitakkatika**) và “Tam Đề Câu Hành Hỷ” (**Pītisahagatatika**) trong Tam Đề Phát Thú với Phần “Pháp Thuận – Nghịch” thì những vấn đề này thường được đón nhận lời giải đáp hết cả thảy. Vì thế, theo việc quy định một cách cụ thể thì tất cả các vấn đề hiện hữu trong từng mỗi một Tam Đề, thì Đức Phật Ngài đã khái thuyết đề ở trong Tam Đề Thiện. Quả thực, khi Đức Phật lập ý khái thuyết vấn đề như thể này là vấn đề đã có được lời giải đáp. Đức Phật đã loại bỏ hết vấn đề không có lời giải đáp ở trong Tam Đề Thiện, rồi Ngài mới thuyết giáo, và danh môn đệ tử (**Kulaputta**) sẽ được liễu giải một cách dễ dàng. Vì lẽ ấy, nhằm để cho các danh môn đệ tử liễu giải được dễ dàng, Đức Phật mới lập ý khái thuyết tất cả vấn đề ngay cả (kết hợp 49 điều) đề ở trong Tam Đề Thiện. Bậc Hiền Trí (**Paṇḍita**) nên liễu tri rằng bất luận vấn đề nào không có lời giải đáp trong Tam Đề Thiện đây, Đức Thế Tôn lập ý loại bỏ vấn đề ấy và đặc biệt chỉ giải đáp vấn đề có được lời giải đáp thôi. Nên hiểu biết nội dung trong những từ ngữ tiếp theo đây, lời nói rằng “**nương nhờ Pháp Thiện**” (**Kusalam dhammaṃ paṭicca**) có nghĩa là “nương nhờ”, là “y khao, y lại” một Pháp khác với Uẩn có Thọ Uẩn (**Vedanākhanda**) v.v. trong các Pháp Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới, tức là “đi đến đồng hiện hành với nhau” đề cập là “đồng câu sinh với nhau”, “tương hợp câu sinh với Pháp ấy”.

Lời nói rằng “**Pháp Thiện**” (**Kusalo dhammo**) là một Pháp khác với Tướng Uẩn (**Saññākhanda**) v.v. trong các Pháp đang đồng hiện hành với nhau ở trong Tứ Địa Giới. Lời nói rằng “**khởi sinh lên**” (**Uppajjati**) có nghĩa là “đi đến ở phía trên kể từ sát na Sinh (**Uppādakhaṇa**) đi đến sát na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**) là “thường khởi sinh lên”. Giải thích rằng “thường tự tác thành hình thể”, là “tương hợp cả ba sát na có sát na Sinh v.v.” Lời nói rằng “**do bởi Nhân Duyên**” (**Hetupaccayā**) là “do bởi Nhân Thiện làm cho thành tựu sự tác thành Nhân Duyên”. Khi Đức Thế Tôn thuyết giáo lời giải đáp rằng “**khởi sinh lên**” (**Uppajjati**) trong điều thâm vấn là “thường khởi sinh lên” như đã vừa được miêu thuật; bấy giờ, nhằm để sẽ khái thuyết Pháp tác thành “chỗ nương nhờ phù trợ” (**Paccaya - Năng Duyên**) và Pháp đi vào để nương nhờ mà khởi sinh lên (**Paccayuppanna – Sở Duyên**) với mãnh lực Uẩn, mới thuyết giáo với lời chẳng hạn như “**một Uẩn ở phần Thiện**” (**Kusalam ekaṃ khandham**).

Tất cả những từ ngữ ấy, lời nói rằng “**một**” (**Ekaṃ**) là bất luận một Uẩn nào trong cả Tứ Uẩn có Thọ Uẩn v.v. Lời nói rằng “**ba Uẩn**” (**Tayo khandhā**) là ba Uẩn còn lại, trừ Uẩn mà Ngài đã sắp đặt thành Năng Duyên. Lời nói rằng “**ba Uẩn**” (**Tayo khandhe**) là ba Uẩn còn lại trong các Uẩn có Thọ Uẩn v.v., trừ một Uẩn mà Ngài sắp là năng lực phát sinh (do bởi Nhân Duyên). Lời nói rằng “**hai Uẩn**” (**Dve khandhe**) có nghĩa là “nương nhờ hai Uẩn bất luận Uẩn nào trong sáu Nhị Đề có Nhị Đề Thọ và Nhị Đề Tướng v.v. Lời nói rằng “**hai Uẩn**” (**Dve khandhā**) có nghĩa là “cả hai Uẩn còn lại, trừ Uẩn mà Ngài sắp thành Năng Duyên ra, thường khởi sinh lên do bởi Nhân Thiện làm cho thành tựu sự tác thành Nhân Duyên”. Cũng do bởi một Uẩn sẽ không được tác thành Năng Duyên đặc biệt đối với một Uẩn hay hai Uẩn, hoặc hai Uẩn tác thành Năng Duyên đặc biệt đối với một Uẩn cũng không được tương tự như nhau, vì thế Đức Phật Ngài mới không thuyết giáo rằng “một Uẩn nương nhờ một Uẩn, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn” v.v. Ngay cả trong lời chẳng hạn như “**Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên**” (**Kusalam dhammam paṭicca abyākato dhammo uppajjati**). Bậc Hiền Trí nên liễu tri đích thị chính nội dung theo Phần đã đề cập.

Lời này thuyết **“Sắc Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhānāṇaṃ rūpaṃ)** đây, Ngài đề cập nhằm để khai thuyết đến Sắc Pháp mà được tác thành Câu Sinh Duyên và Nhân Duyên với Pháp Thiện, vì nghĩa lý lời nói rằng **“nuơng nhờ” (Paṭicca – Liên Quan)** có nghĩa là **“câu sinh” (Sahajāta)** (bởi vì nghĩa từ “nuơng nhờ phù trợ” có nghĩa là “đồng sinh”). Nối tiếp theo đây, ngay cả trong những Phát Thú đồng dạng như vậy thì cũng nên hiểu biết có Phần này tương tự. Trong lời này thuyết **“ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, ở phần Vô Ký Duy Tác” (Vipākābyākatam kiriyābyākatam)** là sẽ không lấy Tâm Vô Nhân để bỏ vào chung được vì bất tác thành Nhân Duyên, vả lại không ngụ ý đến Dị Thục Quả Vô Sắc vì bất câu sinh với Sắc Pháp. Lời nói rằng **“trong sát na Tái Tục” (Paṭisandhikkhaṇe)** Ngài đề cập nhằm để khai thuyết đến Pháp Vô Ký (**Abyākatadhamma**) đó là Sắc Tái Tục (**Kaṭattārūpa**) (Sắc Nghiệp) nuơng nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên. Lời nói rằng **“ở phần Vô Ký Dị Thục Quả” (Vipākābyākatam)** Ngài đề cập với mãnh lực Pháp Vô Ký hiện hữu trong sát na ấy. Lời nói rằng **“Sắc Tâm Cơ nuơng nhờ các Uẩn” (Khandhe paṭicca vatthu)** đây, Ngài đề cập nhằm để khai thuyết rằng “ngay cả khi Sắc Vật (Sắc Tâm Cơ) mà Ngài chú tâm với nghĩa từ là **“Sắc Tái Tục”** cũng vẫn phải nuơng nhờ các Uẩn khởi sinh. Lời nói rằng **“các Uẩn nuơng nhờ Sắc Tâm Cơ” (Vatthu paṭicca khandhā)** Ngài đề cập nhằm để khai thuyết rằng “các Uẩn nuơng nhờ Sắc Vật khởi sinh”. Lời nói rằng **“một Sắc Đại Hiện” (Ekaṃ mahābhūtaṃ)** v.v. Ngài đề cập nhằm để khai thuyết rằng “Pháp Vô Ký là Sắc Pháp nuơng nhờ Pháp Vô Ký bên phía Sắc Pháp khởi sinh”. Và trong nghĩa từ này, Bậc Hiền Trí nên liễu tri việc lý giải ý nghĩa theo Phần đã đề cập trong nghĩa từ **“một Uẩn” (Ekaṃ khandham)** v.v. Trong Pháp Vô Ký bên phía Sắc Pháp, khi Đức Thế Tôn thuyết giáo đến Sắc Đại Hiện nuơng nhờ Sắc Đại Hiện khởi sinh như thế này rồi, bấy giờ nhằm để sẽ khai thuyết đến Sắc Y Sinh nuơng nhờ Sắc Đại Hiện khởi sinh, mới thuyết giáo với lời nói rằng **“Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ...nuơng nhờ Sắc Đại Hiện” (Mahābhūte paṭicca cittasamuṭṭhānāṇaṃ)** v.v. Có lời vấn hỏi “khi là như thế ấy thì cũng nên chỉ gọi là **“Sắc Y Sinh”** thế nhưng tại làm sao lại gọi hai cách cho sai biệt với nhau?” Giải đáp là “khi trình bày đến Sắc Pháp nuơng nhờ Sắc Đại Hiện khởi sinh. Lời nói rằng **“Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ...nuơng nhờ Sắc Đại Hiện”** đây, Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng khi Đức Phật thuyết giáo rằng “bất luận Sắc Pháp nào đã hiện bày trước, đó là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục thì Sắc Pháp ấy không được nuơng nhờ duy nhất các Uẩn để khởi sinh lên, nếu như không có nuơng sinh với Sắc Đại Hiện. Cả hai Sắc Pháp ấy, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thường chỉ có sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi thôi, Sắc Tái Tục thường sinh ngay sát na Thời Kỳ Tái Tục. Lời nói rằng **“ở phần Sắc Y Sinh” (Upādārūpaṃ)** đích thị chính là lời giải đáp hai nghĩa từ ấy.

Trong lời này thuyết rằng **“nuơng nhờ Uẩn Thiện và Sắc Đại Hiện” (Kusale khandhe ca mahābhūte ca paṭicca)** ngụ ý chỉ lấy Sắc Đại Hiện mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ thôi. Còn trong lời này nói rằng **“Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhāṇaṃ rūpaṃ)** ngụ ý lấy cả Sắc Đại Hiện và Sắc Tái Tục. Quả thực, ngay cả Sắc Đại Hiện cũng phải nuơng nhờ các Uẩn và Sắc Đại Hiện với nhau mới khởi sinh, chẳng hạn theo Phần như vậy **“ba Sắc Đại Hiện nuơng nhờ một Sắc Đại Hiện” (Ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca tayo mahābhūtā)** đến Sắc Y Sinh cũng nuơng nhờ Uẩn và Sắc Đại Hiện khởi sinh theo Phần mà Ngài đã đề cập là **“Sắc Y**

Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện” (Mahābhūte paṭicca upādārūpanam). Ngay cả trong lời giải đáp sự vấn đáp là **“Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký” (Akusalaṇca abyākataṇca)** cũng có Phần này tương tự. Chín điều thâm vấn trong Nhân Duyên là đã được đón nhận lời giải đáp với trường hợp như thế này. Quả thực, chỉ có những thể loại vấn đề này đã được sử dụng trong Nhân Duyên đây, và 40 điều thâm vấn còn lại là **“Vô Hiệu Vấn Đề” (Moghapañhā),** vì lý do ấy mới không được đón lời giải đáp. Bậc Hiền Trí nên liễu tri nghĩa lý của điều thâm vấn và lời giải đáp, ngay cả trong Cảnh Duyên v.v. cũng theo Phần này. Tiếp theo đây, Bản Đạo sẽ thẩm tra các nghĩa từ đáng được thẩm tra trong các Duyên ấy.

Nên hiểu biết lời giải đáp trong Cảnh Duyên trước. Tất cả chín điều thâm vấn thì Ngài chỉ có lời giải đáp về ba điều thôi, do đã loại bỏ lời giải đáp hữu quan với Sắc Pháp, bởi vì Sắc Pháp bất khởi sinh với mãnh lực Cảnh Duyên. Chính vì lý do ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Co”** không thuyết giáo là **“Sắc Tâm Co nương nhờ các Uẩn”** vì lẽ Sắc Vật ấy bất khởi sinh theo phương thức Cảnh Duyên. Trong Trường Duyên, lời nói rằng **“ở phần Vô Ký Dị Thục Quả” (Vipākābyākataṃ)** đây, Đức Phật thuyết giáo đặc biệt chỉ ngụ ý lấy Dị Thục Quả Hiệp Thế thôi, vì lẽ ấy ở trong Duyên này, Ngài mới không có lập tâm lấy **“trong sát na Tái Tục”** nghĩa từ còn lại cũng tương tự với Nhân Duyên. Ngay cả trong Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên, Sắc Pháp cũng không có được, vì thế mới có ba điều thâm vấn tương tự trong Cảnh Duyên. Trong Câu Sinh Duyên, lời nói rằng **“trong sát na Tái Tục” (Paṭisandhikkhaṇe)** Đức Phật thuyết giáo với mãnh lực Tái Tục trong Cõi Ngũ Uẩn, còn trong Phần Phân Tích Duyên Hệ ở phần đầu đã nói rằng **“trong sát na Tái Tục” (Okkantikkhaṇe).** Ngay cả nghĩa từ ấy với từ ngữ này, rằng theo nội dung thì đồng nhất, bởi vì trong hai từ ngữ này chỉ có sai biệt với nhau về hình thái (**Byañjana**) thôi. Hơn nữa, lời nói rằng **“Tái Tục” (Okkanti)** đây là tên gọi của Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn, theo Tạng **Pāli** là “bởi vì đồng hội tập của ba Chi, hữu tình thường bước vào trong thai bào” (*). [(*) : Trung Bộ Kinh Trung Phần Ngũ Thập (**Majjhimanikāya Mūlapaṇṇāsaka**): 12 / 452 / 487].

Lời nói rằng **“Tái Tục” (Paṭisandhi)** được dùng phổ biến đối với các Cõi Giới. Tuy nhiên trong chỗ này chỉ chủ tâm về Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn thôi, bởi vì Tạng **Pāli** nói như thế này **“Sắc Tái Tục” (Kaṭattā ca rūpaṃ)** v.v. Quả thực, lời nói rằng **“Tái Tục” (Paṭisandhi)** đây, thường chỉ hội tập vào việc tác thành Năng Duyên và Sở Duyên của Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp với nhau. Vì lẽ ấy, Ngài thường không có chủ tâm với việc giải đáp hoàn bị. Lời nói rằng **“(nương nhờ) một Sắc Đại Hiện Ngoại Phần (Bāhiraṃ ekaṃ mahābhūtaṃ)”** Ngài ngụ ý đề cập lấy Sắc Đại Hiện ở trong tất cả mọi nơi, có thổ địa và lục địa v.v. mà bất hữu quan với sắc thân và tâm thức. Quả thực, trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ (**Paccaya vibhaṅgavāra**), Ngài chủ tâm kết hợp cả ngoại phần lẫn cả nội phần vào với nhau là bốn Sắc Đại Hiện, vì đây là việc khái thuyết một cách giản lược. Thế nhưng, đây là việc khái thuyết một cách quảng nghĩa, vì lẽ ấy khi Đức Thế Tôn lập ý khái phân tích cho hết cả thấy, mới thuyết giáo rằng **“(nương nhờ) một Sắc Đại Hiện Ngoại Phần v.v.”** Lời nói rằng **“Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng...nương nhờ một Sắc Đại Hiện” (Asañña sattānaṃ ekaṃ mahābhūtaṃ paṭicca)** Đức Phật thuyết giáo với mãnh lực Sắc Đại Hiện có **“Thừa Kế” (Santati)** và hai Xuất Sinh Xứ. Còn lời này nói rằng **“Sắc Tái Tục... nương nhờ**

Sắc Đại Hiện” (Mahābhūte paṭicca kaṭattārūpaṃ) Ngài đề cập với mãnh lực Sắc có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. Lời này nói rằng **“ở phần Sắc Y Sinh” (Upādārūpaṃ)** Ngài đề cập với mãnh lực Sắc có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.

Trong Hồ Tương Duyên, Ngài nói rằng **“Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên” (Khandhe paṭicca vatthu vatthum paṭicca khandhā)** như thế này, và khi khái thuyết rằng “ngay cả Tứ Uẩn (Danh Pháp) tác thành một Phần duy nhất Hồ Tương Duyên đối với Sắc Vật”.

Trong Y Chỉ Duyên, nghĩa lý của lời nói rằng **“Liên Quan” (Paṭicca)** có nội dung chủ yếu tương tự với **“Câu Sinh” (Sahajāta)**, vì lẽ ấy sự việc Nhân Xứ v.v. làm Y Chỉ Duyên mà Ngài đã khái thuyết ở trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ ở phần đầu, Đức Thế Tôn mới không có lập ý chủ tâm đến. Quả thực, Nhân Xứ v.v. làm Tiền Sinh Duyên, thế nhưng trong chỗ này đặc biệt làm được Câu Sinh Duyên, chính vì lý do ấy, Ngài mới nói rằng Y Chỉ Duyên cũng tương tự với Câu Sinh Duyên.

Trong Cận Y Duyên thường chỉ có được ba giai đoạn giải đáp thôi, bởi vì sự việc Sắc Pháp bắt tác thành Cận Y Duyên. Vì lý do ấy, Ngài mới nói rằng “tương tự với Cảnh Duyên”. Trong Cận Y Duyên ấy, các Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký thường bắt tác thành Cảnh Cận Y Duyên, dù cho có quả thực đi nữa, thế nhưng nghĩa từ ấy Bạc Hiên Trí nên liễu tri rằng Ngài chỉ đề cập với mãnh lực Pháp đã biết được (Cảnh Cận Y Duyên) thôi.

Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Tiền Sinh Duyên. Lời nói rằng **“các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên” (Vatthum purejāta paccayā)** có nghĩa là “các Pháp khởi sinh lên do bởi Sắc Tâm Cơ, tức là với Sắc Vật cho thành tựu sự tác thành Tiền Sinh Duyên”. Trong lời nói rằng **“(nương nhờ) một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả” (Vipakābyākatam ekam khandham)** đây, có nghĩa lý là “trong quan niệm này, bất luận Sắc Vật nào tác thành Câu Sinh Duyên đối với Vô Ký Dị Thục Quả”, Bạc Hiên Trí không nên chủ tâm về Sắc Vật ấy trong Tiền Sinh Duyên này. Bởi vì sẽ cần phải phân tích theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Ngay cả các Pháp có Thiện v.v. bắt tác thành Tiền Sinh Duyên ở trong Cõi Tứ Uẩn, cũng không nên chủ tâm trong quan niệm này, bởi vì sẽ cần phải phân tích sự tác thành Tiền Sinh Duyên tương tự. Còn Cảnh thường bắt tác thành Tiền Sinh Duyên một cách nhất định. Bởi vì Sắc Xứ v.v. chỉ cho thành tựu sự tác thành Tiền Sinh Duyên đối với Nhân Thức v.v. thôi. Những Cảnh thuộc Quá Khứ, Vị Lai thường chỉ có đối với Ý Thức Giới thôi, vì lẽ ấy Ngài mới không chủ tâm ở trong chỗ này. Bởi vì đây là việc khái thuyết với mãnh lực Uẩn, chẳng phải với mãnh lực Thức Giới. Vả lại, với việc thuyết giáo rằng **“(nương nhờ) một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả”** Ngài ngụ ý lấy hết các Thức Giới, không ngụ ý chỉ có đặc biệt với Nhân Thức Giới v.v. như thế này thôi. Pháp khởi sinh lên về sau thường bắt tác thành Duyên đối với Thiện và Bất Thiện, chỉ có phù trợ Pháp Vô Ký, bản thân không tự sắp bày cho khởi sinh lên được, bởi do đó ngay cả một thể loại Pháp đáng lẽ sẽ nói như thế này “khởi sinh lên do bởi Hậu Sinh Duyên” mới không có được, vì lẽ ấy Ngài mới không thực hiện việc giải đáp với mãnh lực Hậu Sinh Duyên.

Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Trùng Dục Duyên. Xác thực rằng các Tâm Duy Tác thường bắt tác thành Trùng Dục Duyên, dù như thế ấy Ngài cũng đã nói rằng **“ở**

phần Vô Ký Duy Tác” với mãnh lực Tâm Duy Tác (Trùng Dụng Duyên) vì lẽ ấy, nên hiểu biết rằng Ngài chủ tâm về Tâm Đồng Lực Duy Tác trong quan niệm này.

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong Nghiệp Lực Duyên. Nên hiểu biết rằng trong Tâm Thiện, Tâm Bất Thiện có Nghiệp Lực Duyên khởi sinh lên trong cùng sát na, ngay cả Vô Ký Duy Tác cũng tương tự. Còn trong Phần Vô Ký phía Dị Thục Quả, nên hiểu biết rằng Nghiệp Lực Duyên hiện hành sai biệt sát na. Lại nữa, trong sát na Tái Tục, Dị Thời Nghiệp Lực Duyên nên hiểu biết rằng có cho với Sắc Đại Hiện. Còn Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ thì đặc biệt có Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tương tự. Thế nhưng Sắc Tái Tục (Sắc Nghiệp) trong chỗ này, tức là Sắc Mạng Quyền Lực. Ngài gọi Sắc còn lại là “Sắc nương nhờ” (Sắc Y Sinh) bởi vì không có được sinh một cách duy nhất từ nơi Nghiệp Lực. Khi đã là như thế trong quan niệm này, Ngài đặc biệt chỉ chủ tâm về Sắc Nghiệp thôi.

Thiện, Bất Thiện và Duy Tác thường không có được trong Dị Thục Quả Duyên, vì lẽ ấy Ngài mới sắp bày chỉ có lời giải đáp với mãnh lực Vô Ký thôi. Lời nói rằng **“(Sắc) Tâm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhānam)** đặc biệt chủ yếu lấy Sắc Pháp mà có Tâm Dị Thục Quả làm Xuất Sinh Xứ thôi. Lời nói rằng **“Sắc Tái Tục” (Kaṭattārūpam)** đó là Sắc Mạng Quyền và Sắc Vật một cách thích hợp đối với Địa Giới sẽ đạt được. Lời nói rằng **“Sắc Y Sinh” (Upādārūpam)** đó là Sắc Y Sinh còn lại ngoài ra đó, hiện hữu trong thời kỳ ấy.

Trong Vật Thực Duyên, nên hiểu biết việc khởi sinh lên của các Uẩn, có các Thiện v.v., của Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, của Vô Sắc Pháp, và của Sắc Đại Hiện trong sát na Tái Tục với mãnh lực Vật Thực ở phần Danh Pháp.

Lời nói rằng **“Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhānam)** tức là Sắc Pháp mà có Tâm Hữu Phần v.v. làm Xuất Sinh Xứ. Lời nói rằng **“(một Sắc Đại Hiện) mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ” (Āhārasamuṭṭhānam)** tức là có Đoàn Thực làm Xuất Sinh Xứ.

Lời nói rằng **“(là) Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhānam)** (từ ngữ cuối cùng trong điều 68) đó là “chỉ có Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện làm Xuất Sinh Xứ thôi”. Rằng theo thuận tự của Vật Thực trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ, Ngài khái thuyết Đoàn Thực là thứ nhất, tuy nhiên trong chỗ này nên hiểu biết rằng Ngài khái thuyết Vật Thực ở phần Danh Pháp trước, với mãnh lực điều thẩm vấn rằng **“Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện” (Kusalam dhammam)** v.v.

Ngay cả trong Quyền Lực Duyên, theo việc sắp đặt thuận tự Quyền Lực trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ, Ngài khái thuyết Nhân Quyền Lực v.v. trước, còn trong quan niệm này Ngài khái thuyết sự việc Vô Sắc Quyền Lực làm duyên trước, hữu quan với lời thẩm vấn đến Pháp ở phần Thiện v.v. Những Vô Sắc Quyền Lực ấy, nên chủ tâm lấy càng được bao nhiêu hay bấy nhiêu Vô Sắc Quyền Lực mà sẽ tìm thấy được trong các Pháp ấy, có Thiện v.v. Và ngay cả trong các Sắc Đại Hiện đã khởi sinh lên đối với các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, chỉ nên đặc biệt chủ tâm về Sắc Mạng Quyền Lực thôi.

Trong Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, có lời giải đáp tương tự với Nhân Duyên, vì lẽ ấy Ngài mới nói trong quan niệm này là “tương tự với Nhân Duyên”. Lời giải đáp trong Tương Ứng Duyên có chuẩn tắc tương tự Cảnh Duyên, do đó trong chỗ này, Ngài mới nói rằng “tương tự Cảnh Duyên”.

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Bất Tương Ứng Duyên. Lời nói rằng “**các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên**” (**Vatthum vippayuttapaccayā**) có nghĩa là “các Pháp nương nhờ Vật khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”, là vì Vật làm cho thành tựu sự tác thành Bất Tương Ứng Duyên. Lời nói rằng “**nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên**” (**Khandhe vippayuttapaccayā**) có nghĩa là “các Pháp nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”, là vì các Uẩn làm cho thành tựu sự tác thành Bất Tương Ứng Duyên. Lời nói rằng “**các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên**” (**Khandhā vatthum vippayuttapaccayā**) nghĩa lý là “các Uẩn nương nhờ Vật khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”, là vì Vật làm cho thành tựu sự tác thành Bất Tương Ứng Duyên. Lời nói rằng “**Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên**” (**Cittasamutṭhānam rūpam khandhe vippayuttapaccayā**) có nghĩa là “Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”, là vì các Uẩn làm cho thành tựu sự tác thành Bất Tương Ứng Duyên.

Ngay cả trong lời giải đáp còn lại, Bậc Hiền Trí nên liễu tri nghĩa lý theo Phần mà Ngài đề cập trong lời nói rằng “**nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên**” (**Vatthum vippayuttapaccayā**) v.v. Và với nghĩa từ “**Vật**” (**Vatthu**) trong Vô Ký Dị Thục Quả đây, Bậc Hiền Trí nên hội tập lấy Nhân v.v. Lời nói rằng “**một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên**” (**Ekam mahābhūtam**) là lời mở đầu Ngài đề cập khi khai thuyết rằng “Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký phía bên Sắc Pháp”. Lời nói rằng “**Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ (nương nhờ Sắc Đại Hiện)**” (**Cittasamutṭhānam**) có nghĩa là “thường có được Sắc Pháp mà có Tâm Vô Ký làm Xuất Sinh Xứ, và Sắc Pháp mà có Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện làm Xuất Sinh Xứ”. Trong Hiện Hữu Duyên, tất cả lời giải thích tiến hành theo Câu Sinh Duyên, vì lẽ ấy trong Duyên này Ngài nói rằng “tương tự với Câu Sinh Duyên”. Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên là cùng một đường lối với Cảnh Duyên. Bất Ly Duyên là cùng một đường lối với Câu Sinh Duyên, vì lẽ ấy trong Duyên ấy Ngài mới nói rằng “tương tự với Câu Sinh Duyên”.

Lời nói rằng “**Cả 23 Duyên này**” (**Ime tevīsati paccayā**) Ngài đề cập với mãnh lực Duyên mà Ngài đã khai thuyết giản lược. Lời nói rằng “**nên phân tích cho quảng nghĩa**” (**Vitthāretabbā**) có nghĩa là “bậc tu học nên giải thích cho quảng nghĩa với mãnh lực điều thâm vấn và lời giải đáp. Đây là sự miêu thuật nội dung trong việc giải đáp Tam Đề Thiện Giai Đoạn Liên Quan trong Phần Duyên Thuận Tòng có một căn nguyên được bắt đầu từ Nhân Duyên v.v.

GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN TÒNG DUYÊN (ADHIPĀYAPACCAYĀNULOMANAYA) (*)

[(*): Gọi theo tên gọi Bộ Chú Giải. Tạng Pāli chỉ gọi “**Anuloma – Thuận Tòng**”]

Bây giờ nhằm để sẽ khai thuyết sự giải đáp về thời kỳ trong từng mỗi một Duyên có Nhân Duyên v.v. với mãnh lực số lượng, Đức Thế Tôn mới bắt đầu truyền thụ rằng “**trong Nhân Duyên có chín thời kỳ**” (điều 76) v.v. Nên hiểu biết lời giải đáp trong nghĩa từ ấy. Lời

nói rằng **“trong Nhân Duyên có chín thời kỳ” (Hetuyā nava)** có nghĩa là “trong Nhân Duyên có chín thời kỳ của điều thẩm vấn và lời giải đáp. Là như thế nào ?” Đó là: “Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký”.

Lời nói rằng **“trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ” (Ārammaṇe tīṇi)** là Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký”. Lời nói rằng **“trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ” (Adhipati nava)** đích thị tương tự với điều đã nói trong Nhân Duyên. Ngài đã nói rằng “quả thực, trong 12 Duyên Ngài phân tích ra ở từng mỗi Duyên có chín thời kỳ. Điều thẩm vấn và lời giải đáp trong các Duyên đích thị tương tự với Nhân Duyên. Tuy nhiên trong Giai Đoạn Phân Tích thì có sai biệt xa cách nhau. Vì lẽ Sắc Pháp cũng vẫn có được trong việc giải đáp Câu Vô Ký trong Hồ Tương Duyên. Trong Tiền Sinh Duyên cũng tương tự. Trong Trùng Dục Duyên thì không có được Tâm Dị Thục Quả và Tâm Lộ Trình. Lời nói rằng **“trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ” (Vipāke ekam)** đích thị chính là Vô Ký với Vô Ký. Rằng khi theo giản lược, trong quan niệm này thì có việc quy định thời kỳ chỉ có ba thể loại thôi, đó là 9 - 3 - 1. Theo quảng nghĩa thì như thế này, đó là: Bộ Cửu có 12 Duyên, Bộ Tam có 10 Duyên và Bộ Nhất có một Duyên. Trong tất cả 23 Duyên có 139 thời kỳ, và lại là 139 điều thẩm vấn. Dù lời nói rằng “điều thẩm vấn và lời giải đáp” có 139 điều, đích thị cũng chỉ đích danh đến lời nói rằng có 139 thời kỳ. Khi Đức Phật khai thuyết pháp số trong Duyên có một căn nguyên, có Nhân Duyên v.v. như thế này, khi sẽ chủ tâm về số lượng theo Phần đã thuyết giáo, Đức Thế Tôn lập ý giản lược điều mà đã khai thuyết một cách quảng nghĩa. Khi đã khai thuyết xong Phần Duyên có một căn nguyên, nối tiếp theo đây, là khai thuyết trong Duyên có hai căn nguyên và khai thuyết số lượng thời kỳ, mới thuyết giáo lời nói rằng **“do bởi Nhân Duyên, trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ” (Hetupaccayā Ārammaṇe tīṇi)** v.v. (điều 77) trong Duyên có hai căn nguyên trước. Trong điều ấy, có phương thức quy định như thế này: Duyên có pháp số nhiều (là có nhiều thời kỳ) phối hợp với Duyên có pháp số không nhiều, thường thì có số lượng (thời kỳ) tương đương với số lượng không nhiều, vì lý do ấy Ngài mới nói rằng **“do bởi Nhân Duyên, trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ”** giải thích là “trong Nhị Đề Nhân – Cảnh chỉ có ba thời kỳ giải đáp được nói đến ở trong Cảnh thôi”. Còn Duyên có phương thức pháp số tương đương với nhau đem phối hợp với Duyên có phương thức pháp số tương đương với nhau, thường thì có số lượng tăng lên và hạ xuống, vì lý do ấy Ngài mới nói rằng **“do bởi Nhân Duyên, trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ”** (ở điều 76) giải thích là “trong Nhị Đề Nhân – Trưởng có được chín thời kỳ giải đáp. Lời nói rằng **“trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ” (Vipāke ekam)** có nghĩa là “trong Nhị Đề Nhân – Dị Thục Quả thường chỉ có một thời kỳ giải đáp được nói đến trong Dị Thục Quả thôi”. Bậc Hiền Trí nên liễu tri việc quy định thời kỳ trong Duyên có hai căn nguyên chỉ có bấy nhiêu đây trước, với trường hợp thế này.

Trong sự giải đáp ở Phần có ba căn nguyên v.v. cũng có phương thức quy định tương tự như thế này, vì lý do ấy mới nói rằng **“do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong**

Trưởng Duyên có ba thời kỳ” (Hetupaccayā Ārammaṇapaccayā Adhipati yā tīṇi) giải thích là “trong Tam Đề Nhân – Cảnh – Trưởng chỉ có lời giải đáp về ba thời kỳ được nói đến trong Cảnh thôi. Trong tất cả lời giải đáp về thời kỳ, Bậc Hiền Trí nên làm sáng tỏ thêm ở Phần ngoài ra như thế này.

Còn trong sự giải đáp ở Phần có 12 căn nguyên thường thì không có được Dị Thực Quả Duyên, vì lý do ấy Ngài mới nói rằng **“do bởi Trùng Dục Duyên, trong Nghiệp Lực có ba thời kỳ (Āsevanapaccayā Kamme tīṇi)** rồi nói rằng **“trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ” (Āhāre tīṇi)** v.v. không hề đề cập đến sự việc đi đến Dị Thực Quả. Ngay cả trong sự giải đáp ở Phần có 13 căn nguyên v.v. cũng có Phần tương tự. Thế nhưng trong chỗ này Ngài giản lược những Duyên ấy, rồi khái thuyết đến Duyên có 23 căn nguyên. Duyên có 23 căn nguyên ấy, Duyên ấy chia ra làm hai thể loại, một số chỗ có Trùng Dục Duyên, một số chỗ có Dị Thực Quả Duyên. Trong hai thể loại ấy, chỗ có Trùng Dục Duyên Ngài khái thuyết trước, và chỗ Duyên có Trùng Dục Duyên ấy thì chỉ có lời giải đáp về ba thời kỳ thôi, vì lẽ ấy Ngài mới nói rằng **“do bởi Trùng Dục Duyên trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ” (Āsevanapaccayā Avigate tīṇi)**. Còn chỗ Duyên có Dị Thực Quả Duyên (câu sinh với Dị Thực Quả Duyên) thường không có được Trùng Dục Duyên. Vì lẽ ấy, nhằm để sẽ loại bỏ Trùng Dục Duyên rồi khái thuyết số lượng với mãnh lực Dị Thực Quả Duyên, Ngài mới khái thuyết một Phần xen kẽ như vậy **“do bởi Nhân Duyên v.v. do bởi Dị Thực Quả Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ (Hetupaccayā v.v. Vipākapaccayā Āhāre ekam)** rồi sau đó khái thuyết 23 Căn Nguyên. Và tất cả hai nhóm Duyên có 23 căn nguyên đây, xác thực rằng “không có Dị Thực Quả Duyên trong một nhóm” và “không có Dị Thực Quả Duyên trong một nhóm, thế nhưng Hậu Sinh Duyên thì có được cả hai nhóm. Tuy nhiên Bậc Hiền Trí chỉ nên liễu tri 23 căn nguyên này với nghĩa từ bất khả tư nghị. Trong hai nhóm Duyên ấy, trong phía có Trùng Dục Duyên thì có được ba thời kỳ giải đáp với mãnh lực Trùng Dục Duyên, và trong phía có Dị Thực Quả Duyên thì có được một thời kỳ giải đáp với mãnh lực Dị Thực Quả Duyên. Đây là việc pháp số trong Duyên có một căn nguyên v.v. bắt đầu từ Nhân Duyên trở đi, với trường hợp như thế này.

Và cũng nghĩa từ này khi đi đến Cảnh Duyên, tiếp nối từ Nhân Căn Nguyên sẽ nói đến trong Phần Nhị Đề của ba Vấn Đề (**Pañhā**) (là ba thời kỳ), nghĩa từ ấy Ngài nói đến khi khái thuyết trong “Câu Nhị Đề Cảnh” ở cả trong phía Duyên có một căn nguyên và có hai căn nguyên v.v. bắt đầu từ Cảnh Duyên đi, và trong việc phối hợp lý giải Duyên còn lại cùng với Cảnh, bất luận chỗ nào có chín điều vấn đề thì chỗ ấy chỉ có ba điều vấn đề thôi. Còn trong Câu Dị Thực Quả, và trong việc phối hợp Duyên còn lại cùng với Câu Dị Thực Quả thì duy nhất chỉ có một điều vấn đề thôi. Bất luận nghĩa từ nào Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước, rằng “Duyên có phương thức pháp số nhiều hội tập với Duyên có phương thức pháp số không nhiều, thường thì có số lượng tương đương với Duyên không nhiều”, như vậy nghĩa từ ấy Bàn Đạo đã đề cập chính xác rồi.

Bấy giờ, nên khái thuyết Duyên có một căn nguyên duy nhất v.v. với mãnh lực Cảnh Duyên làm mở đầu. Trong các nhóm Duyên ấy, đối với Duyên có một căn nguyên, Ngài đã không có khái thuyết trong ước độ duy nhất một Duyên là tương tự với Duyên có một căn

nguyên đích thị chính Nhân Duyên. Và nhằm để sẽ khái thuyết số lượng trong Duyên có hai căn nguyên với mãnh lực Cảnh Duyên, Ngài mới nói rằng **“do bởi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ, trong Trường Duyên có ba thời kỳ, v.v., trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ”** (Ārammaṇapaccayā Hetuyā tīṇi Adhipatīyā tīṇi v.v. Avigate tīṇi). Và trong quan niệm này khi Ngài đáng lẽ nói rằng “do bởi Cảnh Duyên trong Trường Duyên có ba thời kỳ, v.v., trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ”, Ngài cũng đã sắp đặt Nhân Duyên ở ngay phía trước Cảnh Duyên lại ở phía sau, rồi nói rằng **“do bởi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ”** (Ārammaṇapaccayā Hetuyā tīṇi) nhằm để khái thuyết Duyên có nhiều phương thức pháp số, có Nhân Duyên v.v. và tìm kiếm phương thức pháp số trong việc tỷ giáo các nhóm Duyên ấy, Duyên có phương thức pháp số ít hơn hoặc tương đương với nhau. Nghĩa từ này thường minh hiển với lý giải ấy. Thế theo Nhị Đề và Tam Đề, Cảnh Duyên thường đi đến sự sai biệt vì phương thức pháp số nhiều hơn hoặc tương đương với bất luận Duyên nào trong các Duyên ấy. Nên hiểu biết rằng chỉ có ba điều vấn đề và lời giải đáp thôi. Còn trong việc tỷ giáo với Dị Thục Quả Duyên thường thì chỉ có được một điều thẩm vấn và lời giải đáp thôi. Điều ấy Ngài không có khái thuyết để ở trong quan niệm này, sẽ rõ ràng trong pháp số hữu quan với Dị Thục Quả Duyên v.v. và pháp số chính là Ngài khái thuyết để ở trong Duyên có hai căn nguyên, và lại phương thức pháp số trong Duyên có ba Căn Nguyên v.v. vì lẽ ấy Duyên có ba căn nguyên v.v. Ngài mới không giải thích một cách quảng nghĩa với mãnh lực Cảnh Duyên.

Bấy giờ, Ngài nói lời này chẳng hạn **“do bởi Trường Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ”** (Adhipatipaccayā Hetuyā nava) nhằm để sẽ khái thuyết phương thức pháp số trong Duyên có hai căn nguyên v.v. với mãnh lực Trường Duyên v.v. Nên hiểu biết hiển minh Duyên theo Phần mà đích thị Bản Đạo đã đề cập trong Nhân Duyên. Cũng vì Trường Duyên (làm căn nguyên) trong Nhân Duyên có chín điều thẩm vấn và lời giải đáp như thế nào, thì trong Duyên còn lại có phương thức pháp số tương đương với Nhân Duyên cũng có chín điều như thế ấy. Như vậy đã có được giải thích trong việc tỷ giáo Duyên có phương thức pháp số tương đương với Duyên hiện hữu trong thuận tự đầu tiên. Pháp số thường có với mãnh lực Duyên hiện hữu trong thuận tự đầu tiên. Bậc tu học nên hiểu biết “và trong việc tỷ giáo Duyên có pháp số ít hơn với Duyên làm chủ vị ấy, pháp số thường có với mãnh lực Duyên có pháp số ít hơn”. Bậc Hiền Trí lý giải Duyên có ba căn nguyên v.v. cho quảng nghĩa với mãnh lực Cảnh Duyên như thế nào, thì sẽ lý giải chẳng hạn với mãnh lực Trường Duyên hay là Vô Giáns Duyên v.v. hoặc là Duyên nào khác, có được tương tự như thế ấy, vì lẽ ấy trong các Duyên nên cho thành tựu với mãnh lực phương thức pháp số mà Ngài đã khái thuyết trong Duyên có hai căn nguyên. Chính vì lý do ấy, Ngài mới nói rằng **“Nên thực hiện từng mỗi một Duyên cho làm căn nguyên, và rồi tính đếm theo phương thức đã được trần thuật như vậy”**.

Kết Thúc Giải Thích Phần Thuận Tùng Duyên

PHẢN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[87] 1. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử, nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, ở phần Vô Ký Duy Tác và ở phần Vô Nhân khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[88] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. 2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên...

Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

4. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[89] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiệt Xuất Sinh Xứ...

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Tướng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[90] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Vô Giác Duyên...do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Là Phi Vô Giác Duyên hay là Phi Đăng Vô Giác Duyên (trình bày được năm thời kỳ) tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[91] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Hồ Tương Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Hồ Tương Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Hồ Tương Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện ở ngoại phần khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện mà có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện mà có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

4. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Hồ Tương Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Hồ Tương Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[92] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cận Y Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cận Y Duyên (trình bày được năm thời kỳ) tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[93] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

4. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

6. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[94] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v.

[95] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Là Phi Hậu Sinh Duyên hay là Phi Trùng Dục Duyên (trình bày được chín thời kỳ) tương tự với Phi Trưởng Duyên.

[96] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Duy Tác nương nhờ các Uẩn ở phần Pháp Vô Ký khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện ở phần Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Y Sinh nương nhờ các sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[97] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, có ba thời kỳ.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

8. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

9. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[98] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thục Duyên, tức là Sắc Ngoại Phần...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[99] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên, tức là Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện ở phần Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên, v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[100] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Thiên Na Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành với Ngũ Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[101] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác và ở phần Vô Nhân khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở

phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện, v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[102] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ tất cả Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Duyên này trình bày được năm thời kỳ tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[103] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[104] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên...do bởi Phi Ly Khứ Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Hai Duyên này trình bày được năm thời kỳ và tương tự với Phi Cảnh Duyên.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

[105] Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[106] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời

kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[107] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hỷ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[108] Do bởi Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Giác Duyên, Phi Đẳng Vô Giác Duyên, Phi Hỷ Tương Duyên, Phi Cận Y Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dục Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Vật Thục Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiên Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Tương Ứng Duyên, Phi Bất Tương Ứng Duyên, Phi Vô Hữu Duyên trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phi Nhân Căn Nguyên

[109] Do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỷ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[110] Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ... trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ, trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[111] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác

Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[112] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[113] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[114] Do bởi Phi Vô Giác Duyên...do bởi Phi Vô Giác Duyên...do bởi Phi Hổ Tương Duyên...do bởi Phi Cận Y Duyên...trình bày tương tự với Phi Cảnh Duyên (xem điều 109 – 110).

[115] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[116] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền

Lục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[117] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[118] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[119] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[120] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[121] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất

Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[122] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[123] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[124] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[125] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[126] Do bởi Phi Vật Thục Duyên...do bởi Phi Quyền Lực Duyên...do bởi Phi Thiền Na Duyên...do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[127] Do bởi Phi Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên...Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[128] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[129] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[130] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[131] Do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ, Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.

[132] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

GIẢI THÍCH PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

Và sự giải đáp trong Phần Đối Nghịch Duyên (Duyên Đối Nghịch) thường không có Câu Thiện do đã loại trừ Nhân Duyên, Pháp Thiện không khởi sinh lên được, vì thế Đức Thế Tôn mới lập ý bắt đầu với lời nói rằng “**(Pháp Bất Thiện) nương nhờ Pháp Bất Thiện**” (**Akusalam dhammam paṭicca**) là lời mở đầu (ở điều 87). Tất cả những nghĩa từ ấy, lời nói

rằng **“do bởi Phi Nhân Duyên” (NaHetupaccayā)** là việc phủ định Nhân Duyên. Giải thích rằng “loại trừ Nhân Duyên cũng vẫn khởi sinh lên được do bởi Duyên khác”. Quả thực, Nhân ấy là Si câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử, tự tác thành Nhân Duyên đối với Pháp tương ưng và đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Thế nhưng vì không có Nhân khác tương ưng mới gọi là “không khởi sinh do bởi Nhân Duyên”, vì lẽ ấy loại trừ Nhân Duyên đi, Tâm căn Si cũng khởi sinh lên được do bởi Duyên còn lại thích hợp với mình. Trong các Pháp tương phản, Bậc Hiền Trí nên liễu tri nghĩa lý theo Phần này. Lời này nói rằng **“Vô Ký Di Thục Quả ở phần Vô Nhân” (Ahetukam vipākābyākatam)** nên hiểu biết với mãnh lực Tâm vẫn làm cho Sắc Pháp khởi sinh lên, ngay cả ở trong Câu cùng thể loại cũng có Phần này tương tự.

Trong Trưởng Duyên, ngay cả Pháp Trưởng sẽ bắt tác thành Trưởng Duyên vì xác thực không có Pháp Trưởng thứ hai câu sinh với mình, nhưng Pháp Trưởng sẽ bắt tác thành Pháp Trưởng tương tự Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử cũng bắt tác thành Vô Nhân. Và trong thời gian Pháp Thiện v.v. không thực hiện Dục v.v. cho tác thành Trưởng khởi sinh lên thì các Pháp Thiện v.v. bắt tác thành Trưởng, vì lẽ ấy với lời thuyết giáo chẳng hạn như **“ba Uẩn nương nhờ một Uẩn” (Ekam khandham paṭicca tayo khandhā)** đây, nên hiểu biết rằng Đức Phật lập ý thực hiện với mãnh lực thuyết giáo có việc hội tập các Pháp Trưởng, chẳng phải nêu lên chỉ để phân cách Pháp Trưởng với nhau tương tự như Si.

Trong Phi Vô Giác Duyên và Phi Đẳng Vô Giác Duyên, chỉ có Sắc Pháp tác thành Sở Duyên tương tự trong Phi Cảnh Duyên. Vì lý do ấy, Ngài mới nói rằng **“tương tự với Phi Cảnh Duyên” (NaĀrammaṇapaccayasadisam)**. Câu Sinh Duyên hoàn toàn biến mất đi. Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên cũng hoàn toàn biến mất đi tương tự Câu Sinh Duyên. Vì lý do nào ? Bởi vì các nhóm Duyên này không có chi làm sinh ly phân cách với nhau. Quả thực, vì việc khước từ Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, hơn nữa Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp cũng không khởi sinh lên được, vì lẽ ấy, các nhóm Duyên ấy mới giảm bớt đi.

Trong việc phân tích Phi Hổ Tương Duyên, nên hiểu biết việc loại trừ Sắc Tâm Cơ với lời nói rằng **“Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Di Thục Quả khởi sinh lên”**.

Chỉ có Sắc Pháp tác thành Sở Duyên trong việc phân tích Phi Cận Y Duyên, vì Sắc Pháp bắt tác thành Cận Y Duyên. Còn xác thực là Vô Sắc Pháp bắt tác thành Cảnh Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên, thế nhưng cũng không thoát khỏi Vô Giác Cận Y Năng Duyên được. Vì lý do ấy Ngài mới nói rằng **“tương tự với Phi Cảnh Duyên” (NaĀrammaṇapaccayasadisam)**.

Trong Phi Tiền Sinh Duyên, lời nói rằng **“Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ” (Cittasamuṭṭhā nam rūpam)** Ngài đề cập với mãnh lực Cõi Ngũ Uẩn.

Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên thường đi đến việc tập hợp vào trong lời nói này **“do bởi Phi Hậu Sinh Duyên” (NaPacchājātapaccayā)** vì lẽ ấy Tạng Pāli trong nghĩa từ này mới tương tự với Câu Sinh Duyên. Và Tạng Pāli ấy cũng đã xiển minh một cách quảng nghĩa ở trong Trưởng Duyên, vì thế trong chỗ này mới giản lược lại. Phi Trùng Dụng Duyên, nên hiểu biết với khả năng Đồng Lực thứ nhất (**Paṭhamajavana**) bên phía Thiện và Bất Thiện. Vô

Ký Duy Tác cũng tương tự. Ngay cả trong quan niệm này cũng nên hiểu biết Tạng **Pāli** với mãnh lực nghĩa từ mà Ngài đã làm cho quảng nghĩa trong Phi Trưởng Duyên. Vì thế, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“Là Phi Hậu Sinh Duyên hay là Phi Trùng Dục Duyên cũng tương tự với Phi Trưởng Duyên” (NaPacchājātapaccayampi NaĀsevana paccayampi Nāhipatipaccayasadisam)** như thế này (Tạng **Pāli** điều 95).

Trong Phi Nghiệp Lực Duyên, không chủ tâm về Tư Tâm Sở Dị Thục Quả (**Vipāka cetanā**) rằng được Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

Trong Phi Vật Thục Duyên đặc biệt chỉ có một số Sắc Pháp tác thành Sở Duyên. Trong Phi Quyền Lực Duyên cũng tương tự. Trong Phi Thiền Na Duyên có Pháp Ngũ Song Thức (**Dvipañcaviññāṇadhamma**) và một số Sắc Pháp tác thành Sở Duyên. Quả thực, trong Tư Tâm Sở Ngũ Song Thức (**Pañcaviññāṇacetanā**) và Nhất Tâm (**Cittaekaggatā**) thường không đi đến trạng thái việc hòa hợp thẩm thị Cảnh vì có năng lực suy bại, do đó các nhóm Pháp ấy, Ngài mới không chủ tâm vào trong Thiền Na Duyên.

Trong Phi Đồ Đạo Duyên có Dị Thục Quả và Duy Tác Vô Nhân và một số Sắc Pháp tác thành Sở Duyên. Chỉ có Sắc Pháp tác thành Sở Duyên trong Phi Tương Ứng Duyên, trong Phi Vô Hữu Duyên và trong Phi Ly Khứ Duyên. Vì lý do ấy, Ngài mới nói rằng **“tương tự với Phi Cảnh Duyên” (NaĀrammaṇapaccayasadisam)** (ở cuối điều 102).

Lời nói rằng **“trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ (NaHetuyā dve)** là cho tiến hành pháp số theo Tạng **Pāli** ở trong pháp số trong Phần Nhất Căn Nguyên.

Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Phần Nhị Căn Nguyên. Trong lời nói này **“do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ” (NaHetupaccayā Nārammaṇe ekam)** (Tạng **Pāli** điều 106) giải thích rằng “với mãnh lực Duyên được tính đếm ít hơn trong việc tỷ giao pháp số được ít hơn với Duyên tính đếm được nhiều, nên có được hai Duyên tương tự trong Phi Nhân Duyên một cách xác thực”, ngay khi là như thế ấy thì lời nói rằng **“một” (Ekam)** Ngài ngụ ý đề cập đến Vô Ký Sắc Pháp (**Rūpābyākata**) khởi sinh lên bởi do nương nhờ Vô Ký, vì bỏ đi Vô Sắc Pháp với mãnh lực Phi Cảnh Duyên. Ngay cả trong từng mỗi một Duyên cũng có Phần này tương tự. Bậc Hiền Trí nên liễu tri “hai thời kỳ” đã hữu quan ở trong chỗ Phi Nhân Duyên mà Ngài đã có đề cập là **“hai” (Dve)**.

Và trong các Duyên có ba Căn Nguyên v.v. có sự giải đáp về thời kỳ đồng nhất như nhau, vì bỏ đi Phi Cảnh Duyên. Đây là việc tính toán trong Duyên có hai Căn Nguyên v.v. bắt đầu từ Phi Nhân Duyên trong Phần Đối Nghịch Duyên.

Còn Phi Cảnh Duyên lại không có trình bày ở trong chỗ này bởi vì đích thị tương tự trong Phần Nhất Căn Nguyên trước đó v.v.

Lời nói rằng **“do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ” (Nārammaṇapaccayā NaHetuyā ekam)** trong Phần Nhị Căn Nguyên, đích thị là Đức Thế Tôn đã thuyết giáo đề ở trong “Phần Phi Nhân Nhị Căn Nguyên” (**NaHetudukamūlanaya**) với khả năng Phi Cảnh Duyên. Lời nói rằng **“trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ” (Nāhipatīyā pañca)** nên hiểu biết với mãnh lực của việc có được trong Phi Cảnh Duyên. Trong việc tỷ giao các Duyên thì nên hiểu biết số lượng với mãnh lực Duyên tính đếm được ít hơn. Trong Duyên mà có Phi Cảnh Duyên đã tương hợp, chỉ có Sắc Pháp tác thành Sở Duyên.

Ngay cả khi đã tương hợp vị trí Phi Vô Giác Duyên, Phi Đẳng Vô Giác Duyên, Phi Hổ Tương Duyên, Phi Cận Y Duyên, Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Tương Ứng Duyên, Phi Vô Hữu Duyên, Phi Ly Khứ Duyên cũng có Phần này tương tự. Những Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiền Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên cũng có sự giải đáp tương tự. Ngay cả trong quan niệm này, bốn nhóm Duyên có Phi Câu Sinh Duyên v.v. cũng bỏ đi tương tự. Đây là trạng thái (phương thức quy định) trong điều này. Cũng với trạng thái này, Bạc Hiền Trí quy định các Duyên ấy rằng “trong các Duyên có hai căn nguyên v.v.”, “Duyên này là một căn nguyên trong các nhóm Duyên này”, “Duyên này là hai căn nguyên, Duyên này là ba căn nguyên, Duyên này là Tổng Căn Nguyên” như thế này, xong rồi nên hiểu biết việc tính toán với mãnh lực Duyên tính đếm được ít hơn, như thể thức này.

Kết Thúc Giải Thích Phần Đối Nghịch Duyên

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (*)

[(*)]: Từ ngữ này sử dụng theo chủ đề ở Tạng **Pāli** quyển thứ 40, sử dụng nghĩa từ là “Việc Toán Thuật Phần Thuận – Nghịch Duyên” (**Anulomapaccanīyagaṇanā**). Bộ Chú Giải thì sử dụng từ ngữ là “Phần Thuận – Nghịch Duyên”]

[133] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[134] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[135] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[136] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chi Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[137] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[138] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[139] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[140] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[141] Do bởi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[142] Do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Ba thời kỳ có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên nên làm cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[143] Do bởi Trưởng Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hối Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[144] Do bởi Trưởng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Cả Vô Giác Duyên và Đăng Vô Giác Duyên nên làm cho quảng nghĩa tương tự thể loại Cảnh Duyên.

[145] Do bởi Câu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[146] Do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[147] Do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Năm thời kỳ có Câu Sinh Duyên làm Căn Nguyên tương tự với thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[148] Do bởi Hổ Tương Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[149] Do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[150] Do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Hổ Tương Duyên làm Căn Nguyên trình bày tương tự với thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[151] Do bởi Y Chỉ Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Y Chỉ Duyên làm Căn Nguyên trình bày tương tự thể loại thời kỳ có Câu Sinh Duyên làm Căn Nguyên.

Do bởi Cận Y Duyên làm Căn Nguyên trình bày tương tự thể loại thời kỳ có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên.

[152] Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[153] Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Tiền Sinh Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[154] Do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[155] Do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Trùng Dục Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự với thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[156] Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[157] Do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[158] Do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Nghiệp Lực Duyên làm Căn Nguyên trình bày tương tự với thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[159] Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[160] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi

Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[161] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ.

[162] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ.

[163] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Gian Duyên, do bởi Đẳng Vô Gian Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiên Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[164] Do bởi Vật Thục Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[165] Do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[166] Do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Vật Thực Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[167] Do bởi Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ có năm thời kỳ.

[168] Do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[169] Do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Quyền Lực Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[170] Do bởi Thiền Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[171] Do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi

Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[172] Do bởi Thiên Na Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Thiên Na Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[173] Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[174] Do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[175] Do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Đồ Đạo Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[176] Do bởi Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[177] Do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Tương Ứng Duyên làm Căn Nguyên tương tự với thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[178] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[179] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[180] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[181] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[182] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[183] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[184] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[185] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[186] Do bởi Hiện Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[187] Do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[188] Do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Hiện Hữu Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[189] Do bởi Vô Hữu Duyên..v.v...do bởi Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Thời kỳ có Vô Hữu Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên.

[190] Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[191] Do bởi Bất Ly Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Thời kỳ có Bất Ly Duyên làm căn nguyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm căn nguyên.

Kết Thúc Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên

GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lập ý bắt đầu với lời nói rằng **“do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ” (Hetupaccayā Nārammaṇepañña)** như thế này v.v. (ở phần đầu điều 133) nhằm để sẽ khái thuyết pháp số ở trong Phần Thuận - Nghịch. Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong nghĩa từ ấy. Tám nhóm Duyên này, đó là: bốn Duyên có Câu Sinh Duyên v.v. đã vào được Nhị Đề và bốn Duyên nữa, đó là: Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, thường bất hữu quan đến sự việc tác thành “Đối Nghịch” trong Nhân Duyên, Trường Duyên, Đồ Đạo Duyên đặt ở vị trí theo sự việc “Thuận Tòng” (theo thuận tự). Quả thực, một khi Pháp sẽ khởi sinh lên với mãnh lực Nhân Duyên v.v. gọi là “sẽ thường luôn có được tám Duyên này”. Thế nhưng khi Cảnh Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Tương Ứng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên đặt ở vị trí theo sự việc “Thuận Tòng” thường không có được Duyên phù trợ trong phương vị danh nghĩa tác thành “Đối Nghịch”. Bởi vì Vô Giác Duyên v.v. thường không thể không khởi sinh từ nơi Cảnh Duyên được (do bởi hữu quan đến Phần “Đối Nghịch”). Còn bốn Duyên phù trợ trong các vị trí, thường bất hữu quan đến sự việc “Đối Nghịch” trong Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu

Duyên và Bát Ly Duyên đặt ở vị trí theo sự việc “Thuận Tùng” với nhau. Bởi vì một khi Pháp khởi sinh lên với mãnh lực các nhóm Duyên này thường sẽ không thể không có Duyên phù trợ trong các vị trí. Hậu Sinh Duyên không được đặt tác thành sự việc “Thuận Tùng”. Bậc Hiền Trí quy định Duyên có được và không có được trong các Duyên còn lại đặt ở vị trí theo sự việc “Thuận Tùng” với nhau, xong rồi nên liễu tri phương thức pháp số với mãnh lực Duyên được tính đếm ít hơn trong việc tỷ giao các Duyên ấy trong Phần có hai căn nguyên v.v.

Kết Thúc Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[192] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bát Ly Duyên có hai thời kỳ.

[193] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bát Ly Duyên có một thời kỳ.

[194] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bát Ly Duyên có một thời kỳ. (Trong mỗi Duyên có một thời kỳ)

[195] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên (các Duyên cho đến Phi Trùng Dục Duyên tương tự với nhau, thế nhưng khi đếm Phi Nghiệp Lực Duyên vào thì có năm thời kỳ)...Phi Nghiệp Lực Duyên trong

Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[196] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[197] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[198] Do bởi Phi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[199] Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Thời kỳ có Phi Cảnh Duyên làm Căn Nguyên trình bày tương tự với thời kỳ có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[200] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ.

Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[201] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[202] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Trưởng Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá bốn Duyên, Ngài lại giản lược không khai thuyết.

[203] Do bởi Phi Vô Giác Duyên...do bởi Phi Đẳng Vô Giác Duyên...do bởi Phi Hổ Tương Duyên...do bởi Phi Cận Y Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[204] Do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Cận Y Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá hai Duyên, Ngài lại giản lược không khai thuyết.

[205] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có

ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[206] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[207] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Tiền Sinh Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khảo thuyết.

[208] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[209] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong

Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[210] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hồ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Hậu Sinh Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[211] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hồ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[212] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hồ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[213] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hồ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Trùng Dụng Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khai thuyết.

[214] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[215] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[216] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Nghiệp Lực Căn Nguyên có Nghịch Duyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khai thuyết.

[217] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[218] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.

kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[219] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Dị Thục Quả Căn Nguyên có Nghịch Duyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[220] Do bởi Phi Vật Thực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Vật Thực Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên kể từ hai Duyên trở lên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[221] Do bởi Phi Quyền Lực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Quyền Lực Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên kể từ hai Duyên trở lên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[222] Do bởi Phi Thiền Na Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Thiền Na Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá một Duyên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[223] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên

có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[224] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Đồ Đạo Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[225] Do bởi Phi Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[226] Do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Tương Ứng Duyên Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá hai Duyên, Ngài lại giản lược không khái thuyết.

[227] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[228] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[229] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Trong Phi Bất Tương Ứng Căn Nguyên có Nghịch Duyên làm Căn Nguyên vượt quá ba Duyên, Ngài lại giản lược không khai thuyết.

[230] Do bởi Phi Vô Hữu Duyên... do bởi Phi Ly Khứ Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[231] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[232] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[233] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên. Lại giản lược.

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[234] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên. Lại giản lược.

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chi Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[235] Do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên. Lại giản lược.

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiên Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chi Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên

GIẢI THÍCH PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

Bây giờ, Đức Thế Tôn lập ý bắt đầu với lời nói rằng “**do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ**” (**NaHetupaccayā Ārammaṇe dve**) v.v. (Tạng Pāli điều 192) nhằm để khai thuyết pháp số trong Phần Nghịch – Thuận Duyên. Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên ấy, loại trừ Trưởng Duyên thì Duyên còn lại thường được tác thành “Thuận Tòng” trong Nhân Duyên đặt ở vị trí theo sự việc hữu quan với “Đối Nghịch”. Duy nhưt chỉ còn có Hậu Sinh Duyên là thường không được tác thành “Thuận Tòng” trong các Duyên. Những chín Duyên nào mà Ngài đã đề cập chỉ thuộc về Vô Sắc Pháp, với Duyên đặt ở trong vị trí phương vị danh nghĩa thường không được tác thành “Thuận Tòng” trong bảy Duyên còn lại, loại trừ Tiền Sinh Duyên và Trùng Dục Duyên đặt ở vị trí tác thành “Đối Nghịch”. Quả thực, Pháp không khởi sinh từ nơi Cảnh Duyên v.v. thường không được Vô Giác Duyên v.v. Và Dị Thục Quả Tái Tục và các Dị Thục Quả từ nơi Tiền Sinh Duyên, ngay cả sẽ không khởi sinh từ nơi Trùng Dục với Vô Ký Ý Giới (**Kiriyāmanodhātu**) cũng thường được Vô Giác Duyên v.v. Vì lẽ ấy, Bản Đạo mới nói rằng “loại trừ Tiền Sinh Duyên và Trùng Dục Duyên” là như vậy.

Loại trừ Bất Ly Duyên, Duyên còn lại thường được tác thành “Thuận Tòng” trong Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên đặt ở vị trí theo sự việc tác thành “Đối Nghịch”. Loại trừ Dị Thục Quả Duyên đi, Duyên còn lại thường được tác thành “Thuận Tòng” trong Nghiệp Lực Duyên đặt ở vị trí theo sự việc tác thành “Đối Nghịch”. Loại trừ Duyên phù trợ ở trong tất cả mọi nơi, và Hỗ Tương Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên còn lại thường không được tác thành theo sự việc “Thuận Tòng” trong Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên đặt ở vị trí tác thành “Đối Nghịch”. Duyên ngoài ra đây thường có được với mãnh lực thích hợp – Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Trùng Dục Duyên và Đồ Đạo Duyên thường không được tác thành sự việc “Thuận Tòng” trong Thiên Na Duyên đặt ở vị trí tác thành “Đối Nghịch”. Trong Đồ Đạo Duyên đặt ở vị trí tác thành “Đối Nghịch” thường không có được Nhân Duyên và Trưởng Duyên tác thành sự việc “Thuận Tòng”. Trong Bất Tương Ứng Duyên đặt ở vị trí tác thành

“Đối Nghịch”, loại trừ Tiền Sinh Duyên, thường có được Duyên còn lại tác thành sự việc “Thuận Tùng”. Bậc Hiền Trí khi liễu tri Duyên không có được tác thành “Thuận Tùng” trong các nhóm Duyên ấy đặt ở vị trí tác thành “Đối Nghịch” như thế này xong rồi, thì nên liễu tri phương thức pháp số với mãnh lực pháp số Duyên được ít hơn trong việc tỷ giáo với các nhóm Duyên ấy.

Các Mẫu Đề, có bất luận Mẫu Đề Nhị (**Dukamātikā**) nào v.v. mà Ngài đã khái thuyết bắt đầu từ bất luận Duyên nào trong tất cả Phần có Phần Nhị Căn Nguyên v.v. các Mẫu Đề Nhị ấy Ngài đã khái thuyết thể theo bất luận phương thức nào với mãnh lực Duyên ở phần có được và không có được, Bậc Hiền Trí nên quy định Mẫu Đề Nhị v.v. ấy cho thật tốt đẹp thể theo các phương thức ấy. Nên hiểu biết thẩm định trong nghĩa từ ấy, khi Đức Thế Tôn sẽ khái thuyết Phần có Nhị Căn Nguyên v.v. với mãnh lực Phi Nhân Duyên rồi mới thuyết giáo rằng **“do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Phi Trùng Dụng Duyên” (NaHetupaccayā Nārammaṇapaccayā v.v. Nāsevanapaccayā)** như thế này, tất cả những lời giải thích đều y như nhau cho đến Phi Trùng Dụng Duyên, nên hiểu biết sự tương tự nghĩa từ ấy với lời nói rằng **“do bởi Phi Hổ Tương Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ” (NaAññaṃaṇṇapaccayā Sahajāte ekam)**. Nghĩa từ nào Ngài viết trong ngôn ngữ **Singhalese** (Tích Lan) Bậc Chú Giải thường tập hợp lại tính toán lấy được năm Duyên trong Phi Nghiệp Lực Duyên thì nên hiểu biết nội dung chủ yếu nghĩa từ ấy như thế này “năm Duyên bắt đầu kể từ Phi Nhân Duyên mà Ngài đã khái thuyết là như vậy”. Bậc Hiền Trí thường có được lời giải đáp về thời kỳ thứ nhất trong Câu Sinh Duyên, chỗ nối tiếp với Phi Nghiệp Lực Duyên như thế này **“do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên” (NaKammapaccayā)** như thế này, thường được tác thành “Thuận Tùng” và Duyên khác thì không được. Trong vị trí khác ở dạng thức này, Bậc Hiền Trí không nên chủ tâm về hình thái (**Byañjana**), chỉ nên chủ tâm về nội dung nhu yếu thôi. Quả thực, kiểu loại hình thái ấy bậc Cổ Đức viết bằng ngôn ngữ **Magadha** nhằm để sáng tác theo ký ức của mình.

Hơn nữa, ngay cả trong các Pháp Sở Duyên ở Phần Nghịch – Thuận đây, Pháp Hiện Hữu (**Atthidhamma**) là Hiện Hữu Duyên (**Atthipaccaya**) thường có được Nghiệp Lực Duyên, thể nhưng không có được Quyền Lực Duyên thì Pháp Hiện Hữu ấy nên hiểu biết với mãnh lực Sắc Mạng Quyền Lực trong Hữu Tình Vô Tướng. Và trong Cõi Ngũ Uẩn vào Thời Kỳ Chuyển Khởi thì Pháp Hiện Hữu thường có được Đồ Đạo Duyên, thể nhưng không có được Nhân Duyên thì Pháp Hiện Hữu ấy nên hiểu biết với mãnh lực Si câu hành hoài nghi và câu hành trạo cử. Pháp Hiện Hữu thường có được Thiên Na Duyên, thể nhưng không có được Đồ Đạo Duyên thì Pháp Hiện Hữu ấy nên hiểu biết với mãnh lực Ý Giới và Ý Thức Giới Vô Nhân. Tất cả sự việc có được và sự việc không có được trong Hiện Hữu Duyên ấy, thì Sắc Tái Tục (Sắc Nghiệp) thường chỉ có được Nghiệp Lực Duyên với mãnh lực Nghiệp Lực hiện hành trong những sát na sai biệt thôi. Trong các nhóm Duyên ấy, Sắc Pháp thường không có được Nhân Duyên, Trường Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiên Na Duyên và Đồ Đạo Duyên. Duyên đã vào được Nhị Đề mà không có “Đối Nghịch” thì trong Tâm Vô Nhân thường không hề có Trường Duyên. Trong quan niệm này, Bậc Hiền Trí nên liễu tri một cách bất môn muội về việc tính toán thời kỳ với mãnh lực nhóm hỗn hợp linh tinh này.

Trong điều ấy có Phần như tiếp theo đây “chỉ có Si Vô Nhân (**Ahetukamoha**) và Dị Thục Quả và Duy Tác Vô Nhân (**Ahetukavipāka**) tác thành Pháp Sở Duyên trong Tạng **Pāli** như thế này “do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ” (**NaHetu paccayā Ārammaṇe dve**) vì lẽ ấy, lời nói rằng “có hai thời kỳ” trong quan niệm này Ngài mới định lấy Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký. Ngay cả trong nghĩa từ còn lại cũng có Phần này tương tự. Còn trong Trùng Dụng Duyên thường không có được Ý Giới Dị Thục Quả và Vô Ký, vì lẽ ấy trong chỗ này lời nói rằng “**Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký**” (**Abyākatatenābyākatam**) Bậc Hiền Trí nên liễu tri với mãnh lực Ý Thức Giới Vô Nhân bên phía Duy Tác. Lời nói rằng “**trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ**” (**Vipāke ekam**) đích thị là Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký. Lời nói rằng “**trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ**” (**Magge ekam**) đó là Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện.

Lời nói rằng “**trong Nhân Duyên có năm thời kỳ**” (**Hetuyā pañca**) trong Phần Phi Cảnh Căn Nguyên Ngài nói định lấy chỉ Sắc Pháp thôi. Quả thực, Sắc Pháp ấy thường khởi sinh do nương nhờ năm Phần, đó là: Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký, Pháp Thiện với Pháp Vô Ký và Pháp Bất Thiện với Pháp Vô Ký. Ngay cả trong các Bộ Ngũ (**Pañcaka**) cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng “**trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ**” (**Aññamaññe ekam**) Ngài nói định lấy Sắc Đại Hiện với Sắc Vật. Quả thực, những thể loại Sắc Pháp ấy thường khởi sinh do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên. Ngay cả trong Phần Tam Căn Nguyên cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng “**trong Nhân Duyên có chín thời kỳ**” (**Hetuyā nava**) trong Phần Phi Trường Căn Nguyên Ngài đã đề cập đến trong Phần Thuận Nhân Duyên. Ngay cả lời nói rằng “**ba**” (**Tīṇi**) v.v. cũng tương tự với nghĩa từ đã đề cập đến ở Phần Thuận trong thời gian trước. Trong Phần Tam Căn Nguyên, lời nói rằng “**hai thời kỳ**” (**dve**) tương tự với nghĩa từ đã đề cập đến trong Cảnh Duyên do bởi Phi Nhân Duyên trong thời gian trước.

Trong Phần Phi Tiền Sinh Căn Nguyên, lời nói rằng “**trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ**” (**Hetuyā satta**) Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết trong Phi Tiền Sinh Duyên ở thời gian trước theo Phần có lời chẳng hạn như “**ba Uẩn nương nhờ một Uẩn trong Vô Sắc Địa Giới**” (**Āruppe kusalam ekam khandham paṭicca**). Ngay cả trong các Hữu Tình Vô Tướng cũng có Phần này. Trong Phần Phi Nghiệp Lực Căn Nguyên, trong lời nói rằng “**trong Nhân Duyên có ba thời kỳ**” (**Hetuyā tīṇi**) Ngài mới nói định lấy việc khởi sinh lên do bởi nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký. Theo Phần này, Bậc Hiền Trí nên liễu tri phương thức pháp số số lượng thời kỳ trong trạng thái đạt đến 1 – 2 – 3 – 5 – 7 – 9, còn ba phương thức pháp số số lượng khác nữa, đó là 4 – 6 – 8 thì không hề có những thể loại này.

Kết Thúc Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giải Thích Xiển Minh Nội Dung Giai Đoạn Liên Quan
Kết Thúc Xiển Minh Giai Đoạn Liên Quan

-----00000-----

GIẢI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)
PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

[236] 1. Pháp Thiện câu sinh với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn ở phần Thiện, một Uẩn câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn câu sinh với hai Uẩn.

2. Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với các Uẩn ở phần Thiện.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với một Uẩn ở phần Thiện, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với hai Uẩn.

[237] 4. Pháp Bất Thiện câu sinh với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn ở phần Bất Thiện, một Uẩn câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn câu sinh với hai Uẩn.

5. Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với các Uẩn ở phần Bất Thiện.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với một Uẩn ở phần Bất Thiện, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với hai Uẩn.

[238] 7. Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, một Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ câu sinh với các Uẩn. Các Uẩn câu sinh với Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiện câu sinh với một Sắc Đại Hiện, một Sắc Đại Hiện câu sinh với ba Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện câu sinh với hai Sắc Đại Hiện. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh câu sinh với các Sắc Đại Hiện.

[239] 8. Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện.

9. Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại trong Giai Đoạn Liên Quan.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

[240] Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dung Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Nên pháp số thời kỳ tương tự với pháp số thời kỳ trong Giai Đoạn Liên Quan.

Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[241] Pháp Bất Thiện câu sinh với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử câu sinh với các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử.

[242] Pháp Vô Ký câu sinh với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ câu sinh với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, một Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn và Sắc Tái Tục câu sinh với hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ câu sinh với các Uẩn. Các Uẩn câu sinh với Sắc Tâm Cơ.

Ba Sắc Đại Hiện câu sinh với một Sắc Đại Hiện, một Sắc Đại Hiện câu sinh với ba Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện câu sinh với hai Sắc Đại Hiện. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh...Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thức Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...câu sinh với các Sắc Đại Hiện.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện câu sinh với một Sắc Đại Hiện v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh câu sinh với các Sắc Đại Hiện.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại trong Giai Đoạn Liên Quan.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

[243] Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu

Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên

PHẢN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCAÑĪYANAYA) VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

[244] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

PHẢN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAÑĪYĀNULOMANAYA) VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[245] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Câu Sinh tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Liên Quan

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Liên Quan tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Câu Sinh

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN CÂU SINH

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Giai Đoạn Câu Sinh.

Lời nói rằng **“câu sinh với Pháp Thiện” (Kusalam dhammam saha-jāto)** (Tạng Pāli điều 236) tức là “do bởi nương nhờ Pháp Thiện mới câu sinh với Pháp Thiện”. Nghĩa từ còn lại trong Giai Đoạn Câu Sinh đây, nên hiểu biết theo Phần đã đề cập ở trong Giai Đoạn Liên Quan. Và trong phần kết thúc Giai Đoạn Liên Quan, Ngài đã nói nghĩa từ này **“ý nghĩa trong Giai Đoạn Câu Sinh tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Liên Quan. Ý nghĩa trong Giai Đoạn Liên Quan tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Câu Sinh”**. Như vậy, nhằm để trình bày cả hai Giai Đoạn này, rằng theo ý nghĩa thì không có điều sai biệt. Quả thực, theo nội dung chủ yếu thì cả hai Giai Đoạn này không hề có điều sai biệt, mặc dù như thế ấy, Ngài cũng đề cập nhằm để nhấn mạnh ý nghĩa hỗ tương nhau. Quả thực, trong lời nói rằng **“nương nhờ Nhân và Sắc” (Cakkhuñca paṭicca rūpe ca)** v.v. Ngài đã nói “Pháp Sở Duyên thường khởi sinh do bởi nương nhờ Nhân và Sắc Pháp (Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc) tuy vậy không được câu sinh với nhau. Và Sắc Y Sinh, cho dù câu sinh với nhau cũng không làm duyên đối với Sắc Đại Hiện. Như thế, cả hai Giai Đoạn này, Ngài đề cập nhằm để nhấn mạnh sự việc làm duyên một cách Câu Sinh với Giai Đoạn Liên Quan, và sự việc tác thành Câu Sinh của Duyên mà Ngài đã sử dụng nghĩa từ rằng **“Liên Quan” (Paṭicca)** với Giai Đoạn Câu Sinh. Hơn nữa, cả hai Giai Đoạn này, Ngài thuyết giáo với mãnh lực của việc trình bày theo phương thức Thuyết Giáo Hoàn Hảo (**Desanāvīlāsa**) (việc thuyết giáo một cách quảng bác) thể theo phẩm cách Bậc Hữu Tình sẽ trắc tri với trường hợp ấy, và lại với mãnh lực sự liễu tri uyên bác trong Từ Vô Ngại Giải (**Niruttapaṭisambhidā**).

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Câu Sinh

Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh

-----00000-----

GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA) PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

[246] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[247] 4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[248] 7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nương nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

9. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

10. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

11. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[249] 12. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

13. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

14. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[250] 15. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

16. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

17. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[251] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[252] 2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên. Nhĩ Thức nương nhờ Nhĩ Xứ khởi sinh lên. Tỷ Thức nương nhờ Tỷ Xứ khởi sinh lên. Thiệt Thức nương nhờ Thiệt Xứ khởi sinh lên. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[253] 4. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

5. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[254] 6. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[255] 7. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[256] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ (*).

[(*): xem điều 256]

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên có ba thời kỳ (*).

[(*): xem điều 247]

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, v.v., ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v., Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trường Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trường Duyên có 17 thời kỳ nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Nhân Duyên.

[257] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vô Gian Duyên,...do bởi Đẳng Vô Gian Duyên...Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ, nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Cảnh Duyên.

[258] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Có ba thời kỳ (*).

[(*): xem điều 246]

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên. Có ba thời kỳ (*).

[(*): xem điều 247]

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. v.v. Trong sát na Tái Tục, v.v. ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên (*).

[(*): Theo Phần của điều 60, nhưng Tạng **Pāli** trong điều 258, có lẽ sẽ xuống v.v. ba hàng mới được bổ sung cho đầy đủ]

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ nên cho quảng nghĩa tương tự Nhân Duyên.

[259] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Hổ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn v.v. (*)

[(*)]: xem điều 61]

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Hổ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn v.v. (*)

[(*)]: xem điều 61]

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Hổ Tương Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Đối với nhóm Chúng Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện v.v. hai Sắc Đại Hiện nương nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

4. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Hổ Tương Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Cảnh Duyên (xem điều 251 – 254).

[260] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v. Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Câu Sinh Duyên.

[261] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cận Y Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, v.v. Cận Y Duyên có bảy thời kỳ tương tự với Cảnh Duyên.

[262] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ

Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

4. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

5. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

6. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

7. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

[263] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên v.v.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

4. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

5. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

6. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên v.v.

7. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v.

[264] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, có ba thời kỳ.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Di Thực Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v.

Trong sát na Tái Tục, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

9. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. v.v. (*)

[(*)]: Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Xem Nhân Duyên 17 thời kỳ, điều 246 – 250]

16. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên.

17. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[265] 1. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[266] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục, v.v. ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện mà có Vật Thục làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Nên bỏ vào cho đầy đủ 17 thời kỳ (tương tự Nhân Duyên).

[267] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Quyền Lực Duyên v.v.

Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Quyền Lực Duyên v.v. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Quyền Lực Duyên v.v.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Quyền Lực Duyên.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Nghiệp Lực Duyên (có 17 thời kỳ).

[268] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên. Thiền Na Duyên hay là Đồ Đạo Duyên nên cho quảng nghĩa tương tự Nhân Duyên (có 17 thời kỳ).

[269] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Tương Ứng Duyên. Duyên này trình bày tương tự thể loại Cảnh Duyên (có bảy thời kỳ).

[270] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

5. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh

Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiể khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

9. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

10. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiể khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

11. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiể khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

12. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

13. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiể khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

14. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiể khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

15. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi

sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

16. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

17. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

[271] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên v.v. Trong Hiện Hữu Duyên nên phân tích thời kỳ cho đầy đủ 17 thời kỳ tương tự Câu Sinh Duyên. Trong Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên nên phân tích thời kỳ cho đầy đủ 17 thời kỳ tương tự Cảnh Duyên. Trong Bất Ly Duyên nên phân tích thời kỳ cho đầy đủ 17 thời kỳ tương tự Câu Sinh Duyên.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[272] Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[273] Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. v.v. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[274] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ (trong mỗi Duyên có bảy thời kỳ)... Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[275] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chi Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong

Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ...Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[276] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thực Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[277] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[278] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thực Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

[279] Do bởi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ v.v. Thời kỳ có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ có Nhân Duyên làm căn nguyên.

[280] Do bởi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Do bởi Vô Gian Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Do bởi Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Do bởi Câu Sinh Duyên...Do bởi Hổ Tương Duyên...Do bởi Y Chỉ Duyên...Do bởi Cận Y Duyên...Do bởi Tiền Sinh Duyên...Do bởi Trùng Dục Duyên...trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[281] Do bởi Nghiệp Lực Duyên...Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có một thời kỳ...trong Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[282] Do bởi Vật Thực Duyên ...Do bởi Quyền Lực Duyên...Do bởi Thiền Na Duyên...Do bởi Đồ Đạo Duyên...Do bởi Tương Ứng Duyên...Do bởi Bất Tương Ứng Duyên...Do bởi Hiện Hữu Duyên...Do bởi Vô Hữu Duyên...Do bởi Ly Khứ Duyên...Do bởi Bất Ly Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ...trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên Trong Giai Đoạn Duyên Sinh

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Giai Đoạn Duyên Sinh.

Lời nói rằng **“nương nhờ Pháp Thiện” (Kusalam dhammam paccayā)** (Tạng Pāli điều 246) tức là “đặt ở trong vị trí Pháp Thực Tính Thiện”, giải thích là: “thực hiện Pháp Thiện cho tác thành Duyên” vì nghĩa lý là: “tác thành chỗ nương nhờ”. Lời nói rằng **“nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện” (Kusalam ekam khandham paccayā)** có lời giải thích là: “ba Uẩn tác hành một Uẩn Thiện cho thành chỗ nương nhờ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên”. Trong từng mỗi Câu, Bậc Hiền Trí nên liễu tri nội dung chủ yếu theo phương sách này. Lời này nói rằng **“Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên” (Vatthum paccayā vipākābyākata kiriyākatakiriyā khandhā)** (phần cuối điều phụ trong điều 248) Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Thời Kỳ Chuyển Khởi ở trong Cõi Ngũ Uẩn. Quả thực, trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ở trong Cõi Ngũ Uẩn, Sắc Tâm Cơ ở phần Tiền Sinh tác thành Y Chỉ Duyên đối với các Uẩn, nhưng vì nghĩa từ nói rằng **“nương nhờ” (Paṭicca)** có nội dung tương đồng với từ ngữ **“Câu Sinh” (Sahajāta)**. Trong Giai Đoạn Liên Quan không có Phần như vậy, vì lẽ ấy Đức Phật mới thuyết giáo rằng **“các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên” (Vatthum paṭicca khandhā)** như thế này, chỉ nên chú tâm về Sắc Tâm Cơ ở phần Câu Sinh trong Thời Kỳ Tái Tục thôi. Ngay cả trong lời nói rằng **“ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ” (Kusalam ekam khandhañca vatthuñca paccayā tayo khandhā)** v.v. (phần cuối điều phụ 14 trong điều 249) Bậc Hiền Trí nên liễu tri nghĩa lý theo Phần này tương tự.

Lời nói rằng **“Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký (khởi sinh lên) (Abyākatam dhammam paccayā kusalo ca abyākato ca)** (ở điều phụ 10 trong điều 248) Ngài đề cập ngụ ý lấy việc câu sinh của Thiện và Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên. Quả thực, trong sát na Tâm Thiện khởi sinh lên, các Uẩn Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ, và lại Sắc Y Sinh mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiện mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên với mãnh lực Nhân Duyên. Dù cho Pháp Vô Ký ở phần Năng Duyên sẽ sai biệt với nhau, Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng nghĩa từ này Ngài đề cập ngụ ý đến việc câu sinh Pháp Sở Duyên với mãnh lực Nhân Duyên. Trong vị trí thuộc kiểu loại này cũng có Phần này tương tự. Trong Nhân Duyên này, Ngài giải đáp về 17 điều vấn đề, vì thực hiện Câu Sinh Duyên và Tiền

Sinh Duyên cho làm duyên theo nghĩa lý “tác thành chỗ nương nhờ” với trường hợp như vậy. Trong điều ấy Ngài chủ tâm về các Uẩn và Sắc Đại Hiện với mãnh lực Câu Sinh Duyên. Chủ tâm về Sắc Tâm Cơ với mãnh lực Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Còn trong Giai Đoạn Liên Quan thường có được Duyên với mãnh lực Câu Sinh, vì lẽ ấy, trong chỗ này Ngài mới giải đáp chỉ có chín điều thôi. Và trong Giai Đoạn Duyên Sinh ấy, những Pháp nào có 17 điều vấn đề mà Đức Thế Tôn đã lập ý giải đáp rồi, thì việc giải đáp trong những Pháp ấy có Thiện v.v. chỉ có độc nhất câu đầu tiên, câu cuối cùng cũng độc nhất một Câu, tác thành độc nhất Sở Duyên từ nơi độc nhất Năng Duyên. Trong việc giải đáp có độc nhất Câu Khai Đầu với hai Câu Hoàn Kết tác thành Sở Duyên sai biệt nhau, mặc cho độc nhất Năng Duyên. Trong việc giải đáp có hai câu đầu tiên với độc nhất câu cuối cùng tác thành duy nhất Sở Duyên, mặc cho từ nơi Năng Duyên sai biệt nhau. Trong việc giải đáp có hai câu đầu tiên, hai câu cuối cùng tác thành Sở Duyên sai biệt nhau từ nơi Năng Duyên sai biệt nhau (phân cách nhau). Ngay cả trong Cảnh Duyên v.v. nên hiểu biết việc phân tích vấn đề và sự giải đáp (Vấn – Đáp) theo phương sách này. Và nghĩa từ nào Đức Thế Tôn thuyết giáo trong Cảnh Duyên nói rằng **“các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ” (khởi sinh lên) (Vatthum paccayā khandhā)** nghĩa từ ấy Ngài ngụ ý chỉ lấy Uẩn Dị Thục Quả ở trong Thời Kỳ Tái Tục thôi, và Nhân Thức v.v. Ngài đề cập khi khai thuyết phân loại từ các Pháp nương nhờ các Xứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên.

Lời nói rằng **“nương nhờ Sắc Tâm Cơ” (khởi sinh lên) (Vatthum paccayā)** Ngài lại thuyết giáo nữa, cũng nhằm để khai thuyết việc khởi sinh lên Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác trong Thời Kỳ Chuyển Tộc (là nương nhờ Vật). Nghĩa từ còn lại nên hiểu biết theo Phần trước vậy. Trong Cảnh Duyên này, Ngài giải đáp bảy điều vấn đề vì nêu Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên lên làm Duyên với trường hợp như thế này, trong những vấn đề ấy, các Uẩn Ngài chủ tâm với mãnh lực Câu Sinh Duyên, Sắc Tâm Cơ chủ tâm với mãnh lực Câu Sinh Duyên (và) Tiền Sinh Duyên. Nhân Xứ v.v. chủ tâm với mãnh lực Tiền Sinh. Còn trong Giai Đoạn Liên Quan, thường có được Duyên chỉ với mãnh lực Câu Sinh thôi, bởi do đó trong Giai Đoạn (**Vāra**) ấy, mới chỉ có lời giải đáp ba vấn đề thôi. Trong Trường Duyên, nên hiểu biết rằng “đó chỉ là Vô Ký Dị Thục Quả ở phần Siêu Thế thôi”. Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên tương tự với Cảnh Duyên, vì không có Sắc Pháp. Ngay cả trong Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên phía trước cũng có Phần này tương tự.

Trong Câu Sinh Duyên, lời nói rằng **“Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh” (Kaṭattā rūpaṃ upādārūpaṃ)** tức là Sắc Tái Tục nói là Sắc Y Sinh. Nghĩa từ này Ngài đề cập ngụ ý lấy Sắc Pháp của độc nhất chủng Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng. Nhân Xứ v.v. nói đến với mãnh lực Cõi Ngũ Uẩn. Và trong Hổ Tương Duyên, Ngài đề cập hàm ý lấy vấn đề mà có lời giải đáp tương đồng, rằng **“Duyên này trình bày tương tự Cảnh Duyên” (Yathā Āram maṇapaccayā evaṃ)**. Thế nhưng trong Pháp Sở Duyên thì có sự sai biệt nhau.

Lời nói rằng **“tương tự với Cảnh Duyên” (Ārammaṇapaccayadisam)** trong Cận Y Duyên, Ngài lại đề cập vì có lời giải đáp tương đương với nhau, bởi vì cũng không có Sắc Pháp. Lời nói rằng **“nương nhờ Vật do bởi Tiền Sinh Duyên” (Vatthum Purejātapaccayā)** v.v. nên chủ tâm về nghĩa lý theo Phần mà đã đề cập trong Giai Đoạn Liên Quan.

Trong Nghiệp Lực Duyên, lời nói rằng **“ba thời kỳ” (Tīṇi)** Bạc Hiên Trí nên liễu tri ba thời kỳ giải đáp như thế này, đó là: 1/ Pháp Thiện khởi sinh do bởi nương nhờ Pháp Thiện, 2/ Pháp Vô Ký khởi sinh do bởi nương nhờ Pháp Thiện, 3/ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh do bởi nương nhờ Pháp Thiện. Ngay cả trong Pháp Bất Thiện v.v. cũng có Phần này tương tự.

Trong Bất Tương Ứng Duyên, lời nói rằng **“nương nhờ các Uẩn do bởi Bất Tương Ứng Duyên” (Khandhe Vip̐payuttapaccayā)** có nghĩa là “các Pháp nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”. Lời nói rằng **“các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ do bởi Bất Tương Ứng Duyên” (Khandhā vatthum Vip̐payuttapaccayā)** có nghĩa là “các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên”. Nghĩa từ còn lại nên hiểu biết nghĩa lý theo Phần đã đề cập trong thời gian trước.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng **“Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ” (Hetuyā sattarasa)** v.v. nhằm để khái thuyết lời giải đáp theo chỗ đã tìm thấy với mãnh lực việc tính toán. Các thể loại Câu ấy, lời nói rằng **“Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ” (Hetuyā sattarasa)** có nghĩa là “Đức Thế Tôn thuyết giáo lời giải đáp về ba điều, đó là: một câu đầu tiên với một câu cuối cùng có hai thời kỳ, và hai câu đầu tiên với một câu cuối cùng có một thời kỳ, với mãnh lực ở phần Pháp Thiện, đó là: Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Thiện, Pháp Thiện và Pháp Vô Ký với Pháp Thiện. Lời giải đáp về Pháp Bất Thiện cũng tương tự với Pháp Thiện. Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký, Pháp Thiện – Pháp Vô Ký với Pháp Thiện – Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký. Bạc Hiên Trí nên liễu tri rằng trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ như thế này.

Trong lời nói rằng **“Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ” (Ārammaṇe satta)** có nghĩa là có lời giải đáp về bảy thời kỳ như thế này, đó là: Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký, Pháp Thiện với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện với Pháp Vô Ký, Pháp Thiện với Pháp Thiện – Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký.

Lời nói rằng **“một thời kỳ” (Ekam)** trong Dị Thực Quả Duyên, đích thị đó là Vô Ký với Vô Ký. Việc quy định ba trường hợp của thời kỳ, đó là: 17 thời kỳ, bảy thời kỳ và một thời kỳ trong Phần Thuận Tùng Duyên Giai Đoạn Duyên Sinh thường có với trường hợp như thế này. Trong những thể loại thời kỳ ấy, Bạc Hiên Trí quy định hết cả thấy những thể loại thời kỳ ấy, đó là: nhóm 17 thời kỳ có 12 Duyên, nhóm bảy thời kỳ có 11 Duyên và nhóm một thời kỳ có một Duyên cho tốt đẹp, xong rồi nên liễu tri số lượng với mãnh lực số lượng ít hơn trong việc tỷ giáo Duyên với mãnh lực Nhị Đề Tam Đề Phát Thú v.v. ở phía trước. Quả thực, với phương thức tính toán này, Bạc Hiên Trí có khả năng liễu tri việc quy định thời kỳ trong tất cả các Phần, có Phần Nhị Căn Nguyên v.v. vì lẽ ấy nhằm sẽ trình bày việc quy định thời kỳ chỉ với mãnh lực tính toán thôi, không đề cập đến lời giải đáp rằng “Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi nương nhờ Pháp Thiện khác” Đức Phật lập ý bắt đầu với lời nói rằng **“do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ” (Hetupaccayā Ārammaṇe satta)** v.v.

Trong nghĩa từ ấy có lời giải thích “Pháp Thiện thường khởi sinh do bởi nương nhờ Pháp Thiện, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên”. Bạc Hiên Trí nên giải thích lời giải đáp

trong Cảnh Duyên cho quảng nghĩa ra theo Phần này “là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên”. Đây là trong Phần Thuận Tùng Duyên trước.

Kết Thúc Giải Thích Phần Thuận Tùng Duyên (*)

[(*)]: Nghĩa từ này đặc biệt chỉ dùng trong Phiên Bản Thái ngữ. Trong Bộ Chú Giải Phiên Bản **Pāli** ngữ (quyển thứ 48) không có nghĩa từ này. Bởi vì kể từ đây trở đi, Ngài giải thích liên tiếp nhau không có nêu lên chủ đề, chỉ đặc biệt có chủ đề với các sự kiện lớn ở phần cuối với từ ngữ là “**thời kỳ**” (**Vāra**) thôi. Trong Phiên Bản dịch này có dẫn dụng Bộ Chú Giải xen kẽ Tạng **Pāli** để ở phần cuối mỗi đoạn kinh.]

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[283] 1. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả, Vô Ký Duy Tác ở phần Vô Nhân khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

3. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử, và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[284] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

Phi Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Phi Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan (Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ).

[285] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên.

Trong sát na Tái Tục v.v. nên bỏ túc Câu Vô Ký cho hoàn bị. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. (*)

[(*): xem điều 89, là với Phi Trưởng Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan]

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên.

Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Phi Trưởng Duyên nên tính đếm được 17 thời kỳ tương tự với Phi Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Duyên.

[286] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gian Duyên...do bởi Phi Đẳng Vô Gian Duyên...do bởi Phi Hồ Tương Duyên...do bởi Phi Cận Y Duyên..do bởi Phi Tiền Sinh Duyên...nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Giai Đoạn Liên Quan.

[287] Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên.. do bởi Phi Trùng Dục Duyên v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Là Phi Hậu Sinh Duyên hay là Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ hoàn bị nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Duyên.

[288] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Duy Tác nương nhờ các Uẩn ở phần Vô Ký Duy tác khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

4. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

5. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

6. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

7. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[289] 1. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, v.v. có ba thời kỳ.

4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, có ba thời kỳ.

7. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiệt Xuất Sinh Xứ...

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Loại trừ Dị Thục Quả đi, trong từng mỗi thời kỳ nên phân tích cho quảng nghĩa (có 17 thời kỳ).

[290] Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thục Duyên.. do bởi Phi Quyền Lực Duyên...do bởi Phi Thiện Na Duyên, tức là Nhân Thức nương nhờ Nhân Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Đây là điều sai biệt với nhau trong Phi Thiện Na Duyên.

Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là Nhân Thức nương nhờ Nhân Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác Vô Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Đây là điều sai biệt với nhau trong Phi Đồ Đạo Duyên.

Phần còn lại nên phân tích cho quảng nghĩa tương tự với Phần Nghịch Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan.

Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên.

Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Ly Khứ Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

Trong Phi Ly Khứ Duyên nên phân tích cho quảng nghĩa tương tự thể loại trong Giai Đoạn Liên Quan.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

[291] Trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng

Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[292] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[293] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong mỗi Duyên có một điều thời kỳ) Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[294] Do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[295] Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[296] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong

Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[297] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ có một thời kỳ.

[298] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[299] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[300] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[301] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[302] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[303] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[304] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gian

Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[305] Do bởi Phi Phi Dị Thực Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Dị Thực Quả duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ...(trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[306] Do bởi Phi Vật Thực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ)...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ).

Do bởi Phi Thiên Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ). Do bởi Phi Tương Ứng Duyên cũng tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[307] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[308] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một

thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ (trong mỗi Duyên có một thời kỳ).

Do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên cũng tương tự với Phi Cảnh Duyên.

Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên Trong Giai Đoạn Duyên Sinh

GIẢI THÍCH PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

Và Pháp Thiện thường không có trong Phần Đối Nghịch Duyên, vì lẽ ấy Ngài mới bắt đầu lời giải đáp kể từ Pháp Bất Thiện v.v. trở đi với lời nói như thế này **“nương nhờ Pháp Bất Thiện” (Akusalam dhammam paccayā)** (ở phần đầu điều 283). Dích thị lời giải đáp ấy thường được tiến hành theo Tạng **Pāli**. Và nghĩa từ sẽ nên đề cập trong Giai Đoạn này cũng đã được đề cập trong Phần Đối Nghịch Duyên Giai Đoạn Liên Quan. Và Ngài đề cập lời nói rằng **“trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ” (NaHetuyā cattāri)** v.v. nhằm để khái thuyết việc quy định lời giải đáp theo pháp số trong bất luận Phần Đối Nghịch Duyên nào. Trong lời giải đáp ấy có việc quy định sáu thể loại, đó là: lời giải đáp về bốn thời kỳ, về 17 thời kỳ và về bảy thời kỳ, về năm thời kỳ, về ba thời kỳ, về một thời kỳ. Trong việc tỷ giáo Duyên trong Phần Duyên có Nhị Căn Nguyên và Tam Căn Nguyên v.v. nên hiểu biết phương thức pháp số với mãnh lực việc quy định những thể loại ấy, bởi vì bất luận Duyên nào có được lời giải đáp đến 17 thời kỳ vì tỷ giáo Duyên ở phần tương tự với Duyên ấy, mới có được việc giải đáp về 17 thời kỳ. Việc quy định số lượng ngay cả sáu thể loại còn lại thì thường là không có, vì tỷ giáo với Duyên có số lượng thấp hơn. Ngay cả trong việc quy định số lượng còn lại cũng như thế này. Khi loại trừ việc quy định số lượng cao hơn thì cũng thường có được số lượng tương đương và thấp hơn. Trong sự việc này sẽ không có được việc quy định số lượng cao hơn, vì thể điều này mới trở thành điều chỉ định trong việc quy định số lượng này. Và số lượng tương đương và số lượng thấp hơn, một khi hiện hữu sự bất đồng thì không có được nội dung. Vì lẽ ấy, trong vấn đề này Đức Thế Tôn mới thuyết giáo như vậy **“do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ” (NaHetupaccayā nārammaṇe ekam)** v.v.

Sự thật trong vấn đề này, đáng ra nên có được lời nói rằng “lời giải đáp bốn thời kỳ” với mãnh lực Phi Nhân Duyên, vì Tạng **Pāli** đã nói rằng “Trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ”. Thế nhưng, vì những lời giải đáp ấy lại hợp với Phi

Cảnh Pháp (**Nārammaṇadhamma**), Hữu Cảnh Pháp (**Sārammaṇadhamma**) mới bắt đầu; vì lẽ ấy, mới hạ lời giải đáp xuống còn ba thời kỳ, đó là “Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên, Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên, Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên”. Lời giải đáp chỉ có một thời kỳ thôi, Đức Thế Tôn thuyết giáo với khả năng Sắc Pháp như vậy **“Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên”**. Bậc Hiền Trí khi đã liễu tri lời giải đáp bắt đầu sai biệt với nhau trong tất cả Duyên, nên hiểu biết việc quy định sẽ có được với trường hợp như thế này. Hơn nữa trong quan niệm này, có việc trình bày chỉ có Phần như tiếp theo đây, lời nói rằng **“Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ”** (**Nādhīpatiyā cattāri**) là “lời giải đáp đã có ở trong Phi Nhân Duyên”. Ngay cả trong Bộ Tứ còn lại cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **“Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ”** (**Nānantare ekam**) là “Vô Ký với Vô Ký với mãnh lực Sắc Pháp mà có Tâm Vô Nhân làm Xuất Sinh Xứ và Sắc Pháp còn lại. Bậc Hiền Trí nên liễu tri đến Sắc Pháp phối hợp được trong hết cả thấy mỗi một Duyên như thế này. Ngay cả trong lời nói này **“Trong Phi Tiền Sinh Duyên có được hai thời kỳ”** (**NaPurejāte dve**) cũng đáng ra nên nói rằng “có được lời giải đáp về bốn thời kỳ” với mãnh lực Phi Nhân Duyên. Nhưng vì Phi Nhân Duyên lại hợp với Phi Tiền Sinh Duyên, nên phải hạ lời giải đáp xuống còn hai điều, đó là: Vật và Tiền Sinh, rằng như thế này “Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi nương nhờ Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký”. Còn trong Vô Sắc Địa Giới, Ngài nói lời giải đáp có hai điều, đó là: Si Vô Nhân (**Ahetukamoha**) và Duy Tác Vô Nhân (**Ahetukakiriyā**). Lời nói rằng **“Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ”** (**NaVippayuttesu dve**) là lời giải đáp về hai thời kỳ với mãnh lực Bất Thiện Vô Nhân và Duy Tác Vô Nhân trong Vô Sắc Địa Giới. Trong lời nói rằng **“Trong Phi Vô Hữu Duyên và Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ”** (**NoNatthi NoVigatesu ekam**) nên hiểu biết đó là “Vô Ký với Vô Ký” với mãnh lực tất cả Sắc Pháp. Trong Duyên có ba Căn Nguyên v.v. không có từ ngữ mới. Còn trong Phi Cảnh Nhị Căn Nguyên (**Nārammaṇadumūlakanaya**), lời nói rằng **“Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ”** (**Nādhīpatiyā pañca**) đích thị chính là lời giải đáp đã có ở trong Phi Cảnh Duyên”. Trong lời nói này **“Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ”** (**NaKamme ekam**) Bậc Hiền Trí không nên chủ tâm về Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục, mà đặc biệt chỉ nên liễu tri “Vô Ký với Vô Ký” với mãnh lực Sắc Pháp còn lại.

Trong Phần Phi Trưởng Căn Nguyên (**Nādhīpatimūlakanaya**), lời nói rằng **“Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ”** (**NaPurejāte satta**) đích thị chính là lời giải đáp đã có ở trong Phi Tiền Sinh Duyên. Lời nói rằng **“Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ”** (**NaPacchājāte sattarasa**) đích thị chính là lời giải đáp về 17 thời kỳ đã có ở trong Phi Hậu Sinh Duyên. Có lời giải đáp ở Phi Vô Gian Duyên, Phi Đẳng Vô Gian Duyên, Phi Hổ Tương Duyên, Phi Cận Y Duyên, Phi Tương Ứng Duyên, Phi Vô Hữu Duyên, Phi Ly Khứ Duyên làm căn nguyên tương tự với Duyên mà có Phi Cảnh Duyên làm căn nguyên. Lời giải đáp đã thông qua và vẫn chưa đến; và lời giải đáp đã có được và không có được trong tất cả các Duyên, thì nên hiểu biết thế theo việc trình bày chỉ có Phần như thế này thôi.

PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYANAYA)
VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

[309] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[310] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[311] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[312] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[313] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[314] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[315] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên v.v., do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[316] Do bởi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên

có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[317] Do bởi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Thời kỳ mà có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên nên tính đếm tương tự thể loại thời kỳ mà có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[318] Do bởi Trưởng Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Trưởng Duyên, do bởi Nhân Duyên. Lại giản lược.

Do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Đẳng Vô Giác Duyên nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại thời kỳ mà có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên).

[319] Do bởi Câu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[320] Do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Lại giản lược... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên... đây lại là việc giản lược.

[321] Do bởi Hổ Tương Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[322] Do bởi Hồ Tương Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Hồ Tương Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Đây lại là việc giản lược.

[323] Do bởi Y Chỉ Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên trình bày tương tự với Câu Sinh Duyên.

Do bởi Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên trình bày tương tự với Cảnh Duyên.

[324] Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. v.v.

Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên... v.v.

[325] Do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[326] Do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[327] Do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ... Lại giản lược... Do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nhân Duyên v.v. do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên... Lại giản lược. Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ v.v.

[328] Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[329] Do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Lại giản lược...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[330] Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[331] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[332] Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên lại giản lược...Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. v.v. Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên lại giản lược. Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên lại giản lược...v.v...Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục có một thời kỳ..v.v.

[333] Do bởi Vật Thục Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời

kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[334] Do bởi Vật Thực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ lại giản lược... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày giản lược.

[335] Do bởi Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên lại giản lược.

[336] Do bởi Thiên Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Thiên Na Duyên, do bởi Nhân Duyên lại giản lược.

[337] Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày giản lược. Do bởi Tương Ứng Duyên tương tự với Cảnh Duyên.

[338] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hối Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[339] Do bởi Bất Tương Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong

Phi Đăng Vô Gian Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[340] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[341] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[342] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[343] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên v.v. do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.

[344] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên lại giản lược...Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[345] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên v.v. do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên, do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[346] Do bởi Hiện Hữu Duyên cũng tương tự với Câu Sinh Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên cũng tương tự với Cảnh Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên cũng tương tự với Câu Sinh Duyên.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên Trong Giai Đoạn Duyên Sinh

PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCAÑĪYĀNULOMANAYA) VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[347] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Vô Gian Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đăng Vô Gian Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn

thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

[348] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[349] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[350] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Giác Duyên, do bởi Phi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Phi Hổ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[351] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thục Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[352] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thục Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên lại gián lược... Do bởi Phi Ly Khứ Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[353] Do bởi Phi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực

Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[354] Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[355] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[356] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ... Trong Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[357] Do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên tương tự với Phi Cảnh Duyên.

[358] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[359] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[360] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[361] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[362] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Di Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[363] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Di Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[364] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[365] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một

thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[366] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[367] Do bởi Phi Dị Thực Quả Duyên trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

[368] Do bởi Phi Dị Thực Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

[369] Do bởi Phi Dị Thực Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[370] Do bởi Phi Vật Thực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[371] Do bởi Phi Quyền Lực Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[372] Do bởi Phi Thiền Na Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[373] Do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[374] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[375] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[376] Do bởi Phi Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm

thời kỳ. Trong Bát Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

Do bởi Phi Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[377] Do bởi Phi Bát Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[378] Do bởi Phi Bát Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[379] Do bởi Phi Bát Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

Do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên cũng tương tự với Phi Cảnh Duyên.

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên Trong Giai Đoạn Duyên Sinh

GIẢI THÍCH PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

Và chính vì theo trạng thái này, bậc tu học nên sắp xếp Phần Thuận Tòng Duyên ở phía trước, rồi lại quy định số lượng trong Phần Thuận – Nghịch Duyên, và nên sắp xếp Phần Đối Nghịch Duyên ở phía trước, rồi lại quy định Phần Nghịch – Thuận Duyên, và lại cũng nên hiểu biết lời giải đáp trong các vấn đề đã thông qua và vẫn chưa đến, đang tồn tại và không tồn tại, như thế này.

Kết Thúc Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

-----00000-----

GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)
PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

[380] 1. Pháp Thiện nưong nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nưong nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn nưong nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nưong nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nưong nhờ Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[381] 4. Pháp Bất Thiện nưong nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nưong nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

5. Pháp Vô Ký nưong nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

6. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nưong nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

[382] 7. Pháp Vô Ký nưong nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nưong nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tái Tục nưong nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nưong nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nưong nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nưong nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nưong nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiện nưong nhờ ba Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiện nưong nhờ hai Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nưong nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nưong nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

8. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

9. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

10. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

11. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

[383] 12. Pháp Thiện nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

13. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

14. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

15. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

16. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

17. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN DUYÊN

[384] Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trướng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hồ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ

Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận Tòng Duyên Trong Giai Đoạn Y Chỉ

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[385] 1. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v., Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...

Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, ba Sắc Đại Hiện nương nhờ một Sắc Đại Hiện khởi sinh lên, v.v., Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiện khởi sinh lên. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên, v.v., Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

3. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

[386] 4. Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử, và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH DUYÊN

[387] Trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên

có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên Trong Giai Đoạn Y Chỉ

PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

[388] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên Trong Giai Đoạn Y Chỉ

PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMANAYA) VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[389] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Y Chỉ tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Duyên Sinh

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Duyên Sinh tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Y Chỉ

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên Trong Giai Đoạn Y Chỉ

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN Y CHỈ

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong Giai Đoạn Y Chỉ.

Lời nói rằng “**(Pháp Thiện) nương nhờ Pháp Thiện**” (**Kusalam dhammam nissāya**) (ở phần đầu điều 380) giải thích rằng “do bởi thực hiện Pháp Thiện cho thành vị trí nương tựa, theo nghĩa lý tác thành duyên”. Nghĩa từ còn lại trong Giai Đoạn Y Chỉ này, bậc tu học nên hiểu biết theo Phần đã đề cập đích thị chính ở trong Giai Đoạn Duyên Sinh.

Và trong đoạn cuối của Giai Đoạn Duyên Sinh đây, lời này nói rằng “**Ý nghĩa trong Giai Đoạn Y Chỉ tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Duyên Sinh. Ý nghĩa trong Giai Đoạn Duyên Sinh tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Y Chỉ**” (**Paccayatthaññāma nissayattham nissayatthaññāma paccayattham**) như thế này, Ngài đã nói nhằm để khái thuyết sự bất sai biệt theo nội dung chủ yếu cả hai Giai Đoạn này. Quả thực, theo nội dung chủ yếu cả hai Giai Đoạn này thì không có chi sai biệt với nhau cả, tương tự Giai Đoạn Liên Quan với Giai Đoạn Câu Sinh. Ngay khi là như thế, Ngài đã thuyết giáo nhằm để nhấn mạnh ý nghĩa hỗ tương nhau. Quả thực, trong lời chẳng hạn như “**Hành phát sinh do bởi Vô Minh làm duyên**” (**Avijjāpaccayā saṅkhārā**) Đức Thế Tôn đã thuyết giáo “dù không phải nương nhờ Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, các Duyên đang hiện hành và khởi sinh lên; và chẳng hạn như các cây nương trú vào nhau v.v. và không một cây nào tác thành Y Chỉ Duyên đối với một cây nào, tương tự với Sắc Y Sinh cũng bất tác thành Y Chỉ Duyên đối với Sắc Đại Hiện như thế ấy. Cả hai Giai Đoạn này, Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm để quy định việc tác thành Y Chỉ Duyên theo Giai Đoạn Duyên Sinh, và nhằm để quy định việc tác thành Câu Sinh và Tiền Sinh của Pháp mà Đức Phật thuyết giáo là “**nương nhờ**” (**Paccayā**) theo Giai Đoạn Y Chỉ. Hơn nữa, cả hai Giai Đoạn này, nên hiểu biết rằng Đức Thế Tôn thuyết giáo theo phương thức Thuyết Giáo Hoàn Hảo (**Desanāvīlāsa**) (việc thuyết giáo một cách quảng bác) thể theo phẩm cách Bạc Hữu Tình sẽ trắc tri với trường hợp ấy, và lại với mãnh lực sự liễu tri uyên bác trong Từ Vô Ngại Giải (**Niruttapaṭisambhidā**).

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Y Chỉ

Kết Thúc Giai Đoạn Y Chỉ

-----00000-----

GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAMSAṬṬHAVĀRA)

PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

[390] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

[391] Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên...do bởi Trường Duyên...

Trong Trường Duyên không có sát na Tái Tục.

Các Câu (**Pada**) của từng mỗi Duyên, đó là: Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Cận Y Duyên cũng tương tự với Duyên mà có Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[392] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên.

[393] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên v.v.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên v.v.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Trùng Dục Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v.

[394] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên v.v.

4. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả v.v.

[395] Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Vật Thục Duyên...Các Câu này, đó là: “do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ứng Duyên” cũng tương tự với “do bởi Nhân Duyên”.

[396] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên v.v. tức là các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên v.v. tức là các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

[397] Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên “do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên”...cũng tương tự với “do bởi Nhân Duyên”.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHÂN THUẬN DUYÊN

[398] Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Giai đoạn này có Nhân Duyên làm Căn Nguyên nên trình bày cho quảng khoáng.

[399] Do bởi Trùng Dục Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[400] Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có

một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên Trong Giai Đoạn Hồn Hòa

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN HỒN HÒA GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

Tiếp theo đây nên hiểu biết thâm định trong Giai Đoạn Hồn Hòa.

Lời nói rằng **“(Pháp Thiện) hồn hòa với Pháp Thiện” (Kusalam dhammam samsatṭho)** (điều 390) giải thích rằng “do bởi thực hiện Pháp Thiện cho làm duyên theo nghĩa lý cùng phối hợp với trạng thái tác sự câu sinh nhau v.v.”. Lời nói rằng **“hồn hòa với một Uẩn ở phần Thiện” (Kusalam ekam khandham samsatṭho)** có lời giải thích “ba Uẩn thực hiện Thiện Sự một Uẩn cho làm Tương Ứng Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên”. Trong mọi Câu nên hiểu biết nội dung chủ yếu theo phương sách này. Và lại trong Nhân Duyên này, Ngài đã sắp đặt Duyên có lời giải đáp vấn đề về ba thời kỳ, bởi vì chỉ có Vô Sắc Pháp thôi và sẽ có nghĩa lý là “phối hợp” (**Sampayoga**). Và trong Nhân Duyên là như thế nào thì trong Cảnh Duyên v.v. cũng như thế ấy. Trong Dị Thực Quả Duyên thì chỉ có lời giải đáp về một thời kỳ thôi.

Bây giờ, khi trình bày lời giải đáp thể theo mãnh lực số lượng, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“trong Nhân Duyên có ba thời kỳ” (Hetuyā tīṇi)** v.v. (ở điều 398). Trong những lời giải đáp ấy, Ngài quy định số lượng trong tất cả Tam Đề như thế này, đó là: Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký. Và trong mỗi một Tam Đề thường chỉ có được Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký thôi. Trong Giai Đoạn này, có hai thể loại quy định đó là: trong 22 Duyên có lời giải đáp về ba thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có lời giải đáp về một thời kỳ với trường hợp như thế này. Lời giải đáp ở Phần Thuận Tùng Duyên thường không có trong Hậu Sinh Duyên, vì lẽ ấy trong việc tỷ giáo các Nhị Đề Tam Đề v.v. với mãnh lực những lời giải đáp như thế này, đó là lời giải đáp về ba và một thời kỳ. Dị Thực Quả Duyên trong bất luận Nhị Đề Tam Đề nào thì Nhị Đề Tam Đề ấy chỉ có một lời giải đáp. Nên hiểu biết việc tính toán như thế này, rằng trong các Duyên còn lại thì có lời giải đáp về ba thời kỳ. Nghĩa từ còn lại trong Phần Thuận Tùng Giai Đoạn Hồn Hòa đây có nội dung chủ yếu như thế ấy.

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Hồn Hòa

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[401] 1. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

2. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

[402] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên... Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

[403] 2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên v.v.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên, v.v.

Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...có ba thời kỳ.

Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dục Duyên, có ba thời kỳ.

[404] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực, tức là Tư Tâm Sở Thiện hỗn hòa với các Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện hỗn hòa với các Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Dị Thục Quả hỗn hòa với các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên.

[405] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên v.v.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phần Phân Tích Duyên Hệ (**Paccayavibhaṅga**) Giai Đoạn Hỗn Hòa thì không có Tái Tục, chỉ có thể có ở trong các Duyên còn lại.

[406] 1. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Thiên Na Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

[407] 1. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v.

[408] 1. Pháp Thiện hỗn hòa với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

2. Pháp Bất Thiện hỗn hòa với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, v.v., hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

3. Pháp Vô Ký hỗn hòa với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, v.v., hai uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên không có Tái Tục.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

[409] Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[410] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

[411] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

[412] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

[413] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

[414] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên

trong Phi Di Thực Quả Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ.

[415] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, v.v., do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Di Thực Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ.

[416] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[417] Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

[418] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[419] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[420] Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[421] Do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[422] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[423] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[424] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[425] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[426] Do bởi Phi Thiên Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[427] Do bởi Phi Thiên Na Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[428] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[429] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[430] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[431] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

GIẢI THÍCH PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

Và Pháp Thiện đương nhiên không có được trong Phần Đối Nghịch Duyên, do đó Ngài mới thực hiện lời giải đáp chỉ có kể từ Pháp Bất Thiện trở đi. Tất cả lời giải đáp ấy có nội dung minh hiển rõ ràng.

Và lời chẳng hạn nào đó đã nói rằng **“Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ” (NaHetuyā dve)** (điều 409), tức là Ngài đề cập nhằm để khái thuyết việc quy định phương thức pháp số lời giải đáp trong Phần Đối Nghịch Duyên. Trong lời nói ấy có việc quy định số lượng ở ba thể loại, đó là: **“hai thời kỳ, ba thời kỳ, một thời kỳ”**. Bậc Hiền Trí nên liễu tri việc pháp số, bởi do việc tỷ giáo Duyên trong các Nhị Đề Tam Đề v.v. với mãnh lực những thể loại số lượng ấy. Ngay trong quan niệm này đương nhiên cũng chỉ có việc tính toán lời giải đáp đặc biệt ở phần ít hơn, vì việc tỷ giáo Duyên được tính toán nhiều hơn với Duyên được tính toán ít hơn. Thường có được số lượng lời giải đáp tương đương, bởi do việc tỷ giáo với Duyên được tính toán tương đương. Cũng do ở trong Giai Đoạn này chỉ có Vô Sắc Pháp làm Sở Duyên, do đó Ngài mới khái thuyết 10 Duyên, đó là: Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dục Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Thiên Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ứng Duyên theo sự tác thành **“Đối Nghịch” (Paccanika)**. Và 14 Duyên còn lại thường không có được. Ngay cả trong các Duyên đã có được đó, Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Dị Thục Quả Duyên đương nhiên không có được trong Sở Duyên ở phần Dị Thục Quả.

Lời nói rằng **“do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ” (NaHetupaccayā nāhipatiyā dve)** (điều 410) đó là “trong Phi Nhân Duyên có được hai lời giải đáp”. Ngay cả trong hai nhóm giải đáp còn lại cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **“trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ” (NaKamme ekam)** đó là “Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký”, vì sắp xếp Tư Tâm Sở Duy Tác Vô Nhân cho làm Sở Duyên. Lời nói rằng **“trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ” (NaVipāke dve)** có nghĩa là “hai lời giải đáp với mãnh lực Si Vô Nhân (Ahetukamoha) và Duy Tác Vô Nhân (Ahetukakiriya)”. Lời nói rằng **“trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ” (NaJhāne ekam)** nên hiểu biết là “lời giải đáp ở phần Vô Ký với mãnh lực Ngũ Thức Vô Nhân (Ahtukapañcaviññāṇa)”. Lời nói rằng **“trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ” (NaMagge ekam)** nên hiểu biết là “lời giải đáp ở phần Vô Ký với mãnh lực Dị Thục Quả và Duy Tác Vô Nhân”. Bậc tu học nên hiểu biết nội dung trong việc tỷ giáo các Duyên theo phương sách này vậy.

Kết Thúc Giải Thích Phần Đối Nghịch Duyên

PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYANAYA)

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

[432] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[433] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[434] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[435] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Gian Duyên, do bởi Đẳng Vô Gian Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hồ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ Duyên, do bởi Cận Y Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[436] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên v.v...do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[437] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên v.v. do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên lại giản lược...do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[438] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên v.v. do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[439] Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, v.v., do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên lại giản lược. Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[440] Do bởi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[441] Do bởi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Trưởng Duyên, do bởi Nhân Duyên, v.v., do bởi Vô Giác Duyên, do bởi Đăng Vô Giác Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Hổ Tương Duyên, do bởi Y Chỉ Duyên, do bởi Cận Y Duyên nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại “do bởi Cảnh Duyên làm Căn Nguyên”.

[442] Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[443] Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[444] Do bởi Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

[445] Do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[446] Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[447] Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ.

Do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[448] Do bởi Vật Thực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Vật Thực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[449] Do bởi Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[450] Do bởi Thiền Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[451] Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[452] Do bởi Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[453] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

[454] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

[455] Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên lại giản lược.. Do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên lại giản lược...

...Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Trùng Dục Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Vật Thục Duyên lại giản lược...

Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Nhân Duyên lại giản lược...

...Do bởi Tiền Sinh Duyên, do bởi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Vật Thục Duyên lại giản lược...

...Do bởi Bất Ly Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ.

[456] Do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Duyên có Cảnh Duyên làm Căn Nguyên.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

Đặc biệt 10 Duyên, có Phi Nhân Duyên v.v. đã có đề cập trong thời gian trước, thường được tác thành Đối Nghịch trong Phần Thuận – Nghịch Duyên, các Duyên còn lại thì không được. Ngay cả trong các Duyên đã được đặt ở vị trí theo Phần Thuận Tùng Duyên ở trong Nhân Duyên, thì Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên thường không được tác thành Đối Nghịch. Nên hiểu biết các nghĩa từ với mãnh lực từ ngữ đã có đề cập trong thời gian trước.

Kết Thúc Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên

PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMANAYA)
VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[457] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[458] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. (Trong mỗi Duyên có hai thời kỳ).

[459] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[460] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (Trong mỗi Duyên có một thời kỳ).

[461] Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong

Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[462] Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...v.v..Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Thời kỳ mà có Phi Trưởng Duyên làm Căn Nguyên nên phân tích tương tự với thời kỳ mà có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên bằng cách khấu lưu Phi Nhân Duyên làm chủ yếu.

[463] Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ.

Nên cho quảng nghĩa tiếp tục ở mỗi câu mà không có viết “có ba thời kỳ”. Trong thời kỳ mà có Phi Tiền Sinh Duyên làm Căn Nguyên nên thực hiện vấn đề trong Trùng Dục Duyên và trong Đồ Đạo Duyên, mỗi loại thêm một vấn đề bằng cách khấu lưu Phi Nhân Duyên làm chủ yếu. Phần còn lại tương tự với Phi Nhân Duyên.

“Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên” hoàn bị tương tự với “do bởi Phi Trưởng Duyên”.

[464] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[465] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[466] Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y

Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Câu còn lại nên cho quảng nghĩa theo phương sách này. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[467] Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Nên phân tích tiếp tục cho hoàn bị. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Thời kỳ mà có Phi Dị Thục Quả Duyên làm Căn Nguyên chỉ có điều sai biệt với nhau thôi. Phần còn lại tương tự với thời kỳ mà có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

[468] Do bởi Phi Thiên Na Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[469] Do bởi Phi Thiên Na Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dục Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[470] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong

Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[471] Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên lại giản lược.

[472] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[473] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[474] Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, ngay cả thời kỳ có Phi Trùng Dục Duyên làm Căn Nguyên cũng tương tự với thời kỳ có Phi Nhân Duyên làm Căn Nguyên.

Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, khi thêm cả ba Căn Nguyên này cũng tương tự với nhau.

(Do bởi Phi Bất Tương Ứng Duyên v.v. do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ).

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên Trong Giai Đoạn Hỗn Hòa

GIẢI THÍCH PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

Chỉ có Si Vô Nhân (**Ahetukamoha**) thường được Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Sở Duyên của Phần Nghịch – Thuận Duyên, và các Pháp còn lại thường không được. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên, bậc tu học nên hiểu biết là “thường được tám cái Tâm Vô Nhân trong Phi Thiền Na Duyên”. Lời nói rằng “**Trong Cảnh Duyên có một thời kỳ**” (**Ārammaṇe ekam**) đó là “Vô Ký với Vô Ký” với mãnh lực Tư Tâm Sở Duy Tác Vô Nhân trong Vô Sắc Địa Giới. Lời giải đáp nào thường có được và không được theo phương sách này, Bậc Hiền Trí nên liễu tri phương thức tính toán trong tất cả các Duyên với mãnh lực của lời giải đáp ấy.

Kết Thúc Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Hỗn Hòa

Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa

-----00000-----

GIAI ĐOẠN TƯƠNG ỨNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

[475] 1. Pháp Thiện phối hợp với Pháp Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn phối hợp với một Uẩn ở phần Thiện khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên.

[476] 2. Pháp Bất Thiện phối hợp với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn phối hợp với một Uẩn ở phần Bất Thiện khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên.

[477] 3. Pháp Vô Ký phối hợp với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn phối hợp với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn phối hợp với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

[478] Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN - PACCAYAPACCANĪYANAYA

[479] 1. Pháp Bất Thiện phối hợp với Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là Si câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử phối hợp với các Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

[480] 2. Pháp Vô Ký phối hợp với Pháp Vô Ký khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là ba Uẩn phối hợp với một Uẩn Vô Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn phối hợp với một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn phối hợp với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn phối hợp với hai Uẩn khởi sinh lên. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

[481] Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

[482] Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

[483] Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Tương Ứng tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Hồn Hòa

Ý nghĩa trong Giai Đoạn Hồn Hòa tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Tương Ứng

Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN TƯƠNG ỨNG

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Giai Đoạn Tương Ứng.

Lời nói rằng **“phối hợp với Pháp Thiện” (Kusalam dhammam sampayutto)** có nghĩa là “thực hiện Pháp Thiện cho tác thành Tương Ứng Duyên”. Nghĩa từ còn lại trong việc miêu thuật này, nên hiểu biết theo Phần đã đề cập trong Giai Đoạn Hồn Hòa.

Và trong đoạn cuối Giai Đoạn Tương Ứng đây, lời nói như thế này **“Ý nghĩa trong Giai Đoạn Tương Ứng tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Hồn Hòa. Ý nghĩa trong Giai Đoạn Hồn Hòa tương tự ý nghĩa trong Giai Đoạn Tương Ứng”**, Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm đề khải thuyết rằng hai Giai Đoạn ấy có ý nghĩa bất sai biệt. Quả thực, theo nội dung chủ yếu cả hai Giai Đoạn này thì không có chi sai biệt với nhau cả, tương tự từ ngữ **“Liên Quan” (Paṭicca)** với **“Câu Hành” (Sahajāta)** và từ ngữ **“nuơng nhờ” (Paccayā)** với **“y chỉ”**

(**Nissaya**); mặc dù như thế ấy, Ngài thuyết giáo nhằm để nhấn mạnh ý nghĩa hỗ tương nhau. Quả thực, trong lời chẳng hạn như thế này “các con ngựa mà người ta buộc đôi vào nhau” dù cho vật dụng không được phối hợp nhau, Ngài cũng vẫn gọi là “được hỗn hòa”. Trong lời nói chẳng hạn như thế này “bất luận sự thẩm tra (**Vimaṇsā**) nào đã câu hành với giải đãi (**Kosajja**), đã tương ưng với giải đãi, dù cho sự kiện hỗn tạp lẫn nhau cũng vẫn đạt được tương ưng”. Cả hai Giai Đoạn này, Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm để nhấn mạnh đến thực tính Tương Ưng Duyên có trạng thái cùng đồng sinh với nhau v.v. là Giai Đoạn Hỗn Hòa, và nhằm để nhấn mạnh đến Hỗn Hòa Pháp (**Saṃsaṭṭhadhamma**) có việc đồng cùng sinh với nhau v.v. là trạng thái tác thành Tương Ưng Duyên thể theo Giai Đoạn Tương Ưng. Hơn nữa, cả hai Giai Đoạn này, Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng Đức Thế Tôn thuyết giáo theo phương thức Thuyết Giáo Hoàn Hảo (**Desanāvīlāsa**) (việc thuyết giáo một cách quảng bác) thể theo phẩm cách của Bậc Hữu Tình sẽ trắc tri với trường hợp ấy, và lại với mãnh lực của sự liễu tri uyên bác trong Từ Vô Ngại Giải (**Niruttapaṭisambhidā**).

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Tương Ưng Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng



GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA) PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

I. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[484] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Nhân Duyên.

2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nhân Duyên.

3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nhân Duyên.

[485] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Nhân Duyên.

5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nhân Duyên.

6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nhân Duyên.

[486] 7. Pháp vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, tức là các Nhân ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nhân Duyên.

Trong sát na Tái Tục, các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Nhân Duyên.

GIẢI THÍCH NỘI DUNG GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ GIẢI THÍCH NHÂN DUYÊN (*)

[(*): Kể từ đây trở đi, Bộ Kinh Chú Giải không có đặt chủ đề, Ngài giải thích tiếp nối với nhau trong Phiên Bản dịch thuật này, nêu Chú Giải xen kẽ để ở phần cuối **Pāli** đặt thành chủ đề, nhằm để cho thấu hiểu là giải thích câu chuyện nào đó]

484 – 486] Và trong sáu thời kỳ đây, Bậc Hiền Trí nên liễu tri Phần linh tinh hỗn hợp như thế này “có một số Duyên không đặt ở vị trí theo Phần Thuận Tùng Duyên, chỉ đặt ở vị trí theo Phần Đối Nghịch Duyên thôi, và có một số không đặt ở vị trí theo Phần Đối Nghịch Duyên, chỉ đặt ở vị trí theo Phần Thuận Tùng Duyên thôi, và có một số đặt vị trí ở cả hai phía theo Phần Thuận Tùng Duyên và theo Phần Đối Nghịch Duyên một cách bất định.

Và trong các hỗn hợp linh tinh ấy, vấn đề thứ nhất nên hiểu biết với mãnh lực Hậu Sinh Duyên, vấn đề thứ hai nên hiểu biết với mãnh lực Bộ Tứ Pháp Thú (**Catukkapaṭṭhāna**), vấn đề thứ ba nên hiểu biết với mãnh lực Duyên còn lại tương hợp với nhau.

Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Giai Đoạn Vấn Đề. Lời nói chẳng hạn như thế này “**Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nhân Duyên**” (**Kusalo dhammo dhammassa Hetupaccayena paccayo**) Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm để khai thuyết lời Đáp Vấn (**Visajjanāvāra**) cần nêu lên trong Tam Đề Thiện (**Kusalatika**) với Duyên đã có được, chẳng hạn như thế này “Pháp Thiện có nên làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nhân Duyên không” mà lẽ thường Pháp Thiện này, khi tự khởi sinh lên thì thường khởi sinh lên do bởi 22 Duyên còn lại, loại trừ Hậu Sinh Duyên và Dị Thục Quả Duyên. Khi Pháp Thiện sẽ làm duyên đối với Pháp Thiện thì cũng thường làm duyên do bởi 20 Duyên còn lại, loại trừ Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Tương Ưng Duyên; vì lẽ ấy Pháp Thiện thường làm duyên đối với Pháp Thiện với bất luận Duyên nào, khi sẽ khai thuyết những thể loại Duyên ấy theo thuận tự, Đức Thế Tôn mới lập ý bắt đầu với lời nói rằng “**do bởi Nhân Duyên**” (**Hetupaccayena**) v.v. Tiếp theo đây nên hiểu biết lời giải thích trong nghĩa từ ấy. Bất luận sự thuyết giáo nào, Đức Thế Tôn không thuyết giáo rằng “**Nhân làm duyên đối với các Pháp tương ưng**” tương tự trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ (**Paccayavibhaṅgavāra**) (chỉ có) thuyết giáo như thế này “**Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng**”. Trong sự việc mà Đức Phật Ngài thuyết giáo như thế, có lợi ích trong việc dẫn khởi như thế. Quả thực, Đức Thế Tôn thuyết giáo rằng “**đối với các Pháp**” (**Dhammānaṃ**) như thế này, là nhằm để sẽ khai thuyết nghĩa lý “trống không”. Trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ ấy, các Pháp khi sẽ khởi sinh từ Duyên thì thường khởi sinh theo thành nhóm Pháp, không có khởi sinh lên theo thực tính đơn độc được; vì lẽ ấy, nhằm để khai thuyết nghĩa lý là “**thành nhóm**” trong Giai Đoạn

Phân Tích Duyên Hệ này, Đức Phật mới thuyết giáo rằng “**đối với các Uẩn**” (**Khandhānam**). Hơn nữa, việc khái thuyết Sở Duyên, Đức Phật lập ý nêu lên với mãnh lực Uẩn trong Giai Đoạn Liên Quan v.v. vì lẽ ấy mới lập tức đưa lên khái thuyết ngay trong Giai Đoạn Vấn Đề này lần nữa theo thuận tự ấy. Vấn hỏi rằng: “Và vì lý do nào trong Giai Đoạn này mới lập ý đưa lên nhằm để khái thuyết như thế ?” Trả lời là: “nhằm để khái thuyết việc phân tích một cách bất hỗn tạp với nhau”.

Quả thực, khi Đức Phật thuyết giáo chẳng hạn như thế này “Pháp còn lại khởi sinh lên do bởi nương vào một Pháp”, bậc tu học cũng không có khả năng sẽ hiểu biết Năng Duyên và Sở Duyên một cách bất hỗn tạp với nhau rằng “Pháp này khởi sinh lên do bởi nương nhờ Pháp định danh kia” khi là như thế ấy, Xiển Thuật (**Uddesa**) với Xiển Minh (**Niddesa**) cũng sẽ không có điều sai biệt với nhau, vì lẽ ấy, bậc tu học nên hiểu biết rằng Đức Phật lập ý nêu việc thuyết giáo lên như thế ấy cũng nhằm để khái thuyết việc phân tích một cách bất hỗn tạp.

Lời nói rằng “**Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ**” (**Cittasamuṭṭhānarūpam**) thuyết giáo nhằm để trình bày rằng “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên”. Thế nhưng trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ, Đức Thế Tôn không lập ý thực hiện việc phân tích với mãnh lực Pháp Thiện v.v. không thuyết giáo rằng “có Tâm làm Xuất Sinh Xứ”, mà thuyết giáo là “có Nhân ấy làm Xuất Sinh Xứ” nhằm để trình bày Sắc Pháp khởi sinh lên với mãnh lực các Nhân một cách phổ thông, vì lẽ ấy Sắc Pháp mà có Nhân Vô Ký làm Xuất Sinh Xứ trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ ấy mới hội tập đến với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Trong lời giải đáp còn lại cũng tương tự, bậc tu học nên hiểu biết nội dung chủ yếu theo phương cách này.

Kết Thúc Giải Thích Nhân Duyên

II. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[487] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại việc xả thí, trì giới và thọ trì bát quan trai giới ấy.

2/. Người tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước.

3/. Người xuất khỏi Thiên Định rồi tư khảo lại Thiên Định ấy.

4/. Các Bậc Hữu Học tư khảo lại Tâm Chuyển Tộc rồi tư khảo lại Tâm Dũ Tịnh.

5/. Các Bậc Hữu Học đã xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy.

6/. Bất luận các Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Pháp Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau và là Vô Ngã.

7/. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Thiện.

8/. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ do bởi Cảnh Duyên.

9/. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ do bởi Cảnh Duyên.

10/. Các Uẩn Thiện làm duyên đối với Thân Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí do bởi Cảnh Duyên.

[488] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về Thiện Sự ấy; vì tư duy đến Thiện Sự ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

2/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về các Thiện mà mình đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước; vì tư duy đến Thiện Sự ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

3/. Người xuất khỏi Thiền Định rồi có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về Thiền Định; vì tư duy đến Thiền Định ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử thường khởi sinh lên. Đối với Bậc có sự di hận (**Vippaṭisāra**) khi Thiền Định đã bị táng thất, ưu thọ thường khởi sinh lên.

[489] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Bậc Vô Sinh khi xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy; tư khảo đến Nghiệp Lực đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước; tư khảo kiến giải minh lượng Pháp Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Thiện.

2/. Bất luận các Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Pháp Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; khi Tâm Thiện đã diệt đi rồi Tâm Na Cảnh ở phần Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

3/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về Thiện Sự; vì tư duy đến Thiện Sự ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên; khi Tâm Bất Thiện đã diệt đi rồi Tâm Na Cảnh ở phần Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

4/. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và Duy Tác Thức Vô Biên Xứ do bởi Cảnh Duyên.

5/. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và Duy Tác Phi Tướng Phi Tướng Xứ do bởi Cảnh Duyên.

6/. Các Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với Thân Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn do bởi Cảnh Duyên.

[490] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vào tham ái; vì tư duy đến tham ái ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

2/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vào tà kiến; vì tư duy đến tà kiến ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

3/. Bởi do tư duy hoài nghi, hoài nghi, tà kiến, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

4/. Bởi do tư duy trạo cử, trạo cử, tà kiến, hoài nghi và ưu thọ thường khởi sinh lên.

5/. Bởi do tư duy ưu thọ, ưu thọ, tà kiến, hoài nghi và trạo cử thường khởi sinh lên.

[491] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Các Bậc Hữu Học tư khảo lại các Pháp phiên nào đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiên nào đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiên nào đã từng khởi sinh trong thời gian trước.

2/. Bất luận các Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Pháp Bất Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Bất Thiện.

3/. Các Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn do bởi Cảnh Duyên.

[492] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Bậc Vô Sinh tư khảo lại các Pháp phiên nào đã được đoạn tận, tri đắc các Pháp phiên nào đã từng khởi sinh trong các thời gian trước, thường tư khảo kiến giải minh lượng thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; với Tha Tâm Trí, tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Bất Thiện.

2/. Bất luận các Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Pháp Bất Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; khi Tâm Bất Thiện đã diệt đi rồi Tâm Na Cảnh ở phần Dị Thực Quả thường khởi sinh lên.

3/. Các Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn do bởi Cảnh Duyên.

[493] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Bậc Vô Sinh tư khảo lại Tâm Quả, tư khảo lại Níp Bàn.

2/. Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Quả và đối với Tâm Khai Môn do bởi Cảnh Duyên.

3/. Bậc Vô Sinh thường tư khảo kiến giải minh lượng Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; tư khảo kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ và các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

4/. Bậc Vô Sinh khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhân, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới; với Tha Tâm Trí, tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác.

5/. Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ do bởi Cảnh Duyên.

6/. Duy Tác Thức Vô Biên Xứ làm duyên với Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ do bởi Cảnh Duyên.

7/. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Cảnh Duyên.

8/. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức do bởi Cảnh Duyên.

9/. Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức do bởi Cảnh Duyên.

10/. Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức do bởi Cảnh Duyên.

11/. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Cảnh Duyên.

12/. Các Uẩn ở phần Vô Ký làm duyên đối với Thân Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn do bởi Cảnh Duyên.

[494] 8. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Các Bậc Hữu Học tư khảo lại Tâm Quả, tư khảo lại Níp Bàn.

2/. Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Chuyển Tộc, Tâm Dữ Tịnh và Tâm Đạo do bởi Cảnh Duyên.

3/. Bất luận các Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; tư khảo kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ và các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

4/. Bậc Vô Sinh khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới; với Tha Tâm Trí, tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác.

5/. Các Uẩn ở phần Vô Ký làm duyên đối với Thân Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí do bởi Cảnh Duyên.

[495] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên, tức là:

1/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về Nhãn, vì tư duy đến Nhãn ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên.

2/. Người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ và các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác; vì tư duy đến về Nhĩ ấy, v.v. tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên.

GIẢI THÍCH CẢNH DUYÊN

487 – 495] Lời nói rằng “**xả thí**” (**Dānaṃ datvā**) là “buông bỏ vật phẩm chỗ đáng cho ra”. Hơn nữa, tức là Tư Tâm Sở làm Tác Nhân Xả Thí. Lời nói rằng “**cho ra**” (**Datvā**) là “tu chính Tư Tâm Sở cho thuần khiết”, là “cho khiết tịnh”.

Lời nói rằng “**tuân thủ giới luật**” (**Sīlaṃ samādayitvā**) là “thường xuyên tuân thủ giới luật” (**Samādānaniccasīla**) với mãnh lực Giới Luật có 5 Chi hoặc 10 Chi v.v. “Phát Nguyên Kiềm Chế” (**Samādānavirati**) lập ý khái thuyết với nghĩa từ này. Còn “Phòng Chỉ Kiềm Chế” (**Sampattavirati**) và “Sát Tuyệt Kiềm Chế” (**Samucchadavirati**) lại không có thuyết giáo, vì không có hiển lộ tác thành giới luật trong thế gian. Dù xác thực không có thuyết giáo, thế nhưng cũng được tác thành Cảnh Duyên như nhau. Cả hai Pháp Kiềm Chế ấy, Sát Tuyệt Kiềm Chế tác thành Cảnh Thiện duy nhất đối với các Bậc Hữu Học, không có đối với các hạng người khác. Lời nói rằng “**thọ trì bát quan trai giới**” (**Uposathakammaṃ katvā**) là “phụng hành bát trai giới” có 8 Chi trong ngày bát quan trai giới mà Ngài đã nói như thế này “bắt sát mạng hữu tình và bắt thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân vật phẩm không có cho v.v.” (*)

[(*): Tăng Chi Bộ Kinh, Phẩm Ba Chi (**Āṅguttara Nikāya, Tikanipāta**)]

Lời nói rằng **“tư khảo lại việc xả thí, trì giới và thọ trì bát quan trai giới ấy”** (**Tam paccavekkhati**) có nghĩa là “Bất luận Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu thường tư khảo lại Thiện Sự ấy. Hơn nữa, ngay cả Bậc Vô Sinh cũng thường tư khảo lại. Quả thực, đối với Bậc Vô Sinh, Thiện Sự đã thực hiện trước kia cũng vẫn gọi là Thiện Sự như nhau, và Ngài thường tư khảo lại với bất luận Tâm nào thì Tâm ấy gọi là Tâm Duy Tác; vì lẽ ấy, Tâm Duy Tác ấy mới không có được ở trong quan niệm như thế này **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện”** (**Kusalo dhammo kusalassa dhammassa**). Quả thực, các Nghiệp Lực sắp sửa thực hiện, được thuyết giáo rằng “đã xả thí rồi, đã thọ trì rồi, đã thực hiện rồi” trong lời nói như thế này **“đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước”** (**Pubbe suciṇṇāni**). Các Nghiệp Lực này nên hiểu biết là “không có sắp sửa thực hiện”. Hơn nữa, lời này thuyết giáo nhằm để trình bày Thiện Dục Địa Giới còn lại với Thập Phúc Hành Tông (**Puññākiriyaṅvatthu**) có xả thí v.v.

Lời nói rằng **“xuất khỏi Thiền Định”** (**Jhānaṃ vuṭṭhahitvā** tương đương với **Jhānā vuṭṭhahitvā**). Hơn nữa, từ ngữ Pāli cũng có thể loại này. Lời nói rằng **“Bậc Hữu Học tư khảo lại Tâm Chuyển Tột”** (**Sekkhā gotrabhum**) thuyết giáo ngụ ý đến Bậc Thất Lai. Quả thực, Bậc Thất Lai (**Sotāpanna**) thường tư khảo lại Tâm Chuyển Tột. Còn lời nói rằng **“Dũ Tịnh”** (**Vodānaṃ**) đây, thuyết giáo ngụ ý đến Bậc Nhất Lai (**Sakadāgāmi**) và Bậc Bất Lai (**Anāgāmi**), bởi vì Tâm của các Ngài ấy gọi là “Pháp Chung Thuần Khiết”. Lời nói rằng **“Các Bậc Hữu Học”** (**Sekkhā**) là Bậc Thất Lai, Bậc Nhất Lai và Bậc Bất Lai.

Lời nói rằng **“xuất khỏi Đạo”** (**Maggā vuṭṭhahitvā**) tức là xuất khỏi Đạo mà mình đã chứng đắc với mãnh lực của việc vượt qua Hữu Phần (**Bhavaṅga**) của Đạo và Quả. Còn việc xuất ra khỏi Đạo hoàn toàn rồi tư khảo lại thì thường là không có.

Trong lời nói rằng **“Thiện thể theo thực tướng là Vô Thường”** (**Kusalam aniccato**), bậc tu học nên hiểu biết “đích thị chính là Thiện hiện hành trong Tam Địa Giới đã thâm khắc vào Minh Sát Trí”. Thế nhưng tầng Thiện Minh Sát duy nhất là Dục Địa Giới. Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết Thiện Sắc Địa Giới với lời nói rằng **“Tha Tâm Trí”** (**Cetopariyaññena**). Khái thuyết đặc biệt chỉ ở trong Thiện Vô Sắc Địa Giới đang khởi sinh lên với mãnh lực tác thành Cảnh Thiện Vô Sắc Địa Giới thì với lời nói chẳng hạn như là **“Không Vô Biên Xứ”** (**Ākāśānañcāyatanam**). Lập ý khái thuyết chỉ với mãnh lực Pháp thôi, và không liên quan đến con người. Với lời nói rằng **“các Uẩn Thiện làm duyên đối với Thần Túc Trí”** (**Kusalā khandhā iddhiḍḍhaññassa**) v.v. chính vì lý do ấy mà Tha Tâm Trí dù Ngài đã chủ tâm lấy trong thời gian trước, cũng vẫn thuyết giáo lặp lại trong quan niệm này lần nữa. Lời nói rằng **“hỷ duyệt”** (**Assādeti**) là “thụ hưởng hạnh phúc và hỷ duyệt với Tâm tương ưng với Tham (**Lobha**) mà câu hành Hỷ Thọ. Lời nói rằng **“tâm khoáng thần di”** (**Abhinandati**) tức là hỷ duyệt, là thành người khoáng lạc, hài lòng với mãnh lực Ái Dục (**Taṇhā**) có Hỷ Lạc (**Pīti**), hoặc là vô cùng hỷ duyệt với mãnh lực khẩu nhân tâm huyền trong Pháp mà mình đã quán kiến. Lời nói rằng **“tham ái...thường khởi sinh lên”** (**Rāgo uppajjati**) có nghĩa là “Tham Ái thường khởi sinh lên đối với người đang hỷ duyệt”. Thuyết giáo nghĩa từ này là ngụ ý đến cả tám cái Tâm câu hành Tham. Lời nói rằng **“tà kiến thường khởi sinh lên”** (**Diṭṭhi uppajjati**) có nghĩa là Tà Kiến tương ưng với bốn cái Tâm với mãnh lực của sự thấy sai trật rằng “có Ta ở trong Ta” v.v. thường khởi sinh đối với người vô cùng hỷ duyệt. Và trong trường hợp này, Hoài Nghi

thường khởi sinh đối với người bất định quyết tâm (hoài nghi). Trạo Cử sẽ thường khởi sinh đối với người có tâm thần bất định. Sân Hận thường khởi sinh đối với người đang cùng khổ nghĩ rằng “Thiện Nghiệp Lực mà mình vẫn chưa hề được thực hiện” v.v. Lời nói rằng “**vì tu duy đến Thiện Sự ấy**” (**Tam ārabbhā**) có nghĩa là “tác hành các Nghiệp Lực ấy mà mình đã tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh”. Quả thực, từ ngữ này là đối số nhiều thành số ít. Và lại, theo nguồn gốc thì từ ngữ này là số ít (là hình chữ cổ xưa).

Lời nói rằng “**Bậc Vô Sinh đã xuất khỏi Đạo**” (**Arahā maggā vuṭṭhahitvā**) có nghĩa là “đã xuất khỏi với mãnh lực của việc vượt qua Hữu Phần (**Bhavaṅga**) trong thuận tự của Quả trong Lộ Trình Đắc Đạo và Tâm Phản Cung Tự Tỉnh (**Paccavekkhaṇacitta – Tâm Thăm Thi**) của Bậc Vô Sinh ấy là Vô Ký Duy Tác”. Khi Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết Cảnh Duyên thuộc thể loại Vô Ký Duy Tác này xong, nhằm để sẽ khái thuyết Cảnh Duyên ở phần Vô Ký Dị Thục Quả nữa, Ngài mới thuyết giáo với lời mở đầu rằng “**Các Bậc Hữu Học**” (**Sekkhāvā**). Lời nói rằng “**khi Tâm Thiện đã diệt đi rồi**” (**Kusale niruddhe**) là “khi Lộ Trình Đồng Lực Minh Sát Trí (**Vipassanājavanavithī**) đã dứt”. Lời nói rằng “**Dị Thục Quả**” (**Vipāko**) tức là Dị Thục Quả Dục Địa Giới. Lời nói rằng “**Tâm Na Cảnh**” (**Tadārammaṇatā**) là “tác thành Na Cảnh” giải thích là “Tâm ấy (Tâm Na Cảnh) tác hành Thiện kiến giải minh lượng vào Cảnh Đồng Lực Thiện cho thành Cảnh khởi sinh lên”. Và sẽ không chỉ có khởi sinh duy nhất với mãnh lực của Na Cảnh, mà vẫn còn khởi sinh với mãnh lực Hữu Phần Tái Tục (**Paṭisandhi bhavaṅga**) và Tâm Tử nữa. Quả thực, đối với người tác hành Nghiệp Lực cho thành Cảnh rồi đi tái tục thì Dị Thục Quả thường có Thiện tác thành Cảnh tương tự. Thế nhưng Dị Thục Quả ấy không lập ý khái thuyết ở trong chỗ này vì khó hiểu. Lời nói rằng “**hỷ duyệt...về việc Thiện**” (**Kusalam assādeti**) v.v. thuyết giáo nhằm để khái thuyết Dị Thục Quả có Thiện tác thành Cảnh trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực Bất Thiện. Lời này nói rằng “**đối với Dị Thục Quả Thức Xứ**” (**Viññāṇañcāyatanavipākassa**) dù là Pháp khó hiểu, Đức Phật cũng vẫn thuyết giáo với mãnh lực Dị Thục Quả được, vì Dị Thục Quả Đáo Đại (**Mahaggatavipāka**) không khởi sinh theo sự việc tác thành Na Cảnh. Lời nói rằng với “**đối với Tâm Duy Tác**” (**Kiriyassa**) là Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên theo phương thức Cảnh Duyên, đối với Tâm Duy Tác của vị đã đạt đến bậc Vô Sinh rồi Nhập Thiền Định một cách trái ngược lại (**Paṭiloma**), hoặc một cách xen kẽ một tầng Thiền Định trong Cảnh nơi là Không Vô Biên Xứ mà chưa từng thâm nhập. Lời nói rằng “**đối với Tha Tâm Trí**” (**Cetopariyañāṇassa**) v.v. cần phải kết nối với Khai Môn ở phía trước, và trong điều này có lời giải thích như thế này “các Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với Khai Môn của Tâm ấy (Tâm Thắng Trí) do bởi Cảnh Duyên. Lời nói rằng “**tham ái**” (**Rāgaṃ**) là tham ái của mình hoặc của tha nhân, thế nhưng trong quan niệm này đã có việc giải thích một cách minh hiển rồi, với mãnh lực từ nơi tham ái của mình. Lời nói rằng “**hỷ duyệt**” (**Assādeti**) v.v. có nghĩa lý như đã đề cập, thế nhưng trong cả ba điều Pháp có Hoài Nghi v.v. không thuyết giáo là “**hỷ duyệt**” (**Assādeti**) vì không có thực tính sẽ thích đáng duyệt ý. Và Tà Kiến thường khởi sinh lên trong vị trí này. Đức Thế Tôn đã không thuyết giáo Tà Kiến để ở trước theo thuận tự đi đến, vì lời nói rằng “**hỷ duyệt**” (**Assādeti**) đã bị hủy bỏ, và Tà Kiến ấy Đức Thế Tôn thuyết giáo các Pháp ấy trong các Pháp có Hoài Nghi v.v. đồng dạng với nhau trước rồi thuyết giáo trong thuận tự các Pháp ấy. Và các

Pháp có Tham Ái v.v. này, nên hiểu biết việc khởi sinh lên của Ưu Thọ với mãnh lực không tự ức chế được rằng “tại làm sao các Ác Pháp này khởi sinh lên ?” hoặc với mãnh lực thương tâm hối hận (**Vippattisāra**) có lời nói chẳng hạn như vậy “Ta lại tạo tác điều xấu ác, Ta lại tạo tác Nghiệp Lực ty liệt”.

Lời nói rằng “**về Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường**” (**Cakkhum aniccato**) có nghĩa là “11 Sắc Pháp, đó là: 10 Sắc Thô Thiển Xứ (**Oḷārikāyatana**) và một Sắc Vật (**Vatthu rūpa**)” Ngài đã chủ tâm lấy, vì hiện bày theo thuận tự Minh Sát Trí. Sắc Xứ (**Rūpāyatana**) v.v. Ngài cũng chủ tâm lấy nữa, vì tác thành Cảnh của Nhãn Thức v.v. Và cũng do thuyết giáo như thế này là với mãnh lực Thức (**Viññāṇa**), không phải thuyết giáo với mãnh lực Giới (**Dhātu**), vì thế mới không có chủ tâm lấy Ý Giới. Nên hiểu biết việc chủ tâm lấy Cảnh, và trong chỗ này vẫn không có chủ tâm lấy hết cả thể này. Lời nói rằng “**tư khảo lại Tâm Quả, tư khảo lại Níp Bàn**” (**Phalaṃ paccavekkhaṇ ti nibbānaṃ paccavekkhanti**) thuyết giáo nhằm để khai thuyết Cảnh Thiện Sự hình thành việc tư khảo.

Kết Thúc Giải Thích Cảnh Duyên

III. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[496] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Ở phần Cảnh Trưởng, tức là:

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2/. Người thực hiện các Thiện Sự đã từng tích lũy trong thời gian trước, cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

3/. Người đã xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

4/. Các Bậc Hữu Học thực hiện Tâm Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, rồi tư khảo lại. Thực hiện Tâm Dữ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

5/. Các Bậc Hữu Học đã xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Ở phần Câu Sinh Trưởng, tức là: Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Trưởng Duyên.

[497] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Trưởng Duyên, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là Cảnh Trưởng, tức là:

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định; khi đã thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di về các Thiện Sự đã từng tích lũy trong thời gian trước; vì thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, khi đã

thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

3/. Người đã xuất khỏi Thiền Định thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định; khi đã thực hiện Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

[498] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Ở phần Cảnh Trưởng, tức là Bạc Vô Sinh đã xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Ở phần Câu Sinh Trưởng, tức là Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Trưởng Duyên.

4. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Trưởng Duyên, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là: Câu Sinh Trưởng, tức là Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Trưởng Duyên.

[499] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Ở phần Cảnh Trưởng, tức là người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên. Thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Ở phần Câu Sinh Trưởng, tức là Bất Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Trưởng Duyên.

[500] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Trưởng Duyên, có hai thể loại, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là: Câu Sinh Trưởng, tức là Pháp Bất Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Trưởng Duyên.

[501] 7. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Trưởng Duyên, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là: Câu Sinh Trưởng, tức là Bất Thiện ở phần Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Trưởng Duyên.

[502] 8. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Trưởng và Câu Sinh Trưởng.

Ở phần Cảnh Trưởng, tức là:

1/. Bạc Vô Sinh thực hiện Tâm Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2/. Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Quả do bởi Trưởng Duyên.

Ở phần Câu Sinh Trưởng, tức là: Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác ở phần Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Trưởng Duyên.

[503] 9. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Trưởng Duyên, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là: Cảnh Trưởng, tức là:

1/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện Nhân ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Nhĩ...Tỷ, Thiết, Thân, sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ và các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện Nhĩ v.v. ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

GIẢI THÍCH TRƯỞNG DUYÊN

496 – 504] Trong Xiển Minh Cảnh Duyên, Đức Phật lập ý khái thuyết Thiện hữu quan trong Ngũ Địa Giới với mãnh lực Bậc Hữu Học và Phàm Phu. Trong Xiển Minh Câu Sinh Trưởng cũng tương tự. Bậc Vô Sinh thường không có việc thực hiện cho kiên định trong các Pháp Thiện Hiệp Thế vì đã chứng đắc Pháp bậc tối thượng, vì lẽ ấy mới lập ý khái thuyết đặc biệt chỉ ở phần Đạo Vô Sinh thôi.

Kết Thúc Giải Thích Trưởng Duyên

IV. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[505] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Vô Gián Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Vô Gián Duyên.

2/. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc.

3/. Thuận Tùng làm duyên đối với Dữ Tịnh.

4/. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo.

5/. Dữ Tịnh làm duyên đối với Đạo do bởi Vô Gián Duyên.

[506] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vô Gián Duyên, tức là:

1/. Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất (**Vuṭṭhāna**).

2/. Đạo làm duyên đối với Quả.

3/. Thuận Tùng Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nhập Thiền Quả.

4/. Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Vô Gián Duyên.

[507] 3. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Vô Gián Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện khởi sinh sau sau do bởi Vô Gián Duyên.

[508] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vô Gián Duyên, tức là:

1/. Bất Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất do bởi Vô Gián Duyên.

[509] 5. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vô Gián Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau do bởi Vô Giác Duyên.

2/. Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Khai Môn.

3/. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất.

4/. Thuận Tùng Bậc Vô Sinh làm duyên đối với Nhập Thiền Quả.

5/. Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Bậc Vô Sinh xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Vô Giác Duyên.

[510] 6. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Vô Giác Duyên, tức là: 1/. Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Thiện do bởi Vô Giác Duyên.

[511] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Vô Giác Duyên, tức là:

1/. Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Vô Giác Duyên.

GIẢI THÍCH VÔ GIÁC DUYÊN

505 – 511] Trong Vô Giác Duyên, lời nói rằng “**khởi sinh trước trước**” (**Purimā purimā**) Đức Thế Tôn thuyết giáo kết hợp Pháp Thiện khởi sinh trong cùng một Địa Giới và khác biệt Địa Giới. Lời nói rằng “**Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dữ Tịnh**” (**Anulomam gotrabhussa anulomam vodānassa**) thuyết giáo với mãnh lực Cảnh sai biệt nhau. Lời nói rằng “**Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo. Dữ Tịnh làm duyên đối với Đạo**” (**Gotrabhū maggassa vodānam maggassa**) thuyết giáo với mãnh lực Địa Giới sai biệt nhau. Và nghĩa từ “**Thiện**” trong lời nói rằng “**Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất**” (**Kusalam vuṭṭhānassa**) đây, tức là Thiện hiện hành trong Tam Địa Giới. Lời nói rằng “**Sinh Xuất**” (**Vuṭṭhānam**) là Dị Thục Quả hiện hành trong Tam Địa Giới. Các vị Cần Phần Tu Hành Giả (**Yogāvacara**) thường xuất khỏi từ Lộ Trình Đồng Lực Thiện với những Dị Thục Quả ấy, vì thế Dị Thục Quả ấy Ngài mới gọi là “Sinh Xuất”. Sinh Xuất ấy có hai thể loại, đó là: 1/. Na Cảnh và 2/. Hữu Phần. Cả hai thể loại Sinh Xuất ấy là Sinh Xuất Thiện Dục Địa Giới, một thể loại Hữu Phần duy nhất đó là Sinh Xuất Thiện Đáo Đại. Lời nói rằng “**Đạo làm duyên đối với Quả**” (**Maggo phalassa**) đây, Đức Phật thuyết giáo tách ly ra, vì Dị Thục Quả Siêu Thế không làm được Sinh Xuất, vì hữu quan trong Lộ Trình Đồng Lực. Lời nói rằng “**Thuận Tùng Bậc Hữu Học**” (**Sekkhānam anulomam**) có nghĩa là “Thiện thường không tác thành Vô Giác Duyên đối với Pháp Hữu Học (**Sekkhadhamma**), vì lẽ ấy mới lập ý thực hiện việc tách ly ra. Lời nói rằng “**đối với Nhập Thiền Quả**” (**Phalasamāpattiyā**) là Nhập Thiền Quả của Quả Thất Lai, Quả Nhất Lai và Quả Bất Lai. Lời nói rằng “**đối với Nhập Thiền Quả**” (**Phalasamāpattiyā**) tức là Nhập Thiền Quả Bất Lai (**Anāgāmi phalasamāpatti**). Trong Tâm Bất Thiện thường có được cả hai Sinh Xuất Dị Thục Quả. Trong lời nói rằng “**ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác**” (**Vipākābyākatā kiriyābyākatā**) đây, bậc tu học nên hiểu biết Vô Ký Dị Thục Quả đặc biệt chỉ đối với Vô Ký Dị Thục Quả, và tương tự Vô Ký Duy Tác đặc biệt chỉ đối với Vô Ký Duy Tác. Lời nói rằng “**Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Khai Môn**” (**Bhavaṅgam Āvajjanāya**) v.v. thuyết giáo với mãnh lực Pháp hỗn hòa nhau. Trong lời

nói rằng **“Duy Tác” (Kiriya)** đó, Duy Tác Dục Địa Giới làm Vô Giác Duyên đối với cả hai Sinh Xuất Dị Thục Quả, và Duy Tác Đáo Đại làm Vô Giác Duyên chỉ đối với Hữu Phần thôi. Đức Thế Tôn lập ý bắt đầu với lời nói rằng **“Các Pháp Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với Pháp Thiện khởi sinh sau sau do bởi Vô Giác Duyên”** khái thuyết với bất luận bảy thời kỳ trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ ở thời gian trước, rằng “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện” (do bởi Vô Giác Duyên). Trong quan niệm này, Ngài phân tích Vô Giác Duyên một cách giản yếu với mãnh lực các thời kỳ ấy. Thế nhưng, rằng theo quảng nghĩa trong quan niệm này, Ngài đã nói rằng **“Bậc Hiền Trí nên quy định xiển minh 10 – 17 – 60 chẵn và nhiều hơn đó nữa cho trông thấy tốt đẹp”**. Quả thực, Vô Giác Duyên đây chẳng phải xiển minh chỉ có bảy thể loại ấy thôi, mà xiển minh thường có được 10 thể loại như thế này: 1/. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, 2/. Đối với Dị Thục Quả, 3/. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, 4/. Đối với Dị Thục Quả, 5/. Dị Thục Quả làm duyên đối với Dị Thục Quả, 6/. Đối với Duy Tác, 7/. Duy Tác làm duyên đối với Pháp Thiện, 8/. Đối với Pháp Bất Thiện, 9/. Đối với Dị Thục Quả, 10/. Đối với Duy Tác. Và Vô Giác Duyên này đặc biệt sẽ được xiển minh không chỉ có đối với một thể loại thôi, mà vẫn còn xiển minh được 17 thể loại nữa, đó là: 1/. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, 2/. Đối với Dị Thục Quả

Thiện, 3/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 4/. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, 5/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 6/. Đối với Dị Thục Quả Thiện,

7/. Dị Thục Quả Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả Thiện, 8/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 9/. Đối với Duy Tác,

10/. Dị Thục Quả Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 11/. Đối với Dị Thục Quả Thiện, 12/. Đối với Duy Tác,

13/. Duy Tác làm duyên đối với Duy Tác, 14/. Đối với Thiện, 15/. Đối với Bất Thiện, 16/. Đối với Dị Thục Quả Thiện, và 17/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện.

Và Vô Giác Duyên này đặc biệt sẽ được xiển minh không chỉ có đối với 17 thể loại thôi, mà vẫn còn xiển minh được 60 thể loại nữa. Là như thế nào ?

Là Thiện tác thành Vô Giác Duyên đối với sáu thể loại Thiện, đó là: 1 - 4/. Pháp Thiện Dục Địa Giới tác thành Vô Giác Duyên đối với cả bốn thể loại Thiện theo sự sai biệt của Địa Giới, 5/. Pháp Thiện Sắc Địa Giới và 6/. Pháp Thiện Vô Sắc Địa Giới tác thành Vô Giác Duyên đối với Pháp Thiện khởi sinh trong các Địa Giới của mình.

Còn Thiện tác thành Vô Giác Duyên đối với 12 thể loại Dị Thục Quả, đó là:

1/. Pháp Thiện Dục Địa Giới tác thành Vô Giác Duyên đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới, 2/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 3/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 4/. Đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, 5/. Đối với Dị Thục Quả Siêu Thế,

6/. Pháp Thiện Sắc Địa Giới tác thành Vô Giác Duyên đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 7/. Đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới,

8/. Pháp Thiện Vô Sắc Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới, 9/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 10/. Đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, 11/. Đối với Dị Thục Quả Siêu Thế,

12/. Pháp Thiện Siêu Thế làm duyên đối với Dị Thục Quả Siêu Thế,

Còn Pháp Bất Thiện làm Vô Gian Duyên đối với năm thể loại, đó là: 1/. Đối với Pháp Bất Thiện, 2/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 3 - 5/. Đối với Dị Thục Quả hiện hành trong Tam Địa Giới.

Còn Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với bốn thể loại Dị Thục Quả, đó là: 1/. Đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới, 2/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 3/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 4/. Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới.

Dị Thục Quả Sắc Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với ba thể loại, đó là: 1 - 3/. Đối với Dị Thục Quả Thiện hiện hành trong cả Tam Địa Giới.

Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới làm Vô Gian Duyên đối với hai thể loại, đó là: 1/. Đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, và 2/. Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới.

Dị Thục Quả Siêu Thế làm Vô Gian Duyên đối với bốn thể loại, đó là: 1 - 4/. Đối với Dị Thục Quả Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới.

Dị Thục Quả Thiện làm Vô Gian Duyên đối với 13 thể loại, đó là: Đối với Dị Thục Quả với trường hợp như thế này.

Dị Thục Quả Bất Thiện làm Vô Gian Duyên đối với hai thể loại, đó là: 1/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, và 2/. Đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới.

Ngay cả trong tất cả Dị Thục Quả tác thành Vô Gian Duyên đối với 15 thể loại Dị Thục Quả theo trường hợp như thế này. Dị Thục Quả tác thành Vô Gian Duyên ngay cả đối với Duy Tác có bốn thể loại, đó là: 1/. Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới làm duyên đối với Duy Tác Dục Địa Giới, 2/. Đối với Dị Thục Quả Bất Thiện, 3/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, và 4/. Tương tự đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới cũng làm duyên đối với Duy Tác Dục Địa Giới.

Duy Tác làm Vô Gian Duyên đối với năm thể loại Duy Tác, đó là: 1 - 3/. Duy Tác Dục Địa Giới làm duyên đối với Duy Tác hiện hành trong Tam Địa Giới. 4/. Duy Tác Sắc Địa Giới, 5/. Duy Tác Vô Sắc Địa Giới đặc biệt chỉ đối với Duy Tác trong các Địa Giới của mình.

Duy Tác làm Vô Gian Duyên đối với 11 thể loại Dị Thục Quả, đó là: 1 - 5/. Duy Tác Dục Địa Giới làm duyên đối với Dị Thục Quả Bất Thiện và Dị Thục Quả Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới, 6 - 7/. Duy Tác Sắc Địa Giới làm duyên đối với Dị Thục Quả Thiện Dục Địa Giới và Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 8 - 11/. Duy Tác Vô Sắc Địa Giới làm duyên đối với Dị Thục Quả Thiện hiện hành trong Tứ Địa Giới.

Còn Duy Tác Dục Địa Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện, có hai thể loại, đó là: 1/. Đối với Pháp Thiện, và 2/. Đối với Pháp Bất Thiện, tức là đối với Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện Dục Địa Giới.

Vô Gian Duyên Xiển Minh thường có được 60 chỗ với trường hợp như thế này.

Vô Gian Duyên này sẽ được xiển minh không chỉ có đối với 60 chỗ thể loại thôi, mà vẫn còn xiển minh được nhiều hơn nữa. Là như thế nào ? Là:

1/. Cái Tâm Đại Thiện Dục Địa Giới thứ nhất làm Vô Gian Duyên đối với 53 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với chính bản thân, 2/. Đối với bốn cái Tâm Thiện Sắc Địa Giới, 3/. Đối với 16 cái Tâm Thiện Siêu Thế Hỷ Thọ vì phối hợp tác thành căn cơ, tập hợp lại làm duyên đối với 21 cái Tâm Thiện, 4/. Làm duyên đối với 32 cái Tâm Dị Thục Quả nữa, đó là: 11 cái Tâm Dị Thục Quả Dục Địa Giới khởi sinh với mãnh lực Na Cảnh và Hữu Phần trong chỗ cuối cùng của Đồng Lực, 5/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới và Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới chỉ có hiện hành với mãnh lực Hữu Phần thôi, 6/. Đối với 12 cái Tâm Dị Thục Quả Siêu Thế hiện hành với mãnh lực Nhập Thiên Quả.

Cái Tâm Đại Thiện thứ hai cũng tương tự.

Còn cái Tâm Đại Thiện thứ ba và thứ tư thường tác thành Vô Gian Duyên đối với 21 cái Tâm còn lại, loại trừ Thiện khởi sinh trong các Địa Giới cao hơn và Dị Thục Quả Siêu Thế.

Cái Tâm Đại Thiện thứ năm và thứ sáu tác thành Vô Gian Duyên đối với 33 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với chính bản thân, 2/. Đối với chín cái Tâm Thiện câu hành Xả Thọ khởi sinh trong các Địa Giới cao hơn và 3/. Đối với 23 cái Tâm Dị Thục Quả.

Cái Tâm Đại Thiện thứ bảy và thứ tám tác thành Vô Gian Duyên chỉ đối với 21 cái Tâm thôi.

Năm Tâm Thiện Sắc Địa Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với 10 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với Thiện Sắc Địa Giới khởi sinh ở phía sau bản thân, 2/. Đối với bốn cái Tâm Đại Dị Thục Quả Tương Ứng Trí và 3/. Đối với năm cái Tâm Dị Thục Quả Sắc Địa Giới.

Thế theo chính ở Phần này, tất cả các Tâm Vô Sắc Địa Giới thì cái Tâm thứ nhất tác thành Vô Gian Duyên đối với 11 cái Tâm phối hợp với Tâm Dị Thục Quả của mình. Cái Tâm Thiện Vô Sắc Địa Giới thứ hai làm Vô Gian Duyên đối với 12 cái Tâm. Cái Tâm Thiện Vô Sắc Địa Giới thứ ba làm Vô Gian Duyên đối với 13 cái Tâm. Cái Tâm Thiện Vô Sắc Địa Giới thứ tư làm Vô Gian Duyên đối với 15 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 14 cái Tâm và 2/. Đối với một cái Tâm Nhập Thiên Quả.

Tâm Thiện Siêu Thế đặc biệt chỉ làm duyên đối với các Tâm Dị Thục Quả của mình.

Tất cả tám cái Tâm câu hành Tham, từng mỗi cái Tâm Bất Thiện tác thành Vô Gian Duyên đối với 21 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 11 cái Tâm Ý Thức Giới Dị Thục Quả Dục Địa Giới, 2/. Đối với 9 cái Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Hai cái Tâm câu hành Sân tác thành Vô Gian Duyên đối với bảy cái Tâm, đó là: 1/. Đối với sáu cái Tâm Ý Thức Giới Dị Thục Quả Dục Địa Giới câu hành Xả Thọ, và 2/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Hai cái Tâm câu hành Hoài Nghi và Trạo Cử tác thành Vô Gian Duyên đối với 21 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 11 cái Tâm Ý Thức Giới Dị Thục Quả Dục Giới phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân câu hành Hỷ Thọ, 2/. Đối với chín cái Tâm, đó là: a/. Đối với năm cái Tâm Dị Thục Quả Sắc Địa Giới và b/. Đối với bốn cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Ngũ Thức ở phía Dị Thục Quả Thiện tác thành Vô Gian Duyên đối với Ý Giới ở phía Dị Thục Quả Thiện. Ý Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với hai cái Ý Thức Giới ở phía Dị

Thục Quả. Hai cái Ý Thức Giới ở phía Dị Thục Quả ấy, cái Tâm câu hành Hỷ Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 12 cái Tâm, đó là: 1/. 10 cái Ý Thức Giới ở phía Dị Thục Quả làm nhiệm vụ ở phần Hữu Phần, 2/. Đối với chính bản thân khởi sinh ở phía sau bản thân trong thời gian làm Na Cảnh, và 3/. Đối với Duy Tác Đoán Định (**Voṭṭhabbanakiriyā**). Còn Ý Thức Giới Vô Nhân câu hành Xả Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 12 cái Tâm tương tự, đó là: 1/. Đối với Ý Giới Khai Môn, 2/. Đối với Ý Thức Giới Khai Môn (có hai vị trí), và 3/. Đối với 10 cái Ý Thức Giới Dị Thục Quả.

Đại Dị Thục Quả ở phần Tam Nhân (**Tihetuka**) tác thành Vô Gian Duyên đối với 21 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 10 cái Ý Thức Giới ở phía Dị Thục Quả thuộc Dục Địa Giới. Loại trừ Tâm Thảm Tấn Hỷ Thọ (**Somanassasantīraṇa**). 2/. Đối với Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, 3/. Đối với Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, và 4/. Đối với cả hai Tâm Khai Môn.

Dị Thục Quả Nhị Nhân (**Duhetukavipāka**) tác thành Vô Gian Duyên đối với 12 cái Tâm còn lại, loại trừ Dị Thục Quả Đáo Đại.

Năm Dị Thục Quả Sắc Địa Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với 19 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 17 cái Tâm Tái Tục Dị Thục Quả Thiện Hữu Nhân (**Sahetukakusalavipākapaṭi sandhicitta**) hiện hành trong cả Tam Địa Giới, và 2/. Đối với hai cái Tâm Khai Môn.

Trong những Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới, cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới thứ nhất tác thành Vô Gian Duyên đối với chín cái Tâm, đó là: 1/. Đối với bốn cái Tâm Tái Tục Dị Thục Quả Thiện Tam Nhân thuộc Dục Địa Giới, 2/. Đối với bốn cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới và 3/. Đối với một cái Tâm Khai Ý Môn (**Manodvārāvajjanacitta**).

Cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới thứ hai tác thành Vô Gian Duyên đối với tám cái Tâm, loại trừ một cái Tâm Dị Thục Quả bậc thấp hơn.

Cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới thứ ba tác thành Vô Gian Duyên đối với bảy cái Tâm, loại trừ hai cái Tâm Dị Thục Quả bậc thấp hơn.

Cái Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Địa Giới thứ tư tác thành Vô Gian Duyên đối với sáu cái Tâm, loại trừ ba cái Tâm Dị Thục Quả bậc thấp.

Bốn cái Tâm Dị Thục Quả Siêu Thế tác thành Vô Gian Duyên đối với 14 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 13 cái Tâm Dị Thục Quả Tam Nhân, và 2/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Ngũ Thức ở phía Dị Thục Quả Vô Nhân tác thành Vô Gian Duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả Bất Thiện. Ý Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với Ý Thức Giới Vô Nhân ở phía Dị Thục Quả Vô Nhân.

Ý Thức Giới Vô Nhân ở phía Dị Thục Quả Bất Thiện đó, tác thành Vô Gian Duyên đối với 12 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau trong thời gian làm Na Cảnh, 2/. Đối với 9 cái Tâm Dị Thục Quả hiện hành với mãnh lực Tái Tục và Hữu Phần trong thời kỳ Từ Vong (**Cutikāla**), và 3/. Đối với hai cái Tâm Duy Tác Dục Địa Giới câu hành với Xả Thọ.

Ý Giới Duy Tác tác thành Vô Gian Duyên đối với 10 cái Tâm Ngũ Thức.

Duy Tác Tiểu Sinh tác thành Vô Gian Duyên đối với 13 cái Tâm mà không tính trùng lặp, đó là: 1/. Đối với chín cái Tâm Dị Thục Quả Tam Nhân hiện hành với mãnh lực Hữu Phần

trong Cõi Ngũ Uẩn, và 2/. Đối với năm cái Tâm Dị Thục Quả câu hành Hỷ Thọ, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Duy Tác Đoán Định (**Votṭhabbanakiriya**) tác thành Vô Gian Duyên đối với 45 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 10 cái Tâm Duy Tác Dục Địa Giới, loại trừ Ý Giới Duy Tác, 2/. Đối với tám cái Tâm Thiện Dục Địa Giới, 3/. Đối với 12 cái Tâm Bất Thiện, và 4/. Đối với 15 cái Tâm Dị Thục Quả hiện hành với mãnh lực Hữu Phần trong Cõi Ngũ Uẩn.

Hai cái Tâm Duy Tác Tam Nhân Dục Địa Giới câu hành Hỷ Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 25 cái Tâm đã tính rồi không tính lại nữa, đó là: 1/. Đối với 13 cái Tâm Dị Thục Quả Tam Nhân hiện hành với mãnh lực Hữu Phần, 2/. Đối với năm cái Tâm Dị Thục Quả câu hành với Hỷ Thọ với mãnh lực Na Cảnh, 3/. Đối với bốn cái Tâm Duy Tác Sắc Địa Giới hiện hành với mãnh lực Chuẩn Bị (**Parikamma**), 4/. Đối với bốn cái Tâm Vô Sinh Nhập Thiền Qua câu hành Hỷ Thọ với mãnh lực Vô Sinh Nhập Thiền Quả, và 5/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Hai cái Tâm Duy Tác Nhị Nhân câu hành Hỷ Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 17 cái Tâm mà không tính trùng lặp với nhau, đó là: 1/. Đối với 13 cái Tâm Hữu Phần theo như đã đề cập, 2/. Đối với năm cái Tâm Na Cảnh, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Hai cái Tâm Duy Tác Tam Nhân Dục Địa Giới câu hành Xả Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 24 cái Tâm mà không tính trùng lặp với nhau, đó là: 1/. Dích thị đối với 13 cái Tâm Hữu Phần, 2/. Đối với 6 cái Tâm Dị Thục Quả câu hành Xả Thọ hiện hành với mãnh lực Na Cảnh, 3/. Đối với một cái Tâm Duy Tác Sắc Địa Giới hiện hành với mãnh lực Chuẩn Bị, 4/. Đối với bốn cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới, 5/. Đối với một cái Tâm Vô Sinh Nhập Thiền Quả, và 6/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Hai cái Tâm Duy Tác Nhị Nhân câu hành Xả Thọ tác thành Vô Gian Duyên đối với 18 cái Tâm mà không tính trùng lặp với nhau, đó là: 1/. Đối với 13 cái Tâm Hữu Phần, 2/. Đối với sáu cái Tâm Na Cảnh, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Từng mỗi cái của tất cả Tâm Duy Tác Sắc Địa Giới tác thành Vô Gian Duyên đối với 10 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với chín cái Tâm Hữu Phần Tam Nhân trong Cõi Ngũ Uẩn, và 2/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau.

Tất cả Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới, cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thứ nhất tác thành Vô Gian Duyên đối với 11 cái Tâm, đó là: 1/. Đối với 9 cái Tâm Hữu Phần trong Cõi Ngũ Uẩn, 2/. Một cái nữa trong Cõi Tứ Uẩn, và 3/. Đối với một cái chính bản thân khởi sinh ở phía sau. Cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thứ hai thường được hai cái Tâm Hữu Phần trong Cõi Tứ Uẩn. Cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thứ ba được ba cái. Cái Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới thứ tư thường được bốn cái Tâm Hữu Phần, và một cái nữa Nhập Thiền Quả. Từng mỗi cái của tất cả Tâm Duy Tác Vô Sắc Địa Giới ấy tác thành Vô Gian Duyên đối với 11 - 12 - 13 và 15 cái theo thuận tự như vậy.

Vô Gian Duyên thường được xiển minh trong rất nhiều thể loại với trường hợp như thế này, vì lý do ấy Ngài mới nói rằng **“Bậc Hiền Trí nên quy định xiển minh 10 – 17 – 60 chỗ và nhiều hơn đó nữa cho trông thấy tốt đẹp”**.

Kết Thúc Giải Thích Vô Giác Duyên

V. ĐĂNG VÔ GIÁC DUYÊN (SAMANTARAPACCAYA)

[512] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

2/. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

3/. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

4/. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

5/. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[513] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là:

1/. Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất (**Vuṭṭhāna**) do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

2/. Đạo làm duyên đối với Quả do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

3/. Thuận Tùng của Bạc Hữu Học làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

4/. Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ của Bạc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[514] 3. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là Các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện khởi sinh sau sau do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[515] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là Bất Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[516] 5. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

2/. Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Khai Môn do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

3/. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

4/. Thuận Tùng của Bạc Vô Sinh làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

5/. Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ của Bạc Vô Sinh xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[517] 6. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Vô Giác Duyên, tức là Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Thiện do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

[518] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Đăng Vô Giác Duyên, tức là Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Đăng Vô Giác Duyên.

VI. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) (*)

[(*)]: Kể từ Duyên thứ 16, Bộ Chú Giải không có giải đáp]

[519] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên. Ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên. Hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên.

[520] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

[521] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

[522] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên.

[523] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

[524] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

[525] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là:

1/. Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và đối với Sắc Tái Tục do bởi Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Câu Sinh Duyên.

3/. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Câu Sinh Duyên.

4/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn do bởi Câu Sinh Duyên.

5/. Một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên. Ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên. Hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên.

6/. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh do bởi Câu Sinh Duyên.

7/. Một Sắc Đại Hiện Ngoại làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên.

8/. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh do bởi Câu Sinh Duyên.

9/. Một Sắc Đại Hiện ở phần Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên.

10/. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh do bởi Câu Sinh Duyên.

11/. Một Sắc Đại Hiện ở phần Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh do bởi Câu Sinh Duyên.

12/. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Câu Sinh Duyên. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh do bởi Câu Sinh Duyên.

[526] 8. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

[527] 9. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Câu Sinh Duyên.

VII. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[528] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Hổ Tương Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên.

[529] 2. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Hổ Tương Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên.

[530] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hổ Tương Duyên, tức là:

1/. Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên. Ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên. Hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ do bởi Hổ Tương Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Cơ do bởi Hổ Tương Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ do bởi Hổ Tương Duyên.

3/. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Hổ Tương Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn do bởi Hổ Tương Duyên.

4/. Một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Hổ Tương Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Hổ Tương Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Hổ Tương Duyên.

5/. Đối với Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiệt Xuất Sinh Xứ v.v. (*) [(*)]: xem điều 524].

6/. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Hổ Tương Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Hổ Tương Duyên.

VIII. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[531] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên.

[532] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

[533] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

[534] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên.

[535] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

[536] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

[537] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là:

1/. Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Y Chỉ Duyên.

3/. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Y Chỉ Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên.

4/. Một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên.

5/. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh do bởi Y Chỉ Duyên.

6/. Ở phần Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiệt Xuất Sinh Xứ...

7/. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Y Chỉ Duyên.

8/. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh do bởi Y Chỉ Duyên.

9/. Nhân Xứ làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Y Chỉ Duyên, Nhĩ Xứ...Tỷ Xứ...Thiệt Xứ...Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Y Chỉ Duyên.

10/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác do bởi Y Chỉ Duyên.

[538] 8. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Thiện do bởi Y Chỉ Duyên.

[539] 9. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Y Chỉ Duyên.

[540] 10. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Thiện và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên.

[541] 11. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Y Chỉ Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện và các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chỉ Duyên.

[542] 12. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Y Chỉ Duyên, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Y Chỉ Duyên.

[543] 13. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Kỳ làm duyên đối với Pháp Vô Kỳ do bởi Y Chi Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Y Chi Duyên.

IX. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[544] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới; thực hiện các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2/. Người thực hiện các Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước, cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

3/. Người xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

4/. Các bậc Hữu Học thực hiện Tâm Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Tâm Dữ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

5/. Các Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Ở phần Vô Gián Cận Y Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn Thiện khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Cận Y Duyên.

2/. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc do bởi Cận Y Duyên.

3/. Thuận Tùng làm duyên đối với Dữ Tịnh do bởi Cận Y Duyên.

4/. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo do bởi Cận Y Duyên.

5/. Dữ Tịnh làm duyên đối với Đạo do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người nương nhờ Tín rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

2/. Người nương nhờ Tín...Giới...Văn...Thí...Tuệ...rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

3/. Tín...Giới...Văn...Thí...Tuệ làm duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ do bởi Cận Y Duyên.

4/. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền do bởi Cận Y Duyên.

5/. Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền do bởi Cận Y Duyên.

6/. Chuẩn Bị Tam Thiền làm duyên đối với Tam Thiền do bởi Cận Y Duyên.

- 7/. Chuẩn Bị Tứ Thiên làm duyên đối với Tứ Thiên do bởi Cận Y Duyên.
- 8/. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ do bởi Cận Y Duyên.
- 9/. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ do bởi Cận Y Duyên.
- 10/. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Vô Sở Hữu Xứ do bởi Cận Y Duyên.
- 11/. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ do bởi Cận Y Duyên.
- 12/. Sơ Thiên làm duyên đối với Nhị Thiên do bởi Cận Y Duyên v.v.
- 13/. Tứ Thiên làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ, Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ làm duyên đối với Vô Sở Hữu Xứ, Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ do bởi Cận Y Duyên.
- 14/. Chuẩn Bị Thiên Nhân Trí làm duyên đối với Thiên Nhân Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 15/. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới làm duyên đối với Thiên Nhĩ Giới do bởi Cận Y Duyên.
- 16/. Chuẩn Bị Thần Túc Trí làm duyên đối với Thần Túc Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 17/. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí làm duyên đối với Tha Tâm Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 18/. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí làm duyên đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 19/. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí làm duyên đối với Tùy Nghiệp Thú Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 20/. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 21/. Thiên Nhân Trí làm duyên đối với Thiên Nhĩ Giới do bởi Cận Y Duyên.
- 22/. Thiên Nhĩ Giới làm duyên đối với Thần Túc Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 23/. Thần Túc Trí làm duyên đối với Tha Tâm Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 24/. Tha Tâm Trí làm duyên đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 25/. Túc Mạng Tùy Niệm Trí làm duyên đối với Tùy Nghiệp Thú Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 26/. Tùy Nghiệp Thú Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí do bởi Cận Y Duyên.
- 27/. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 28/. Chuẩn Bị Nhị Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 29/. Chuẩn Bị Tam Đạo làm duyên đối với Tam Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 30/. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 31/. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 32/. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 33/. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo do bởi Cận Y Duyên.
- 34/. Các Bạc Hữu Học đã nương nhờ Đạo, thực hiện Nhập Thiền Định vẫn chưa sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định đã khởi sinh rồi tư khảo kiến giải minh lượng các Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

35/. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải (**Atthapaṭisambhidā**), Pháp Vô Ngại Giải (**Dhammapaṭisambhidā**), Từ Vô Ngại Giải (**Niruttapaṭisambhidā**), Biện Vô Ngại Giải (**Paṭibhāṇapaṭisambhidā**), và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ (**Thāna**) và Phi Xứ (**Athāna**) của các Bậc Hữu Học do bởi Cận Y Duyên.

[545] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cận Y Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi thường hỷ duyệt, tâm khoáng thản di vì thực hiện các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thản di vì thực hiện các Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

3/. Người đã xuất khỏi Thiền Định thường hỷ duyệt, tâm khoáng thản di vì thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã nương nhờ Tín thường ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

2/. Người đã nương nhờ Giới...Văn...Thí...Tuệ rồi thường ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

3/. Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ làm duyên đối với tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến và đối với sự dục vọng do bởi Cận Y Duyên.

[546] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Giá Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Ở phần Vô Giá Cận Y Duyên, tức là:

1/. Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất do bởi Cận Y Duyên.

2/. Đạo làm duyên đối với Quả do bởi Cận Y Duyên.

3/. Thuận Tùng của các Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

4/. Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người nương nhờ Tín rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân.

2/. Người nương nhờ Giới...Văn...Thí...Tuệ rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân.

3/. Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

4/. Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả do bởi Cận Y Duyên.

5/. Bậc Vô Sinh nương nhờ Đạo thực hành việc Nhập Thiền Định Duy Tác vẫn chưa khởi sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định Duy Tác đã khởi sinh, tư khảo lại Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

6/. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải (**Atthapaṭisambhidā**), Pháp Vô Ngại Giải (**Dhammapaṭisambhidā**), Từ Vô Ngại Giải (**Niruttapaṭisambhidā**), Biện Vô Ngại Giải (**Paṭibhāṇapaṭisambhidā**), và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ (**Thāna**) và Phi Xứ (**Aṭhāna**) của các Bậc Vô Sinh do bởi Cận Y Duyên.

7/. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

[547] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thần di vì thực hiện tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thần di vì thực hiện tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Ở phần Vô Gian Cận Y Duyên, tức là 3/. Các Uẩn Bất Thiện khởi sinh lên trước trước làm duyên đối với các Uẩn khởi sinh sau sau do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là 4/. Người đã nương vào tham ái rồi thực hiện việc sát mạng hữu tình, thâm đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát mạng mẫu thân, sát mạng phụ thân, sát mạng bậc Vô Sinh, chích thân huyết Đức Như Lai với tâm hiểm ác, phá hòa hợp Tăng Đoàn.

5/. Người đã nương vào sân hận rồi thực hiện việc sát mạng hữu tình, thâm đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát mạng mẫu thân, sát mạng phụ thân, sát mạng bậc Vô Sinh, chích thân huyết Đức Như Lai với tâm hiểm ác, phá hòa hợp Tăng Đoàn.

6/. Người đã nương vào si mê, ngã mạn, tà kiến và sự dục vọng rồi thực hiện việc sát mạng hữu tình, thâm đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát mạng mẫu thân, sát mạng phụ thân, sát mạng bậc Vô Sinh, chích thân huyết Đức Như Lai với tâm hiểm ác, phá hòa hợp Tăng Đoàn.

7/. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến và sự dục vọng làm duyên đối với tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến và đối với sự dục vọng do bởi Cận Y Duyên.

[548] 8/. Sát mạng hữu tình làm duyên đối với sát mạng hữu tình do bởi Cận Y Duyên.

9/. Sát mạng hữu tình làm duyên đối với thân đạo tài vật..đối với tính dục tà hạnh ...đối với vọng ngữ...đối với ly gián ngữ...đối với thô ác ngữ...đối với hồ ngôn loạn ngữ... đối với ý tham ác...đối với ý cừu hận...đối với ý tà kiến do bởi Cận Y Duyên.

10/. Thân đạo tài vật làm duyên đối với thân đạo tài vật do bởi Cận Y Duyên.

11/. Thân đạo tài vật làm duyên đối với tính dục tà hạnh, đối với vọng ngữ (giản lược nội dung), đối với ý tà kiến và đối với sát mạng hữu tình do bởi Cận Y Duyên.

Nên liên kết cho thành vòng luân chuyển tình lược.

[549] 12/. Tính dục tà hạnh làm duyên đối với tính dục tà hạnh do bởi Cận Y Duyên.

13/. Tính dục tà hạnh làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với thân đạo tài vật do bởi Cận Y Duyên.

14/. Vọng ngữ làm duyên đối với vọng ngữ do bởi Cận Y Duyên.

15/. Vọng ngữ làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với tính dục tà hạnh do bởi Cận Y Duyên.

16/. Ly gián ngữ làm duyên đối với ly gián ngữ do bởi Cận Y Duyên.

17/. Ly gián ngữ làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với vọng ngữ do bởi Cận Y Duyên.

18/. Thô ác ngữ (hạ lưu thoại) làm duyên đối với thô ác ngữ do bởi Cận Y Duyên.

19/. Thô ác ngữ (hạ lưu thoại) làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với ly gián ngữ do bởi Cận Y Duyên.

20/. Hồ ngôn loạn ngữ làm duyên đối với hồ ngôn loạn ngữ do bởi Cận Y Duyên.

21/. Hồ ngôn loạn ngữ làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với thô ác ngữ do bởi Cận Y Duyên.

22/. Ý tham ác làm duyên đối với ý tham ác do bởi Cận Y Duyên.

23/. Ý tham ác làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với hồ ngôn loạn ngữ do bởi Cận Y Duyên.

24/. Ý cừu hận làm duyên đối với ý cừu hận do bởi Cận Y Duyên.

25/. Ý cừu hận làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với ý tham ác do bởi Cận Y Duyên.

26/. Ý tà kiến làm duyên đối với ý tà kiến do bởi Cận Y Duyên.

27/. Ý tà kiến làm duyên đối với sát mạng hữu tình, thân đạo tài vật, tính dục tà hạnh, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, ý tham ác, ý cừu hận do bởi Cận Y Duyên.

[550] 28/. Nghiệp lực sát mạng mẫu thân (*) làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng mẫu thân do bởi Cận Y Duyên.

[(*)]: Ý nghĩa trong điều 548 – 549 – 550 tập hợp lại ở trong điều 547, là với “Bất Thiện làm duyên đối với Bất Thiện”.]

29/. Nghiệp lực sát mạng mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng phụ thân, nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh, nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai, nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn...chuẩn xác tà kiến do bởi Cận Y Duyên.

30/. Nghiệp lực sát mạng phụ thân làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng phụ thân do bởi Cận Y Duyên.

31/. Nghiệp lực sát mạng phụ thân tác thành nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh, nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai, nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn, chuẩn xác tà kiến... nghiệp lực sát mạng mẫu thân do bởi Cận Y Duyên.

32/. Nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh do bởi Cận Y Duyên.

33/. Nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh làm duyên đối với nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai v.v. nghiệp lực sát mạng phụ thân do bởi Cận Y Duyên.

34/. Nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai làm duyên đối với nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai do bởi Cận Y Duyên.

35/. Nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai làm duyên đối với nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn v.v. nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh do bởi Cận Y Duyên.

36/. Nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn làm duyên đối với nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn do bởi Cận Y Duyên.

37/. Nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến v.v. nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai do bởi Cận Y Duyên.

38/. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến do bởi Cận Y Duyên.

39/. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng mẫu thân, nghiệp lực sát mạng phụ thân, nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh, nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai và đối với nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn do bởi Cận Y Duyên.

Nên liên kết cho thành vòng luân chuyển tính lực.

[551] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cận Y Duyên, chỉ có duy nhất một thể loại, đó là Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã nương vào tham ái rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

2/. Người đã nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

3/. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng làm duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ do bởi Cận Y Duyên.

4/. Người đã sát mạng hữu tình rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

5/. Người đã thâm đạo vật phẩm mà chủ nhân vật phẩm không có cho rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh

lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

6/. Người đã nói lời giả dối rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

7/. Người đã nói lời ly gián rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

8/. Người đã nói lời thô tục (hạ lưu thoại) rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

9/. Người đã nói lời vô ích rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

10/. Người đã cắt chặn nơi giao lộ rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

11/. Người đã cướp đoạt không cho dư sót rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

12/. Người đã thực hiện cướp đoạt chỉ trong một nhà rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

13/. Người đã đứng rình trộm nơi đường vắng vẻ rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

14/. Người đã mạo phạm vợ tha nhân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành

Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

15/. Người đã thực hiện việc sát lược thôn dân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

16/. Người đã thực hiện việc sát lược thị dân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng hữu tình ấy, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

17/. Người đã sát mạng mẫu thân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng mẫu thân, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới.

18/. Người đã sát mạng phụ thân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng phụ thân, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới.

19/. Người đã sát mạng Bạc Vô Sinh rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực sát mạng Bạc Vô Sinh, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới.

20/. Người đã chích thân huyết Đức Như Lai với Tâm hiểm ác rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới.

21/. Người đã phá hòa hợp Tăng Đoàn rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ quả báo của việc phá hại Tăng Đoàn, mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới.

[552] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cận Y Duyên, có hai thể loại, đó là: Vô Gian Cận Y và Thường Cận Y.

Ở phần Vô Gian Cận Y, tức là Bất Thiện làm duyên đối với Sinh Xuất (**Vuṭṭhāna**) do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã nương vào tham ái rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân.

2/. Người đã nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân.

3/. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

4/. Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thực Quả do bởi Cận Y Duyên.

[553] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Bậc Vô Sinh thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2/. Níp Bàn làm duyên đối với Quả do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Vô Gian Cận Y Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau do bởi Cận Y Duyên.

2/. Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Khai Môn.

3/. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất (**Vuttthāna**).

4/. Thuận Tùng Bậc Vô Sinh làm duyên đối với Nhập Thiền Quả.

5/. Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

2/. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

3/. Quý Tiết làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

4/. Vật Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

5/. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

6/. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Vật Thực, Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và đối với Nhập Thiền Quả do bởi Cận Y Duyên.

7/. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc do bởi Cận Y Duyên.

8/. Bậc Vô Sinh nương nhờ Thân Thọ Lạc thực hành việc Nhập Thiền Định Duy Tác vẫn chưa khởi sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định Duy Tác đã khởi sinh, tư khảo lại Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

9/. Bậc Vô Sinh nương nhờ Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Vật Thực, Trú Xứ, thực hành việc Nhập Thiền Định Duy Tác vẫn chưa khởi sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định Duy Tác đã khởi sinh, tư khảo lại Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

[554] 8. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Bậc Hữu Học thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Níp Bàn cho thành cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2/. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Đạo do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Vô Giác Cận Y Duyên tức là Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn ở phần Thiện do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

2/. Người đã nương nhờ Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Vật Thực, Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

3/. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Vật Thực, Trú Xứ làm duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ do bởi Cận Y Duyên.

[555] 9. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Giác Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

Ở phần Cảnh Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Nhân cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện Nhân ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2/. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thân di vì thực hiện Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ và các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi đã thực hiện Nhĩ v.v. ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thì tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Ở phần Vô Giác Cận Y Duyên, tức là Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Cận Y Duyên.

Ở phần Thường Cận Y Duyên, tức là:

1/. Người đã nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi sát mạng hữu tình, thù đạo vật phẩm mà chủ nhân vật phẩm không có cho, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trộm nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát mạng mẫu thân, sát mạng phụ thân, sát mạng bậc Vô Sinh, chích thân huyết Đức Như Lai với tâm hiểm ác, phá hòa hợp Tăng Đoàn.

2/. Người đã nương nhờ Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Vật Thực, Trú Xứ rồi sát mạng hữu tình, thù đạo vật phẩm mà chủ nhân vật phẩm không có cho, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trộm nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát mạng mẫu thân, sát mạng phụ thân, sát mạng bậc Vô Sinh, chích thân huyết Đức Như Lai với tâm hiểm ác, phá hòa hợp Tăng Đoàn.

3/. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Âm Thực, Trú Xứ làm duyên đối với tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng do bởi Cận Y Duyên.

GIẢI THÍCH CẬN Y DUYÊN

551 – 555] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Cận Y Duyên.

544] Lời nói rằng **“nương nhờ Tín” (Saddham upanissāya)** là thực hiện Đức Tin (tức là sự tương tín) trong Nghiệp Lực, Quả Báo Nghiệp Lực, kiếp này và kiếp sau v.v. cho thành chỗ nương nhờ một cách kiên cố, giống như là người ta tin rằng phía dưới mặt đất có nước mới đào mặt đất như thế nào thì danh môn đệ tử có Đức Tin cũng như thế ấy, tin Quả Báo và Thiện Công Đức của xả thí v.v. rồi thường **“Hiển Cấp Thi” (Paricāgadāna)** v.v. vì lẽ ấy, Ngài mới nói rằng **“nương nhờ Tín”**. Trong lời nói rằng **“nương nhờ Giới” (Sīlam upanissāya)** v.v. giải thích rằng **“thực hành các thể loại Pháp này có Giới v.v. cho thành chỗ nương nhờ một cách kiên cố”**. Quả thực, người có Giới Luật là bậc thông tuệ trong Uy Lực Tối Thượng của Giới Luật (**Sīlānubhāva**) và trong Thiện Công Đức của Giới Luật. Do y cứ Giới Luật (**Sīla**) mới xả thí đối với người có Giới Luật, tuân thủ Giới Luật bậc cao thượng, thọ trì bát quan trai giới trong ngày bán nguyệt, có ngày 14 âm lịch v.v. cho thuần khiết, bất khuyết pháp. Do y cứ **“Phẩm Chất Giới Luật” (Sīlasampatti)** thường thực hành các Ân Đức Pháp (**Guṇadhamma**) có Thiên Định v.v. cho khởi sinh lên. Ngay cả bậc đa văn thánh kiến, với Tuệ Văn Như Nguyên Dĩ Thường (**Sutamaya Paññā**) đã trác tri đến mọi thể loại phẩm chất hữu quan với Phúc Hành Tông (**Puñṇakiriyavatthu**) có xả thí v.v. và sự sai biệt của sâu muợn âm trầm và sự thuần khiết Thiện Pháp có xả thí v.v. và y cứ Tuệ Văn tu hành Thiện Pháp có xả thí v.v. Ngay cả bậc phóng khí có sự khiêm tốn trong phương thức hiển cấp, y cứ việc tín ngưỡng cùng với việc quyên hiến (**Cāga**) của mình mới xả thí, tuân thủ giới luật vì liễu giải rằng xả thí mà người có Giới cho ra thường có rất nhiều quả báo, thọ trì bát quan trai giới vì việc thực hành như thế mới thành người có Tâm thuần khiết, thường thực hành các Ân Đức Pháp (**Guṇadhamma**) có Thiên Định v.v. cho khởi sinh lên. Phía bậc hữu phước quy định việc liễu đắc lợi ích trong kiếp này và kiếp sau, và phương sách sẽ siêu xuất khỏi thế gian, y cứ tri thức một cách chu đáo rằng bởi do điều thực hành này có thể làm cho bản thân người ta đạt đến sự lợi ích vừa ở trong kiếp này vừa ở trong kiếp sau, vì thế thường tu hành Thiện Pháp có xả thí v.v., và Pháp có Tín v.v. sẽ không chỉ là đức tính duy nhất của việc xả thí không thôi, thường là đức tính ngay chính của Tín v.v. sẽ khởi sinh lại với bản thân trong ngày vị lai, vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ tác thành Cận Y Duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ” (Saddhā sīlam sutam cāgo paññā saddhāya sīlassa sutassa cāgassa paññāya)**. Lời nói rằng **“Chuẩn Bị” (Parikamma)** có nghĩa là bậc tu học nên chủ tâm lấy Chuẩn Bị ở trong phần ban đầu, không phải tác thành Vô Gián Duyên, mà đích thị là Chuẩn Bị Thiên Nhân Thức, thường có đối với cả hai Trí, đó là: Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí, ngoài ra không có Chuẩn Bị. Cả hai Trí này đích thị là thị từng của Thiên Nhân. Khi đã thành tựu Thiên Nhân ấy, cả hai Trí cũng thành tựu theo. Ngay khi là như thế, bậc tu học nên hiểu biết rằng Chuẩn Bị Nhân Thức lập ý hướng tâm nhằm để thể loại tri thức ấy tác thành Chuẩn Bị của cả hai Trí, bởi vì cả hai Trí ấy không có mọi chuẩn tắc (**Gatī**) tương tự Thiên Nhân, và do vậy mới đặc biệt có thêm Chuẩn Bị ở trong cả Trí này. Lời nói rằng **“Thiên Nhân làm duyên đối**

với Thiên Nhĩ Giới” (**Dibbacakkhu dibbāya sotādhā tuyā**) (điều 544 điều phụ 21) có nghĩa là “Thiên Nhãn của bậc trông thấy Sắc ở nơi xa xôi, rồi sẽ cần phải lắng nghe âm thanh thể loại Sắc ấy, tác thành Cận Y Duyên đối với sự thanh triệt của Nhĩ Giới”. Và Thiên Nhĩ Giới thường tác thành Cận Y Duyên đối với Thần Túc Trí với mãnh lực thành người đã thính đạo âm thanh thể loại Sắc ấy, rồi có ý định đi đến chỗ ấy. Bậc Hiền Trí nên liễu tri việc tác thành Cận Y Duyên với mãnh lực sự phù trợ đối với các Pháp ấy trong tất cả mọi nơi, với trường hợp như thế này. Lời nói rằng **“đã nương nhờ Đạo, thực hiện Nhập Thiền Định vẫn chưa sinh cho khởi sinh lên”** (**Maggam upanissāya anuppannam samāpattim**) (điều 544 điều phụ 34) có nghĩa là “Với các Đạo ấy, bất luận Bậc Thánh Nhân nào thực hiện các Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên vì tình huống nguy hiểm hy thiếu và đã đoạn lìa, vì thế, Đạo của các Bậc Thánh Nhân ấy mới gọi là “tác thành Cận Y Duyên đối với Nhập Thiền Định”. Lời nói rằng **“tư khảo kiến giải”** (**Vipassanti**) là “thường kiến giải minh lượng vì nhu yếu cho Đạo bậc cao khởi sinh lên”. Lời nói rằng **“Nghĩa Vô Ngại Giải”** (**Atthapaṭisambhidā**) là lời mở đầu, đích thị là Đức Thế Tôn thuyết giáo đến các Pháp Vô Ngại Giải (**Paṭisambhidā**) đã được thành tựu bởi do việc chứng đắc Đạo. Và lại, chính đích thị Đạo gọi là tác thành Cận Y vì hiện hành trong các Cảnh ấy về sau của các Pháp Vô Ngại Giải này đã được thành tựu với trường hợp như thế này.

545] Lời nói rằng **“đã nương nhờ Tín Tín thường ngã mạn, chấp thủ tà kiến”** (**Saddham upanissāya jappeti**) có nghĩa là “thường làm cho ngã mạn hiện hành rằng “Ta là người có Tín kiên thành”. Lời nói rằng **“thường chấp thủ tà kiến”** (**Diṭṭhim gaṇhāti**) có nghĩa là “người suy nghĩ với mãnh lực niềm tin trong các lời nói mà bất tư khảo nội dung với Trí Tuệ, là thường chấp thủ lấy Tà Kiến với mãnh lực của sự ngộ giải rằng “người hiện hữu v.v.”. Lời nói rằng **“Giới, Văn, Thí, Tuệ”** (**Sīlam sutam cāgam paññam**) có nghĩa là “khởi sinh ngã mạn lên rằng “Ta là người có Giới Luật (Giới), là người đã nghiêng tai lắng nghe (Văn), có sự buông bỏ (Thí), có tri thức mọi phương diện (Tuệ)”. Và khi người thực hiện sự ngộ giải với mãnh lực tà kiến cho khởi sinh lên trong Giới, Văn, Thí và Tuệ, tương tự sự ngộ giải với mãnh lực ngã mạn, thường chấp thủ lấy tà kiến. Nên hiểu biết thâm định trong lời nói rằng **“đối với tham ái”** (**Rāgassa**) v.v. các thể loại tà kiến, ngã mạn ấy, từng mỗi Pháp tác thành Cận Y Duyên đối với tham ái trong thời gian y cứ Phẩm Chất có Tín v.v. rồi tán dương bản thân. Tác thành Cận Y Duyên đối với Sân Hận trong thời gian y cứ Phẩm Chất có Tín v.v. rồi trào tiêu tha nhân. Tác thành Cận Y Duyên đối với si mê tương ưng với cả hai tham ái và sân hận tác thành Cận Y Duyên đối với sự dục vọng Hữu Công Đức (**Bhavasampatti**) và Tài Sản Công Đức (**Bhogasampatti**) vì y cứ Phẩm Chất có Tín v.v. Đức Thế Tôn lập ý chỉ có khái thuyết Thiện Hiệp Thế (**Lokiyakusala**) trong quan niệm này thôi, với trường hợp như vậy. Còn Thiện Siêu Thế (**Lokuttarakusala**) là Pháp an tịnh, tinh lương, tối thượng, tuyệt diệt Pháp Bất Thiện, vì thế, mới coi như là bất tác thành Cận Y Duyên đối với Bất Thiện trong quan niệm này, tương tự mặt trắng bất tác thành Cận Y Duyên đối với bóng tối như thế ấy.

546] Lời nói rằng **“làm cho bản thân phải khốn khổ”** (**Ātāpeti**) v.v. Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm để khái thuyết Vô Ký Pháp với mãnh lực Thân Thọ Khổ. Quả thực, người có Tín, y cứ Tín, không sợ hãi đối với sự lạnh quá nóng quá, chỉ quan tâm trong việc kiến tạo v.v. có các trường hợp sai khác, gọi là thường làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân

tiêu tảo bất an. Người nghĩ suy rằng “Ta đã có Tài Sản Công Đức (**Bhoga sampatti**) rồi sẽ tạo tác Phước Báu” gọi là “thường cảm thọ khổ đau vì có sự tầm cầu làm khởi nhân”. Ngay cả người có Giới, gọi là “thường làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an với mãnh lực Khổ Hành Điều Tiết Dục (**Dhūtaṅga – Tu Hành Đầu Đà**), có việc tu hành ở ngoài trời (**Abbhokāsikavatthu - Tu Hành Không Khoáng Xứ**) v.v. nhằm để thọ trì Giới Luật”. Gọi là “thường cảm thọ khổ đau vì có sự tầm cầu làm khởi nhân” với mãnh lực thành người thọ trì Khổ Hành Điều Tiết Dục với việc tu hành trì bình khát thực (**Piṇḍapāta**) v.v. Ngay cả người đã nghiêng tai lắng nghe (Văn), nghĩ suy rằng “Ta sẽ thực hành cho phù hợp đối với Bạc Đa Văn (**Bāhussuta**)”. Trì bình khát thực theo Phần đã đề cập đến, gọi là “thường làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an”. Gọi là “thường cảm thọ khổ đau vì có sự tầm cầu làm khởi nhân”. Ngay cả người có sự buông bỏ (Thí), vì tâm tính luôn thiên hướng trong việc phóng khí, xả khí cho hết đến nỗi không còn điều kiện để phụng dưỡng sinh mạng mình, hoặc thực hiện việc xả khí khí quan v.v. gọi là “thường làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an”. Gọi là “thường cảm thọ khổ đau vì có sự tầm cầu làm khởi nhân” vì đã đem vật chất ra để tiến hành việc phóng khí. Ngay cả người hữu trí (Tuệ), y cứ sự hữu trí, không suy nghĩ đến sự lạnh nóng v.v. tận lực chú tâm trong việc học thuộc lòng, với nghĩ suy rằng “Ta sẽ làm cho có Trí Tuệ tăng lên cao tốt” gọi là “thường làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu tảo bất an”. Trông thấy tác nghiệp trong Tà Mạng và Thiện Công Đức trong Chánh Mạng, mới từ bỏ Tà Mạng và tầm cầu cơ năng phụng dưỡng sinh mệnh với việc mưu sinh triệt để can tịnh. Gọi là “thường cảm thọ khổ đau vì có sự tầm cầu làm khởi nhân”.

Lời nói rằng “**đối với Thân Thọ Lạc**” (**Kāyikassa sukhassa**) là “đối với Thân Thọ Lạc trong thời gian An Lạc khởi sinh lên đối với sắc thân, mà có Sắc tinh lương, có Tín v.v. làm Xuất Sinh Xứ, đã tiếp xúc trong thời gian sử dụng công cụ của sự an lạc mà khởi sinh lên bởi do y cứ Phẩm Chất có Tín v.v. Và đối với Thân Thọ Lạc có sự hân hoan và hỷ lạc (**Pīti**), không có sự khốn khổ với mãnh lực của công cụ sự an lạc làm khởi nhân, làm Xuất Sinh Xứ đã xúc cấp; và đối với Thân Thọ Lạc trong thời gian Quả Dị Thục an lạc khởi sinh lên vì công cụ của sự an lạc ấy đã tạo tác trong thời gian khởi sinh lên sự an lạc. Và đối với Thân Thọ Khổ trong thời gian Khổ Đau khởi sinh lên theo Phần đã đề cập đến, và trong thời gian có việc sát mạng và bị giam trong ngục tù mà người đã phải ức chế vì không có được Ân Đức Phẩm Vị (**Guṇasamapatti**) có Tín v.v. phối hợp. Và trong thời gian Nhập Thiền Quả, y cứ Tín v.v. hiện hành, từng mỗi Pháp trong các Pháp có Tín v.v. nên hiểu biết rằng làm duyên do bởi Cận Y Duyên đối với Nhập Thiền Quả. Lời nói rằng “**Thiện Nghiệp Lực**” (**Kusalam kamma**) là Tư Tâm Sở Thiện (**Kusalacetanā**) tác thành Cận Y Duyên đối với Dị Thục Quả của mình. Thế nhưng Tư Tâm Sở ấy đặc biệt phải có năng lực, thường không có năng lực yếu đuối được. Trong điều ấy có câu chuyện như tiếp theo đây (**Udāharāṇa - làm lệ chứng**).

“Kể chuyện với nhau rằng: Một phụ nữ muốn thắt cổ tự tử, mới treo sợi dây trên thân cây, và sửa soạn sắp bày vật dụng thích hợp. Ngay lúc đó, một kẻ cướp (**Cora**) nghĩ suy rằng “về đêm Ta đi thẳng vào nhà ấy rồi sẽ lấy sợi dây này buộc một số vật dụng lấy cắp đi, rồi mới lấy con dao cắt dây xuống”. Theo trình tự, sợi dây ấy đã biến thành con rắn độc hù dọa, và tên

cướp sợ hãi không dám đi vào. Phụ nữ ra khỏi nhà và đã đút cổ vào trong sợi dây thòng lọng thắt cổ tự tử. Tư Tâm Sở đã có năng lực cấm chỉ hãm lạc điều nguy hiểm tác thành Cận Y Duyên đối với Dị Thục Quả của mình với trường hợp như thế này”. Thế nhưng lời nói này cũng không đáng giữ lấy một cách xác tín, bởi vì Nghiệp Lực đã có cơ hội cấm chỉ được điều nguy hiểm của Dị Thục Quả thế này thì thường cho quả báo, còn Nghiệp Lực vẫn chưa cho trở sinh Dị Thục Quả như đã đề cập thì không tác thành Cận Y Duyên đối với Dị Thục Quả. Trong lời nói rằng **“Nghiệp Lực” (Kammam)** đây, Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng “đó là Nghiệp Lực hiện hành trong cả Tứ Địa Giới”. Và lời nói mà Ngài đã nói tiếp theo “Đạo tác thành Cận Y Duyên đối với Nhập Thiền Quả”, là đã nói với mãnh lực Pháp mà không có Tư Tâm Sở (**Cetanā**). Với lời nói ấy, khái thuyết cho thấy rằng “đích thị Pháp vẫn còn cho Dị Thục Quả khởi sinh lên tác thành Cận Y Duyên đối với Dị Thục Quả của mình”.

547] Lời nói rằng **“đã nương vào tham ái rồi thực hiện việc sát mạng hữu tình” (Rāgam upanissāya paṇam hanati)** có nghĩa là “Người có tính xung động trong bất luận vật dục nào, thường sát mạng hữu tình ngăn cản trong vật dục ấy, hoặc vì lợi ích đối với vật dục ấy. Ngay cả trong thân đạo tài vật, v.v. bậc tu học nên hiểu biết nội dung theo phương sách này. Lời nói rằng **“cắt chặn nơi giao lộ” (Sandhim chindati)** v.v. thuyết giáo với mãnh lực “Thâu Đạo” (**Adinnādāna**). Lời nói rằng **“nơi giao lộ” (Sandhim)** trong quan niệm ấy ngụ ý lấy “vách nhà”. Lời nói rằng **“cướp đoạt không cho dư sót” (Nillopanam harati)** là “kẻ trộm lên đi vào”.

Lời nói rằng **“thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà” (Ekāgārikam karoti)** là “rất nhiều người cùng nhau bao quanh phía sau duy nhất một căn nhà để cướp đoạt”. Lời nói rằng **“đứng rình trần lột nơi đường vắng vẻ” (Paripantheti tittṭhati)** là “đứng rình thực hiện điều hung ác người lữ hành”. Trong lời nói rằng **“đã nương vào sân hận rồi” (Dosam upanissāya)** v.v. có nghĩa là “tạo tác sự sân hận cho khởi sinh lên với mãnh lực sự phẫn hận rằng “Ông ấy đã gây sự hủy diệt hoàn toàn đối với Ta” v.v. cho tác thành Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“đã nương vào si mê rồi” (Moham upanissāya)** là “tác hành sự si mê che giấu tác nghiệp trong “Sát Mạng” (**Pāṇātipāta**) v.v. cho tác thành Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“đã nương vào ngã mạn” (Mānam upanissāya)** là “thực hiện sự kiêu ngạo rằng “Tại sao mới không được giết chứ”, “tại sao chúng ta mới không được trộm chứ” cho tác thành Cận Y Duyên. Hoặc giải thích rằng “Gặp ai ông ta cũng coi thường vũ nhục” rồi dẫn lấy việc coi thường ấy cũng tác thành Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“đã nương vào tà kiến rồi” (Ditṭhim upanissāya)** là “tạo tác tà kiến trong “các nghi thức cúng tế thần thánh” (**Yaññā**) v.v. tương tự các vị Bà La Môn và nhóm người ăn bám (**Pārāsita**) cùng bọn người dã man (**Milakkha – Dã Nhân**), cho tác thành Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“sự dục vọng” (Patthanam upanissā ya)** là “thực hiện sự dục vọng chẳng hạn như thể loại này “nếu như Tôi hoàn thành xuất sắc công việc này, và sẽ thực hiện lễ cúng tế như thế này cho Ngài, hoặc Ngài hãy đem vật lễ cúng tế Hội Chúng Thiên kia đến cho Tôi, hoặc hãy đem lấy cho người đằng kia, hoặc là Ngài hãy đến cùng làm bạn hữu (**Sahāya**) của chúng tôi đang thực hiện công việc này”, cho thành Cận Y Duyên. Trong lời nói rằng **“tham ái, sân hận, ngã mạn, tà kiến và sự dục vọng làm duyên đối với tham ái” (Rāgo**

doso māna diṭṭhi patthanā rāgassa) đây, tham ái vừa tác thành Cận Y Duyên đối với tham ái và vừa đối với Pháp có sân hận v.v. Ngay cả trong sân hận v.v. cũng có Phần này tương tự.

548] Lời nói rằng “**Sát mạng làm duyên đối với sát mạng**” (**Pāṇātipāto pāṇātipā tassa**) có nghĩa là “người ưa thích sát mạng hữu tình thường sẽ lại sát mạng hữu tình khác nữa, vì đặt ở trong vị trí bất kiểm chế”. Hoặc là thường sát mạng gia quyến bằng hữu của người bị sát mạng đến gây tổn thương lẫn nữa. Sát Mạng (**Pāṇātipāta**) tác thành Cận Y Duyên đối với Sát Mạng (**Pāṇātipāta**) với trường hợp như thế này. Lại nữa, Sát Mạng tác thành Cận Y Duyên đối với Thâu Đạo (**Adinnādāna**) v.v. trong thời gian sát mạng chủ nhân hoặc thủ hộ nhân, lấy cắp đồ đạc của họ đi. Trong việc sát mạng người chồng rồi mạo phạm vợ tha nhân, trong thời gian nói dối rằng “không có sát mạng”, trong thời gian nói lời ly gián nhằm để che giấu Nghiệp Lực tự bản thân đã tạo tác, hoặc vì muốn tạo tác Nghiệp Lực mà vẫn chưa được tạo tác trong thời gian nói lời thô tục (hạ lưu thoại), nói lời vô ích, trong thời gian chú mục kỳ vọng được tài sản của tha nhân, trong thời gian nghĩ suy rằng khi ông ta đã bị sát tử rồi thân tộc cùng thân hữu, triều thần của ông ta phải tiêu thất toàn bộ đi v.v., và trong thời gian chấp thủ tà kiến với mãnh lực của người đã tạo tác Nghiệp Lực khôn khéo rằng Sát Mạng của ông ta sẽ dứt khoát như thế này v.v. Bậc Hiền Trí nên liễu tri nội dung trong sự luân chuyển Pháp có Thâu Đạo (**Adinnādāna**) v.v. làm khởi nhân theo phương sách này.

550] Lời nói rằng “**Nghiệp lực sát mạng mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát mạng mẫu thân**” (**Mātughātakammaṃ mātughātakammasa**) có nghĩa là “Nghiệp Lực sát mạng mẫu thân tác thành Cận Y Duyên đối với Nghiệp Lực sát mạng mẫu thân”. Đối với người trông thấy người khác đã sát mạng mẫu thân rồi vì thế cũng sát mạng mẫu thân của mình với sự nghĩ suy rằng việc làm như thế thích đáng; hoặc với mãnh lực của việc sát mạng trong một kiếp rồi sát mạng trong kiếp khác nữa; hoặc trong cùng một kiếp với nhau, với khả năng của việc chỉ thị lặp đi lặp lại rằng Ngài hãy đi sát mạng mẫu thân của ông ta; hoặc với mãnh lực của việc sát hại lần thứ hai nhằm để cho dứt khoát tử vong với việc sát hại hai lần. Ngay cả câu còn lại, bậc tu học nên hiểu biết nội dung tương tự theo chỗ thích hợp với Phần này. Một vài nhóm Giáo Thọ nói rằng Bất Thiện có năng lực bất tác thành Cận Y Duyên đối với Bất Thiện có năng lực yếu kém, vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo chỉ với mãnh lực Vô Gian Nghiệp Lực (**Anantariyakamma**) hữu quan với Nghiệp Lực Đạo Lộ (**Kammapatha**) thôi. Như thế, không đáng tin cậy nhận chân. Bởi vì người tạo đã tác Nghiệp Lực có Sát Mạng v.v. bị can ngăn lại “vì sao tạo tác thế ấy” thường thực hiện trạng thái vừa nổi giận vừa nóng nảy. Và khi phiền não có ước lượng ít ỏi đã khởi sinh lên, ông ta thường để cho phiền não ấy tăng lên và thường thực hiện việc xâm phạm, vì lẽ ấy Pháp Bất Thiện hữu năng lực thường tác thành Cận Y Duyên đối với Pháp Bất Thiện suy bại lực, và Pháp Bất Thiện suy bại lực cũng thường tác thành Cận Y Duyên ngay cả đối với Bất Thiện hữu năng lực tương tự. Và lời nào mà Ngài đã nói để ở trong lời giải thích xiển thuật của Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ rằng “Pháp gọi là “tác thành Cận Y Duyên” vì có nghĩa lý “là Tác Nhân hữu năng lực”. Lời nói ấy Ngài đã nói chỉ “vì thực tính của việc thành Tác Nhân hữu năng lực” mà thôi, không phải là Pháp tác thành Cận Y Duyên. Quả thực, các Nghiệp Lực và Phiền Não, là đa năng lực hoặc suy bại lực, sẽ là Tác Nhân đều có năng lực hết cả.

551] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong lời nói rằng **“Người đã nương vào tham ái rồi thường xả thí” (Rāgaṃ upanissāya dānaṃ deti)** v.v. Người thấm nhập y cứ sự hỷ duyệt trong Sinh Hữu (**Uppattibhava**) hoặc trong các tài sản (**Bhoga**) rằng như thế này “làm thế nào Ta mới sẽ đầu nhập kết bằng hữu với Chúng Thiên tăng Tứ Đại Thiên Vương được nhi ?” rồi mới xả thí. Ngay cả trong việc tuân thủ giới luật và thọ trì bát quan trai giới cũng có Phần này tương tự. Và khi người thực hành Thiền Định cho khởi sinh vì nhu yếu ức chế tham ái, thực hành Minh Sát Trí cho khởi sinh vì nhu yếu xả ly tham ái, thực hành Đạo cho khởi sinh vì nhu yếu đoạn tuyệt Hữu (**Bhava**), đoạn tuyệt Sinh (**Jāti**) gọi là liên kết y khao tham ái làm cho khởi sinh lên. Lại nữa, khi thúc đẩy cho Thắng Trí và Nhập Thiền Định khởi sinh, vì muốn cho xa lìa tham ái cũng gọi là liên kết y khao tham ái cho khởi sinh lên tương tự. Quả thực, chỉ với sự nhu yếu này thôi, vị ấy thường đã là người xa lìa tham ái.

Lời nói rằng **“đối với Tín” (Saddhāya)** là sự tương tín hiện hành với mãnh lực xả thí v.v. Ngay cả trong Giới v.v. cũng có Phần này tương tự. Giống như là khi thúc đẩy Tín v.v. cho khởi sinh với mãnh lực xả thí v.v. gọi là liên kết y khao tham ái cho khởi sinh như thế nào, bậc tu học nên hiểu biết rằng ngay cả tham ái v.v. cũng gọi là tác thành Cận Y Duyên đối với Tín v.v. như thế ấy. Lời nói rằng **“để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực” (tassa paṭighātattāya)** là “nhằm để cấm chỉ Dị Thục Quả”, giải thích là “nhằm để cho Dị Thục Quả không có cơ hội khởi sinh lên”. Trong các Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (**Sappaṭighātaḍḍhamma**) (Pháp có việc thanh trừ) chỉ có giải thích ngần này. Vấn hỏi rằng: “Bất luận Pháp Vô Gian Nghiệp Lực nào không có “bài xích lực” (**Paṭighāta**) (thanh trừ) tại làm sao Đức Thế Tôn lại thuyết giáo rằng **“để sẽ thanh trừ quả báo của nghiệp lực”** trong các Pháp Vô Gian Nghiệp Lực ấy ?” Trả lời là “thuyết giáo với mãnh lực phẩm cách của vị ấy”. Quả thực, vị ấy thường có phẩm cách là sẽ tiến hành để nhu yếu sẽ tiêu trừ Pháp ấy (Dị Thục Quả). Đức Thế Tôn lập ý chủ tâm lấy phẩm cách ấy, mới thuyết giáo như thế này.

552] Lời nói rằng **“Người đã nương vào tham ái rồi làm cho bản thân phải khôn khổ” (Rāgaṃ upanissāya attānaṃ ātāpeti)** bậc tu học nên hiểu biết lại tất cả sự việc theo Phần trước, ấy là “người trông thấy phần Phước Báo đã được tạo tác gian nan khôn khổ của người đã hỷ duyệt trong bất luận tài sản nào, thì thường cũng (bắt buộc) làm theo như thế ấy”. Lời nói rằng **“đối với Thân Thọ Lạc” (Kāyikassa sukhassa)** là “hoạch đắc sự an lạc do thực hiện Thiện Sự với mãnh lực của việc vượt thoát Bất Thiện có tham ái v.v.” hoặc là với mãnh lực của việc thụ hưởng tính dục (**Paribhogakāma**) của người vẫn chưa trông thấy tác nghiệp với mãnh lực tham ái v.v. Lời nói rằng **“đối với khổ đau” (Dukkassa)** là “sự khổ đau khởi sinh lên với mãnh lực của việc tiếp cận phiền não v.v.” (việc tự làm cho bản thân phải khôn khổ) hoặc sự khổ đau khởi sinh lên với mãnh lực của việc sát mạng và việc bị giam trong ngục tù hiện hành bởi tác nhân tham ái v.v. Lời nói rằng **“đối với Nhập Thiền Quả” (Phalasamāpattiya)** ngụ ý đến Ân Đức Pháp (**Guṇadhamma**) mà vị Cẩn Phần Tu Hành Giả (**Yogāvacara**) cho khởi sinh lên, vì đã đoạn tuyệt được phiền não có tham ái v.v. hoặc ngụ ý đến Chủng Đức (**Guṇajāti**) mà Bậc đã chán ghét những thể loại tham ái ấy v.v. đã am hiểu sâu sắc.

553] Lời nói rằng **“Thân Thọ Lạc” (Kāyikaṃ sukhaṃ)** v.v. có nghĩa là “khi sự an lạc khởi sinh lên, người hỷ duyệt sự an lạc ấy, thực hiện sự an lạc ấy cho khởi sinh lên hoài hoài với cùng một thể loại tác duyên ấy. Sự an lạc ở thời gian trước gọi là tác thành Cận Y Duyên đối với sự an lạc ở thời gian sau. Và trong những sự lạnh nhạt v.v. khi người ta giao thiệp quá mức mà sự nóng nảy có sự nóng nảy do bởi lửa v.v. Sự an lạc ban đầu thường tác thành Cận Y Duyên đối với sự khổ đau sau này. Hơn nữa trong quan niệm này, Thân Thọ Khổ của vị khẩu nhân tâm huyền trong các dục trần rằng “tiếp xúc cánh tay có lông mềm mại của nữ du sĩ ngoại đạo (**Paribbājikā**) này là an lạc thực nhĩ !” như thế này, thường tác thành Cận Y Duyên đối với Thân Thọ Khổ trong địa ngục. Còn khi vị du già tu hành giả (**Yogī**) có sự an lạc vì không có bệnh và Nhập Thiền Quả, Thân Thọ Lạc thường tác thành Cận Y Duyên đối với Nhập Thiền Quả. Và khi người thụ hưởng sự an lạc vì đã tiêu trừ khổ đau, tương tự Đức Thế Tôn Nhập Thiền Quả, trấn tịnh bệnh hoạn (**Ābādha**) vì đã tiêu trừ khổ đau, Thân Thọ Khổ thường tác thành Cận Y Duyên đối với Thân Thọ Lạc và đối với Nhập Thiền Quả. Quý tiết (**Utu**) tốt đẹp thường tác thành Cận Y Duyên đối với sự an lạc và đối với Nhập Thiền Quả. Quý tiết không tốt đẹp thường tác thành Cận Y Duyên đối với sự khổ đau. Hơn nữa, khi người dục cầu thụ hưởng sự an lạc khởi sinh lên với mãnh lực Sắc Pháp khởi sinh trong Nhập Thiền Định bằng cách ức chế sự không tốt đẹp bởi do Quý Tiết biến hoại. Cho dù Quý Tiết sẽ không tốt đẹp (của Ngài) cũng được làm duyên đối với Nhập Thiền Quả tương tự. Ngay cả trong Âm Thực (**Bhojana**) và Trú Xứ (**Senāsana**) cũng có Phần này tương tự. Tiếp đến, lời nói rằng **“Thân Thọ Lạc” (Kāyikaṃ sukhaṃ)** v.v. Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết kết hợp lại nhau một cách đặc biệt. Thế nhưng bậc tu học nên hiểu biết sự làm duyên của những thể loại Pháp ấy thể theo Phần đã đề cập trong thời gian trước tương tự. Lời nói rằng **“Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc” (Phalasamāpatti kāyikassa sukhaṃ)** là “Nhập Thiền Định làm duyên đối với sự an lạc khởi sinh lên với mãnh lực Sắc Pháp có Nhập Thiền Định làm Xuất Sinh Xứ”.

Quả thực, vị du già tu hành giả (**Yogī**) đã xuất khỏi Nhập Thiền Định rồi thường được thụ hưởng sự an lạc ấy.

554] Trong lời nói rằng **“Người đã nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi xả thí” (Kāyikaṃ upanissāya sukhaṃ dānaṃ)** v.v. bậc tu học nên hiểu biết sự an lạc và sự khổ đau tác thành Cận Y Duyên với mãnh lực an lạc đã được đón nhận rồi vẫn chưa có suy giảm đi, rằng “làm thế nào sự an lạc này của Ta sẽ không được suy giảm đi nhĩ ?” hoặc với mãnh lực của việc đạt đạo an lạc mà bản thân chưa đạt đến, rằng “làm thế nào Ta sẽ am hiểu sâu sắc sự an lạc thế này trong lần sau nữa nhĩ ?” Ngay cả trong khổ đau cũng nên hiểu biết với mãnh lực của sự suy giảm đi, rằng “làm thế nào khổ đau sẽ suy giảm đi nhĩ ?” hoặc với mãnh lực dục cầu không cho khổ đau khởi sinh, rằng “khổ đau thế này không nên khởi sinh lại nữa”. Đích thị Quý Tiết, Vật Thực và Trú Xứ có Phần như đã đề cập. Tiếp đến, ngay cả trong lời nói rằng **“Thân Thọ Lạc” (Kāyikaṃ sukhaṃ)** v.v. có nghĩa là “vì Tín thường khởi sinh ngay cả với người đã đạt đạo an lạc” như trong lời nói rằng “Bần đạo **Moggallāna** Bậc giải thoát thống khổ, việc thâm khắc lý giải Đức Phật Ngài vừa là tác thành y thác (**Saraṇa**) và vừa là tác thành thiện lương, thường khởi sinh ngay với người đạt đạo khổ đau”(*)

[(*)]: Tăng Chi Bộ Kinh (**Sampayuttanikāya**), Phẩm Sáu Xứ (**Saḷāyatanaṅga**) 18 / [524 / 331]

Và như trong lời nói rằng “Đức Thế Tôn tự giác ngộ thật phù hợp một Đức Phật, Đức Phật ấy thường khái thuyết nhằm đề quy định liễu đắc khổ đau thế này”.(*)

[(*)]: Tiểu Bộ Kinh – Tự Thuyết Kinh (**Khuddakanikāya - Udāna**) 25 / 59 / 93]

Lại nữa, người thường làm cho hoàn mãn trong Giới Luật v.v. nhằm để phối hợp bản thân trong an lạc, và xa lìa khỏi sự khổ đau, vì lẽ ấy an lạc và khổ đau, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết tác thành Cận Y Duyên của Tín v.v. Ngay cả Quý Tiết v.v. bậc tu học nên phối hợp lý giải một cách thích hợp.

555] Ngay cả trong lời nói rằng “**Người đã nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi sát mạng hữu tình**” (**Kāyikaṃ sukhaṃ upanissāya paṇaṃ hanati**) v.v. nên hiểu biết sự an lạc v.v. tác thành Cận Y Duyên đích thị theo đường lối của Phần mà Bản Đạo đã đề cập rồi vậy.

Và trong Câu Phân Phối (**Bhājanīya**) của Cận Y Duyên đây, bậc tu học nên rằng Cận Y Duyên được chia ra 23 thời kỳ, đó là: 1/. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cận Y Duyên ba thời kỳ, 2/. Đối với Pháp Bất Thiện hai thời kỳ, 3/. Đối với Pháp Vô Ký ba thời kỳ. 4/. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cận Y Duyên ba thời kỳ, 5/. Đối với Pháp Thiện một thời kỳ, 6/. Đối với Pháp Vô Ký hai thời kỳ.

Ngay cả Pháp Vô Ký cũng làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cận Y Duyên ba thời kỳ, 7/. Đối với Pháp Thiện ba thời kỳ, 8/. Đối với Bất Pháp Thiện ba thời kỳ. Như thế mới thành tám thời kỳ Pháp Thiện, sáu thời kỳ Pháp Bất Thiện, chín thời kỳ Pháp Vô Ký.

Kết Thúc Giải Thích Cận Y Duyên

X. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[556] 1. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Ở phần Cảnh Tiền Sinh, tức là:

1/. Bậc Vô Sinh tự khảo kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2/. Bậc Vô Sinh tự khảo kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc...và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

3/. Bậc Vô Sinh khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

4/. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.

5/. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức, Khí Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức, Vị Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức, Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.

Ở phần Vật Tiền Sinh, tức là:

1/. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.

2/. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.

- 3/. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.
- 4/. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.
- 5/. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Tiền Sinh Duyên.
- 6/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Dụ Tác do bởi Cận Y Duyên.

[557] 2. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiệt do bởi Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Ở phần Cảnh Tiền Sinh, tức là:

1/. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2/. Bậc Hữu Học và Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

3/. Bậc Hữu Học và Phàm Phu khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhân Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Ở phần Vật Tiền Sinh, tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Thiệt do bởi Tiền Sinh Duyên.

[558] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiệt do bởi Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại, đó là: Cảnh Tiền Sinh và Vật Tiền Sinh.

Ở phần Cảnh Tiền Sinh, tức là:

1/. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhân, vì tư duy Nhân ấy thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

2/. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Sắc Tâm Cơ, vì tư duy Nhĩ v.v. thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu thọ thường khởi sinh lên.

Ở phần Vật Tiền Sinh, tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiệt do bởi Tiền Sinh Duyên.

GIẢI THÍCH TIỀN SINH DUYÊN

556 – 558] Trong Tiền Sinh Duyên, ngay cả Nhân Xứ v.v. Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Sắc Pháp thô thiện. Còn Thủy Giới (**Āpodhātu**) v.v. chỉ có tác thành Cảnh Tiền Sinh Duyên thôi. Lời nói rằng **“Ở phần Vật Tiền Sinh tức là Nhân Xứ” (Vatthupure jātama cakkhvāyatanam)** v.v. Đức Thế Tôn thuyết giáo nhằm để khái thuyết Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên trước. Lời nói rằng **“Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả” (Vatthu vipākābyākatānam)** thuyết giáo ngụ ý đến Tiền Sinh Duyên trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.

Kết Thúc Giải Thích Tiền Sinh Duyên

XI. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[559] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Hậu Sinh, đó là các Uẩn Thiện khởi sinh đằng sau làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hậu Sinh Duyên.

[560] 2. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Hậu Sinh, đó là các Uẩn Bất Thiện khởi sinh đằng sau làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hậu Sinh Duyên.

[561] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Hậu Sinh, đó là các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác khởi sinh đằng sau làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hậu Sinh Duyên.

GIẢI THÍCH HẬU SINH DUYÊN

559 – 561] Trong Hậu Sinh Duyên, lời nói rằng **“đối với sắc thân này” (Imassa kāyassa)** tức là sắc thân phối hợp với Tứ Sắc Đại Hiện. Lời nói rằng **“làm duyên do bởi Hậu Sinh Duyên” (Pacchājātapaccayena paccayo)** có nghĩa là “thành Pháp khởi sinh đằng sau và làm duyên với mãnh lực việc bang trợ. Hậu Sinh Duyên này khi đến Phần Thuận Tùng trong Giai Đoạn Ván Đề (**Pañhāvāra**) rằng “sự làm duyên bởi do nghĩa lý đích thị chính là bang trợ mới gọi là Hậu Sinh Duyên”.

Kết Thúc Giải Thích Hậu Sinh Duyên

XII. TRỪNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[562] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Trùng Dụng Duyên, đó là:

1/. Các Uẩn Thiện khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Trùng Dụng Duyên.

2/. Tâm Thuận Tùng làm duyên đối Tâm Chuyển Tộc do bởi Trùng Dụng Duyên.

3/. Tâm Thuận Tùng làm duyên đối với Tâm Dữ Tịnh do bởi Trùng Dụng Duyên.

4/. Tâm Chuyển Tộc làm duyên đối với Tâm Đạo do bởi Trùng Dụng Duyên.

5/. Tâm Dữ Tịnh làm duyên đối với Tâm Đạo do bởi Trùng Dụng Duyên.

[563] 2. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Trùng Dụng Duyên, đó là các Uẩn Bất Thiện khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện khởi sinh sau sau do bởi Trùng Dụng Duyên.

[564] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Trùng Dụng Duyên, đó là các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Duy Tác khởi sinh sau sau do bởi Trùng Dụng Duyên.

GIẢI THÍCH TRỪNG DỤNG DUYÊN

562 – 564] Trong việc chủ tâm lấy lời nói chẳng hạn như là **“Tâm Thuận Tùng làm duyên đối với Tâm Chuyển Tục” (Anulomam gotrabhussa)** trong Trùng Dụng Duyên chia ra được một Phần. Nên hiểu biết nguyên nhân của việc chia ra ấy đích thị chính là theo Phần đã đề cập trong thời gian trước vậy.

Kết Thúc Giải Thích Trùng Dụng Duyên

XIII. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[565] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nghiệp Lực Duyên, đó là Tư Tâm Sở làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[566] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

Ở phần Câu Sinh, tức là Tư Tâm Sở Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

Ở phần Dị Thời, tức là Tư Tâm Sở Thiện làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[567] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Nghiệp Lực Duyên, đó là Tư Tâm Sở Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[568] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Nghiệp Lực Duyên, đó là Tư Tâm Sở Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[569] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại, đó là Câu Sinh Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.

Ở phần Câu Sinh, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

Ở phần Dị Thời, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[570] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

[571] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nghiệp Lực Duyên, đó là Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Nghiệp Lực duyên. Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Nghiệp Lực Duyên.

GIẢI THÍCH NGHIỆP LỰC DUYÊN

565 – 571] Trong lời này nói rằng “**Tư Tâm Sở làm duyên đối với các Uẩn tương ưng**” (**Kusalā cetanā sampayuttakanam**) trong Nghiệp Lực Duyên, Tư Tâm Sở Đức Thế Tôn không thuyết giáo rằng “Câu Sinh” vì không có việc phân tích tác thành Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Thế nhưng trong việc giải đáp (**Vissajjanā – Đáp Vấn**) Pháp Vô Ký, việc phân tích ấy hiện hữu, vì lẽ ấy Tư Tâm Sở tác thành Câu Sinh và Dị Thời. Đức Thế Tôn mới thuyết giáo đề trong Giai Đoạn ấy. Từ ngữ “Tái Tục” (**Paṭisandhi**) thuyết giáo với mãnh lực Sắc Tái Tục. Lời nói rằng “**Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ**” (**Cetanā vatthussa**) thuyết giáo nhằm để khai thuyết rằng “Vô Sắc Pháp y khao Sắc Tâm Cơ trong sát na Tái Tục thường hiện hành vì Sắc Tâm Cơ làm duyên một cách đích thực. Ngay cả Tư Tâm Sở cũng được làm đối với Sắc Tâm Cơ.

Kết Thúc Giải Thích Nghiệp Lực Duyên

XIV. DỊ THỰC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[572] Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Dị Thực Quả Duyên, đó là: một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Dị Thực Quả Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Dị Thực Quả Duyên.

Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thực Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Dị Thực Quả Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Dị Thực Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Dị Thực Quả Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc tâm Cơ do bởi Dị Thực Quả Duyên.

GIẢI THÍCH DỊ THỰC QUẢ DUYÊN

Ngay cả trong Dị Thực Quả Duyên, bậc tu học nên hiểu biết nội dung trong Thời Kỳ Tái Tục theo Phần này tương tự.

Kết Thúc Giải Thích Dị Thực Quả Duyên

XV. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[573] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Vật Thực Duyên.

[574] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Vật Thực Duyên.

[575] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Vật Thực Duyên.

[576] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Vật Thực Duyên.

[577] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Vật Thực Duyên.

[578] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Vật Thực Duyên.

[579] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Vật Thực Duyên, đó là Vật Thực ở phần Vô Ký Di Thực Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Vật Thực Duyên.

Trong sát na Tái Tục, Vật Thực ở phần Vô Ký Di Thực Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Vật Thực Duyên.

Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này do bởi Vật Thực Duyên.

GIẢI THÍCH VẬT THỰC DUYÊN

573 – 579] Lời nói rằng “**đối với sắc thân này**” (**Imassa kāyassa**) trong Vật Thực Duyên có nghĩa là “làm duyên do bởi Vật Thực Duyên với mãnh lực Sắc Pháp vẫn tồn tại có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ cho khởi sinh lên, với mãnh lực việc bang trợ đối với Sắc Pháp còn lại trong sắc thân thành tựu với Tứ Sắc Đại Hiện này hiện hành với mãnh lực Tứ “Thừa Kế” (**Santati**) (*) gọi là Vật Thực (**Āhāra**).

[(*) Sắc sinh từ Tứ Xuất Sinh Xứ, đó là: Nghiệp Lực, Tâm Thức, Quý Tiết, Vật Thực].

Ngay cả trong Quyền Lực Duyên (**Indriyapaccaya**) v.v., bậc tu học nên hiểu biết Thời Kỳ Tái Tục đích thị là theo Phần mà Bản Đạo đã có đề cập đến. Trong tất cả nghĩa từ còn lại có nội dung minh hiển hết cả rồi vậy.

Kết Thúc Giải Thích Vật Thực Duyên

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Giai Đoạn Phân Tích Vấn Đề

XVI. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) (*)

[(*)]: Phần giải thích Bộ Chú Giải coi như đã chấm dứt, kể từ Duyên thứ 16 cho đến hết không có Bộ Chú Giải giải đáp.]

[580] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Quyền Lực Duyên.

[581] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Quyền Lực Duyên.

[582] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Quyền Lực Duyên.

[583] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Quyền Lực Duyên.

[584] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Quyền Lực Duyên.

[585] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Quyền Lực Duyên, đó là các Quyền Lực ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Quyền Lực Duyên.

[586] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Quyền Lực Duyên, đó là:

1/. Các Quyền Lực ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Quyền Lực Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, các Quyền Lực ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Quyền Lực Duyên.

3/. Nhân Quyền Lực làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Quyền Lực Duyên.

4/. Nhĩ Quyền Lực làm duyên đối với Nhĩ Thức do bởi Quyền Lực Duyên.

5/. Tỷ Quyền Lực làm duyên đối với Tỷ Thức do bởi Quyền Lực Duyên.

6/. Thiệt Quyền Lực làm duyên đối với Thiệt Thức do bởi Quyền Lực Duyên.

7/. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức do bởi Quyền Lực Duyên.

8/. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục do bởi Quyền Lực Duyên.

XVII. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

[587] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Thiền Na Duyên.

[588] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Thiền Na Duyên.

[589] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Thiền Na Duyên.

[590] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Thiền Na Duyên.

[591] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Bất Thiện làm duyên đối với sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Thiền Na Duyên.

[592] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Thiền Na Duyên.

[593] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Thiền Na Duyên, đó là các Chi Thiền Na ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Thiền Na Duyên.

Trong sát na Tái Tục, các Chi Thiền Na ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Thiền Na Duyên.

XVIII. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

[594] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Đồ Đạo Duyên.

[595] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Đồ Đạo Duyên.

[596] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Đồ Đạo Duyên.

[597] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Đồ Đạo Duyên.

[598] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Đồ Đạo Duyên.

[599] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Đồ Đạo duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Bất Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Đồ Đạo Duyên.

[600] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Đồ Đạo Duyên, đó là các Chi Đạo ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Đồ Đạo Duyên.

Trong sát na Tái Tục, các Chi Đạo ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục do bởi Đồ Đạo Duyên.

XIX. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[601] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Tương Ưng Duyên, đó là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên.

[602] 2. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Tương Ưng Duyên, đó là một Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Tương Ưng Duyên.

[603] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Tương Ưng Duyên, đó là một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với ba Uẩn do bởi

Tương Ứng Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Tương Ứng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Tương Ứng Duyên.

Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Tương Ứng Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Tương Ứng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Tương Ứng Duyên.

XX. BÁT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[604] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Bát Tương Ứng Duyên, có hai thể loại, đó là: ở phần Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

[605] 2. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Bát Tương Ứng Duyên có hai thể loại, đó là Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Bất Thiện làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

[606] 3. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Bát Tương Ứng Duyên, có ba thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là:

1/. Các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục do bởi Bát Tương Ứng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Bát Tương Ứng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

Ở phần Tiền Sinh Duyên, tức là:

1/. Nhân Xứ làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

2/. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ thức do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

3/. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

4/. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

5/. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

6/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Bát Tương Ứng Duyên.

[607] 4. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Bất Tương Ứng Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Tiền Sinh, tức là Sắc Tâm Cơ khởi sinh trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

[608] 5. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Bất Tương Ứng Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Tiền Sinh, tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Bất Tương Ứng Duyên.

XXI. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[609] 1. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, đó là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hiện Hữu duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên.

[610] 2. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Thiện câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Thiện làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hiện Hữu Duyên.

[611] 3. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, đó là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

[612] 4. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, đó là một Uẩn làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên.

[613] 5. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hiện Hữu Duyên.

[614] 6. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, đó là một Uẩn làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

[615] 7. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là:

1/. Một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

2/. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ do bởi Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên.

3/. Một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên. Các Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh do bởi Hiện Hữu Duyên. Sắc Ngoại Phần...Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

4/. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng, một Sắc Đại Hiện làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Sắc Đại Hiện làm duyên đối với một Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiện làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiện do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Tiền Sinh Duyên, tức là:

1/. Bạc Vô Sinh tư khảo kiến giải minh lượng Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2/. Bạc Vô Sinh tư khảo khán kiến Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

3/. Bạc Vô Sinh khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhân Trí.

4/. Bạc Vô Sinh thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

5/. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Hiện Hữu Duyên, Thinh Xứ v.v. Khí Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

6/. Nhân Xứ làm duyên đối với Nhân Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

7/. Nhĩ Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

8/. Tỷ Xứ làm duyên đối với Tỷ Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

9/. Thiệt Xứ làm duyên đối với Thiệt Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

10/. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức do bởi Hiện Hữu Duyên.

11/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Duyên, tức là các Uẩn ở phần Vô Ký Dị Thục Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Vật Thục Duyên, tức là Đoàn Thục làm duyên đối với sắc thân này do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Quyền Lực Duyên, tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên.

[616] 8. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Tiền Sinh Duyên, tức là:

1/. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2/. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu tư khảo kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

3/. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhân Trí.

4/. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

5/. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên.

[617] 9. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Tiền Sinh Duyên, tức là:

1/. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thân di Nhân, vì tư duy Nhân ấy thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên.

2/. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thân di Nhĩ, Tỷ, Thiết, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc ...Sắc Tâm Cơ, vì tư duy Nhĩ ấy v.v. thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Bất Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên.

[618] 10. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Câu Sinh – Tiền Sinh (*), tức là một Uẩn ở phần Thiện câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên.

[(*)]: Câu Sinh Tiền Sinh (**SahajātaPurejāta**) ngụ ý đến “tác thành Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh” (**Missaka – Hồn Hợp**)]

[619] 11. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Vật Thực Duyên (*) và Hậu Sinh Quyền Lực Duyên.

[(*)]: ngụ ý đến “Hậu Sinh kết hợp với Vật Thực”]

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Vật Thực Duyên, tức là các Uẩn khởi sinh về sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Quyền Lực Duyên, tức là các Uẩn Thiện khởi sinh về sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên.

[620] 12. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại, đó là Câu Sinh Tiền Sinh, tức là một Uẩn ở phần Bất Thiện câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Hiện Hữu Duyên.

[621] 13. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Vật Thực Duyên và Hậu Sinh Quyền Lực Duyên.

Ở phần Câu Sinh Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Vật Thực Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện khởi sinh về sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này khởi sinh trước do bởi Hiện Hữu Duyên.

Ở phần Hậu Sinh Quyền Lực Duyên, tức là các Uẩn Bất Thiện khởi sinh về sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục do bởi Hiện Hữu Duyên.

XXII. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)

[622] Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Vô Hữu Duyên, đó là các Uẩn Thiện khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Vô Hữu Duyên v. v.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Vô Giác Duyên.

XXIII. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

[623] Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Ly Khứ Duyên, đó là các Uẩn Thiện khởi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Thiện khởi sinh sau sau do bởi Ly Khứ Duyên v.v.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Vô Giác Duyên.

XXIV. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

[624] Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Bất Ly Duyên, đó là một Uẩn ở phần Thiện làm duyên đối với ba Uẩn do bởi Bất Ly Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn do bởi Bất Ly Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn do bởi Bất Ly Duyên v.v.

Nên cho quảng nghĩa tương tự thể loại Hiện Hữu Duyên.

Kết Thúc Giai Đoạn Phân Tích Vấn Đề

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

I. PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

PHẦN THUẬN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

625] Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dung Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

11 NHÂN TÁU HỢP – HETUSABHĀGA 11

626] Vì Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

24 NHÂN HIỆP LỰC - HETUGHAṬANĀ 24 (9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ 24)

627] 1. Năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SAINDRIYAMAGGAGHATĀNĀ 9)

10. Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

11. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

12. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

13. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

14. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

15. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

16. Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU TRƯỞNG QUYỀN LỰC ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHATĀNĀ 6)

19. Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

20. Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

21. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

22. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

23. Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

24. Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

II. PHẦN CẢNH CĂN NGUYÊN (ĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)

7 CẢNH TÁU HỢP - ĀRAMMAṆASABHĀGA 7

[628] Vì Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5 CẢNH LINH TINH HIỆP LỰC (ĀRAMMAṆAPAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 5)

[629] 1. Ba Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.

2. Bốn Duyên đó là: Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

5. Tám Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

III. PHẦN TRƯỞNG CĂN NGUYÊN

15 TRƯỞNG TÁU HỢP – ADHIPATISABHĀGA 15

[630] Vì Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có tám thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

30 TRƯỞNG HIỆP LỰC (ADHIPATIGHAṬANĀ 30)

6 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 6 (*)

[(*)]: Hiệp Lực thứ 1, 2 và 3 là Hồn Hợp Hiệp Lực (**Missakaghaṭanā**) đó là:
Câu Sinh + Linh Tinh. Không phối hợp với Tâm]

[631] 1. Ba Duyên đó là: Trưởng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

2. Bốn Duyên đó là: Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

3. Năm Duyên đó là: Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

4. Ba Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

24 CÂU SINH HIỆP LỰC (SAHAJĀTAGHAṬANĀ 24)

6 DỤC TRƯỞNG HIỆP LỰC - CHANDĀDHIPATIGHAṬANĀ 6

7. Năm Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

9. Sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

10. Sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

11. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

12. Bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 TÂM TRƯỞNG HIỆP LỰC - CITTĀDHIPATIGHAṬANĀ 6

13. Bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

14. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

15. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

16. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 CĂN TRƯỞNG HIỆP LỰC - VIRIYĀDHIPATIGHAṬANĀ 6

19. Bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

20. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

21. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

22. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

23. Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

24. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 THẨM TRƯỞNG HIỆP LỰC - VIMAMŚĀDHIPATIGHAṬANĀ 6

25. Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

26. Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

27. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

28. Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

29. Mười một Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

30. Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

IV. PHẦN VÔ GIÁN CĂN NGUYÊN (ANANTARAMŪLAKANAYA)

6 VÔ GIÁN TÁU HỢP – ANANTARASABHĀGA 6

[632] Vì Vô Giác Duyên trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3 VÔ GIÁN LINH TINH HIỆP LỰC (ANATARAPAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 3)

[633] 1. Năm Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

V. PHẦN ĐĂNG VÔ GIÁC CĂN NGUYÊN (SAMANTARAMŪLAKANAYA)

6 ĐĂNG VÔ GIÁC TÁU HỢP – SAMANTARASABHĀGA 6

[634] Vì Đăng Vô Giác Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3 ĐĂNG VÔ GIÁC LINH TINH HIỆP LỰC (SAMANTARAPAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 3)

[635] 1. Năm Duyên đó là: Đăng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Đăng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Đăng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

VI. PHẦN CÂU SINH CĂN NGUYÊN (SAHAJĀTAMŪLAKANAYA)

14 CÂU SINH TÁU HỢP – SAHAJĀTASABHĀGA 14

[636] Vì Câu Sinh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

10 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 10

[637] 1. Bốn Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

2. Năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Bảy Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

VII. PHẦN HỔ TƯƠNG CĂN NGUYÊN (AÑÑAMAÑÑAMŪLAKANAYA)

14 HỔ TƯƠNG TÁU HỢP – AÑÑAMAÑÑASABHĀGA 14

[638] Vì Hổ Tương Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

6 HỔ TƯƠNG CÂU SINH HIỆP LỰC (AÑÑAMAÑÑASAJĀTAGHATANĀ 6)

[639] 1. Năm Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

5. Bảy Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Bảy Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

VIII. PHẦN Y CHỈ CĂN NGUYÊN (NISSAYAMŪLAKANAYA)

17 Y CHỈ TÁU HỢP – NISSAYASABHĀGA 17

[640] Vì Y Chỉ Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trường Duyên có tám thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

20 Y CHỈ HIỆP LỰC - NISSAYAGHAṬANĀ 20 10 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 10 (*) [(*): Không phối hợp với Tâm]

[641] 1. Ba Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

2. Bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Trường Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

3. Bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

4. Bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

5. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Trường Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

6. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

7. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

8. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

9. Tám Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 10

11. Bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

12. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

13. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

14. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

15. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

16. Năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Bảy Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

19. Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

20. Bảy Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

IX. PHẦN CẬN Y CĂN NGUYÊN (UPANISSAYAMŪLAKANAYA)

13 CẬN Y TÁU HỢP – UPANISSAYASABHĀGA 13

[642] Vì Cận Y Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dục

Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

CẬN Y HIỆP LỰC (UPANISSAYAGHATANĀ) 7 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHATANĀ 7

- [643] 1. Ba Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
2. Sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.
3. Tám Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.
4. Năm Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
5. Sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
6. Hai Duyên đó là: Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
7. Sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

X. PHẦN TIỀN SINH CĂN NGUYÊN (PUREJĀTAMŪLAKANAYA)

8 TIỀN SINH TÁU HỢP – PUREJĀTASABHĀGA 8

[644] Vì Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

TIỀN SINH HIỆP LỰC (PUREJĀTAGHATANĀ) 7 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHATANĀ 7

- [645] 1. Ba Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
2. Năm Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
3. Bốn Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Tám Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XI. PHẦN HẬU SINH CĂN NGUYÊN (PACCHĀJĀTAMŪLAKANAYA)

3 HẬU SINH TÁU HỢP – PACCHĀJĀTASABHĀGA 3

[646] Vì Hậu Sinh Duyên trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

HẬU SINH HIỆP LỰC (PACCHĀJĀTAGHAṬANĀ) 1 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 1

1. Bốn Duyên đó là: Hậu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

XII. PHẦN TRỪNG DỤNG CĂN NGUYÊN (ĀSEVANAMŪLAKANAYA)

5 TRỪNG DỤNG TÁU HỢP – ĀSEVANASABHĀGA 5

[647] Vì Trùng Dụng Duyên trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ...Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

TRỪNG DỤNG TÁU HỢP (ĀSEVANAGHAṬANĀ) 1 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 1

1. Sáu Duyên đó là: Trùng Dụng Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

XIII. PHẦN NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN (KAMMAMŪLAKANAYA)

14 NGHIỆP LỰC TÁU HỢP – KAMMASABHĀGA 14

[648] Vì Nghiệp Lực Duyên trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ...Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

11 NGHIỆP LỰC HIỆP LỰC (KAMMAGHAṬANĀ 11)

2 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 2

[649] 1. Hai Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên và Cận Y Duyên có hai thời kỳ
2. Sáu Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

9 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 9

3. Sáu Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

4. Bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

6. Bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

7. Bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Chín Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

11. Chín Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XIV. PHẦN DỊ THỰC QUẢ CĂN NGUYÊN (VIPĀKAMŪLAKANAYA)

DỊ THỰC QUẢ TÁU HỢP - VIPĀKASABHĀGA 14

[650] Vì Dị Thực Quả Duyên trong Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

DỊ THỰC QUẢ HIỆP LỰC (VIPĀKAGHAṬANĀ) 5 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 5

[651] 1. Năm Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

3. Bảy Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

5. Bảy Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XV. PHẦN VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (ĀHĀRAMŪLAKANAYA)

11 VẬT THỰC TÁU HỢP – ĀHĀRASABHĀGA 11

[652] Vì Vật Thực Duyên trong Trường Duyên có bảy thời kỳ... Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

34 VẬT THỰC HIỆP LỰC - ĀHĀRAGHAṬANĀ 34 **1 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 1**

[653] 1. Ba Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

33 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 33 **9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ 9**

2. Năm Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

6. Sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU NGHIỆP LỰC HIỆP LỰC - SAKAMMAGHAṬANĀ 9

11. Sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

12. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

13. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

14. Bảy Duyên đó là; Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

15. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

16. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Chín Duyên đó là; Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

19. Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - SAINDRİYAGHAṬANĀ 9

20. Sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

21. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

22. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

23. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

24. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

25. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

26. Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

27. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

28. Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU TRƯỞNG QUYỀN LỰC HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAGHAṬANĀ 6)

29. Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

30. Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

31. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

32. Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

33. Mười Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

34. Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trướng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XVI. PHẦN QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (INDRIYAMŪLAKANAYA)

14 QUYỀN LỰC TÁU HỢP – INDRIYASABHĀGA 14

[654] Vì Quyền Lực Duyên trong Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Trướng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

76 QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - INDRIYAGHAṬANĀ 76

4 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 4 (*)

[(*)]: Hiệp Lực thứ 1, 2 và 3 là Hỗn Hợp Hiệp Lực (**Missakaghaṭanā**)
đó là: Câu Sinh + Linh Tinh]

[655] 1. Ba Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

2. Bốn Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

3. Năm Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

72 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 72

9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ 9

5. Năm Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

6. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

7. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

8. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

9. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

11. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

12. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

13. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - SAMAGGAGHAṬANĀ 9

14. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

15. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

16. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

17. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

18. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

19. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

20. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

21. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

22. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU THIỀN NA HIỆP LỰC - SAJHĀNAGHAṬANĀ 9

23. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

24. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

25. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

26. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

27. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

28. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

29. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

30. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

31. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU THIÊN NA ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - SAJHĀNAMAGGAGHAṬANĀ 9

32. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

33. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

34. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

35. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

36. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

37. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

38. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

39. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

40. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU VẬT THỰC HIỆP LỰC - SAĀHĀRAGHAṬANĀ 9

41. Sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

42. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

43. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

44. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

45. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

46. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

47. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

48. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

49. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU TRƯỞNG ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - SĀDHIPATIMAGGAGHAṬANĀ 6

50. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

51. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

52. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

53. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

54. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

55. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU TRƯỞNG VẬT THỰC HIỆP LỰC - SĀDHIPATIĀHĀRAGHAṬANĀ 6

56. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

57. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

58. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

59. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

60. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

61. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU NHÂN ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - SAHETUMAGGAGHAṬANĀ 9

62. Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

63. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

64. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

65. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

66. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

67. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

68. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

69. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

70. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU NHÂN TRƯỞNG ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SAHETUADHIPATIMAGGAGHATĀNĀ 6)

71. Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

72. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

73. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

74. Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

75. Mười một Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

76. Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XVII. PHẦN THIỀN NA CĂN NGUYÊN (JHĀNAMŪLAKANAYA)

10 THIỀN NA TÁU HỢP – JHĀNASABHĀGA 10

[656] Vì Thiền Na Duyên trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

36 THIỀN NA HIỆP LỰC - JHĀNAGHAṬANĀ 36

9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ 9

[657] 1. Năm Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - SAINDRİYAGHAṬANĀ 9

10. Sáu Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

11. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

12. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

13. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

14. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

15. Tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

16. Chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - SAMAGGAGHATANĀ 9

19. Sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

20. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

21. Tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

22. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

23. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

24. Tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

25. Bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

26. Chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

27. Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SAINDRIYAMAGGAGHATĀNĀ 9)

28. Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

29. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

30. Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

31. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

32. Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

33. Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

34. Mười Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

35. Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

36. Mười Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XVIII. PHẦN ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (MAGGAMŪLAKANAYA)

13 ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP – MAGGASABHĀGA 13

[658] Vì Đồ Đạo Duyên trong Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền

Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

57 ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - MAGGAGHATANĀ 57 **9 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHATANĀ 9**

[659] 1. Năm Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - SAINDIYAGHATANĀ 9

10. Sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

11. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

12. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

13. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

14. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

15. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

16. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

17. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU THIỀN NA HIỆP LỰC - SAJHĀNAGHAṬANĀ 9

19. Sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

20. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

21. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

22. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

23. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

24. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

25. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

26. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

27. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - SAINDRİYAGHAṬANĀ 9

28. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

29. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

30. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

31. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

32. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

33. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

34. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

35. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

36. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU TRƯỞNG QUYỀN LỰC HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAGHAṬANĀ 6)

37. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

38. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

39. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

40. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

41. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

42. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9 HỮU NHÂN QUYỀN LỰC HIỆP LỰC (SAHETUINDRIYAGHAṬANĀ 9)

43. Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

44. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

45. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

46. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

47. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

48. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

49. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

50. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

51. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6 HỮU NHÂN TRƯỞNG QUYỀN LỰC HIỆP LỰC (SAHETUADHIPATIINDRIYAGHAṬANĀ 6)

52. Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

53. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

54. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

55. Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

56. Mười một Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

57. Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XIX. PHẦN TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (SAMPAYUTTAMŪLAKANAYA)

13 TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP – SAMPAYUTTASABHĀGA 13

[660] Vì Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

2 TƯƠNG ỨNG HIỆP LỰC - SAMPAYUTTAGHAṬANĀ 2

[661] 1. Sáu Duyên đó là: Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

2. Bảy Duyên đó là: Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XX. PHẦN BẤT TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (VIPPAYUTTAMŪLAKANAYA)

17 BẤT TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP – VIPPAYUTTASABHĀGA 17

[662] Vì Bất Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Cận Y

Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

13 BÁT TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC - VIPPAYUTTAGHATANĀ 13

9 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHATANĀ 9 (*)

[(*): Hiệp Lực thứ 1 – 4 là Hồn Hợp Hiệp Lực]

[663] 1. Ba Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

2. Bốn Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

3. Năm Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

4. Năm Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Bốn Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Hậu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

6. Năm Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

7. Sáu Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

8. Tám Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Sáu Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

4 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHATANĀ 4

10. Năm Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

11. Sáu Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

12. Sáu Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

13. Bảy Duyên đó là: Bát Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XXI. PHÂN HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN (ATTHIMŪLAKANAYA)

18 HIỆN HỮU TÁU HỢP – ATTHISABHĀGA 18

[664] Vì Hiện Hữu Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Di Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

29 HIỆN HỮU HIỆP LỰC - ATTHIGHAṬANĀ 29

19 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 19 (*)

[(*)]: Hiệp Lực 1 – 11 là Hỗn Hợp Hiệp Lực]

- [665] 1. Hai Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.
2. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.
3. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên và Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.
4. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.
5. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
6. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Quyền Lực Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
7. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
8. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.
9. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.
10. Năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.
11. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
12. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
13. Ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

14. Năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

15. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

16. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

17. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

18. Tám Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

19. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Đây gọi là Phần Linh Tinh (**Pakīṇṇakanaya**).

10 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 10

[666] 1. Bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

2. Năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4. Năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

5. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

6. Năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

7. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

8. Bảy Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

9. Sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

10. Bảy Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

XXII. PHẦN VÔ HỮU CĂN NGUYÊN (NATTHIMŪLAKANAYA)

6 VÔ HỮU TÁU HỢP – NATTHISABHĀGA 6

[667] Vì Vô Hữu Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ...Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3 VÔ HỮU LINH TINH HIỆP LỰC (NATTHIPAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 3)

[668] 1. Năm Duyên đó là: Vô Hữu Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Vô Hữu Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Vô Hữu Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

XXIII. PHÂN LY KHỨ CĂN NGUYÊN (VIGATAMŪLAKANAYA)

6 LY KHỨ TÁU HỢP – VIGATASABHĀGA 6

[669] Vì Ly Khứ Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ...Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.

3 LY KHỨ LINH TINH TÁU HỢP - VIGATAPAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 3

[670] 1. Năm Duyên đó là: Ly Khứ Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên và Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.

2. Sáu Duyên đó là: Ly Khứ Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên và Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.

3. Sáu Duyên đó là: Ly Khứ Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Vô Hữu Duyên có một thời kỳ.

XIV. PHÂN BÁT LY CĂN NGUYÊN (AVIGATAMŪLAKANAYA)

18 BÁT LY TÁU HỢP – AVIGATASABHĀGA 18

[671] Vì Bất Ly Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Di Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.

29 BẤT LY HIỆP LỰC - AVIGATAGHAṬANĀ 29
19 LINH TINH HIỆP LỰC - PAKIṆṆAKAGHAṬANĀ 19 (*)
[(*)]: Hiệp Lực 1 – 11 là Hỗn Hợp Hiệp Lực]

- [672] 1. Hai Duyên đó là: Bất Ly Duyên và Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
2. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên và Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
3. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Trưởng Duyên và Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ.
4. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên và Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ.
5. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Vật Thực Duyên và Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
6. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Quyền Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
7. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
8. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ.
9. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ.
10. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ.
11. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
12. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Hậu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
13. Ba Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
14. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
15. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
16. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.

17. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

18. Tám Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

19. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

Đây gọi là Phần Linh Tinh (**Pakiṇṇakanaya**).

10 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 10

[673] 20. Bốn Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên và Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.

21. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.

22. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.

23. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.

24. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

25. Năm Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

26. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

27. Bảy Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

28. Sáu Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

29. Bảy Duyên đó là: Bất Ly Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Thuận Tùng Duyên

GIẢI THÍCH VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG HIỆP LỰC PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ

PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

[625] Bây giờ, nhằm để sẽ khai thuyết lời giải đáp trong Giai Đoạn Vấn Đề này với mãnh lực phương thức pháp số, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo lời nói rằng **“Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ” (Hetuyā satta)** v.v. Các lời nói ấy, lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** là “có lời giải đáp bảy thời kỳ” tức là như thế này “lời giải đáp ba thời kỳ có Thiện làm căn nguyên, đó là: Pháp Thiện với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Thiện và Pháp Thiện – Pháp Vô Ký với Pháp Thiện. Pháp Bất Thiện có lời giải đáp ba thời kỳ tương tự với Pháp Thiện. Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký chỉ có lời giải đáp về một thời kỳ thôi.

Lời nói rằng **“Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ” (Ārammaṇe nava)** là “trong Cảnh Duyên có lời giải đáp chín thời kỳ mà từng mỗi thời kỳ có một câu đầu và một câu cuối cùng (**Avasāna**). Lời nói rằng **“Trong Trường Duyên có mười thời kỳ” (Adhipatiyā dasa)** là (trong Trường) có lời giải đáp mười thời kỳ, như thế này:

1/. Lời giải đáp bốn thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên, đó là: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Câu Sinh Duyên và Cảnh Duyên, làm duyên đối với Pháp Thiện chỉ có do bởi Cảnh Duyên thôi, làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên và do bởi Cảnh Duyên, làm duyên đối với Pháp Thiện – Pháp Vô Ký chỉ có do bởi Câu Sinh Duyên thôi.

2/. Lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, đó là: Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Câu Sinh Duyên và Cảnh Duyên, làm duyên đối với Pháp Vô Ký chỉ có do bởi Câu Sinh Duyên thôi, làm duyên đối với Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký chỉ có do bởi Câu Sinh Duyên thôi, (và)

3/. Lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên, đó là: Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên và Cảnh Duyên, làm duyên đối với Pháp Thiện chỉ có do bởi Cảnh Duyên thôi, làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên tương tự. Và trong Trường Duyên này thường có được bảy thời kỳ Cảnh Trường và bảy thời kỳ Câu Sinh Trường tương tự.

Lời nói rằng **“Trong Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ” (Anantare satta)** tức là trong Vô Gian Duyên có lời giải đáp bảy thời kỳ, như thế này: “lời giải đáp hai thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên, lời giải đáp hai thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên”. Ngay cả trong Đẳng Vô Gian Duyên cũng có lời giải đáp bảy thời kỳ tương tự như vậy.

Lời nói rằng **“Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ” (Sahajāte nava)** có nghĩa là trong Câu Sinh Duyên có lời giải đáp chín thời kỳ, như thế này: “lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên, lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, lời giải đáp một thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên, lời giải đáp một thời kỳ có Pháp Thiện – Pháp Vô Ký làm căn nguyên, lời giải đáp một thời kỳ có Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký làm căn nguyên.

Lời nói rằng **“Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ” (Aññamaññe tīṇi)** tức là trong Hổ Tương Duyên có lời giải đáp ba thời kỳ, như thế này: “Pháp Thiện với Pháp Thiện một thời kỳ, Pháp Bất Thiện với Pháp Bất Thiện một thời kỳ, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký một thời kỳ”.

Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ” (Nissaye terasa)** có nghĩa là trong Y Chỉ Duyên có lời giải đáp 13 thời kỳ, như thế này: “lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Thiện

làm căn nguyên, lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên đích thị do bởi Câu Sinh Duyên. Và trong lời giải đáp thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên đây, thường có được với Tiền Sinh Duyên, quả thực là Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký làm Câu Sinh Duyên với nhau cũng được, làm Tiền Sinh Duyên cũng được. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện chỉ có do bởi Tiền Sinh Duyên thôi, làm duyên đối với Pháp Bất Thiện cũng tương tự. Pháp Thiện – Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên, làm duyên đối với Pháp Vô Ký chỉ có do bởi Câu Sinh Duyên thôi. Pháp Bất Thiện – Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên, làm duyên đối với Pháp Vô Ký một cách duy nhất chỉ có do bởi Câu Sinh Duyên.

Lời nói rằng **“Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ” (Upanissaye nava)** có nghĩa là trong Cận Y Duyên có lời giải đáp chín thời kỳ, từng mỗi thời kỳ có một câu đầu tiên và một câu cuối cùng. Trong Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ ấy, Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết phân loại 23 thời kỳ. Các thời kỳ ấy, Cảnh Cận Y Duyên có bảy thời kỳ, Vô Gián Cận Y Duyên có bảy thời kỳ, Thường Cận Y Duyên có chín thời kỳ.

Lời nói rằng **“Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ” (Purejāte tīṇi)** có nghĩa là trong Tiền Sinh Duyên có lời giải đáp ba thời kỳ, như thế này: “Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện”.

Lời nói rằng **“Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ” (Pacchājāte tīṇi)** có nghĩa là trong Hậu Sinh Duyên có lời giải đáp ba thời kỳ, như thế này: “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”.

Lời nói rằng **“Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ” (Āsevane tīṇi)** có nghĩa là trong Trùng Dục Duyên có lời giải đáp ba thời kỳ tương tự với Hồ Tương Duyên.

Lời nói rằng **“Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ” (Kamme satta)** có nghĩa là trong Nghiệp Lực Duyên có lời giải đáp bảy thời kỳ tương tự Nhân Duyên. Các lời giải đáp bảy thời kỳ ấy thì Dị Thời Nghiệp Lực Duyên được đến trong lời giải đáp hai thời kỳ, và trong năm thời kỳ còn lại đặc biệt chỉ được đến với Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thôi.

Lời nói rằng **“Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ” (Vipāke ekaṃ)** tức là trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ, đó là Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký.

Trong Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có lời giải đáp bảy thời kỳ đích thị tương tự với Nhân Duyên. Và trong quan niệm này, Quyền Lực Duyên đã có rồi với mãnh lực Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên.

Lời nói rằng **“Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ” (Sampayutte tīṇi)** tức là trong Tương Ứng Duyên có lời giải đáp ba thời kỳ, như thế này: “lời giải đáp một thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên, một thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, ba thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên, đó là: Pháp Vô Ký với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện làm duyên do bởi Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên; Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký làm

duyên do bởi Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên; Pháp Thiện với Pháp Vô Ký và Pháp Bất Thiện với Pháp Vô Ký là duyên do bởi Vật Tiền Sinh Duyên”.

Lời nói rằng **“Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ” (Atthiyā terasa)** có nghĩa là trong Hiện Hữu Duyên có lời giải đáp 13 thời kỳ, như thế này: “ba thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên, đó là: Pháp Thiện với Pháp Thiện làm duyên do bởi Câu Sinh Duyên, Pháp Vô Ký với Pháp Thiện làm duyên do bởi Câu Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên; Pháp Thiện – Pháp Vô Ký với Pháp Thiện làm duyên chỉ có duy nhất do bởi Câu Sinh Duyên; ba thời kỳ ở phần Pháp Bất Thiện làm căn nguyên cũng có tương tự; thế nhưng Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký làm duyên do bởi Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên; Pháp Thiện và Pháp Vô Ký và Pháp Bất Thiện với Pháp Vô Ký làm duyên do bởi Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên; Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên; đích thị chính Pháp Bất Thiện với Pháp Vô Ký ấy làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên; Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và đích thị chính Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký ấy làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Trong Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có lời giải đáp bảy thời kỳ tương tự Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên. Trong lời này nói rằng **“Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ” (Avigate terasa)** là trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ tương tự Hiện Hữu Duyên. Như thế, trong Phần Thuận Tùng Duyên Giai Đoạn Vấn Đề này có việc quy định bảy thể loại phương thức pháp số, như thế này: lời giải đáp một thời kỳ, ba thời kỳ, năm thời kỳ, bảy thời kỳ, chín thời kỳ, mười thời kỳ, 13 thời kỳ. Trong số lượng lời giải đáp bảy thể loại ấy, lời giải đáp một thời kỳ chỉ có một Duyên thôi với khả năng Dị Thực Quả Duyên.

Lời giải đáp ba thời kỳ có năm Duyên với khả năng Hổ Tương Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên và Tương Ứng Duyên.

Lời giải đáp năm thời kỳ chỉ có một Duyên thôi với khả năng Bất Tương Ứng Duyên.

Lời giải đáp về bảy thời kỳ có mười Duyên với khả năng Nhân Duyên, Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.

Lời giải đáp chín thời kỳ có ba Duyên với khả năng Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

Lời giải đáp mười thời kỳ chỉ có một Duyên thôi với khả năng Trưởng Duyên. Lời giải đáp 13 thời kỳ có ba Duyên với khả năng Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Như thế, bậc tu học quy định các thời kỳ đã được trình bày trong các Duyên ấy như đã giải thích đến đây, với mãnh lực số lượng cho thật tốt đẹp, rồi nên thẩm định số lượng qua việc tỷ giáo Duyên trong Nhị Căn Nguyên (**Dukamūla**) và Tam Căn Nguyên (**Tikamūla**) v.v. với mãnh lực các Duyên ấy. Bậc Hiền Trí không nên phối hợp Duyên ở phần Tấu Hợp (**Sabhāga**) với nhau (không được vào với nhau), hoặc ở phần mâu thuẫn với nhau. Là như thế nào ? Là Trưởng còn lại, loại trừ Thâm Trưởng, trong Cảnh Duyên, Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian

Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Trùng Dục Duyên, Vật Thực Duyên, Thiền Na Duyên, Vô Hữu Duyên và Trưởng Duyên. Ly Khứ Duyên là Bất Tấu Hợp (**Visabhāga**) của Nhân Duyên trước tiên. Câu Sinh Duyên v.v. là Tấu Hợp (**Sabhāga**) (được vào với nhau) của Nhân Duyên. Vì lý do nào ? Vì có thực tính tương tự. Quả thực, Nhân Duyên làm duyên do bởi Tác Nhân (**Hetu**) đối với bất luận Pháp nào, thì cũng làm Câu Sinh Duyên v.v. đối với các Pháp ấy. Thế nhưng không làm Cảnh Duyên v.v. đối với các Pháp ấy. Vì lý do ấy, Cảnh Duyên v.v. mới gọi là “bất tấu hợp đối với Nhân Duyên”, vì lẽ ấy, Nhân Duyên mới không nên phối hợp với những thể loại chẳng hạn như Cảnh Duyên v.v., hoặc là không nên phối hợp những thể loại chẳng hạn như Cảnh Duyên v.v. với Nhân Duyên. Ngay cả Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Tương Ứng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên và Bất Ly Duyên cũng mâu thuẫn lẫn nhau, mới không nên phối hợp với nhau nữa. Các thể loại Pháp ấy, bậc tu học sẽ có được bất luận thời kỳ nào trong việc phối hợp với Pháp được vào với nhau, loại trừ Pháp không được vào với nhau đi, nhằm để sẽ khái thuyết một cách giản yếu các thể loại thời kỳ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng “**Vì Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ**” (**Hetupaccayā adhipatiyā cattāri**) v.v. Các thể loại thời kỳ ấy, do việc tỷ giáo Nhân Duyên với Trưởng Duyên (vì lấy Nhân Duyên cùng với Trưởng Duyên) đích thực được bảy thời kỳ với mãnh lực phương thức pháp số Duyên ít hơn; ngay khi là như thế, vì trong tất cả các Trưởng, chỉ có Thảm Trưởng ngoài ra đây là không làm được Nhân Duyên, vì thế Đức Thế Tôn lập ý loại trừ Pháp ở phần Bất Tấu Hợp (không được vào với nhau) đi, mới thuyết giáo rằng “**bốn thời kỳ**” (**Cattāri**) với mãnh lực Pháp ở phần Tấu Hợp với nhau. Lời giải đáp bốn thời kỳ ấy, bậc tu học nên hiểu biết là như thế này “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên, là Thảm Trưởng (**Vimamsādhīpati**) ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng”. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên là “Thảm Trưởng ở phần Thiện làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ”. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên là “Thảm Trưởng ở phần Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ”. Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Nhân Duyên, do bởi Trưởng Duyên là “Thảm Trưởng ở phần Vô Ký Dị Thực Quả và Vô Ký Duy Tác làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Cũng trong chỗ này, nên chủ tâm lấy Vô Ký Dị Thực Quả chỉ từ nơi Pháp Siêu Thế (**Lokuttaradhamma**) thôi.

Còn Cảnh Duyên và Vô Giáns Duyên v.v. Ngài lại không có phối hợp vì là Bất Tấu Hợp (**Visabhāga**) với nhau.

Bậc tu học khi đã hiểu biết về thời kỳ có được và không có được trong tất cả các Duyên theo phương sách này rồi thì nên phối hợp làm thời kỳ với mãnh lực ở phần có được.

626] Lời nói rằng “**Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ**” (**Sahajāte satta**) có nghĩa là “lời giải đáp đã có ở trong Nhân Duyên”. Lời nói rằng “**Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ**” (**Aññamaññe tīṇi**) tức là “đích thị lời giải đáp đã có ở trong Phần Thuần Tịnh Hổ Tương Duyên” (**SuddhikaAññamaññāpaccaya**) (hoàn toàn Hổ Tương Duyên). Lời nói rằng “**Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ**” (**Nissaye satta**) tức là “lời giải đáp đã có ở trong Nhân Duyên”.

Lời nói rằng **“Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ”** (**Vipāke ekam**) là “đã ở trong Dị Thục Quả Duyên hoàn toàn”. Lời nói rằng **“Trong Quyền Lực Duyên và Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ”** (**Indriyamaggesu cattāri**) là “đích thị có Phần như đã đề cập trong thời gian trước”. Lời nói rằng **“Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ”** (**Sampayutte tīṇi**) tức là “đích thị lời giải đáp đã có ở trong Phần Thuần Tịnh Tương Ứng Duyên” (**Suddhika Sampayuttapaccaya**). Lời nói rằng **“Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ”** (**Vippayutte tīṇi**) tức là “bậc tu học nên hiểu biết lời giải đáp chỉ rút lấy Sắc Pháp mà có Tâm Thiện v.v. làm Xuất Sinh Xứ lên làm Sở Duyên”. Lời nói rằng **“Trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ”** (**Atthiavigatesu satta**) là “đích thị lời giải đáp đã có ở trong Nhân Duyên”.

627] Nhân Duyên có việc phối hợp giải thích cùng với bất luận nhóm Duyên nào, có 21 Duyên với Trưởng Duyên v.v. Đức Thế Tôn khi lập ý khái thuyết lời giải đáp trong Phần Nhị Căn Nguyên (**Dumūlakanaya**) với mãnh lực nhóm Duyên ấy như thế này rồi, bấy giờ, nhằm để sẽ khái thuyết phương thức pháp số trong Phần Tam Căn Nguyên (**Timūlakanaya**) v.v. mới thiết lập điều quy định, thuyết giáo rằng **“Năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ”** (**Hetusahajātanissaya atthiavigatanti satta**) v.v. với trường hợp như vậy.

Thế nhưng trong các kinh điển, Bậc Giáo Thọ Sư đã viết tên Duyên có văn tự bị thiếu sót đi, là như thế này (**Nissa Upanissa Adhipa**) Ngài viết các từ ngữ ấy với mãnh lực của sự bất quan tâm, vì lẽ ấy trong nền tảng như thế mới phải thêm phần **Pāli** cho đầy đủ. Và điều quy định mà Ngài đã thiết lập thường trình bày đến nghĩa lý rằng “Vì hội tập vào với bốn Duyên có Câu Sinh Duyên v.v. thì Nhân Duyên đây thường có được lời giải đáp bảy thời kỳ chỉ trong Phần phân tích của mình thôi.” Và nếu như hội tập Hỗ Tương Duyên vào trong quan niệm này thì thường có được lời giải đáp ba thời kỳ trong Hỗ Tương Duyên. Nếu hội tập vào với Tương Ứng Duyên thì đích thị có lẽ có được lời giải đáp ba thời kỳ ấy thôi. Nếu hội tập Bất Tương Ứng Duyên vào với nhau cũng có được lời giải đáp ba thời kỳ ở trong Nhị Đề Nhân – Bất Tương Ứng. Nếu hội tập vào với Dị Thục Quả Duyên thì thường chỉ có được duy nhất một lời giải đáp thôi, vì tỷ giáo các Duyên ở phần Tấu Hợp (**Sabhāga**) với Dị Thục Quả. Thế nhưng nếu hội tập vào với Quyền Lực Duyên và Đồ Đạo Duyên thì trong chỗ này thường có được lời giải đáp bốn thời kỳ trong Phần Nhị Căn Nguyên với Quyền Lực Duyên và Đồ Đạo Duyên ấy. Thế nhưng hội tập Hỗ Tương Duyên vào với cả hai Duyên ấy thì cho lấy đem ra lời giải đáp hai thời kỳ, đó là: “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký” và “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký”. Trong các lời giải đáp bốn thời kỳ trình bày đề trong Nhị Đề Nhân – Trưởng thường có được lời giải đáp hai thời kỳ còn lại, mới sẽ bổ sung Tương Ứng Duyên vào trong chỗ này nữa, và chính vì thế duy trì được lời giải đáp hai thời kỳ ấy. Và nếu như thêm Bất Tương Ứng Duyên vào thì sẽ có được lời giải đáp hai thời kỳ ngoài ra đó nữa. Nếu như bổ sung Dị Thục Quả Duyên vào trong các nhóm Duyên ấy thì thường chỉ có được duy nhất lời giải đáp một thời kỳ trong Nhị Đề Nhân – Trưởng với Trưởng Duyên thì thường chỉ có được lời giải đáp bốn thời kỳ thôi. Khi vừa gia phụ thêm vào thì thường có được lời giải đáp hai thời

kỳ và một thời kỳ với mãnh lực chính nhóm Duyên ấy. Bậc tu học khi đã thấu hiểu số lượng ở trong việc phối hợp hội tập với nhau các Duyên ấy như đã miêu thuật đến đây rồi, và nên tiếp tục phối hợp số lượng pháp số trong Phần Tam Căn Nguyên (**Timūlakanaya**) v.v.

Và các nhóm Hiệp Lực (**Ghaṭanā**) đây, Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Nhân Duyên có chín Hiệp Lực, thì theo bốn nhóm Hiệp Lực đầu tiên nhất với Phần Biến Hành không có Dị Thục Quả Hiệp Lực (là vẫn chưa có hội tập với Dị Thục Quả Duyên) thế nhưng trong đoạn giải đáp Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký thì thường có được Dị Thục Quả làm tác nhân trong chỗ này.

Năm Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó, thuyết giáo với mãnh lực Nhân ở phần Dị Thục Quả, và đã thuyết giáo trong chỗ ấy với Dị Thục Quả ở phần Câu Sinh và Sắc Pháp ở phần Câu Sinh với các Dị Thục Quả. Các nhóm Hiệp Lực ấy, Dị Thục Quả và Sắc Pháp mà có Dị Thục Quả ấy làm Xuất Sinh Xứ thì thường có được trong Hiệp Lực đầu tiên. Trong Hiệp Lực thứ hai thì có được Dị Thục Quả và Sắc Vật trong Thời Kỳ Tái Tục. Trong Hiệp Lực thứ ba thì đặc biệt duy nhất chỉ có được Vô Sắc Pháp. Hiệp Lực thứ tư đặc biệt chỉ có Sắc Vật thôi.

Mười lăm Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó hữu quan với Quyền Lực Duyên, thuyết giáo với mãnh lực Nhân Vô Si (**Amohaḥetu**). Trong mười lăm nhóm Hiệp Lực ấy, nhóm đầu tiên có chín Hiệp Lực không có Trưởng. Nhóm sau có sáu Hiệp Lực và có Trưởng. Ngay cả trong bốn Hiệp Lực đầu tiên không có Trưởng, trong từng mỗi Hiệp Lực đã được thuyết giáo với Nhân Vô Si tương tự với nhóm thuộc Biến Hành. Năm Hiệp Lực sau được thuyết giáo với mãnh lực Nhân Vô Si ở phần Dị Thục Quả.

Các nhóm Hiệp Lực không có Trưởng ấy, lập ý khái thuyết Hiệp Lực đầu tiên đề trong Nhị Đề Nhân – Trưởng trong thời gian trước có bốn thời kỳ. Trong Hiệp Lực thứ hai cắt bỏ Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Trong Hiệp Lực thứ ba không có Sắc Vật. Trong Hiệp Lực thứ tư có được Pháp Thiện làm duyên đối với Sắc Tâm. Pháp Vô Ký thường chỉ có được Sắc Pháp mà có Pháp Vô Ký làm Xuất Sinh Xứ thôi (Sắc Tâm và Sắc Nghiệp Tái Tục).

Ngoài ra đó, Hiệp Lực thứ năm phối hợp với Dị Thục Quả, có Phần như đã đề cập trong thời gian trước. Ba Hiệp Lực có Trưởng ở phía trên lại được thuyết giáo với mãnh lực Nhân thế theo Phần Biến Hành với cả ở phần Dị Thục Quả và không ở phần Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ nhất trong các nhóm Hiệp Lực ấy có bốn thời kỳ, đích thị có Phần như đã đề cập rồi vậy. Trong Hiệp Lực thứ hai không có Sắc Pháp. Trong Hiệp Lực thứ ba không có Vô Sắc Pháp. Ngoài ra đó, ba Hiệp Lực được thuyết giáo với mãnh lực Nhân phía Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ nhất trong các nhóm Hiệp Lực ấy đã có được cả Sắc Pháp và Danh Pháp. Hiệp Lực thứ hai chỉ có được Danh Pháp thôi. Và Hiệp Lực thứ ba đặc biệt chỉ có Sắc Pháp. Bậc tu học khi đã thấu hiểu số lượng ở trong việc phối hợp hội tập với nhau các Duyên ấy như đã miêu thuật đến đây rồi, và nên tiếp tục phối hợp số lượng pháp số trong Phần Tam Căn Nguyên (**Timūlakanaya**) v.v.

Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

PHẦN CẢNH CĂN NGUYÊN

(ĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)

628 – 629] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong Hiệp Lực có Cảnh làm căn nguyên. Có bảy Duyên với Trường Duyên v.v. là Tấu Hợp với Cảnh Duyên, 16 Duyên còn lại là Bất Tấu Hợp với nhau, vì lẽ ấy không nên phối hợp 16 Duyên ấy (với Cảnh Duyên) và chỉ nên phối hợp với bảy Duyên ấy thôi. Các nghĩa từ ấy, với lời nói rằng **“Trong Trường Duyên có bảy thời kỳ” (Adhipatiyā satta)** có nghĩa là (trong Trường Duyên có lời giải đáp bảy thời kỳ) đó là lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Thiện làm căn nguyên như thế này “Pháp Thiện làm duyên 1/. Đối với Pháp Thiện, 2/. Đối với Pháp Bất Thiện, 3/. Đối với Pháp Vô Ký”; lời giải đáp một thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên; lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ” (Nissaye tīṇi)** là lời giải đáp ba thời kỳ, có Pháp Vô Ký làm căn nguyên đích thị với mãnh lực của Vật.

Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ” (Upanissāye satta)** tương tự như đã đề cập trong thời gian trước. Lời nói rằng **“Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ” (Purejāte tīṇi)** là lời giải đáp ba thời kỳ, có Pháp Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực của Vật và Cảnh. Lời nói rằng **“Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ” (Vippayutte tīṇi)** là lời giải đáp ba thời kỳ, có Pháp Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực duy nhất của Vật. Lời nói rằng **“Trong Hiện Hữu và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ” (Atthiavigatesu tīṇi)** là lời giải đáp ba thời kỳ, có Pháp Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực của Vật và Cảnh. Tương tự thể loại trong Phần Nhân Căn Nguyên, Ngài thiết lập Hiệp Lực nhằm để khái thuyết điều quy định như thế nào, ngay cả trong Phần Cảnh Căn Nguyên v.v. cũng như thế ấy tương tự.

Các nhóm Hiệp Lực ấy, đối với năm Hiệp Lực mà Ngài thiết lập để ở trong Phần Cảnh Căn Nguyên này thì Hiệp Lực thứ năm trong các nhóm Hiệp Lực ấy có Trường với mãnh lực của Cảnh Trường Duyên. Các nghĩa từ ấy, lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** là lời giải đáp đã có chính ngay trong Nhị Đề Cảnh – Trường. Hiệp Lực thứ hai không có Trường. Các nghĩa từ ấy, lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīṇi)** là lời giải đáp có Pháp Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực của Vật và Cảnh, hoặc duy nhất với một mãnh lực của Cảnh. Hiệp Lực thứ ba phối hợp trong Y Chỉ Duyên. Các nghĩa từ ấy, lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīṇi)** là có Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực của Vật. Hiệp Lực thứ tư và Hiệp Lực thứ năm có Trường trong hai điều ấy. Lời nói rằng **“một thời kỳ” (ekam)** trong Hiệp Lực thứ bốn, tức là Pháp Bất Thiện có Pháp Vô Ký làm căn nguyên với mãnh lực của Vật và Cảnh, hoặc duy nhất với một mãnh lực của Cảnh. Lời nói rằng **“một thời kỳ” (ekam)** trong Hiệp Lực thứ năm, tức là Pháp Bất Thiện có Pháp Vô Ký làm căn nguyên tác thành Y Chỉ Duyên.

Bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số trong Phần Tam Căn Nguyên v.v. với mãnh lực Duyên đã có được trong quan niệm này, như đã miêu thuật đến đây. Ngay cả trong Phần có Trường Duyên làm căn nguyên, cũng tương tự. Thế nhưng, đối với Bản Đạo sẽ xin không nói lời giải thích một cách quảng nghĩa với mãnh lực Cảnh Duyên, Quyền Lực Duyên và Dị Thực Quả Duyên, và chỉ sẽ đề cập một cách thích hợp trong các chỗ ấy thôi.

PHẦN TRƯỜNG CĂN NGUYÊN

630 – 631] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong Trường Duyên. Lời nói rằng **“Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ” (Sahajāte satta)** là lời giải đáp bảy thời kỳ, có Pháp Thiện làm căn nguyên với mãnh lực Câu Sinh Duyên. Lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên, và lời giải đáp nữa một thời kỳ có Pháp Vô Ký làm căn nguyên. Và Cảnh Trường Duyên thường không có được Câu Sinh Duyên và Câu Sinh Duyên cũng thường không có được Cảnh Trường Duyên. Lời nói rằng **“Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ” (Aññamaññe tīpi)** là có lời giải đáp ba thời kỳ, chỉ có với mãnh lực Câu Sinh Trường Duyên thôi. Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có tám thời kỳ” (Nissaye atṭha)** là có Pháp Thiện làm căn nguyên ba thời kỳ, có Pháp Bất Thiện làm căn nguyên ba thời kỳ, và có Pháp Vô Ký làm căn nguyên hai thời kỳ. Quả thực, Trường ở phần Pháp Vô Ký thường làm chỗ nương nhờ Pháp Vô Ký tác thành Câu Sinh Duyên và Cảnh Duyên thường làm chỗ nương nhờ Pháp Bất Thiện tác thành chỉ duy nhất Cảnh Duyên. Thế nhưng không làm chỗ nương nhờ Pháp Thiện tác thành cả hai trường hợp. Lời giải đáp có Vô Ký làm căn nguyên chỉ có hai thời kỳ thôi, hội tập thành lời giải đáp tám thời kỳ với lời giải thích như vậy.

Lời giải đáp bảy thời kỳ trong Cận Y Duyên đích thị tương tự với Cảnh Duyên. Lời nói rằng **“Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ” (Purejāte ekam)** là Pháp Vô Ký Trường (Abyākatādhīpati) làm duyên đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên. Lời nói rằng **“Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ” (Vipāke ekam)** là Pháp Vô Ký Siêu Thế (Lokut tarābyākata) với Pháp Vô Ký. Lời giải đáp bảy thời kỳ trong Vật Thục Duyên v.v. đích thị đã có trong Phần Nhất Căn Nguyên (Ekamūlakanaya) trong thời gian trước. Lời nói rằng **“Trong Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ” (Vippayutte cattāri)** là Pháp Vô Ký với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký và Pháp Thiện với Pháp Vô Ký. Lời giải đáp tám thời kỳ trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên đích thị tương tự với Y Chỉ Duyên. Và trong quan niệm này, các Hiệp Lực mà Ngài bất phối hợp với Cảnh Duyên v.v. theo thuận tự, phối hợp với Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trước. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào ?” Trả lời là “Vì hội tập cả hai Trường Duyên vào với nhau”. Các nhóm Hiệp Lực ấy, trong Hiệp Lực đầu có được Vật và Cảnh (Vật Cảnh - Vatthārammaṇa) với mãnh lực Cảnh Trường Duyên.

Trong Hiệp Lực thứ hai chỉ có duy nhất Vật, đối với người có sự hỷ duyệt một cách mãnh liệt với mãnh lực làm chỗ nương nhờ (đối với người thực hiện cho mãnh liệt với mãnh lực làm chỗ nương nhờ rồi đang hỷ duyệt). Trong Hiệp Lực thứ ba có được Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với các Sắc Pháp do bởi Câu Sinh Trường Duyên. Có được Vật làm duyên đối với Bất Thiện do bởi Cảnh Trường Duyên. Ba điều Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Cảnh Trường Duyên. Các nhóm Hiệp Lực ấy, lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** trong Hiệp Lực thứ nhất mà Bàn Đạo đã nói trong thời gian trước rồi.

Lời nói rằng **“một thời kỳ” (ekam)** trong Hiệp Lực thứ hai, là Vật và Cảnh khởi sinh trước làm duyên đối với Bất Thiện. Trong Hiệp Lực thứ ba, chỉ có Vật làm duyên đối với Bất Thiện thôi. Ba điều Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó, phổ biến đối với Pháp cả ở phần Dị Thục Quả

và chẳng phải Dị Thục Quả, được thuyết giáo với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên. Các nhóm Hiệp Lực ấy, trong Hiệp Lực thứ nhất có được cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Hiệp Lực thứ hai đặc biệt chỉ có được duy nhất một thể loại Vô Sắc Pháp. Hiệp Lực thứ ba chỉ có được Sắc Pháp thôi. Ba Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Dị Thục Quả Trưởng Duyên (**Vipākādhīpaccaya**).

Ngay cả ba Hiệp Lực ấy, Hiệp Lực thứ nhất có được cả Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Hiệp Lực thứ hai có được Vô Sắc Pháp. Hiệp Lực thứ ba chỉ có được Sắc Pháp thôi. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó phối hợp với Vật Thục Duyên và Quyền Lực Duyên, được thuyết giáo với mãnh lực Tâm Trưởng Duyên (**Cittādhīpaccaya**). Sáu nhóm Hiệp Lực ấy thì ba Hiệp Lực không có Dị Thục Quả và ba Hiệp Lực có Dị Thục Quả. Phương thức tính toán trong các nhóm Hiệp Lực ấy đã minh hiển rồi. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với Cần Trưởng Duyên (**Viriyādhīpaccaya**).

Vấn hỏi rằng “Chẳng phải Đức Thế Tôn nên thuyết giáo Hiệp Lực với mãnh lực Cần Trưởng theo thuận tự là đầu tiên hay sao ? (thế mà) vì sao Đức Phật lại không thuyết giáo như thế ?” Giải đáp là “Vì nhóm Hiệp Lực ấy tương tự với Hiệp Lực đã thuyết giáo với mãnh lực của Nhân ở phía trước”. Quả thực, Hiệp Lực đã thuyết giáo với mãnh lực của Nhân ở phía trước hữu quan với Đồ Đạo (**Magga**), vì Nhân Vô Si là Thảm Trưởng, và vì Thảm Trưởng hình thành Chánh Kiến (**Sammādiṭṭhi**). Lại nữa, ngay cả Cần cũng coi như là Đồ Đạo, vì là Chánh Tinh Tấn (**Sammāvāyāma**) và Tà Tinh Tấn (**Micchāvāyāma**), vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo luân chuyển các Hiệp Lực với Cần ấy là tương tự với Hiệp Lực đã thuyết giáo với mãnh lực của Nhân ở phía trước. Phương thức tính toán ngay cả trong nhóm Hiệp Lực ấy đã minh hiển.

PHẦN VÔ GIÁN – ĐẲNG VÔ GIÁN CĂN NGUYÊN (ANANTARA – SAMANANTARAMŪLAKANAYA)

632 – 635] Lời nói rằng “bảy thời kỳ” (**satta**) trong Hiệp Lực có Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên làm căn nguyên, có nghĩa là “có lời giải đáp bảy thời kỳ như thế này: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên ngay cả ba: đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Bất Thiện và đối với Pháp Vô Ký. Lời nói rằng “**Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ**” (**Kamme ekam**) là Tư Tâm Sở Thiện Đạo (**Kusalamaggacetanā**) làm duyên đối với Pháp Vô Ký Dị Thục Quả của mình. Và trong nhóm Duyên ấy chỉ có ba Hiệp Lực thôi. Nhóm Hiệp Lực ấy phối hợp theo thuận tự lời giải đáp có nhiều thời kỳ.

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thảm định trong Hiệp Lực có Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên làm căn nguyên. Bất luận Duyên nào đã được thuyết giáo để trong Phần Nhị Căn Nguyên, thì các Duyên ấy là tấu hợp với Duyên đang ở phía trên, vì lẽ ấy bậc tu học khi đã thấu hiểu phương thức tính toán ở trong Phần Nhị Căn Nguyên rồi thì nên hiểu biết phương thức tính toán trong từng mỗi các Hiệp Lực với mãnh lực Duyên được tính toán ít hơn trong các Duyên dẫn dắt liên tiếp đến phía cuối cùng.

PHẦN CÂU SINH CĂN NGUYÊN (SAHAJĀTAMŪLAKANAYA)

636 – 637] Các nhóm Hiệp Lực ấy, Hiệp Lực mà có Câu Sinh Duyên làm căn nguyên thì có 10 nhóm Hiệp Lực. Trong 10 nhóm Hiệp Lực ấy, ở phần Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực có năm Hiệp Lực, ở phần Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực cũng có năm Hiệp Lực.

Trong cả hai thể loại ấy, ở phần Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực trước thì trong Hiệp Lực thứ nhất có lời giải đáp chín thời kỳ như thế này: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Vô Ký, và đối với Pháp Thiện – Pháp Vô Ký; Pháp Thiện – Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, hội tập lại thành bốn thời kỳ. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, đối với Pháp Vô Ký, đối với Pháp Bất Thiện - Vô Ký; Pháp Bất Thiện – Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký. Pháp Vô Ký chỉ có làm duyên đối với Pháp Vô Ký thôi. Các lời giải đáp ấy trong lời giải đáp tám thời kỳ có Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện v.v. có được cả Vô Sắc Pháp (Danh Pháp) và Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, trong Pháp Vô Ký thì có được Sắc Vật. Các Sắc Pháp thì chỉ có được Sắc Vật thôi trong lời giải đáp phía Pháp Vô Ký trong Hiệp Lực thứ hai.

Trong Hiệp Lực thứ ba thì chỉ Vô Sắc Pháp thôi ngay cả ba Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực thứ tư thì đặc biệt chỉ có Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ thôi. Trong Hiệp Lực thứ năm thì có được Vô Sắc Pháp với Sắc Vật trong Thời Kỳ Tái Tục.

Trong Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực, trong Hiệp Lực thứ nhất có được Tâm Dị Thục Quả và Sắc Pháp mà có Tâm Dị Thục Quả làm Xuất Sinh Xứ. Trong Hiệp Lực thứ hai thì có được Dị Thục Quả và Sắc Vật. Trong Hiệp Lực thứ ba thì chỉ có duy nhất Dị Thục Quả. Trong Hiệp Lực thứ tư thì chỉ có được Sắc Pháp mà có Tâm Dị Thục Quả làm Xuất Sinh Xứ thôi. Trong Hiệp Lực thứ năm thì đặc biệt chỉ có Sắc Vật.

PHẦN HỒ TƯƠNG CĂN NGUYÊN (AÑÑAMAÑÑAMŪLAKANAYA)

638 – 639] Trong Phần Hồ Tương Căn Nguyên có sáu Hiệp Lực. Các sáu nhóm Hiệp Lực ấy, ba Hiệp Lực đầu tiên là Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực và ba Hiệp Lực cuối là Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực. Phương thức tính toán trong các nhóm Hiệp Lực ấy minh hiển rồi.

PHẦN Y CHỈ CĂN NGUYÊN (NISSAYAMŪLAKANAYA)

640 – 641] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong Phần có Y Chỉ Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Vị Y Chỉ Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ”** (Nissayapaccayā Ārammaṇe tīṇi) bậc tu học nên hiểu biết lời giải đáp ba thời kỳ với mãnh lực Pháp Thiện v.v. liệt cử Vật (**Vatthu**) lên tác thành Cảnh hiện hành (hiện hành do bởi lấy Vật làm Cảnh). Lời

nói rằng **“Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ” (Upanissaye ekam)** là Pháp Bất Thiện khấu lư Vật tác thành Cảnh Cận Y khởi sinh lên. Nghĩa từ còn lại nên hiểu biết theo Phần mà Bản Đạo đã đề cập trong Phần Nhị Căn Nguyên trong thời gian trước.

Và trong Y Chỉ Duyên này có mười Hiệp Lực. Sáu nhóm Hiệp Lực ở phía trên được thuyết giáo với mãnh lực Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Bốn Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo duy nhất với mãnh lực Tiền Sinh Duyên. Tiếp nối mười Hiệp Lực được thuyết giáo duy nhất với mãnh lực Câu Sinh Duyên.

Trong các nhóm Hiệp Lực ấy, lời nói rằng **“13 thời kỳ” (terasa)** trong Hiệp Lực thứ nhất tức là lời giải đáp 13 thời kỳ mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo đích thị để ở trong Phần Phân Tích Y Chỉ Duyên. Lời nói rằng **“tám thời kỳ” (atṭha)** trong Hiệp Lực thứ hai tức là lời giải đáp tám thời kỳ, đó là lời giải đáp bảy thời kỳ với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên và một thời kỳ ở phần Bất Thiện do thực hiện Vật (**Vatthu**) cho mãnh liệt. Lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** trong Hiệp Lực thứ ba tức là lời giải đáp bảy thời kỳ đích thị đã có ở trong Quyền Lực Duyên.

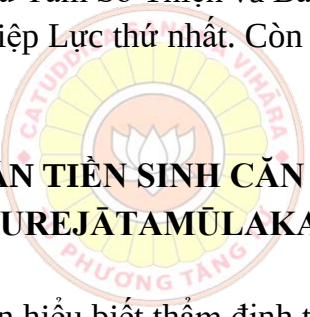
Lời nói rằng **“năm thời kỳ” (pañca)** trong Hiệp Lực thứ tư tức là lời giải đáp năm thời kỳ đích thị đã có ở trong Bất Tương Ứng Duyên. Lời nói rằng **“bốn thời kỳ” (cattāri)** trong Hiệp Lực thứ năm tức là lời giải đáp có Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, và Vật làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīpi)** trong Hiệp Lực thứ sáu tức là Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Trong bốn Hiệp Lực với khả năng Tiền Sinh Duyên, lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīpi)** trong Hiệp Lực thứ nhất tức là Vật làm duyên đối với Pháp Thiện v.v. và Vật có Nhân v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Ký. Trong Hiệp Lực thứ hai chỉ có Vật thôi làm duyên đối với Pháp Thiện v.v. Trong Hiệp Lực thứ ba, lời nói rằng **“một thời kỳ” (ekam)** tức là Vật làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Trong Hiệp Lực thứ tư, tức là Vật có Nhân v.v. làm duyên đối với năm nhóm Tâm Thức (tức là Ngũ Song Thức). Bậc tu học nên hiểu biết theo Phần mà Bản Đạo phân tích mười Hiệp Lực ra thành hai phía, đó là: Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực và Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực do bởi Câu Sinh Duyên mà đã đề cập để ở trong Phần Câu Sinh Căn Nguyên rồi.

PHẦN CẬN Y CĂN NGUYÊN (UPANISSAYAMŪLAKANAYA)

642 – 643] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Hiệp Lực mà có Cận Y Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ” (Ārammaṇe satta)** là lời giải đáp đã có ở trong Cảnh Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ” (Adhipatiyā satta)** cũng tức là những thời kỳ ấy tương tự. Các Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên thì đích thị những lời giải đáp ấy đã có ở trong Vô Giác Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ” (Nissaye ekam)** tức là Vật làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Lời nói rằng **“Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ” (Purejāte ekam)** tức là Vật hoặc Cảnh đích thị làm duyên đối với Pháp Bất Thiện ấy. Lời nói rằng **“Trong Trùng**

Dụng Duyên có ba thời kỳ” (Āsevane tīṇi) thuyết giáo với mãnh lực Vô Gian Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ” (Kamme dve)** thuyết giáo với mãnh lực Thường Cận Y Duyên. Lời nói rằng **“Trong Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ” (Vippayutte ekam)** thuyết giáo với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên. Trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên cũng tương tự.

Lời giải đáp bảy thời kỳ trong Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gian Duyên. Và Hiệp Lực mà có Cận Y Duyên làm căn nguyên thì có bảy Hiệp Lực. Các nhóm Hiệp Lực ấy với ba điều ở phía trên được thuyết giáo với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên. Trong ba Hiệp Lực ấy, trong Hiệp Lực thứ nhất với lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** có nghĩa là “có lời giải đáp bảy thời kỳ như thế này: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện v.v. Pháp Vô Ký cũng tương tự (hội tập thành sáu). Pháp Bất Thiện làm duyên duy nhất đối với Pháp Bất Thiện. Lời nói rằng **“một thời kỳ” (ekam)** trong Hiệp Lực thứ hai có nghĩa là “Pháp Vô Ký có Nhân v.v. làm duyên đối với Pháp Bất Thiện”. Trong Hiệp Lực thứ ba tức là Vật làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Hai Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Vô Gian Cận Y Duyên. Việc tính toán trong các nhóm Hiệp Lực này đã minh hiển. Tiếp nối từ nơi đó, có hai Hiệp Lực nữa được thuyết giáo với mãnh lực Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. Trong hai Hiệp Lực ấy, Tư Tâm Sở Thiện và Bất Thiện Hiệp Thế, Ngài chủ tâm lấy thể theo sự tác thành duyên trong Hiệp Lực thứ nhất. Còn trong Hiệp Lực thứ hai chủ tâm chỉ lấy duy nhất Thiện Siêu Thế.



PHẦN TIỀN SINH CĂN NGUYÊN (PUREJĀTAMŪLAKANAYA)

644 – 645] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Hiệp Lực có Tiền Sinh Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ” (Ārammaṇe tīṇi)** tức là Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện v.v. Lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có một thời kỳ” (Adhipatiyā ekam)** tức là Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Trong các Hiệp Lực còn lại cũng có cùng một Phần này. Và có Phần này có bảy nhóm Hiệp Lực, trong các nhóm Hiệp Lực ấy, Hiệp Lực thứ nhất được thuyết giáo với mãnh lực của Vật và Cảnh. Hiệp Lực thứ hai được thuyết giáo với mãnh lực của Vật. Hiệp Lực thứ ba được thuyết giáo với mãnh lực của Cảnh. Hiệp Lực thứ tư được thuyết giáo với mãnh lực thời gian Vật làm Cảnh. Hiệp Lực thứ năm được thuyết giáo với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên. Hiệp Lực thứ sáu được thuyết giáo với mãnh lực thời gian Vật làm Cảnh Trưởng Duyên. Hiệp Lực thứ bảy được thuyết giáo với mãnh lực Nhân Vật v.v.

PHẦN HẬU SINH CĂN NGUYÊN (PACCHĀJĀTAMŪLAKANAYA)

646] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Hiệp Lực có Hậu Sinh Duyên làm căn nguyên. Hai mươi Duyên thường phối hợp không được, và đặc biệt chỉ phối hợp được có ba

Duyên thôi. Trong Phần này đích thị chỉ có một Hiệp Lực thôi. Hiệp Lực ấy nên hiểu biết với mãnh lực Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với sắc thân. Ngay cả trong Phần có Trùng Dục Duyên làm căn nguyên cũng có cùng một Hiệp Lực tương tự.

PHẦN NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN (KAMMAMŪLAKANAYA)

648 – 649] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Hiệp Lực có Nghiệp Lực Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Vô Gian Duyên có một thời kỳ” (Anantare ekam)** Ngài đã đề cập với mãnh lực Tư Tâm Sở trong Đạo (Magga). Trong lời nói rằng **“Trong Hố Tương Duyên có ba thời kỳ” (Aññamaññe tīpi)** nên chủ tâm lấy ngay cả Vật trong Thời Kỳ Tái Tục. Lời nói rằng **“Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ” (Upanissaye dve)** tức là hai thời kỳ đã đề cập trong thời gian trước với mãnh lực Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên. Và ngay cả các Hiệp Lực còn lại, nên hiểu biết theo Phần đã đề cập như thế này trong thời gian trước. Và trong Phần này có 11 nhóm, và hai Hiệp Lực đầu tiên của các nhóm Hiệp Lực ấy được thuyết giáo với mãnh lực Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Do chia ra Thường Cận Y Duyên và Vô Gian Cận Y Duyên, tiếp nối từ nơi đó có bốn Hiệp Lực nữa với mãnh lực **“Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên” (Ekakhaṇṇikakammappaccaya)** của các Pháp ở cả phần Hữu Dị Thực Quả và Vô Dị Thực Quả. Trong bốn điều Hiệp Lực ấy, trong Hiệp Lực thứ nhất đã có được Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ cùng câu hành với Vô Sắc Pháp. Trong Hiệp Lực thứ hai đã có được Vật câu hành với Vô Sắc Pháp. Trong Hiệp Lực thứ ba đặc biệt chỉ có duy nhất Vô Sắc Pháp. Trong Hiệp Lực thứ tư đặc biệt chỉ có Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, còn Sắc Tái Tục đã có được trong Thời Kỳ Tái Tục. Tiếp nối từ nơi đó, năm Hiệp Lực nữa là Hữu Dị Thực Quả, và có Phần mà Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước rồi.

PHẦN DỊ THỰC QUẢ CĂN NGUYÊN (VIPĀKAMŪLAKANAYA)

650 – 651] Năm Hiệp Lực ở trong Phần có Dị Thực Quả Duyên làm căn nguyên và đã có nội dung minh hiển rồi.

PHẦN VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (ĀHĀRAMŪLAKANAYA)

652 – 653] Lời nói rằng **“bảy thời kỳ” (satta)** v.v. trong Phần có Vật Thực Duyên làm căn nguyên, có Phần mà Bản Đạo đã đề cập tương tự. Và trong Phần này có tất cả 34 nhóm Hiệp Lực. Năm Hiệp Lực đầu tiên trong các nhóm Hiệp Lực ấy, Ngài đã đề cập do bởi tác thành ở cả phần Hữu Dị Thực Quả Hiệp Lực và Vô Dị Thực Quả Hiệp Lực tương tự. Trong Hiệp Lực thứ nhất của các Hiệp Lực ấy thì thường có được cả Tứ Thực. Trong Hiệp Lực thứ hai đặc biệt chỉ có ba Danh Vật Thực thôi. Trong Hiệp Lực thứ ba thì có Vật làm Sở Duyên.

Trong Hiệp Lực thứ tư không có Vật. Trong Hiệp Lực thứ năm chỉ có Sắc Pháp làm Sở Duyên. Tiếp nối từ nơi đó thì có năm Hiệp Lực nữa, có Phần như Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước. Tiếp nối từ nơi đó là chín Hiệp Lực mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo với mãnh lực Vật Thực là Tư Tâm Sở (**Ý Tư Thực - Manosañcetanāhāra**). Tiếp nối từ nơi đó là chín Hiệp Lực được thuyết giáo với mãnh lực Thức Thực mà không có Trưởng. Tiếp nối từ nơi đó là sáu Hiệp Lực được thuyết giáo với mãnh lực Thức Thực mà có Trưởng. Trong sáu Hiệp Lực ấy thì có ba Hiệp Lực được thuyết giáo với mãnh lực các Pháp ở cả phần Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực và Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực tương tự (hoặc hội tập nhau). Ba Hiệp Lực khác được thuyết giáo chỉ với duy nhất mãnh lực Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực. Trong ba Hiệp Lực ấy, không có Sắc Vật vì không có Dị Thục Quả Hiệp Thế (**Lokiyavipāka**).

PHẦN QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (INDRIYAMŪLAKANAYA)

654 – 655] Lời nói rằng “**Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ**” (**Purejāte ekam**) trong Phần có Quyền Lực Duyên làm căn nguyên, có một Hiệp Lực đó là: Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nhân Quyền Lực v.v. Hiệp Lực có hai căn nguyên còn lại, nên hiểu biết theo Phần mà Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước. Và trong Phần này có tất cả 76 nhóm Hiệp Lực. Hiệp Lực thứ nhất trong 76 nhóm Hiệp Lực ấy có được các Quyền Lực theo nghĩa lý tác thành duyên. Trong Hiệp Lực thứ hai không có Sắc Mạng Quyền Lực, bởi vì ngay cả Sắc Mạng Quyền Lực ấy thường không làm chỗ nương nhờ. Trong Hiệp Lực thứ ba tức là Vô Sắc Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Pháp. Trong Hiệp Lực thứ tư tức là Nhân Quyền Lực v.v. làm duyên đối với Nhân Thức v.v. Tiếp nối từ nơi đó là chín Hiệp Lực mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo với mãnh lực Vô Sắc Quyền Lực câu sinh với nhau. Chín Hiệp Lực kế tiếp từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Quyền Lực hình thành Đồ Đạo (**Magga**). Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Quyền Lực ở phần Chi Thiền (**Āṅgajhāna**). Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Quyền Lực ở cả phần Thiền Na và Đồ Đạo. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo chỉ với duy nhất mãnh lực Quyền Lực. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó thì có Trưởng. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó phối hợp với Đồ Đạo, với mãnh lực Căn Trưởng và Thâm Trưởng. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó thì không có Trưởng, với mãnh lực Nhân Vô Si. Trong tất cả sáu nhóm Hiệp Lực mà có Trưởng ấy, có cả Phần bất phối hợp và phối hợp do bởi Dị Thục Quả Duyên, và nên hiểu biết theo Phần mà Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước.

PHẦN THIỀN NA CĂN NGUYÊN (JHĀNAMŪLAKANAYA)

656] Ngay cả trong Hiệp Lực có hai căn nguyên mà có Thiền Na Duyên làm căn nguyên, cũng nên hiểu biết theo Phần mà Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước tương tự. Và trong Phần này có tất cả 36 nhóm Hiệp Lực. Chín Hiệp Lực đầu tiên của các nhóm Hiệp Lực ấy

được Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực tất cả Chi Thiên Na, không nhắm đến sự tác thành Quyền Lực và Đồ Đạo. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với Chi Thiên Na ở phần Quyền Lực. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với Chi Thiên Na hình thành Đồ Đạo. Chín Hiệp Lực tiếp đến được thuyết giáo với Chi Thiên Na ở phần Quyền Lực và Đồ Đạo. Lại nữa, cả bốn Hiệp Lực phía trên trong chín nhóm Hiệp Lực này phổ biến đối với Hữu Dị Thục Quả và Vô Dị Thục Quả. Năm Hiệp Lực cuối thì chỉ có được Hữu Dị Thục Quả thôi. Các nhóm Hiệp Lực ấy đã được Bàn Đạo đề cập trong thời gian trước tương tự.

PHẦN ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (MAGGAMŪLAKANAYA)

658 – 659] Trong Phần Hiệp Lực có hai căn nguyên mà có Đồ Đạo Duyên làm căn nguyên thì nên hiểu biết theo Phần mà Bàn Đạo đã đề cập rồi vậy. Và trong Phần này có tất cả 57 nhóm Hiệp Lực. Chín Hiệp Lực đầu tiên của các nhóm Hiệp Lực ấy được Đức Thế Tôn thuyết giáo với toàn Chi Đồ Đạo, không hội tập đến sự tác thành Quyền Lực và Thiên Na. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo ở phần Quyền Lực. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo ở phần Thiên Na. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo cả ở phần Quyền Lực và Thiên Na. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo ở phần Trưởng. Chín Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo và Nhân không làm Trưởng. Sáu Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó được thuyết giáo với mãnh lực Đồ Đạo và Nhân làm Trưởng. Trong nhóm có chín Hiệp Lực thì hiện hữu năm nhóm là Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực. Trong nhóm có sáu Hiệp Lực thì hiện hữu ba nhóm Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực. Còn lại là Phổ Thông (**Sādhāraṇa**). Nhóm Hiệp Lực ấy có Phần như Bàn Đạo đã đề cập trong thời gian trước rồi.

PHẦN TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (SAMPAYUTTAMŪLAKANAYA)

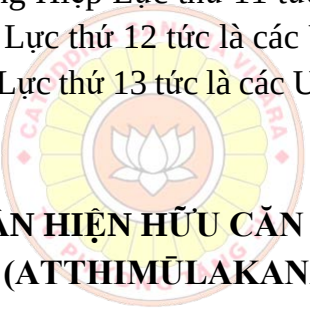
660 – 661] Trong Phần Hiệp Lực có hai căn nguyên mà có Tương Ứng Duyên làm căn nguyên đã minh hiển rồi. Trong Phần này chỉ có hai Hiệp Lực thôi. Trong hai Hiệp Lực ấy, một Hiệp Lực đã được Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Pháp phổ thông, một Hiệp Lực kia được thuyết giáo mãnh lực Dị Thục Quả.

PHẦN BÁT TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (VIPPAYUTTAMŪLAKANAYA)

662 – 663] Ngay cả trong Phần có Bát Tương Ứng Duyên làm căn nguyên, Hiệp Lực có hai căn nguyên đã minh hiển rồi. Trong Phần này có tất cả 13 nhóm Hiệp Lực. Lời nói rằng “**năm thời kỳ**” (**pañca**) trong Hiệp Lực thứ nhất tức là Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô

Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với cả ba Pháp: 1/. Đối với Pháp Thiện, 2/. Đối với Pháp Bất Thiện và 3/. Đối với Pháp Vô Ký.

Và trong Phần này, Bất Tương Ưng Duyên đây câu sinh với nhau cũng có, khởi sinh về sau và khởi sinh trước cũng có. Trong Hiệp Lực thứ hai chỉ có khởi sinh trước và câu sinh với nhau thôi. Và đích thị nhóm Duyên ấy đã được Đức Thế Tôn thuyết giáo để trong Hiệp Lực thứ ba với mãnh lực của Trưởng. Các nhóm Duyên ấy có được bốn thời kỳ như thế này: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký và đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên. Lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīṇi)** trong Hiệp Lực thứ tư tức là Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Ký. Và trong chỗ này có được cả Sắc Quyền Lực và Danh Quyền Lực. Trong Hiệp Lực thứ năm chỉ có Danh Pháp làm duyên thôi. Trong Hiệp Lực thứ sáu tức là Sắc Vật (Sắc Pháp) làm duyên. Trong Hiệp Lực thứ bảy tức là Sắc Pháp làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký với mãnh lực Minh Sát Trí. Chỉ có Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực tác thành hỷ duyệt. Trong Hiệp Lực thứ tám tức là đích thị Sắc Tâm Cơ ấy làm duyên đối với Pháp Bất Thiện. Trong Hiệp Lực thứ chín tức là Nhân v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Ký. Trong Hiệp Lực thứ mười thì Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Trong Hiệp Lực thứ 11 tức là Vật làm duyên đối với các Uẩn trong Thời Kỳ Tái Tục. Trong Hiệp Lực thứ 12 tức là các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tái Tục trong Thời Kỳ Tái Tục. Trong Hiệp Lực thứ 13 tức là các Uẩn làm duyên đối với Sắc Vật trong Thời Kỳ Tái Tục.



PHẦN HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN (ATTHIMŪLAKANAYA)

664 – 665] Nên hiểu biết thâm định trong Phần có Hiện Hữu Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ” (Upanissaye ekam)** tức là Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên. Các Hiệp Lực còn lại trong Phần Nhị Căn Nguyên đã minh hiển rồi. Và trong Phần này có tất cả 29 nhóm Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực thứ nhất có được Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên với mãnh lực Vô Sắc Pháp, Vật Cảnh (**Vatthārammaṇa**), Sắc Đại Hiện, Quyền Lực và Vật Thực. Trong Hiệp Lực thứ hai có được Đoàn Thực và Sắc Mạng Quyền Lực khởi sinh trong đấng sau. Chỉ có Hiệp Lực thứ nhất và thứ hai với Trưởng Duyên, Ngài sắp thành Hiệp Lực thứ ba và Hiệp Lực thứ tư trong nhóm Hiệp Lực tiếp nối. Đặc biệt Hiệp Lực thứ nhất với Tứ Vật Thực lại được sắp thành Hiệp Lực thứ năm. Hiệp Lực thứ nhất với Sắc Mạng Quyền Lực sắp thành Hiệp Lực thứ sáu. Hơn nữa, với Sắc Pháp và Vô Sắc Quyền Lực lại được sắp thành Hiệp Lực thứ bảy. Và hoặc là đặc biệt chỉ có Hiệp Lực thứ hai với các Pháp Quyền Lực sắp thành Hiệp Lực thứ bảy thôi. Đặc biệt Hiệp Lực thứ nhất và thứ hai với Bất Tương Ưng Duyên sắp thành Hiệp Lực thứ tám và Hiệp Lực thứ chín. Các nhóm Hiệp Lực ấy, trong Hiệp Lực thứ chín với Trưởng Duyên sắp thành Hiệp Lực thứ mười. Trong Hiệp Lực thứ 11 tiếp nối từ nơi đó, lấy Sắc Vật ra với mãnh lực làm duyên. Trong Hiệp Lực thứ 12 chỉ có các Vô Sắc Pháp

làm duyên thôi. Trong Hiệp Lực thứ 13 có Vật ở phần Cảnh làm duyên. Trong Hiệp Lực thứ 14 chỉ có Vật làm duyên thôi. Trong Hiệp Lực thứ 15 chỉ có Cảnh làm duyên thôi. Trong Hiệp Lực thứ 16 chỉ có Vật làm Cảnh thôi. Trong Hiệp Lực thứ 17 đích thị Vật làm Cảnh theo sự tác thành Cảnh Trường. Trong Hiệp Lực thứ 18 đích thị Vật làm Cảnh với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên. Trong Hiệp Lực thứ 19 chỉ có Vật v.v. làm duyên thôi. Cả 19 nhóm Hiệp Lực này gọi là Linh Tinh Hiệp Lực (**Pakīṇṇakaghaṭanā**) mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo do bởi không chủ tâm lấy Câu Sinh. Mười nhóm Hiệp Lực tiếp nối từ nơi đó đã được thuyết giáo với mãnh lực Câu Sinh Hiệp Lực.

PHẦN VÔ HỮU LY KHỨ CĂN NGUYÊN (NATTHIVIGATAMŪLAKANAYA)

667 – 670] Trong Phần có Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên làm căn nguyên có hai Hiệp Lực với mãnh lực Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên và Nghiệp Lực Duyên tương tự trong Phần có Vô Gian Duyên và Đẳng Vô Gian Duyên làm căn nguyên.

PHẦN BÁT LY CĂN NGUYÊN (AVIGATAMŪLAKANAYA)

671 – 673] Hiệp Lực mà có Bát Ly Duyên làm căn nguyên đích thị tương tự với Phần có Hiện Hữu Duyên làm căn nguyên.

Và các Hiệp Lực đã đề cập ở trong Giai Đoạn Vấn Đề đây chỉ có hai thể loại thôi, đó là: Linh Tinh Hiệp Lực và Câu Sinh Hiệp Lực. Các nhóm Linh Tinh Hiệp Lực và Câu Sinh Hiệp Lực, với các Hiệp Lực mà Ngài bắt đầu đề cập kể từ Cảnh Duyên làm căn nguyên v.v. bất liên hiệp Câu Sinh, gọi là **Linh Tinh Hiệp Lực**.

Các nhóm Linh Tinh Hiệp Lực ấy, ngay cả trong Hiệp Lực có Cảnh Duyên làm căn nguyên cũng có năm Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Trường Duyên làm căn nguyên thì có sáu Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Vô Gian Duyên làm căn nguyên thì có ba Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Đẳng Vô Gian Duyên làm căn nguyên thì có ba Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Y Chỉ Duyên làm căn nguyên thì có 10 Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Cận Y Duyên làm căn nguyên thì có bảy Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Tiền Sinh Duyên làm căn nguyên thì bảy Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Hậu Sinh Duyên và Trùng Dục Duyên làm căn nguyên thì mỗi thể loại chỉ có một Hiệp Lực thôi. Trong Hiệp Lực có Nghiệp Lực Duyên làm căn nguyên thì có hai Hiệp Lực. Có Vật Thực Duyên làm căn nguyên thì có một Hiệp Lực. Có Quyền Lực Duyên làm căn nguyên thì có bốn Hiệp Lực. Có Bất Tương Ứng Duyên làm căn nguyên thì có chín Hiệp Lực. Có Hiện Hữu Duyên làm căn nguyên thì có 19 Hiệp Lực. Có Vô Hữu Duyên làm căn nguyên và Ly Khứ Duyên làm căn nguyên thì có ba Hiệp Lực. Có Bát Ly Duyên làm căn nguyên thì có 19 Hiệp Lực. Như thế, hết cả thấy Linh Tinh Hiệp Lực mới có 103 Hiệp Lực. Và các nhóm Hiệp Lực này gọi là **Linh Tinh Hiệp Lực** vì không có việc quy định với Câu Sinh Duyên. Và Hiệp Lực được có Câu Sinh Duyên, Ngài gọi là **Câu Sinh Hiệp Lực**. Nhóm Hiệp

Lực ấy thường không được có trong Hiệp Lực có Cảnh Duyên làm căn nguyên. Trong Hiệp Lực có Vô Gian Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên làm căn nguyên, bởi vì các nhóm Duyên ấy thường không làm duyên đối với Pháp câu sinh với nhau. Lại nữa, các nhóm Pháp ấy không làm duyên đối với Pháp câu sinh với nhau như thế nào thì thường không tác thành Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiên Na Duyên, Đồ Đạo Duyên và Tương Ứng Duyên đối với Pháp không được câu sinh với nhau như thế ấy. Vì lẽ ấy, tất cả 24 Hiệp Lực trong Hiệp Lực có Nhân Duyên làm căn nguyên đích thị mới gọi là **Câu Sinh Hiệp Lực**. Trong Hiệp Lực có Trưởng Duyên làm căn nguyên thì có 24 Hiệp Lực. Trong Hiệp Lực có Câu Sinh Duyên làm căn nguyên thì có 10 Hiệp Lực. Có Hổ Tương Duyên làm căn nguyên thì có sáu Hiệp Lực. Có Y Chỉ Duyên làm căn nguyên thì 10 Hiệp Lực. Có Nghiệp Lực Duyên làm căn nguyên thì chín Hiệp Lực. Có Dị Thục Quả Duyên làm căn nguyên thì có năm Hiệp Lực. Có Vật Thục Duyên làm căn nguyên thì 33 Hiệp Lực. Có Quyền Lực Duyên làm căn nguyên thì có 72 Hiệp Lực. Có Thiên Na Duyên làm căn nguyên thì có 36 Hiệp Lực. Có Đồ Đạo Duyên làm căn nguyên thì có 57 Hiệp Lực. Có Tương Ứng Duyên làm căn nguyên thì có hai Hiệp Lực. Có Bất Tương Ứng Duyên làm căn nguyên thì có bốn Hiệp Lực. Có Hiện Hữu Duyên làm căn nguyên thì có 10 Hiệp Lực. Có Bất Ly Duyên thì có 10 Hiệp Lực như thế này.

Hết cả thảy Câu Sinh Hiệp Lực mới có 312 Hiệp Lực. Hết cả thảy Hiệp Lực có 415, đó là: Linh Tinh Hiệp Lực ở phía trên có 103 Hiệp Lực và nhóm Câu Sinh Hiệp Lực này nữa có 312 Hiệp Lực, kết hợp trong Giai Đoạn Vấn Đề với trường hợp như thế này.

Các nhóm Duyên ấy, bất luận Duyên Pháp (**Paccayadhamma**) nào không hiện bày với mãnh lực tên gọi, chỉ được biết với nhau, ngay cả các nhóm Duyên ấy cũng nên khai thuyết trong các Hiệp Lực, Ngài đã đề cập một cách phổ thông đối với Pháp ở phần Dị Thục Quả và chẳng phải Dị Thục Quả, chẳng hạn kể từ Phần có Nhân làm căn nguyên v.v. trở đi. Quả thực, các nhóm Pháp này, đó là: 12 Nhân, sáu Cảnh, bốn Trưởng, bốn Vật Thục, 10 Quyền Lực, bảy Chi Thiên Na, gọi là Duyên Pháp (**Paccayadhamma**). Các nhóm Pháp ấy, bất luận Pháp nào là phần Thiện một cách độc nhất, là phần Bất Thiện một cách độc nhất, là phần Dị Thục Quả Thiện một cách độc nhất, là phần Dị Thục Quả Bất Thiện một cách độc nhất, là phần Dị Thục Quả một cách độc nhất, là phần chẳng phải Dị Thục Quả một cách độc nhất, Bạc Hiền Trí quy định các nhóm Pháp ấy cho tốt đẹp, nên phối hợp Pháp ở phần Dị Thục Quả vào trong Hiệp Lực ở phần Dị Thục Quả, nên phối hợp Pháp mà chẳng phải Dị Thục Quả vào trong Hiệp Lực chẳng phải Dị Thục Quả một cách thích hợp để sẽ phối hợp được.

Kết Thúc Giải Thích Việc Pháp Số Thời Kỳ

Trong Hiệp Lực Phần Thuận Duyên Giai Đoạn Vấn Đề

TUYÊN BẠT PHẦN NGHỊCH DUYÊN GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (*)

[(*)]: Lời nói rằng “**Tuyển Bạt**” (**Uddhāra**) là từ ngữ được sử dụng trong Bộ Chú Giải, là phương cách hội tập nhóm Duyên vào với nhau bằng cách chọn lọc ra các Duyên không có liên quan. Trong quyển kinh này, xin sử dụng từ ngữ này một cách nhất quán]

[674] Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Câu Sinh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...

Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Cận Y Duyên.

Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên...do bởi Câu Sinh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...do bởi Hậu Sinh Duyên...do bởi Nghiệp Lực Duyên...

Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên.

[675] Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Câu Sinh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...

Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Cận Y Duyên..

Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên...do bởi Câu Sinh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...do bởi Hậu Sinh Duyên...do bởi Nghiệp Lực Duyên...

Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên.

[676] Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký do bởi Cảnh Duyên...do bởi Câu Sinh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...do bởi Tiền Sinh Duyên...do bởi Hậu Sinh Duyên...do bởi Vật Thực Duyên...do bởi Quyền Lực Duyên...

Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...do bởi Tiền Sinh Duyên...

Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên...do bởi Cận Y Duyên...do bởi Tiền Sinh Duyên...

[677] Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, có hai thể loại, đó là Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, có bốn thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

[678] Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, có hai thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, có bốn thể loại, đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên.

Kết Thúc Việc Tuyển Bạt Phần Đối Nghịch Duyên Giai Đoạn Vấn Đề

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

[679] Trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

[680] Vì Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[681] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[682] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Hổ

Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[683] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[684] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[685] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[686] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gian Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chi Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[687] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gian Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chi Duyên, vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[688] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gian Duyên, v.v., vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[689] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[690] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v, vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[691] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v, vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[692] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[693] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[694] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

PHẦN PHI CẢNH CĂN NGUYÊN (NAĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)

[695] Vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chi Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[696] Vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Y Chi Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên

có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. v.v. Pháp số này nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên. Vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên tương tự với Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI CÂU SINH CĂN NGUYÊN (NASAHAJĀTAMŪLAKANAYA)

[697] Vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[698] Vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên.. đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI HỔ TƯƠNG CĂN NGUYÊN (NAAÑÑAMAÑÑAMŪLAKANAYA)

[699] Vì Phi Hổ Tương Duyên trong Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi

Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[700] Vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[701] Vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI Y CHỈ CĂN NGUYÊN (NANISSAYAMŪLAKANAYA)

[702] Vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực

Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[703] Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[704] Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI CẬN Y CĂN NGUYÊN (NAUPANISSAYAMŪLAKANAYA)

[705] Vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[706] Vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[707] Vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[708] Vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Phi Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[709] Vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu

Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI TIỀN SINH CĂN NGUYÊN (NAPUREJĀTAMŪLAKANAYA)

[710] Vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[711] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[712] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ...Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[713] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ

Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[714] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có 3 thời kỳ...Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

**PHẦN PHI HẬU SINH CĂN NGUYÊN
(NAPACCHĀJĀTAMŪLAKANAYA)**

[715] Vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[716] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trường Duyên có 15 thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng

Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[717] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có chín thời kỳ... Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[718] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[719] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược. Vì Phi Trùng Dục Duyên tương tự với Phi Nhân Duyên.

PHẦN PHI NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN (NAKAMMAMŪLAKANAYA)

[720] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời

kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[721] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trường Duyên có 15 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...

Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[722] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[723] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[724] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược. Vì Phi Dị Thục Quả Duyên tương tự với Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (NAĀHĀRAMŪLAKANAYA)

[725] Vì Phi Vật Thục Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong

Phi Cận Y Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[726] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[727] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ...Trong Phi Y Chi Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[728] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Y Chi Duyên trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[729] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[730] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[731] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi

Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[732] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thực Quả Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

PHÂN PHI QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (NAINDRIYAMŪLAKANAYA)

[733] Vì Phi Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[734] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên... đây là việc trình bày một cách giản lược. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[735] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Câu Sinh Duyên trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[736] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[737] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. (Nên tính như thế này) vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong

Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[738] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[739] Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Thiên Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Vì Phi Thiên Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại Phần Phi Nhân Căn Nguyên. Vì Phi Tương Ứng Duyên nên trình bày cho quảng nghĩa tương tự thể loại Phần Phi Hổ Tương Căn Nguyên.

PHẦN PHI BẤT TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (NAVIPPAYUTTAMŪLAKANAYA)

[740] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[741] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ... Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[742] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Bất ly Duyên có chín thời kỳ.

[743] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên lại giản lược Duyên làm căn nguyên. Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[744] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên lại giản lược Duyên làm căn nguyên. Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ, v.v.,...Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**PHẦN PHI HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN
(NOATTHIMŪLAKANAYA)**

[745] Vì Phi Hiện Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[746] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ.

[747] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ

Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[748] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (lại giản lược Duyên làm căn nguyên). Vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[749] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (lại giản lược Duyên làm căn nguyên). Vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thục Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[750] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thục Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[751] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Vì Phi Vô Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ (đây là việc trình bày một cách giản lược). Trong Phi Vô Hữu Duyên và trong Phi Ly Khứ Duyên tương tự với Phi Nhân Duyên. Vì Phi Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ (đây là việc trình bày một cách giản lược). Vì Phi Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Vì Phi Bất Ly Duyên tương tự với Phi Hiện Hữu Duyên.

Kết Thúc Việc Pháp Số Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên Giai Đoạn Vấn Đề

GIẢI THÍCH VIỆC TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (VIỆC THU TẬP DUYÊN VÀO THÀNH NHÓM)

674 – 751] Bây giờ là Phần Đối Nghịch Duyên. Nên hiểu biết thẩm định trong Phần Đối Nghịch, như tiếp theo đây.

Các Vấn Đề đã hiện hữu chẳng hạn như theo Phần “Pháp Bất Thiện nương nhờ Pháp Bất Thiện khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên” trong Giai Đoạn Liên Quan v.v. xiển minh ra một cách giản lược với mãnh lực các Duyên đã hiện hữu như thế nào, thì như thế ấy khi trình bày Phần Đối Nghịch một cách giản yếu, với độc nhất trạng thái bất quảng nghĩa, các Bạc Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng mới xiển minh Duyên thuộc Pháp Thiện v.v. ở Phần Thuận chẳng hạn như là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên” (Kusalo**

dhammo kusalassa dhammassa Ārammaṇapaccayena paccayo). Và chính Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết các thể loại Duyên ấy với mãnh lực thành từng nhóm Duyên Hệ, và bất khái thuyết với mãnh lực mỗi thể loại Duyên. Bậc Hiền Trí nên liễu tri phân loại mỗi Duyên Hệ mà Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết theo thành nhóm ở tại nơi ấy.

Quả thực, ngay tất cả 24 thể loại Duyên này thì thường được hội tập vào trong tám Duyên. Trong tám Duyên nào ? Đó là trong Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. Như thế nào ?

Quả thực, 16 Duyên còn lại, loại trừ tám Duyên này thì có sáu Duyên, đó là: Nhân Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên và Tương Ứng Duyên câu sinh với nhau thành cùng một phần, trích yếu hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì đích thị làm duyên đối với các Pháp câu sinh với nhau.

Còn năm Duyên này, đó là Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên khởi sinh lên rồi diệt mất, thường được hội tập vào trong Cận Y Duyên, theo thực tính Vô Giác Cận Y Duyên vì làm duyên đối với Pháp khởi sinh lên trong thuận tự của mình.

Y Chỉ Duyên có hai thể loại, do chia thành Câu Sinh Y Duyên và Tiền Sinh Y Duyên. Trong hai thể loại ấy, Câu Sinh Y Duyên thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì làm chỗ nương nhờ các Pháp câu sinh với nhau; Tiền Sinh Y Duyên thường được hội tập vào trong Tiền Sinh Duyên.

Ngay cả Trưởng Duyên cũng có hai thể loại, đó là Câu Sinh Trưởng Duyên và Cảnh Trưởng Duyên. Trong hai thể loại ấy, Câu Sinh Trưởng Duyên thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì đích thị làm Trưởng Duyên đối với các Pháp câu sinh với nhau. Cảnh Trưởng Duyên đích thị làm Vô Giác Cận Y Duyên, vì lẽ ấy mới hội tập vào trong Cận Y Duyên theo thực tính Cảnh Cận Y Duyên.

Bất Tương Ứng Duyên có ba thể loại, do chia thành Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên. Trong ba thể loại ấy, Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì đích thị làm Bất Tương Ứng Duyên đối với các Pháp câu sinh với nhau. Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên thường được hội tập vào trong Tiền Sinh Duyên vì Pháp khởi sinh lên trước làm duyên đối với Pháp khởi sinh trong phía sau. Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên thường được hội tập vào trong Hậu Sinh Duyên vì Pháp khởi sinh lên trong phía sau làm duyên với mãnh lực việc phù thực đối với Pháp khởi sinh lên trước.

Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, mỗi Duyên có sáu thể loại với mãnh lực Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, và với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, mỗi Duyên có một Duyên nữa. Các nhóm Duyên ấy, Câu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì chỉ có các Pháp câu sinh với nhau làm duyên do bởi Hiện Hữu Duyên và do bởi Bất Ly Duyên thôi. Tiền Sinh Duyên thường được hội tập vào trong Tiền Sinh Duyên vì Pháp khởi sinh trước làm duyên đối với Pháp khởi sinh phía sau. Các Hậu Sinh Duyên thường được hội tập vào trong Hậu Sinh Duyên vì Pháp khởi sinh phía sau làm duyên với mãnh lực việc phù

thực đối với Pháp khởi sinh trước. Các Pháp ở phần Vật Thực thường được hội tập vào trong Đoàn Thực Duyên. Và các Pháp ở phần Quyền Lực thường được hội tập vào trong Sắc Mạng Quyền Lực Duyên. Mười sáu thể loại Duyên này nên hiểu biết là trích yếu hội tập vào trong tám Duyên này với trường hợp như vậy. Lại nữa, ngay cả tám Duyên này cũng có liệt kê vào trong Hồ Tương Duyên. Quả thực, Cảnh Duyên đã trình bày ở phía trên thành hai thể loại, bởi do chia ra “làm Trưởng” và “chẳng phải Trưởng”. Trong hai thể loại ấy, Duyên ở phần “làm Trưởng” thường được hội tập vào trong Cận Y Duyên theo thực tính Cảnh Cận Y Duyên. Ở phần “chẳng phải Trưởng” thường toàn là Cảnh Duyên.

Ngay cả Nghiệp Lực Duyên cũng có hai thể loại với mãnh lực Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Trong hai thể loại ấy, Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên thường hội tập vào trong Câu Sinh Duyên vì làm Nghiệp Lực Duyên đối với các Pháp câu sinh với mình. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên có hai thể loại, đó là “Hữu Năng Lực” (**Balava**) và “Suy Bạc Lực” (**Dubbala**). Trong hai thể loại ấy, Hữu Năng Lực Nghiệp Lực Duyên (**Balavakammappaccaya**) làm duyên làm chỗ nương nhờ một cách cường liệt đối với các Pháp Dị Thực Quả, vì lẽ ấy mới hội tập vào trong Cận Y Duyên. Lại nữa, Hữu Năng Lực Nghiệp Lực Duyên thường làm duyên đối với các Sắc Pháp. Còn Suy Bạc Lực Nghiệp Lực Duyên thường chỉ có làm duyên đối với các Vô Sắc Pháp thể theo Dị Thời Nghiệp Lực Duyên thôi.

Ngay cả Vật Thực Duyên cũng có hai thể loại, theo phần Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Trong hai thể loại ấy, Vô Sắc Vật Thực chỉ có làm duyên đối với Pháp câu sinh với mình thôi, vì thế mới hội tập vào trong Câu Sinh Duyên. Sắc Vật Thực thường không có làm duyên đối với các Pháp câu sinh với nhau, thường khởi sinh lên trước hoặc khởi sinh về sau. Sắc Vật Thực đã vượt qua sát na Sinh (**Uppādhakhaṇa**) rồi đến sát na Trụ (**Ṭhītikhaṇa**) của mình thường vẫn còn làm Vật Thực Duyên cho thành tựu, vì lẽ ấy mới sắp làm Vật Thực Duyên.

Ngay cả Quyền Lực Duyên cũng có hai thể loại, theo phần Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp. Trong hai thể loại ấy, Quyền Lực Duyên ở phần Vô Sắc Pháp thường cho thành tựu việc làm Quyền Lực Duyên đối với các Pháp câu sinh với mình, vì lẽ ấy mới hội tập vào trong Câu Sinh Duyên. Còn Sắc Quyền Lực Duyên (Quyền Lực Duyên ở phần Sắc Pháp) có hai thể loại, bởi do chia ra thành nội phần và ngoại phần. Trong hai thể loại ấy, Nội Phần Quyền Lực Duyên khởi sinh lên trước làm Quyền Lực Duyên đối với Nhân Thức v.v. luôn cả Pháp tương ưng mà khởi sinh lên ở phía sau, vì lẽ ấy đích thị mới hội tập vào trong Tiền Sinh Duyên. Ngoại Phần Quyền Lực Duyên tức là Sắc Mạng Quyền Lực. Ngay cả Danh Sắc Quyền Lực ấy sẽ làm duyên đối với các Pháp câu sinh với nhau, và thường chỉ có làm với mãnh lực cung dưỡng thôi, không phải với mãnh lực việc cho khởi sinh lên, vì lẽ ấy mới sắp làm Quyền Lực Duyên.

Cả tám thể loại Duyên này, nên hiểu biết là “thường được hội tập vào lẫn nhau với trường hợp như thế này. Đây là Phần Tổng Hợp (**Saṅgaha**) với mãnh lực làm Hồ Tương của 16 Duyên còn lại, và của chính tám thể loại Duyên ấy, chỉ có trong tám Duyên này.

Bây giờ, bậc tu học nên hiểu biết cả 24 Duyên hội tập vào trong từng mỗi Duyên trong tám Duyên này. Cả 24 Duyên ấy, chỉ có Cảnh Duyên thường hội tập vào trong Cảnh Duyên thôi, mà là Duyên đầu tiên (thứ nhất) của tám Duyên ấy, còn 23 Duyên còn lại thường không được hội tập vào. Mười tám Duyên này, đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Trưởng Duyên, Câu Sinh

Duyên, Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Y Duyên, Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Câu Sinh Vật Thục Duyên, Câu Sinh Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Bất Ly Duyên thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên thứ hai. Chín Duyên này, đó là Cảnh Duyên ở phần Trưởng, Trưởng Duyên ở phần Cảnh, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Cạn Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Hữu Năng Lực Nghiệp Lực Duyên ở phần Dị Thời, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên thường được hội tập vào trong Cạn Y Duyên thứ ba. Sáu Duyên này, đó là Tiền Sinh Duyên, Tiền Sinh Y Duyên, Tiền Sinh Quyền Lực Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Bất Ly Duyên thường được hội tập vào trong Tiền Sinh Duyên thứ tư.

Bốn Duyên này, đó là Hậu Sinh Duyên, Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên và Hậu Sinh Bất Ly Duyên thường được hội tập vào trong Hậu Sinh Duyên thứ năm. Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, Ngài đã liệt kê vào trong Nghiệp Lực Duyên thứ sáu. Ba Duyên này, đó là Vật Thục Duyên, Vật Thục Hiện Hữu Duyên, Vật Thục Bất Ly Duyên, Ngài đã liệt kê với mãnh lực Đoàn Thục trong Vật Thục Duyên thứ bảy. Ba Duyên này, đó là Sắc Mạng Quyền Lực Duyên, Quyền Hiện Hữu Duyên và Quyền Bất Ly Duyên thường được hội tập vào trong Quyền Lực Duyên thứ tám. Bậc tu học khi đã hiểu biết là từng các Duyên ấy hội tập vào trong từng mỗi Duyên trong cả tám Duyên này như vậy, thì nên hiểu biết là bất luận Duyên nào đến hội tập vào trong bất luận Duyên nào thì Duyên ấy Ngài đã chủ tâm lấy với mãnh lực Duyên hội tập vào.

Mười lăm điều Vấn Đề (**Pañhā**) này, đó là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Cảnh Duyên” chẳng hạn như thế này trong Phần Đối Nghịch đây, trong 49 điều Vấn Đề mà Ngài đã nêu lên lời giải đáp rồi, với mãnh lực tám Duyên này làm chỗ hội tập của các Duyên với trường hợp như vậy. Các Vấn Đề ấy, Vấn Đề khai đầu trước tiên với Thiện có bốn điều, đó là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện - Vô Ký”. Vấn Đề khai đầu với Bất Thiện cũng có bốn điều tương tự. Còn Vấn Đề khai đầu với Vô Ký có ba điều, đó là “Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện”. Vấn Đề khai đầu với hai căn nguyên cuối cùng với một căn nguyên có bốn Vấn Đề, đó là “Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”. Các thể loại Vấn Đề ấy, bất luận Duyên nào chắc chắn là có được trong Vấn Đề thứ nhất thì Ngài hội tập các Duyên ấy rồi nói là ba Duyên. Trong Vấn Đề thứ hai có hai Duyên. Trong Vấn Đề thứ ba có năm Duyên. Trong Vấn Đề thứ tư chỉ có một Duyên thôi. Trong Vấn Đề thứ năm có ba Duyên. Trong Vấn Đề thứ sáu có hai Duyên. Trong Vấn Đề thứ bảy có năm Duyên. Trong Vấn Đề thứ tám chỉ có một Duyên thôi. Trong Vấn Đề thứ chín có bảy Duyên. Trong Vấn Đề thứ 10 có ba Duyên. Trong Vấn Đề thứ 11 có ba Duyên. Trong Vấn Đề thứ 12 có hai Duyên. Trong Vấn Đề thứ 13 có bốn Duyên. Trong Vấn Đề thứ 14 có hai Duyên. Ngay cả trong Vấn Đề thứ 15 cũng có bốn Duyên tương tự với nhau. Các

nhóm Duyên ấy Đức Thế Tôn không có thuyết giáo là “do bởi Câu Sinh Duyên” (**Sahajātapaccayena**) mà thuyết giáo là “câu sinh với nhau, khởi sinh phía sau” (**Sahajātam pacchājātam**) Bản Đạo sẽ miêu thuật nguyên nhân trong việc thuyết giáo như thế ấy trong thời gian tới.

Và rằng khi theo giản lược thì trong quan niệm này có việc quy định chỉ có sáu nhóm Duyên thôi, đó là 1 - 2 - 3 - 4 - 5 và 7 Duyên. Quả thực, cả 24 Duyên Đối Nghịch có lời khởi điểm là “việc quy định Vấn Đề với mãnh lực việc quy định một cách tốt đỉnh trong Phần Đối Nghịch của Giai Đoạn Vấn Đề, và việc quy định Duyên mà Ngài đã hội tập vào từng mỗi Duyên ấy, trình bày nơi này có Phi Nhân Duyên v.v. thì Duyên của Giai Đoạn Vấn Đề tiếp nối từ nơi đây thường không có được trong cùng một Phần Đối Nghịch, mà sẽ có được về sau, vì lẽ ấy chỉ có duy nhất một Duyên rằng như thế này “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký do bởi Câu Sinh Duyên”. Khi Duyên ấy bị phủ định trong bất luận Vấn Đề nào thì Vấn Đề ấy thường khuyết pháp đi. Và cả hai Duyên đã đến trong bất luận Vấn Đề nào rằng như thế này “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện do bởi Cảnh Duyên và do bởi Cận Y Duyên”, các Duyên ấy một khi Duyên thứ nhất đã bị phủ định rồi, như thế này “**vì Phi Cảnh Duyên**” (**Nārammaṇapaccayā**) thì Vấn Đề ấy thường có được với mãnh lực Duyên ngoài ra đây; thế nhưng một khi cả hai Duyên ấy đã bị phủ định rồi, thì thời kỳ ấy mới khuyết pháp đi. Cả 3 - 4 - 5 hoặc 7 nhóm Duyên thường có được trong bất luận Vấn Đề nào thì Vấn Đề ấy thường có được trong các Duyên ấy với mãnh lực các Duyên còn lại, loại trừ Duyên mà Ngài đã phủ định, như đã được miêu thuật như thế này. Và một khi các Duyên đã bị phủ định rồi, thì tất cả các thời kỳ ấy thường khuyết pháp đi. Và như vậy, đây là thực tính ở trong điều này.

Bậc Hiền Trí nên liễu tri chủng loại của các Duyên mà Ngài đã nói tóm tắt trong các Vấn Đề ấy, kể từ đầu và việc giảm bớt hoặc không giảm bớt từng các Vấn Đề ấy, trong từng các Duyên ấy, với thực tính này.

Tiếp theo đây, là sự quảng nghĩa trong câu chuyện ấy. Trong Vấn Đề thứ nhất trước tiên, Ngài đã khái thuyết 19 Duyên với ba Duyên. Như thế nào ? Quả thực, Pháp Thiện thường không làm duyên đối với Pháp Thiện chỉ có do bởi Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Tương Ứng Duyên thôi, mà thường làm duyên do bởi 20 Duyên còn lại. Các Duyên ấy thì Cảnh Duyên chỉ có một Duyên thôi. Còn 15 Duyên do hội tập các Duyên vào với nhau, Ngài nói rằng thường được hội tập vào trong Câu Sinh Duyên. Khi Nhân Duyên bị phủ định đi thì các Duyên ấy mới có 14 Duyên. Và lời nói rằng “Pháp Thiện thường làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Câu Sinh Duyên” là Đức Phật thuyết giáo ngụ ý đến 12 Duyên còn lại, bởi do lấy hai Duyên này ra, vì Pháp Thiện không làm Dị Thục Quả Duyên (và) không làm Bất Tương Ứng Duyên đối với Pháp Thiện. Ngài nói rằng “chín Duyên thường được hội tập ngay cả trong Cận Y Duyên với mãnh lực làm chỗ hội tập của các Duyên”.

Các nhóm Duyên ấy, Cảnh Duyên ở phần Trưởng và Trưởng Duyên ở phần Cảnh tăng bỏ vào với Cận Y Duyên với mãnh lực làm Cảnh Cận Y Duyên. Phía Pháp Thiện thường không làm Dị Thời Nghiệp Lực Duyên đối với Pháp Thiện, vì lẽ ấy Ngài mới lấy đem ra, rồi nói rằng “**làm duyên với Cận Y Duyên**” (**Upanissayapaccayena paccayo**) (ở điều 674) vì ngụ ý lấy sáu Duyên còn lại. Nên hiểu biết 19 Duyên mà Ngài đã khái thuyết với ba Duyên trong Vấn

Đề thứ nhất (Thiện – Thiện) với trường hợp như thế này. Các nhóm Duyên ấy, trong Phi Nhân Đối Nghịch (**NaHetupaccanīya**) đây, Pháp Thiện thường làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Phi Nhân Duyên, vì lẽ ấy Bạc Hiền Trí nên rút lấy **Pālī** lên trình bày theo Phần mà Ngài đã nói trong Cảnh Duyên v.v. với lời khởi điểm rằng như thế này “Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi thường tư khảo lại Thiện Sự ấy, thường tư khảo đến các Thiện Sự đã thực hiện thiện hảo rồi trong thời gian trước”.

Và khi Cảnh Duyên đã bị phủ định rồi, thì Bạc Hiền Trí nên đem toàn bộ của Cảnh Duyên ấy ra, bổ sung toàn bộ của Nhân Duyên rồi trình bày phần **Pālī** ấy và trùng lặp lại. Ngay cả trong việc phủ định Duyên còn lại cũng có phần này tương tự. Và khi bất luận Duyên nào bị phủ định ra thì bất luận thời kỳ nào bị khuyết phạp đi, Bản Đạo sẽ miêu thuật các thời kỳ ấy trong thời gian tới.

Và trong Vấn Đề thứ hai (Thiện – Bất Thiện) Ngài đã khái thuyết ba Duyên với hai Duyên. Như thế nào ? Đó là “Pháp Thiện thường không làm duyên đối với Pháp Bất Thiện với Vô Giác Duyên v.v.” vì lẽ ấy Đức Phật mới đem lấy nhóm Vô Giác Duyên v.v. ra, rồi thuyết giáo là “**làm duyên do bởi Cận Y Duyên**” (**Upanissayapaccayena paccayo**) bởi do ngụ ý lấy Cảnh Trưởng Duyên và Thường Cận Y Duyên mà Đức Phật đã liệt kê vào với Cảnh Cận Y Duyên. Vì lẽ ấy, Bạc Hiền Trí nên hiểu biết là cả ba nhóm Duyên này, Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết với hai Duyên trong Vấn Đề thứ hai, đó là hoàn toàn Cảnh Duyên với Trưởng Duyên và Cận Y Duyên với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Và trong Vấn Đề thứ ba (Thiện – Vô Ký) Ngài đã khái thuyết 18 Duyên với năm Duyên. Như thế nào ? Đó là “Pháp Thiện thường không làm duyên đối với Pháp Vô Ký chỉ có do bởi Hỗ Tương Duyên, Tiền Sinh Duyên, Trùng Dục Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Tương Ứng Duyên thôi, mà làm do bởi 19 Duyên còn lại. Các nhóm Duyên ấy thì Cảnh Duyên chỉ có một Duyên thôi. Cũng vì Pháp Thiện thường không làm duyên đối với Pháp Vô Ký với Hỗ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Tương Ứng Duyên. Nhân Duyên bị phủ định ra, thì Ngài chủ tâm lấy một bộ Nghiệp Lực Duyên nữa, vì lẽ ấy Ngài mới đem năm nhóm Duyên này ra, rồi khái thuyết 10 Duyên theo Câu Sinh Duyên. Sáu Duyên mà Ngài đã đề cập trong thời gian sau do bởi Cận Y Duyên, loại trừ Trùng Dục Duyên thì Duyên còn lại mới có năm. Hậu Sinh Duyên chỉ có một thôi. Nghiệp Lực Duyên có hai thể loại với mãnh lực Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, vì lẽ ấy bậc tu học nên hiểu biết là 18 nhóm Duyên đây mà Ngài đã khái thuyết với năm Duyên trong Vấn Đề thứ ba với trường hợp như thế này.

Trong Vấn Đề thứ tư, Ngài đã khái thuyết 10 Duyên chỉ có với một Duyên thôi. Như thế nào ? Đó là, quả thực, Pháp Thiện thường không làm duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký với Hỗ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên và Bất Tương Ứng Duyên. Trong những 15 Duyên mà Ngài đã đề cập trong Câu Sinh Duyên, Nhân Duyên đã bị phủ định rồi, như thế bậc tu học nên trừ năm nhóm Duyên này ra, rồi nên hiểu biết là Ngài đã khái thuyết 10 Duyên còn lại với một Duyên trong Vấn Đề thứ tư này.

Và các nhóm Duyên ấy, Ngài đã khái thuyết với các nhóm Duyên ấy.

Trong bốn điều Vấn Đề có các nhóm Pháp Thiện này v.v. như thế nào thì bậc tu học nên hiểu biết là từng các nhóm Duyên ấy Đức Thế Tôn đã khái thuyết với từng các nhóm Duyên

ấy trong bốn điều Ván Đề, ngay cả có Pháp Bất Thiện v.v. như thế ấy (Bốn Ván Đề là Bất Thiện – Bất Thiện, Bất Thiện – Bất Thiện, Bất Thiện – Vô Ký, Bất Thiện – Bất Thiện).

Ngài đã khái thuyết 23 Duyên với bảy Duyên trong Ván Đề thứ nhất của ba điều Ván Đề có Pháp Vô Ký v.v. tiếp nối từ nơi đó là như thế nào ? Đó là Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký ngay cả do bởi 24 Duyên. Và khi Nhân Duyên bị phủ định ra, mới có 23 Duyên. Các nhóm Duyên ấy thì Cảnh Duyên chỉ có một Duyên thôi. Cũng vì Nhân Duyên ở phần Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, là do Ngài chủ tâm chỉ lấy một bộ nhằm để liệt kê Pháp bất câu sinh với nhau ở trong quan niệm này, vì thế Ngài mới đem ba nhóm Duyên ấy ra, rồi khái thuyết 12 Duyên với Câu Sinh Duyên. Có sáu Duyên mà Ngài đã khái thuyết trong thời gian sau do bởi Cận Y Duyên. Tiền Sinh Duyên chỉ có một Duyên thôi. Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên cũng tương tự. Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng 23 nhóm Duyên này mà Ngài đã khái thuyết với bảy Duyên trong quan niệm này với trường hợp như vậy.

Ngay cả trong Ván Đề thứ hai, Ngài đã khái thuyết 12 Duyên với ba Duyên. Như thế nào ? Đó là Cảnh Duyên chỉ có một Duyên thôi. Còn sáu Duyên, đó là Cảnh Trường Duyên, Vô Giáns Duyên, Đẳng Vô Giáns Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên và Cận Y Duyên, Ngài đã khái thuyết với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên do bởi Cận Y Duyên. Và Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, Ngài đã khái thuyết do bởi Tiền Sinh Duyên. Bậc Hiền Trí nên liễu tri rằng 12 nhóm Duyên này mà Ngài đã khái thuyết với ba Duyên trong Ván Đề thứ hai với trường hợp như thế này. Ngay cả trong Ván Đề thứ ba cũng có Phần này.

Trong Ván Đề thứ nhất của bốn điều Ván Đề mà có hai căn nguyên tiếp nối từ nơi đó, Đức Phật không có thuyết giáo rằng **“do bởi Câu Sinh Duyên, do bởi Tiền Sinh Duyên” (Sahajātapaccayena Purejātapaccayena)** khái thuyết ba Duyên với mãnh lực Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên với hai Duyên rồi Đức Phật thuyết giáo rằng **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau” (Sahajātam Purejātam)**. Quả thực, các Uẩn Thiện khi cho thành tựu việc làm duyên đối với Pháp Thiện cùng với Sắc Vật làm Câu Sinh Duyên, dù có thực là như thế cũng không làm Câu Sinh Duyên được. Vì lý do nào ? Vì hỗn hòa với Sắc Vật. Vì lẽ ấy Ngài mới nói rằng **“câu sinh với nhau” (Sahajātam)** với mãnh lực Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên mà làm nhóm Câu Sinh ấy. Ngay cả trong Sắc Vật cũng có Phần này tương tự. Quả thực, ngay cả Sắc Vật ấy sẽ khởi sinh trước cũng xác thực, nhưng không có làm Tiền Sinh Duyên được, vì hội tập với Uẩn. Lời nói rằng **“khởi sinh trước” (Purejātam)** đã thuyết giáo với mãnh lực Y Chỉ Duyên v.v. khởi sinh trước một cách duy nhất.

Với mãnh lực bốn Duyên: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, Đức Phật đã lập ý khái thuyết với bốn Duyên mà Ngài nói rằng **“Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên” (Sahajātam Pacchājātam Āhāram Indriyam)** trong Ván Đề thứ hai. Trong thời kỳ này thường có được Câu Sinh Duyên, không có được Hậu Sinh Duyên v.v. và lời nói ấy Ngài đã nói với mãnh lực Hậu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, đề cập là Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên bởi vì các Uẩn Thiện – Vô Ký và Sắc Đại Hiện làm duyên đối với Sắc Y Sinh do bởi bốn Phần, đó là: Câu

Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên. Và Pháp Thiện khởi sinh về sau đích thị làm duyên đối với các nhóm Sắc Y Sinh ấy với các nhóm Sắc Đại Hiện tương tự với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Ngay cả Đoàn Thực với Pháp Thiện khởi sinh về sau cũng làm duyên đối với sắc thân khởi sinh trước với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Ngay cả Sắc Mạng Quyền Lực với Pháp Thiện khởi sinh về sau cũng làm duyên đối với Sắc Tái Tục đích thị với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Như thế, lời này nói rằng **“Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên” (Sahajātam Pacchājātam Āhāram Indriyam)** Đức Phật đã thuyết giáo ngụ ý đến việc làm duyên do bởi bốn Phần này. Và Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên thường không có được trong quan niệm này. Ngay cả trong hai điều Vấn Đề hội tập với Pháp Bất Thiện, trong thời gian tới cũng có Phần này tương tự. Bậc Hiền Trí nên hiểu biết chủng loại của các Duyên mà Ngài đã nói một cách giản lược để trong các nhóm Vấn Đề ấy trong quan niệm này, với trường hợp như vậy. Và trong thời gian tới Bản Đạo sẽ làm cho minh hiện việc giảm bớt hoặc không giảm bớt từng các Vấn Đề ấy, trong từng các Duyên ấy.

Kết Thúc Giải Thích Việc Tuyển Bạt Phần Đối Nghịch Duyên

GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ THIỆN PHÁT THỨ (*)

[(*)]: Phiên dịch theo chủ đề Phiên Bản Chú Giải Thái Ngữ. Phiên Bản Chú Giải Miến Điện là **“Chú Giải Toán Thuật Đối Nghịch” (Paccanīyagaṇanavanāna) = Giải Thích Việc Pháp Số Trong Phần Đối Nghịch** phù hợp với chủ đề Tạng Pālī]

679 – 751] Đức Thế Tôn đã lập ý khái thuyết 15 thời kỳ, đây là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện” (Kusalo dhammo kusalassa dhammassa)** v.v. với khả năng Phần Thuận Tùng. Vì ngay trong Phần Đối Nghịch thì đích thị là cũng không có khởi sinh hơn những thời kỳ này được, chỉ có thấp hơn này thôi, vì thế, bấy giờ nhằm để khái thuyết thời kỳ sẽ có được trong Phần Đối Nghịch của bất luận thời kỳ nào kể từ đầu tiên với mãnh lực số lượng, Đức Thế Tôn mới lập ý bắt đầu lời nói rằng **“Trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ” (NaHetuyā paṇṇarasa)** v.v. (ở phần đầu điều 679).

Các nghĩa từ ấy, lời nói rằng **“Trong Phi Nhân Duyên” (NaHetuyā)** là có được 15 thời kỳ với khả năng của các Duyên theo như đã khái thuyết. Trong Phi Cảnh Duyên thì Nhân Duyên thường tăng bổ vào trong Câu Sinh Duyên. Trong từng thời kỳ ấy, Cảnh Duyên hoàn toàn thường khuyết phạp đi. Những thời kỳ ấy thường có được lời giải đáp với mãnh lực của Duyên còn lại. Ngay cả trong Duyên còn lại cũng tương tự trong Phi Cảnh Duyên. Nhân Duyên thường được tương hợp trong Câu Sinh Duyên. Và các Duyên đặt ở vị trí Phần Đối Nghịch rằng như thế này **“Trong Phi Cận Y Duyên, trong Phi Vô Giác Duyên” (NaUpanissaye NaAnantare)** (các Duyên ấy) thường khuyết phạp đi trong các thời kỳ ấy. Các thời kỳ ấy thường tiếp thu lời giải đáp với mãnh lực Duyên còn lại. Còn bốn thời kỳ trong Phi Câu Sinh Duyên thường bị khuyết phạp, đó là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký, Pháp Thiện và Pháp**

Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện”. Quả thực, Ngài đề cập đến Duyên liệt kê vào nhóm 1 (việc hội tập Duyên) với mãnh lực của 11 Duyên, là **“làm duyên do bởi Câu Sinh Duyên” (Sahajātapaccayena paccayo)** (ở điều 674 – 676). Trong hai điều thời kỳ đầu tiên của bốn nhóm thời kỳ này, một khi Tổng Hợp Duyên bị phủ định ra (**Paṭisedha**), thì các thời kỳ ấy thường không có tiếp thu được lời giải đáp, bởi do tình trạng khác. Lời nói rằng **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau” (Sahajātam Purejātam)** Ngài nói ngụ ý lấy Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong hai điều thời kỳ cuối cùng. Khi Câu Sinh Duyên bị phủ định ra, thì thường là các thời kỳ ấy vừa không có được lời giải đáp với mãnh lực của Duyên còn lại, có Nhân Duyên v.v. và vừa không có được Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên; vì lẽ ấy mà cả bốn thời kỳ này mới khuyết pháp đi. Lời nói rằng **“11 thời kỳ” (Ekādasa)** Ngài lại nói với mãnh lực thời kỳ còn lại.

Trong điều ấy, nên có lời vấn hỏi rằng “Khi Nhân Duyên bị phủ định ra, thì các thời kỳ ấy mới có với mãnh lực Trưởng Duyên v.v. còn lại. Vậy vì lý do nào khi Câu Sinh Duyên bị phủ định ra, thì thời kỳ mới không có với mãnh lực Nhân Duyên v.v. còn lại ? Giải đáp là “Vì không có Pháp sẽ đến dẫn chứng”. Quả thực, Nhân Duyên v.v. gọi là “vẫn còn có Pháp (còn lại để) dẫn chứng” vì vẫn còn có một Phần Câu Sinh Duyên nữa (hoặc vì là một Phần của Câu Sinh Duyên). Vì lẽ ấy, một khi nhóm Nhân Duyên v.v. ấy đã bị phủ định ra, thì các thời kỳ ấy thường được tiếp thu lời giải đáp với mãnh lực Duyên khác. Thế nhưng Câu Sinh Duyên không có Pháp (còn lại để) dẫn chứng, thường gom lấy hết cả thấy Nhân Duyên v.v. vào cùng, vì lẽ ấy khi Câu Sinh Duyên ấy bị phủ định ra (**Paṭisedha**), thì hết cả thấy các Nhân Duyên ấy v.v. mới cùng bị phủ định ra, bởi vì Nhân Duyên v.v. được gọi là “sẽ bắt câu sinh với nhau thì thường là không có”. Vì Câu Sinh Duyên không có Pháp dẫn chứng, và một khi Câu Sinh Duyên ấy bị phủ định ra, thì cả hai thời kỳ ấy mới không có, với trường hợp như vậy. Và trong thời kỳ mà Ngài đã có lời giải đáp rằng **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau” (Sahajātam Purejātam)** thì mặc dù chỉ có Câu Sinh Duyên sẽ xác thực là không có, nhưng vì trong quan niệm này, các Vô Sắc Uẩn chỉ có câu sinh với nhau làm duyên với mãnh lực Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên. Và khi Câu Sinh Duyên đã bị phủ định rồi, thì nhất định Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên câu sinh với nhau thành một Phần duy nhất, cũng cùng bị phủ định ra, và vì thế ngay cả các thời kỳ ấy mới không có được lời giải đáp. Tất cả bốn thời kỳ ấy trong quan niệm này mới khuyết pháp đi, với trường hợp như vậy. Lời nói rằng **“11 thời kỳ” (Ekādasa)** là Ngài chỉ có đề cập với mãnh lực thời kỳ còn lại thôi. Ngay cả trong Phi Hổ tương Duyên, Phi Y Chỉ Duyên và Phi Tương Ứng Duyên, các thời kỳ ấy cũng khuyết pháp đi. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào ?” Giải đáp là “vì có chuẩn tắc (**Gati**) tương tự Câu Sinh Duyên, tự hồ như là “Câu Sinh Duyên ở phần Vô Sắc Pháp thường hội tập Tứ Vô Sắc Uẩn một cách không dư sót như thế nào, thì ngay cả Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên cũng như thế ấy”. Vì lẽ ấy nên hiểu biết là “khi nhóm Duyên này đã bị phủ định ra rồi, thì các thời kỳ ấy mới không có được lời giải đáp, vì các nhóm Duyên này có chuẩn tắc tương tự với Câu Sinh Duyên”; vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“Trong Phi Hổ Tương Duyên có 11 thời kỳ, Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ, Phi Tương Ứng Duyên có 11**

thời kỳ” (NaAññamaññe ekādasā NaNissaye ekādasā NaSampayutte ekādasā). Trong điều ấy, nên có lời vấn hỏi rằng “Các nhóm Duyên này có chuẩn tắc tương tự Câu Sinh Duyên vì làm chỗ hội tập của Tứ Uẩn sai biệt do bởi Thiện v.v. một cách bất sai biệt thực sự, thế nhưng loại trừ Câu Sinh Duyên rồi, thì Pháp Thiện cũng không làm duyên do bởi trường hợp khác, đối với Pháp Thiện – Vô Ký; vì lẽ ấy khi Pháp Thiện ấy bị phủ định ra thì thời kỳ ấy cũng khuyết pháp đi (là lẽ thường nhiên) thế nhưng Pháp Thiện thường không làm Hỗ Tương Duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký, một khi Pháp Thiện ấy bị phủ định ra. Tại sao thời kỳ ấy mới phải khuyết pháp đi cùng ?” Giải đáp là “Vì có sự hiện hành với mãnh lực Pháp nương nhờ hỗ tương nhau (Hỗ Tương Duyên) tự hồ như là Pháp Thiện – Vô Ký không làm Câu Sinh Duyên đối với Pháp Thiện, thế nhưng thời kỳ ấy cũng khuyết pháp đi trong khi rút lấy Pháp Thiện ra, vì có sự hiện hành do bởi Y Chỉ Duyên v.v. với mãnh lực Pháp câu sinh với nhau như thế nào, ngay cả trong quan niệm này khi rút Pháp Thiện ấy ra thì thời kỳ ấy thường khuyết pháp đi, vì có sự hiện hành do bởi làm Câu Sinh Duyên v.v. với mãnh lực Pháp ở phần Hỗ Tương Duyên như thế ấy”.

Và lời nói rằng **“làm duyên do bởi Hỗ Tương Duyên” (NaAññamaññapaccayena paccayo)** có nội dung như thế này “bất luận Pháp nào đạt đến coi như là Hỗ Tương Duyên thì việc làm duyên với nhóm Pháp ấy thường không có, thế nhưng khi Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký với mãnh lực Câu Sinh Duyên v.v., thường bất thành chỉ với Pháp Hỗ Tương Duyên, vì lẽ ấy khi Pháp Thiện ấy bị phủ định ra thì thời kỳ ấy mới khuyết pháp đi, và thời kỳ ấy thường khuyết pháp đi như thế nào, thì ngay cả ba thời kỳ còn lại cũng thường khuyết pháp đi như thế ấy. Ngay cả bốn thời kỳ ấy thường khuyết pháp đi với trường hợp như vậy.

Ngay cả trong lời nói rằng **“Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ” (NaNissaye ekādasā)** đây, có lời giải đáp như thế này “vì Nhân chỉ có làm duyên các Pháp câu sinh với nhau thành một Phần đồng nhất, làm chỗ nương nhờ các thời kỳ ấy, vì thế khi Pháp làm chỗ nương nhờ bị phủ định ra thì các thời kỳ ấy mới khuyết pháp đi cùng.

Lời nói rằng **“Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ” (Purejāte terasa)** có nghĩa là có 13 thời kỳ, vì đem lấy hai thời kỳ có hai căn nguyên có lời giải đáp mà Ngài đã có nói rằng **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau” (Sahajātam Purejātam)** ra đi, tự hồ như là “Khi rút lấy Câu Sinh Duyên ra thì các lời giải đáp ấy thường không có lời giải đáp với mãnh lực Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách đặc biệt chỉ có ở phần Tiền Sinh Duyên như thế nào, ngay khi Tiền Sinh Duyên đã bị phủ định ra đi, thì các thời kỳ ấy thường không có được lời giải đáp với mãnh lực Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, một cách đặc biệt chỉ có Hậu Sinh Duyên như thế ấy; vì lẽ ấy bậc tu học nên hiểu biết rằng có 13 thời kỳ vì đã đem ra những thời kỳ ấy.

Trong lời nói rằng **“Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ” (NaPacchājāte paññarasā)** đây, thường có được các thể loại Vấn Đề ấy ngay cả với mãnh lực của Duyên còn lại, loại trừ Hậu Sinh Duyên trong các “Xứ Cảnh Vị Lai” (Āgatasathāna), (khởi nguyên) là **“làm duyên do bởi Hậu Sinh Duyên” (Pacchājātapaccayena paccayo)** hoặc như thế này **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau, Vật Thực, Quyền Lực” (Sahajātam Purejātam Āharam Indriyam)**, vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo chỉ có 15 thời kỳ. Trong

các nghĩa từ **“Trong Phi Nghiệp Lực Duyên” (NaKamme)** v.v. có lời giải đáp là “vì Nhân ở ngay Nghiệp Lực Duyên, Di Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên và cũng chỉ là một Phần Tứ Uẩn sai biệt do bởi Thiện v.v. vì thế, loại khỏi các Pháp ấy đi thì Pháp câu sinh với nhau mới được sắp làm duyên với mãnh lực Pháp còn lại, vì lẽ ấy, việc giải đáp Vấn Đề mới không khuyết pháp đi, dù chỉ một điều duy nhất.

Lời nói rằng **“Trong Phi Tương Ứng Duyên có 11 thời kỳ” (NaSampayutte ekāḍasa)** có nghĩa là “vì Nhân là Pháp tương ứng với nhau làm duyên với mãnh lực Pháp nương nhờ hỗ tương nhau có Câu Sinh Duyên v.v. trong bốn thời kỳ ấy, vì thế nên hiểu biết rằng chỉ có các thời kỳ ấy khuyết pháp đi, vì phủ định Tương Ứng Duyên.

Lời nói rằng **“Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ” (NaVippayutte nava)** có nghĩa là “sáu thời kỳ này, đó là: bốn thời kỳ mà chỉ có độc nhất câu cuối cùng khởi sinh rất chỉ với mỗi Pháp có hai căn nguyên, và hai thời kỳ mà có câu cuối cùng khởi sinh chỉ với Pháp có hai căn nguyên và hai căn nguyên đã phối hợp một cách duy nhất với Duyên Pháp Bất Tương Ứng. Các thời kỳ ấy thường làm duyên với mãnh lực Câu Sinh Duyên v.v.; vì lẽ ấy khi Bất Tương Ứng Duyên bị phủ định ra đi, thì ngay cả các thời kỳ ấy cũng thường khuyết pháp đi cùng; vì lẽ ấy mới chỉ có được chín thời kỳ thôi với Nhân Duyên v.v. Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ” (NaVippayutte nava)**. Ngay cả trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, bậc tu học nên hiểu biết chỉ có chín thời kỳ ấy thôi. Quả thực, các thời kỳ ấy nhất định phối hợp với Pháp là Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên, vì lẽ ấy các thời kỳ ấy mới khuyết pháp đi vì việc phủ định các Pháp Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên ấy, dù cho bất luận thời kỳ nào đã hiện hữu. Bậc tu học nên điểm xuyết bố trí lời giải đáp trong các thời kỳ ấy với mãnh lực Cảnh Duyên, hoặc với mãnh lực Vô Gian Duyên v.v. Bậc tu học nên điểm xuyết bố trí lời giải đáp với mãnh lực năm Duyên sai biệt với Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, hoặc với mãnh lực Pháp Bất Tương Ứng vẫn đang hiện hữu với nhau và vẫn chưa có xa lìa đi. Khi Đức Thế Tôn lập ý khái thuyết thời kỳ trong Phần Đối Nghịch thể theo phương thức pháp số như thế này, bấy giờ khi sẽ khái thuyết việc pháp số Duyên Hệ với mãnh lực Duyên có hai căn nguyên v.v. mới lập ý bắt đầu lời nói rằng **“Vì Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ” (NaHetupaccayā Nārammaṇe paññarasa)** v.v. (ở điều 680) tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong nghĩa từ ấy. Trong Nhị Đề Phi Nhân Căn Nguyên (**NaHetumūlakaduka**) làm duyên ở phần Pháp Số nhiều hơn, và khi phối hợp với Duyên ở phần Pháp Số ít hơn thì thường làm duyên ở phần Pháp Số ít hơn. Trong Phần Tam Căn Nguyên (**Timūlakanaya**), hai thời kỳ đó là: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện. Trong lời nói rằng **“Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ” (NaUpanissaye terasa)** thường khuyết pháp đi. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào ?” Trả lời là “Vì Phi Cận Y Duyên mà Ngài kết nối với Phi Cảnh Duyên. Quả thực, các thời kỳ này hiện hành với mãnh lực Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. Và cả hai Duyên ấy đã bị phủ định ra, thì các thời kỳ ấy Ngài mới chủ tâm lấy với số lượng chỉ có Cảnh Trưởng Duyên và Cảnh Cận Y Duyên thôi.

Ngay cả trong Phần Lục Căn Nguyên (**Chamūlakanaya**), lời nói rằng **“Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ”** (**NaUpanissaye terasa**) đích thị cũng chính là 13 thời kỳ ấy. Thế nhưng trong Thất Lục Căn Nguyên (**Sattamūlakanaya**), lời nói rằng **“Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ”** (**NaUpanissaye satta**) tức là tám thời kỳ, đó là: bốn thời kỳ hiện hành với mãnh lực Vô Giác Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên đây, đó là 1/. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, 2/. Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, 3/. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, 4/. Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện; và với bốn thời kỳ khuyết pháp đi trong quan niệm này vì hữu quan với Câu Sinh Duyên mà thường khuyết pháp đi; vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **“bảy thời kỳ”** (**satta**) là với mãnh lực của Duyên còn lại. Lời nói rằng **“Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ”** (**NaPurejāte ekādasa**) là có 11 thời kỳ vì hữu quan với Câu Sinh Duyên. Lời nói rằng **“Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ”** (**NaPacchājāte nava**) có nghĩa là “Quả thực trong 11 thời kỳ này, vì tiến hành lấy hai thời kỳ có hai căn nguyên và có Pháp Vô Ký là câu cuối cùng đã có lời giải đáp là **“câu sinh với nhau, khởi sinh trước với nhau, Vật Thực, Quyền Lực”** (**Sahajātaṃ Purejātaṃ Āharaṃ Indriyaṃ**) (ở điều 677 – 678) ra đi ngay khi có việc phủ định Câu Sinh Duyên thì các thời kỳ ấy cũng vẫn không có khuyết pháp đi với mãnh lực Hậu Sinh Duyên. Thế nhưng, khi có việc phủ định Hậu Sinh Duyên với Câu Sinh Duyên thì các thời kỳ này thường khuyết pháp đi; vì lẽ ấy Đức Thế Tôn mới thuyết giáo là **“chín thời kỳ”** (**nava**) là với mãnh lực Duyên còn lại.

Lời nói rằng **“Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ”** (**NaNissaye ekādasa**) trong Phần Bát Căn Nguyên (**Aṭṭhamūlakanaya**) các nghĩa từ giải thích đích thị tương tự với Phần mà Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước rồi vậy. Tiếp theo đây nên hiểu biết thẩm định trong Phần Cửu Căn Nguyên (**Navamūlakanaya**). Lời nói rằng **“Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ”** (**NaUpanissaye pañca**) (ở điều 685) có nghĩa là “có năm thời kỳ, đó là: ba thời kỳ có ba nhóm Pháp Thiện v.v. có Pháp Vô Ký là nơi cuối cùng, và hai thời kỳ có hai căn nguyên có Pháp Vô Ký là câu cuối cùng. Nên hiểu biết thẩm định trong năm thời kỳ ấy với mãnh lực Pháp là Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, Đoàn Thực, Sắc Mạng Quyền Lực và Hậu Sinh Duyên.

Trong Phần Thập Căn Nguyên (**Dasamūlakanaya**) đích thị các thời kỳ ấy thường có ngay trong nghĩa từ chẳng hạn như là **“Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ”** (**NaPurejāte pañca**). Lời nói rằng **“Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ”** (**NaPacchājāte tīṇi**) là thời kỳ còn lại, vì tiến hành lấy hai thời kỳ có hai căn nguyên có Pháp Vô Ký là câu cuối cùng đã hiện hữu với mãnh lực Hậu Sinh Duyên ra đi, đích thị ba thời kỳ ấy thường có ngay trong Phi Hậu Sinh Duyên. Lời nói rằng **“Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ”** (**NaAtthiyā dve**) (ở điều 686) đó là Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tái Tục (Sắc bị Nghiệp Lực kiến tạo) với mãnh lực Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Và trong quan niệm này thường không được Dị Thực Quả vì hữu quan với Cận Y Duyên. Việc pháp số trong Phần Thập Nhất Căn Nguyên (**Ekādasamūlakanaya**) đích thị cũng tương tự với Phần mà Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước.

Trong Phần Thập Nhị Căn Nguyên (**Dvādasamūlakanaya**) lời nói rằng **“Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ” (Nakamme ekam)** (ở điều 688) là Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký, và trong điều ấy, bậc tu học nên hiểu biết thẩm định với mãnh lực Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. Ngay cả trong Phần Thập Tam Căn Nguyên (**Terasamūlakanaya**) v.v. đích thị là bậc tu học nên chủ tâm lấy lời giải đáp này trong **“Xứ Cảnh Vị Lai” (Āgatasathāna)** là **“một thời kỳ” (ekam)** trong tất cả các Duyên. Thế nhưng trong Vật Thực Duyên, nên hiểu biết lời giải đáp với mãnh lực Quyền Lực Duyên. Trong Quyền Lực Duyên nên hiểu biết lời giải đáp với mãnh lực Vật Thực Duyên.

Trong Phần Thập Tứ Căn Nguyên (**Catudasmūlakanaya**) v.v. thường không có được trong Phi Hiện Hữu Duyên và Phi Bất Ly Duyên vì hữu quan với Phi Nghiệp Lực Duyên, vì lý do ấy Ngài mới không đề cập đến. Ngài đề cập lời nói rằng **“Vì Phi Vật Thực Duyên Phi Thiển Na Duyên” (Nāhārapaccayā NaJhānapaccayā)** do bởi tiến hành lấy Quyền Lực Duyên ra đi, vì lẽ ấy trong vị trí như thế ấy, bậc tu học nên hiểu biết lời giải đáp một thời kỳ với mãnh lực Quyền Lực Duyên. Lời nói rằng **“Vì Phi Dị Thực Quả Duyên vì Phi Quyền Lực Duyên” (NaVipākappaccayā NaIndriyapaccayā)** (ở điều 690) Ngài đề cập do bởi đem Vật Thực Duyên ra đi, vì lẽ ấy trong vị trí ấy nên hiểu biết lời giải đáp một thời kỳ với mãnh lực Vật Thực Duyên, và được gọi là “việc pháp số trong hai thời kỳ này định đặt theo sự việc làm đối nghịch” thì thường là không có, vì lẽ ấy Ngài mới không khái thuyết chung với nhau.

Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

Tiếp theo đây, ngay cả trong Phần Phi Cảnh Căn Nguyên v.v., nên hiểu biết thẩm định việc quy định số lượng căn nguyên trong các Nhị Đề chỉ có bốn thôi, đó là: 15 – 13 – 11 – 9. Còn trong Phần Tam Căn Nguyên v.v. thường có được số lượng lời giải đáp mà Ngài đã quy định, đó là bổ túc thêm 7 – 5 – 3 – 2 – 1 nữa, vì trong việc cùng phối hợp với nhau của đa số Duyên, thì bất luận có được lời giải đáp nào trong việc cùng phối hợp với nhau bất luận Duyên nào trong các nhóm Duyên ấy, thì bậc tu học nên quy định các lời giải đáp và các Duyên ấy cho tốt đẹp, rồi nêu lên lời giải thích theo Phần mà Bản Đạo đã đề cập trong thời gian trước. Thế nhưng, trong hết cả thấy các Phần Phi Cảnh Căn Nguyên v.v. bậc tu học nên liên kết các Câu có Câu Phi Cảnh v.v. với Câu Phi Nhân đã trải qua rồi diệt mất đầu tiên, xong rồi thực hiện Phần Luân Hoàn (Luân Chuyển Tuần Hoàn). Và lại, vì Câu Nhân ấy tương tự với Phần đã đề cập trong Phần Phi Nhân Căn Nguyên, vì thế Ngài mới không khái thuyết một cách quảng nghĩa, và chỉ khái thuyết một cách giản lược. Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong các nghĩa từ ấy. Trong Phần Phi Nhân Căn Nguyên, vì trong Phi Cảnh Duyên và vì trong Phi Cận Y Duyên, mỗi phân loại thường có được 15 thời kỳ với nhau, thường có được 13 thời kỳ vì cùng phối hợp với nhau như thế nào, thì trong tổng quát thường chỉ có được 13 thời kỳ như thế ấy thôi. Tự hồ như là trong Phi Cận Y Duyên nhất tề thường có bảy thời kỳ với Phi Cảnh Duyên và Phi Câu Sinh Duyên như thế nào, thì ngay trong Phi Câu Sinh Duyên nhất tề cũng có bảy thời kỳ với Phi Cận Y Duyên và Phi Cảnh Duyên như thế ấy. Lời nói rằng **“Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ” (NaNissayapaccayā**

NaUpanissayapaccayā NaPacchājāte tīṇi) (ở điều 286) là lời giải đáp ba thời kỳ có Pháp Thiện v.v. và Pháp Vô Ký là nơi cuối cùng. Trong các Duyên ấy có Sắc Tái Tục và Sắc Vật Thực làm Sở Duyên.

Trong bốn nhóm có Phi Vật Thực Duyên và Phi Quyền Lực Duyên làm căn nguyên, thường không có thời kỳ một cách nhất định, tương tự trong Phần Phi Nhân Căn Nguyên, vì bất liên kết với Phi Nghiệp Lực Duyên. Trong Phần Phi Quyền Lực Căn Nguyên, lời nói rằng **“Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ, vì lẽ ấy nên làm việc pháp số như thế này”** (**Nāhāre tīṇīti kātabbam**) (ở điều 737) giải thích là “loại trừ Phi Cận Y Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên, bậc tu học nên liên kết hai Duyên này từ Phi Quyền Lực Duyên, rồi thực hiện việc pháp số với Phi Vật Thực Duyên với hai Duyên này, là như thế này **“Vì Phi Quyền Lực Duyên, v.v., vì Phi Cận Y Duyên trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Vì Phi Quyền Lực Duyên, v.v., vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ”** (**Na Indriyapaccayā v.v. NaUpanissayapaccayā Nāhāre tīṇi**). Các Câu ấy, lời nói rằng **“ba thời kỳ”** (**tīṇi**) là “đích thị Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Ký”.

Tiếp theo đây có lời giải thích trong nghĩa từ ấy: Pháp Thiện và Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Sắc Tái Tục và đối với sắc thân khởi sinh trước do bởi Hậu Sinh Duyên. Còn Tâm và Tâm Sở ở phần Vô Ký làm duyên một cách duy nhất do bởi Hậu Sinh Duyên. Bậc tu học nên điểm xuyết bố trí ba lời giải đáp với mãnh lực các Duyên này, như lời giải thích đến đây.

Và Đức Thế Tôn đã thuyết giáo rằng **“Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ”** (**Nāhāre dve**) (điều 737) vì liên kết với Hậu Sinh Duyên trong thời gian sau. Trong điều ấy chỉ có lời giải đáp này “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực ở phần Sắc Tái Tục” và “Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực ở phần Sắc Tái Tục tương tự”; thế nhưng, vì Vật Thực Duyên bị phủ định ra, Đoàn Thực mới không được làm duyên, ngay cả với mãnh lực Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên.

Trong Phần Tứ Căn Nguyên (**Catummūlakanaya**) Phần Phát Thù có Phi Bất Tương Ứng Duyên làm căn nguyên. Lời nói rằng **“Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ”** (**Na Upanissaye pañca**) (điều 741) là “có lời giải đáp năm thời kỳ, đó là: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện câu sinh với nhau; Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, là đề cập đến Sắc Tái Tục; Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện câu sinh với nhau; Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, là đề cập đến Sắc Tái Tục; Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký câu sinh với nhau. Lời nói rằng **“Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên v.v. trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ”** (**NaVippayutte v.v. NaUpanissaye tīṇi**) là ba thời kỳ có Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Ký, theo Phần mà Bần Đạo đã đề cập trong thời gian trước.

Lời nói rằng **“Vì Phi Hiện Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ”** (**No Atthipaccayā NaHetuyā nava**) là chín thời kỳ mà Ngài đã nói rằng “khởi sinh vì Phi Nhân Duyên trong Phi Hiện Hữu Duyên”. Quả thực, tất cả các thời kỳ ấy, một thời kỳ có một căn nguyên là chỗ cuối cùng, thường có được với mãnh lực Vô Giáns Duyên và Thường Cận Y Duyên. Ngay cả trong lời nói rằng **“Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ”** (**Na Ārammaṇe**

nava) bậc tu học nên đặt chính các thời kỳ ấy trong Phi Cảnh Duyên, rồi phân chia Cận Y Duyên ra làm hai. Lời nói rằng **“cho đến ngay cả Y Chỉ Duyên” (Yāva nissayampi)** có nghĩa là “trong Phần có Phi Hiện Hữu Duyên làm căn nguyên” bậc tu học nên đặt trong Phi Cảnh Duyên với việc luân chuyển như thế này **“Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên” (NoAtthipaccayā NaHetupaccayā NaĀrammaṇapaccayā)** đi cho đến Y Chỉ Duyên rồi nên điểm xuyết bố trí lời giải đáp hai thời kỳ trong Phi Cận Y Duyên cùng với Duyên như thế này, hoặc bất luận một Duyên nào có Phi Trưởng Duyên v.v. tiếp sau đây.

Đức Thế Tôn đã thiết lập thực tính như thế này rồi chủ tâm lấy bảy Duyên, kể từ Phi Cảnh Duyên cho đến Phi Y Chỉ Duyên nữa, rồi thuyết giáo rồi **“Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ” (NaUpanissaye dve)** (điều 746) trong điều này, bậc tu học nên điểm xuyết bố trí lời giải thích (Yojanā) (liên từ) từ Phi Cảnh Duyên với tất cả Câu, luôn cả có Phi Y Chỉ Duyên là chỗ cuối cùng, phía trước và phía sau, là như thế này **“Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân – Phi Cảnh Trưởng Duyên trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ (NoAtthipaccayā NaHetupaccayā NaĀrammaṇapaccayā NaUpanissaye dve NoAtthipaccayā NaHetunārammaṇanādhīpatipaccayā NaUpanissaye dve).** Và lời nói rằng **“hai thời kỳ” (dve)** ở trong chỗ này, bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực của Duyên, của Sắc Tái Tục, với mãnh lực Di Thời Nghiệp Lực Duyên, đó là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký”. Trong Phi Tiền Sinh Duyên v.v. với Câu Phi Cận Y nên hiểu biết là có lời giải đáp hai thời kỳ trong chỗ của Nhị Đề. Thế nhưng trong quan niệm này, Ngài không chủ tâm lấy Nghiệp Lực Duyên. Vì khi chủ tâm lấy Nghiệp Lực Duyên ấy thì hai thời kỳ ấy thường khuyết pháp đi cùng, thường không có được lời giải đáp trong việc tỷ giáo bất luận lời giải đáp nào với bất luận lời giải đáp nào, lời giải đáp nào thì có được và lời giải đáp nào khuyết pháp đi, bậc tu học nên quy định hết tất cả lời giải đáp ấy cho tốt đẹp, rồi nên làm rõ thêm số lượng trong tất cả Phần Đối Nghịch.

Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Thiện Phát Thú

PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

NHÂN TÁU HỢP - HETUSABHĀGA

[752] Vì Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

24 NHÂN HIỆP LỰC - HETUGHAṬANĀ 24

[753] 1. Vì năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[754] 2. Vì sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[755] 3. Vì bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[756] 4. Vì sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ... Trong

Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[757] 5. Vì sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[758] 6. Vì sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[759] 7. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[760] 8. Vì bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có

một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[761] 9. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[762] 10. Vì bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[763] 11. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[764] 12. Vì chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly

Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[765] 13. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[766] 14. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[767] 15. Vì chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[768] 16. Vì 10 Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên

có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[769] 17. Vì chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[770] 18. Vì 10 Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[771] 19. Vì tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Vô Gian Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[772] 20. Vì 10 Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong

Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[773] 21. Vì chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[774] 22. Vì chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[775] 23. Vì 11 Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ ...Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[776] 24. Vì 10 Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

PHẦN CẢNH CĂN NGUYÊN (ĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)

CẢNH TÁU HỢP - ĀRAMMAṆASABHĀGA

[777] Vì Cảnh Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

5 CẢNH HIỆP LỰC - ĀRAMMAṆAGHAṬANĀ 5

[778] 1. Vì ba Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trường Duyên và Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[779] 2. Vì bốn Duyên đó là: Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[780] 3. Vì sáu Duyên đó là: Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[781] 4. Vì sáu Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[782] 5. Vì tám Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

PHẦN TRƯỞNG CĂN NGUYÊN (ADHIPATIMŪLAKANAYA)

TRƯỞNG TÁU HỢP – ADHIPATISABHĀGA

[783] Vì Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

30 TRƯỞNG HIỆP LỰC - ADHIPATIGHAṬANĀ 30

[784] 1. Vì ba Duyên đó là: Trưởng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

[785] 2. Vì bốn Duyên đó là: Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

[786] 3. Vì năm Duyên đó là: Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[787] 4. Vì ba Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên và Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[788] 5. Vì sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[789] 6. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có

một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[790] 7. Vì năm Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[791] 8. Vì bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[792] 9. Vì sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[793] 10. Vì sáu Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[794] 11. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[795] 12. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[796 (*)] Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[(*)]: Tạng **Pāli** vượt qua điều này, vì không có Chi Pháp, mới tính điều Hiệp Lực thứ 13 ở điều 797, trừ điều 796]

[797] 13. Vì bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy

thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[798] 14. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[799] 15. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[800] 16. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[801] 17. Vì 10 Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên

có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[802] 18. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[803] 19. Vì bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[804] 20. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[805] 21. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba

thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[806] 22. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[807] 23. Vì 10 Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[808] 24. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[809] 25. Vì tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[810] 26. Vì 10 Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[811] 27. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[812] 28. Vì chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dĩ Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[813] 29. Vì 11 Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dĩ Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên

có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[814] 30. Vì 10 Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Trưởng Căn Nguyên

PHẦN VÔ GIÁC CĂN NGUYÊN (ANANTARAMŪLAKANAYA)

VÔ GIÁC TÁU HỢP – ANANTARASABHĀGA

[815] Vì Vô Giác Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3 VÔ GIÁC HIỆP LỰC - ANANTARAGHAṬANĀ 3

[816] 1. Vì năm Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ

Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[817] 2. Vì sáu Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hối Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[818] 3. Vì sáu Duyên đó là: Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hối Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Vô Giác Căn Nguyên

PHẦN ĐĂNG VÔ GIÁC CĂN NGUYÊN (SAMANTARAMŪLAKANAYA)

ĐĂNG VÔ GIÁC TÁU HỢP – SAMANTARASABHĀGA

[819] Vì Đăng Vô Giác Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hối Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất

Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3 ĐẲNG VÔ GIÁN HIỆP LỰC - SAMANANTARAGHAṬANĀ 3

[820] 1. Vì năm Duyên đó là: Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[821] 2. Vì sáu Duyên đó là: Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[822] 3. Vì sáu Duyên đó là: Đẳng Vô Giác Duyên, Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đẳng Vô Giác Căn Nguyên

PHẦN CÂU SINH CĂN NGUYÊN (SAHAJĀTAMŪLAKANAYA)

CÂU SINH TÁU HỢP – SAHAJĀTASABHĀGA

[823] Vì Câu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.

10 CÂU SINH HIỆP LỰC - SAHAJĀTAGHAṬANĀ 10

[824] 1. Vì bốn Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.

[825] 2. Vì năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[826] 3. Vì sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giáns Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giáns Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[827] 4. Vì năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giáns Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giáns Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[828] 5. Vì sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giáns Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giáns Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[829] 6. Vì năm Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giáns Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giáns Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất

Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[830] 7. Vì sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[831] 8. Vì bảy Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[832] 9. Vì sáu Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[833] 10. Vì bảy Duyên đó là: Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi

Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Câu Sinh Căn Nguyên

PHẦN HỒ TƯƠNG CĂN NGUYÊN (AÑÑAMAÑÑAMŪLAKANAYA)

HỒ TƯƠNG TÁU HỢP – AÑÑAMAÑÑASABHĀGA

[834] Vì Hồ Tương Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

6 HỒ TƯƠNG HIỆP LỰC - AÑÑAMAÑÑAGHAṬANĀ 6

[835] 1. Vì năm Duyên đó là: Hồ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[836] 2. Vì sáu Duyên đó là: Hồ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ

Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[837] 3. Vì sáu Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[838] 4. Vì sáu Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[839] 5. Vì bảy Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[840] 6. Vì bảy Duyên đó là: Hổ Tương Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ

Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Hổ Tương Căn Nguyên

PHẦN Y CHỈ CĂN NGUYÊN (NISSAYAMŪLAKANAYA)

Y CHỈ TÁU HỢP – NISSAYASABHĀGA

[841] Vì Y Chỉ Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.

20 Y CHỈ HIỆP LỰC - NISSAYAGHATĀNĀ 20

[842] 1. Vì ba Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.

[843] 2. Vì bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Trường Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên

có tám thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

[844] 3. Vì bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[845] 4. Vì bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[846] 5. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Trưởng Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[847] 6. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[848] 7. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[849] 8. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[850] 9. Vì tám Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[851] 10. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ

...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[852] 11. Vì bốn Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.

[853] 12. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[854] 13. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[855] 14. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[856] 15. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[857] 16. Vì năm Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[858] 17. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có

một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[859] 18. Vì bảy Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[860] 19. Vì sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[861] 20. Vì bảy Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Y Chỉ Căn Nguyên

PHẦN CẬN Y CĂN NGUYÊN (UPANISSAYAMŪLAKANAYA)

CẬN Y TÁU HỢP – UPANISSAYASABHĀGA

[862] Vì Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

7 CẬN Y HIỆP LỰC - UPANISSAYAGHATANĀ 7

[863] 1. Vì ba Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[864] 2. Vì sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[865] 3. Vì tám Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[866] 4. Vì năm Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[867] 5. Vì sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Trùng Dục Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[868] 6. Vì hai Duyên đó là: Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[869] 7. Vì sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Cận Y Căn Nguyên

PHẦN TIỀN SINH CĂN NGUYÊN (PUREJĀTAMŪLAKANAYA)

TIỀN SINH TÁU HỢP – PUREJĀTASABHĀGA

[870] Vì Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

7 TIỀN SINH HIỆP LỰC - PUREJĀTAGHAṬANĀ 7

[871] 1. Vì ba Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ.

Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[872] 2. Vì năm Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[873] 3. Vì bốn Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[874] 4. Vì sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[875] 5. Vì sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên

có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[876] 6. Vì tám Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[877] 7. Vì sáu Duyên đó là: Tiền Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Tiền Sinh Căn Nguyên

PHẦN HẬU SINH CĂN NGUYÊN (PACCHĀJĀTAMŪLAKANAYA)

HẬU SINH TÁU HỢP – PACCHĀJĀTASABHĀGA

[878] Vì Hậu Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

1 HẬU SINH HIỆP LỰC - PACCHĀJĀTAGHAṬANĀ 1

[879] Vì bốn Duyên đó là: Hậu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Phần Hậu Sinh Căn Nguyên

PHẦN TRÙNG DỤC CĂN NGUYÊN (ĀSEVANAMŪLAKANAYA)

TRÙNG DỤC TÁU HỢP – ĀSEVANASABHĀGA

[880] Vì Trùng Dục Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

1 TRÙNG DỤC HIỆP LỰC - ĀSEVANAGHAṬANĀ 1

[881] Vì sáu Duyên đó là: Trùng Dục Duyên, Vô Giác Duyên, Đẳng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Phần Trùng Dụng Căn Nguyên

PHẦN NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN (KAMMAMŪLAKANAYA)

NGHIỆP LỰC TÁU HỢP – KAMMASABHĀGA

[882] Vì Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

11 NGHIỆP LỰC HIỆP LỰC - KAMMAGHAṬANĀ 11

[883] 1. Vì hai Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên và Cận Y Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có

hai thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

[884] 2. Vì sáu Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[885] 3. Vì sáu Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[886] 4. Vì bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[887] 5. Vì tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương

Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[888] 6. Vì bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[889] 7. Vì bảy Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[890] 8. Vì tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[891] 9. Vì chín Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có

một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[892] 10. Vì tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[893] 11. Vì chín Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Nghiệp Lực Căn Nguyên

PHẦN DỊ THỤC QUẢ CĂN NGUYÊN (VIPĀKAMŪLAKANAYA)

DỊ THỤC QUẢ TÁU HỢP – VIPĀKASABHĀGA

[894] Vì Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

5 DỊ THỰC QUẢ HIỆP LỰC - VIPĀKAGHAṬANĀ 5

[895] 1. Vì năm Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[896] 2. Vì sáu Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[897] 3. Vì bảy Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[898] 4. Vì sáu Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[899] 5. Vì bảy Duyên đó là: Dị Thực Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Dị Thực Quả Căn Nguyên

PHẦN VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (ĀHĀRAMŪLAKANAYA)

VẬT THỰC TÁU HỢP – ĀHĀRASABHĀGA

[900] Vì Vật Thực Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

34 VẬT THỰC HIỆP LỰC - ĀHĀRAGHAṬANĀ 34

[901] 1. Vì ba Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác

Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[902] 2. Vì năm Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[903] 3. Vì sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[904] 4. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[905] 5. Vì sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[906] 6. Vì sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[907] 7. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[908] 8. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[909] 9. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[910] 10. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[911] 11. Vì sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[912] 12. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[913]13. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[914]14. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[915]15. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[916]16. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[917] 17. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[918] 18. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[919] 19. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[920] 20. Vì sáu Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[921] 21. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[922] 22. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[923] 23. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[924] 24. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[925] 25. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[926] 26. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[927] 27. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[928] 28. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[929] 29. Vì bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

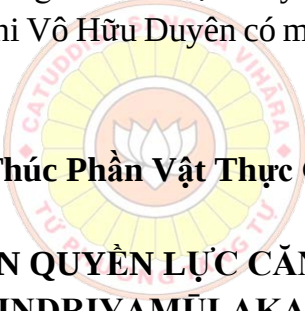
[930] 30. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[931] 31. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[932] 32. Vì tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[933] 33. Vì 10 Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[934] 34. Vì chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.



Kết Thúc Phần Vật Thực Căn Nguyên

PHẦN QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (INDRIYAMŪLAKANAYA)

QUYỀN LỰC TÁU HỢP – INDRIYASABHĀGA

[935] Vì Quyền Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[936] 1. Vì ba Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[937] 2. Vì bốn Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[938] 3. Vì năm Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[939] 4. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một sát na. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[940] 5. Vì năm Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[941] 6. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[942] 7. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[943] 8. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ.

Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Di Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[944] 9. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[945] 10. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[946] 11. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[947] 12. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Di Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[948] 13. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[949] 14. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

15. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

16. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

17. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

18. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

19. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

20. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

21. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

22. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

23. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

24. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

25. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

26. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

27. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

28. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

29. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

30. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

31. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và

Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

32. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

33. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

34. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

35. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

36. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

37. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

38. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

39. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

40. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

41. Vì sáu Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

42. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

43. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

44. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

45. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

46. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

47. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

48. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

49. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

50. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

51. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

52. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi

Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

53. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

54. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

55. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thục Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

56. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

57. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

58. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

59. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

60. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

61. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

62. Vì bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

63. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

64. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

65. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

66. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

67. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

68. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

69. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

70. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[950] 71. Vì tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ.

Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[951] 72. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[952] 73. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

[953] 74. Vì chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[954] 75. Vì 11 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[955] 76. Vì 10 Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Quyền Lực Căn Nguyên

PHÂN THIỀN NA CĂN NGUYÊN (JHĀNAMŪLAKANAYA)

THIỀN NA TÁU HỢP – JHĀNASABHĀGA

[956] Vì Thiền Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

37 THIỀN NA HIỆP LỰC - JHĀNAGHAṬANĀ 37

[957] 1. Vì năm Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

2. Vì sáu Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

3. Vì bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

4. Vì sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

5. Vì sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

6. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

7. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

8. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

9. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

10. Vì sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

11. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

12. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

13. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

14. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

15. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

16. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

17. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

18. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

19. Vì sáu Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

20. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

21. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

22. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

23. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

24. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

25. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

26. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

27. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

28. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

29. Vì bảy Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

30. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

31. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

32. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

33. Vì tám Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

34. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

35. Vì 10 Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

36. Vì chín Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

37. Vì 10 Duyên đó là: Thiên Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Thiên Na Căn Nguyên

PHẦN ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (MAGGAMŪLAKANAYA)

ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP – MAGGASABHĀGA

[958] Vì Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

57 ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - MAGGAGHATĀNĀ 57

[959] 1. Vì năm Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

2. Vì sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

3. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

4. Vì sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

5. Vì sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

6. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

7. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

8. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

9. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

10. Vì sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

11. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

12. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

13. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

14. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

15. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

16. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

17. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

18. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

19. Vì sáu Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiên Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

20. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiên Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

21. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiên Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

22. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

23. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

24. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

25. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

26. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

27. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

28. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

29. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

30. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

31. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

32. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

33. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

34. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện

Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

35. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

36. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

37. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

38. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

39. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

40. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

41. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

42. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

43. Vì bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

44. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

45. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

46. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

47. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

48. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

49. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

50. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

51. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

52. Vì tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

53. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

54. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

55. Vì chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

56. Vì 11 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

57. Vì 10 Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu

Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Đồ Đạo Căn Nguyên

PHẦN TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (SAMPAYUTTAMŪLAKANAYA)

TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP – SAMPAYUTTASABHĀGA

[960] Vì Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

2 TƯƠNG ỨNG HIỆP LỰC - SAMPAYUTTAGHAṬANĀ 2

[961] 1. Vì sáu Duyên đó là: Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

2. Vì bảy Duyên đó là: Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Tương Ứng Căn Nguyên

PHẦN BẤT TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (VIPPAYUTTAMŪLAKANAYA)

BẤT TƯƠNG ỨNG TÁU HỢP – VIPPAYUTTASABHĀGA

[962] Vì Bất Tương Ứng Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có

ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

13 BÁT TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC - VIPPAYUTTAGHATĀNĀ 13

[963] 1. Vì ba Duyên đó là: Bát Tương Ứng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[964] 2. Vì bốn Duyên đó là: Bát Tương Ứng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[965] 3. Vì năm Duyên đó là: Bát Tương Ứng Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi

Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[966] 4. Vì năm Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[967] 5. Vì bốn Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Hậu Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[968] 6. Vì năm Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[969] 7. Vì năm Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[970] 8. Vì tám Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[971] 9. Vì sáu Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[972] 10. Vì năm Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[973] 11. Vì sáu Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dĩ Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[974] 12. Vì sáu Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dĩ Thực Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[975] 1. Vì năm Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên...Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[976] 13. Vì bảy Duyên đó là: Bất Tương Ứng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Bất Tương Ứng Căn Nguyên

PHÂN HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN (ATTHIMŪLAKANAYA)

HIỆN HỮU TÁU HỢP – ATTHISABHĀGA

[977] Vì Hiện Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi

Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.

29 HIỆN HỮU HIỆP LỰC - ATTHIGHAṬANĀ 29

[978] 1. Vì hai Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.

[979] 2. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.

[980] 3. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có tám thời kỳ.

Trong Phi Vật Thực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

[981] 4. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

[982] 5. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[983] 6. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Quyền Lực Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[984] 7. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[985] 8. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[986] 9. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

[987] 10. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.

[988] 11. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[989] 12. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[990] 13. Vì ba Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[991] 14. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trường Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na

Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[992] 15. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[993] 16. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[994] 17. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[995] 18. Vì tám Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Y Chỉ Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gian Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả

Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[996] 19. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Y Chỉ Duyên, Tiền Sinh Duyên, Quyền Lực Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[997] 20. Vì bốn Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.

[998] 21. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[999] 22. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên

có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[1000] 23. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

[1001] 24. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[1002] 25. Vì năm Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Giác Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiên Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[1003] 26. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Dị Thục Quả Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi

Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đằng Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cấn Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[1004] 27. Vì bảy Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đằng Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cấn Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[1005] 28. Vì sáu Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đằng Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cấn Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

[1006] 29. Vì bảy Duyên đó là: Hiện Hữu Duyên, Câu Sinh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thực Quả Duyên, Bất Tương Ứng Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đằng Vô Giáp Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cấn Y Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

**PHẦN VÔ HỮU CĂN NGUYÊN – PHẦN LY KHỨ CĂN NGUYÊN –
PHẦN BẤT LY CĂN NGUYÊN
(NATTHIMŪLAKANAYA – VIGATAMŪLAKANAYA –
AVIGATAMŪLAKANAYA)**

[1007] Vì Vô Hữu Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Vì Ly Khứ Duyên trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Cả Vô Hữu Duyên, cả Ly Khứ Duyên trình bày tương tự với Vô Gián Duyên.

Vì Bất Ly Duyên trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên Ngài đã cho quảng nghĩa như thế nào, thì Bất Ly Duyên nên trình bày cho quảng nghĩa như thế ấy.

Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Giai Đoạn Vấn Đề

GIẢI THÍCH PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

752 – 1007] Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Phần Thuận – Nghịch Duyên. Bất luận Duyên nào trong các Duyên đã có việc pháp số trong Phần Thuận Tùng Duyên như thế này **“Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ”** (Hetuyā satta Ārammaṇe nava) và trong Phần Đối Nghịch Duyên như thế này **“Trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ”** (NaHetuyā paṇṇa rasa NaĀrammaṇe paṇṇarasa) đã định đặt theo Phần Thuận Tùng Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết việc pháp số với mãnh lực thời kỳ tương tự trong các thời kỳ đã có trong Phần Đối Nghịch Duyên của Duyên đã được định đặt theo sự việc làm Đối Nghịch với thời kỳ đã có trong Phần Thuận Tùng Duyên các Duyên ấy. Quả thực, trong Phần Thuận Tùng Duyên đã có bảy thời kỳ trong lời nói rằng **“Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ”** (Hetuyā satta). Trong Phần Đối Nghịch, ở Phi Cảnh Duyên đã có 15 thời kỳ trong lời nói rằng **“Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ”** (Na Ārammaṇe Paṇṇarasa). Tất cả 15 thời kỳ mà Ngài đã đề cập trong Phi Cảnh Duyên thì bảy thời kỳ này **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện – Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”** tương tự với bảy thời kỳ mà Ngài đã đề cập ở trong Nhân Duyên. Lời nói rằng **“Vì Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ”** (Hetupaccayā NaĀrammaṇe satta) Ngài đã nói ngụ ý lấy bảy thời kỳ ấy. Ngay cả trong lời nói rằng **“Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ”** (NaAdhipatiyā satta) v.v. cũng có Phần này tương tự.

Còn trong Phi Câu Sinh Duyên thường không có được thời kỳ, cho dù rất có thể đồng dạng, vì Nhân Duyên không có việc bắt câu sinh với nhau, vì lẽ ấy Ngài mới không điểm xuyết bố trí lời giải thích với Phi Câu Sinh Duyên ấy. Ba thời kỳ có Pháp Thiện v.v. thường có được

Sắc Xứ (**Rūpāyatana**) trong Phi Hổ Tương Duyên. Lời nói rằng **“ba thời kỳ” (tīṇi)** Ngài đã nói ngụ ý lấy ba thời kỳ ấy. Trong Phi Tương Ứng Duyên cũng tương tự. Còn trong Phi Bất Tương Ứng Duyên thì bậc tu học nên hiểu biết ba thời kỳ với mãnh lực Vô Sắc Pháp, đó là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”**. Phi Y Chỉ Duyên, Phi Hiện Hữu Duyên và Phi Bất Ly Duyên thường không có được, tương tự Phi Câu Sinh Duyên, vì lý do ấy Ngài mới không điểm xuyết bố trí lời giải thích lập lại với các Duyên ấy. Trong điều này có việc quy định chỉ có hai thể loại, đó là **“bảy thời kỳ, ba thời kỳ”** với trường hợp như thế này. Bậc tu học nên giảm bớt số lượng Duyên được tính đếm nhiều hơn với Duyên được tính đếm ít hơn, với mãnh lực điều quy định ấy, xong rồi nên hiểu biết phương thức pháp số trong tất cả các Duyên Hiệp Lực.

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thẩm định trong các Hiệp Lực (**Ghaṭanā**) ấy. Lời nói rằng **“Vì bốn Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ” (HetuSahajātaNissayaAtthi Avigatanti NaĀrammaṇe satta)** có nghĩa là bậc tu học nên làm rõ thêm là **“Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ theo Phần như thế này “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên và Phi Cảnh Duyên”; “Nhân Thiện làm duyên đối với các Uẩn tương ưng do bởi Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên và Phi Cảnh Duyên”. Ngay cả trong lời nói rằng “Trong Phi Trường Duyên có bảy thời kỳ” (NaAdhipatiyā satta) v.v. cũng có Phần này tương tự.**

Trong Hiệp Lực thứ hai, Ngài đề cập là **“ba thời kỳ” (tīṇi)** trong Duyên còn lại, loại trừ Phi Tương Ứng Duyên, vì vừa tăng bổ Hổ Tương Duyên vào. Còn trong Phi Tương Ứng Duyên, Ngài đề cập là **“một thời kỳ” (ekam)** ngụ ý đến Danh Pháp và Sắc Pháp trong Thời Kỳ Tái Tục mà bất tương ưng lẫn nhau (phân ly lẫn nhau). Và trong qua niệm này thường không có được Hổ Tương Duyên tác thành Phần Đối Nghịch, vì tăng bổ vào trong Phần Hiệp Lực Thuận (**Anulomaghaṭanā**), vì lẽ ấy Ngài mới không có đề cập là **“Trong Phi Hổ Tương Duyên” (NaĀññamaññe)**. Ngay cả trong các Hiệp Lực còn lại, Ngài không đề cập các Duyên được tăng bổ, thường không có được tác thành Phần Đối Nghịch tương tự trong quan niệm này. Trong Hiệp Lực thứ ba chỉ có lời giải đáp ba thời kỳ ấy thôi, trong khắp cả mọi nơi, vì Tương Ứng Duyên vừa được tăng bổ vào. Trong Hiệp Lực thứ tư có lời giải đáp ba thời kỳ, đó là **“Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ”**, vì vừa tăng bổ Bất Tương Ứng Duyên vào. Trong Hiệp Lực thứ năm, vì có Dị Thục Quả Duyên vừa tăng bổ vào trong Phần Nhị Đề, mới có lời giải đáp một thời kỳ, đó là **“Pháp Vô Ký với Pháp Vô Ký”**. Ngoài ra đây, trong Dị Thục Quả Duyên và Tương Ứng Duyên cũng có Phần này tương tự.

Lời nói rằng **“Vì bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ” (HetuSahajātaNissayaIndriyaMaggaAtthiAvigatanti NaĀrammaṇe cattāri)** (điều 672) có nghĩa là bậc tu học nên hiểu biết lời giải đáp bốn thời kỳ trong Phi Cảnh Duyên với mãnh lực bảy Duyên này, đó là **“Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện,**

Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp thiện làm duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”. Ngay cả trong Hiệp Lực còn lại cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **“Trong Phi Hổ Tương Duyên có hai thời kỳ” (NaAñña maññe dve)** đó là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện – Vô Ký, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”. Ngay cả trong lời giải đáp hai thời kỳ thì về sau cũng có Phần này tương tự. Bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số với mãnh lực Duyên có được trong các Hiệp Lực theo phương sách này.

Và tất cả các Hiệp Lực ấy thì Ngài đã nói rằng có 415 Hiệp Lực với mãnh lực Câu Sinh Hiệp Lực (**Sahajātaggaṭṭanā**) và với mãnh lực Linh Tinh Hiệp Lực (**Pakīṇṇakaggaṭṭanā**) trong Phần Thuận – Nghịch Duyên này. Mặc dù vậy, ngay cả trong tất cả các Duyên định đặt theo Phần Thuận Tòng Duyên trong các Hiệp Lực ấy thường không có được ở Phần Đối Nghịch. Và trong Phần Nhân Căn Nguyên đây, đã có 19 Duyên theo Phần Đối Nghịch, vì năm Duyên định đặt theo Phần Thuận Tòng Duyên trong Hiệp Lực thứ nhất. Như thế, đặc biệt chỉ có Duyên còn lại định đặt ở Phần Thuận Tòng Duyên, đã đi đến tác thành Phần Đối Nghịch. Và một khi theo Phần Thuận Tòng Duyên trong quan niệm này thì nên hiểu biết là đa số các Duyên đã đi đến tác thành Phần Đối Nghịch. Như vậy, bậc tu học nên hiểu biết các phương thức này một cách thích hợp, ngay cả trong Phần có Cảnh Duyên làm căn nguyên v.v. tương tự trong Phần có Nhân Duyên làm căn nguyên.

Kết Thúc Giải Thích Phần Thuận – Nghịch Duyên

VIỆC PHÁP SỐ THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

[1008] Vì Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1009] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ... Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13

thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1010] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên trong Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ... Trong Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1011] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên trong Đẳng Vô Gian Duyên có bảy thời kỳ... Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1012] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gian Duyên trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1013] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gian Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gian Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ... Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thục Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong

Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1014] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trường Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1015] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, v.v., vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ... Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[1016] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[1017] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ... Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1018] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dung Duyên, vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thực Quả Duyên trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ... Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1019] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ... Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1020] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Dị Thực Quả Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ... Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1021] Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn nguyên) vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ... Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

PHẦN PHI CẢNH CĂN NGUYÊN (NAĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)

[1022] Vì Phi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1023] Vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

PHẦN PHI TRƯỞNG CĂN NGUYÊN (ADHIPATIMŪLAKANAYA)

[1024] Vì Phi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI VÔ GIÁC CĂN NGUYÊN (NAANANTARAMŪLAKANAYA)

[1025] Vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.

kỳ. Trong Thiên Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

PHÂN PHI ĐẲNG VÔ GIÁN CĂN NGUYÊN (NASAMANANTARAMŪLAKANAYA)

[1026] Vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHÂN PHI CÂU SINH CĂN NGUYÊN (NASAHAJĀTAMŪLAKANAYA)

[1027] Vì Phi Câu Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1028] Vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ... Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1029] Vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ... Trong Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên

có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI HỔ TƯƠNG CĂN NGUYÊN (NAAÑÑAMAÑÑAMŪLAKANAYA)

[1030] Vì Phi Hổ Tương Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1031] Vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1032] Vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI Y CHỈ CĂN NGUYÊN (NANISSAYAMŪLAKANAYA)

[1033] Vì Phi Y Chỉ Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu

Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1034] Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ... Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[1035] Vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hỗ Tương Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ... Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI CẬN Y CĂN NGUYÊN (NAUPANISSAYAMŪLAKANAYA)

[1036] Vì Phi Cận Y Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1037] Vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ... Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI TIỀN SINH CĂN NGUYÊN (NAPUREJĀTAMŪLAKANAYA)

[1038] Vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[1039] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

[1040] Vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hỗ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI HẬU SINH CĂN NGUYÊN (NAPACCHĀJĀTAMŪLAKANAYA)

[1041] Vì Phi Hậu Sinh Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy

thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1042] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chi Duyên có ba thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[1043] Vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chi Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ... Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI TRỪNG DỤNG CĂN NGUYÊN (NAĀSEVANAMŪLAKANAYA)

[1044] Vì Phi Trùng Dụng Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chi Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1045] Vì Phi Trùng Dụng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chi Duyên có ba thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN

PHẦN PHI DỊ THỰC QUẢ CĂN NGUYÊN (NAKAMMAMŪLAKANAYA – NAVIPĀKAMŪLAKANAYA)

[1046] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1047] Vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược. Vì Phi Dị Thực Quả Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ (nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên)...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN PHI VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (NAĀHĀRAMŪLAKANAYA)

[1048] Vì Phi Vật Thực Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1049] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có

bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hồ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dung Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

[1050] Vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Gián Duyên, vì Phi Đẳng Vô Gián Duyên, v.v., vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

PHẦN PHI QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (NAINDRİYAMŪLAKANAYA)

[1051] Vì Phi Quyền Lực Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên (Ngài lại giản lược Phần Căn Nguyên) vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Vì Phi Quyền Lực Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Vấn Đề (**Pañhā**) tương tự trong Phần Phi Nhân Căn Nguyên. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI THIỀN NA CĂN NGUYÊN (NAJHĀNAMŪLAKANAYA)

[1052] Vì Phi Thiền Na Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Phần Phi Thiền Na Căn Nguyên này nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (NAMAGGAMŪLAKANAYA)

[1053] Vì Phi Đồ Đạo Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN (NASAMPAYUTTAMŪLAKANAYA)

[1054] Vì Phi Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Di Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1055] Vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Di Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1056] Vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ứng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

[1057] Vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên (Ngài lại giản lược Phần căn Nguyên)...vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ...Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.

Trong Bát Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[1058] Vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, v.v., vì Phi Y Chỉ duyên, vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Bát Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược.

PHẦN PHI BÁT TƯƠNG ỨNG CĂN NGUYÊN

[1059] Vì Phi Bát Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

[1060] Vì Phi Bát Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ... Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đăng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[1061] Vì Phi Bát Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ... Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thực Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

[1062] Vì Phi Bát Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đăng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên trong Y Chỉ Duyên (*) có ba thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có chín

thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[(*)]: Không có Duyên này]

[1063] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ...Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1064] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên (Ngài lại giản lược Phần Căn Nguyên) vì Phi Nghiệp Lực Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ...Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1065] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên v.v. vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thực Duyên trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1066] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên (Ngài lại giản lược Phần Căn Nguyên) vì Phi Vật Thực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1067] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên (Ngài lại giản lược Phần Căn Nguyên) vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

[1068] Vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Nhân Duyên (Ngài lại giản lược Phần Căn Nguyên) vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

PHẦN PHI HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN (NOATTHIMŪLAKANAYA)

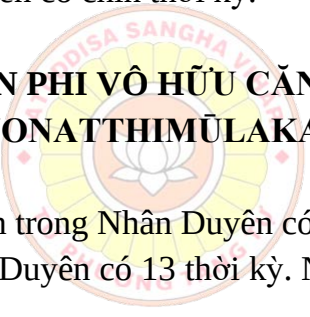
[1069] Vì Phi Hiện Hữu Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[1070] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ...Trong Đẳng Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dục Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

[1071] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ... Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

[1072] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Cận Y Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thục Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên, vì Phi Bất Ly Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

[1073] Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên, vì Phi Trưởng Duyên, vì Phi Vô Giác Duyên, vì Phi Đẳng Vô Giác Duyên, vì Phi Câu Sinh Duyên, vì Phi Hổ Tương Duyên, vì Phi Y Chỉ Duyên, vì Phi Tiền Sinh Duyên, vì Phi Hậu Sinh Duyên, vì Phi Trùng Dục Duyên, vì Phi Nghiệp Lực Duyên, vì Phi Dị Thục Quả Duyên, vì Phi Vật Thục Duyên, vì Phi Quyền Lực Duyên, vì Phi Thiền Na Duyên, vì Phi Đồ Đạo Duyên, vì Phi Tương Ứng Duyên, vì Phi Bất Tương Ứng Duyên, vì Phi Vô Hữu Duyên, vì Phi Ly Khứ Duyên, vì Phi Bất Ly Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ.



PHẦN PHI VÔ HỮU CĂN NGUYÊN (NONATTHIMŪLAKANAYA)

[1074] Vì Phi Vô Hữu Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI LY KHỨ CĂN NGUYÊN (NOVIGATAMŪLAKANAYA)

[1075] Vì Phi Ly Khứ Duyên trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ... Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên.

PHẦN PHI BẤT LY CĂN NGUYÊN (NOAVIGATAMŪLAKANAYA)

[1076] Vì Phi Bất Ly Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Đây là việc trình bày một cách giản lược... Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Phi Hiện Hữu Căn Nguyên.

**Trong Phần Nghịch – Thuận Duyên Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Thứ Nhất: Tam Đề Thiện**

GIẢI THÍCH PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

1008 – 1076] Bất luận thời kỳ nào tương tự với thời kỳ Duyên đã được định vị ở Phần Thuận Tòng, trong tất cả các thời kỳ Duyên đã được định vị ở Phần Đối Nghịch, trong tất cả các Duyên đã có việc pháp số trong Phần Thuận Tòng như thế này **“Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ, trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ”** và trong Phần Đối Nghịch như thế này **“Trong Nhân Duyên có 15 thời kỳ, trong Cảnh Duyên có 15 thời kỳ”**, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số với mãnh lực các thời kỳ ấy ngay cả trong Phần Nghịch – Thuận Duyên (này).

Quả thực, trong Phi Nhân Duyên ở Phần Đối Nghịch có được 15 thời kỳ như Tạng **Pāli** nói rằng **“Trong Nhân Duyên có 15 thời kỳ” (NaHetuyā paṇṇarasa)**. Trong Cảnh Duyên ở Phần Thuận Tòng có được chín thời kỳ như Tạng **Pāli** nói rằng **“Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ” (Ārammaṇe nava)**. Bất luận một thời kỳ nào trong chín thời kỳ, trong 15 thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề trong Phi Nhân Duyên là cùng đồng dạng với chín thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề ở trong Phi Cảnh Duyên. Bậc tu học nên hiểu biết việc pháp số với mãnh lực các thời kỳ ấy. Tất cả các thời kỳ ấy, bất luận một thời kỳ nào trong chín thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề trong Cảnh Duyên, thì các thời kỳ ấy tương tự với chín thời kỳ này, đó là: Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Bất Thiện, đối với Pháp Vô Ký; Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Vô Ký; Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Bất Thiện trong 15 thời kỳ mà Ngài đã đề cập trong Phi Nhân Duyên. Lời nói rằng **“Vì Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ” (NaHetuyā Ārammaṇe nava)** (điều 1008) Ngài đề cập ngụ ý đến chín thời kỳ ấy. Ngay cả trong lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ” (Adhipatiyā dasa)** v.v. cũng có Phần này tương tự. Quả thực, bất luận thời kỳ nào mà Ngài đã đề cập trong Phần Thuận Tòng (**Anulomagaṇanā**) (việc pháp số thời kỳ trong Phần Thuận Tòng Duyên) Cảnh Duyên v.v. thì ngay cả các thời kỳ ấy nên hiểu biết là thường được thích dụng, ngay cả trong việc tỷ giáo với Phi Nhân Duyên.

Bậc tu học nên hiểu biết việc làm rõ thêm về **Pāli** các thời kỳ ấy theo phương sách này, đó là “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên”. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thường tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Người thường tư khảo lại các Thiện Sự đã từng tích lũy trong thời gian trước. Trong lời này nói rằng **“Vì Phi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ” (NaHetupaccayā Adhipatiyā dasa)** bậc tu học nên làm rõ thêm thời kỳ ở trong Phần Phân Tích Thuận Tòng (**Anulomavibhaṅga**) với mãnh lực của Trưởng còn lại, khi đã loại trừ Thảm Trưởng. Trong quan niệm này, có việc quy định sáu phương thức pháp số, như thế này 9 – 10 – 7 – 3 – 13 – 1, bậc tu học nên giảm bớt việc đếm (số lượng) ngay cả Duyên mà có việc pháp số nhiều hơn Duyên có việc pháp số ít hơn, với mãnh lực việc quy định các phương thức pháp số ấy, rồi nên

hiểu biết phương thức pháp số trong việc tỷ giáo toàn bộ các Phần có ba căn nguyên v.v. có Phần Phi Nhân Căn Nguyên v.v. Đây là đặc tính phổ cập trước tiên. Thế nhưng đặc tính này vẫn không hiện hành trong việc tỷ giáo toàn bộ, và trong việc tỷ giáo bất luận Duyên nào với bất luận Duyên nào, bất luận thời kỳ nào mâu thuẫn nhau thì nên đem các thời kỳ ấy ra đi, rồi nên hiểu biết phương thức pháp số trong quan niệm này, với mãnh lực các Duyên ấy vẫn đang còn ở lại. Và trong lời này nói rằng **“Vì Phi Nhân Duyên, vì Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ”** (NaHetupaccayā NaĀrammaṇa paccayā Adhipatiyā satta) (điều 1009) thường cấm chỉ được ba thời kỳ này với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên, đó là: **Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện**. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào ?” Trả lời là “Vì Ngài đã nói rằng **“Vì Phi Cảnh Duyên”** (NaĀrammaṇapaccayā)” vì lẽ ấy, trong quan niệm này thì bậc tu học nên đem các thời kỳ ấy ra đi, rồi nên hiểu biết bảy thời kỳ theo Phần Câu Sinh Trưởng Duyên, đó là: **Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện, đối với Pháp Vô Ký, đối với Pháp Bất Thiện – Vô Ký; Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện, đối với Pháp Vô Ký, đối với Pháp Bất Thiện – Vô Ký; Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký**. Các thời kỳ này thường có được, là với mãnh lực của Trưởng còn lại, khi đã loại trừ Thảm Trưởng, vì Tạng Pālī nói rằng **“Vì Phi Nhân Duyên”** (NaHetupaccayā). Trong Phần Nhị Đề, bậc tu học nên hiểu biết phương thức pháp số với mãnh lực Duyên có phương thức pháp số ít hơn, và với mãnh lực số lượng bất mâu thuẫn nhau, với trường hợp như thế này.

Và trong bất luận các Duyên nào định đặt theo Phần Đối Nghịch, là bất luận Duyên nào không định đặt theo Phần Thuận Tùng, bậc tu học nên hiểu biết ngay với các Duyên ấy. Vấn hỏi rằng “Rằng đến đây là như thế nào ?” Trả lời là “Khi Vô Giác Duyên định đặt theo Phần Đối Nghịch thì Đẳng Vô Giác Duyên, Trùng Dung Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng. Khi Câu Sinh Duyên định đặt theo Phần Đối Nghịch thì Nhân Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên và Tương Ứng Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng. Khi Y Chỉ Duyên (*) định đặt theo Phần Đối Nghịch thì Vật Tiền Sinh Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng. Khi Vật Thục Duyên hoặc Quyền Lực Duyên định đặt theo Phần Đối Nghịch thì Nhân Duyên, Hổ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên và Tương Ứng Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng. Thế nhưng, khi Cảnh Duyên định đặt theo Phần Đối Nghịch thì Trưởng Duyên và Cận Y Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng. Lại nữa, Cảnh Trưởng Duyên và Cảnh Cận Y Duyên thì thường không thể có được. Theo phương sách này, trong mỗi tình trạng diễn biến thì nên hiểu biết lời giải đáp ở phần “có được” và “không có được”, rồi nên làm rõ thêm về các thời kỳ với mãnh lực lời giải đáp ở phần “có được”.

[(*)]: Nội dung chủ yếu trong các Câu này thì mâu thuẫn đối với thực tính và Tạng Pālī ở điều 1048 và điều 1051, tuy nhiên cần phải phiên dịch tương đồng theo Bộ Chú Giải Pālī cả Thái ngữ và Miến ngữ].

Ngay cả các thời kỳ trong lời nói rằng **“Trong Vô Giác Duyên có bảy thời kỳ”** (Anantare satta) ở Phần Tam Căn Nguyên v.v. đích thị đã có ở trong Phần Nhị Căn Nguyên.

Còn trong Phần Thất Căn Nguyên v.v. lời nói rằng **“Vì Phi Câu Sinh Duyên trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ”** (NaSahajātapaccayā Nissaye tīṇi) đó là “ba thời kỳ ở trong Vật Y Chỉ Duyên (Vatthunissayapaccaya) với mãnh lực Tiền Sinh Duyên”. Lời giải đáp hai thời kỳ trong Nghiệp Lực Duyên với mãnh lực Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Lời giải đáp một thời kỳ trong Vật Thực Duyên với mãnh lực Đoàn Thực. Lời giải đáp một thời kỳ trong Quyền Lực Duyên với mãnh lực Sắc Mạng Quyền Lực Duyên. Các Pháp có Pháp Thiện v.v. mà có Pháp Vô Ký là chỗ cuối cùng với mãnh lực Hậu Sinh Duyên đã đến theo thuận tự với lời nói rằng **“Trong Bất Tương Ứng Duyên có ba thời kỳ”** (Vippayutte tīṇi). Lời nói rằng **“Trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có năm thời kỳ”** (AtthiAvigatesu pañca) có nghĩa là “lời giải đáp với ba thời kỳ ấy và lời giải đáp hai thời kỳ này, đó là: **Pháp Thiện – Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện – Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký**” thường có với mãnh lực Hậu Sinh Quyền Lực Duyên (Pacchājātindriyapaccaya). Và kể từ Hậu Sinh Duyên làm Đối Nghịch (Paccanīka) trở đi. Lời nói rằng **“Trong Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ”** (AtthiAvigatesu ekaṃ) đó là: “Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký”, với mãnh lực Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên, một khi đã chủ tâm lấy Vật Thực Duyên rồi, thì không nên chủ tâm lấy Quyền Lực Duyên. Lại nữa, một khi chủ tâm lấy Quyền Lực Duyên rồi, thì tương tự không nên chủ tâm lấy Vật Thực Duyên. Vấn hỏi rằng “Vì lý do nào?” Trả lời là “Vì khi cả hai Duyên mà Bạc Chú Giải Sư chủ tâm lấy duy nhất một Duyên, cũng sẽ không có việc đếm thời kỳ; ngay cả chẳng hạn như khi Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên định đặt theo Phần Đối Nghịch. Đức Thế Tôn không lập ý thực hiện Phần Thuận Tùng cho thành một điều duy nhất, do bởi Vật Thực Duyên hoặc do bởi Quyền Lực Duyên (nhưng làm cho tách ly nhau) rồi thuyết giáo trong chỗ cuối cùng là **“Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ”** (Indriye ekaṃ Atthiyā ekaṃ Avigate ekaṃ Āhāre ekaṃ Atthiyā ekaṃ Avigate ekaṃ). Đích thị các nghĩa từ còn lại ở trong quan niệm này đã có nội dung minh hiển rồi.

Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

Tiếp theo đây, nên hiểu biết thâm định trong Phần Phi Cảnh Căn Nguyên v.v. Trong Phần Hỗ Tương Căn Nguyên, lời nói rằng **“Vì Phi Hỗ Tương Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ”** (NaĀññamaññapaccayā Hetuyā tīṇi) tức là các Pháp có Pháp Thiện v.v. làm duyên đối với Sắc Pháp mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ. Lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ”** (Adhipatiyā aṭṭha) có nghĩa là “những 10 thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề trong Trưởng Duyên thì có được tám thời kỳ còn lại, bởi do chiết khấu hai thời kỳ ra, đó là: (*) “Pháp Thiện làm duyên đối với Pháp Thiện và Vô Ký, Pháp Bất Thiện làm duyên đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký”. Lời nói rằng **“Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ”** (Sahajāte pañca) tức là hai thời kỳ này “Pháp Thiện và Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký, Pháp Bất Thiện

và Vô Ký làm duyên đối với Pháp Vô Ký” cùng với ba thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề ở trong Nhân Duyên.

[(*)]: Phần **Pālī** Bộ Chú Giải Thái ngữ ở trang 150 dòng thứ 11 là **“Kusalo kusalassa akusalo akusalassa”** tức là Pháp Thiện – Pháp Thiện (**Ku – Ku**), Pháp Bất Thiện – Pháp Bất Thiện (**Aku – Aku**) đã sai trật thực tính. Trong chỗ này, nên phiên dịch theo Phần **Pālī** Bộ Chú Giải Miến ngữ, đó là **“Kusalo kusalābyākatassa akusalo akusalābyāka tassa”**]

Lời nói rằng **“Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ”** (**Nissaye satta**) có nghĩa là “hai thời kỳ này “Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Thiện, Pháp Vô Ký làm duyên đối với Pháp Bất Thiện” cùng với năm thời kỳ thường có với mãnh lực tác thành Vật (**Vatthu**). Lời nói rằng **“Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ”** (**Kamme tīṇi**) đích thị là “ba thời kỳ mà Ngài đã đề cập trong Nhân Duyên ấy thôi”. Ngay cả trong Tam Đề còn lại cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ”** (**Adhipatiyā tīṇi**) đó là “thời kỳ mà đã đề cập trong thời gian trước”.

Trong Phần Phi Vật Thực Căn Nguyên, lời nói rằng **“Trong Hổ Tương Duyên có ba thời kỳ”** (**Aññamaññe tīṇi**) có nghĩa là “bậc tu học nên hiểu biết về thời kỳ với mãnh lực Tâm Sở (**Cetasika**) còn lại, loại trừ Vật Thực. Cũng ngay trong quan niệm này, trong Phi Vật Thực Duyên và Phi Quyền Lực Duyên, Ngài chủ tâm chỉ có lấy mỗi lần một Duyên thôi, không chủ tâm lấy hai Duyên hợp lại nhau, tương tự trong thời gian trước (tức là trình bày phân ly, bất trình bày hội tập).

Lời nói rằng **“Vì Phi Tương Ứng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ”** (**NaSam payuttapaccayā Hetuyā tīṇi**) tương tự với thời kỳ mà Ngài đã đề cập đề ở trong Phi Hổ Tương Duyên trong thời gian trước. Lời nói rằng **“Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ”** (**Adhipatiyā aṭṭha**) tương tự với lời giải đáp đã đề cập trong thời gian trước. Nên hiểu biết thẩm định trong Phi Bất Tương Ứng Căn Nguyên, lời nói rằng **“Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ”** (**Kamme pañca**) đó là “có năm thời kỳ như thế này “Tur Tâm Sở có Thiện v.v. làm duyên đối với Pháp Thiện v.v. câu sinh với nhau, Tur Tâm Sở Thiện và Bất Thiện khởi sinh dị biệt sát na làm duyên đối với Pháp Dị Thực Quả, và đối với Sắc Pháp mà có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ”. Trong Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ tương tự với Câu Sinh Duyên. Trong Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên v.v. có ba thời kỳ tương tự với Nhân Duyên.

Trong Phần Phi Hiện Hữu Căn Nguyên, có lời giải thích là “vì Nhân (**Hetu**) gọi là “không có Phi Hiện Hữu (**NoAtthi**)” mà khẳng định có Hiện Hữu (**Atthi**), vì thế Ngài mới không chủ tâm lấy Nhân Duyên ấy, rồi nói rằng **“Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ”** (**NaĀrammaṇe nava**) (Nhân Duyên trình bày không được). Ngay cả các Duyên khác hài hòa thực tính với Hiện Hữu Duyên thường không định đặt theo Phần Thuận Tùng trong quan niệm này tương tự Nhân Duyên.

Và trong lời này nói rằng **“Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ”** (**Kamme dve**) Ngài đề cập với mãnh lực Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Toàn bộ Duyên thường có được theo Phần Đối Nghịch. Và các thời kỳ, tiếp nối từ nơi ấy Ngài không chủ tâm lấy bất luận Duyên nào, ngay cả đã có ở Phần Thuận Tùng; chủ tâm lấy theo Phần Đối Nghịch thì dĩ hậu Duyên

ấy thường có được việc phối hợp. Chính vì lý do ấy, trong quan niệm này Ngài mới nói rằng **“Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên v.v. vì Phi Bất Ly Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ”** (NoAtthipaccayā NaHetupaccayā – pe - NoAvigata paccayā Kamme dve). Vấn hỏi rằng “Và vì lý do nào Ngài mới không chủ tâm lấy Duyên ấy trong vị trí chính bản thân mình vậy ?” Trả lời là “Vì khi toàn bộ Duyên còn lại định đặt theo Phần Đối Nghịch thì thường chỉ có được duy nhất một Duyên thôi là ở Phần Thuận Tùng”. Quả thực, đây là thực tính trong Phần Nghịch – Thuận Duyên: “khi toàn bộ Duyên định đặt ở Phần Đối Nghịch, và Duyên nào được làm duyên duy nhất ở Phần Thuận Tùng thì dĩ hậu Ngài sẽ đề cập đến Duyên ấy”. Ngay cả trong lời nói rằng **“Vì Phi Hiện Hữu Duyên, vì Phi Nhân Duyên v.v. vì Phi Bất Ly Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ”** (No Atthipaccayā NaHetupaccayā – pe – NoAvigatapaccayā Upanissaye nava) cũng có Phần này tương tự. Và nghĩa từ này Ngài đã đề cập với mãnh lực Thường Cận Y Duyên. Trong mỗi thời kỳ “có được” và “không có được” mà Ngài đã đề cập đầu tiên và về sau, nên hiểu biết theo Phần này.

**Kết Thúc Giải Thích Phần Nghịch – Thuận Duyên Giai Đoạn Vấn Đề
Và Kết Thúc Nội Dung Tam Đề Thiện Phát Thú**



SÁCH DẪN

TỰ MẪU K

- Kataññūkatavedī:** Báo Đáp Ân Đức
Kaṭattārūpa: Sắc Tái Tục
Kabaḷiṅkārahāra: Đoàn Thực
Karuṇā: Bi Mẫn
Kalalarūpa: Sắc Chủng Tử
Kattukamyatāchanda: Tướng Tác Dục
Kammajarūpa: Sắc Nghiệp
Kammapaccaya: Nghiệp Lực Duyên
Kammapatha: Nghiệp Lực Đạo Lộ
Kammaṭṭhāna: Nghiệp Xứ
Kāmabhava: Dục Hữu, Dục Giới Hữu
Kāmāvacarakiriya: Duy Tác Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusala: Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarabhūmi: Dục Địa Giới, Cõi Dục Giới
Kāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới
Kāmāvacaravipākahetu: Nhân Dị Thực Quả Dục Địa Giới
Kāmesumicchācāra: Tính Dục Tà Hạnh
Kālavimutti: Ngoại Thời
Kālapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Thời
Kāya: Sắc Thân
Kāyapassaddhi: Thân Bình Tĩnh
Kāyaviññāṇa: Thân Thức
Kāyāyatana: Thân Xứ
Kāyikadukkha: Thân Thọ Khổ
Kāyikasukha: Thân Thọ Lạc
Kāyindrīya: Thân Quyền Lực
Kāraṇa: Nguyên Nhân



Kiriya: Duy Tác
Kiriyaṅkhandha: Uẩn Duy Tác
Kiriyaṅcitta: Tâm Duy Tác
Kiriyaṅjavana: Đồng Lực Duy Tác
Kiriyaṅjāti: Giống Duy Tác, Chủng Loại Duy Tác
Kiriyaṅñāṇasampayutta: Duy Tác Tương Ứng Trí
Kiriyaṅbyākatakhanda: Uẩn Vô Ký Duy Tác
Kiriyaṅbyākata: Vô Ký Duy Tác
Kiriyaṅmanodhātu: Ý Giới Duy Tác
Kiriyaṅhetu: Nhân Duy Tác
Kukkuc: Hối Hận, Yếm Ó, Yếm Phiền, Tâm Phiền
Kusalakhandha: Uẩn Thiện
Kusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện
Kusalajavanavithi: Lộ Trình Đồng Lực Thiện
Kusalajavana: Đồng Lực Thiện
Kusalajāti: Giống Thiện, Chủng Loại Thiện
Kusaladhamma: Thiện Pháp, Pháp Thiện
Kusalabyākata: Vô Ký Thiện
Kusalavipāka: Di Thực Quả Thiện
Kusalahetu: Nhân Thiện
Kusalajavana: Đồng Lực Thiện
Kusalañāṇasampayutta: Thiện Tương Ứng Trí
Kusalatika: Tam Đề Thiện
Kosajja: Giải Đãi, Lại Nọa
Koṭikappa: Mười Triệu Kiếp



TỰ MẪU G - KH – GH

Khandaka: Đoạn Văn
Geyya: Thi Tập
Gāthā: Thi Thư, Kệ Ngôn
Gandhāyatana: Khí Xứ
Gandhārammaṇa: Khí Cảnh, Cảnh Khí
Gaṇasamapatti: Ân Đức Phẩm Vị
Gaṇajāti: Chủng Đức
Gotrabhū: Chuyển Tộc
Gotrabhūkusala: Chuyển Tộc Thiện
Ghaṭanā: Hiệp Lực
Ghānaviññāṇa: Tỷ Thức
Ghānaviññāṇadhātu: Tỷ Thức Giới

Ghāna: Tỷ, Lỗ Mũi
Ghānāyatana: Tỷ Xứ
Ghānindriya: Tỷ Quyền

TỰ MÃU C

Catukkapaṭṭhāna: Bộ Tứ Phát Thú
Catutthajhāna: Tứ Thiền
Catumūlakanaya: Phần Tứ Căn Nguyên
Catuvokārabhava: Tứ Uẩn Hữu, Cõi Giới Tứ Uẩn
Cakkhvāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhundriya: Nhãn Quyền
Cakkhupasāda: Nhãn Thanh Triệt
Cakkhuvīññāṇa: Nhãn Thức
Cakkhuvīññāṇacitta: Tâm Nhãn Thức
Cakkhuvīññāṇadhātu: Nhãn Thức Giới
Cāga: Thí
Cāumahārājikā: Tứ Đại Thiên Vương
Cittacetāsika: Tâm – Tâm Sở
Cittajarūpa: Sắc Tâm
Cittasamuṭṭhānarūpa: Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ
Citta: Tâm
Cittekaggatā: Nhất Tâm
Cuticitta: Tâm Tử
Cūḷavedalla: Tiểu Phương Quảng
Cuddasakamūlakanaya: Phần Thập Tứ Căn Nguyên
Cetanā: Tư Tâm Sở
Cetanākamma: Tư Tâm Sở Nghiệp Lực
Cetanādhamma: Pháp Tư Tâm Sở
Cetanāhāra: Tư Thực
Cetasika: Tâm Sở
Cetasikadhamma: Pháp Tâm Sở
Cetopariyaññā: Tha Tâm Trí

TỰ MÃU CH – J

Chamūkanaya: Phần Lục Căn Nguyên
Chanda: Dục
Chandāhipati: Dục Trưởng



Janakapaccaya: Xuất Sinh Duyên
Javana: Đồng Lực
Jayamaṅgala: Hào Vận Khí Kiết Tường
Jātaka: Kinh Bốn Sinh, Túc Sinh Truyện
Jivhā: Thiệt, Lưỡi
Jivhāyatana: Thiệt Xứ
Jivhāviññāṇa: Thiệt Thức
Jivhāviññāṇadhātu: Thiệt Thức Giới
Jivhindriya: Thiệt Quyền

TỰ MẪU JH – Ñ

Jhānapaccaya: Thiền Na Duyên
Ñāṇavip̐payutta: Bất Tương Ứng Trí
Ñāṇasampayutta: Tương Ứng Trí
Ñeyyadhamma: Chánh Giáo Nghĩa Pháp

TỰ MẪU ṬH

Ṭikā: Phụ Chú Giải
Ṭhāna: Xứ, Vị Trí
Ṭhitarūpa: Sắc Trụ
Ṭhitikhaṇa: Sát Na Trụ



TỰ MẪU T – TH

Tatiyajhāna: Tam Thiền
Tadārammaṇacitta: Tâm Na Cảnh
Tadārammaṇa: Na Cảnh
Tattramajjhataṭṭhā: Trung Gian
Tikatikapatt̐hāna: Tam Đề Tam Đề Phát Thú
Tikapatt̐hāna: Tam Đề Phát Thú
Tika: Tam, Ba
Tipiṭaka: Tam Tạng
Timūlakanaya: Phần Tam Căn Nguyên
Tiratanānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo
Tihetukakāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới Tam Nhân
Tihetuka: Tam Nhân
Terasamūlakanaya: Phần Thập Tam Căn Nguyên
Tevīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên

Theragāthā: Trưởng Lão Tăng Kệ

Therīgāthā: Trưởng Lão Ni Kệ

Thīna: Hôn Trầm

TỰ MẪU D

Dānapāramī: Xả Thí Toàn Thiện, Xả Thí Ba La Mật

Dvādasamūlakanaya: Phần Thập Nhị Căn Nguyên

Dvāṅṣatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên

Dvipaṇcaviññāṇacitta: Tâm Ngũ Song Thức

Dasamūlakanaya: Phần Thập Căn Nguyên

Diṭṭhi: Kiến

Diṭṭhisāmaññatā: Kiến Giải Bình Hằng

Dibbacakkhu: Thiên Nhãn

Dibbasotadhātu: Thiên Nhĩ Giới

Dukkhavedanā: Khổ Thọ

Dukkham: Khổ Đau

Dukatikapatṭhāna: Nhị Đề Tam Đề Phát Thú

Dukapatṭhāna: Nhị Đề Phát Thú

Dukamātikā: Mẫu Đề Nhị

Dukamūlakanaya: Phần Nhị Căn Nguyên

DukamūlaEkaavasāna: Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết

Dutiyajhāna: Nhị Thiên

Duhetukavipāka: Dị Thực Quả Nhị Nhân

Desanā: Thuyết Giáo

Desanāvilāsa: Thuyết Giáo Hoàn Hảo

Domanassa: Ưu Thọ

Dosa: Sân Hận

TỰ MẪU DH

Dhammajāti: Pháp Chủng

Dhammānubhava: Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo

Dhammadāna: Pháp Thí

Dhammasaṅgaṇīpakaraṇa: Kinh Pháp Tụ

Dhammasaṅgāhakācāriya: Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng

Dhammasenāpati: Đức Pháp Vương, Pháp Tướng, Nghĩa Sư Chi Trưởng

Dhammapaṭṭisambhidā: Pháp Vô Ngại Giải

Dhammapaccanīya: Pháp Đối Nghịch

Dhammapada: Kinh Pháp Cú



Dhammavinaya: Pháp Luật
Dhammānuloma: Pháp Thuận Tòng
Dhammānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Pháp Thuận – Nghịch Phát Thú
Dhammārammaṇa: Cảnh Pháp
Dhūtaṅga: Tu Hành Đầu Đà, Khổ Hành Điều Tiết Dục

TỰ MẪU N

Navamūlakanaya: Phần Cửu Căn Nguyên
NaHetupaccaya: Phi Nhân Duyên
NaĀrammaṇadhamma: Pháp Phi Cảnh
Natthipaccaya: Vô Hữu Duyên
Nānākhaṇīkakkammappaccaya: Dị Thời Nghiệp Lực Duyên
Nānākhaṇīka: Sát Na Dị Biệt
Nāmarūpa: Danh Sắc
NāmaĀhāra: Danh Vật Thực
NāmaIndriya: Danh Quyền Lực
Nikāya: Tông Phái
Niddesa: Xiển Minh
Nippahannarūpa: Sắc Thành Sở Tác
Nibbāna: Níp Bàn
Niyatamicchādiṭṭhi: Chuẩn Xác Tà Kiến
Nirutti: Ngôn Ngữ
Niruttipaṭisambhidā: Từ Vô Ngại Giải
Nirodhakhaṇa: Sát Na Diệt
Nissayapaccaya: Y Chỉ Duyên
Nissayavāra: Giai Đoạn Y Chỉ
Nissaya: Y Chỉ
Nevasaññānāsaññāyatanaṅkiriyā: Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatanaṅkusala: Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatana: Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

TỰ MẪU P

Paribbājikā: Nữ Du Sĩ Ngoại Đạo
Parikamma: Chuẩn Bị
Parivāra: Tập Yếu
Puññakiriyāvatthu: Phúc Hành Tông
Puñña Kamma: Phước Báo Nghiệp Lực
Pubbenivāsānusatīṇāṇa: Túc Mạng Tùy Niệm Trí

Pañcakhandha: Ngũ Uẩn
Pañcapakaraṇaṭṭhakathā: Chú Giải Ngũ Bộ Kinh
Pakatūpanissayapaccaya: Thường Cận Y Duyên
Pakatūpanissaya: Thường Cận Y
Pakiṇṇakaghaṭanā: Linh Tinh Hiệp Lực
Paṭiccavāra: Giai Đoạn Liên Quan
Paṭicca: Liên Quan
Paṭighāta: Bài Xích Lực (Thanh Trừ)
Paṭipuggala: Đối Đẳng Nhân
Paṭibhāga: Đối Ứng
Paṭibhāṇapaṭisambhidā: Biện Vô Ngại Giải
Paṭisandhi: Tái Tục
Paṭisandhicitta: Tâm Tái Tục
Paṭisandhikāla: Thời Kỳ Tái Tục
Paṭisandhikhaṇa: Sát Na Tái Tục
Paṭisandhiviññāṇa: Thức Tái Tục
Paṭisandhivipāka: Dị Thực Quả Tái Tục
Paṭisedha: Phủ Định, Phủ Nhận
Paṭhamajhāna: Sơ Thiền
Pabhava: Khởi Nguyên, Hữu Nhân, Nguyên Thủy
Parikappapucchā: Quyết Tâm Thăm Vấn
Paricāgadāna: Hiến Cấp Thí
Paribhogakāma: Việc Thụ Hưởng Tính Dục
Pavattikāla: Thời Kỳ Chuyển Khởi
Paccanika: Đối Nghịch
Paccanīyapaṭṭhāna: Phần Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayavāra: Giai Đoạn Duyên Sinh
Paccayavibhaṅgavāra: Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ
Paccayasaṅgaha: Tổng Hợp Duyên
Paccaya: Duyên, Duyên Hệ
Paccayānuloma: Thuận Duyên
Paccayānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Phần Thuận – Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayuppanna: Sở Duyên
Paccayuppannadhamma: Pháp Sở Duyên
Paccavekkhaṇacitta: Tâm Phản Cung Tự Tỉnh
Pacchājātapaccaya: Hậu Sinh Duyên
Pacchājātavippayutta: Hậu Sinh Bất Tương Ứng
Pacchājātavippayuttapaccaya: Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên
Pacchājātattippaccaya: Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên
Pañcadvāra: Ngũ Môn

Pañcamūlakanaya: Phần Ngũ Căn Nguyên
Pañcaviññāṇa: Ngũ Thức
Pañcaviññāṇadhamma: Pháp Ngũ Thức
Pañcavokārabhava: Ngũ Uẩn Hữu, Cõi Giới Ngũ Uẩn
Paññā: Tuệ
Pañhāvāra: Giai Đoạn Vấn Đề
Paṭṭhāna: Phát Thú
Paṇḍita: Bậc Hiền Trí
Paṇṇarasamūlakanaya: Phần Thập Ngũ Căn Nguyên
Paṇṇattivāra: Giai Đoạn Định Danh
Payoga: Cần Miễn
Parivarata Atthakathā: Chú Giải Cải Biến
Pāṇātipāta: Sát Mạng
Pārāsita: Nhóm Người Ăn Bám
Pitughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Phụ Thân
Pisunāvācā: Ly Gián Ngữ
Pīti: Hỷ
Pītisomanassa: Hân Hoan Duyệt Ý
Pucchāvāra: Giai Đoạn Thăm Vấn
Purisindriya: Nam Quyền Lực
Purejātanissayapaccaya: Tiền Sinh Y DUYÊN
Purejātapaccaya: Tiền Sinh Duyên
Purejātavippayutta: Tiền Sinh Bất Tương Ứng



TỰ MẪU PH

Pharusavācā: Thơ Ác Ngữ
Phalacitta: Tâm Quả
Phalasamāpatti: Nhập Thiền Quả
Phassa: Tiếp Xúc
Phassāhāra: Xúc Thực
Phoṭṭhabba: Sở Xúc
Phoṭṭhabbāyatana: Xúc Xứ
Phoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Xúc

TỰ MẪU B – BH

Bija: Chủng Tử
Buddhavacana: Phật Ngôn
Buddhānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Đức Phật

Buddhasāsanā: Phật Giáo
Buddhamāma: Tín Đồ Phật Giáo
Byāpāda: Cừu Hận
Byañjana: Hình Thái
Brahmapārisajjā: Bộc Tòng Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên
Bāhiramahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiện Ngoại Phần
Bāhirarūpa: Sắc Ngoại Phần
Bhavasamapatti: Hữu Công Đức
Bhavaṅga: Hữu Phần
Bhavaṅgacitta: Tâm Hữu Phần
Bhāvanā: Tu Tập
Bhāvarūpa: Sắc Bản Tính
Bhogasamapatti: Tài Sản Công Đức
Bhojana: Ăn Thực, Thiện Thực, Phạn Thực

TỰ MẪU M

Maṅgalasutta: Kinh Kiết Tường
Manasikāra: Tác Ý
Manodvāra: Ý Môn
Manodhātu: Ý Giới
Manoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới
Manosañcetanāhāra: Ý Tư Thực
Maggavithi: Lộ Trình Đắc Đạo
Mahaggatakiriya: Duy Tác Đáo Đại
Mahaggatakusala: Thiện Đáo Đại
Mahāpaṭṭhānapakaraṇa: Đại Kinh Điển Phát Thú
Mahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiện
Mahāvedalla: Đại Phương Quảng
Maggapaccaya: Đồ Đạo Duyên
Macchariya: Lận Sắc
Mātikānikkhepavāra: Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề
Mātughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Mẫu Thân
Māna: Ngã Mạn
Micchattaniyatācitta: Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên
Micchākammanta: Tà Nghiệp
MicchāĀjīva: Tà Mạng
Micchādīṭṭhi: Tà Kiến
Micchāvācā: Tà Ngữ
Micchāvāyāma: Tà Tinh Tấn



Micchāsamādhī: Tà Định
Micchāsāṅkappa: Tà Tư Duy
Middha: Thụy Miên
Milakkha: Dã Nhân, Người Dã Man
Muditā: Tùy Hỷ
Musāvāda: Vọng Ngữ
Mūlarāka: Căn Nguyên
Mahā Moggallāna: Đại Trưởng Lão Mục Kiền Liên
Moghapañhā: Vô Hiệu Ván Đè
Mohamūlacitta: Tâm Căn Si
Moha: Si Mê

TỰ MẪU Y – R

Yathākammūpagañña: Tùy Nghiệp Thú Trí
Yamakapakaṇṇa: Kinh Song Đối
Yamakapāṭihāriya: Song Đối Thần Túc Thông
Yevāpanakacetāsika: Lánh Ngoại Tâm Sở, Tâm Sở Ngoài Ra
Yonisomanasikāra: Như Lý Tác ý, Tác Ý Khôn Khéo
Yogāvacara: Cần Phần Tu Hành Giả
Rasa: Vị
Rasāyatana: Vị Xứ
Rasārammaṇa: Cảnh Vị
Rāga: Tham Ái
Rūpa: Sắc, Sắc Pháp
Rūpakāya: Sắc Thân
Rūpajāti: Sắc Chủng, Giống Sắc
Rūpajīvitindriya: Sắc Mạng Quyền
Rūpabhava: Sắc Hữu, Cõi Sắc Giới
RūpaRūpa: Sắc Sắc
Rūpāindriya: Sắc Quyền Lực
Rūpāyatana: Sắc Xứ
Rūpābyākata: Vô Ký Sắc
Rūpārammaṇa: Cảnh Sắc
Rūpāvacara: Cõi Sắc Giới
Rūpāvacarakiriyā: Duy Tác Sắc Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusala: Thiện Sắc Giới, Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới, Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Sắc Giới, Nhân Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarabhūmi: Sắc Địa Giới, Cõi Sắc Giới

Rūpāvacaravipāka: Dị Thực Quả Sắc Địa Giới, Dị Thực Quả Sắc Giới

TỰ MẪU L

Lohiruppādakamma: Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai

Lokiyavipāka: Dị Thực Quả Hiệp Thế

Lokiyadhammadesanā: Thuyết Giáo Pháp Hiệp Thế

Lokuttarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế

Lokuttarakusalahetu: Nhân Thiện Siêu Thế

Lokuttarabhūmi: Siêu Thế Địa Giới

Lokuttaravipāka: Dị Thực Quả Siêu Thế

Lobhahetu: Nhân Tham

TỰ MẪU V

Vaṇṇanā: Giải Thích

Vatthu: Vật, Vật Chất, Vật Phẩm

Vatthukāma: Vật Dục

Vatthupurejātapaccaya: Vật Tiền Sinh Duyên

Vatthupurejāta: Vật Tiền Sinh

Vatthurūpa: Sắc Vật

Vācanāmagga: Bối Tụng Đạo Lộ

Vigatapaccaya: Ly Khứ Duyên

Vicāra: Tứ, Khảo Lự, Tư Sách, Thám Cứu, Thẩm Tra, Khảo Tra, Tư Khảo

Vicikicchā: Hoài Nghi

Viññāṇakhandha: Thức Uẩn

Viññāṇadhātu: Thức Giới

Viññāṇañcāyatanakusala: Thiện Thức Xứ

Viññāṇañcāyatana: Thức Xứ

Viññāṇāhāra: Thức Thực

Vinicchaya: Thâm Định

Vitakka: Tâm, Tư Lự, Tư Duy

Vithicitta: Lộ Trình Tâm

Vippattisāra: Thương Tâm Hối Hận

Vipāka: Dị Thực Quả

Vipākakhandha: Uẩn Dị Thực Quả

Vipākacitta: Tâm Dị Thực Quả

Vipākajāti: Giống Dị Thực Quả, Dị Thực Quả Chung

Vipākañāṇasampayutta: Dị Thực Quả Tương Ứng Trí

Vipākapaccaya: Dị Thực Quả Duyên



Vipākamanodhātu: Ý Giới Dị Thục Quả
Vipākamūlakanaya: Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên
Vipākābyākata: Vô Ký Dị Thục Quả
Vipassanā: Minh Sát
Vipassanti: Tư Khảo Kiến Giải
Vipassanājavanavithī: Lộ Trình Đồng Lực Minh Sát
Vimaṃsā: Thăm
Vimaṃsādhipati: Thăm Trưởng
Vimokkha: Giải Thoát
Viraticetasika: Tâm Sở Kiềm Ché, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần
Viriya: Cần
Viriyādhipati: Cần Trưởng
Virodhipaccaya: Đối Nghịch Duyên
Vigatimūlakanaya: Phần Ly Khứ Căn Nguyên
Vissajjanā: Đáp Vấn, Lời Giải Đáp
Vuṭṭhāna: Sinh Xuất
Vedanākhandha: Thọ Uẩn
Vedalla: Phương Quảng
Veneyyasatta: Hữu Tình Khả Huấn Luyện
Veyyākaraṇa: Giải Thuyết
Voṭṭhabbanakiriyā: Duy Tác Đoán Định
Voṭṭhabbana: Đoán Định
Vodāna: Dữ Tịnh
Vorakāsa: Cơ Duyên Tuyệt Hảo



TỰ MẪU S

Sakkapañhāsutta: Đế Thích Sở Vấn Kinh
Saccadhamma: Pháp Chân Đế
Saraddhā: Tín, Đức Tin
Sabbaññuta Ñāṇa: Toàn Giác Trí
Sīla: Giới Luật
Sīlasāmaññatā: Giới Luật Bình Hạng
Sīlānubhava: Uy Lực Tối Thượng Giới Luật
Sīlasampatti: Phẩm Chất Giới Luật
Samādānaniccasīla: Thường Xuyên Tuân Thủ Giới Luật
Samādānavirati: Phát Nguyện Kiềm Ché
Sampattavirati: Phòng Chỉ Kiềm Ché
Samucchedavirati: Sát Tuyệt Kiềm Ché
Sakadāgāmīphala: Nhất Lai Quả (Tư Đà Hàm Quả)

Sati: Niệm, Tri Giác, Lý Trí, Lý Tính
Sati Paññā: Niệm Tuệ, Tài Trí
Samanantarapaccaya: Đẳng Vô Gián Duyên
Samantapaṭṭhāna: Hoàn Bao Phát Thù
Samādhi: An Chỉ, Thiền Định
Samāpatti: Nhập Định, Nhập Thiền
Samuṭṭhāna: Xuất Sinh Xứ
Savipākaghaṭanā: Hữu Dị Thực Quả Hiệp Lực
Sahajātakammapaccaya: Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên
Sahajātaghaṭanā: Câu Sinh Hiệp Lực
Sahajātapaccaya: Câu Sinh Duyên
Sahajātavāra: Giai Đoạn Câu Sinh
Sahajātavippayutta: Câu Sinh Bất Tương Ứng
Sahajātavippayuttapaccaya: Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên
Sahajāta: Câu Sinh
Sahajātatthipaccaya: Câu Sinh Hiện Hữu Duyên
Sahajātādhipati: Câu Sinh Trưởng
Sahajātādhipatipaccaya: Câu Sinh Trưởng Duyên
Sahetukakāmāvacaravipāka: Dị Thực Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân
Sahetukakusalavipākapaṭisandhicitta: Tâm Tái Tục Dị Thực Quả Thiện Hữu Nhân
Sahetukacitta: Tâm Hữu Nhân
Saṅghānubhava: Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo
Saṅkhāradhamma: Pháp Hữu Vi (Pháp Hành)
Saṅkhārakhandha: Hành Uẩn
Saṅghanaya: Phần Tổng Hợp
Saṅgītikāla: Thời Kỳ Kiết Tập
Saṅgāyanā: Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng
Saṅghabhedakamma: Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn
Samasatṭhavāra: Giai Đoạn Hối Hòa
Saññākhandha: Tưởng Uẩn
Sattamūlakanaya: Phần Thất Căn Nguyên
Sattarasakamūlakanaya: Phần Thập Thất Căn Nguyên
Saddayuga: Đồng Âm Thanh
Saddāyatana: Thính Xứ
Saddārammaṇa: Cảnh Thính
Saddhā: Tín, Đức Tin
Santati: Thừa Kế
Santīraṇakicca: Thẩm Sát Sự Vụ
Sappaṭighātadhamma: Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (Pháp Có Việc Thanh Trừ)
Sabbamūlakanaya: Phần Tổng Căn Nguyên

Sampayuttapaccaya: Tương Ưng Duyên
Sampayuttavāra: Giai Đoạn Tương Ưng
Sampayoga: Phối Hợp
Samphappalāpa: Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Nói Lời Vô Ích
Sambhava: Khởi Sinh
Sammākammanta: Chánh Nghiệp
Sammājīva: Chánh Mạng
Sammādiṭṭhi: Chánh Kiến
Sammādiṭṭhisutta: Kinh Chánh Kiến
Sammāvācā: Chánh Ngữ
Sammāvāyāma: Chánh Tinh Tấn
SammāĀjīva: Chánh Mạng
Samṣaṭṭhadhamma: Hỗn Hòa Pháp
Sārammaṇadhamma: Hữu Cảnh Pháp
Sāsanadhamma: Giáo Dục Phật Pháp
Sāsanapuggala: Giáo Dục Nhân Tính
Sāsanasathāna: Giáo Dục Sở Tại
Sāsanavidhī: Giáo Dục Lễ Nghi
Sukhavedanā: Lạc Thọ
Sutamayapaññā: Tuệ Văn Như Nguyên Dĩ Thường, Tuệ Văn
Suta: Văn
Suttanipāta: Kinh Tập
Suttānuloma: Kinh Tạng Phụ Thuộc
Sekkhadhamma: Pháp Hữu Học
Senāsana: Trú Xứ
Sotāpanna: Bậc Thất Lai (Bậc Tu Đà Hườn)
Sotāpattiphala: Thất Lai Quả (Quả tu Đà Hườn)
Sotaviññāṇa: Nhĩ Thức
Sotaviññāṇacitta: Tâm Nhĩ Thức
Sota: Nhĩ, Lỗ Tai
Sotāyatana: Nhĩ Xứ
Sotindriya: Nhĩ Quyền
Somanassa: Hỷ Thọ
Somanassañāṇa: Hoan Hỷ Trí
Soḷasamūlakanaya: Phần Thập Lục Căn Nguyên



TỰ MẪU H

Hadayavatthu: Sắc Tâm Cơ, Sắc Ý Vật
Hasituppādakiriyā: Duy Tác Tiểu Sinh

Hiri: Tàm

Hetāvigataduka: Nhị Đề Nhân – Bất Ly

Hetuphala: Nhân Quả Liên Quan

Hetupaccaya: Nhân Duyên

Hetupaccayaanulomanaya: Nhân Duyên Phần Thuận Tùng

HetuSampayuttaduka: Nhị Đề Nhân – Tương Ứng

HetuĀrammaṇaAdhipatitika: Tam Đề Nhân – Cảnh – Trưởng

TỰ MẪU A

Akusala: Bất Thiện

Akusalakhandha: Uẩn Bất Thiện

Akusalacetanā: Tư Tâm Sở Bất Thiện

Akusalajavana: Đồng Lực Bất Thiện

Akusalajāti: Giống Bất Thiện, Bất Thiện Chung

Akusaladhamma: Pháp Bất Thiện

Akusalamūlakanaya: Phần Bất Thiện Căn Nguyên

Akusalavipāka: Dị Thục Quả Bất Thiện

Akusalahetu: Nhân Bất Thiện

Akusalapada: Câu Bất Thiện

Acchariya Abbhūtaadhamma: Vị Tăng Hữu Thần Kỳ

Āṅgajhāna: Chi Thiền Na

Āṅgamagga: Chi Đồ Đạo (12)

Ajanakapaccaya: Bất Xuất Sinh Duyên

Aññoññapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Dạng

Attanomati: Tư Kiến, Cá Nhân Kiến Giải

Atthakathā: Chú Giải

Atthayuga: Đồng Nghĩa Lý

Adinnādāna: Thâu Đạo

Adosa: Vô Sân

Adhipatipaccaya: Trưởng Duyên

Adhimokkha: Thắng Giải

Adhivacana: Từ Ngữ

Anattā: Vô Ngã

Anantarapaccaya: Vô Gián Duyên

Anantariyakamma: Vô Gián Nghiệp Lực

Anantarūpanissayapaccaya: Vô Gián Cận Y Duyên

Anāgataṇsaññā: Vị Lai Tiên Giác Trí

Anāgāmīphala: Bất Lai Quả (A Na Hàm Quả)

Aniccaṃ: Vô Thường

Aniyatadhamma: Bất Định Pháp



Anuṭṭikā: Tiểu Phụ Chú Giải
Anuloma: Thuận Tòng
Anulomakusala: Thiện Thuận Tòng
Anulomagāṇā: Phần Thuận Tòng
Anulomapaccanīyapaṭṭhāna: Thuận – Nghịch Phát Thù
Anulomapaṭṭhāna: Thuận Tòng Phát Thù
Anuññāta: Sự Phê Chuẩn
Anottappa: Vô Quý
Apariyāpanna: Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới
Abbhokāsikavatthu: Tu Hành Không Khoáng Xứ
Abbhūtaḍḍhamma: Vị Tăng Hữu Pháp
Abhiṭṭhā: Ý Tham Ác
Abhiññā: Thắng Trí
Abhiññākusala: Thiện Thắng Trí
Abhidhammamātikā: Các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp
Amohaḥetu: Nhân Vô Si
Amoha: Vô Si
Arahattamagga: Đạo Vô Sinh
Arahantaghātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Bạc Vô Sinh
Ahirika: Vô Tàm
Arūpakhandha: Vô Sắc Uẩn
Arūpajīvitindriya: Vô Sắc Mạng Quyền
Arūpadhamma: Vô Sắc Pháp
Arūpabhava: Vô Sắc Hữu
Arūpabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpavipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūpāindriya: Vô Sắc Quyền Lực
Arūpāvacara: Cõi Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakiriyā: Duy Tác Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusala: Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusalāhetu: Nhân Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Alobhaḥetu: Nhân Vô Tham
Alobha: Vô Tham
Avigatapaccaya: Bất Ly Duyên
Avipākaghaṭṭanā: Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực
Asaññabhava: Vô Tưởng Địa Giới
Asaññasattabrahma: Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng
Asaññasatta: Vô Tưởng Hữu Tình



Asaṅkhatadhātu: Vô Vi Giới (Nibbāna)_
Ahetukacitta: Tâm Vô Nhân
Ahetukacittuppāda: Tâm Khởi Sinh Vô Nhân
Ahetukapañcaviññāṇa: Ngũ Thức Vô Nhân
Ahetukamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Vô Nhân
Ahetukamoha: Si Vô Nhân
Ahetukavipāka: Dị Thục Quả Vô Nhân
Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân
Aññamaññapaccaya: Hổ Tương Duyên
Aññamañña: Hổ Tương
Aṭṭhamūlakanaya: Phần Bát Căn Nguyên
Aṭṭhārasamūlakanaya: Phần Thập Bát Căn Nguyên
Atthapaṭisambhidā: Nghĩa Vô Ngại Giải
Atthidhamma: Hiện Hữu Pháp
Atthipaccaya: Hiện Hữu Duyên
Abyākatadhamma: Pháp Vô Ký
Abyākatapada: Câu Vô Ký
Abyākatavipāka: Vô Ký Dị Thục Quả
Abyākata: Vô Ký
Abyākatādhīpati: Vô Ký Trưởng
Ākāsañāṇcāyatanakusala: Thiện Không Vô Biên Xứ
Ākāsañāṇcāyatana: Không Vô Biên Xứ
Ākiñcaññāyatana: Vô Sở Hữu Xứ
Āgatasathāna: Xứ Cảnh Vị Lai
Ācariyavāda: Giáo Thọ Kiến Giải
Āmisadāna: Tài Thí
Āmisapūjā: Dụng Vật Phẩm Tế Lễ
Āpodhātu: Thủy Giới
Āyatana: Xứ, Cảm Giác Khí Quan, Cảm Giác Đối Tượng
Ārammaṇapaccaya: Cảnh Duyên
Ārammaṇapurejātapaccaya: Cảnh Tiền Sinh Duyên
Ārammaṇapurejāta: Cảnh Tiền Sinh
Ārammaṇādhīpati: Cảnh Trưởng
Ārammaṇādhīpatipaccaya: Cảnh Trưởng Duyên
Ārammaṇādhīpatiduka: Nhị Đề Cảnh Trưởng
Ārammaṇūpanissayapaccaya: Cảnh Cận Y Duyên
Ārammaṇūpanissaya: Cảnh Cận Y
Āvajjanacitta: Tâm Khai Môn
Āvajjanamanodhātu: Ý Giới Khai Môn
Āvajjana: Khai Môn



Āsevanapaccaya: Trùng Dục Duyên
Āhāra: Vật Thực, Thực Phẩm
Āhārajarūpa: Sắc Vật Thực
Āhārapaccaya: Vật Thực Duyên
Āhārasamuṭṭhānarūpa: Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhāratthipaccaya: Vật Thực Hiện Hữu Duyên
Itivuttaka: Như Thị Ngữ Kinh
Itthindriya: Nữ Quyền Lực
Iddhividhañña: Thần Túc Trí
Indriyapaccaya: Quyền Lực Duyên
Indriyarūpa: Sắc Quyền Lực
Isisattamo: Đệ Thất Ân Tu Giả
Issā: Tật Đố, Đố Kỵ, Ngật Thố
Utu: Quý Tiết
Utusamuṭṭhānarūpa: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Udāna: Tự Thuyết Kinh
Uddhacca: Trạo Cử, Hồ Tư Loạn Tưởng
Uddesavāra: Giai Đoạn Xiển Thuật
Ubhatovibhaṅga: Nhất Đối Phân Tích
Upekkhā: Xả, Bất Thiên Tâm, Bất Thiên Bất Ý
Upekkhāvedanā: Xả Thọ
Uposathakamma: Thọ Trì Bát Quan Trai Giới
Upacaya: Tích Trữ
Upatham bhaka: Lòng Bảo Trợ
Upatham bhapaccaya: Bảo Trợ Duyên
Upanissayapaccaya: Cận Y Duyên
Uppattibhava: Sinh Hữu
Uppādakhaṇa: Sát Na Khởi Sinh
Upādārūpa: Sắc Y Sinh
Upāyāsa: Nỗ Hại
Ekavatthuka: Đồng Trú Căn
Ekārammaṇa: Đồng Cảnh
Ekuppāda: Đồng Sinh
Ekanirodha: Đồng Diệt
Ekaaggasāsanūpathambhaka: Bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo
Ekakhaṇīkammappaccaya: Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên
Ekamūlakanaya: Phần Nhất Căn Nguyên
EkamūlaEkaavasāna: Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ekavīsati mūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên
Ekādasakamūlakanaya: Phần Thập Nhất Căn Nguyên



Ekūnavīsatiṃṣaṇṇakāya: Phần Thập Cửu Căn Nguyên

Okkantikkhaṇa: Sát Na Tái Tục

Okāsa: Môn Hộ

Ottappa: Quý, Ủy Tội, Nội Cửu, Quý Cửu

Olārikāyatana: Sắc Thô Thiên Xứ

-----00000-----
LỜI PHỤC NGUYỆN BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ (SANTAKICCO MAHĀ THERA)** đã hình thành sắc bén và đã dịch thuật toàn bộ Tạng **Abhidhamma** từ Chánh Tạng **Pāli** sang Việt Ngữ; tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ**.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu thuộc Kỳ Hạ, và vun bồi **Tam Thập Pháp Toàn Thiện (Tam Thập Pháp Ba La Mật)** với hạnh Trí Tuệ, thành tựu **Toàn Giác Trí (SABBAÑÑUTA ÑĀṆA)** xuyên suốt cho đến ngày Kỳ Hạ chứng đắc được Quả Vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Chú Giải Phát Thú (**PAṬṬHĀNA**) Phần I (**BHĀGA I**) Quyển thứ 85 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Đại Ân Sư của con, là Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ (SANTAKICCO MAHĀ THERA)** và Ngài Đại Trưởng Lão **SIÊU VIỆT (ULĀRO MAHĀ THERA)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Chú Giải Phát Thú (**PAṬṬHĀNA**) Phần I (**BHĀGA I**) Quyển thứ 85 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (là Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý); và cũng xin cho đến Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến Cô Diệu Pháp (thê danh là Vũ Thị Phương – Annapolis, Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến Cô Tư Tu Nữ Tịnh Nhẫn **KHANTIMĀ** (Lê Thị Phương Thảo) và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công, và phát hành Bộ Chú Giải Phát Thú (**PAṬṬHĀNA**) Phần I (**BHĀGA I**) Quyển thứ 85 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Ngưỡng mong **Ân Đức Pháp Bảo** với Tam Tạng Chánh Pháp luôn mãi được tồn tại lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện.

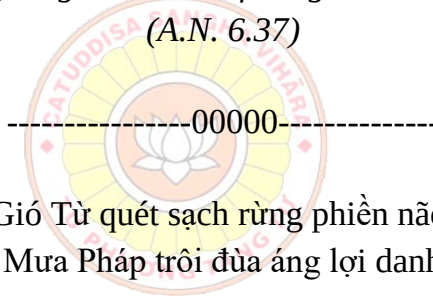
Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā

Với tất cả tấm lòng từ ái
(**Mettāparamatthapāramī**)
Hết lòng cần kính,
Bhikkhu Pasādo
(**Nguyễn Hoàn Thành Hạnh Nguyễn Chánh Đăng Giác**)
Sādhū, Sādhū, Sādhū

-----00000-----

Bồ Thí, Pháp Thí vô song,
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường,
Kiên trì chân chính, con đường phúc vinh.

*In the world, there are three things of value for one who gives ...
Before giving, the mind of the giver is happy,
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
(A.N. 6.37)*



-----00000-----
Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh

-----00000-----

SABBADĀNAM DHAMMĀNAM JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THÍ

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
Không người công kích, Đạo Quả khó thành

-----00000-----

**“Trắc ẩn chi Tâm,
Nhân chi đoan dã,
Tu ố chi Tâm,
Nghĩa chi đoan dã.”**
“Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc con người,
Có biết xấu hổ là nguồn gốc nghĩa khí !”

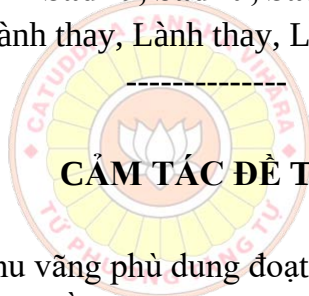
-----00000-----

**“Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành.
Kiến công huân tảo hồi trình,
Tốc tiến am tu chân thân,
Nhất nhật phi thăng,
Tiên ban liệt danh.”**

“Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh.”

-----00000-----

Sādhu, Sādhu, Sādhu.
Lành thay, Lành thay, Lành thay.



CẤM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dục quyện,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đảo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lãng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.
Long xà đảo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cái di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phạm trục hướng cửu thiên thời !

-----00000-----

CHÚ Ý:

Xin sửa chữa một số điểm sai sót trong Chánh Tạng PHẬT THÚ, Quyển 40:

1. Trang 115 [104]:

Phi Trưởng Duyên..Phi Tiền Sinh Duyên.. Phi Hậu Sinh Duyên..Phi Trùng Dục Duyên...Phi
Dị Thực Quả Duyên..Phi Bất Tương Ứng Duyên với Phi Nhân Duyên có 2 thời kỳ.

2. Trang 117 [107]:

Phi Tương Ứng Duyên với Phi Cảnh Duyên có 5 thời kỳ.

Phi Vô Hữu Duyên với Phi Cảnh Duyên có 5 thời kỳ.

Phi Ly Khứ Duyên với Phi Cảnh Duyên có 5 thời kỳ.

3. Trang 122 [121] :

Phi Ly Khứ Duyên với Phi Dị Thực Quả Duyên có 5 thời kỳ.

4. Trang 123 [122]:

Phi Vật Thực Duyên với Phi Dị Thực Quả Duyên có 5 thời kỳ.

5. Trang 124 [127]:

Phi Vật Thực Duyên với Phi Bất Tương Ứng Duyên có 1 thời kỳ.

6. Trang 130, 138, 139, 144 [144], [166], [169], [184]:

Phi Trưởng Duyên với có 9 thời kỳ.

7. Trang 141 [176]:

Phi Vô Gian Duyên..Phi Đẳng Vô Gian Duyên với Bất Tương Ứng Duyên có 5 thời kỳ.

8. Trang 199:

Dưới hàng **Phi Hậu Sinh Duyên** với ...xin bổ túc thêm:

Phi Trùng Dục Duyên với **Phi Bất Tương Ứng Duyên** và **Phi Nhân Duyên** có 2 thời kỳ.

9. Trang 216 [318]:

Dưới hàng **Dị Thực Quả Duyên** với...xin bổ túc thêm:

Vật Thực Duyên với **Phi Tiền Sinh Duyên** có 7 thời kỳ.

10. Trang 218, 219, 222 [319], [320], [322]:

Vô Hữu Duyên với ...Ly Khứ Duyên với ...có 7 thời kỳ.

11. Trang 227:

Trùng Dục Duyên ... và Đồ Đạo Duyên ... có 1 thời kỳ.

12. Trang 240: Phần Cứu Căn Nguyên

Xin sửa “Phi Nghiệp Lực Duyên thứ hai” là “Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thực Quả Duyên
và **Phi Đồ Đạo Duyên** có 1 thời kỳ”.

13. Trang 304, hàng thứ 2 xin sửa lại: “Pháp Thực Tính Vô Ký...”

**Biên Tập Viên thành thật xin cáo lỗi về những điểm sai sót.
Xin các Bậc Học Giả niệm tình tha thứ.**

-----0000000-----



CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD. BEALETON, VA. 22712

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẨM TỔNG KINH SÁCH

Tu Nữ Tịnh Duyên	\$22.00
Tu Nữ Phước An Thanh.....	\$50.00
Tu Nữ Minh Giới.....	\$50.00
Tu Nữ An Như.....	\$218.00
Tu Nữ Tịnh Hỷ.....	\$500.00
Tu Nữ Tịnh Nhẫn Khantimā (Lê Thị Phương Thảo).....	\$700.00
<i>(Xin Hối Hướng cho Cô Chú Bác, Lê Xuyên, Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Xứ, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như, Lê Dứt, và Chia Quả Phước Báu Em Thomas V Le, Võ Nhật Viên, Các Cháu J. Le, Peter Le)</i>	
Cô Nhị Tường.....	\$216.00
Gđ. Kim Ngọc Trần (Thiện Kim), Casey Hằng Nguyễn (Diệu Mỹ), các Con Kayla Hồng Vy Trần, Kaylin Ngọc Vy Trần, Bà Ngô Khanh.....	\$200.00
DDS. Linh T. Trần.....	\$200.00
Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Đức Nguyễn.....	\$1,400.00
Chị Lý Kim Huệ	\$10,000.00
<i>(Hối Hướng Phước Báu Cho Ông Nội Lý Hữu, Bà Nội La Nga, Ông Ngoại Trương Văn Báu, Bà Ngoại Chung Thị Khém, Ba Lý Trân và Mẹ Trương Thị Mùi)</i>	
Cô Tuyết Cao (P.D.Đồng Thanh).....	\$500.00
Cô Ngọc Thanh.....	\$180.00
Cô Nguyễn Thị Thu Thảo.....	\$50.00
Cô Khuê T. Vũ.....	\$50.00
Cô Lạc Mẫn (Mai Võ).....	\$400.00
Bà Trần Thị Bằng (Diệu Đạt).....	\$400.00
Gđ. Thùy Oanh & Dương Thái Bình.....	\$200.00
Gđ. Hoàng Chương & Tường Vân.....	\$100.00
Gđ. Trịnh Thái Hằng, Trịnh Đức Minh, Trịnh Đức Huy, Nguyễn Tăng Bích Hạnh.....	\$400.00

Cô Bình Ngọc (Hương Bửu Brewster)	\$300.00
Gđ. Chị Linh & Andy Từ	\$250.00
Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga	\$500.00
<i>(Xin Hối Hưởng Cho Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Cha Mẹ Lê Huyền, Phạm Thị Mìn, Phạm Hữu Hương, Nguyễn Thị Long)</i>	
Gđ. Phạm Hữu Đạt & Lê Ái Cơ	\$100.00
<i>(Xin Hối Hưởng Cho Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang, Chia Quả Phước Báu các Con Thomas Phạm, Hữu Thiện Phạm)</i>	
Gđ. Thạch Xuân & Lê Thị Phụng, con Tâm Thạch & Trí Thạch	\$1,320.00
Cô Ruth Nga Nguyễn (Minh Tâm)	\$300.00
Cô Lê Thị Kim Loan	\$100.00
Cô Lê Thị Kìn Dung	\$200.00
Cô Sáu Canni Thạch	\$250.00
Gđ. Lê Văn Hương (Nhuận Thiện), Trần Thị Lộc và các con	
Lê Thị Minh Trang, Lê Minh Nghiêm	\$800.00
Cô Nguyễn Thị Thu Hồng	\$60.00
Lê Thị Minh Trang	\$40.00
Cô Kim Thạch Phạm	\$1,000.00
Gđ. Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền	\$3,000.00
<i>(Hối Hưởng Cho Bà Ngô Thị Kim Xuân, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh)</i>	
Gđ. Huỳnh Văn Tây (Minh Phương)&Huỳnh Lan (Diệu Tuyết)	\$400.00
<i>(Hối Hưởng Cho Cha Trần Văn Dậu, Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Bà Đình Thị Kiềm, Dương Thị Hên, Trần Thị Hai, và Cha Huỳnh Ngọc Đảnh)</i>	
Cụ Lưu Hoa	\$30.00
Vivian Huỳnh	\$20.00
Cô Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội	\$200.00
<i>(Xin Hối Hưởng Cha Mẹ Lý Chiêu Phong và Lâm Đông Phi, xin Chia Quả Phước Báu các Con và Cháu)</i>	
Cô Cinta, Cô Mai, Cô Lan, Cô Sáu, Cô Vân & Anh Tình	\$1,000.00
Gđ. Cô Lệ Hoa (Lương Thu Hồng, Lê Thương (Lệ Tâm), Crystal Le (Tâm Hiếu Duyên), và Holly Kiều Lê (Tâm Hiếu Nguyệt)	\$1,350.00
Bác Huệ Tâm	\$100.00
Bác Diệu Huy	\$50.00
Bác Thanh Ngọc	\$50.00
Cô Nguyễn Thị Thu Hằng	\$200.00
Cô Huỳnh Ngọc Đính (Dayā), các con Nguyễn Đan Châu, Nguyễn Đông Phương	\$450.00
Ông Thiện Chơn	\$50.00
Cô Huỳnh Ngọc Mai	\$50.00
Cô Huỳnh Ngọc Lan và con Sujatā Nguyễn Hồng Ân	\$600.00

Cô Phương T. Trần & Michael Harding	\$400.00
<i>(Hồi Hương Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh; và xin chia Quả Phước Báu đến Mẹ Trần Thị Sum)</i>	
Gđ. Tôn Thất Ban & Nguyễn Thị Mận.....	\$500.00
Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) & Quang Phạm.....	\$1,000.00
Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác).....	\$5,000.00
<i>(Hồi Hương Cho Cha Mẹ Phạm Bá Giáp, Nguyễn Thị Hón, Nguyễn Thị Rót, Trương Ấn, Trần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên)</i>	
Gđ. Bác Sĩ Hoàng Đình Hiễn (Tuệ Hiểu) & Cô Thanh Tịnh	€150.00
Lý Tùng Phương (Tịnh Phước)	€400.00
Đỗ Lê Vân	€250.00

Sādhu! Sādhu! Sādhu!
Lành Thay! Lành Thay! Lành Thay!





Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

- 1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- 2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- 3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- 4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP –
 - ❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
 - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
 - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
 - ❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
 - ❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
 - ❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)
- 5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- 6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
- 7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- 10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
- 11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
- 12) AN TỊNH THỦ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
- 13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
- 14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
- 15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
- 16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
- 17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
- 18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
- 19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
- 20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
- 21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KATHINA (100 QUYỂN)
- 22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
- 23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
- 24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN “NĂM PHÚT” (100 QUYỂN)
- 25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
- 26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỒ PHẨM (100 QUYỂN).

- 27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
- 28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)
- 29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
- 30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
- 31) BỘ PHÁT THỨ – CHÁNH TẠNG (QUYỂN THỨ 40)(100 QUYỂN)
- 32) CHÚ GIẢI PHÁT THỨ – CHÁNH TẠNG (PHẦN I- QUYỂN I)(50 QUYỂN)
- 33) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUṆḌALĀ (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMĀDHĪKAMMATTHĀNA & VIPASSANĀKAMMATTHĀNA (100 QUYỂN)
- ❖ BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH IV (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- ❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP (**Abhidhamma Piṭaka**)
 - 1) PHÁP TỰ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
 - 2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- ❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
- ❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)
- ❖ BẢO TẠNG TRÍ TUỆ PHẬT GIÁO (100 QUYỂN)
- ❖ PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ ĐẠO HÀNH LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)

